

LỜI GIỚI THIỆU

Nguyễn Huệ là một thiên tài quân sự, một anh hùng của dân tộc.

Khởi nghĩa Tây Sơn là một cuộc chiến tranh nông dân chống chế độ đương tri hà khắc của phong kiến Trịnh - Nguyễn, đồng thời cũng là cuộc chiến tranh giải phóng để bảo vệ nền độc lập của dân tộc ta, bảo vệ sự thống nhất của đất nước ta.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã góp một phần lớn lao vào lịch sử võ công của dân tộc ta, và đã đóng góp nhiều kinh nghiệm phong phú vào lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, làm giàu thêm cho kho tàng lý luận đấu tranh vũ trang của nhân dân ta.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn mà linh hồn là vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ là biểu hiện cụ thể của tinh thần anh hùng quật cường bất khuất, tài thao lược trí dũng của dân tộc ta. Cuốn sách này đã nói lên được điều đó đồng thời cũng đã giới thiệu được những kinh nghiệm đấu tranh vũ trang quý báu của dân tộc ta để cho chúng ta học tập và vận dụng một cách thắng lợi vào công cuộc đấu tranh đánh bại đế quốc Mỹ và bọn tay sai hiện nay.

Đúng như cái tên của nó, cuốn sách đi sâu vào việc trình bày và phân tích những vấn đề quân sự của nghĩa quân Tây Sơn và của Nguyễn Huệ. Cuốn sách đã trình bày được tương đối tỉ mỉ diễn biến của cuộc chiến tranh và của từng trận đánh. Tài liệu được sưu tầm tương đối đầy đủ, giúp cho người đọc hiểu được rõ ràng hơn, có căn cứ hơn về tình hình quân sự thời đó.

Điều đáng chú ý là người viết không những chỉ trình bày diễn biến, mà còn tôn

lên một bước nữa phân tích được những sự việc đã xảy ra. Do phân tích tỉ mỉ và nắm được mặt quân sự người viết đã nêu ra được một số nguyên tắc về quân sự, qua đó người xem nhận thức được rõ và sâu hơn về các vấn đề chiến lược, chiến thuật của nghĩa quân Tây Sơn và tài chỉ huy bản lĩnh quân sự cao cường của Nguyễn Huệ.

Muốn tìm hiểu nghệ thuật quân sự của nghĩa quân Tây Sơn và thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, cần căn cứ vào điều kiện xã hội của nước Việt Nam lúc bấy giờ, tính chất của hoạt động quân sự của thời đại đó, và tình hình lực lượng so sánh giữa các tập đoàn quân sự đối lập hồi đó.

Do điều kiện chính trị thời bấy giờ, xã hội Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam Bắc do hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn thống trị và đấu tranh liên tục với nhau.

Do đó mà tình hình kinh tế rất khó khăn, bị ngừng trệ, xã hội không phát triển, nhân dân bị áp bức bóc lột nặng nề, đời sống vô cùng cực khổ. Đó là điều kiện xã hội, điều kiện khách quan của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

Nghĩa quân là những người nông dân bị áp bức vươn mình nổi dậy với khí thế bừng bừng của một tinh thần quyết tử chiến đấu để giải phóng cho mình.

Đội quân đó đã được sự tham gia và ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân khác.

Đó là những cơ sở tạo nên sức mạnh của nghĩa quân.

Về phía quân thù thì lực lượng thống trị bị chia rẽ và có nhiều mâu thuẫn, xung đột với nhau.

Nội bộ của từng tập đoàn phong kiến thống trị cũng luôn luôn lục đục, tranh giành quyền lợi, địa vị, vơ vét bóc lột nhân dân; các mặt chính trị, quân sự,

kinh tế không được xây dựng, củng cố.

Nhân dân và quân lính đều chán ghét và căm thù chúng.

Đó là cái yếu cơ bản của bọn thống trị.

Trên đây là những điều kiện khách quan cho việc đề ra đường lối chính trị và quân sự của nghĩa quân.

Về chủ quan, bộ chỉ huy nghĩa quân đã biết căn cứ vào điều kiện thực tế đó giữa địch và ta mà đề ra được đường lối chính trị và quân sự đúng đắn và biết chỉ đạo thực hiện một cách khéo léo và đã thành công.

Nguyễn Huệ, người lãnh tụ xuất sắc của nghĩa quân, đã biết lợi dụng và phát huy những chỗ mạnh của mình và lợi dụng chỗ yếu của địch để lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng và chỉ huy các trận đánh một cách tài giỏi.

Trong lịch sử chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, tùy điều kiện lịch sử có thể khác nhau mà mỗi cuộc chiến tranh đều có những điểm chung giống nhau và cũng có những điểm riêng khác nhau.

Những điểm chung giống nhau là chính nghĩa thắng phi nghĩa, yếu thắng mạnh, ít thắng nhiều và dựa vào sức mạnh đoàn kết của toàn dân, v.v.

Còn những điểm khác nhau thì thường là về phương pháp tiến hành chiến tranh. Lý Thường Kiệt lấy tiến công trước, đánh phủ đầu để phá tan âm mưu xâm lược của địch.

Trần Hưng Đạo thì dử địch vào sâu rồi phản công tiêu diệt chúng.

Lê Lợi thì đánh từ nhỏ đến lớn, dùng kế lâu dài để giành lấy thiên hạ.

Nguyễn Huệ thì tiến nhanh đánh mạnh, dùng đòn bất ngờ áp đảo để chiến thắng quân địch.

Thật là mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.

Nguyễn Huệ đã sáng tạo phát triển thêm một lối đánh mới.

Đến thời đại Nguyễn Huệ thì nghệ thuật quân sự của dân tộc ta được giàu có thêm và càng được toàn vẹn hơn.

Nghĩa quân Tây Sơn cũng tiến hành một cuộc chiến tranh chính nghĩa thắng phi nghĩa, yếu thắng mạnh, ít thắng nhiều, đánh lâu dài, đánh từ khó đến lớn, v.v ... như những cuộc chiến tranh giải phóng khác của nhân dân ta, nhưng trong điều kiện lịch sử cụ thể lúc đó, tinh thần chiến đấu của quân đội cũng như khí thế cách mạng của quần chúng rất cao, trong khi kẻ địch là các tập đoàn phong kiến thống trị trong nước đang hủ bại, yếu đuối và mâu thuẫn, lục đục với nhau.

Trong điều kiện như thế, vấn đề yếu thắng mạnh, đánh từ nhỏ đến lớn cũng có những điểm khác; có những chỗ không giống như nghĩa quân Lam sơn.

Nguyễn Huệ đã phát huy được cái tinh thần quật khởi của một đội nghĩa quân. Nghĩa quân Tây Sơn đã phát huy được thế tấn công liên tục, vươn lên một cách nhanh mạnh, đánh những đòn mạnh mẽ, làm cho lực lượng lớn lên không ngừng và nhanh chóng.

Điều đó khác với nghĩa quân Lam Sơn, lúc đầu phải chống chọi với một quân thù lớn mạnh hơn mình gấp bội, nên phải trải qua một thời kỳ đầu chiến đấu gian khổ, một thời kỳ phòng ngự lâu dài, rồi mới tiến lên giành thế tiến công được.

Còn về đánh lâu dài, thì nghĩa quân Tây Sơn cũng có điểm khác với nghĩa quân Lam Sơn.

Từ khi bắt đầu khởi nghĩa năm 1771 cho đến năm 1789 đánh tan quân xâm

lược nhà Thanh, nghĩa quân Tây Sơn phải trải qua 18 năm trời mới giành được thắng lợi. Nhưng cho đến khi Nguyễn Huệ mất năm 1792, bọn phản động đối địch vẫn còn có cơ sở ở trong nước để chống lại phong trào và tiến tới phá hoại phong trào.

Còn nghĩa quân Lam Sơn bắt đầu nổi dậy từ năm 1418 cho đến năm 1427, tiêu diệt được đạo quân của Liễu Thăng, thì giải phóng được đất nước. Như thế là mất 10 năm trời.

Hai thứ lâu dài đó đều có điều kiện khách quan và chủ quan khác nhau.

Tây Sơn đánh với các tập đoàn phong kiến thống trị trong nước, có nhiều bè đảng, thế lực khác nhau. Mỗi lãnh tụ phong kiến, tù trưởng nắm lực lượng một vùng, giữ quyền lợi một vùng.

Việc thống nhất đoàn kết toàn dân ở đây cũng có chỗ khác nhau với việc thống nhất, đoàn kết toàn dân khi chống bọn xâm lược nước ngoài.

Ngoài ra, một số tên phong kiến vô sĩ lại đi câu kết với các thế lực phản động nước ngoài. Do đó mà chúng cũng có một chỗ dựa nhất định để chống lại nghĩa quân.

Về phía chủ quan của nghĩa quân, các lãnh tụ Tây Sơn đã có một đường lối, chính sách đoàn kết, tập hợp cán bộ đúng đắn chưa? chính sách cô lập kẻ thù đầu sỏ, trung lập các phần tử lừng khừng, lôi kéo các phần tử trung gian, v.v, như thế nào? Đó còn là vấn đề cần nghiên cứu thêm. Nhưng ở đây chúng ta cũng thấy vấn đề thống nhất đất nước và việc giải quyết nạn cát cứ của các tập

đoàn phong kiến thời Tây Sơn cũng có những điểm khác nhau với những vấn đề ấy ở thời 12 sứ quân cát cứ.

Nghiên cứu các điều kiện trên đây, chúng ta có thể hình dung được phần nào một số điểm khác nhau về đánh lâu dài, yếu đánh mạnh, ít đánh nhiều, đánh từ nhỏ đến lớn giữa nghĩa quân Tây Sơn với một số cuộc chiến tranh giải phóng khác.

Với những đặc điểm của cuộc khởi nghĩa, với sở trường tài năng chỉ huy của Nguyễn Huệ, nghệ thuật quân sự của nghĩa quân Tây Sơn cũng có những điểm độc đáo.

Tư tưởng quân sự của Nguyễn Huệ có tính tích cực và kiên quyết. Nghệ thuật tác chiến của ông là tiến nhanh đánh mạnh, dùng thế bất ngờ đánh đòn quyết định.

Cách đánh của ông là đánh tập trung, đối chọi mặt giáp mặt, với kiểu đột kích nhiều mặt, kết hợp đột phá trước mặt với bao vây vu hồi.

Đó là điểm nổi bật và cũng là sở trường quân sự của Nguyễn Huệ. Mỗi một cuộc hành binh, mỗi một trận đánh trong thời kỳ đầu của cuộc khởi nghĩa cho đến thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh giải phóng, Nguyễn Huệ đều tập trung lực lượng đánh thẳng vào tập đoàn chủ yếu của địch, dàn quân ra mặt đối mặt với địch.

Thế trận của ông do sử dụng tài tình đội hình trung quân, và tả, hữu quân mà hình thành. Ông thường dùng đội chủ quân, do chủ tướng chỉ huy, đánh thẳng vào mặt chính trận địa của địch.

Ngoài đạo chủ quân ra, còn có các mũi đánh vào các hướng khác nhau của trận địa địch, hình thành thế bao vây vu hồi.

Trong các mũi này có một mũi hiểm đánh vào chỗ quan trọng trong tập đoàn chủ yếu của địch, kết hợp với các mũi khác và tác dụng với mũi chủ quân tạo thành thắng lợi quyết định cho trận đánh.

Trong trận đánh quân Trịnh ở Phú Xuân và trận đại phá quân Thanh ở Thăng Long, cách đánh này đã được thể hiện tương đối rõ nét.

Trong trận Phú Xuân, Nguyễn Huệ thân tự chỉ huy đạo chủ quân đánh theo đường bộ, vượt qua phòng tuyến của quân Trịnh ở đèo Hải Vân, rồi tiến đánh thành Phú Xuân.

Mũi thứ hai là mũi quan trọng đi theo đường biển đánh vào Phú Xuân. Mũi thứ ba là mũi vu hồi đi theo đường biển đánh vào phòng tuyến sông Gianh.

Trong trận đại phá quân Thanh ở Thăng Long, Nguyễn Huệ tự chỉ huy đạo chủ

quân, theo đường số 1, đánh vào mặt chính Hà Hồi, Ngọc Hồi rồi tiến vào Thăng Long.

Mũi thứ hai là mũi quan trọng có tính chất bao vây đánh vào chỗ hiểm của địch ở Khương Thượng. Mũi thứ ba là đánh bao vây bên phải đánh vào Khoái châu, Văn Giang (Hưng Yên); và mũi thứ tư là mũi vu hồi chiến lược đánh vào Phụng Nhớn, Bắc Giang.

Thế trận của Nguyễn Huệ rất mạnh mà lại rất kín. Luôn luôn ông tìm cách bao vây, cô lập và chia cắt tập đoàn chủ yếu của quân địch, rồi dùng những mũi dùi sắc nhọn xuyên thẳng vào chỗ hiểm yếu của địch, giải quyết trận đánh một cách kiên quyết, nhanh gọn và có tính chất quyết định.

Tác phong chỉ huy của ông thật là dũng cảm, mạnh bạo, kiên quyết và linh hoạt.

Kiểu cách quân sự này của Nguyễn Huệ vận dụng vào trong chiến dịch thì rất tốt. Nhưng Nguyễn Huệ có bị ảnh hưởng phần nào cái kiểu cách này trong việc vận dụng vào chiến lược.

Tuy cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là một cuộc chiến tranh lâu dài, nhưng Nguyễn Huệ thường giải quyết các tập đoàn phong kiến Phản động bằng một vài đòn chiến lược quyết định. Vấn đề cơ bản là triệt được gốc rễ của đối phương, triệt được chân tay của nó; chứ không phải chỉ là đánh tan đối phương, chiếm được thành quách của đối phương là đã giải quyết được. Vấn đề là đánh đến

đâu phải củng cố tới đây, phải kết hợp quân sự với chính trị, phải lợi dụng kết quả của quân sự mà mở rộng thắng lợi của chính trị.

Nguyễn Huệ đã 4, 5 lần đánh thắng ở Gia Định mà vẫn không giải quyết được vấn đề. Về mặt chiến dịch thì giá trị thắng lợi của từng trận đánh là rất lớn. Nhưng vấn đề cần giải quyết là giành lấy thắng lợi quyết định về chiến lược chứ không phải đơn thuần thắng lợi về chiến dịch. Tuy thắng lợi về chiến dịch của Nguyễn Huệ có phát triển thành thắng lợi về chiến lược, nhưng không được vững chắc.

Nguyên nhân của vấn đề này như thế nào, còn phải nghiên cứu thêm, hiện nay chúng ta chưa đủ tài liệu để có một kết luận xác đáng. Nhưng từ đó, chúng ta cũng có thể rút ra được một bài học lịch sử rất lớn là việc kết hợp chặt chẽ giữa quân sự với chính trị, việc mở rộng thắng lợi quân sự thành thắng lợi chính trị và phải củng cố thắng lợi đó.

Những khi đánh ra Bắc Hà, tình hình cũng gần giống như thế trong một số trường hợp.

Tư tưởng quân sự của Nguyễn Huệ thuộc hệ thống tư tưởng quân sự thời cổ phương Đông, chủ yếu là Việt Nam và Trung Quốc, nhưng ông vận dụng có nhiều độc đáo và sáng tạo.

Tính tích cực, cơ động và linh hoạt trong nghệ thuật quân sự của ông tương đối cao.

Ông là một người tướng bách chiến bách thắng. Trải hơn 20 năm chiến đấu liên tục, Nguyễn Huệ đã đánh hàng trăm trận và đánh đâu thắng đấy. Càng đánh càng thắng lớn. Càng về cuối đời chiến đấu của ông, thắng lợi càng huy hoàng, chiến công càng hiển hách.

Thật cũng là một người tướng hiếm có trong lịch sử.

Sau khi xem cuốn sách này, chúng tôi có một số thu hoạch và cảm nghĩ như trên. Nói lên được cảm nghĩ đó, cũng tức là muốn nói lên giá trị của cuốn sách.

Đây là một cuốn sách lịch sử đi sâu được về mặt quân sự. Các tác giả đã phân tích một cách công phu về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật của nghĩa quân Tây Sơn và tài chỉ huy của Nguyễn Huệ. Đặc biệt, các tác giả đã đi sâu trình bày về tư tưởng và nguyên tắc chiến lược, chiến dịch và chiến thuật của nghĩa quân.

Qua đó, người đọc càng hiểu rõ hơn tài năng quân sự của Nguyễn Huệ. Do đó mà hiểu biết, đánh giá Nguyễn Huệ một cách đúng đắn hơn, và càng khâm phục Nguyễn Huệ hơn, càng tự hào về dân tộc ta đã có người anh hùng tài giỏi như thế, càng tin tưởng vào tài năng, trí tuệ của dân tộc, lại càng tin tưởng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch

ở thời đại ngày nay.

Đó là thành công của cuốn sách.

Bên cạnh mặt thành công là căn bản đó, cuốn sách cũng còn một số nhược điểm, khuyết điểm không tránh khỏi. Đó là vấn đề còn bị ảnh hưởng phần nào về ngôn ngữ hiện đại, và bị ảnh hưởng phần nào về nguyên tắc chiến lược, chiến dịch hiện đại trong việc phân tích nguyên tắc chiến lược, chiến dịch của nghĩa quân Tây Sơn, v.v.

Hiện nay, vấn đề này cũng còn là một vấn đề cần phải nghiên cứu việc dùng tiếng nói của ông cha ta, của Việt Nam, cũng như việc dùng nghệ thuật quân sự Việt Nam để phân tích lịch sử nói chung hiện nay vẫn còn có chỗ lúng túng. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để dần dần giải quyết vấn đề này.

Tuy còn một số nhược điểm như trên, nhưng cuốn sách vẫn là một tài liệu lịch sử quân sự tốt, giúp cho chúng ta nghiên cứu học tập rất nhiều.

Chúng tôi rất hoan nghênh sự có mặt của cuốn sách trong kho sách lịch sử quân sự của nước ta và mong các tác giả đóng góp nhiều hơn nữa vào trong kho tàng lý luận lịch sử quân sự của nước ta.

Thiếu tướng

HOÀNG MINH THẢO

LỜI NÓI ĐẦU

Dân tộc Việt Nam là một Dân tộc anh hùng. Điều đó đã được lịch sử chứng minh rõ rệt và cả thế giới ngày nay thừa nhận.

Sống trong những điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, sống trên một vị trí đầu sóng ngọn gió của châu á, sống giữa chặng đường qua lại của bao thế hệ thực dân cướp nước ở các thời đại, dân tộc Việt Nam từ khi dựng nước đến nay đã trải bao phen sóng gió, đổ xương máu để tự cứu mình, cứu nước, và dân tộc Việt Nam đã trường tồn mạnh mẽ. Từ năm ba mươi của thế kỷ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chủ tịch, dân tộc Việt Nam đã kiên cường đấu tranh chống thực dân đế quốc. Dân tộc Việt Nam đã làm Cách mạng tháng Tám thành công. Dân tộc Việt Nam đã kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Hiện nay, dân tộc chúng ta đang ở trong giai đoạn quyết liệt nhất của lịch sử, dân tộc chúng ta đang anh dũng ngoan cường đánh đế quốc Mỹ xâm lược, kẻ thù hung bạo nhất của thời đại, để cứu mình, cứu nước, góp phần bảo vệ hòa bình và hạnh phúc của toàn thể loài người. Chúng ta rất tự hào với nhiệm vụ chiến đấu vẻ vang của chúng ta hiện nay, rất tự hào với dũng khí của chúng ta trước mọi kẻ thù tàn bạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với truyền thống anh hùng của dân tộc, với dũng khí cách mạng của chúng ta hiện nay, chúng ta nhất định thắng lợi, đế quốc Mỹ nhất định phải thất bại thảm hại.

Dũng khí của chúng ta là biểu hiện trách nhiệm của chúng ta đối với Tổ quốc, đối với Tổ tiên, đã đời nọ nối đời kia đổ xương máu để giữ gìn Tổ quốc cho

chúng ta đến ngày nay. Dũng khí của chúng ta là kế thừa truyền thống anh hùng của dân tộc từ ngàn xưa để lại. Truyền thống anh hùng ấy đã thể hiện rực rỡ trong rất nhiều sự nghiệp hiển hách của Tổ tiên chúng ta, và ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống anh hùng ấy càng được phát huy cao độ. Tìm hiểu, phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc tức là góp phần nâng cao hơn nữa dũng khí của chúng ta.

Truyền thống anh hùng thể hiện trong lịch sử anh hùng của dân tộc. Lịch sử dân tộc chúng ta là lịch sử đấu tranh vũ trang liên tục để xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Có thể nói là từ khi dựng nước đến nay, Tổ tiên chúng ta đã không ngừng cầm vũ khí để chiến đấu. Khi thì chiến đấu giải phóng dân tộc, đánh đuổi kẻ thù xâm lược để bảo vệ Tổ quốc. Khi thì chiến đấu chống lại mọi áp bức, kìm hãm của các tập đoàn thống trị trong nước, mở đường cho dân tộc không ngừng tiến lên trên đà phát triển lịch sử của mình.

Trong tất cả những cuộc chiến đấu ấy, Tổ tiên chúng ta đều đã chiến thắng và trải mấy nghìn năm đấu tranh liên tục chống thù trong giặc ngoài, nhân dân Việt Nam đã có một truyền thống quân sự rất vẻ vang. Truyền thống đánh thắng mọi kẻ thù ở mọi thời đại.

Cũng từ muôn vàn cuộc chiến đấu thắng lợi vẻ vang ấy, đã lần lượt xuất hiện trên lịch sử nhiều bậc tướng lĩnh kiệt xuất, nhiều nhà quân sự lỗi lạc, đứng ngang hàng với những tướng lĩnh và những nhà quân sự danh tiếng trên thế giới. Những chiến công oanh liệt của các bậc anh hùng như Ngô Quyền, Lê

Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, v.v, còn mãi mãi ghi sâu trong tâm trí người dân Việt Nam. Đường lối quân sự, các chiến lược, các chiến thuật... của các nhà quân sự lỗi lạc và các danh tướng Việt Nam ở các thời trước đều muôn hình muôn vẻ, linh hoạt vô cùng. Nhưng dù khác nhau ở rất nhiều vẻ, tất cả các bậc anh hùng quân sự Việt Nam ở các thời đại trước đều giống nhau ở một điểm, mà đó là điểm đặc sắc nhất của nền nghệ thuật quân sự Việt Nam đã sớm hình thành từ hàng nghìn năm nay. Điểm đặc sắc đó là: chỉ bằng những đội quân nhỏ, vũ khí ít, các bậc anh hùng ấy đều đã chiến thắng mọi kẻ địch đông gấp bội mình. Chỉ với hai mươi vạn quân, Trần Quốc Tuấn đã ba lần chiến thắng quân Nguyên, đập tan sự xâm lược của một đế quốc lớn mạnh nhất, hung hãn nhất của thời đại đó. Chỉ với vài nghìn nghĩa quân lúc ban đầu, Lê Lợi đã tiến tới đánh thắng hàng mấy chục vạn quân Minh giành lại độc lập cho Tổ quốc. Chỉ với mười vạn quân, Nguyễn Huệ đã tiêu diệt hoàn toàn hai mươi vạn quân Thanh, vĩnh viễn chấm dứt nạn xâm lăng của các tập đoàn phong kiến phương Bắc đã không ngừng đe dọa dân tộc Việt Nam trong hàng chục thế kỷ.

Tất cả những chiến thắng rực rỡ đã có trong lịch sử, tất cả các tướng lĩnh và các nhà quân sự lỗi lạc của chúng ta ở các thời đại trước đều đã để lại cho chúng ta rất nhiều kinh nghiệm, rất nhiều bài học quân sự vô cùng quý giá mà chúng ta cần khai thác. Khai thác để vận dụng vào cuộc chiến tranh cứu nước của chúng ta hiện nay, khai thác để xây dựng nền khoa học quân sự hiện đại của chúng ta, khai thác để vận dụng vào việc giữ gìn non sông đất nước của muôn đời con cháu chúng ta.

Nội dung tập sách "Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ" là một thí nghiệm bước đầu nhằm thực hiện những mục đích ấy. Khai thác những kinh nghiệm và những bài học chiến đấu của Tổ tiên chúng ta là nhiệm vụ của toàn thể quân đội chúng ta, nhiệm vụ của tất cả những người am hiểu và nghiên cứu lịch sử quân sự Việt Nam. Tập sách này chỉ là một đóng góp nhỏ vào công cuộc lớn lao đó. Ngay đối với thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, vị anh hùng dân tộc vĩ đại của chúng ta, tập sách này cũng chỉ làm nhiệm vụ sơ bộ gợi lên một số vấn đề mà khả năng có hạn của tác giả có thể đề cập tới. Muốn thật hiểu Nguyễn Huệ và thiên tài quân sự của ông, chúng ta còn phải có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc hơn nữa.

Nguyễn Huệ là một trong những nhân vật khá đặc biệt trong lịch sử Việt Nam. Ông là người biểu hiện tập trung nhiều sứ mệnh lịch sử của đương thời và cũng tập trung nhiều tài năng xuất sắc về nhiều mặt.

Nguyễn Huệ vừa là anh hùng vĩ đại của dân tộc, vừa là lãnh tụ kiệt xuất của nông dân Việt Nam cuối thế kỷ XVIII. Nguyễn Huệ là một nhà chính trị giỏi, đồng thời là một nhà quân sự thiên tài. Ông không chỉ đánh một trận mà ông đã đánh nhiều trận, ông không chỉ chiến đấu một lần mà ông đã chiến đấu liên tục trong hơn hai mươi năm. Ông không chỉ chiến đấu với một quân thù mà ông đã chiến đấu với nhiều quân thù: khi đánh chúa Nguyễn, khi đánh chúa Trịnh, khi đánh quân Xiêm, khi đánh quân Thanh, khi đánh quân Vạn Tượng.

Ông là tướng lĩnh chỉ huy, đồng thời cũng là người trực tiếp ra mặt trận chiến đấu, cầm vũ khí giao chiến với địch. Trải hơn hai mươi năm chiến đấu liên tục với mọi kẻ thù trong nước và ngoài nước, Nguyễn Huệ chỉ có thắng mà không có bại. Mặc cho quân thù đông đảo, hung tợn đến đâu, Nguyễn Huệ chưa hề chùn bước chiến đấu. Nguyễn Huệ tin tưởng vào quần chúng nhân dân và có một quyết tâm chiến đấu phi thường, quyết tâm ấy đã thành hiện thực: đánh trận nào cũng thắng, đánh quân thù nào cũng thắng.

Thật là một bậc thiên tài quân sự.

Như tên tập sách đã định rõ, trong nội dung tập sách này chúng tôi không đề cập tới toàn bộ phong trào Tây Sơn và những hoạt động của Nguyễn Huệ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, mà chỉ nghiên cứu riêng về những chiến công và thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ cùng những vấn đề có liên quan chặt chẽ với đời làm tướng của ông.

Khi viết tập sách này, chúng tôi không có ý định đứng về phía sử học thuần túy để nghiên cứu vấn đề, cũng như không muốn đi sâu vào phương pháp khảo chứng của những nhà làm sử, để cho tập sách có được nhiều tính chất phổ cập và đáp ứng đúng yêu cầu phục vụ quân đội về mặt khoa học quân sự và học tập truyền thống.

Nhưng vì đây là một tập sách nghiên cứu về thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, chúng tôi thấy cần cố gắng sưu tầm thêm nhiều tài liệu mà những sách đã viết

về Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn trước đây ít nói tới, để có thể trình bày những chiến công và thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ được sáng rõ, đầy đủ hơn.

Trên cơ sở đó, chúng ta có thể nhận định và đánh giá đúng đắn tài năng, tư tưởng quân sự của Nguyễn Huệ cũng như tư tưởng chính trị và đạo đức người làm tướng của ông. Trong tập sách này, chúng tôi đã chú trọng nhiều về mặt sử liệu, chính vì lý do nói trên. Với những sử liệu mà các sách trước đây ít đề cập tới, chúng tôi đều ghi xuất xứ đầy đủ để bạn đọc có thể tra cứu dễ dàng. Với những sử liệu đã được dùng phổ biến nhưng theo chúng tôi, chưa thật xác đáng hoặc các sách đã dùng và nhận định khác nhau, chúng tôi đều ghi chú thích nói rõ ý kiến của mình.

Mong rằng những sử liệu trong tập sách này sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về Nguyễn Huệ, về phong trào Tây Sơn, và phân phân tích nhận định trong tập sách sẽ đem tới bạn đọc một vài ý niệm sơ bộ về thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, một danh tướng và một anh hùng dân tộc vĩ đại của chúng ta ở nửa cuối thế kỷ XVIII.

Đó cũng là những điều mong muốn cao nhất của những người viết tập sách này.

Hà Nội - Sơn La

1963 - 1966

Tác giả

Chương một

NGUYỄN HUỆ MUỖI NĂM ĐÁNH ĐUỐI CHÚA NGUYỄN, GIÀNH CHỦ QUYỀN ĐẤT NƯỚC Ở MIỀN NAM VIỆT NAM CHO NGHĨA QUÂN TÂY SƠN

NƯỚC VIỆT NAM Ở THẾ KỶ XVIII

Trong lịch sử các nước trên thế giới, có lẽ Việt Nam là một trong những nước đất không rộng, người không đông mà trong thời kỳ phong kiến lại có nhiều phong trào nông dân khởi nghĩa nhất. Xã hội Việt Nam đã trải qua hơn một nghìn năm dưới chế độ phong kiến thì xã hội Việt Nam cũng đã có tới hàng nghìn phong trào khởi nghĩa chống phong kiến của nông dân Việt Nam. Dưới chế độ phong kiến Việt Nam, không thời nào và không chỗ nào là không có nông dân khởi nghĩa. Chế độ phong kiến càng đi sâu vào bước suy vong của nó thì phong trào nông dân khởi nghĩa càng nhiều, càng mạnh. Đặc biệt là trong thế kỷ XVIII, phong trào nông dân khởi nghĩa lại càng sôi nổi, rầm rộ, lớn mạnh hơn bao giờ hết: suốt từ đầu thế kỷ tới cuối thế kỷ, không lúc nào là không có nông dân khởi nghĩa.

Chính trong hoàn cảnh đó đã xuất hiện phong trào nông dân Tây Sơn với vị

lãnh tụ kiệt xuất của phong trào là anh hùng Nguyễn Huệ.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo có thể coi là một phong trào nông dân rất độc đáo trong lịch sử Việt Nam. Độc đáo ở chỗ phong trào Tây Sơn là một phong trào nông dân lớn mạnh bậc nhất và cũng là một cuộc chiến tranh nông dân duy nhất trong lịch sử Việt Nam, đã tiến tới giành được chính quyền trong cả nước về tay nông dân. Độc đáo ở chỗ phong trào Tây Sơn vừa là một phong trào nông dân chống áp bức phong kiến, đánh đổ một tập đoàn phong kiến thống trị ở trong nước, lại vừa là một phong trào giải phóng dân tộc, đánh thắng mọi kẻ thù ngoài nước âm mưu can thiệp và xâm lược Việt Nam.

Độc đáo ở chỗ người lãnh đạo phong trào Tây Sơn, tức Nguyễn Huệ, vừa là một nhà quân sự thiên tài, vừa là một lãnh tụ kiệt xuất của phong trào nông dân, vừa là một anh hùng cứu nước vĩ đại của dân tộc. Một phong trào nông dân có được những nét đặc sắc ấy, đạt được những sự nghiệp lớn lao như vậy, quả thật là hiếm có trong lịch sử Việt Nam.

Chế độ phong kiến Việt Nam bước sang thế kỷ XVIII là bước sang thời kỳ suy vong nghiêm trọng của nó. Tình trạng nước nhà phân chia làm hai miền, bọn vua Lê chúa Trịnh thống trị ở Đàng ngoài và bọn chúa Nguyễn cát cứ ở Đàng trong vẫn tồn tại. Các tập đoàn phong kiến ở cả hai miền ngày càng sa đọa, suy đồi, ngày càng tăng cường đàn áp bóc lột nhân dân một cách tàn khốc.

Sang thế kỷ XVIII, ở Đàng ngoài, quảng đại quần chúng nông dân cùng khổ đến cực độ, không có ruộng đất để sinh sống. Ruộng đất tư của nông dân phần nhiều bị bọn phong kiến, địa chủ chiếm đoạt mất hết. Bản thân chúa Trịnh đương thời là Trịnh Cương cũng phải thừa nhận rằng "dân nghèo mảnh đất cày cấy cũng không có"¹. Ruộng đất công ở các làng bị lấn chiếm gần hết, chỉ còn đủ để cung cấp lương cho binh lính và ngụ lộc cho quan lại, người nông dân không còn có thể trông nhờ gì vào ruộng đất công để tìm nguồn sống. Trong khi đó, sưu thuế chồng chất lên đầu người dân lại càng nặng nề khắc nghiệt.

Nạn bóc lột cướp đoạt ấy đã dẫn đến kết quả là ở Đàng ngoài, khoảng những năm 40 của thế kỷ XVIII "dân phiêu tán dạt diu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa no. Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau, số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ năm ba hộ mà thôi"².

Trong khi ấy, tình hình Đàng trong cũng không kém phần nghiêm trọng. Lê Quý Đôn, một quan lại Đàng ngoài đương thời, khi vào Phú Xuân đã nhận định về đời sống của các tầng lớp xã hội ở Đàng trong như sau: "Từ quan to đến quan nhỏ, nhà cửa trạm trổ, tường xây bằng gạch đá, trướng vóc màn the, đồ dùng toàn bằng đồng, bằng sứ, bàn ghế bằng gỗ đàn, gỗ trắc, ấm chén bằng sứ, yên ngựa dây cương đều trạm vàng, nạm bạc, áo quần là lượt, nệm hoa chiếu mây...

Kẻ sắc mực trong dân gian cũng mặc áo đoạn, còn áo the, áo sa là đồ mặc thường, lấy việc mặc đồ vải mộc mạc làm hổ thẹn. Binh sĩ cũng ngồi chiếu mây, dựa gối xếp, áp lò hương cổ, uống nước trà ngon, chén sứ bịt bạc, ống nhổ bằng đồng thau, bát đĩa ăn uống đều là đồ sứ Trung Quốc... coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực”³.

Bọn nhà chúa lại càng xa hoa dâm dật đến cực độ. Chỉ lấy riêng một việc chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) có tới 146 đứa con cũng đủ thấy bọn chúng xa hoa dâm dật đến chừng nào.

1. Lê Cao Lãng, Lịch triều tạp kỷ, Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, ký hiệu H.V, 175, q. 3, tờ 54.
2. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học. Nhà xuất bản Sử học. Hà Nội, 1960, t. XVIII, fr. 15.
3. Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, Sách chữ Hán, bản chép tay của viện sử học, ký hiệu H.V. 190, q. 6, tờ 14.

Từ sau khi chúa Nguyễn là Phúc Khoát chết năm 1765, giai cấp phong kiến thống trị ở Đàng trong lại đi sâu thêm một bước nữa vào con đường suy đốn của nó. Phúc Khoát có nhiều con, ngôi chúa đã định truyền cho một trong những người con lớn tuổi. Nhưng quyền thần Trương Phúc Loan đã mưu lập người con thứ 16 là Nguyễn Phúc Thuần mới 11 tuổi ¹ lên làm chúa để hắn có thể nắm giữ mọi quyền bính, lũng đoạn triều đình. Nguyễn Phúc Thuần nhỏ tuổi, ham chơi, dâm loạn. Trước khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ, Phúc

Thuần mới chừng 16, 17 tuổi, mà đã mắc "bệnh không gần đàn bà được"² và mới một tí tuổi đầu như vậy hẳn đã thường ngày "bắt phùng hát trẻ tuổi dâm loạn với cung nữ để làm trò vui"³.

Chúa đã như vậy, thì bọn triều thần cũng ăn chơi rượu chè, dâm dật không kém. Một đại thần như Nguyễn Hoãn, suốt ngày đêm say rượu. Một đại thần khác như Nguyễn Nghiễn có tới 120 vợ lẽ nàng hầu. Mọi việc triều chính đều ở trong tay Trương Phúc Loan. Mà quyền thần Trương Phúc Loan thì lũng đoạn triều chính, mỗi năm tham nhũng hàng chục vạn quan tiền. Những quan lại khác cũng đua theo những hành động bỉ ổi, cướp đoạt để ăn chơi như vậy.

Bọn phong kiến càng tăng cường bóc lột, cướp đoạt để ăn chơi bao nhiêu thì dân tình càng khổ cực bấy nhiêu.

Thời bấy giờ Quảng Nam là miền trù phú nhất ở Đàng trong. Quảng Nam, đặc biệt là Qui Nhơn, sản xuất rất nhiều thóc gạo, lạc, mía, hạt tiêu, thuốc lá, trầu cau. Hàng thủ công rất phát triển. Tơ lụa, nhiễu, đường, miến, dầu dừa đều là hàng xuất khẩu. Quảng Nam lại có nhiều ruộng muối, nhiều mỏ vàng, mỏ sắt. Do chỗ Quảng Nam có nhiều hàng nông, lâm, hải sản để xuất khẩu, nên việc vận tải thông thương ở đây cũng rất phát triển. Năm 1768, số thuyền chuyên chở ở Đàng trong là 447 chiếc, thì Quảng Nam có 60 chiếc, riêng Qui Nhơn có 93 chiếc, còn những nơi khác như châu Bố Chính chẳng hạn chỉ có 10 chiếc.

1. Tính tuổi theo dương lịch.

2, 3. Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục. q. 1.

Thời bấy giờ các nhà buôn Trung Quốc và các nước khác thường ra vào buôn bán ở Quảng Nam, coi Quảng Nam như là trung tâm kinh tế văn hóa bậc nhất ở Đàng trong, họ đã gọi Đàng trong là Quảng Nam quốc. Một nhà buôn Trung Quốc thời ấy đã miêu tả nền thương nghiệp thịnh vượng ở Quảng Nam như sau :

"Ở Sơn Nam[1] khi về chỉ mua được một thứ củ nâu. Ở Thuận Hóa khi về chỉ mua được hồ tiêu. Còn như ở Quảng Nam thì đủ trăm thứ hóa vật, không có nơi nào sánh kịp. Các hóa vật từ các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Qui Nhơn, Quảng Ngãi, Bình Khang và dinh Nha Trang đều theo đường thủy, đường bộ tập trung về Hội An. ở đó, rất nhiều nhà buôn phương Bắc đến mua hàng đem về nước. Trước đây, hàng hóa rất nhiều, dù hàng trăm tàu lớn đến chuyên chở một lúc cũng không hết được"[2].

Chính cái cảnh trù phú, thịnh vượng ấy của Quang Nam đã khiến Quảng Nam trở thành một trung tâm bóc lột của bọn phong kiến Đàng trong ở nửa cuối thế kỷ XVIII. Ở Quảng Nam, các thứ thuế má rất nhiều và cực kỳ nặng nề, phiền nhiễu. Theo Lê Quý Đôn thì "bọn cai trung và quan lại các nha quá nhiều, mỗi một trường thu thuế có tới vài ba mươi người, đốc thúc, tra khảo rất là phiền nhiễu, lại còn truy hỏi, hành hạ ân lậu, cố tình thêm bớt, sinh sự làm khổ dân" [3].

Đối với các thuyền buôn ngoại quốc, bọn chúa tôi nhà Nguyễn đánh thuế rất nặng. Đối với những thuyền buôn thông thương trong nội địa, chúng bắt chịu rất nhiều tầng thuế và đặt sở tuần ty để thu thuế ở khắp mọi nơi.

Đối với mọi thứ thuế khác, người dân Quảng Nam cũng phải chịu nặng nề hơn cả. Riêng các thứ tiền thuế rừng núi, thuế đầm ao, thuế cửa quan, thuế chợ ở hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, hàng năm họ Nguyễn thu vào trên 76.467 quan thì trong số đó Quảng Nam chiếm sáu phần, Thuận Hóa một phần[4]. Đồng bào Chăm, Thượng ở miền núi cũng phải chịu rất nhiều thứ thuế thổ sản, thuế nguồn, thuế ruộng miền núi, v.v. Lê Quý Đôn, đã phải nhận định rằng: "Lệ phú thuế ở Quảng Nam khác với Thuận Hoá Lệ trưng thu so với Thuận Hóa nặng nề hơn, cho nên số thu vào kho rất nhiều và bổng lộc của quan lại cũng rất phiền nhiễu. Dân ở đây khởi loạn đầu tiên cũng vì có ấy"[5].

Đó là toàn bộ tình hình Việt Nam ở thế kỷ XVIII. Giai cấp phong kiến thống trị ở hai miền Nam, Bắc đều thối nát ươn hèn, quảng đại quân chúng nhân dân trong cả nước đều cùng khổ cực độ. Trong hoàn cảnh dở sống dở chết ấy người nông dân Việt Nam đương thời không thể không vùng dậy để giành lấy quyền sống. Chính vì thế mà ngay từ những năm đầu của thế kỷ XVIII, những cuộc khởi nghĩa vũ trang chống lại sự áp bức bóc lột của các tập đoàn phong kiến thống trị Lê, Trịnh, Nguyễn đã liên tiếp nổ ra. Trong suốt thời phong kiến ở Việt Nam, khởi nghĩa nông dân đã có nhiều, nhưng chưa bao giờ nhiều bằng

thế kỷ XVIII. Người ta có thể gọi thế kỷ XVIII trong lịch sử Việt Nam là "thế kỷ của nông dân khởi nghĩa".

Ở Bắc Hà, ngoài những cuộc khởi nghĩa nhỏ, nổ ra lẻ tẻ khắp các địa phương mà sử sách phong kiến thường gọi là "giặc cỏ", từ năm 1734 tới khoảng giữa thế kỷ XVIII đã có rất nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nổ ra, như khởi nghĩa của người Mường do Quách Công Thi lãnh đạo, khởi nghĩa của nông dân Sơn Tây Thái Nguyên do nhà sư Nguyễn Đương

1. Tức ngoài Bắc Hà.

2, 3, 4, 5. Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, q. 3, 4.

Hung lãnh đạo, khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển, Vũ Trác Oánh ở Hải Dương, khởi nghĩa của Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn, Tú Cao ở Nam Định, khởi nghĩa của Toàn Cơ ở Lạng Sơn, v.v. Có những cuộc khởi nghĩa kéo dài tới trên mười năm như khởi nghĩa ở vùng miền Bắc Hà do Nguyễn Hữu Cẩn lãnh đạo, khởi nghĩa ở vùng Sơn Tây, Tam Đảo do Nguyễn Danh Phương lãnh đạo. Có những cuộc khởi nghĩa kéo dài tới trên ba mươi năm như khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Tây Bắc và khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh Hóa, Trấn Ninh.

Cùng hòa một nhịp với phong trào đấu tranh của nông dân Bắc Hà, phong trào khởi nghĩa của nông dân Đàng trong cũng vô cùng sôi nổi. Ngay từ cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, các phong trào nông dân khởi nghĩa ở Đàng trong đã

liên tiếp nổ ra. Năm 1695, nông dân và thương nhân Quảng Ngãi, Qui Nhơn khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Linh Vương và Quảng Phú. Năm 1697, đồng bào Thượng ở năm sách thuộc Quảng Nam nổi lên chống lại nhà Nguyễn. Năm 1708, đồng bào thiểu số miền Bà Rịa khởi nghĩa. Năm 1746, đồng bào Chăm ở Trấn Biên (miền Gia Định) khởi nghĩa do Dương Bao Lai và Diệp Mã Lăng lãnh đạo. Năm 1747, cũng tại Trấn Biên, lại nổ ra khởi nghĩa do một người Hoa kiều là Lý Văn Quang lãnh đạo.

Năm 1770, tại Hà Tiên nổ ra một cuộc khởi nghĩa vũ trang gồm ngót 1.000 người, có 15 chiến thuyền và do một người lính là Phạm Lam cùng mấy người Chà Và, Chân Lạp lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa có qui mô khá lớn, được đông đảo quần chúng các dân tộc ủng hộ. Cũng năm 1770, tức là một năm trước ngày phong trào Tây Sơn xuất hiện, cũng tại Quảng Ngãi, Qui Nhơn, quê hương của phong trào Tây Sơn, đã bùng nổ một cuộc khởi nghĩa khá lớn của đồng bào Thượng. Nghĩa quân đánh phá miền Quảng Ngãi, Qui Nhơn. Bọn chúa Nguyễn phải cho toàn bộ quân lính các đạo ở Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên cùng hợp lực đi đánh dẹp.

Nhưng ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, tất cả những phong trào nông dân khởi nghĩa nói trên đều không thành công, đều không chiến thắng được giai cấp phong kiến thống trị. Tuy vậy, những cuộc khởi nghĩa ấy nổ ra liên tiếp khắp mọi nơi trong hơn nửa thế kỷ, đã có một tác động rất lớn, làm cho các thế lực phong kiến thống trị ở Đàng ngoài cũng như ở Đàng trong đều lung lay đến tận

gốc. Mặt khác, những phong trào nông dân vũ trang đấu tranh liên tiếp ấy cũng đã cung cấp được nhiều tướng tài cho phong trào như Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Văn Chất, Lê Duy Mật, v.v. và đem lại nhiều kinh nghiệm chiến đấu cho người nông dân làm cách mạng ở thế kỷ XVIII, nâng cao nghệ thuật chiến đấu và trình độ tổ chức quân sự của người nông dân, đồng thời phát huy thêm một bước nghệ thuật quân sự Việt Nam ở thế kỷ XVIII.

Tình thế cách mạng sôi sục trong cả nước như thế cùng với sự suy yếu cực độ của các thế lực phong kiến và sự dày dạn chiến đấu của người nông dân ở thế kỷ XVIII đã là những yếu tố hết sức quan trọng giúp cho phong trào nông dân ở cuối thế kỷ XVIII có thể phát động thành một cuộc chiến tranh nông dân lớn mạnh đủ sức đánh tan mọi thế lực phong kiến lớn nhỏ trong cả nước.

Chính trong hoàn cảnh lịch sử thuận lợi đó, phong trào nông dân Tây Sơn đã xuất hiện và có điều kiện để phát triển ngày càng lớn mạnh.

NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA

Trước cảnh hờn sôi sục của nhân dân Đàng trong đối với bọn phong kiến nhà Nguyễn, năm 1771 ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ, người Tây Sơn[1] nhóm họp quần chúng khởi nghĩa.

Ba anh em đều rất trẻ, Nguyễn Huệ khi ấy mới 19 tuổi. Nhưng họ đã nắm đúng

thời cơ khởi nghĩa, và đã chuẩn bị tốt cho cuộc khởi nghĩa.

Quân thù của phong trào Tây Sơn cũng như của toàn thể nông dân Việt Nam thời ấy là bọn chúa Nguyễn ở Đàng trong và bọn vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng ngoài. Nói rằng ở nửa cuối thế kỷ XVIII, cả hai tập đoàn ấy đều đã suy yếu hoặc suy yếu đến cực độ là nói suy yếu về mặt chính trị, kinh tế... nhưng về mặt quân sự thì chúng, bằng nhiều biện pháp, vẫn còn duy trì được một lực lượng mạnh, nếu so với những lực lượng quật khởi chống lại chúng thì chúng vẫn mạnh hơn hẳn. Bởi vì chúng là những tập đoàn thống trị, lúc nào cũng có lực lượng vũ trang trong tay để tự vệ. Quân đội của chúng có tổ chức, có thao luyện, có kinh ...nghiệm chiến đấu, đủ sức đối phó với mọi phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra ở cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII cho đến trước ngày phong trào Tây Sơn quật khởi. Và những lực lượng quân sự ấy vẫn có thể là những trở lực lớn cho phong trào nông dân Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ XVIII.

Quân số và trang bị của những lực lượng quân sự ấy có thể thay đổi ở từng thời kỳ, thời chiến khác, thời bình khác, nhưng đại thể thì con số không xê xích nhau nhiều lắm. Nhà Nguyễn lúc nào cũng có khoảng non 10 vạn lực quân. Thủy quân có khoảng 200 thuyền chiến. Mỗi thuyền chiến của nhà Nguyễn có từ 50 đến 60 mái chèo, và từ 3 đến 5 khẩu đại bác. Kỳ binh của nhà Nguyễn có khoảng từ 200 đến 300 ngựa chiến. Không thấy tài liệu nào nói nhà Nguyễn có tổ chức tượng binh.

Quân đội nhà Trịnh còn mạnh hơn quân đội nhà Nguyễn. Lực lượng nhà Trịnh lúc nào cũng có trên 10 vạn người. Có khi có tới gần 20 vạn người. Thủy quân gồm có khoảng 500 thuyền chiến, trang bị của thuyền chiến Trịnh cũng tương tự như thuyền chiến Nguyễn. Quân đội Trịnh có một đội tượng binh lớn gồm từ 300 đến 500 voi chiến. Mỗi voi chiến có 6, 7 binh sĩ cầm vũ khí ngồi trên. Voi chiến của nhà Trịnh đôi khi mang cả đại bác nữa.

Cả hai quân đội Trịnh, Nguyễn đều dùng vũ khí đạn dược kiểu phương Tây, hoặc mua của ngoại quốc, hoặc dựng xưởng chế lấy, thuê người phương Tây trông nom như bọn chúa Nguyễn đã làm.

Trước những quân thù còn có lực lượng mạnh như vậy, ba anh em Tây Sơn quyết tâm tìm mọi biện pháp để tiến tới đấu tranh vũ trang với địch và nắm chắc phần thắng lợi ít ra là những thắng lợi bước đầu về mình. Họ đã để một thời gian dài, khoảng từ 1771 đến 1773, để xây dựng căn cứ, tuyên truyền khởi nghĩa và tổ chức lực lượng.

Họ lấy ngay nơi họ sinh trưởng là vùng Tây Sơn, An Khê thuộc miền rừng núi Qui Nhơn làm căn cứ địa.

Như trên đã trình bày, phong trào bùng nổ ở Quảng Nam đã là một điều thuận lợi, các lãnh tụ Tây Sơn lại chọn miền rừng núi Qui Nhơn làm căn cứ địa khiến cho phong trào càng có thêm nhiều điều kiện để phát triển. Phủ Qui Nhơn ở thế kỷ XVIII bao gồm ba tỉnh Bình Định, Công Tum và Plây-cu ngày nay. Vùng rừng núi Qui Nhơn gồm ba phần tư đất đai phủ Qui Nhơn và là một vòng đai siết chặt lấy phủ thành Qui Nhơn là dinh lũy của chính quyền phong kiến của phủ này. Chiếm giữ được vùng rừng núi và chưa cần đánh, phủ thành

Qui Nhơn của nhà Nguyễn cũng đã trở thành cô lập, chơ vơ, đợi ngày mất về tay nghĩa quân mà thôi.

Nghĩa quân Tây Sơn lại đóng bản doanh tại An Khê, một cao nguyên rất bằng phẳng, cao 600 mét, rộng một chiều 50 ki-lô-mét, một chiều 35 ki-lô-mét. Đây là một địa điểm rất tốt cho việc bố trí doanh trại và tập luyện quân sự. Từ Qui Nhơn lên An Khê chỉ có một đường độc đạo vô cùng nguy hiểm. Chính vì thế từ năm 1771 là năm nghĩa quân Tây sơn bắt đầu nhóm họp đến năm 1773 là năm nghĩa quân đánh chiếm phủ thành Qui Nhơn, quân đội nhà Nguyễn chưa một lần nào dám tiến công vào căn cứ địa An Khê. Con đường Qui Nhơn lên An Khê không những là con đường độc đạo nguy hiểm ở thế kỷ XVIII, mà ngay cho tới ngày nay, con đường ấy - tức con đường 19 - cũng đã nhiều lần là mồ chôn quân Pháp và quân Mỹ xâm lược. Từ vùng rừng núi tiến xuống chiếm nốt vùng đồng bằng Qui Nhơn, nghĩa quân Tây Sơn đã có một vị trí vô cùng xung yếu về mặt chiến lược, nó cắt đứt giang sơn nhà Nguyễn ra làm đôi khiến sự liên hệ tiếp tế cho nhau bị gián đoạn, đồng thời nó cũng chia tách quân đội nhà Nguyễn ra làm hai bộ phận rời nhau, làm cho lực lượng chiến đấu của chúng bị giảm sút, khi một bộ phận nào đó bị nghĩa quân tiến công thì bộ phận khác muốn ứng cứu cũng rất khó khăn. Vùng rừng núi Qui Nhơn, đặc biệt

1. Anh em Tây Sơn có bốn người, một người em gái là út. Tây Sơn, sau đổi thành hai xã An Khê và Cửu An, thuộc huyện Tân An, tỉnh Công Tum. Thời bấy giờ phủ Qui Nhơn gồm cả 3 tỉnh Bình Định, Công Tum và Plây-cu sau này. Cách đây 40 - 50 năm, An Khê và Cửu An vẫn là hai xã đông dân nhất,

giàu nhất trong số 29 xã của huyện Tân An, và cũng đông nhất, giàu nhất trong tỉnh Công Tum.

Là miền An Khê lại là nơi tập trung nhiều thành phần dân tộc, người Kinh có, người Chăm có, người Ba Na, người Gia Rai, người Xê Đăng đều có. Đó là một nguồn cung cấp nhân lực rất tốt cho phong trào. Miền An Khê lại là nơi đông đúc giàu có nhất vùng rừng núi Qui Nhơn (tức vùng Bình Định - Công Tum - Plây-cu ngày nay), cho nên đó cũng là nguồn cung cấp lương thực tốt nhất cho phong trào Tây Sơn trong thời kỳ đầu khởi nghĩa. Vùng rừng núi Qui Nhơn còn là nơi có sẵn voi lớn, ngựa hay, sẵn mỏ sắt, diêm tiêu, gỗ tốt cho nên nó cũng là nguồn cung cấp vật liệu và phương tiện chiến tranh rất phong phú cho nghĩa quân Tây Sơn.

Người Qui Nhơn lại có truyền thống thượng võ. Cho đến thế kỷ XIX người ta vẫn còn ca ngợi truyền thống đó:

"Ai vào Bình Định[1] mà coi

Con gái cũng biết đi roi, đi quyền".

Cùng với tinh thần sôi sục căm thù bọn phong kiến nhà Nguyễn của nhân dân Qui Nhơn, truyền thống tốt đẹp đó cũng khiến họ nhiệt liệt hưởng ứng phong trào Tây Sơn và tham gia đông đảo vào đội quân khởi nghĩa.

Để phát động quần chúng vùng lên đánh đổ giai cấp thống trị anh em Tây Sơn lợi dụng những mâu thuẫn rất sâu sắc trong nội bộ tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn làm mục tiêu tuyên truyền khởi nghĩa.

Năm 1765, chúa Nguyễn là phúc Khoát chết. Trước kia, Phúc Khoát đã lập người con duy nhất của chính phi lên làm thế tử đi nối ngôi chúa, nhưng người đó chết sớm, để lại một đứa con là Nguyễn Phúc Dương. Khi Nguyễn Phúc

Khoát chết, hoàng tôn tức Nguyễn Phúc Dương còn nhỏ tuổi quá không lên cầm quyền chính được, đáng lẽ ngôi chúa phải thuộc về người con lớn tuổi hơn cả của Nguyễn Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Luân và chính Nguyễn Phúc Khoát cũng đã có ý như vậy từ khi còn sống. Nhưng Nguyễn Phúc Khoát chết, quyền thần Trương Phúc Loan đã phế lập Nguyễn Phúc Luân, bắt Luân bỏ ngục, giết chết mọi người thân cận của Luân và đưa người con 11 tuổi của Nguyễn Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Thuần lên làm chúa. Từ đây, quyền thần Trương Phúc Loan ngày càng tham tàn, bạo ngược. Bọn quan lại và các tầng lớp trên của xã hội Đàng trong lúc ấy đều oán ghét Trương Phúc Loan, thâm tâm muốn phù hoàng tôn Dương lên ngôi chúa, nhưng không có phương sách hoạt động. Năm được tình hình đó, năm 1771, các lãnh tụ Tây Sơn nêu khẩu hiệu: "Đánh đổ Trương Phúc Loan, ủng hộ hoàng tôn Dương" để phát cờ khởi nghĩa. Trong một bài hịch xuất quân của nghĩa quân Tây Sơn sau này, phương hướng đấu tranh đầu tiên là đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan đã được nhắc lại rõ ràng:

"Giận quốc phó[2] ra lòng bội bạc, nên Tây Sơn xưng nghĩa cần vương
Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngầm ghé,
Sau là tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân ra chốn lầm than.
Vĩ lòng trời còn nền nếp Phú Xuân, ắt dấu cũ lại cơ đồ Hữu Hạ ...".

Trong những ngày đầu khởi nghĩa, nghĩa quân Tây Sơn đã tự nhận mình là quân của hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương để chống lại quân của quốc phó Trương Phúc Loan, cho nên người đương thời đã gọi:

"Bình triều là binh quốc phó,

Bình ó là bình hoàng tôn".

1. Bình Định là tên nhà Nguyễn đặt cho Qui Nhơn từ đầu thế kỷ XIX

2. Chỉ Trương Phúc Loan.

Ó nghĩa là hò reo. Nghĩa quân đi tới đâu cũng la ó, hò reo, kêu gọi mọi người lên đường đấu tranh để ủng hộ hoàng tôn Dương.

Trong mấy năm đầu khởi nghĩa, những người lãnh đạo phong trào Tây Sơn đã không tự nhận mình là người lãnh đạo phong trào, chỉ xưng mình là những chủ trại bình thường và vẫn lấy danh nghĩa hoàng tôn Dương làm người cầm đầu nghĩa quân. Khẩu hiệu đấu tranh này thật là sát hợp tình hình và nó đã lôi cuốn được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia phong trào Tây Sơn ngay từ thời kỳ đầu. Nhưng đối với quảng đại quần chúng nông dân thì khẩu hiệu đấu tranh ấy chưa đủ. Phải có một khẩu hiệu đấu tranh cụ thể hơn sát hợp bởi quyền lợi trước mắt của người nông dân hơn nữa. Cho nên bên cạnh khẩu hiệu đấu tranh nói trên, những người lãnh đạo phong trào Tây Sơn đã đề ra khẩu hiệu "lấy của kẻ giàu, giúp người nghèo" và khẩu hiệu ấy đã được thực hiện ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc khởi nghĩa. Chính vì có khẩu hiệu sát hợp với quần chúng như thế mà phong trào Tây Sơn đã lôi cuốn được đông đảo nông dân tham gia và sớm có một lực lượng hùng hậu ngay từ những ngày đầu để đối phó với quân thù.

Những giáo sĩ phương Tây có mặt ở Việt Nam lúc ấy đã nói nhiều về những hành động "cướp của nhà giàu, giúp người nghèo" của nghĩa quân Tây Sơn.

Giáo sĩ Tây Ban Nha Ê-ma-nu-en Ca-xtu-ơ-ra (Emmanuel Castuera) ghi lại:

"Họ tuần hành trong các làng, tuyên bố với dân chúng rằng họ không phải là giặc cướp mà là những người làm theo ý trời, rằng họ muốn thực hiện công lý và giải phóng nhân dân khỏi ách chuyên chế của bọn vua quan. Họ tuyên truyền sự bình đẳng về mọi mặt. Trung thành với chủ nghĩa của họ, những bậc tiền khu của chủ nghĩa xã hội cận đại ấy đã lấy của cải của bọn quan lại và bọn nhà giàu phân phát cho dân nghèo. Những làng mạc bị thuế má hà khắc đè nặng đã nhiệt liệt tuyên thệ hưởng ứng khởi nghĩa.."[1]

Một giáo sĩ Tây Ban Nha khác là Đi-ê-gô đơ Giu-mi-la (Diégo de Jumilla) cũng viết:

"Năm ngoái, 1773, khoảng đầu tháng 4, quân đội Đảng trong bắt đầu tuần hành các nơi... Ban ngày họ xuống các chợ, kẻ đeo guơm, người mang cung tên, lại có người mang súng. Họ không hề làm thiệt hại đến người và của. Trái lại họ tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người Đảng trong; họ vào nhà giàu, nếu đem nộp họ ít nhiều thì họ không gây tổn hại, nhưng nếu chống cự lại thì họ cướp lấy những của quý đem chia cho người nghèo, họ chỉ giữ gạo và lương thực cho họ mà thôi ... Người ta gọi họ là bọn cướp đạo đức và nhân từ đối với quần chúng nghèo khổ..."[2].

Những đường lối vận động cách mạng và những khẩu hiệu đấu tranh nói trên đã đoàn kết và tập hợp được mọi lực lượng để đánh địch. Ngay từ những ngày đầu cuộc khởi nghĩa, trong hàng ngũ nghĩa quân, người ta đã thấy có mặt hầu khắp các tầng lớp nhân dân và thành phần dân tộc của vùng Qui Nhơn, Quảng Nam. Bên cạnh quảng đại quần chúng nông dân là lực lượng cơ bản của phong trào, người ta thấy có những thổ hào như Nguyễn Thung, những đại phú như

Huyền Khê. Bên cạnh người Việt, có người

1. Lời văn trên đây là do Lorenzo Pérez tóm tắt theo tài liệu của E. Castuera viết tháng 11 năm 1785. Lorenzo Pérez: Les Espagnols dans l'Empire d' An nam. Bulletin de la Société des études indochinoises, nouvelle série, tome XV, n0 3, 4-1940, pp. 67, 68.

2. Thư của giáo sĩ Tây Ban Nha Diéno de Jumilla viết ngày 15 tháng 2 năm 1771 - B.S.E.I. nouvelle série, t. XV, n0 3, 4. p. 74.

Thượng, người Chăm và các thương nhân Hoa kiều hoặc dân tộc Hán như các đạo quân Hòa nghĩa và Trung nghĩa của Lý Tài và Tập Đình. Một phong trào nông dân trong thời phong kiến mà có được nhiều tầng lớp nhân dân, nhiều thành phần dân tộc tham gia như thế cũng là hiếm có. Với sự nhiệt liệt hưởng ứng của quảng đại quần chúng nhân dân, ngay từ những ngày đầu khởi nghĩa, lực lượng vũ trang của phong trào Tây Sơn đã có tới 3.000 người[]. Căn cứ địa Qui Nhơn lại có nhiều voi lớn, ngựa tốt. Đồng bào miền núi Qui Nhơn có truyền thống đua ngựa, quản tượng giỏi.

Đồng bào cả miền Qui Nhơn, Kinh cũng như Thượng, đều có truyền thống thượng võ, giỏi roi, giỏi quyền, giỏi quân sự. Cho nên những đội quân đầu tiên của phong trào Tây Sơn đã là những đội quân thiện chiến và dũng cảm.

Tới đầu năm 1773, lực lượng vũ trang của nghĩa quân đã có tới hàng vạn người, căn cứ địa của nghĩa quân đã bao gồm một khu vực rộng lớn của phủ Qui Nhơn: vùng núi An Khê và ba huyện Phù Ly, Bồng Sơn, Tuy Viễn.

Trong thời kỳ đầu Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ chưa xuất hiện như những lãnh tụ của phong trào. Phần vì họ còn trẻ tuổi phần vì muốn thực hiện chính sách

đoàn hết các lực lượng, nghĩa quân Tây Sơn đã cử ba người có tính chất tiêu biểu nhất lúc bấy giờ đứng ra lãnh đạo phong trào: Nguyễn Nhạc, đại diện cho những người đề xướng phong trào, Huyền Khê, một người giàu có lớn và Nguyễn Thung, một thổ hào có thế lực ở phủ Qui Nhơn. Nghĩa quân Tây Sơn bắt đầu xây dựng chính quyền của nông dân trong căn cứ địa, theo hình thức tổ chức riêng của mình. Nguyễn Nhạc làm chủ trại nhất, cầm chính quyền hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn. Nguyễn Thung làm chủ trại nhì, cầm chính quyền huyện Tuy Viễn. Huyền Khê làm chủ trại ba, chuyên trách việc quân lương.

Bên cạnh những người lãnh đạo, có mấy người tướng giúp việc là Lý Tài và Tập Định, trực tiếp chỉ huy hai toán quân người Hoa kiều và người dân tộc Hán do họ chiêu mộ.

Tới đây công tác chuẩn bị khởi nghĩa coi như hoàn thành. Nghĩa quân có khả năng kiểm soát hoàn toàn vùng Qui Nhơn. Giờ khởi nghĩa đã tới. Nghĩa quân có thể mở những đợt tiến công đầu tiên vào quân địch và nắm chắc phần thắng lợi.

1. Al. Faure. Les Français en Cochinchine au XVIII siècle... Chaliamel, Paris, 1891.

NGUYỄN HUỆ CHIẾN THẮNG PHÚ YÊN MỞ ĐẦU THỜI KỲ PHÁT TRIỂN LỚN MẠNH CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN

Giữa năm 1773, căn cứ địa đã được xây dựng vững chắc, những điều kiện vật chất và tinh thần để vũ trang tác chiến với địch đã có đầy đủ, nghĩa quân Tây Sơn bắt đầu tiến công địch. Trong một đêm[1], nghĩa quân hạ thành Qui Nhơn. Tuân phủ Qui Nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên bỏ cả vợ con, vớt cả ấn tín[2], chạy trốn. Nghĩa quân Tây Sơn tiến công liên tiếp vào các phủ Quảng Ngãi, Diên Khánh, Bình Khang, Bình Thuận và đã thu được thắng lợi to lớn trong buổi đầu. Trong vòng mấy tháng cuối năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn đã làm chủ cả một dải đất đai chạy dài từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận. Lần đầu tiên, ngọn cờ đỏ[3] chiến thắng của nghĩa quân Tây Sơn phấp phới bay trên các thành lũy, dinh thự của bọn vua quan phong

- 1.Theo thư của Diégo de Jumilla viết ngày 15 tháng 2 năm 1774. B.S E.I. nouvelle série, t.XV, n0S 3-4. 3è et 4d trimestre 1940, p 74, thì nghĩa quân Tây Sơn đánh thành Qui Nhơn vào một buổi sáng, khoảng giữa tháng 9 năm 1773.
2. Thư của Diégo de Jumilla ngày 15 tháng 2 năm 1774, tài liệu đã dẫn, tr.74.
3. Các tài liệu cũ của ta đều nói cờ Tây Sơn màu đỏ Al. Faure trong Les Francaí en Cochinchine au XVIIIè siècle, Challamel, Paris, 1891, tr. 31 cũng nói cờ Tây Sơn màu đỏ. Diéngo de Jumilla trong thư viết ngày 15 tháng 2 năm 1774, nói rõ cờ Tây Sơn bằng lụa đỏ.

kiến, gạt bỏ uy thế chính trị từ hàng bao đời của chúng tại những nơi đây.

Tuy vậy, lực lượng nghĩa quân còn yếu, quân chưa nhiều (mặc dầu đã có được 26.000 người[1] nhưng so với địch thì vẫn còn ít), vũ khí còn thiếu[2], kinh nghiệm xây dựng chính quyền chưa có, nên việc làm chủ và giữ gìn một vùng đất đai rộng lớn như vậy không phải không có khó khăn.

Đầu năm 1774, chúa Nguyễn cho quân tiến xuống Quảng Nam để tiến công nghĩa quân. Chủ tướng quân Nguyễn là Tôn Thất Thăng, sợ thanh thế nghĩa quân, không dám đánh và bỏ trốn. Mùa hè năm 1774, chúa Nguyễn cử Tổng Phúc Hiệp đem đại quân từ Gia Định theo hai đường thủy bộ tiến đánh nghĩa quân. Nghĩa quân Tây Sơn phải rút khỏi Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, để giữ vững từ Phú Yên trở ra Quảng Ngãi.

Trong phạm vi đất đai như vậy, nghĩa quân Tây Sơn có thể củng cố căn cứ, phát triển lực lượng, chuẩn bị cho những đợt tấn công mạnh mẽ hơn. Nhưng cũng trong lúc này, lợi dụng cơ hội chúa Nguyễn đang phải tập trung lực lượng để đối phó với nghĩa quân Tây Sơn, chúa Trịnh cử Hoàng Ngũ Phúc đem đại quân từ Bắc Hà tiến vào đánh chúa Nguyễn.

Mùa đông năm 1774, quân Trịnh vượt sông Gianh, lần lượt đánh chiếm Bồ Chính, Đồng Hới, tiến nhanh vào Thuận Hóa. Ngày 30 tháng 1 năm 1775, quân

Trình hạ thành Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Thuận phải bỏ kinh

1. Thư của Diégo de Jumilla viết ngày 9 tháng 8 năm 1774 tài liệu đã dẫn. tr. 78.
2. Legrand de la Liraye trong Notes historiques sur la nation annamite. tr. 89, nói rằng: trong trận đánh Qui Nhơn năm 1773, vũ khí chủ yếu của nghĩa quân là giáo tre và đuốc. Đuốc làm vũ khí nói đây chính là hỏa khí, một thứ vũ khí rất lợi hại mà, qua tài liệu này, ta thấy nghĩa quân Tây Sơn đã tự chế tạo và sử dụng ngay từ những ngày đầu khởi nghĩa

thành chạy vào Quảng Nam. Không để cho bọn chúa Nguyễn kịp nghỉ ngơi, nghĩa quân Tây Sơn theo hai đường thủy bộ tiến ra đánh Quảng Nam. Nguyễn Phúc Thuận vội chạy vào Gia Định, để cháu là Nguyễn Phúc Dương và một số tướng lĩnh ở lại hoạt động ở vùng Cu Đê thuộc Quảng Nam.

Tháng hai năm ất Mùi (1775), quân Trịnh tiến xuống Quảng Nam. Nghĩa quân Tây Sơn cũng tiến lên lòng bắt được bọn Nguyễn Phúc Dương. Tháng Tư âm lịch, quân Trịnh vượt qua đèo Hải Vân, tiến đánh nghĩa quân Tây Sơn. Lần đầu tiên, nghĩa quân Tây Sơn tiếp xúc với quân Trịnh đang đà thắng lợi. Nguyễn Nhạc cử Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, tiến đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa thuộc Quảng Nam. Nhưng Tập Đình bị đại bại; bỏ trốn khỏi hàng ngũ nghĩa quân, tìm đường chạy về Trung Quốc. Nguyễn Nhạc và Lý Tài phải rút quân về Bản Tân (giáp giới Quảng Nam - Quảng Ngãi). Quân Trịnh vẫn tiến. Nguyễn Nhạc phải rút về Qui Nhơn.

Thấy nghĩa quân Tây Sơn đang bị thất bại nặng nề trước sức tiến công của quân Trịnh, tháng Năm năm Ất Mùi (1775), tướng Nguyễn ở Bình Khang, Diên Khánh là Tổng Phúc Hiệp đem toàn quân đánh chiếm Phú Yên.

Nghĩa quân Tây Sơn phải rời bỏ Phú Yên rút về Qui Nhơn.

Như vậy là căn cứ địa của nghĩa quân bị thu hẹp lại trong phạm vi Qui Nhơn, Quảng Ngãi và lâm vào cái thế bị kẹp giữa hai gọng kìm. Quân Trịnh uy hiếp ở sườn phía bắc Qui Nhơn. Sườn phía nam Qui Nhơn bị quân Nguyễn của Tổng Phúc Hiệp uy hiếp. Quân địch ở hai mặt tổng số có tới 5, 6 vạn quân. Không gỡ khỏi cái thế bị bao vây này, nghĩa quân Tây Sơn có nguy cơ bị tiêu diệt nhanh chóng. Căn cứ địa Qui Nhơn chỉ thuận lợi cho nghĩa quân Tây Sơn trong trường hợp đối phó với một kẻ thù, chia cắt lực lượng của một kẻ thù ra làm nhiều bộ phận để tiến đánh dễ dàng. Nhưng trong trường hợp phải đối phó với cả hai kẻ thù. Quân Trịnh từ phía Bắc kéo xuống, quân Nguyễn từ phía Nam tiến lên. Cùng tập trung lực lượng tiến vào căn cứ địa thì nghĩa quân Tây Sơn ở vào cái thế thật nguy hiểm, không thể đương đầu nổi với cả hai kẻ thù một lúc.

Để đối phó với tình hình đó, nghĩa quân Tây Sơn đã có một chiến lược mâu nhiệm: dùng biện pháp ngoại giao để chặn tay một kẻ thù và chuẩn bị tiến công một kẻ thù.

Trong hai kẻ thù lúc ấy, quân Trịnh của Hoàng Ngũ Phúc vẫn là đối thủ nguy hiểm nhất. Cần phải hòa hoãn được với quân Trịnh, để tập trung lực lượng tiến công quân Nguyễn.

Nguyễn Nhạc cho người tới thương thuyết với tướng Trịnh Hoàng Ngũ Phúc xin nhận làm đội quân tiên phong của Trịnh để đánh Nguyễn. Quân Trịnh, sau một thời gian hành quân xa, từ Bắc vào và phải liên tục chiến đấu trong gần một năm trời, cũng có ý muốn nghỉ ngơi đôi chút rồi sẽ quyết định sau, nên Hoàng Ngũ Phúc đã nhận lời hòa hoãn với nghĩa quân Tây Sơn và nhân danh chúa Trịnh, phong cho Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn trưởng hiệu tráng tiết tướng quân. Nhưng tướng Trịnh vẫn không lui quân, vẫn đóng nguyên ở vị trí cũ, sát với căn cứ địa của nghĩa quân với ý đồ: nếu nghĩa quân Tây Sơn đánh thắng quân Nguyễn, tiến sâu được vào Nam, thì quân Trịnh sẽ tiến theo sau, chiếm lấy thành quả chiến thắng của nghĩa quân, thu phục đất đai mới mà không phải khó nhọc. Trái lại, nếu nghĩa quân Tây Sơn không thắng được quân Nguyễn, hoặc bị quân Nguyễn đánh bại thì khi ấy quân Trịnh sẽ tiến vào căn cứ địa Quảng Ngãi, Qui Nhơn, tiêu diệt nghĩa quân, trực tiếp đối phó với quân Nguyễn. Nghĩa quân Tây Sơn cũng thấy rõ những ý đồ ấy của quân Trịnh.

Nghĩa quân quyết định phải đánh chiếm được Phú Yên, đẩy lùi quân Nguyễn về phía nam, đồng thời lấy chiến thắng đó làm áp lực buộc quân Trịnh phải từ bỏ ý đồ xâm phạm vào căn cứ địa của nghĩa quân.

Nhưng đánh được quân Nguyễn của Tổng Phúc Hiệp ở Phú Yên không phải là dễ dàng.

Tại đây Tổng Phúc Hiệp có hai vạn quân[1]. Tổng Phúc Hiệp đóng bản doanh ở Phú Yên và lập hai cứ điểm phòng vệ cho Phú Yên, một ở Xuân Đài do bộ binh đóng giữ, một ở Vũng Lắm do thủy binh đồn trú[2]. Đối với một lực lượng địch mạnh như vậy, nghĩa quân sẽ đánh như thế nào để thắng và ai sẽ đảm nhiệm sứ mạng quyết chiến với địch, bảo đảm thắng lợi cho nghĩa quân. Các tướng của nghĩa quân như Tập Đình thì đã bỏ trốn, Lý Tài thì bại trận liên tiếp, không còn tinh thần chiến đấu và cũng không có khả năng thực hiện thành công một trận quyết chiến như vậy. Bản thân Nguyễn Nhạc cũng không phải là một tướng tài có thể đảm đương cái nhiệm vụ quân sự nặng nề ấy.

Chính trong tình hình khó khăn này, Nguyễn Huệ đã xuất hiện như một vị cứu tinh, đứng ra gánh vác trọng trách quyết định vận mệnh sống còn của phong trào.

Nguyễn Huệ tức này mới 23 tuổi. Không ai ghi lại được những hoạt động của ông từ khi phong trào Tây Sơn mới bùng nổ và chỉ từ trận Phú Yên này, tên tuổi ông mới ghi trong sử sách của nhà Nguyễn. Nhưng chắc chắn rằng từ 1771 tới 1775 Nguyễn Huệ đã kinh qua chiến đấu nhiều, có nhiều kinh nghiệm và tỏ ra là một tướng lĩnh xuất sắc. Cho nên khi ông lĩnh trách nhiệm chỉ huy trận đánh Phú Yên, thì nghĩa quân đều tin tưởng và những tướng lĩnh cũ như Lý

Tài, cũng phải chịu làm phó tướng giúp việc ông.

Để phát huy yếu tố bất ngờ, tạo điều kiện đánh thắng dễ dàng cho nghĩa quân, các lãnh tụ Tây Sơn cho người

1. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí. Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, q. 3, tờ 67.
2. Xuân Đài cách Vũng Lắm 4 ki-lô-mét, Vũng Lắm cách Phú Yên khoảng 10 ki-lô-mét.

tới Phú Yên thương lượng với Tổng Phúc Hiệp về việc lập hoàng tôn Dương làm chúa và nghĩa quân Tây Sơn hợp tác với quân Tổng Phúc Hiệp cùng tiến đánh quân Trịnh.

Cuộc thương lượng chưa đi tới kết quả thì Nguyễn Huệ bất ngờ đem quân tập kích Phú Yên. Cho đến nay những tài liệu đã sưu tầm được chưa cho biết rõ Nguyễn Huệ đã đánh Phú Yên như thế nào, phương châm, hình thức tác chiến ra sao để đạt được thắng lợi nhanh chóng. Nhưng cũng biết đại khái được rằng Nguyễn Huệ đã hạ thành Phú Yên rất mau lẹ. Quân Nguyễn trong thành Phú Yên ra ứng chiến bị tan rã trong chớp nhoáng. Tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Hiền tử trận. Một tướng Nguyễn khác là cai cơ Nguyễn Khoa Kiên bị Nguyễn Huệ bắt sống. Chủ tướng Nguyễn là Tổng Phúc Hiệp phải bỏ thành Phú Yên rút quân chạy. Được tin Phú Yên thất thủ, tướng Nguyễn trấn thủ ở Bình Khang

là Bùi Công Kế đem quân theo đường núi tiến ra cứu viện cho Phú Yên. Nguyễn Huệ cho quân đón đánh và bắt sống Bùi Công Kế[1]. Một tướng Nguyễn khác là Tống Văn Khôi đem quân từ Khánh Hòa tiến ra, cũng bị quân đội của Nguyễn Huệ đánh cho đại bại ở Tam Độc, Tống Văn Khôi chết tại trận[2].

Như thế là hai vạn quân của Tống Phúc Hiệp bị tan rã, Phú Yên lại thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn. Quân Nguyễn bị đẩy lui xuống phía nam và từ đây mất hẳn khả năng tiến công nghĩa quân Tây Sơn.

Trong khi Nguyễn Huệ đánh Phú Yên thì tướng Trịnh, Hoàng Ngũ Phúc cũng thừa cơ tiến sâu thêm một bước vào gần căn cứ địa của nghĩa quân và đóng quân tại Chu Ô. Nhưng chiến thắng vang dội của Nguyễn Huệ đã khiến quân Trịnh phải chùn bước. Theo yêu cầu của Nguyễn Nhạc, Hoàng Ngũ Phúc phải chịu nhân danh chúa Trịnh phong chức Tây Sơn hiệu tiên phong tướng quân cho

1, 2. Đại Nam liệt truyện tiền biên, Sách chữ Hán, q. 4.

.. Nguyễn Huệ. Sau đó tự thấy không thể đàn áp được phong trào Tây Sơn và cũng không thể tiến sâu thêm vào Nam, Hoàng Ngũ Phúc bỏ đất Quảng Nam, lui về Phú Xuân, rồi không bao lâu, để một ít quân tướng ở lại giữ Phú Xuân, còn mình thì rút hẳn đại quân về Bắc Hà. Nghĩa quân Tây Sơn từ đây

hoàn toàn rảnh tay không phải lo đối phó với một kẻ địch mạnh hơn hẳn mình lúc ấy là quân đội Trịnh.

Sau khi quân Trịnh rút khỏi Quảng Nam, dư đảng của nhà Nguyễn ở đây, do Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân tập hợp lại, đã nổi dậy chiếm giữ Quảng Nam. Nguyễn Huệ lại từ Phú Yên trở về Qui Nhơn, điều quân lên đánh Quảng Nam. Cuộc nổi dậy của dư đảng nhà Nguyễn bị dẹp tan nhanh chóng. Quảng Nam lại thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn.

Như vậy là chiến thắng Phú Yên của nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của vị anh hùng trẻ tuổi Nguyễn Huệ đã có một tác dụng vô cùng quan trọng, làm thay đổi hẳn cục diện, hoàn toàn có lợi cho nghĩa quân Tây Sơn. Chiến thắng Phú Yên đã gỡ cho nghĩa quân Tây Sơn ra khỏi cái thế bị kẹp trong hai gọng kìm của cả hai thế lực phản động Trịnh - Nguyễn, vĩnh viễn ngăn chặn bước tiến vào Nam của quân Trịnh, làm suy yếu hẳn lực lượng của nhà Nguyễn và mở đường cho sự phát triển rộng lớn ra toàn quốc của phong trào nông dân Tây Sơn. Từ đây cho tới khi ông chết, trải gần hai mươi năm ròng rã, Nguyễn Huệ đi tới đâu lá cờ đỏ chiến thắng của ông đều giương cao đến đó.

Cũng từ đây, Nguyễn Huệ trở thành linh hồn của phong trào Tây Sơn, người tổ chức nên mọi thắng lợi của phong trào Tây Sơn sau này.

NGHĨA QUÂN TÂY SƠN TẬP KÍCH QUÂN NGUYỄN Ở GIA ĐỊNH

Sau chiến thắng Phú Yên của nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy, cả hai kẻ địch, quân Nguyễn và quân Trịnh đều bị đẩy lùi xa căn cứ Qui Nhơn của nghĩa quân Tây Sơn. Được rảnh tay đối phó với nhà Trịnh ở phía bắc, các lãnh tụ Tây Sơn quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt thế lực nhà Nguyễn ở miền Nam.

Từ khi bọn chúa Nguyễn phải bỏ kinh thành Phú Xuân cho quân Trịnh chiếm đóng, đem tàn quân chạy vào Gia Định và tướng Nguyễn, Tổng Phúc Hiệp bị Nguyễn Huệ đánh bật khỏi Phú Yên, lực lượng quân sự của nhà Nguyễn đã suy yếu nhiều so với trước, nhưng chúng vẫn âm mưu phản công chiếm lại vị trí đã mất. Vào tới Gia Định, Nguyễn Phúc Thuần ra sức tăng cường lực lượng, tích cực tuyển mộ binh lính, tích trữ binh lương. Trong vài tháng, quân số của Nguyễn Phúc Thuần ở Gia Định có tới 25.000 người, Nguyễn Phúc Thuần lại được một người Hoa kiều làm tổng trấn Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ nhận đem quân phù trợ. Gia Định trở thành căn cứ của bọn chúa Nguyễn để chuẩn bị phản công mạnh vào nghĩa quân Tây Sơn.

Biết rõ Lý Tài, tướng Tây Sơn giữ thành Phú Yên, đương bất mãn với các lãnh tụ Tây Sơn, vì chức đại tướng của hắn trước kia, nay thuộc về người anh hùng trẻ tuổi Nguyễn Huệ, Tổng Phúc Hiệp liền cho người chiêu dụ Lý Tài. Quả nhiên Lý Tài đã đem thành Phú Yên và quân bản bộ của y đầu hàng Tổng Phúc Hiệp, theo về với Nguyễn. Tổng Phúc Hiệp lại tìm cách thu phục được Chu

Văn Tiếp, một tướng lực tâm, phản động, chống Tây Sơn, từ miền núi Phú Yên, đem hơn một nghìn quân theo về với Tổng Phúc Hiệp. Do đây, quân thế của nhà Nguyễn ở miền Bình Thuận, Phú Yên lại mạnh dần lên.

Trước tình hình đó, các lãnh tụ nghĩa quân Tây Sơn thấy cần phát hành động kịp thời, đập tan kế hoạch chuẩn bị phản công của bọn chúa Nguyễn tại Gia Định, kéo bớt lực lượng quân Nguyễn ở Phú Yên, Bình Thuận về Gia Định làm cho chúng mất khả năng phản công cũng như khả năng uy hiếp trực tiếp vào cạnh sườn căn cứ địa của nghĩa quân.

Các lãnh tụ Tây Sơn chủ trương đánh bất ngờ vào căn cứ Gia Định của địch, với mục đích tiêu diệt một phần sinh lực địch và thu hết quân lương của địch ở Gia Định.

Trận tập kích đầu tiên này chưa có mục đích giải phóng đất đai và tiêu diệt toàn bộ quân Nguyễn, vì nghĩa quân lúc ấy chưa có khả năng thực tế để làm công việc đó.

Đầu năm 1776, các lãnh tụ Tây Sơn mộ thêm quân và Nguyễn Lữ được trao nhiệm vụ chỉ huy trận tập kích này.

Ngày 27 tháng 3 năm 1776, tức ngày 8 tháng Hai năm Bính Thân, Nguyễn Lữ đem thủy quân tiến vào Gia Định. Bị đánh bất ngờ, quân Nguyễn không kịp trở tay. Nguyễn Phúc Thuần phải bỏ thành Gia Định, đem quân chạy ra Trấn Biên

(vùng Biên Hòa ngày nay). Nguyễn Lữ vào thành Gia Định, kiểm điểm kho tàng, thu thập quân lương, chuẩn bị phương tiện vận tải để đưa về Qui Nhơn. Đồng thời, Nguyễn Lữ cho một bộ phận nghĩa quân tiến xuống phía nam tập kích dinh Long Hồ. Quân Nguyễn ở Long Hồ bị tiêu diệt. Tướng Nguyễn ở Long Hồ là Bùi Hữu Lễ bị nghĩa quân bắt sống tại trận.

Trước sức tiến công mạnh mẽ của nghĩa quân Tây Sơn, Nguyễn Phúc Thuần phải chạy về Bà Rịa. Tại đây, có lần bị nghĩa quân truy tìm ráo riết. Nguyễn Phúc Thuần phải chạy trốn vào nhà một giáo sĩ Tây Ban Nha là Diégo de Jumilla, nằm ẩn dưới gầm giường mới thoát nạn[1], vì nghĩa quân không xâm phạm tới nhà ở của những người làm nghề tôn giáo.

Trước tình hình nguy khốn đó, Nguyễn Phúc Thuần vội phái Đỗ Thanh Nhân đi Mỹ Tho mộ quân cần vương, cho người đi cầu viện Mạc Thiên Tứ ở Cần Thơ đem quân lên giúp và triệu Tổng Phúc Hiệp ở Phú Yên đem quân về cứu chúa.

Tới tháng Năm âm lịch, Đỗ Thanh Nhân chiêu mộ được hơn 3.000 quân, gọi là quân Đông Sơn, tự xưng là Đông Sơn thượng tướng quân, từ Tam Phú (thuộc Mỹ Tho) tiến quân về Gia Định. Trong khi ấy, Mạc Thiên Tứ đem quân từ Cần Thơ tiến lên, Tổng Phúc Hiệp và Lý Tài cũng đang trên đường hành quân từ Phú Yên vào Nam và đã tới Trấn Biên, gần Gia Định.

Thấy quân cứu viện của địch ở các ngả đã kéo tới, Nguyễn Lữ hạ lệnh rút

quân, đem theo hơn 200 thuyền lương lấy được ở Gia Định, đưa về Qui Nhơn. Tới đây, nhiệm vụ tiến đánh Gia Định của nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Lữ chỉ huy đã hoàn thành trọn vẹn. Quân đội Tây Sơn bảo toàn lực lượng trở về căn cứ.

1. Lorenzo Pérez. Les Espagnols dans l'Empire d'Annam, Archives Ibéro-americano. 1932, n0 107

NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN GIẢI PHÓNG GIA ĐỊNH LẦN THỨ NHẤT (1777)

Sau khi nghĩa quân Tây Sơn rút về Qui Nhơn, Nguyễn Phúc Thuần cùng bọn Đỗ Thanh Nhân đem quân trở về thành Gia Định. Tổng Phúc Hiệp và Lý Tài cũng từ Trấn Biên về tới nơi. Bấy giờ là tháng Năm năm Bính Thân (1776).

Sang tháng sáu Tổng Phúc Hiệp chết. Lý Tài và Đỗ Thanh Nhân đều muốn, giành quyền thống lĩnh toàn bộ quân đội nhà Nguyễn về mình. Hai kẻ đầy tham vọng gặp nhau, không thể cùng chung sống. Lý Tài đem quân bản bộ giữ núi Chiêu Thái, chống lại Đỗ Thanh Nhân. Hai bên đánh nhau. Đỗ Thanh Nhân yếu thế phải đắp lũy ở Bến Nghé và sông Thị Nghè tại Sài Gòn (tức thành Gia Định) để cố thủ.

Tháng Mười năm Bính Thân (1776), Nguyễn Phúc Dương từ Qui Nhơn trốn

được về Gia Định. Phúc Dương vội vàng gọi Lý Tài về làm vây cánh cho mình. Lý Tài tiến quân về Gia Định, Đỗ Thanh Nhân phải bỏ Gia Định, chạy về căn cứ cũ Ba Giòng (tức Tam Phú) Lý Tài ép Phúc Thuận nhường ngôi chúa cho Phúc Dương. Phúc Dương xưng là Tân chính vương và tôn Phúc Thuận làm Thái thượng vương. Lý Tài được phong làm bảo giá đại tướng quân.

Phúc Thuận và bọn cháu là anh em Nguyễn Ánh (tức Gia Long sau này) bỏ Gia Định trốn về Ba Giòng với Đỗ Thanh Nhân. Lý Tài đón bắt Phúc Thuận đưa về Gia Định Chỉ có anh em Nguyễn Ánh trốn thoát về với quân Đông Sơn.

Như vậy là bọn chúa Nguyễn đã chia làm hai phe: phe Nguyễn Phúc Thuận và phe Nguyễn Phúc Dương. Lực lượng quân sự của nhà Nguyễn ở Gia Định cũng chia làm hai phe, đánh lẫn nhau. Lý Tài và quân Hòa Nghĩa ủng hộ Nguyễn Phúc Dương. Đỗ Thanh Nhân và quân Đông Sơn ủng hộ Nguyễn Phúc Thuận. Tình hình đó chính là thời cơ thuận lợi để nghĩa quân Tây Sơn tiến vào đại phá Gia Định. Và nghĩa quân Tây Sơn đã không bỏ lỡ thời cơ. Vị anh hùng trẻ tuổi Nguyễn Huệ được cử làm tướng, đem quân đi đánh Gia Định.

Lần này, để tiến công quân Nguyễn, các lãnh tụ Tây Sơn tập trung một lực lượng tương đối quan trọng, có thủy binh và bộ binh cùng phối hợp tác chiến. Kế hoạch tác chiến quy định:

1. Dùng thủy quân làm lực lượng tiến công chủ yếu, đánh chiếm Gia Định tiêu diệt quân chủ lực của nhà Nguyễn, sau đó mở rộng đánh chiếm các địa điểm

quan trọng ở phía nam Gia Định như Long Hồ, Phiên Trấn.

2. Dùng bộ binh đánh thành Bình Thuận, tiêu diệt quân Nguyễn phòng ngự ở đây , sau đó giải phóng vùng Bình Thuận, Trấn Biên ở phía bắc Gia Định.

Cả hai đạo quân đều đặt dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ.

Tháng Ba năm Đinh Dậu (1777), quân đội Tây Sơn bắt đầu tiến công.

Cánh quân đường thủy do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy, tiến thẳng vào cửa biển Cần Giờ, đánh lên Gia Định.

Cánh quân đường bộ tiến theo đường núi đánh phá khắp một dải từ Phú Yên, Bình Thuận vào đến Trấn Biên, cắt đứt sự liên hệ giữa những cánh quân Nguyễn ở đây với những cánh quân Nguyễn ở Gia Định.

Được tin Nguyễn Huệ đem quân theo hai đường thủy bộ tiến vào, Nguyễn Phúc Dương đề Lý Tài ở lại giữ thành Gia Định, tự mình đem một đạo quân lên đóng ở Trấn Biên, với ý định tránh đòn đánh mãnh liệt của Nguyễn Huệ, giữ vững lực lượng, chờ thời cơ phản công. Ý định ấy bị phá tan: bộ binh Tây Sơn đã vào tới Trấn Biên và bắt đầu tác chiến với quân Nguyễn. Hai bên giáp chiến. Quân Nguyễn bị thiệt hại nặng nề, phó tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn, chương trường đà Nguyễn Đại Lữ đều chết trận.

Trong lúc đó, tại Gia Định, Nguyễn Huệ tiến công liên tiếp vào thành. Lý Tài đưa chủ lực ra cự chiến. Trước sức mạnh của quân Tây Sơn, đạo quân Lý Tài bị thất bại dồn dập và tan rã dần.

Thấy nguy cơ mất thành Gia Định, Nguyễn Phúc Dương quyết định để lại một bộ phận lực lượng ứng phó với nghĩa quân tại Trấn Biên, còn đem hết quân về tăng viện cho Lý Tài, với ý định cùng Lý Tài cố thủ Gia Định. Nhưng Nguyễn Phúc Dương về tới Gia Định thì cũng là lúc thành Gia Định thất thủ. Nguyễn

Huệ đem đại quân tiến công mãnh liệt vào thành Gia Định. Lý Tài phải bỏ thành đem quân tháo chạy. Nguyễn Phúc Dương và Nguyễn Phúc Thuận chạy theo Lý Tài ra Hóc Môn[1].

1. Đại nam chính biên liệt truyện. sơ tập. q. 27, tờ 23 nói rằng Nguyễn Huệ đánh thành Gia Định, Lý Tài thua phải lui về Hóc Môn.

Đại nam thực lục tiền biên q. 12, lại nói rằng khi Nguyễn Huệ đánh Gia Định, Nguyễn Phúc Dương sai Lý Tài đem quân ra Hóc Môn để cự chiến.

Ở đây chúng tôi theo tài liệu của liệt truyện mà không theo thực lục. Bởi vì thủy quân của Nguyễn Huệ từ phía cửa biển Cần Giờ, tức là từ phía đông nam Sài Gòn tiến đánh Sài Gòn, mà Lý Tài lại đem quân ra Hóc môn, ở phía tây bắc cách Sài Gòn 20 ki-iô-mét để nghênh chiến thì không hợp lý. Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí nói rằng thủy quân của Nguyễn Huệ đã đóng ở Bến Nghé, đương tiến công thành Gia Định, mà Lý Tài lại đem quân chủ lực ra Hóc Môn để đón đánh bộ binh Tây Sơn ở phía Trần Biên tiếp xuống. Điều đó cũng không hợp lý.

Nguyễn Huệ vào thành Gia Định và cho một đạo quân tiến về phía Hóc Môn truy kích bọn Lý Tài, Nguyễn Phúc Dương. Tại đây, trong khi Lý Tài đang tác chiến tuyệt vọng với quân Tây Sơn thì ở phía sau lưng, một đạo quân khác lao mình tiến tới. Lý Tài hoảng sợ, cho là Đỗ Thanh Nhân đem quân Đông Sơn đến đánh úp mình, vội vàng đem quân bản bộ chạy khỏi Hóc Môn, bỏ mặc Nguyễn Phúc Dương, Nguyễn Phúc Thuận ở lại đối phó với nghĩa

quân Tây Sơn. Nhưng đạo quân mới tới lại chính là quân Nguyễn. Tướng Nguyễn Trương Phúc Thận đem quân từ Cần Vọt (Kampot) đi gấp về Gia Định để cứu viện cho bọn chúa Nguyễn và Lý Tài. Được quân Trương Phúc Thận tới cứu, Nguyễn Phúc Dương và Nguyễn Phúc Thuần cùng Trương Phúc Thận chạy về Tranh Giang (thuộc Định Tường).

Đạo quân Lý Tài sau khi rời khỏi trận địa Hóc Môn, không còn con đường nào khác ngoài con đường chạy về phía Ba Giòng, vì các ngã đường đều bị quân Tây Sơn chặn giữ. Mà chạy về Ba Giòng thì nguy hiểm cho Lý Tài, vì Ba Giòng là căn cứ của quân Đông Sơn. Nhưng cùng đường, Lý Tài đánh liều đem quân chạy về phía Ba Giòng, và quả nhiên, chạy gần tới Ba Giòng, quân Lý Tài bị quân Đông Sơn đón đánh và tiêu diệt gọn. Lý Tài cũng bị giết chết. Sau khi tiêu diệt quân Lý Tài, Đỗ Thanh Nhân cùng Nguyễn Ánh đem 4.000 quân Đông Sơn đi tìm bọn chúa Nguyễn. Gặp quân Đông Sơn, Nguyễn Phúc Thuần liền tách khỏi bọn Nguyễn phúc Dương, đi theo quân Đông Sơn về Tài Phụ (thuộc Định Tường) và trao quyền tướng sứ cho Đỗ Thanh Nhân.

Lý Tài đã chết, mối xung đột trong nội bộ chúa và tướng nhà Nguyễn tạm hòa hoãn. Đỗ Thanh Nhân và Nguyễn Phúc Thuần chủ trương phối hợp tác chiến với Trương Phúc Thận và Nguyễn Phúc Dương. Kế hoạch dự định là: hai cánh quân lấy sông Tranh Giang làm ranh giới dựa lưng vào nhau để cùng chống đỡ cuộc tiến công của quân tây Sơn.

Trương Phúc Thận và Nguyễn Phúc Dương chỉ huy hướng Tranh Giang.

Nguyễn Phúc Thuần chỉ huy hướng Tài Phụ, Đỗ Thanh Nhân đóng quân tại Giá Khê.

Tháng Tư âm lịch, Nguyễn Huệ cho quân tiến đánh cả hai hướng: Tài Phụ và Tranh Giang. Tại mặt trận Tài Phụ, quân Đông Sơn đại bại. Nguyễn Phúc Thuần chạy bạt sang Long Hưng (thuộc Định Tường). Từ Giá Khê, Đỗ Thanh Nhân cũng đem quân chạy theo sang Long Hưng.

Trước sức truy kích mạnh mẽ của nghĩa quân Tây Sơn, Nguyễn Phúc Thuần và Đỗ Thanh Nhân phải chạy sang Cần Thơ mong dựa vào quân đội của Mạc Thiên Tứ để đối phó với quân Tây Sơn.

Tại mặt trận Tranh Giang, Nguyễn Phúc Dương và Trường Phúc Thận cũng không đương nổi sức tiến công mãnh liệt của nghĩa quân Tây Sơn và phải rút chạy xuống Trà Tân (thuộc Định Tường) rồi cùng thủy quân do chương cơ Thiêm Lộc chỉ huy rút về Ba Việt (tức Ba Vát, ở phía bắc cù lao Mỏ Cày, trên sông Cái Mòng, thuộc địa phận tỉnh Bến Tre ngày nay). Tại đây, Nguyễn Phúc Dương cử Tống Phước Hựu đem quân giữ Mỹ Lung, Thiêm Lộc giữ Hương Đồi, còn Nguyễn Phúc Dương và Tống Phước Hòa đóng quân tại Ba Việt.

Ở phía Cần Thơ, sau khi Nguyễn Phúc Thuần chạy tới, Mạc Thiên Tứ cho con là Mạc Tử Duyên đem quân tiến ra đạo Đông Khẩu nhằm chặn đứng cuộc tiến công vũ bão của quân Tây Sơn. Nhưng Mạc Tử Duyên đã thất bại nặng nề, phải chạy về Cần Thơ, cùng Mạc Thiên Tứ lo kế phòng thủ[1]. Quân của Mạc Thiên Tứ cũng như quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân và toàn thể quân Nguyễn ở Gia Định, đều khiếp sợ tinh thần và sức mạnh chiến đấu của quân đội Nguyễn Huệ và sợ cả một thứ vũ khí riêng của quân đội Nguyễn Huệ là

hỏa hổ. Giữa lúc chiến tranh đương

1. Đại Nam liệt truyện tiền biên q. 6, tờ 9.

diễn ra ác liệt như thế, một giáo sĩ ở Gia Định đã viết thư truyền tin cho giáo hội của họ biết về thứ vũ khí lợi hại đó. Theo miêu tả của giáo sĩ này thì hỏa hổ giống như một cái lao[1], gồm hai bộ phận. Một bộ phận tựa như một cái

gậy ngắn làm bằng loại gỗ cây có nhiều gai dài, những gai đó được uốn cong như những lưỡi câu. Gậy gai lưỡi câu ấy buộc nối vào một bộ phận thứ hai, dài như cái sào.

Phía trên đầu sào trát dày một thứ nhựa đốt, bên ngoài quấn lá, làm thành một thứ đuốc đặc biệt, vừa là đuốc vừa là lao. Khi ra trận, nghĩa quân đốt đầu đuốc nhựa và khua sào ra phía trước, nhựa đuốc đốt cháy, vung bắn vào địch, bắt cháy, địch sẽ bị chết cháy, nếu không thì cũng bị cháy bỏng nghiêm trọng. Khi tới gần địch, nghĩa quân khua sào, lao đầu gậy gai lưỡi câu vào người địch, gai lưỡi

1. Lao, chữ Hán viết là phiêu, là một thứ vũ khí cổ, nhiều nước phương Đông xưa có dùng. Lao hoặc phiêu là một cái sào dài bằng tre hay gỗ, đầu sào có buộc một cái vòng, khi đánh địch thì khua sào, lao mạnh cái vòng vào đầu địch để giật cho địch ngã chết. Cái lao Việt Nam xưa có khác và đánh địch nguy hiểm hơn. Lao Việt Nam là một thứ sào dài, trên đầu sào buộc một cái gậy ngắn. Cả sào và gậy đều làm bằng gỗ rắn. Dây buộc là một bó dây thật chắc

hoặc là dây xích sắt. Dùng lao để đánh địch ở xa hoặc cao hơn tầm gươm giáo. Khi đánh thì múa sào, lao mạnh đầu gậy vào địch. Đầu gậy có thể đập chết ngay địch hoặc đánh gãy vũ khí gươm giáo của địch. ở thế kỷ XV, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh chết Liễu Thăng, chủ tướng quân Minh cũng bằng phóng lao. Tới thế kỷ XVIII, những người Châu Âu sang Việt Nam cũng phải nhận định lao là một thứ vũ khí đáng sợ nhất của người Việt Nam "Khi múa lao mà đánh, thì gươm giáo của địch cũng bị đập gãy tan, đường đạn của địch bắn ra cũng bị chặn lại" (De la Bissachère: état actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes de Cambodge, Laos et Lâc Thô, Paris, Galignani, 1812, tome I, p. 319).

Hỏa hồ vừa là lao, vừa là đuốc tung nhựa cháy nên càng lợi hại hơn. Sử cũ còn nói đến "Hỏa phún đồng" tức ống phun lửa của Tây Sơn. Chúng tôi chưa rõ các tác giả sách sử cũ hiểu và gọi hỏa hồ của nghĩa quân với tên như thế hay đó là một thứ vũ khí nữa của nghĩa quân.

câu móc vào quần áo địch. Địch lúng túng không gỡ ra được, đành chịu chết cháy vì nhựa đuốc hoặc đành để nghĩa quân bắt sống tại trận[1]. Thấy Mạc Thiên Tứ không thể đương đầu nổi với nghĩa quân Tây Sơn. Nguyễn Phúc Thuần sai Đỗ Thanh Nhân và thuộc tướng Nguyễn Quân tìm đường lên ra Bình Thuận, Phú Yên, gọi bọn Chu Văn Tiếp, Trần Văn Thúc vào cứu. Tháng Bảy âm lịch, Đỗ Thanh Nhân tới Bình Thuận, Trần Văn Thúc đem quân tiến vào cứu bọn chúa Nguyễn. Chu Văn Tiếp ở lại Bình Thuận đối phó với bộ binh Tây Sơn đang đánh phá suốt miền Phú Yên, Bình Thuận, Biên Hòa... Nhưng

quân cứu viện của Trần Văn Thức chưa ra khỏi địa phận Bình Thuận thì bộ binh Tây Sơn ở phía Biên Hòa đã tiến lên chặn đánh và tiêu diệt toàn bộ đạo quân cứu viện này.

Trần Văn Thức chết trận. Chu Văn Tiếp bỏ chạy. Nghĩa quân Tây Sơn chiếm đóng Bình Thuận.

Trong khi bộ binh Tây Sơn đánh phá quân cứu viện Bình Thuận, thủy binh Tây Sơn cũng tiến công vào quân đội của Nguyễn Phúc Dương ở Ba Việt. Nhiều tướng lĩnh thân cận của Nguyễn Phúc Dương như Tôn Thất Chí, Nguyễn Mẫn, Tống Phước Hữu đều chết tại đây. Chỉ còn lại Tống Phước Hòa một mình cầm quân cố gắng chống đỡ.

Tháng Tám âm lịch, Nguyễn Huệ cho thêm một cánh quân đi đánh Hương Đông. Tướng Nguyễn đóng giữ ở đây là Thiêm Lộc phải bỏ chạy về Ba Việt. Bị quân Tây Sơn bao vây chặt chẽ, Nguyễn Phúc Dương thấy đến thế cùng, quân tan lương hết, muốn tìm đường chạy trốn theo Chu Văn Tiếp. Nhưng Nguyễn Phúc Dương đã không thể thoát khỏi vòng vây của quân Tây Sơn, và vòng vây ấy ngày càng thắt chặt lại. Quân Nguyễn Phúc Dương đã bị bắt gọn, không trốn thoát một người nào. Nguyễn Phúc Dương và

1. Thư của giáo sĩ Jean de Jésus, viết tại Gia Định tháng 5 năm 1777, trong Archives Ibéro-américano 1932- n0 107.

18 tướng lĩnh tùy tùng bị đưa về Gia Định chịu tội tử hình[1] ngày tân hợi tháng Tám năm Đinh Dậu[2] tức 18 tháng 9 năm 1777.

Nguyễn Phúc Thuần ở Cần Thơ nghe tin Nguyễn Phúc Dương bị vây ở Ba Việt, cũng rất lo sợ cho số phận mình. Thấy Cần Thơ không phải là nơi thủ hiểm, không đủ sức đương đầu với những cuộc tiến công của quân Tây Sơn. Mạc Thiên Tứ quyết định cùng Nguyễn Phúc Thuần rời khỏi Cần Thơ, đi theo sông Thiển Giang, lánh ra đất Kiên Giang (Rạch Giá) với ý định nếu quân Tây Sơn đuổi tới Kiên Giang thì lần trốn ra các hải đảo. Mạc Thiên Tứ lại cho con là Mạc Tử Duyên cùng một số quân sĩ ở lại sau, chặt cây, lấp dòng sông Hiệp Giang để ngăn chặn quân Tây Sơn truy kích[3].

Nhưng Nguyễn Phúc Thuần, Mạc Thiên Tứ chưa kịp đến Kiên Giang, đã được tin Nguyễn Phúc Dương bị bắt. Nguyễn Phúc Thuần vô cùng hoảng sợ, không yên tâm chạy ra Kiên Giang. Cùng đường, Mạc Thiên Tứ bàn với Nguyễn Phúc Thuần cùng đem vợ con chạy sang Quảng Đông, nương nhờ nhà Thanh và yêu cầu vua Thanh cho quân sang đánh Tây Sơn. Mạc Thiên Tứ cho người đưa Nguyễn Phúc Thuần tạm lánh sang Long Xuyên để chờ tàu[4], còn mình thì đi ra cửa biển Rạch Giá, tìm chiếc tàu biển của một người quen là Quách Ân để nhờ đưa giúp thầy trò nhà Nguyễn sang Quảng Đông[5].

Nguyễn Phúc Thuần và một số tướng lĩnh tới Long Xuyên tháng Tám năm Đinh Dậu (1777).

1. Theo Gia Định thành thông chí. Bản chép tay của Viện Sử học, q. 2, tờ 42 và Nouvelles lettres édifiantes et curieuses tome VI, introduction, p. LVII.

2. Đại Nam thực lục. Bản dịch của Viện Sử học, t. I, tr. 263.
- 3, 5. Đại Nam liệt truyện tiền biên, q. 6. tờ 10.
4. Theo thư của Jean de Jésus viết ngày 21 tháng 6 năm 1777, thì Nguyễn Phúc Thuần muốn chờ đón một tàu của người Bồ Đào Nha ở Ma Cao, nhưng tàu này đã đi mất rồi.

Tháng Chín âm lịch, quân Tây Sơn do Chương Cơ Thành chỉ huy, truy kích tới Long Xuyên. Nguyễn Phúc Thuần và toàn bộ tướng lĩnh nhà Nguyễn ở đây đều bị quân Tây Sơn bắt sống, chỉ có Nguyễn Ánh lúc ấy mới 15 tuổi, cùng mẹ và một số anh chị em trốn thoát. Quân Tây Sơn tiếp tục tiến xuống Rạch Giá, tìm bắt Mạc Thiên Tứ. Nhưng Mạc Thiên Tứ đã kịp thời chạy trốn ra đảo Phú Quốc[1].

Nguyễn Phúc Thuần và các tướng lĩnh như cha con Trương Phúc Thận, Nguyễn Danh Khoáng, Nguyễn Phúc Đồng (anh ruột Nguyễn Ánh), v.v. đều chịu tội chết ở Gia Định ngày canh thìn tháng Chín năm Đinh Dậu, [2] tức ngày 19 tháng 10 năm 1777.

Như thế là cả bọn chúa Nguyễn đương thời, Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần và Tân chính vương Nguyễn Phúc Dương cùng đại bộ phận tướng lĩnh và quân đội nhà Nguyễn đều bị tiêu diệt. Toàn bộ đất đai miền Gia Định, từ Phú Yên đến Hà Tiên, thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn. Nhiệm vụ của Nguyễn Huệ trong cuộc tiến quân này tới đây hoàn thành. Cho nên cũng trong tháng Chín âm lịch, sau khi cuộc tiến công kết thúc, Nguyễn Huệ đem

quân chủ lực về Qui Nhơn, chỉ để một vài viên tướng và một đội quân nhỏ ở lại chiếm đóng Gia Định.

**

Đây là lần đầu tiên Nguyễn Huệ chỉ huy một cuộc tiến quân lớn. Năm ấy ông mới 25 tuổi. Cuộc tiến quân đã diễn ra trong vòng sáu tháng và đã thành công rực rỡ. Với cuộc tiến quân này, Nguyễn Huệ đánh tan quân đội nhà Nguyễn, lật đổ ngôi chúa mấy trăm năm của dòng họ Nguyễn và cùng một lúc giết chết cả hai chúa Nguyễn:

1. Đại Nam liệt truyện tiền biên q. 6, tờ 10.
2. Đại Nam thực lục, Bản dịch, t. I, tr. 263.

Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính vương Nguyễn Phúc Dương, đem lại toàn bộ đất đai miền Gia Định cho nghĩa quân Tây Sơn.

Thắng lợi của cuộc tiến quân này thật là lớn lao. Chiến công của vị tướng trẻ tuổi chỉ huy cuộc tiến quân này thật là đáng kính. Và bản thân chiến công ấy cũng là một bài học quý báu cho chúng ta.

Khác với cuộc đánh úp năm 1776, cuộc tiến quân này có mục đích rất kiên quyết, có hai nhiệm vụ chủ yếu rất nặng nề: tiêu diệt lực lượng quân sự chủ yếu của chúa Nguyễn và giải phóng toàn bộ đất đai miền Gia Định. Để hoàn

thành nhiệm vụ vẻ vang đó, cần có một quyết tâm chính xác và một thể trận thật thích hợp. Lúc đó, tổng binh lực của chúa Nguyễn còn đông, chia thành nhiều đạo quân đóng rải từ Bình Thuận qua Gia Định đến Cần Thơ.

ở Bình Thuận có đạo quân Chu Văn Tiếp, tại thành Gia Định, có đạo quân Lý Tài, ở Ba Giồng có căn cứ quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhân, phía Cần Thơ, có đạo quân của Mạc Thiên Tứ, xa hơn nữa, về phía tây, còn có một bộ phận lực lượng do Trương Phúc Thận chỉ huy đóng gần Cần Vọt.

Nguyễn Huệ hạ quyết tâm tiến công quân địch trên hai hướng, đường bộ và đường thủy, lấy hướng đường thủy làm hướng tiến công chủ yếu, nhằm vào mục tiêu trước mắt là đạo quân Lý Tài ở thành Gia Định. Hướng tiến công thứ yếu do bộ binh đảm nhiệm, đánh phá Phú Yên, Bình Thuận, chặn giữ không cho đạo quân Chu Văn Tiếp tiến vào tiếp viện cho các đạo quân Nguyễn ở Gia Định.

Xung đột với đạo quân Đỗ Thanh Nhân và không liên lạc được với đạo quân Chu Văn Tiếp, đạo quân Nguyễn Phúc Dương - Lý Tài ở Gia Định tuy khá mạnh nhưng trở thành cô lập. Tiến công thành Gia Định trong điều kiện kẻ địch ở đây bị cô lập như vậy, Nguyễn Huệ nhất định nắm chắc phần thắng lợi. Qua sự chỉ huy cuộc tiến quân này của Nguyễn Huệ, người ta thấy ông đã phân tích toàn diện tình hình địch, phán đoán chính xác những chỗ yếu của địch, chọn đúng hướng tiến công và mục tiêu tiến công, bố trí lực lượng một cách thích đáng để giành toàn thắng về phía nghĩa quân.

Trong quá trình diễn biến của cuộc tiến quân, một vấn đề nổi bật lên là sự giành quyền chủ động của cả hai bên.

Đương nhiên, với lực lượng ưu thế tiến công trên mục tiêu chủ yếu, quân đội Tây Sơn đã giữ quyền chủ động ngay từ lúc đầu. Nhưng quân đội Nguyễn không bị đánh bất ngờ và đã chuẩn bị đối phó. Khi chạy sang đầu hàng chúa Nguyễn, Lý Tài đem theo quân bản bộ Hòa nghĩa gồm trên 8.000 người. Sau đó, lực lượng này còn có thể tăng lên, và trở thành đạo quân chủ lực của phe chúa Nguyễn Phúc Dương. Với lực lượng khá lớn, có thành lũy, công sự che chở, đạo quân Lý Tài ở lại Gia Định có khả năng ngăn chặn được cuộc tiến công của quân đội Tây Sơn, kéo dài thời gian chiến đấu, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc phản công sau này. Còn Nguyễn Phúc Dương tự đem một lực lượng vũ trang chuyển về Trấn Biên với ý định dựa vào địa thế phức tạp ở đây để bảo toàn lực lượng, chờ đợi thời cơ. Đồng thời Nguyễn Phúc Dương điều động đạo quân Trương Phúc Thận từ Cần Vọt về Gia Định nhằm đánh vào sau lưng đạo quân chủ lực của Nguyễn Huệ. Mục đích của Nguyễn Phúc Dương là muốn dùng quân Lý Tài kéo dài cuộc phòng ngự, nhằm tranh thủ thời gian, để đưa lực lượng từ nhiều hướng đến. Khi cuộc tiến công của quân Tây Sơn đã bị ngăn chặn lại, và lực lượng từ các hướng đã tới nơi, Nguyễn Phúc Dương sẽ từ bị động giành lại chủ động, tạo nên ưu thế cục bộ và hình thái có lợi rồi chuyển sang phản công, nhằm đánh tan cuộc tiến công của Nguyễn Huệ. Thế là ngay từ những ngày đầu của cuộc tiến quân đã thể hiện rõ rệt sự đấu tranh

giành quyền chủ động của cả hai bên.

Vị tướng trẻ Tây Sơn đã phá tan âm mưu của quân Nguyễn. Ông đã tập trung binh lực, ưu thế, kiên quyết nhằm vào mục tiêu trọng yếu mà đánh mãnh liệt, liên tục và nhanh chóng. Trận tiến công của Nguyễn Huệ vào Gia

Định đã được sự hiệp đồng tích cực và mật thiết của cánh quân tiến công trên hướng thứ yếu của chiến dịch. Từ muốn thoát khỏi thế bị động, Nguyễn Phúc Dương và Lý Tài càng đi sâu vào bị động. Nguyễn Phúc Dương bị bắt buộc phải tăng cường lực lượng cho Lý Tài. Nhưng việc tăng cường đã không có tác dụng. Quân Nguyễn muốn kéo dài thời gian phòng ngự để thành chủ động, nhưng thắng lợi nhanh chóng của Nguyễn Huệ đã đẩy quân Nguyễn đi sâu vào bị động.

Tập trung binh lực để tiến công, giữ vững quyết tâm tiến đánh mục tiêu chủ yếu, không để cho tình huống biến hóa phức tạp, Nguyễn Huệ đã giữ hoàn toàn quyền chủ động, đạt được tiêu diệt sinh lực địch, hoàn thành nhiệm vụ nặng nề của đợt đầu là tiêu diệt đạo quân Lý Tài và giải phóng thành Gia Định. Thời kỳ quyết liệt nhất, cũng là thời kỳ quyết định, mang lại toàn thắng cho quân đội Tây Sơn.

Trong thời kỳ hai của cuộc tiến quân, sự chỉ huy của Nguyễn Huệ càng linh hoạt. Tiêu diệt xong đạo quân Lý Tài, ông đã thực hiện sự chuyển biến so sánh lực lượng có lợi cho nghĩa quân Tây Sơn. Quân đội Nguyễn ở Gia Định đã mất một đạo quân lớn. Lý Tài chết và đạo quân Hòa nghĩa bị tiêu diệt tuy có làm cho cuộc xung đột giữa hai phe chúa Nguyễn bớt căng, nhưng chúng vẫn không thể thống nhất được lực lượng để tập trung đối phó với nghĩa quân Tây

Sơn. Trên bước đường cùng, chúng phải tạm thời hòa hoãn, tạm thời hợp tác với nhau, nhưng chúng vẫn là những đạo quân hoàn toàn cô lập, khiến quân đội Tây Sơn có thể tập trung tiêu diệt nhanh chóng từng đạo quân Nguyễn.

Trên chiến trường Gia Định lúc ấy, quân Nguyễn có hai đạo quân. Đạo quân Nguyễn Phúc Dương - Trương Phúc Thận đã yếu nhiều vì mất đạo quân Hòa nghĩa của Lý Tài.

Đạo quân Nguyễn Phúc Thuần - Đỗ Thanh Nhân tương đối mạnh hơn vì đạo quân Đông Sơn vẫn còn Nguyễn vện và đạo quân này còn đó khả năng được đạo quân Mạc Thiên Tứ ở Cần Thơ tiếp viện. Nhận định rõ toàn bộ chiến trường, Nguyễn Huệ nhanh chóng hạ quyết tâm mới: tiến công địch trên cả hai hướng, dồn nỗ lực chủ yếu vào đạo quân Đông Sơn. Nắm chắc tình hình các đạo quân Nguyễn ở Phú Yên, Bình Định không thể liên lạc được với Gia Định, không thể tiếp viện cho Gia Định vì bị bộ binh Tây Sơn chặn phá, Nguyễn Huệ yên tâm đưa chủ lực tiến đánh Tài Phụ và Tranh Giang. Ông tập trung binh lực tiêu diệt nhanh chóng một lực lượng quân Nguyễn, sau đó lại mau lẹ tập trung trên hướng khác, liên tục tiến công, tiêu diệt nhanh chóng một lực lượng khác, khiến cho các đạo quân Nguyễn không còn đủ thời gian để đối phó một cách có hiệu quả và rơi vào thế hoàn toàn bị động.

Kết quả là cả hai đạo quân Nguyễn Phúc Dương và Nguyễn Phúc Thuần đều lần lượt bị tiêu diệt nhanh chóng trước sức tiến công mạnh mẽ và liên tục của đạo quân chủ lực Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy.

Trong trận giải phóng Phú Yên và cuộc tiến quân giải phóng Gia Định lần này, những đặc trưng cơ bản về tư tưởng chiến thuật của Nguyễn Huệ đã thể hiện rất rõ: Trong tác chiến, điều mà Nguyễn Huệ quan tâm trước hết là khôi sinh lực địch cần phải tiêu diệt, chứ không phải thành lũy, đất đai cần chiếm giữ. Cho nên dù trong một trận chiến đấu hay trong toàn bộ cuộc tiến quân cùng làm hai nhiệm vụ: tiêu diệt địch và giải phóng đất đai, bao giờ Nguyễn Huệ cũng lấy tập đoàn vũ trang địch làm mục tiêu để công kích và tiêu diệt triệt để. Giải quyết được mục tiêu đó, tức hoàn thành được cả hai nhiệm vụ.

Trong chiến đấu, Nguyễn Huệ thường tập trung binh lực giành ưu thế cục bộ đánh mãnh liệt vào một điểm, một mục tiêu, rồi lại tập trung binh lực đánh một điểm, một mục tiêu khác. Do đó các đòn đột kích đều có tính chất quyết định. Hành động của Nguyễn Huệ bao giờ cũng ở vào thế chủ động, mà kết quả là thực hiện được tiêu diệt sinh lực địch.

Trong một trận chiến đấu và cả một cuộc tiến quân lớn trong đó bao gồm nhiều trận chiến đấu, bố trí thế trận của Nguyễn Huệ thông thường là tập trung công kích một mục tiêu, một hướng, đồng thời có lực lượng trợ công trên nhiều mặt, nhiều hướng khác. Bố trí như vậy, một mặt Nguyễn Huệ vẫn thực hiện được tập trung binh lực, mặt khác, lại phân tán binh lực và sức đối phó của đối phương.

Trong quá trình tác chiến, thực hiện cơ động mau lẹ và đánh nhanh giải quyết nhanh, không ngừng tạo thành nhiều ưu thế cục bộ, để giành ưu thế toàn cục.

Hiệp đồng chặt chẽ và khéo léo giữa các binh chủng, đặc biệt là giữa bộ binh và thủy binh. Nguyễn Huệ sử dụng linh hoạt các binh chủng, tùy theo từng trận chiến đấu, từng tình huống chiến đấu mà trao cho binh chủng này hay binh chủng khác nhiệm vụ có tính chất quyết định, có sự phối hợp đặc lực của các binh chủng khác cùng tham chiến.

Xét về thực chất, đó là tư tưởng đánh tiêu diệt, lấy việc tiêu diệt triệt để sinh lực làm mục tiêu chủ yếu, không phải tư tưởng lấy việc đánh chiếm thành lũy làm mục đích của tiến công. Tư tưởng chiến thuật đó được quán xuyên trong toàn bộ cuộc tiến quân và các trận chiến đấu mà Nguyễn Huệ tổ chức và thực hành sau này trong suốt cuộc đời làm tướng của ông.

NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN GIẢI PHÓNG GIA ĐỊNH LẦN THỨ HAI (1782)

Sau khi thoát khỏi Long Xuyên, Nguyễn Ánh và gia quyến của y lẫn trốn vào rừng và lén chạy về phía trường đạo ở Mạc Bắc (thuộc Trà Vinh) mong nương nhờ cố đạo Bá Đa Lộc đang ở đó [1]. Nhưng Bá Đa Lộc cũng không dám để bọn Nguyễn Ánh ở trong trường đạo, phải giấu Nguyễn Ánh trong một khu rừng gần nhà trường và hàng ngày cho người cố đạo bản xứ Hồ Văn Nghi đem cơm vào rừng cho ăn [2]. Lối sống ấy không thể kéo dài và đây cũng không phải là nơi an toàn, thoát khỏi sự lùng bắt của quân Tây Sơn, nên Nguyễn Ánh

xin cho lần chạy ra ngoài hải đảo.

Bá Đa Lộc đồng ý và cho người đưa Nguyễn Ánh[3] đi về phía sông Khoa Giang (tức sông Ông Đốc, thuộc Bạc Liêu), xuống thuyền chạy ra đảo Thổ Châu (đảo Polllopanjang), cách bờ biển vịnh Xiêm La 200 ki-lô-mét. ở đây, cây rừng rậm rạp, không có người ở, chỉ đôi khi có những thuyền

1. Nouvelles lettres édiiantes et curieuses. Paris, 1818 - 1828, tome VI, introduction, p. LVII.

2, 3. De la Bissachère: Etat actuel du Tonkin. de la Cochinchine et des royaumes de Cambodge, Laos et Lạc Thổ. Edition Galignan, Paris, 1812, tome II, p. 163. - Ch. B. Maybon: Histoire moderne du pays d'Annam. Librairie Plon, Paris, 1920, pp. 192 - 193. - Cl. E. Maitre: Documents sur Pigneau de Behaine. Revue Indochinoise, 2è semestre, Septembre 1913, n0 9, pp.344 - 347.

đánh cá qua lại. Cho nên, thời ấy, đảo Thổ Châu có thể là nơi ẩn trốn an toàn cho Nguyễn Ánh.

Trong khi Nguyễn Ánh lao mình chạy trốn khắp nơi như vậy thì một số tướng lĩnh của nhà Nguyễn còn ẩn náu được ở miền Gia Định. Đỗ Thanh Nhân, thủ lĩnh quân Đông Sơn, trước đây chịu lệnh của Nguyễn Phúc Thuận ra Bình Thuận gặp Chu Văn Tiếp xin quân cứu viện, nhưng việc không thành. Quân cứu viện do Trần Văn Thức chỉ huy đã bị tiêu diệt ngay từ khi còn ở trong địa

phận Bình Thuận. Mà quân còn lại của Chu Văn Tiếp thì quá ít không dám tiến xuống Gia Định. Khi thấy dạy quân của Nguyễn Huệ trở về Qui Nhơn, Chu Văn Tiếp mới cho em rể là Lê Văn Quân và một số tùy tướng đi cùng Đỗ Thanh Nhân về Gia Định hoạt động. Đỗ Thanh Nhân và bọn Lê Văn Quân lại tới Ba Giòng là căn cứ cũ của quân Đông Sơn để mộ quân. Trong khi mộ quân, Đỗ Thanh Nhân một mặt cho người đi tìm bọn bại tướng của nhà Nguyễn là Nguyễn Văn Hoảng, Tống Phước Khuông, Tống Phước Lương, Dương Công Trừng, Hồ Văn Lân đang lẩn trốn ở các nơi, đem tàn binh về hội quân. Một mặt, Đỗ Thanh Nhân cho quân ra Thổ Châu - đón Nguyễn Ánh về. Cuối tháng Mười năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Ánh về tới nơi. Tháng Một âm lịch, bọn Đỗ Thanh Nhân mở cuộc tiến công vào quân Tây Sơn và đánh chiếm được dinh Long Hồ. Tháng Chạp âm lịch, bọn Đỗ Thanh Nhân đánh chiếm được Gia Định. Các tướng Tây Sơn ở Gia Định phải chạy về Qui Nhơn.

Tháng Hai năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc cho quân theo hai đường thủy bộ vào đánh quân Nguyễn. Tổng đốc Tây Sơn là Chu chỉ huy thủy quân tiến vào đánh phá các miền ven sông ở Biên Hòa và Gia Định. Hộ giá Tây Sơn Phạm Ngạn đem bộ binh đánh xuống Biên Hòa. Nhưng cả hai đạo quân đều không thắng lợi. Tới tháng Năm âm lịch, cả hai đạo quân đều rút về Qui Nhơn. Đã mất Gia Định, Tây Sơn lại mất thêm Bình Thuận.

Nhận thấy chưa thể giải quyết ngay được vấn đề Gia Định và cần phải có thời gian xây dựng hậu phương, tăng cường lực lượng, các lãnh tụ Tây Sơn quyết định ngừng những cuộc tiến công hàng năm vào Gia Định cho tới khi có

đầy đủ điều kiện chiến thắng. Về phía đối phương, cũng trong thời gian này, Nguyễn Ánh đã có cơ hội thuận lợi để xây dựng lực lượng và tiến tới mưu đồ tiến công lại nghĩa quân Tây Sơn. Đầu năm 1781, Nguyễn Ánh đã có ba vạn quân thủy bộ, 80 thuyền chiến hạng vừa, 3 thuyền chiến lớn [1], 2 chiếc tàu kiểu Âu châu và 3 tàu Bồ Đào Nha do các sĩ quan và thủy thủ Bồ Đào Nha điều khiển, cả 3 tàu này đều đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan Pháp là cai cơ Mạn Hòe (Manuel) [2]. Nhưng vì nội bộ có nhiều xung đột về quyền lợi, địa vị, nên bọn Nguyễn Ánh không đủ sức tiến công quân Tây Sơn. Tháng Ba năm Tân Sửu (1781) Nguyễn Ánh ám sát Đỗ Thanh Nhân, người đã lấy lại đất Gia Định cho hắn, đem hắn từ đảo Thổ Châu về Gia Định, đặt hắn lên ngôi chúa. Đỗ Thanh Nhân đã tô nặn cho Nguyễn Ánh từ một đứa trẻ 16 tuổi trở thành một ông chúa, có quân, có đất, có quyền thống trị. Vậy mà Nguyễn Ánh giết Đỗ Thanh Nhân. Nguyễn nhân chỉ vì Nguyễn Ánh lo sợ uy quyền của Đỗ Thanh Nhân sẽ ảnh hưởng không lợi tới địa vị và quyền hành của hắn. Khi Đỗ Thanh Nhân bị giết chết, các thuộc tướng của Đỗ Thanh Nhân và quân Đông Sơn lập tức nổi dậy chống lại Nguyễn Ánh và các tướng lĩnh thân cận của Nguyễn Ánh. Cuộc xung đột đã làm cho cả hai bên hao binh tổn tướng khá nhiều và làm cho lực lượng của Nguyễn Ánh bị suy sút nghiêm trọng.

1. Theo giáo sĩ Ginestar trong thư viết từ Sa Đéc năm 1784 thì Nguyễn Ánh có trên 470 thuyền chiến các loại, không kể những tàu Tây do người Pháp và người Bồ Đào Nha chỉ huy (Lorenzo Pérez: tài liệu đã dẫn, tr. 89).
2. Lorenzo Pérez, tài liệu đã dẫn, tr. 88.

Tháng Năm năm Tân Sửu (1781), Nguyễn Ánh cử binh tiến đánh quân Tây Sơn tại Bình Khang (tức Khánh Hoà ngày nay, cách Nha Trang 11 ki-lô-mét).

Ba đạo quân được điều động. Hai đạo bộ binh do Chu Văn Tiếp và Tôn Thất Dụ chỉ huy, từ Bình Thuận, Phú Yên chuyển sang tiến công. Một đạo thủy quân do Tống Phước Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Công Trừng chỉ huy, xuất phát từ Gia Định phối hợp với bộ binh đánh Bình Khang và chặn đánh thủy quân ứng cứu của Tây Sơn.

Quân Nguyễn tiến sát Bình Khang. Đạo Quân Chu Văn Tiếp đóng tại Diên Khánh (cách Bình Khang 2 ki-lô-mét). Đạo quân Tôn Thất Dụ đóng tại Hòn Khói (cách Nha Trang 40 ki-lô-mét). Quân Nguyễn đào công sự, đáp lữ đối diện với quân Tây Sơn [1].

Tại Bình Khang quân Tây Sơn có một đội tượng binh khá lớn. Khi quân Nguyễn tới nơi, chưa kịp khiêu chiến thì quân Tây Sơn đã tiến công trước. Quân Tây Sơn cho toàn đội voi chiến xung trận, quân Nguyễn hoảng sợ, bỏ chạy hỗn loạn. Quân Tây Sơn đuổi đánh dồn dập. Trong tình hình nguy ngập đó, đạo thủy quân của Tống Phước Thiêm ở Gia Định lại không ra được, vì quân Đông Sơn ở Ba Giòng nổi loạn. Quân tướng nhà Nguyễn ở Gia Định cũng đương thất bại nặng nề trước sự tiến công của quân Đông Sơn.

Thấy không thể ngăn chặn được sức đánh đuổi mãnh liệt của quân Tây Sơn ở

Bình Khang, Tôn Thất Dụ đành phải đem tàn quân chạy về Bình Thuận, còn Chu Văn Tiếp thì đem quân theo đường núi chạy về Trà Lang là căn cứ cũ ở Phú Yên để chờ thời cơ hoạt động.

1. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 37. Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 6, tờ 23 - 24, có một vài chi tiết khác về việc này. Theo Chính biên liệt truyện thì Chu Văn Tiếp đã về Gia Định từ năm 1780 và trong trận này, Chu Văn Tiếp đã đưa quân từ Gia Định lên Diên Khánh, không phải là từ Phú Yên xuống.

âm mưu đánh chiếm Bình Khang của Nguyễn Ánh như thế là hoàn toàn thất bại.

Sau thắng lợi Bình Khang, các lãnh tụ Tây Sơn thấy không thể dễ yên cho Nguyễn Ánh phát triển lực lượng và đặt ách thống trị lâu dài ở Gia Định.

Tháng Ba năm Nhâm Dần (1782), Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ chỉ huy một đạo bộ binh và một đạo thủy quân [1] gồm vài trăm thuyền chiến [2] xuất phát từ Qui Nhơn tiến đánh Gia Định. Thủy quân đi thẳng vào cửa biển Cần Giờ.

Lần này, Nguyễn Ánh đã chuẩn bị sẵn sàng đối phó [3]. Khi được tin thủy quân Tây Sơn đã tiến vào cửa biển Cần Giờ, Nguyễn Ánh hạ lệnh cho Tổng Phước Thiêm đưa thủy quân ra nghênh chiến. Đạo thủy quân này của Nguyễn Ánh gồm hơn 400 [4] thuyền chiến và có một số tàu của Pháp và Bồ Đào Nha tham dự

[5]. Tống Phước Thiêm dàn thuyền chiến thành hàng ngang ở Ngã Bảy (Thất Kỳ Giang). Kế hoạch của quân Nguyễn là chặn đứng và đánh tan thủy quân Tây Sơn tại Ngã Bảy.

Nhưng mặc cho thuyền chiến quân Nguyễn bắn chặn dữ dội, thủy quân Tây Sơn đang trên chiều thuận gió, vẫn ào ạt tiến lên và tiến công rất mạnh.

1. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Sách chữ Hán, q. 3, tờ 71.
2. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 39.
3. De la Bissachère trong Etat actuel du Tonkin... t. II, tr. 164 nói rằng: lần này Nguyễn Ánh có tới 7 vạn quân. Chắc là nói quá sự thật.
4. Theo thư của Ginester viết năm 1784. Lorenzo, Pérez, tài liệu đã dẫn, tr. 89.
5. De la Bissachère, Etat actuel du Tonkin... t. II, tr. 164 - 165. J.Barrow, Voyage à la Cochinchine en 1793, Paris, 1807 tr. 257.

Nguyễn Huệ chỉ huy thủy quân dũng cảm tiến sát thuyền chiến địch và tung hỏa công đánh phá [1]. Trận thủy chiến diễn ra rất ác liệt. Trước sức mạnh của thủy quân Tây Sơn và tài chỉ huy của Nguyễn Huệ, các thuyền chiến của Nguyễn Ánh phải lui dần. Thủy quân Tây Sơn vẫn bám sát thuyền chiến địch và tập trung hỏa lực bắn phá rất dữ dội. Những tàu Bồ Đào Nha và Pháp đều bỏ chạy [2].

Chỉ còn lại một tàu kiểu châu Âu có 10 đại bác[3] do cai cơ[4] pháp Mạn Hòe (Manuel) chỉ huy. Nguyễn Ánh bỏ thuyền, lên tàu để điều khiển cuộc rút lui. Nhưng thủy quân Tây Sơn đuổi rất quá, Nguyễn Ánh lại phải bỏ tàu[5] xuống thuyền nhẹ để chạy nhanh vào bờ. Chiếc tàu của Mạn Hòe bị hãm trong vòng vây của thuyền chiến Tây Sơn. Mặc dù Mạn Hòe cố sức chống cự, thuyền chiến Tây Sơn vẫn bao vây chặt. Cuối cùng chiếc tàu Tây bị đốt cháy và đánh đắm. Tên tướng Pháp Mạn Hòe tử trận.

1. Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ. q I. De la Bissachère, một giáo sĩ Pháp đã ở Việt Nam, cuối thế kỷ XVIII, hết sức ca ngợi phép đánh hỏa công của Việt Nam và nhận định rằng: phép đánh hỏa công đã làm cho thủy quân Việt Nam thời ấy rất đáng sợ. Theo De la Bissachère, hỏa công là một thứ tên lửa (fusée) to bằng cánh tay; lửa hỏa công rất mạnh, có thể đốt cháy mọi thứ tàu thuyền. Hỏa công càng gặp nước càng cháy dữ, hỏa công chỉ dập tắt được ở trên đất mà thôi. Cũng theo De la Bissachère, trên đất, bộ binh cũng dùng hỏa công, nhưng hỏa công trên đất không nguy hiểm bằng đánh trên mặt nước, vì trên đất có thể dập tắt hỏa công dễ dàng hơn. (De la Bissachère : Etat actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes de Combodge, Laos et Lacauch. Librairie Calignani, Paris, 1812, tome I, tr.325.

2. De la Bissachère, tài liệu đã dẫn, q. II, tr. 164 -165. Barrow, tài liệu đã dẫn, tr. 257.

3. Theo lời Bá Đa Lộc báo cáo với vua Pháp, tại triều đình Pháp khoảng đầu tháng 5 năm 1787, dẫn trong Al. Faure tài liệu đã dẫn, p. 82.

4. Cai cơ là một chức võ quan cao cấp của quân Nguyễn thời ấy.

5. Thư của Ginestar, tài liệu đã dẫn, tr. 89.

cũng lúc đó, Nguyễn Ánh trực tiếp chỉ huy một đội thuyền chiến đến cứu viện, nhưng bị hỏa lực trên thuyền chiến Tây Sơn chặn đánh rất dữ dội. Thuyền của Nguyễn Ánh bị bắn gãy cột buồm. Nguyễn Ánh phải rút chạy về Bến Nghé.

Bến Nghé là một đồn quân ở phía nam thành Gia Định (trên đường đi Chợ Lớn ngày nay). Nguyễn Ánh rút quân về Bến Nghé là nhằm mục đích tìm nơi an toàn và thuận lợi đối phó với nghĩa quân Tây Sơn. Trước Bến Nghé là thành Gia Định, trong đó vẫn có quân Nguyễn đóng giữ, làm bình phong bảo vệ cho Bến Nghé. Phía bắc thành Gia Định có một đồn tiền tiêu là đồn Thị Nghè khá kiên cố.

Đồn này lập tại một địa điểm trên ngã ba sông Thị Nghè và có thể không che tất cả mấy ngả sông Thị Nghè và sông Gia Định. Do vậy, đồn Thị Nghè che chở cho thành Gia Định rất kín đáo. Đồn này được lập từ năm 1772 , có một chiến lũy lớn, chu vi 15 dặm, tức khoảng 7 ki-lô-mét [1]. Năm 1780, chiến lũy Thị Nghè lại được làm bằng thân cây dừa ken với nhau, ngoài đắp đất [2]. Thời bấy giờ chiến lũy làm bằng thân cây dừa hay cây cọ, đặt xen vào nhau, được coi như là bất khả xâm phạm [3] , súng thường và cả đại bác bắn đều không suy xuyên vì thân cây dừa, gỗ xộp, không bị đạn bắn vỡ, mà trái lại, đạn bị thân cây dừa giữ chặt, không xuyên qua và lọt ra ngoài được.

1 L. Malleret. Les anciennes fortifications et citadelles de Saigon (1674 - 1859). Imp. Nguyễn Văn Cửa, Sai gon. 1936, p. 20.

2, 3. AL. Faure, tài liệu đã dẫn, tr. 41, 82. - Khoảng thế kỷ XVIII ở những nơi trồng nhiều dừa như ở miền Nam Việt Nam và Ấn Độ, người ta thường ken thân cây dừa làm chiến lũy rất kiên cố. Ở Pondichéry, trong cuộc chiến tranh giữa Anh và Pháp, Dupleix đã làm một chiến lũy như vậy. Ba trăm khẩu đại bác của hải quân Anh do do đốc Boscaven chỉ huy, bắn dữ dội vào chiến lũy, nhưng chiến lũy không hề bị lay chuyển. Và cuối cùng, hải quân Anh đã phải thất bại trước cái chiến lũy đặc biệt này.

Nhưng thành lũy kiên cố của Nguyễn Ánh không thể ngăn cản được bước tiến của quân đội Tây Sơn. Thấy Nguyễn Ánh rút chạy, Nguyễn Huệ hạ lệnh đuổi đánh. Nghĩa quân Tây Sơn liên tiếp chiếm đóng đồn Thị Nghè, hạ thành Gia Định và tiến đánh quân Nguyễn Ánh tại Bến Nghé.

Thủy quân Nguyễn Ánh hoàn toàn tan rã. Nguyễn Ánh đem tàn quân chạy trốn về Ba Giòng.

Nguyễn Huệ cho các đội thuyền chiến nhỏ tiếp tục đuổi đánh địch trên các ngả sông.

Nguyễn Ánh phải chạy về Lũ Phụ (thuộc Định Tường). Cùng đi có một số tướng lĩnh và tân binh, cộng 300 người. Nguyễn Ánh cho xây đồn, đắp lũy ở

Lữ Phụ để cố thủ. Một đội chiến thuyền nhỏ của Tây Sơn đi tuần tiểu tới đây. Nguyễn Ánh cho thủy binh đánh chặn. Chiến thuyền Tây Sơn thua chạy. Nguyễn Ánh đuổi đến dinh Trấn Định. Tại đây, Nguyễn Ánh tập hợp thêm được một số quân, chinh đồn lại hang ngũ, rồi tiến lên đóng ở Ngã Tư (Tứ Kỳ Giang, thuộc Gia Định).

Nguyễn Ánh vừa đem quân vào đóng ở Ngã Tư thì thủy quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy xuất hiện và tiến đánh rất mãnh liệt. Trận thủy chiến kết thúc rất mau chóng, thủy quân Nguyễn Ánh tan rã ngay từ những phút chiến đấu đầu tiên. Nguyễn Ánh chạy đi Lật Giang, rồi sang Hậu Giang.

Trong khi thủy quân Tây Sơn đuổi đánh bọn Nguyễn Ánh, chúng phải chạy dài từ Gia Định xuống miền Hậu Giang như vậy, thì bộ binh Tây Sơn do tướng Nguyễn Văn Kim tiến đánh Biên Hòa. Tại đây, Nguyễn Ánh có một đạo quân tương đối lớn do Nguyễn Hữu Thụy, em rể Nguyễn Ánh, chỉ huy. Để chống cự với quân Tây Sơn, Nguyễn Hữu Thụy cho thủy binh tiến đóng ở Bình Hóa, bộ binh tiến đóng ở Tân Nhuận. Nhưng cả hai cánh quân thủy bộ đều bị quân Tây Sơn đánh cho đại bại. Nguyễn Hữu Thụy phải thu thập tàn quân chạy về Giang Lăng.

Tướng Tây sơn Nguyễn Văn Kim đem quân truy kích, tiêu diệt hoàn toàn đạo quân Nguyễn Hữu Thụy tại Giang Lăng [1]. Nguyễn Hữu Thụy bỏ cả cha, cả vợ ở mặt trận, một mình chạy thoát lấy thân, trốn về miền Hậu Giang với

Nguyễn Ánh [2].

Quân Nguyễn ở Bình Thuận nghe tin Gia Định thất thủ liền tiến về cứu viện. Tháng Tư năm Nhâm Dần (1782), tướng Nguyễn ở Bình Thuận là Tôn Thất Dụ cùng các tướng Trần Xuân Trạch, Trần Văn Tự, Trần Công Chương đem quân vào Biên Hòa. Quân Nguyễn tới cầu Tham Lương thì gặp tiền binh Tây Sơn. Hai bên giao chiến, bên Tây Sơn, tướng Phạm Ngạn tử trận, bên quân Nguyễn, tướng Hồ Công Siêu cũng bị chết. Quân Tây Sơn tiến công mạnh, quân Tôn Thất Dụ phải lùi. Vừa khi đó, Chu Văn Tiếp đem quân tới ứng cứu [3], rồi cả Chu Văn Tiếp và tôn Thất Dụ đều rút quân trở về Bình Thuận.

Được tin quân Nguyễn thất bại ở khắp nơi, Nguyễn Ánh tự thấy không còn sức đối phó với nghĩa quân Tây Sơn và đất Hậu Giang cũng không phải là chỗ dung thân an toàn cho hấn. Nhân có Nguyễn Hữu Thụy từ Giang Lăng chạy về, Nguyễn Ánh vội cho Nguyễn Hữu Thụy cùng bọn Trần Xuân Trạch, Cao Phú Trí, tất cả 150 người [4] đi qua Chân Lạp, sang Xiêm cầu viện.

Hành động nhục nhã "cống rân cắn gà nhà" của dòng họ chúa Nguyễn đã thể hiện trong việc Nguyễn Phúc Thuần muốn chạy sang Quảng Đông cầu xin nhà Thanh đem quân sang đánh Tây Sơn, thì nay lại được Nguyễn Ánh kế tục trong việc mượn tay người Pháp, người Bồ Đào Nha cung cấp thuyền chiến, khí giới và trực tiếp cầm súng bắn vào người Việt Nam.

1, 2. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 3. tờ 45 và q. 13, tờ 5, 6.

3. Đại Nam chín biên liệt chuyện, sơ tập q. 4, tờ 8.

4. Thư của giáo sĩ Castuera ngày 7 tháng 7 năm 1782 trong Lorenzo Pérez, tài liệu đã dẫn. tr. 87.

Thất bại trong trận này, Nguyễn Ánh lại vô sỉ ngửa tay cầu xin quân Xiêm tiến sang can thiệp. Những hành động "cồng rắn cắn gà nhà" như thế, còn được Nguyễn Ánh nhiều lần thực hiện tích cực hơn nữa.

Sau khi bọn Nguyễn Hữu Thù đi rồi, Nguyễn Ánh đem lũ bại tướng cùng một ít tàn quân lui xuống Rạch Giá, định đi Hà Tiên xuống thuyền chạy ra biển.

Một bọn chân tay khác của Nguyễn Ánh là giám mục Bá Đa Lộc và một số giáo sĩ Pháp đã trở về Gia Định với Nguyễn Ánh từ cuối năm 1777, cũng đang tìm đường chạy trốn. Bá Đa Lộc cùng một số giáo sĩ Pháp, Tây Ban Nha đem theo hơn 80 người công giáo Việt Nam chạy sang Chân Lạp [1] và chúng đã tới Chân Lạp khoảng trung tuần tháng 7 năm 1782 [2].

Như vậy là toàn bộ miền Gia Định lại thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn. Với những thắng lợi mới này, các lãnh tụ Tây Sơn Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ có mặt ở Gia Định lúc ấy, đã cho người sang thông hiếu với Chân Lạp. Để tỏ tình giao hảo và sự ủng hộ của mình đối với nghĩa quân Tây Sơn. Chân Lạp cho quân chia làm 3 đạo đi chặn bắt Nguyễn Ánh và bọn chân tay của y.

Một đạo quân Chân Lạp đi đón bắt bọn Nguyễn Hữu Thụy. Toàn bộ phái đoàn đi cầu viện Xiêm của Nguyễn Ánh đã bị quân Chân Lạp bắt và tiêu diệt gọn [3] .

Một đạo quân Chân Lạp gồm hơn 30 thuyền chiến đi theo hướng Rạch Giá, đánh đuổi Nguyễn Ánh đến tận Sơn Chiết. Nguyễn Ánh và bọn tùy tùng trốn thoát ra Hà Tiên, xuống thuyền chạy ra đảo Phú Quốc [4].

-
1. Thư của Bá Đa Lộc viết ngày 20 tháng 3 năm 1785 trong *Lettres édifiantes et curieuses*. Paris. 1843. tome IV. p. 617 và *Nouoelles lettres édifiantes*. tome VI, pp. 415, 437.
 2. Thư của Bá Đa Lộc ngày 21 tháng 7 năm 1782 trong Al. Faure. tài liệu đã dẫn. tr. 44.
 3. 4. Đại Nam thực lục. Bản dịch của Viện Sử học. t. 1I. tr. 41

Một đạo quân Chân Lạp thứ 3 được lệnh di lũng bắt bọn Bá Đa Lộc đang ẩn náu trong đất Chân Lạp. Bọn Bá Đa Lộc phải lẩn trốn trong rừng, liên mấy tháng cho đến khi Nguyễn Ánh trở về được Gia Định thì lại dất dứu nhau theo về Gia Định.

Tháng Năm năm Nhâm Dần (1782), tình hình Gia Định đã tương đối ổn định, Nguyễn Nhạc cùng Nguyễn Huệ đem đại quân trở về Qui Nhơn. Một hàng tướng là Đỗ Nhàn Trập, Nguyễn tướng cũ Đông Sơn được trao trách nhiệm

cùng hộ bộ Tây Sơn tên là Bá, lĩnh 3.000 quân ở lại giữ Gia Định.

Cuộc tiến quân này bắt đầu trong điều kiện hai bên đều đã có thời gian tăng cường lực lượng và có nhiều kinh nghiệm trên chiến trường Gia Định.

Ngoài việc mở rộng bộ binh, Nguyễn Ánh đã xây dựng được một đội thủy quân khá mạnh, trong đó chủ lực là những thuyền chiến lớn và các chiến hạm Âu châu, do các tướng Pháp và Bồ Đào Nha điều khiển. Khu vực Gia Định được tổ chức thành một hệ thống phòng ngự kiên cố. Nguyễn Ánh tiến hành phòng ngự có chuẩn bị sẵn, và tin tưởng rằng với ưu thế về số lượng quân đội, với ưu thế về kỹ thuật tiên tiến - phương tiện kỹ thuật thủy quân và kỹ thuật trúc thành -, hẳn hoàn toàn có khả năng đánh tan cuộc tiến công của Nguyễn Huệ. Rút kinh nghiệm những trận đánh trước của quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh định quyết tâm giữ vững Gia Định và vùng phụ cận, đánh tan quân đội Tây Sơn từ phía ngoài cửa ngõ thành Gia Định. Nhằm thực hiện quyết tâm ấy, Nguyễn Ánh bố trí một lực lượng thủy quân khá mạnh trên phòng tuyến thứ nhất, tại cửa biển Cần Giờ. Bộ phận cốt cán của phòng tuyến này gồm cả các chiến hạm Pháp và Bồ Đào Nha.

Đồng thời, Nguyễn Ánh nắm một lực lượng thủy quân dự bị đặt ở phía trong, sẽ tung ra tham chiến vào thời cơ thích hợp. Để tránh bị uy hiếp trên

cạnh sườn phía bắc, Nguyễn Ánh đã phái một đạo quân gồm cả bộ binh và thủy binh, do một tướng thân cận, em rể Nguyễn Ánh là Nguyễn Hữu Thụy chỉ huy, với nhiệm vụ ngăn chặn bộ binh Tây Sơn từ hướng Bình Thuận tiến vào. Lối bố trí kín đáo đó, cách tổ chức phòng thủ vững chắc đó, quả là lợi hại và báo trước tính chất quyết liệt của cuộc giao chiến sắp tới. Các chuyên gia quân sự Âu châu đã đóng một vai trò khá quan trọng trong việc giúp đỡ Nguyễn Ánh.

Nhưng, quyết tâm và ý định của Nguyễn Ánh chỉ là một nguyện vọng chủ quan, bắt nguồn trong sự phán đoán sai lầm về khả năng kỹ thuật của quân đội Tây Sơn, nhất là trong sự đánh giá hết sức sai lầm về dũng khí của binh sĩ Tây Sơn và nghệ thuật chỉ huy của Nguyễn Huệ.

Quân đội Tây Sơn đã lớn mạnh. Tiến quân vào Gia Định lần này, Nguyễn Huệ có trong tay một hạm đội tác chiến khá mạnh, và một hạm đội vận tải khá lớn chở theo một đạo bộ binh. Khác với cuộc tiến quân trước, lần này Nguyễn Huệ không tiến quân trên hai hướng thủy bộ, mà dựa vào những khả năng mới nói trên, đã quyết định tập trung toàn bộ thủy quân và lục quân đánh thẳng vào Gia Định. Nguyễn Huệ đã trao cho thủy quân nhiệm vụ chọc thủng phòng tuyến Cần Giờ của thủy quân Nguyễn Ánh; mở đường cho bộ binh tiến vào công kích khu vực thành lũy Thị Nghè, Gia Định, Bến Nghé, có sự phối hợp của thủy quân. Sau khi đã chiếm giữ được khu vực này, quân đội Tây Sơn chia thành hai cánh: cánh quân chủ lực do thủy quân đảm nhiệm tiến về Định Tường; cánh quân thứ hai do bộ binh đảm nhiệm tiến về Biên Hòa, đánh

vào sau lưng đạo quân Nguyễn Hữu Thụy. Như vậy, phương pháp tác chiến cơ bản của Nguyễn Huệ vẫn không thay đổi, tức tập trung binh lực đánh mạnh tại một mục tiêu, rồi lại tập trung đến một mục tiêu khác. Nhưng cách đánh cụ thể lại thay đổi: từ chia thành nhiều hướng tiến quân để hợp lại đánh một mục tiêu, đã chuyển thành tiến quân trên một hướng, chiếm xong mục tiêu chủ yếu rồi lại tỏa thành hai hướng khác nhau.

Chúng ta học ở đây cách dùng binh có trọng điểm của Nguyễn Huệ, và những cách đánh cụ thể khác nhau trong những tình hình khác nhau. Đó là tính linh hoạt cao trong nghệ thuật chỉ huy. Nguyễn Huệ không những sử dụng một cách thành thạo chiến thuật mà còn thay đổi nhanh chóng chiến thuật. Nguyễn Huệ tỏ ra biết mình biết địch, do đó mà hễ đánh là chắc thắng.

Những trận chiến đấu lần này chủ yếu do thủy quân hai bên tiến hành. Những trận có tính chất quyết định đều có thủy quân hai bên làm lực lượng chính. Cuộc đọ sức đầu tiên này giữa thủy quân Nguyễn Huệ và thủy quân Nguyễn Ánh trên phòng tuyến Cần Giờ đã kết thúc bằng thắng lợi rực rỡ của thủy quân Nguyễn Huệ, mặc dù Nguyễn Ánh đã điên cuồng đối phó, liên tục tăng cường và đánh lại. Dũng khí cách mạng của thủy binh Tây Sơn đã áp đảo hoàn toàn đối phương, mặc dù Nguyễn Ánh có phương tiện kỹ thuật tiên tiến và quân ngoại quốc giúp sức. Hạm đội Tây Sơn còn thắng địch về mặt kỹ thuật nữa: kỹ thuật hỏa công của Nguyễn Huệ đã gây bất ngờ lớn cho địch. Không những thủy binh Nguyễn Ánh khiếp sợ, mà thủy binh Pháp và Bồ Đào Nha cũng đều

kinh hoảng. Khi tiến vào đánh phá thành lũy kiên cố ở Thị Nghè, một lần nữa, chính tinh thần dũng cảm của quân sĩ Tây Sơn đã chiến thắng kỹ thuật trúc thành tiên tiến của Nguyễn Ánh.

Ngoài những thắng lợi về quân sự, chiến thắng lần này còn chứng minh rất hùng hồn cho chân lý: nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh là con người, không phải vũ khí. Tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng cảm của quân đội Tây Sơn, rõ ràng đã chiến thắng tàu chiến và đại bác, tức những vũ khí tối tân nhất của đương thời do người phương tây đưa vào Việt Nam để giúp Nguyễn Ánh đánh lại đồng bào mình. Những vũ khí tối tân ấy đã phải khuất phục, hoàn toàn mất tác dụng trước dũng khí chiến đấu và mưu trí của quân đội Tây Sơn, một quân đội cách mạng Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ XVIII.

NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN GIẢI PHÓNG GIA ĐỊNH LẦN THỨ BA (1783)

Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ vừa đem đại quân rời khỏi Gia Định tháng Năm năm Nhâm Dần (1782) thì tháng sau, một tướng của Nguyễn Ánh, còn lẫn lút ở miền nam Gia Định là Hồ Văn Lân lại bắt đầu hoạt động. Hồ Văn Lân tập hợp được một số tàn quân, đánh chiếm dinh Long Hồ (Vĩnh Long ngày nay). Một

số tướng khác như Dương Công Trừng, Nguyễn Văn Quý cũng đem tàn binh lại hợp lực với Hồ Văn Lân cùng tiến đánh quân Tây Sơn ở sông Lật Giang. Quân Tây Sơn thua chạy, bị mất hơn 10 thuyền chiến.

Trong khi bọn Hồ Văn Lân hoạt động ở phía nam Gia Định, thì bọn Chu Văn Tiếp ẩn náu ở vùng núi Lương Sơn (phía nam Phú Yên) cũng tích cực mộ quân, bổ sung lực lượng và tháng Tám âm lịch (1782), Chu Văn Tiếp giương cờ “Lương Sơn tá quốc” (người Lương Sơn giúp nước), tiến quân vào Gia Định, Chu Văn Tiếp chia quân ra làm nhiều cánh cùng tiến, còn tự mình lĩnh một cánh quân mạnh để tiếp viện cho các cánh quân trên. Quân thế của Chu Văn Tiếp khá mạnh mà lực lượng Tây Sơn ở Gia Định thì yếu, chỉ có 3.000 quân đóng rải khắp miền Gia Định. Khi quân Chu Văn Tiếp tới thành Gia Định, tướng Tây Sơn giữ thành là Đỗ Nhân Trập lại phạm sai lầm là ngay từ đầu đã tung hết quân chia ra các mặt để cùng chống đỡ. Quân Chu Văn Tiếp liên tiếp tiến công. Quân Tây Sơn bị tiêu diệt phần lớn. Đỗ Nhân Trập cùng số quân còn lại, mở một đường phá vây rút về Qui Nhơn.

Chiếm được Gia Định, Chu Văn Tiếp sai người báo tin và đón Nguyễn Ánh từ Phú Quốc trở về Gia Định. Cuối tháng 10 năm 1782, bọn cố đạo Bá Đa Lộc cũng từ Chân Lạp kéo về Gia Định [1].

Biết chắc Tây Sơn sẽ vào đánh, Nguyễn Ánh ra lệnh tăng cường phòng thủ, xây dựng nhiều đồn lũy, cử tướng chỉ huy các địa điểm then chốt trong hệ thống

phòng thủ Gia Định, đồng thời cho đóng thuyền chiến, khôi phục thủy quân.

Ở phía nam sông Gia Định, đặt đồn Thảo Câu (Vàm Cỏ) do Dương Công Trừng đóng giữ. Phía bắc đặt đồn Dác Ngư (Cá Dóc) do Tôn Thất Mân chỉ huy. Giữa hai đồn lớn này, bắc một cầu phao qua sông để tiện việc đi lại.

Trong lòng sông đóng cọc [2] và trên Sông lúc nào cũng dàn sẵn hơn 100 thuyền chiến làm lực lượng cơ động, có Chu Văn Tiếp điều khiển. ở phía trước lại đặt thêm một con rồng cỏ và nhiều bè để đánh hỏa công [3].

1. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785.
2. Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí, Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, q. 3. tờ 72.
3. Chúng tôi chưa rõ "con rồng cỏ" và "bè hỏa công" làm như thế nào và sử dụng trong chiến đấu như thế nào. Nhưng cả hai thứ đều được dùng phổ biến trong các trận thủy chiến của ta ở thế kỷ XVIII, XIX. Khi Pháp sang xâm lược, người ta vẫn còn dùng rồng cỏ và bè hỏa công để đánh Pháp. Khi Francis Garnier ra xâm lược Bắc Kỳ, Jean Dupuis đưa cho Garnier ngày 12 tháng 11 năm 1783, một đơn khiếu nại các quan lại Việt Nam ở Bắc Kỳ, gồm 19 điều. Trong điều thứ 19, hấn khiếu nại rằng: từ Hà Nội đến Hưng Hóa và xa hơn nữa, Nguyễn Tri Phương đã cho làm nhiều bè hoả công (radeaux contenant des matières incendières) và rồng cỏ (dragons en paille) để đốt phá những thuyền vận tải đạn dược của Pháp (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises. Nouvelle série, tome XII. n0s 3 et 4, 3è et 4è timestre 1937. p. 60)

so với trước, hệ thống phòng ngự Gia Định của quân Nguyễn vững chắc hơn nhiều.

Nhưng mặc dầu tổ chức phòng thủ, Nguyễn Ánh vẫn lo không thể chống lại được với sức mạnh của quân Tây Sơn, nên y phải cho Lê Phúc Diễn, Lê Phúc Bình đem đồ vàng bạc sang biếu vua Xiêm và cầu viện quân Xiêm lần nữa.

Những chân tay của chúa Nguyễn như bọn cô đạo Bá Đa Lộc cũng biết chắc không thể ở lâu được Gia Định, nên chúng tranh thủ thời gian ở Gia Định để chuẩn bị lương thực, tiền bạc và thuyền bè, phòng khi quân Tây Sơn tiến vào thì chúng rút chạy [1].

Quả nhiên, tháng Hai năm Quý Mão (1783), Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem thủy quân vào tiến công Gia Định.

Thủy quân Tây Sơn vào cửa biển Cần Giờ, ngược dòng tiến lên. Biết rõ Nguyễn Ánh đã tập trung toàn lực để bảo vệ thành Gia Định và mưu dùng hỏa công mạnh để phá thủy quân Tây Sơn, ngày 24 tháng Hai năm Quý Mão, tức ngày 26 tháng 3 năm 1783 chờ khi có thủy triều dâng lên, gió từ cửa biển thổi mạnh trở vào, Nguyễn Huệ cho hai cánh quân tiến vào phá phòng tuyến Gia Định. Cánh quân thứ nhất do tư khẩu Nguyễn Văn Kim chỉ huy, tiến đánh đồn Dác Ngư ở bờ bắc sông Gia Định. Cánh quân thứ hai do đô đốc Lê Văn Kế

chỉ huy, tiến đánh đồn Thảo Câu ở bờ nam. Tướng Nguyễn là lưu thủ Thăng và tiên phong Túy đem kỳ binh tiến ra nghênh chiến, rồi lúi chạy ý muốn nhử thủy quân Tây Sơn vào khu vực đánh hỏa công để tiêu diệt như kế hoạch đã định từ trước của Nguyễn Ánh.

Nhưng ý đồ của Nguyễn Ánh và các tướng Nguyễn đã không thể thắng được tài dùng binh của Nguyễn Huệ, người biết triệt để lợi dụng những yếu tố thiên thời, địa lợi để đánh địch. Nguyễn Huệ chọn lúc thủy triều dâng lên mới xuất quân. Chiến thuyền Tây Sơn càng tiến, nước thủy triều càng nâng cao, gió từ cửa biển thổi vào càng mạnh. Được chiều gió, nước thuận lợi, chiến thuyền Tây Sơn ào ạt tiến lên, đánh thẳng vào khu vực hỏa công của địch.

Trước sức tiến công mãnh liệt của thủy quân Tây Sơn, giám quân Tô, người điều khiển hỏa công của quân Nguyễn, tuân theo kế hoạch đã định, vội vàng hạ lệnh phóng hỏa công, nhằm đốt phá thuyền chiến Tây Sơn, hoặc ít nhất cũng ngăn chặn được sức tiến của thuyền chiến Tây Sơn. Nhưng, ngược chiều gió, các bè hỏa công phóng ra, không trôi về phía thuyền chiến Tây Sơn mà lại quay về đốt phá thuyền chiến quân Nguyễn, không thể nào ngăn chặn, dập tắt được. Trong khi đó, đại quân của Nguyễn Huệ tiến tới. Quân Tây Sơn tập trung hỏa lực bắn vào thuyền chiến quân Nguyễn. Vừa bị bè hỏa công của mình quay về đốt phá, vừa bị đạn của quân Tây Sơn bắn tới dữ dội, thủy quân của Nguyễn Ánh tan vỡ, rút chạy hỗn loạn. Quân Tây Sơn tiến lên bao vây hai đồn Thảo Câu và Dác Ngư. Tôn Thất Mân, tướng giữ đồn Dác Ngư, không chống nổi, vội đem tàn quân qua cầu phao, định chạy vào thành Gia Định. Nhưng

tướng Tây Sơn Lê Văn Kế chặt gãy cầu phao, Tôn Thất Mân và tàn quân Nguyễn rơi xuống nước chết. Đồn Dác Ngư bị tiêu diệt hoàn toàn. Quân Tây Sơn tăng cường tiến công đồn Thảo Cầu. Tướng giữ đồn Thảo Cầu là Dương Công Trừng bị bắt sống tại trận [1]. Toàn bộ tướng sĩ đồn Thảo Cầu đều xin hàng [2].

Sau khi tiêu diệt hai đồn Thảo Cầu và Dác Ngư, quân Tây Sơn tập trung truy kích cánh quân Chu Văn Tiếp.

1, 2. Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập q. 7. tờ 2.

Cánh quân này bị hoàn toàn tan rã. Chu Văn Tiếp bỏ trốn, theo đường núi chạy bạt sang tận Xiêm.

Phá tan phòng tuyến của quân Nguyễn. Nguyễn Huệ tiến quân vào thành Gia Định. Nguyễn Ánh hoảng sợ vội vàng đem gia đình bỏ thành chạy trốn. Đi theo Nguyễn Ánh chỉ có năm, sáu tướng lĩnh tùy tùng và không đầy một trăm quân.

Nguyễn Ánh chạy về Ba Giòng. Sang tháng Tư năm Quý Mão, tàn quân các nơi cũng về tập hợp ở Ba Giòng. Nguyễn Ánh tổ chức lại quân đội, cử Nguyễn Kim Phẩm làm tiên phong, Tôn Thất Dụ, Nguyễn Đình Thuyên, Trần Đại Thê, Trần Đại Huệ, Hồ Đồng và Minh làm trung quân, Hoảng làm tả chi, Nguyễn Văn Quý làm hữu chi, Nguyễn Hoàng Đức đem 500 quân làm hậu ứng. Tất cả

đều cùng tiến lên đóng quân ở Đồng Tuyên để chống nhau với quân Tây Sơn.

Được tin Nguyễn Ánh đương củng cố lực lượng và bố trí phòng ngự ở Đồng Tuyên, Nguyễn Huệ liền đem một lực lượng bộ binh và tượng binh khá lớn tiến công mạnh vào Đồng Tuyên [1]. Quân Nguyễn không chống cự nổi và bị thiệt hại rất nặng. Các tướng Nguyễn Đình Thuyền, Nguyễn Văn Quý, Trần Đại Huệ và hình bộ Minh đều tử trận. Hồ Đồng và Nguyễn Hoàng Đức cùng 500 quân hậu ứng đều bị bắt sống tại trận. Tiên phong Nguyễn Kim Phẩm bị đánh bật đi, không liên lạc được với Nguyễn Ánh, phải chạy trốn vào Hà Tiên rồi bị bắt tại đây.

Nguyễn Ánh đem tàn quân cùng 50 thuyền chiến [2] chạy đi Lật Giang. Quân Tây Sơn truy kích ráo riết. Nguyễn Ánh phải ngày đêm chạy đi Mỹ Tho, rồi chạy ra vùng cửa

1 Theo De la Bissachère, Nguyễn Huệ cho nhiều voi trận tiến công mãnh liệt, Nguyễn Ánh thất bại nặng nề, phải chạy (La Bissachère. tài liệu đã dẫn. q. 2, tr. 165).

2. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785.

biển Ba Thắc và gặp Bá Đa Lộc. Trước đây, Bá Đa Lộc vẫn ở Gia Định với Nguyễn Ánh. Nhưng từ đầu tháng 3 năm 1783, khi được tin Nguyễn Huệ sắp tiến đánh Gia Định, Bá Đa Lộc vội vàng đem lương thực, tiền bạc, thuyền bè chạy trước vào Mạc Bắc (ở Trà Vinh) là nơi có trường đạo do giáo sĩ Li-ô

(Liot) quân đồn. Ngày 19 tháng 3 năm 1783, được tin Nguyễn Huệ đã đánh vào Gia Định, Bá Đa Lộc và Li-ô, cùng hai giáo sĩ Tây Ban Nha, Ca-xtu-ơ-ra (Castuera) và Gi-nét-xta (Ginestar) đem bọn tùy tùng và các học sinh trường đạo Mạc Bắc chạy ra vùng cửa biển Ba Thắc. Bá Đa Lộc đến đây được 8 ngày thì Nguyễn Ánh cũng chạy tới. Sợ ở cùng một chỗ thì nguy hiểm cho mình, Bá Đa Lộc đem đồng bọn chạy đi nơi khác [1].

Thấy Bá Đa Lộc chạy. Nguyễn Ánh cũng chạy ra Hà Tiên, rồi chạy thẳng ra đảo Phú Quốc. Khi tới Hà Tiên, Nguyễn Ánh có thêm được một tướng Xiêm là Vinh-li-ma đem 200 quân đến xin gia nhập. Vinh-li-ma tránh nội biến ở Xiêm, chạy ra vùng hải đảo. Cùng ở trong cảnh như Nguyễn Ánh, Vinh-li-ma đã sẵn sàng đi theo Nguyễn Ánh.

Nhưng mặc dầu Nguyễn Ánh chạy ra tận Phú Quốc, Nguyễn Huệ vẫn không ngừng truy kích. Ngày 12 tháng Bảy năm Quý Mão [2] tức ngày 9 tháng 8 năm 1783, tướng Tây Sơn là Phan Tiến Thận đem quân tiến đánh Nguyễn Ánh ở hòn đảo Điệp Thạch. Tàn quân Nguyễn Ánh bị thiệt hại nặng. Các tướng Tôn Thất Cốc, Chương Cơ Hoảng, Vinh-li-ma và Tôn Thất Diên (em Nguyễn Ánh) đều bị quân Tây Sơn bắt sống. Nguyễn Ánh khiếp sợ phải cởi áo ngự cho Lê Phúc Diên mặc để lẫn trốn cho dễ và Nguyễn Ánh cùng một số tướng sĩ đã chạy thoát được ra đảo Cổ Long [3].

1. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1783

2 . Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, q. 3. tờ 73.

3. Túc đảo **h Rong.

Nguyễn Ánh định cho người sang Ma-ni (Manille), do hai giáo sĩ Tây Ban Nha dẫn đường, để mua lương thực và cầu viện người Tây Ban Nha [1] lúc ấy đương thống trị Phi-lip-pin. Nhưng Nguyễn Ánh chưa kịp cho người đi Ma-ni [2], thì Nguyễn Huệ đã cử phò mã Trương Văn Đa đem một lực lượng thủy quân lớn tới đánh. Trương Văn Đa dàn thuyền chiến thành 3 vòng, vây chặt đảo Cỏ Long. Bấy giờ là ngày 18 tháng 8 năm 1783 [3]. Quân Tây Sơn tiến công rất dữ dội. Nhưng gặp phải ngày mưa bão lớn, thuyền chiến Tây Sơn không thể dàn ra để bao vây mà phải dồn lại ghì chặt vào nhau để chống đỡ với gió to, sóng lớn. Do đó, vòng vây giãn ra. Nguyễn Ánh nhân cơ hội, đem tàn quân chạy thoát, trốn sang đảo Cỏ Cốt (**h Kut), rồi lại chạy về Phú Quốc. Tại đây, không có gì ăn, lương thực hết, bọn Nguyễn Ánh phải hái cỏ, đào củ để sống. Không thể ở yên Phú Quốc để chết đói, Nguyễn Ánh lại đem tàn quân về cửa biển Ma-li, hòng kiếm chác.

1. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785, thư của Castuera ngày 14 tháng 7 năm 1784 và thư của Ginestar năm 1784.

2. Nguyễn Ánh đương chuẩn bị ghe thuyền cho bọn chân tay đi Ma-ni thì được tin quân Tây Sơn sắp đánh tới. Nguyễn Ánh và toàn quân nhốn nháo lo sợ. Hai giáo sĩ Tây Ban Nha, Castuera và Ginestar, vội bỏ đảo Cỏ Long, xuống một chiếc "ghè bầu" chạy vào đất liền. Nhưng cả hai đều bị quân Tây Sơn bắt đưa

về Gia Định. Nguyễn Huệ đã cho thả hai giáo sĩ này và cho phép họ tự do đi lại truyền đạo.

3. Theo thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785, Trương Văn Đa đánh Nguyễn Ánh ở đảo Cỏ Long 5 ngày sau khi hai giáo sĩ Tây Ban Nha bị quân Tây Sơn bắt, và theo thư của cố đạo Việt Nam André Tôn thì hai giáo sĩ Tây Ban Nha bị bắt ngày 13 tháng 8 năm 1783. Như vậy có thể là Trương Văn Đa đánh đảo Cỏ Long ngày 18 tháng 8 năm 1783 (Thư André Tôn viết ở Sa Đéc ngày 1 tháng 7 năm 1784, trong *Lettres édifiantes et curieuses*, Paris. 1843. tome VI, p. 624).

Nhưng chúng vừa tới nơi, quân Tây Sơn đã đem hơn 20 thuyền chiến đến vây bắt. Bọn Nguyễn Ánh bỏ chạy ra khơi. Quân Tây Sơn truy kích. Nguyễn Ánh chạy trốn, 7 ngày 7 đêm, lênh đênh trên mặt biển. Sau mấy ngày truy kích, quân Tây Sơn quay về, Nguyễn Ánh mới chạy thoát trở lại Phú Quốc.

Nhưng cũng như lần trước, không thể ở Phú Quốc để chờ chết, Nguyễn Ánh lại mò về cửa biển ông Đốc để kiếm ăn và định tiến vào Long Xuyên.

Được tin ấy, tướng Tây Sơn Nguyễn Hóa đem hơn 50 thuyền chiến ra phục ngầm ở cửa biển ông Đốc để đón đánh. Thấy nguy cơ bị tiêu diệt, bọn Nguyễn Ánh quay thuyền chạy nhanh ra biển. Chuyến này, Nguyễn Ánh phải bỏ Phú

Quốc, chạy qua hòn Chông, rồi chạy thẳng ra đảo Thổ Châu, cách đất liền khoảng 200 ki-lô-mét. Không có lương ăn, bọn Nguyễn Ánh phải nhịn đói, chèo thuyền mấy ngày đêm liền, để trốn thoát sự truy kích của quân Tây Sơn.

Tình hình Gia Định tới đây đã tương đối ổn định, nhiệm vụ giải phóng Gia Định đã hoàn thành. Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Lữ đem đại quân trở về Qui Nhơn, lưu phò mã Trương Văn Đa và chương tiền Bảo ở lại giữ Gia Định.

Khác với những lần trước, lần này, trước khi trở về Qui Nhơn, Nguyễn Huệ bố trí phòng thủ Gia Định chu đáo hơn. Lơ-gờ-răng đơ la Li-re (Legrand de la Liraye), tác giả cuốn "Bút ký lịch sử về dân tộc An-nam" đã dựa theo dã sử, nhận định về việc Nguyễn Huệ tổ chức phòng thủ Gia Định lần này như sau:

"Vớt việc chiếm đóng Gia Định, Long Nhương [1] đã hoàn toàn làm chủ cả Đàng Trong. Ông này không phải chỉ là một người cầm quân mà còn là một nhà cai trị rất giỏi và khác với những tướng

1 . Long Nhương hay Long Tương tướng quân là chức tước mà Nguyễn Nhạc đã phong cho Nguyễn Huệ.

lĩnh mà Nguyễn Nhạc đã cử vào lần đầu, ông nắm được cả miền Gia Định trong tay, bằng những đồn Binh vững vàng ở khắp các đường bộ, đường sông, cửa biển và bằng một kỷ luật nghiêm minh, đồng thời lại nhân từ với nhân dân..." [1].

Quân Tây Sơn ở lại Gia Định lần này không những đủ sức phòng thủ lãnh thổ của mình, mà còn có khả năng đi dẹp loạn giúp nước láng giềng Chân Lạp. Số là trong mấy tháng cuối năm 1783, một số người Mã Lai đem quân sang đánh chiếm Chân Lạp. Nước Chân Lạp cầu viện nghĩa quân Tây Sơn. Tháng 12 năm 1783, tướng Tây Sơn Trương Văn Đa đem quân sang Chân Lạp đánh đuổi quân Mã Lai giải phóng đất nước Chân Lạp. Quân Mã Lai chạy trốn sang Xiêm [2]. Nghĩa quân Tây Sơn rút về Gia Định.

Qua cuộc tiến quân của Nguyễn Huệ vào đánh Gia Định lần này, nhìn vào khả năng chiến đấu của địch thì ta có thể thấy, lực lượng quân sự của Nguyễn Ánh đã suy yếu rất nhiều kể từ sau lần đại bại trước. Tuy quân Nguyễn có phản công thắng lợi đối với một đạo quân nhỏ của Tây Sơn, và đã khôi phục lực lượng được ít nhiều vào đầu năm 1783. Nhưng so với quân đội Nguyễn Huệ, lực lượng quân sự của Nguyễn Ánh đã mất ưu thế. Vì vậy, Nguyễn Ánh phải tập trung gần như toàn bộ thủy quân và lục quân để phòng thủ khu vực Gia Định. Về mặt chỉ đạo tác chiến, Nguyễn Ánh đã mất dần tính tích cực tương đối của những năm trước, mà chuyển sang phòng thủ đơn thuần. Điều đó phản ánh sự mất tin tưởng vào thắng lợi của hấn.

1. Legrand de la Liraye: Notes historiques sur la nation annamite, Sai gon, 1865, tr. 95.
2. Thư của Ginestar viết năm 1784. B.S.E.I, tome XV, n0s 3-4, 19410, tr. 98.

Nhưng, mặt khác, phải thừa nhận rằng Nguyễn Ánh đã có nhiều cố gắng để tìm ra một hình thức phòng thủ mới, trong một khu vực địa thế có lợi cho quân Nguyễn. Khu vực phòng thủ tuy rút hẹp lại, nhưng binh lực, thuyền chiến, công sự được tăng lên rất nhiều, có sử dụng phối hợp nhiều loại phương tiện chiến đấu, kể cả bè hỏa công và rồng cỏ, do đó sự vững chắc trong phòng thủ được tăng lên. Khác với năm trước, phòng thủ từ xa, có khúc sông rộng, lần này Nguyễn Ánh tổ chức phòng thủ ở gần thành Gia Định, có đoạn sông hẹp hơn, khiến cho thủy quân Tây Sơn khó cơ động, và không sử dụng được thật nhiều thuyền chiến trong đợt đột kích đầu tiên. Nguyễn Ánh lại tin cậy ở kỹ thuật hỏa công có thể áp đảo được quân đội Nguyễn Huệ.

Tại khu vực phòng thủ, Nguyễn Ánh sử dụng thủy quân làm quân cơ động, và bộ binh đồn trú trong hai cứ điểm mạnh làm nhiệm vụ ngăn chặn cuộc tiến quân của thủy quân Tây Sơn .

Khó khăn càng lớn, lại càng làm nổi bật tinh thần dũng cảm tiến công của quân đội Tây Sơn và nghệ thuật chỉ huy quân sự của Nguyễn Huệ. Chính lần này, Nguyễn Huệ đã thành công trong việc tổ chức đội hình chiến đấu của thủy quân và triệt để lợi dụng con nước, lợi dụng chiều gió trong thủy chiến để tiến công địch, đánh phá kế hoạch hỏa công của địch. Nguyễn Huệ đã chọn đúng lúc nước triều dâng lên, gió biển theo nước triều thổi mạnh vào mà tiến quân.

Còn viên tướng Nguyễn chỉ huy đánh hỏa công thì hốt hoảng cực độ trước uy

lực tiến công của quân đội Tây Sơn đã phóng hỏa đốt bừa, không còn khả năng phân biệt nước triều lên xuống và gió thuận hay ngược. Đòn đánh mãnh liệt của Nguyễn Huệ đã làm cho tổ chức phòng thủ vững chắc của quân Nguyễn bị chọc thủng hết sức nhanh chóng đến nỗi Nguyễn Ánh không dám, mà cũng không còn phương tiện để cố thủ thành Gia Định.

Đòn đánh thứ hai của Nguyễn Huệ vào Đồng Tuyên lại gây thêm cho quân đội Nguyễn Ánh một bất ngờ mới, một khủng khiếp mới: sự xuất hiện của đội tượng binh lợi hại nổi tiếng của quân đội Tây Sơn đã làm cho Nguyễn Ánh không kịp trở tay. Trong lúc các đội tiên phong, trung quân tả chi, hữu chi của Nguyễn Ánh bị voi nghiền nát thì đội hậu quân chưa xuất trận đã bị bộ binh Tây Sơn bao vây bắt gọn không sót một tên. Quân đội Nguyễn ánh đã từng nếm mùi thất bại trước đội tượng binh Tây Sơn, trong trận chiến đấu tại Bình Khang năm xưa, nhưng đây là lần đầu tiên, đội tượng binh đáng sợ đó đã xuất hiện tại chiến trường Gia Định, xa xôi với căn cứ Qui Nhơn của nghĩa quân. Đưa đội tượng binh vào chiến trường Gia Định, Nguyễn Huệ tỏ ra rất mạnh bạo trong việc sử dụng binh chủng đặc biệt này. Chiến trường Gia Định nhiều sông ngòi, đất lại xốp, có ảnh hưởng nhất định đến việc vận động của voi. Nguyễn Huệ không những đã mạnh dạn dùng thuyền vận tải chở voi, bí mật vận chuyển cả một đội tượng binh quan trọng, mà còn sử dụng nó một cách tập trung thành một lực lượng rất mạnh, hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh để công kích.

Qua hai đòn đánh mãnh liệt và giai đoạn đánh đuổi lòng sục tích cực, trận

chiến đấu đã kết thúc thắng lợi. Thời gian tuy ngắn, chiến đấu tuy ít, nhưng trong trận chiến đấu này, Nguyễn Huệ đã hoàn thành việc đặt cơ sở vững chắc cho chiến thuật cận đại của quân đội Tây Sơn: chiến thuật hợp đồng của thủy quân, pháo binh đặt trên thuyền chiến và bộ binh; chiến thuật hợp đồng của bộ binh, tượng binh và pháo binh đã chiến.

Đó cũng là bước phát triển mới về nghệ thuật tác chiến của quân đội Nguyễn Huệ và đó cũng là ý nghĩa quan trọng của trận chiến đấu này.

NGUYỄN HUỆ TIỀN QUÂN ĐÁNH TAN LIÊN QUÂN XIÊM – NGUYỄN GIẢI PHÓNG GIA ĐÌNH LẦN THỨ TƯ (1785)

Nguyễn Huệ đem đại quân rời khỏi Gia Định thì cũng như các lần trước, một số tướng của Nguyễn Ánh như Hồ Văn Lân, Tôn Thất Hội, Lê Văn Quân còn lẫn trốn ở Gia Định lại ra mặt hoạt động.

Tháng Mười năm Quý Mão (1783), Hồ Văn Lân đem tàn quân đánh thắng một cánh quân Tây Sơn ở Tân Châu, rồi tiến lên Cần Thơ, đánh bại tướng Tây Sơn Nguyễn Hóa và bắt được 13 thuyền chiến lớn đi biển của quân Tây Sơn. Tôn Thất Hội cũng thu thập tướng sĩ cũ, tiến lên giữ đồn Tinh Phú. Lê Văn Quân cũng mộ quân chiếm giữ song Tân Hòa.

Nhưng, như chúng ta đã thấy ở trên, lần này Nguyễn Huệ đã bố trí phòng thủ

chu đảo, không để cho bọn tướng Nguyễn có thể mở rộng hoạt động, giành giật lại đất Gia Định như các lần trước. Khi Tôn Thất Hội tiến giữ đồn Tinh Phú thì lập tức tướng Tây Sơn Trương Văn Đa cho quân tới vây chặt lấy đồn Tinh Phú.

Tháng Giêng nhuận năm Giáp Thìn (1784), Hồ Văn Lân đem quân đến cứu đồn Tinh Phú. Tôn Thất Hội ở trong đồn, cố đánh phá vòng vây vượt ra, cùng Hồ Văn Lân chạy về Tân Hòa, hợp quân với Lê Văn Quân. Trương Văn Đa cùng quân Tây Sơn tiến đánh Tân Hoà. Quân Nguyễn tan vỡ, các tướng Nguyễn bỏ chạy. Bọn Lê Văn Quân. Tôn Thất Hội, cùng đường, phải chạy sang Xiêm.

Trong khi các tướng của Nguyễn Ánh còn ở lại Gia Định phải chạy trốn một cách tuyệt vọng như vậy thì Nguyễn Ánh và bọn tùy tùng cũng đang sống ở Thổ Châu một cách vất vả, tuyệt vọng không kém. Ngày 15 tháng 12 năm 1783, Nguyễn Ánh viết thư cầu cứu giáo sĩ Li-ô, nguyên là giám đốc trường đạo ở Mạc Bắc. Từ ngày 19 tháng 3 năm 1783 , Li-ô đã cùng Bá Đa Lộc chạy trốn trên các hải đảo ở vịnh Xiêm La. Khi biết tin Nguyễn Ánh bị thất bại lớn ở đảo Cổ Long và thấy không còn hy vọng trở về Gia Định, Li-ô và Bá Đa Lộc chạy tới Chan-ta-bun (thuộc Xiêm) ngày 21 tháng 8 năm 1783. Được biết Li-ô và Bá Đa Lộc ở Chan-ta-bun, Nguyễn Ánh cho cai đội Sùng Đức Hầu cầm thư và 10 nén vàng đi Chan-ta-bun gặp Li-ô, trình bày hoàn cảnh khôn quẫn, thiếu thốn, chỉ còn lương ăn trong 12 ngày. Nguyễn Ánh khẩn khoản yêu cầu Li-ô mua giúp lương thực và nhờ những người dân có đạo chuyên chở tới giúp [1].

Bá Đa Lộc và Li-ô chưa kịp trả lời và mua giúp lương thực thì khoảng giữa tháng Giêng năm 1784, bọn Nguyễn Ánh đã chạy lang thang tới một hòn đảo cách Chan-ta-bun chừng hơn một dặm. Lúc ấy Nguyễn Ánh còn một tàu Tây và chừng 15 chiếc thuyền cùng với 600 - 700 quân. Nhưng đói lắm, mọi người phải đào củ, rễ, để ăn cho qua ngày. Bọn Bá Đa Lộc và Li-ô được tin, tới thăm bọn Nguyễn Ánh và nhường lại cho Nguyễn Ánh một phần lương thực. ở với Nguyễn Ánh chừng nửa tháng, bọn Bá Đa Lộc chạy ra đảo Thổ Châu rồi ra đảo Pu-Lô-Oay

1. L. Cadière, Les Francais au service de Gia Long, Bulletin des Amis du Vieux Hué, Janvier - Mars 19126, n0 1, pp. 15 - 19

(Poulo - Way), và ở đây từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1784 [1].

Về phía Nguyễn Ánh, với một số ít lương thực của bọn Bá Đa Lộc nhường lại, không đủ sống lâu dài. Tháng Hai năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh quyết định chạy theo bọn Chu Văn Tiếp sang Xiêm, để một lần nữa cầu cứu vua Xiêm. Muốn nhân dịp này gây ân huệ với Nguyễn Ánh để giành quyền không chế Chân Lạp và xâm lấn một phần đất đai Gia Định, vua Xiêm nhận lời cho quân giúp Nguyễn Ánh về đánh nhau với nghĩa quân Tây Sơn.

Đầu tháng Sáu năm Giáp Thìn, vua Xiêm cho hai cháu là chiêu Tăng là chiêu

Sương [2] đem 2 vạn thủy quân và 300 thuyền chiến theo Nguyễn Ánh tiến vào Gia Định. Nguyễn Ánh cũng tập hợp tàn quân và cử Chu Văn Tiếp làm Bình tây đại đô đốc, điều khiển các quân.

Ngày 9 tháng Sáu năm Giáp Thìn [3] tức 25 tháng 7 năm 1784, liên quân Xiêm - Nguyễn từ Vọng Các xuất phát.

Quân đội Xiêm là một quân đội như thế nào, ra đi có khả năng chiến thắng quân Tây Sơn không? Âm mưu "cống rắn cắn gà nhà" của Nguyễn Ánh có thực hiện được không? Thực tế chiến đấu sau này sẽ cho chúng ta biết rõ những điều đó. Nhưng quân đội Xiêm cũng là một lực lượng vũ trang đáng kể. Sự can thiệp của quân đội Xiêm không phải không là mối nguy cơ cho nền độc lập của nước nhà thời bấy giờ.

Về tổ chức, quân đội Xiêm có lục quân và thủy quân. Trong lục quân, bộ binh và tượng binh là hai binh chủng

1. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785, trong *Lettres édifiantes et curieuses*. Paris, 1843, tome IV, pp. 621 – 622.

2. Chiêu hay chiếu là một chức tước, không phải tên họ, có thể gọi là chao, châu như tiếng Lào, tiếng Thái. Chữ nho vốn viết là *** (chiếu), vì kiêng húy vua chúa nhà Nguyễn, các sử thần nhà Nguyễn mới viết là *** (chiêu).

3. Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí. q. 3, tờ 75.

chủ yếu. Qua những cuộc chiến đấu chống quân Miến Điện, bộ binh và tượng binh Xiêm tỏ ra khá thông thạo trong tác chiến ở rừng núi.

Nước Xiêm có nhiều sông ngòi, có biển, nên thủy quân Xiêm có điều kiện phát triển khá mạnh. Thủy quân Xiêm có đủ các loại thuyền chiến: thuyền chiến lớn đi biển, thuyền chiến vừa và thuyền chiến nhỏ đi sông.

Về trang bị, quân đội Xiêm căn bản không khác gì các quân đội phong kiến Việt Nam, Trung Quốc và các nước phương Đông khác. Từ giữa thế kỷ XVIII, để đẩy mạnh âm mưu xâm lược Chân Lạp, phong kiến Xiêm liên lạc với tư bản phương Tây mua vũ khí trang bị cho quân đội của họ. Thuyền chiến đi biển của Xiêm được trang bị khá đầy đủ.

Quân đội Xiêm đã nhiều lần tác chiến với quân đội Nguyễn trên các địa hình nhiều sông ngòi ở miền Nam nước ta và ở Chân Lạp, nhưng lần này mới là lần đầu tiên họ chạm trán với quân đội Tây Sơn hùng mạnh.

Để phản công chiếm lại Gia Định lần này, Nguyễn Ánh dựa vào chủ lực là hai vạn thủy binh thiện chiến và 300 thuyền chiến của bọn can thiệp Xiêm. Ngoài ra, Nguyễn Ánh có một số quân đã chiêu mộ trên đất Xiêm và một bộ phận nhỏ quân Nguyễn còn lén lút tại một vài nơi miền Gia Định.

Kế hoạch tiến công của các tướng Xiêm và Nguyễn Ánh là trước hết dùng ưu thế thủy quân nhanh chóng tiêu diệt các đội quân nhỏ của Tây Sơn đồn trú tại các nơi xa Gia Định, bảo đảm cho Nguyễn Ánh có căn cứ để xây dựng lực lượng, đồng thời kéo một bộ phận quân Tây Sơn ra khỏi Gia Định để tiêu diệt. Sau đó, do lực lượng được tăng cường, họ vẫn có ưu thế để đối phó với sự tăng viện của Tây Sơn từ Qui Nhơn đưa tới. Nếu quân tăng viện của Tây Sơn không tới kịp thì ưu thế tiến công của họ lại càng lớn, khi họ tiến lên Gia Định. Cho nên, phản công lần này, quân Xiêm - Nguyễn không vội vàng đánh thành Gia Định ngay, mà trước hết đánh chiếm các vùng từ vịnh Xiêm La đến Tiền Giang, đánh đến đâu củng cố đến đó. Phương châm tác chiến của họ là vừa đánh ăn chắc, vừa giải quyết nhanh.

Tháng Bảy năm Giáp Thìn (1784) cuộc phản công của Nguyễn Ánh bắt đầu. Quân Xiêm - Nguyễn đổ bộ lên Rạch Giá, chiếm giữ khu vực này làm một đầu cầu chiến lược, vừa thuận tiện cho việc cung cấp, vừa thuận tiện cho việc phát triển hoặc rút lui. Tuy nhiên, quân Xiêm - Nguyễn tiến triển cũng rất chậm. Trong vòng hơn 3 tháng, từ tháng Bảy đến giữa tháng Mười âm lịch, quân Xiêm - Nguyễn mới tiến được lên Cần Thơ, chiếm giữ mấy đồn Ba Xác, Trà Ôn, rồi tiến lên Sa Đéc.

Chủ quan với những thắng lợi đạt được và tin tưởng lần này dựa vào hai vạn quân Xiêm, sẽ nhất định chiến thắng quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh vội vàng viết thư gọi bọn Bá Đa Lộc và Li-ô trở về Gia Định, Ngày 10 tháng 10 năm 1784,

Nguyễn Ánh gửi thư cho Li-ô ở Cham-ta-bun [1].

Nhưng nỗi vui của Nguyễn Ánh không được mấy ngày thì đã phải thất vọng về quân Xiêm. Với những thắng lợi đạt được, quân Xiêm sinh kiêu căng, khinh mạn, không nghĩ gì đến chiến đấu, chỉ chuyên đàn áp nhân dân, giết người cướp của vô cùng tàn bạo. Khắp nơi, nhân dân oán hờn cao độ. Thấy tình hình như vậy, Nguyễn Ánh rất hoảng sợ và hết sức lo lắng, lo cho số phận của mình, lo không chiến thắng được Tây Sơn, không lập lại được ngôi chúa. Cho nên, tuy sống bên cạnh quân Xiêm, dựa vào quân Xiêm, nhưng Nguyễn Ánh đã mất tin tưởng, đi cầu viện nơi khác. Khoảng tháng 11 năm 1784, Bá Đa Lộc trở về Gia Định tìm gặp Nguyễn Ánh.

1 Cadière. Les Francais au service de Gia Long. Bulletin des Amis du vieux Hué, Janvier - Mars 1926, n0 1.

Nguyễn ánh khẩn khoản nhờ Bá Đa Lộc đi cầu viện nước Pháp giúp quân và gửi Bá Đa Lộc đưa con đầu lòng của mình là Cảnh làm con tin. Trong quan hệ với Nguyễn ánh từ trước tới bấy giờ, Bá Đa Lộc vẫn muốn tìm ở đó những tiền đề và tạo nên những yếu tố để thực hiện mưu đồ cướp nước Việt Nam cho tư bản Pháp. Bá Đa Lộc vẫn mong muốn có một cơ hội buộc Nguyễn ánh phải cầu viện Pháp để Pháp có cơ mang quân can thiệp vào Việt Nam. Cơ hội ấy đã tới. Bá Đa Lộc không thể bỏ lỡ, mặc dầu hẳn là kẻ khoác áo thầy tu. Bá Đa Lộc vội vã nhận lời và lập tức lên đường. Ngày 15 tháng Mười âm lịch, tức

ngày 27 tháng 11 năm 1784 [1], Bá Đa Lộc đưa Cảnh xuống thuyền, tìm đường sang Pháp. Cuối tháng 2 năm 1785, Bá Đa Lộc và Cảnh tới Pông-đi-sê-ry (Pondichéry - thuộc Ấn Độ) [2].

Trong khi Nguyễn ánh đang một lần nữa mưu cầu ngoại viện như vậy thì tướng Tây Sơn Trương Văn Đa đem thủy quân từ Gia Định tiến xuống Long Hồ để chống nhau với quân Xiêm - Nguyễn. Với một lực lượng hết sức chênh lệch, quân Tây Sơn ở Gia Định chỉ có khoảng mấy nghìn người mà quân Xiêm - Nguyễn có trên hai vạn, cuộc chiến đấu của quân Tây Sơn thật khó khăn. Ngày 18 tháng Mười năm Giáp Thìn [3] tức 30 tháng 11 năm 1784. Nguyễn ánh và Chu Văn Tiếp đem thủy quân tiến theo sông Măng Thít (thuộc địa phận Long Hồ, tức Vĩnh Long ngày nay) để đánh quân Tây sơn. Tướng Tây Sơn Trương Văn Đa đem quân chống cự. Tiền quân Tây Sơn do chưởng quân là Bao chỉ huy, chiến đấu rất mãnh liệt. Tiền quân Nguyễn bị quân Tây Sơn vây chặt. Tướng chỉ huy quân Nguyễn là Chu Văn Tiếp nhảy sang thuyền Tây Sơn để đánh phá, bị quân

-
1. Thư Nguyễn ánh viết cho Liot ngày 25 tháng 1 năm 1785.
 2. Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 3 năm 1785, đã dẫn ở trên, Đại nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 56.
 3. Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí. Bản chép tay của Viện Sử học, q. 3, tờ 75.
-

Tây Sơn đâm chết. Nguyễn ánh vội đem quân cứu viện. Tướng Tây Sơn Trương Văn Đa thu quân về Long Hồ [1].

Sau trận Măng Thít, Lê Văn Quân được cử làm tổng nhung thay Chu Văn Tiếp. Tháng Một âm lịch, Lê Văn Quân cho quân đi đánh úp đồn Ba Lai, ở ven sông Ba Lai (thuộc Bến Tre ngày nay) và đồn Trà Tân, ven sông Mỹ Tho, rồi lại rút về. Trong những trận đánh này, tướng Nguyễn là chương cơ Đặng Văn Lượng tử trận.

Ngoài hai trận tập kích nói trên, quân Xiêm - Nguyễn, từ sau trận Măng Thít đến hết năm 1784, không tiến hơn nữa, vẫn giữ những vị trí cũ như trước trận Măng Thít. Việc không tiến quân thêm như thế cũng có nhiều lý do.

Một là quân Xiêm là quân đi đánh thuê, nặng về mặt cướp bóc đàn áp nhân dân để kiếm lợi riêng hơn là đi chiến đấu với quân Tây Sơn vì lợi ích của Nguyễn ánh. Hai là Nguyễn ánh cũng muốn tranh thủ thời gian mộ thêm quân, xây dựng lực lượng của mình. Ba là vì quân Tây Sơn, tuy không đủ lực lượng tấn công quân Xiêm - Nguyễn, nhưng vẫn cố bám sát quân địch, hết sức cố thủ những vị trí của mình. Tướng chỉ huy quân Tây Sơn ở Gia Định là Trương Văn Đa vẫn đóng quân ở Long Hồ đối diện với đại bản doanh quân Xiêm - Nguyễn ở Sa Đéc và án ngữ đường tiến quân của Nguyễn ánh và các tướng Xiêm.

Liên quân Xiêm - Nguyễn càng đóng quân lâu tại chỗ, càng trì hoãn tiến quân

thì mâu thuẫn giữa quân Xiêm, Nguyễn ánh và nhân dân Gia Định ngày càng trở nên sâu sắc. Quân Xiêm cậy mình là kẻ cứu giúp Nguyễn ánh nên đàn áp, cướp bóc nhân dân, khinh mạn Nguyễn ánh và quân Nguyễn. Càng đóng quân lâu, quân Xiêm càng nhàn

1. Đại Nam chính liên liệt truyện. sơ tập q. 30, tờ, 11 nói rằng Nguyễn ánh tiến đóng Long Hồ, như thế có nghĩa là Trương Văn Đa chạy khỏi Long Hồ, nhưng chạy đi đâu thì không thấy nói rõ. ở đây chúng tôi theo Đại Nam thực lục chính biên.

rồi, càng tăng cường những hành động bạo ngược trên miền đất Hậu Giang. Với các lần phản công trước, Nguyễn ánh còn có thể mau chóng khôi phục quân đội, nhưng lần này, từ khi Nguyễn ánh tới Cần Thơ, Sa Đéc cho tới hết năm 1784, lực lượng quân sự của Nguyễn ánh chỉ có chừng ba, bốn nghìn, chủ lực vẫn là hai vạn thủy binh Xiêm và 300 thuyền chiến của họ.

Thấy rõ chỗ yếu của liên quân Xiêm - Nguyễn, các lãnh tụ Tây Sơn tại Qui Nhơn quyết định tổ chức phản công, đập tan kế hoạch chiến lược của quân Xiêm và phá tan mưu đồ chiếm lại Gia Định của Nguyễn ánh. Vị tướng trẻ nhiều mưu lược là Nguyễn Huệ lại đứng ra đưa thủy quân vào Nam đánh giặc.

Nguyễn Huệ không đem quân vào thành Gia Định đón chờ địch, mà tiến thẳng xuống gần địa điểm tập kết của địch. Đầu tháng Chạp năm Giáp Thìn, thủy quân của Nguyễn Huệ tới Định Tường (Mỹ Tho).

Nguyễn Huệ không tiến công thẳng vào đại bản doanh của quân Xiêm - Nguyễn ở Sa Đéc. Bởi vì liên quân Xiêm - Nguyễn không phân tán lực lượng vẫn sử dụng tập trung toàn bộ thủy quân tại Sa Đéc. Mà lực lượng ấy gồm hai vạn quân Xiêm, 300 thuyền chiến và mấy nghìn quân Nguyễn cũng là một lực lượng khá lớn, không thể đánh thắng dễ dàng. Mặt khác, địa điểm Sa Đéc có ưu thế về dòng sông (đầu đoạn sông Tiền Giang đổ ra biển) giúp cho tốc độ vận động, triển khai của thủy quân Xiêm được tăng cường. Đó là điều bất lợi, nếu Nguyễn Huệ đánh thẳng vào Sa Đéc.

Cho nên, căn cứ vào tình hình ấy, Nguyễn Huệ quyết định kéo địch ra khỏi căn cứ đưa chúng đến khu vực sông và địa hình có lợi nhất cho mình, bất ngờ nhất cho địch, để tiến công tiêu diệt toàn bộ thủy quân địch.

Thực hiện quyết tâm đó, Nguyễn Huệ chọn khúc sông Mỹ Tho, từ Rạch Gầm đến Xoài Mút làm đoạn sông quyết chiến với địch.

Đoạn sông này, từ Rạch Gầm đến Xoài Mút, dài chừng 6, 7 ki-lô-mét và cách đại bản doanh của Nguyễn Huệ ở Mỹ Tho 6 ki-lô-mét. Trong đoạn sông này, lòng sông mở rộng thuận tiện cho việc dồn mấy trăm chiếc thuyền địch tập trung vào đó để công kích. Tại đây, thủy quân và các thuyền chiến Tây Sơn được giấu kín trong các sông nhỏ: Rạch Gầm, rạch Xoài Mút và giấu sau cù lao Thới Sơn.

Pháo binh Tây Sơn mai phục ở hai bờ sông và trên cù lao Thới Sơn. Khi toàn bộ thủy quân Xiêm - Nguyễn đã lọt vào khúc sông này, thì thủy quân Tây Sơn ở Rạch Gầm và rạch Xoài Mút sẽ tiến ra chặn đánh ở hai đầu.

Thuyền chiến Tây Sơn ở phía sau cù lao Thới Sơn cũng tiến ra đánh vào ngang hông thủy quân Xiêm, chia cắt đội thuyền chiến Xiêm - Nguyễn ra làm nhiều mảnh để đánh phá. Đồng thời pháo binh của Tây Sơn ở hai bên bờ sông Mỹ Tho và trên cù lao Thới Sơn sẽ bắn sả vào thuyền chiến Xiêm - Nguyễn suốt dọc sông từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút.

Tại khúc sông này, toàn bộ thủy quân Xiêm - Nguyễn sẽ bị quân đội Tây Sơn bao vây chặt chẽ, không thể chạy thoát dễ dàng như ở khúc sông Sa Đéc - Vĩnh Long, là khúc sông có nhiều ngách sông, rất khó thực hiện bao vây tiêu diệt toàn bộ thủy quân địch.

Sau khi đã bố trí xong, Nguyễn Huệ cho quân tới khiêu chiến địch tại căn cứ Sa Đéc, thực hiện ý định kéo địch ra khỏi căn cứ, đưa toàn bộ thủy quân Xiêm - Nguyễn đến đoạn sông quyết chiến để tiêu diệt.

Các tướng Xiêm chủ quan, cậy có ưu thế, muốn nhân việc truy kích quân Tây Sơn mà tiến lên chiếm đóng Mỹ Tho. Ngày mùng 8 tháng Chạp năm Giáp Thìn [1], tức ngày 18 tháng 1 năm 1785, các tướng Xiêm và Nguyễn ánh

1. Thư Nguyễn ánh viết cho Liot ngày 25 tháng 1 năm 1785 trong Cadière, Les Francais au service de Gia Long, Bulletin des Amis du vieux Hué, Janvier - Mars 1921, n0 1. pp. 20 - 21.

đem toàn bộ thủy quân Xiêm - Nguyễn, tiến theo sông Mỹ Tho, đánh đuổi quân Tây Sơn khiêu chiến và toàn bộ thuyền chiến Xiêm - Nguyễn đã lọt vào đoạn sông Rạch Gầm - Xoài Mút.

Khi quân địch đã dẫn thân vào đúng khu vực có bố trí, Nguyễn Huệ ra lệnh tiến công.

Quân thủy, quân bộ của Tây Sơn cùng giáp công mãnh liệt. Đúng như kế hoạch đã định, trận chiến đầu đã kết thúc nhanh chóng và đem lại thắng lợi rực rỡ cho quân đội Tây Sơn. Toàn bộ thuyền chiến của liên quân Xiêm - Nguyễn đều bị phá hủy và đánh đắm. Hai vạn quân Xiêm chỉ còn lại vài nghìn, trốn lên bộ chạy thoát, lách rừng vượt núi qua Chân Lạp chạy về Xiêm.

Quân của Nguyễn ánh có chừng ba, bốn nghìn cũng hoàn toàn tan rã [1]. Các tướng Nguyễn bỏ chạy thoát thân mỗi người một ngã, Lê Văn Quân, chủ tướng của quân Nguyễn, đem tàn quân chừng 600 người [2] chạy trốn một nơi, tới giữa năm sau, mới lần đường sang Xiêm với Nguyễn ánh.

Một tướng Nguyễn khác là Nguyễn Văn Thành chỉ huy hơn 1.000 quân cũng bị quân đội Tây Sơn đánh tan. Nguyễn Văn Thành và 50 - 60 tàn quân cùng nhau chạy trốn. Các đội quân của Tôn Thất Hội, Tôn Thất Huy cũng đều tan vỡ [3].

Nguyễn ánh phải bỏ thuyền, trốn lên bộ, đi theo chỉ có 12 tên, vừa quân vừa tướng, cùng chạy đến Đồng Vân, rồi theo hướng Thi Giang chạy về Cần Thơ [4].

Như thế là trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút ngày 18 tháng 1 năm 1785, trước sức tiến công của nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy, liên quân Xiêm - Nguyễn

-
1. Chúng tôi phỏng đoán là 3 - 4 nghìn quân, vì riêng Nguyễn Văn Thành đã chỉ huy hơn 1 nghìn quân, Lê Văn Quân thua chạy cũng còn 6 trăm quân.
 2. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 27, tờ 2.
 - 3, 4. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập q. 21, tờ 3.

gồm trên hai vạn người đã bị hoàn toàn tiêu diệt. Quân Nguyễn ánh tan tác, tó thầy lạc lõng. Quân Xiêm từ hai vạn người chỉ còn chừng hai nghìn người, cùng bọn bại tướng chiêu Tăng, chiêu Sương tìm đường chạy về nước.

Từ sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút, "người Xiêm sợ quân Tây Sơn như cọp".

Còn bọn Nguyễn ánh bỏ trốn khỏi mặt trận Rạch Gầm - Xoài Mút, nhưng vẫn không được yên thân. Nguyễn Huệ cho quân truy kích ráo riết. Từ Đồng Văn trở đi, Nguyễn ánh không còn sức chạy bộ được nữa, một tùy tướng là Nguyễn Văn Trị phải cõng Nguyễn ánh chạy ra Thi Giang [2]. Tại đây, một số tướng lĩnh của Nguyễn ánh là Nguyễn Văn Thành, Tôn Thất Huy, Tôn Thất Hội, cũng chạy tới nơi, mỗi người còn được 50 - 60 tàn binh đi cùng. Nguyễn ánh và cả bọn cùng chạy ra Hà Tiên và tạm trú ở Cồn Khơi [3].

Một tuần lễ sau trận thất bại thảm hại này, ngày 25 tháng 1 năm 1785, từ Cồn Khơi, Nguyễn ánh viết thư cho giáo sĩ Li-ô ở Chan-ta-bun, báo tin bại trận và nhờ Li-ô giúp đỡ cho mấy người chân tay là Mạc Tử Sinh và cai cơ Trung đi sang Xiêm báo tin thất bại với vua Xiêm [4].

Nguyễn Huệ vẫn cho quân đi lùng bắt Nguyễn ánh. Nguyễn ánh phải bỏ Cồn Khơi, chạy ra đảo Thổ Châu.

Sống tại đây, Nguyễn ánh và bọn quân tướng đói quá, xoay ra làm nghề cướp biển. Có lần Nguyễn Văn Thành đi ăn cướp bị trọng thương vì bị thuyền buôn đánh trả lại [5].

Quân Tây Sơn không ngừng truy kích Nguyễn ánh. Tháng Ba năm ất Tỵ (1785), quân Tây Sơn tìm tới đảo Thổ Châu. Nguyễn ánh phải chạy sang đảo Cỏ Cốt, rồi

-
- 1 Đại Nam thực lục, bản dịch của Viện Sử học. t. II, tr. 65.
 2. Đại Nam chính biên liệt truyện. sơ tập, q. 1 5, tờ 26.
 - 3, 4. Thư của Nguyễn ánh gửi cho Liot ngày 25 tháng 1 năm 1785.
 5. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 21 , tờ 3.
-

chạy sang Xiêm, quân tướng cùng đi có khoảng hơn 200 người. Lần này, Nguyễn ánh thấy rõ sức mạnh lớn lao của nghĩa quân Tây Sơn và biết không thể trở về Gia Định ngay được, nên Nguyễn ánh định trú ngụ lâu dài trên đất Xiêm. Nguyễn ánh xin vua Xiêm cho ra ở khu Đồng Khoai, ngoại thành Vọng Các. Nguyễn ánh tính kế cùng quân tướng quay ra làm ruộng, khẩn hoang, đồn cũi để nuôi nhau.

Biết Nguyễn ánh đã chạy sang Xiêm và đương ở trong cảnh cùng đường, tuyệt vọng, tình hình Gia Định không có gì đáng lo ngại, tháng Tư năm ất Tỵ (1785) Nguyễn Huệ đem đại quân về Qui Nhơn; để đô úy Đặng Văn Trấn ở lại giữ Gia Định.

Trải qua 14 năm, kể từ ngày phong trào bùng nổ tới đầu năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn đã giành được nhiều chiến thắng lớn, nhưng chưa có chiến thắng nào nhanh gọn, to lớn, rực rỡ bằng chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút.

Chỉ trong một thời gian rất ngắn, có thể là một ngày, hoặc chưa đến một ngày, quân đội Tây Sơn dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ đã tiêu diệt gọn hơn 2 vạn quân Xiêm - Nguyễn. Chiến thắng vẻ vang này đã kết thúc giai đoạn chiến đấu đánh đổ thế lực nhà Nguyễn, đặt toàn bộ lãnh thổ Đàng trong dưới quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn.

Trong trận tiến công Gia Định lần trước, để phá tan toàn bộ thủy quân của Nguyễn ánh, Nguyễn Huệ đã triệt để lợi dụng khí hậu, thời tiết để đánh thắng địch. Trong trận đánh lớn lần này, đặc điểm chiến thuật của Nguyễn Huệ là lợi dụng địa hình có lợi nhất để tiêu diệt địch. Sự vận dụng chiến thuật một cách linh hoạt chính là một trong những bí quyết thành công của Nguyễn Huệ trong cuộc đời chiến đấu của ông.

Trong trận quyết chiến này, tính chủ động, tính linh hoạt, tính kế hoạch trong hành động tác chiến của Nguyễn Huệ và thủy quân Tây Sơn đã đạt tới một trình độ mà trước đó chưa từng có.

Nét đặc sắc trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút là Nguyễn Huệ đã đặt vấn đề đánh tiêu diệt lên hàng đầu, biểu hiện cụ thể trong việc lựa chọn phép đánh hay tìm đoạn song quyết chiến tốt, bày thế trận giỏi, v.v.

Chúng ta biết rằng liên quân Nguyễn - Xiêm đang trên đà phản công chiến

lược. Lực lượng mạnh của chúng hầu như còn toàn vẹn. Riêng quân đội Nguyễn ánh thì bắt đầu khôi phục và tăng cường. Chính trong tình hình quân sự đó, Nguyễn Huệ nhận nhiệm vụ phản công chiến lược, tiêu diệt liên quân Nguyễn - Xiêm, thu hồi toàn bộ đất đai miền Gia Định. Để làm tròn nhiệm vụ ấy, Nguyễn Huệ có thể chọn một trong hai kiểu đánh như sau: một, là đưa hạm đội vào Gia Định, tổ chức phòng ngự kiên cố, tiêu hao địch, sau đó sẽ phản công; hai, là lập tức tiến công, chủ động đưa thủy quân đánh địch vào lúc và nơi thuận lợi nhất. Nguyễn Huệ đã quyết tâm tiến công. Song, không phải cứ chủ động tiến công là có thể tiêu diệt một cách triệt để. Hơn nữa, thủy quân Xiêm chưa bị sút mẻ. Liên quân Nguyễn - Xiêm vẫn duy trì sức mạnh tiến công của họ. Thủy quân Xiêm đóng ở Sa Đéc có những ưu thế và ưu điểm của nó, như đã trình bày ở trên. Nếu đưa thủy quân tiến sâu vào nội địa, đánh địch trong căn cứ, thì thủy quân Xiêm vốn đã mạnh sẽ có điều kiện phát huy ưu thế và ưu điểm của chúng. Địch đóng trong căn cứ thì dụng mưu trí kéo địch ra khỏi căn cứ, dữ địch vận động tiến đoạn sông nào mà thủy quân ta có thể đánh một đòn thật bất ngờ, thật mãnh liệt, nơi mà ta có thể phát huy cao độ tinh thần chiến đấu, uy lực tiến công và sức cơ động, thì mới có thể đạt được mục đích đề ra cho tiến công, tức là tiêu diệt toàn bộ quân địch. Chúng ta thấy rằng Nguyễn Huệ đã thành công trong việc chọn hình thức tiến công địch đang vận động, kéo địch ra xa căn cứ để tiêu diệt chúng.

Sáng tạo quan trọng nữa của Nguyễn Huệ là sự vận dụng thủ đoạn tác chiến. Lần đầu tiên, về thủy chiến, Nguyễn Huệ đã thực hiện hợp vây toàn bộ thủy quân Xiêm và cắt đứt địch ra từng mảnh để tiêu diệt. Chúng ta học ở đây nghệ

thuật hợp vây có tính chất chiến dịch và chia cắt về mặt chiến thuật của Nguyễn Huệ. Do hợp vây nên quân đội Tây Sơn đánh địch trên cả bốn mặt, nhưng Nguyễn Huệ đã đem chủ lực của mình đánh thật mạnh vào cạnh sườn địch. Chính vì vậy mà toàn bộ thủy quân địch đã bị tiêu diệt, không một thuyền chiến nào lọt lưới.

Một sáng tạo khác nữa, là sự bố trí lực lượng chính xác, phù hợp với ý định tiêu diệt toàn bộ và thủ đoạn tác chiến nói trên. Thế trận của thủy quân Tây Sơn rất chặt và kín, trong đó có bộ phận đánh dử địch, kéo địch đến đoạn sông quyết chiến, có bộ phận đánh chặn đầu, có bộ phận đánh chặn đuôi; còn chủ lực, gồm thủy quân và bộ binh thì bố trí trên cạnh sườn của đội hình tiến quân của địch.

Cuối cùng, sáng tạo của Nguyễn Huệ còn thể hiện ở việc chọn đoạn sông làm khu vực quyết chiến. Cần chọn một đoạn sông tương đối rộng lớn, khiến cho đại bộ phận thủy quân địch phải lọt vào khu vực tác chiến. Ngược lại, cũng chỉ trên đoạn sông rộng lớn, thủy quân Tây Sơn mới có thể triển khai toàn bộ thuyền chiến nặng, nhẹ, phát huy tất cả sức mạnh của hỏa lực và sức vận động nhanh chóng của thuyền chiến. Song, vì dùng mưu mẹo để dử địch, cho nên, muốn tranh thủ xuất kích bất ngờ, còn cần phải giấu kín thủy quân của ta. Đoạn sông từ Rạch Gầm đến - Xoài Mút, với lòng sông mở rộng, với những nhánh sông nhỏ, với cù lao Thới Sơn, đã đáp ứng nhu cầu của tác chiến.

Cuộc xâm lược vũ trang của phong kiến Xiêm đã bị đập tan tành. Xét về toàn cục cuộc tiến công chiến lược này có ý nghĩa chính trị, quân sự rất to lớn, có tác dụng quyết định đối với cục diện ở miền Nam. Quân đội Tây sơn không những tỏ ra hơn hẳn quân đội Nguyễn ánh, mà còn hơn hẳn quân đội Xiêm, không những đủ sức tiêu diệt từng đoàn bộ binh lớn, mà còn đủ sức tiêu diệt từng đoàn thủy quân mạnh. Quân đội Tây Sơn giữ vững ưu thế quân sự, giành được ưu thế chính trị trên miền Gia Định. Toàn bộ lực lượng vũ trang của Nguyễn ánh đã bị tiêu diệt.

Qua mỗi cuộc tiến quân, Nguyễn Huệ đều đưa nghệ thuật quân sự của quân đội Tây Sơn lên một bước phát triển mới.

Đặc biệt lần này ông đã đưa thủy quân lên một địa vị cao, đưa tác chiến hợp đồng thủy - bộ đến trình độ mới. Chiến thắng vô cùng oanh liệt của thủy quân trẻ tuổi nói riêng và quân đội Tây Sơn nói chung đã giữ vững và phát huy những truyền thống vẻ vang của thủy quân Việt Nam, mà Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn đã xây dựng nên. Nguyễn Huệ vừa là một tướng lục quân có tài, vừa là một tướng thủy quân rất giỏi.

Chương hai

NGUYỄN HUỆ TIÊU DIỆT CÁC TẬP ĐOÀN PHONG KIẾN TRỊNH-

LÊ, LẬP LẠI NỀN THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN LÃNH THỔ VIỆT NAM Ở CUỐI THẾ KỶ XVIII

NGUYỄN HUỆ CHIẾN THẮNG PHÚ XUÂN

TÌNH HÌNH SUY YẾU CỦA CÁC TẬP ĐOÀN PHONG KIẾN BẮC HÀ

Sau khi đánh chiếm Phú Xuân năm 1775, bọn chúa Trịnh đã giành được khỏi tay bọn chúa Nguyễn một vùng đất đai rộng lớn. Nhưng không phải vì thế mà tình hình Bắc Hà sáng sủa hơn trước. Trái lại, từ năm 1776 trở đi, nội bộ tập đoàn phong kiến Trịnh Lê ngày càng lục đục và suy yếu hơn, xã hội Bắc Hà ngày càng rối ren, nhân dân Bắc Hà ngày càng đói khổ.

Về kinh tế, nạn đói diễn ra liên tiếp. Năm 1776, mất mùa, nạn đói rất nghiêm trọng. "Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họ họp nhau ăn cắp ăn trộm ..." [1].

Năm sau, 1777, nạn đói lại diễn ra, và đặc biệt nghiêm trọng là ở vùng Nghệ An. Chúa Trịnh phải cho đem tiền, đem gạo vào phát chẩn và thi hành nhiều biện pháp cứu đói khác.

Năm sau nữa, 1778, lại đói to: "Giá gạo cao vọt, một chén nhỏ gạo trị giá một tiền, đầy đường những thây chết đói" [2].

-
1. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch, t. XIX, tr. 51.
 2. Bản dịch đã dẫn, tr. 60.

Tình hình đói kém như thế kéo dài.

Về chính trị, tình hình lại càng thối nát. Từ sau khi đánh chiếm Phú Xuân, Trịnh Sâm càng thêm kiêu ngạo, lạm quyền. Vua Lê hoàn toàn là bù nhìn. Trịnh Sâm ngày càng hoang dâm, tửu sắc, ăn chơi xa hoa rất mực, ngày đêm miệt mài vào yến tiệc, vào các trò chơi vô cùng hoang phí. Bọn cung nhân, quyền thần, ý thể làm càn, phá rối triều chính, ức hiếp, bóc lột nhân dân thậm tệ. Năm 1782, Trịnh Sâm chết, các con là Trịnh Khai và Trịnh Cán âm mưu sát hại lẫn nhau để giành ngôi chúa. Thế lực của bọn thống trị họ Trịnh suy yếu đến cực độ.

Năm 1782, quân lính ở kinh thành Thăng Long làm binh biến, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Khải làm chúa, giết bọn quyền thần Hoàng Đình Bảo và cung phi Đặng Thị Huệ, mẹ Trịnh Cán. Đầu năm 1784, quân lính ở kinh thành Thăng Long lại nổi dậy một lần nữa để chống bọn quyền thần, thân thích của Trịnh Khải là Nguyễn Lê, Dương Khuông, Nguyễn Triêm. Nguyễn Lê chạy trốn. Trịnh Khải phải đem tiền bạc ra chuộc mạng cho Dương Khuông, phải cách chức bọn Nguyễn Lê, Dương Khuông và đưa Nguyễn Triêm ra cho quân lính đánh chết. Quyền bính ở triều đình và phủ chúa đều nằm trong tay quân lính. Mọi việc thay đổi, cắt đặt quan lại, tướng lĩnh, đều phải làm theo ý muốn của

quân lính.

Tại các địa phương, khởi nghĩa của nông dân luôn luôn bùng nổ. Năm 1778, Thục Toại lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa có tới hàng vạn người, đánh phá bọn quan quân nhà Trịnh ở khắp các vùng Yên Quảng, Sơn Nam, Hiến Nam (tức vùng Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên ngày nay). Năm 1779, thổ ty Hoàng Văn Đồng nổi dậy ở vùng Tụ Long (thuộc Hà Giang), tiến đánh phủ Tam Kỳ (thuộc huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).

Ngoài mấy cuộc khởi nghĩa tương đối lớn này, còn có nhiều cuộc nổi dậy khác nổ ra ở nhiều nơi. Tại Thái Bình có cuộc khởi nghĩa do thủ lĩnh Du lãnh đạo, nhằm mục đích "cướp của nhà giàu đem nuôi dân đói". Tại Kinh Bắc (Hà Bắc) Đình Văn Trú lãnh đạo nông dân khởi nghĩa tiến đánh các vùng Bảo Lộc (thuộc Hà Bắc và Chi Lăng (thuộc Lạng Sơn). Tới năm 1785, vùng ven biển lại có cuộc khởi nghĩa lớn do hai thủ lĩnh Thiêm Liên và Sơn lãnh đạo hoạt động cho tới năm 1786, khi nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Bắc Hà.

ở Thuận Hóa, Phú Xuân, bọn quan, tướng nhà Trịnh, đứng đầu là Phạm Ngô Cầu lại là những kẻ nhu nhược, bất tài [1], nhưng hống hách, áp bức nhân dân rất tàn nhẫn [2] khiến nhân dân hết sức căm hờn, oán giận.

Tình hình trên đây đã cho thấy chính quyền phong kiến Lê Trịnh ở Bắc Hà và Thuận Hoá đã lung lay đến tận gốc, nhân dân đã hoàn toàn đối lập với bọn

thống trị, chống lại chúng và mong chờ ngày đánh đổ chúng.

Năm 1786, Nguyễn Huệ đem quân đánh ra Bắc Hà chính là năm nạn đói trầm trọng đang lan tràn khắp Bắc Hà. Sử cũ ghi rằng: "Tháng 3, dân bị nạn đói, giá gạo cao vọt, dân trong kinh kỳ và tứ trấn bị đói to, thầy chết nằm liền nhau. Trịnh Khải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức nhưng không ai hưởng ứng. Bèn dùng sắc lệnh bắt ức nhà giàu để lấy tiền chia ra phát chẩn" [3].

1. Ngô gia văn phái, Hoàn Lê nhất thống chí. Bản dịch. tr. 94.
2. Thư của La Bartette ngày 23 tháng 6 năm 1786 trong L. Cadière, Documents relatifs à l' époque de Gia Long BEFEO. 1912. n0 7, p, 13.
3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học. t. XX, tr. 12.

Một giáo sĩ Pháp là Le Roy, có mặt ở Bắc Hà năm đó, đã mô tả những tệ nạn và cảnh đói khổ lúc ấy như sau: "Bọn "các lái" [1] đã làm giàu trong lúc đói kém, chúng thừa dịp mất mùa đã bán gạo rất đắt, Không một chút từ tâm mặc cho những người khốn cùng chết đói đầy đường đầy chợ" [2].

Tình hình đói khổ này càng khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa quảng đại quần chúng với các tập đoàn phong kiến thống trị Bắc Hà, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghĩa quân Tây Sơn tiến ra lật đổ thế lực nhà Trịnh.

KẾ HOẠCH TIẾN CÔNG QUÂN TRỊNH CỦA NGUYỄN HUỆ

Năm 1785, sau khi đánh tan quân Xiêm và đuổi bọn Nguyễn ánh cùng tàn quân của hắn chạy sang Xiêm, nghĩa quân Tây Sơn được rảnh tay ở phía Nam để đối phó với phía Bắc. Từ năm 1775 đến bây giờ, trải qua 10 năm ròng rã, nghĩa quân Tây Sơn phải chịu để cho quân Trịnh làm chủ Thuận Hóa và chiếm đóng từ đèo Hải Vân trở ra, vì nghĩa quân ở cái thế không thể cùng một lúc đương đầu với cả hai tập đoàn phong kiến thống trị: bọn chúa Nguyễn ở miền Nam và bọn chúa Trịnh ở miền Bắc. Nhưng đến lúc này tình thế đã đổi khác, miền Nam đã tương đối ổn định, tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn đã tan rã mà ở miền Bắc thì tình hình rối ren đến cực độ, bọn chúa Trịnh hết sức suy yếu. Đó là thời cơ thuận lợi để nghĩa quân Tây Sơn tiến hành tiêu diệt tập đoàn phong kiến nhà Trịnh.

1, 2. Thư của Le Roy, giáo sĩ ở Kẻ Vĩnh (Ninh Bình) viết gửi về Pháp ngày 6 tháng 2 năm 1786 trong Cadière, đã dẫn. tr 6. Hai chữ "các lái", Le Roy tự viết bằng tiếng Việt trong bức thư tiếng Pháp, để chỉ những lái buôn.

Nhận định rõ thời cơ đó, đầu năm 1786, Nguyễn Huệ đề xuất việc tiến đánh Bắc Hà [1], nhưng Nguyễn Nhạc ngần ngại. Tháng Tư năm Bính Ngọ (1786), tướng Trịnh Phạm Ngô Cầu ở Phú Xuân cho sứ giả Nguyễn Phú Như vào Qui Nhơn, mượn tiếng trao đổi về vấn đề biên giới, để dò xét tình hình nghĩa quân Tây Sơn. Tới Qui Nhơn, Nguyễn Phú Như lại khuyên các lãnh tụ Tây Sơn nên tiến đánh Phú Xuân và vạch rõ rằng: "Hai xứ Thanh - Nghệ và cả

bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ta oán kêu khổ, dân với lính chẳng ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền, nếu lấy được Thuận Hóa thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa" [2].

Một tướng giỏi của Trịnh là Nguyễn Hữu Chỉnh theo về Tây Sơn từ năm 1782, cũng nhận định như Nguyễn Phú Như. Mà Nguyễn Phú Như có thái độ phản lại nhà Trịnh cũng chính vì Nguyễn Phú Như là bạn cũ của Nguyễn Hữu Chỉnh. Thấy mọi người đều nhất trí, Nguyễn Nhạc liền quyết định tiến đánh Phú Xuân và cử Nguyễn Huệ làm thống lĩnh các quân thủy bộ, Vũ Văn Nhậm làm tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc và Nguyễn Lữ chỉ huy đội dự bị thủy quân [3].

Việc đánh Phú Xuân thật ra không phải là đơn giản. Lực lượng quân đội Trịnh ở đây khá hùng hậu. Suốt từ sông Gianh tới đèo Hải Vân, không kể quân địa phương, riêng quân đội Trịnh từ Bắc Hà đưa vào cũng có trên ba vạn người, mà số quân đồn trú ở thành Phú Xuân cũng có tới vài vạn. Quân số đó của nhà Trịnh đông hơn hẳn quân số của Nguyễn ánh ở năm phát triển nhất là năm 1781

1. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 61.
2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 92 - 93.
3. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập q. 30, tờ 12.

và cũng đông hơn hẳn liên quân Xiêm - Nguyễn hồi đầu năm 1785.

Cách bố trí phòng thủ tại đây cũng rất kín đáo. Từ sông Gianh tới đèo Hải Vân, trên một địa thế hẹp ngang và chạy dài, không chỗ nào là không có quân Trịnh đóng giữ. Khi có chiến tranh, các đồn quân Trịnh có thể nhanh chóng tiếp viện, ứng cứu cho nhau. Chiến trường Thuận Hóa rõ ràng không giống chiến trường Gia Định. Thuận Hóa còn hơn hẳn chiến trường Gia Định ở chỗ Thuận Hóa có cả miền Bắc Hà rộng lớn làm hậu phương an toàn.

Quân Trịnh ở Bắc Hà lúc nào cũng có thể từ Nghệ An, Thanh Hóa, Thăng Long tiến vào cứu nguy cho Thuận Hóa.

Về phía nghĩa quân Tây Sơn, quân số không phải là đông hơn hẳn quân Trịnh ở Thuận Hóa để có thể áp đảo địch một cách dễ dàng. Lực lượng nghĩa quân tiến đánh Phú Xuân lần này, cũng như các lần tiến đánh Gia Định, không phải là một lực lượng quan trọng, dùng quân số để thắng địch. Nhất là với lần tiến đánh Thuận Hóa, dù sử cũ không cho biết số liệu cụ thể, chúng ta cũng thấy rằng lực lượng quân sự của Tây Sơn không có được là bao [1], bởi vì đại bộ phận quân đội Tây Sơn phải đóng rải suốt từ Quảng Nam, Quang Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận vào cho tới Gia Định, Long Xuyên để làm nhiệm vụ bảo vệ, cũng tức là quân đội Tây Sơn phải có mặt trên nửa đất nước Việt Nam lúc bấy giờ. Như thế nghĩa quân Tây Sơn không thể dành được một lực lượng lớn để tiến đánh Thuận Hóa. Cho nên muốn chiến thắng Thuận Hóa, nghĩa quân Tây Sơn cần phải có một phương châm tác

1. Legrand de la Liraye trong cuốn Notes historiques sur la nation annamite,

xuất bản năm 1865. tr. 92 nói rằng quân Tây Sơn tiến đánh Phú Xuân có tất cả 1 vạn: tiền quân 5 nghìn, hậu quân 2 nghìn và thủy binh 3 nghìn. Nhưng không rõ tác giả căn cứ vào tài liệu nào.

chiến và một kế hoạch tiến công hoàn toàn khác với những lần tiến đánh Gia Định trước đây và phải có một quyết tâm chiến đấu rất lớn của toàn quân. Tiến công Thuận Hóa, không thể đánh thẳng ngay vào Phú Xuân như những lần đánh Gia Định, vì quân Trịnh ở hai phía sông Gianh và Hải Vân có thể dòn về ứng cứu dễ dàng. Cũng không thể đánh dần từng bước từ đảo Hải Vân đánh ra, vì như thế nhất định sẽ bị quân Trịnh ở Phú Xuân chặn đứng lại.

Tuy nhiên Thuận Hóa lúc ấy vẫn có những nhược điểm căn bản có thể làm tê liệt ưu thế của nó. Đã từ lâu, đất Thuận Hoá không có chinh chiến, quân Thuận Hóa ít chiến đấu, quân đông, đồn trại nhiều, nhưng phòng thủ không cẩn mật. Tướng lĩnh tham nhũng tàn bạo, nhân dân oán ghét. Đó là những điều kiện thất bại của Thuận Hóa một khi bị tiến công.

Nắm vững tình hình chung và triệt để lợi dụng thời tiết thuận lợi của mùa hè, gió nồm thổi mạnh có thể đưa thủy quân tiến nhanh lên đánh phá các cứ điểm ở xa. Nguyễn Huệ quyết định một kế hoạch tiến công bất ngờ và chớp nhoáng ở tất cả các cứ điểm, từ Hải Vân đánh lên, từ sông Gianh đánh xuống, từ cạnh sườn đánh vào Phú Xuân, làm cho quân Trịnh ở khắp nơi trên đất Thuận Hóa, không kịp giở tay và không thể ứng cứu được cho nhau.

Để thực hiện kế hoạch đó, Nguyễn Huệ chia quân tiến đánh theo ba đường:

- Một đạo thủy quân tiến đánh Phú Xuân.
- Một đạo thủy quân khác tiến thẳng lên sông Gianh. Tới đây, đạo quân này chia làm hai: một cánh đóng án ngữ ở sông Gianh, đề phòng quân Trịnh ở Bắc Hà tiến vào cứu viện, một cánh đánh xuống các đồn quân Trịnh ở Bồ Chính, Leo Heo, lũy Đồng Hới và hợp quân với bộ binh từ Phú Xuân tiến ra để cùng đánh Dinh Cát.
- Tất cả bộ binh tập trung tiến đánh đèo Hải Vân, giải quyết xong đèo Hải Vân, tiến lên phối hợp với đạo

PhuXuan1786

thủy quân thứ nhất đánh thành Phú Xuân, giải quyết xong Phú Xuân sẽ tiến đánh đồn Dinh Cát và nếu cần, sẽ tiến lên phía sông Gianh, tiếp viện cho đạo thủy quân thứ hai cùng đánh lũy Đồng Hới và các đồn chung quanh.

Biết Phạm Ngô Cầu, chủ tướng Trịnh ở Phú Xuân là người rất mê tín dị đoan và để làm tê liệt cảnh giác của chúng, Nguyễn Huệ cho thuyền đưa một nghĩa quân Hoa kiều tới Phú Xuân trước, giả làm "thầy Tàu" xem tướng số. "Thầy Tàu" vào ra mắt Tào quận công Phạm Ngô Cầu, thường gọi là Quận Tào [1], để nói họa phúc và khuyên Phạm Ngô Cầu làm chay, cầu trời phạt để tai qua nạn khỏi. Khi Phạm Ngô Cầu chuẩn bị tổ chức đàn chay cầu phúc, thì nghĩa quân Tây Sơn ở Qui Nhơn bắt đầu lên đường đánh Phú Xuân. Ngày 28 tháng Tư năm Bính Ngọ [2], tức ngày 25 tháng 5 năm 1786, các đạo quân thủy bộ, dưới sự chỉ huy của danh tướng Nguyễn Huệ, được lệnh xuất phát.

ĐÁNH ĐÈO HẢI VÂN

Hải Vân là một rặng núi thuộc dãy Trường Sơn, chạy ngang ra biển, làm thành một ranh giới thiên nhiên giữa

1. Tài liệu của các giáo sĩ phương Tây thời bấy giờ thường gọi Phạm Ngô Cầu là "Co tao", tức Quận Tào, hoặc Quan Đại tức quan Đại tướng.
2. Một vài tác giả viết về Nguyễn Huệ, thường nói ngày xuất quân là 18 tháng Năm âm lịch và ngày đánh Hải Vân là 24 tháng Năm âm lịch. Vấn đề thời gian

như thế, cần bàn lại. Từ Qui Nhơn tới đèo Hải Vân, đường dài hơn 300 ki-lô-mét. Nếu xuất quân ngày 18, ngày 24 đã hạ xong đồn Hải Vân, tức là đi hơn 300 ki-lô-mét, chỉ mất 6 ngày, mỗi ngày hành quân trên 50 ki-lô-mét. Trong điều kiện hành quân không bằng cơ giới như thời bấy giờ thì không thể đi nhanh như thế được. Ở đây chúng tôi lấy ngày xuất quân theo Hoàng Lê nhất thống chí (Bản dịch của Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 93).

hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Nam. Rặng núi này gồm nhiều ngọn núi to cao và hiểm trở. Từ ngang lưng rặng núi trở lên, lúc nào cũng có mây mù bao phủ, vì thế xưa gọi là Hải Vân sơn. Chỗ gần biển là một quả núi thấp hơn, không gồ ghề lắm, người xưa mở lối đi qua rặng núi, nên gọi là đèo Hải Vân. Đèo này tuy thấp so với các ngọn núi của rặng Hải Vân. Nhưng cũng vẫn là cao lắm. Đứng dưới chân đèo nhìn lên, mây phủ mịt mù, không thấy đỉnh đèo. Càng đi lên, đường đèo càng quanh co, mây mù càng dày đặc. Những ngày xấu trời, đi trên đèo, cách nhau khoảng 5 mét, không nhìn thấy người. Từ Qui Nhơn, Quảng Nam ra Thừa Thiên, đi đường bộ nhất thiết phải qua đèo Hải Vân. Đã là đường độc đạo, đường đèo lại dốc cao, quanh co lắm khe nhiều suối. Đi đường vô ý có thể lăn xuống khe, xuống suối.

Thời xưa trên đường đèo ấy có nhiều thú dữ ra hại người qua đường. Cho nên, qua đèo Hải Vân, không thể đi riêng lẻ từng người mà phải đi thành từng đoàn đông dờ giúp đỡ nhau trong những chặng đường đèo nguy hiểm. Đèo Hải Vân có một phía sườn núi chạy ra biển, nhưng từ mặt biển không có đường đi lên đèo và quãng biển ở chân núi ấy, gọi là hang Gioi, thường thường sóng to, gió

lớn, ghe thuyền ít khi dám qua lại chỗ đó.

Qua Hải Vân cũng như qua hang Giời, thời xưa thật là khó khăn nguy hiểm, cho nên người xưa đã có câu:

"Đi đường thì sợ Hải Vân

Đi ghe thì sợ sóng thần hang Giời"

Như vậy, đèo Hải Vân rõ ràng là một vị trí xung yếu.

Nhà Trịnh, sau khi chiếm được Phú Xuân, đã cho làm tại đỉnh đèo Hải Vân một dãy lũy kiên cố, để chống giữ với những bất trắc ở phía nam. Vì có dãy lũy này nên đèo Hải Vân thời ấy, người ta cũng còn gọi là đỉnh Lũy [1].

1. Cao Xuân Dục, Đại Nam nhất thống chí. q . 5, Quảng Nam tỉnh.

Để tiến công một vị trí xung yếu như đèo Hải Vân, Nguyễn Huệ đã bố trí kế hoạch như thế nào? Tất nhiên không dùng thủy binh, vì không có đường từ biển lên đèo, như trên chúng ta đã thấy. Quãng biển hang Giời lại không phải là nơi thuận lợi cho thủy chiến, nên đánh đèo Hải Vân, phải dùng bộ binh. Tiến đánh vị trí Hải Vân của quân Trịnh, tức là tiến đánh theo một đường độc đạo, mà lại là đường đèo cao, dốc trên đỉnh đèo có chiến lũy kiên cố và quân Trịnh có ưu thế từ trên đánh xuống. Cho nên tiến công đèo Hải Vân có địa thế

hiểm trở như vậy thật là một việc khó khăn. Nhưng nghĩa quân Tây Sơn đã vượt qua tất cả những khó khăn ấy. Đèo Hải Vân đã bị nghĩa quân Tây Sơn đánh chiếm rất nhanh. Hải Vân tuy là một vị trí xung yếu, có thành lũy kiên cố, nhưng quân tướng phòng thủ Hải Vân trễ tràng, vì đã hơn 10 năm không có chinh chiến, quân tướng nhà Trịnh ở đây sống nhàn tản thái bình đã quá lâu, không lúc nào nghĩ đến bị đánh, nên bị đánh là bất ngờ, trở tay không kịp. Trong trường hợp ấy vị trí xung yếu, thành lũy kiên cố đều không phát huy tác dụng được. Hải Vân lại là con đường qua lại của nhân dân Thuận, Quảng. Cho nên Hải Vân tuy là một nơi xung yếu có thành lũy kiên cố, nhưng lại là một nơi sơ hở, lúc nào cũng có thể bị tập kích bất ngờ. Một cứ điểm sơ hở, tinh thần quân tướng phòng thủ trễ tràng mà bị đánh bất ngờ, thì dù xung yếu, kiên cố đến đâu, cũng bị hạ dễ dàng. Nếu lực lượng đối phương đông mạnh hơn, thì lại càng bị tiêu diệt nhanh chóng. Đó cũng là những nguyên nhân khiến Hải Vân bị hạ, một khi nghĩa quân Tây Sơn tiến đánh.

Trong trận đánh Phú Xuân, nghĩa quân Tây Sơn gồm cả quân thủy và quân bộ thì bộ binh là đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy và Nguyễn Hữu Chỉnh làm phó tướng [1]. Đạo bộ binh chủ lực này có nhiệm vụ đánh đèo Hải Vân để tiến lên đánh phá thành Phú Xuân.

1. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 18.

Khoảng trung tuần tháng Năm năm Bính Ngọ, đạo quân chủ lực Tây Sơn tiến tới đèo Hải Vân. Bị đánh bất ngờ, quân Trịnh ở đây không kịp trở tay và

đã tan vỡ nhanh chóng trước sức tiến công mạnh mẽ của quân chủ lực Tây Sơn. Chủ tướng Trịnh là Hoàng Nghĩa Hồ tử trận.

Lấy xong đảo Hải Vân, Nguyễn Huệ lập tức cho quân tiến nhanh đánh phá Phú Xuân.

Để làm kế ly gián các tướng lĩnh địch ở Phú Xuân, trước khi rời đảo Hải Vân, tiến quân ra Phú Xuân, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho Nguyễn Hữu Chỉnh lấy tình quen cũ viết thư dụ hàng phó tướng Trịnh ở Phú Xuân là Hoàng Đình Thê [1] và cho người phi ngựa đem ra Phú Xuân, nhưng trao thư cho Phạm Ngô Cầu mà không trao cho Hoàng Đình Thê [2], khiến địch hoang mang chia rẽ.

HẠ THÀNH PHÚ XUÂN

Trong khi quân thủy bộ Tây Sơn đang ào ạt tiến về Phú Xuân thì Phạm Ngô Cầu, chủ tướng thành Phú Xuân vẫn mải mê với đàn chay cầu phúc, tổ chức rất lớn, bảy ngày bảy đêm liên tục tại chùa Thiên Mụ [3], ngôi chùa to nhất thành Phú Xuân, do các chúa Nguyễn xây dựng. Hầu hết các tướng lĩnh và quân lính nhà Trịnh ở thành Phú Xuân đều phải tới đàn chay cầu phúc, phục dịch suốt ngày đêm, rất vất vả, mệt mỏi [4].

1. Đại Nam thực lục , Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 62.
2. Đại Nam thánh biên liệt truyện, sơ tập, q. 30 và Hoàng Lê nhất thống chí,

Bản dịch đã dẫn, tr. 95.

3. Thư của giám mục La Bartette gửi về Pháp ngày 23 tháng 6 năm 1786 trong L. Cadière, Documents relatifs à l' époque de Gia Long, B.E.F.E.O, n07, 1912, p.12, Thư của Le Breton gửi về Pháp ngày 10 tháng 7 năm 1787 cũng trong tài liệu Cadière.

4. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 95.

Khi một vài tàn binh Trịnh ở đèo Hải Vân chạy về tới Phú Xuân, báo cho Phạm Ngô Cầu là đèo Hải Vân đã bị chiếm đóng, tướng Hoàng Nghĩa Hồ đã tử trận, quân Trịnh ở Hải Vân đã bị tiêu diệt và quân đội Tây Sơn đương rầm rộ tiến lên, sắp tới Phú Xuân thì Phạm Ngô Cầu vẫn còn ở trong chùa Thiên Mụ để cầu cho tai qua nạn khỏi. Nghe tin quân Tây Sơn sắp tới, Phạm Ngô Cầu hoảng sợ, biết việc làm chạy là mắc mưu thám tử Tây Sơn [1], vội chạy về thành trì tính mưu kế đối phó. Nhưng quân sĩ mỗi một về đàn chay và khiếp sợ trước thanh thế dũng mãnh của quân đội Tây Sơn, nên hết thấy đều không còn tinh thần chiến đấu.

Trong khi bối rối, Phạm Ngô Cầu lại nhận được thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Hoàng Đình Thễ, lòng càng thêm hoang mang. Phạm Ngô Cầu ngờ Hoàng Đình Thễ có ý muốn hàng Tây Sơn và lo sợ Hoàng Đình Thễ sẽ hại mình để lấy công với Tây Sơn, nên tự bản thân Phạm Ngô Cầu cũng sẵn ý muốn hàng. Cầu dìm bức thư của Chỉnh gửi cho Thễ [2].

Giữa lúc ấy, quân thủy bộ Tây Sơn đều đã tới sát Phú Xuân. Đạo thủy quân do

Vũ Văn Nhậm chỉ huy [3] tới cửa biển [4] gần thành Phú Xuân thì gặp một tàu Bồ Đào Nha, đậu tại bến. Tàu này có quan hệ chặt chẽ với Phú Xuân, nên thuyền trưởng và các sĩ quan trên tàu có ý muốn ủng

1, 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch, tr. 95.

3. Trong chiến dịch này, dưới quyền tiết chế của Nguyễn Huệ. có 3 đạo quân và 3 đại tướng là Nguyễn Lữ, Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Hữu Chỉnh đi với đạo quân chủ lực, Nguyễn Lữ chỉ huy đạo thủy quân đánh phía sông Gianh - Quang Bình, còn đạo thủy quân đánh Phú Xuân, chúng tôi đoán là do Vũ Văn Nhậm chỉ huy, vì không còn viên đại tướng nào khác nữa.

4. Có thể là cửa biển Thuận An. Nhưng không tài liệu nào nói rõ tên.

hộ Phạm Ngô Cầu, chống nghĩa quân Tây Sơn. Nghĩa quân Tây Sơn liền bao vây và đốt phá tàu Bồ Đào Nha. Thuyền trưởng và các sĩ quan Bồ Đào Nha đều bị quăng xuống biển. Các thủy thủ tàu Bồ Đào Nha được thu dùng và phân phối vào các đội thủy quân Tây Sơn. Chiếc tàu bị cháy, được phá ra từng mảnh để làm cầu phao [1].

Sau trận đánh tàu Bồ Đào Nha, thủy quân Tây Sơn theo sông Huế tiến vào Phú Xuân thì bộ binh Tây Sơn cũng đã tới nơi, đang bao vây thành. Ở trong thành, các tướng Trịnh hội bàn xem nên hang hay nên đánh. "Quan Đại" Phạm Ngô Cầu và một số tướng lĩnh muốn treo cờ bạc [2] (tức cờ trắng) xin hàng và dâng thành cho nghĩa quân Tây Sơn. Nhưng phó tướng Hoàng Đình Thê và một số tướng lĩnh khác muốn phát cờ điều [3] quyết chiến. Phạm Ngô Cầu đành phải

để Hoàng Đình Thê chỉ huy cuộc chiến đấu, còn mình ở lại trong thành, mượn tiếng làm nhiệm vụ "giữ thành" để tùy nghi xử trí có lợi cho số phận của mình.

Hoàng Đình Thê đem quân lên mặt thành, tập trung pháo bắn xuống rất dữ dội. Bộ binh Tây Sơn giãn vòng vây lùi ra xa chân thành. Bộ binh ở phía trước thành phải lùi xuống thuyền chiến tập trung bên bờ sông Huế [4]. Thuyền chiến Tây Sơn bắn đại bác lên thành để phá hỏa lực của địch. Nhưng từ mặt thành tới mặt nước, cao hơn hai trượng, đại bác của Tây Sơn bắn không tới. Quân Trịnh trên thành vẫn bắn xuống như mưa, một thuyền chiến Tây Sơn bị bắn

1. Thư của La Bartette ở Dinh Cát viết về Pháp ngày 10 tháng 7 năm 1786 và thư của Longer ở Dinh Cát viết về Pháp ngày 22 tháng 7 năm 1786 trong L. Cadière, Documents relatifs à l' époque de Gia Long B.E.F.E.O, 1912. n0 7, pp. 14 - 17.

2, 3. Thư của giáo sĩ Doussain viết gửi về Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1787 trong L. Cadière, tài liệu đã dẫn. tr. 18. Mấy tiếng Việt "cờ bạc", "cờ điều" là do Doussain tự viết trong thư tiếng Pháp.

4. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30. tờ 18.

chìm. Nguyễn Huệ hạ lệnh tạm ngừng chiến, cho quân nghỉ ngơi, nghiên cứu cách đánh thích hợp, đến đêm sẽ tiếp tục tiến công. Thành Phú Xuân ở gần cửa biển, sông Huế chạy quanh thành chịu ảnh hưởng của thủy triều, mực nước luôn luôn thay đổi, ban ngày thì xuống thấp, đêm tối lại dâng cao. Bấy giờ là tháng 5, đang mùa nước lũ, nước triều thường dâng lên rất cao. Năm vừng quy

luật con nước và địa thế thành Phú Xuân, Nguyễn Huệ quyết định đánh thành về đêm, khi thủy triều dâng cao, khoảng cách giữa mặt thành và mặt nước được rút ngắn, vừa tầm bắn của đại bác trên thuyền chiến Tây Sơn để phá hỏa lực của quân Trịnh trên mặt thành. Quả nhiên, tới đêm nước triều dâng lên và đêm càng khuya, nước dâng càng cao, tràn ngập cả chân thành Phú Xuân [1]. Giành được lợi thế chắc chắn, Nguyễn Huệ hạ lệnh tiến công. Các thuyền chiến Tây Sơn tiến sát chân thành. Bộ binh Tây Sơn xông lên vây chặt các cửa thành. Thủy binh Tây Sơn từ các thuyền chiến bắn lên mặt thành rất mãnh liệt [2]. Pháo binh của Hoàng Đình Thễ lần này mất tác dụng, không dám lên mặt thành chiến đấu, vì lưới đạn dày đặc của thủy quân Tây Sơn bắn lên. Hoàng Đình Thễ đành phải cùng bọn thuộc tướng Vũ Tá Kiên và hai con đem quân mở cửa thành ra ngoài nghênh chiến.

Hai bên đánh nhau được hơn một trống canh thì quân của Hoàng Đình Thễ hết thuốc đạn. Hoàng Đình Thễ cho người vào thành lấy thêm thuốc đạn. Nhưng Phạm Ngô Cầu sai đóng cửa thành, không cho. Thấy nguy cơ mất thành, Phạm Ngô Cầu vội kéo cờ trắng xin hàng. Trông lên cờ trắng trên thành, quân Tây Sơn khí thế càng hăng,

1, 2. Đại Nam chính biên liệt truyện. sơ tập, q. 30, tờ 18 - 19. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 95 - 96.

đánh căng rất. Nhìn về cờ trắng trên thành, Hoàng Đình Thễ thấy tình thế

không thể cứu vãn được, đành chiến đấu một cách tuyệt vọng, Nghĩa quân Tây Sơn dồn lại, siết chặt vòng vây không cho quân Hoàng Đình Thễ trốn thoát. Vũ Tá Kiên và hai con Hoàng Đình Thễ bị chết ngay trong vòng vây. Quân Hoàng Đình Thễ hoàn toàn tan rã. Hoàng Đình Thễ phải tự tử trên mình voi [1].

Tiêu diệt xong quân Hoàng Đình Thễ, nghĩa quân Tây Sơn tiến lên phá công thành, xông vào. Quân Trịnh ở trong thành Phú Xuân không chống cự nổi, bị chém giết rất nhiều. Đốc thị Vũ Trọng Đang chỉ huy quân Trịnh chiến đấu ở trong thành bị chết tại trận. Phạm Ngô Cầu, chủ tướng thành Phú Xuân, tự trói mình [2], xe quan tài [3] ra xin hàng.

Như thế là trong một đêm chiến đấu với quân đội Tây Sơn; hơn hai vạn quân Trịnh ở thành Phú Xuân đã bị hoàn toàn tiêu diệt. Có vài trăm quân Trịnh trốn thoát được ra ngoài thành, nhưng bị nhân dân địa phương, vốn oán hờn nhà Trịnh từ trước, đón bắt giết hết [4]. Chỉ có một tên lính duy nhất sống sót chạy trốn về báo tin cho quân Trịnh ở đồn Dinh Cát biết [5].

-
1. Ngô gia văn phái. Tài liệu đã dẫn. tr. 97.
 2. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 62. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 19.
 3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học. t XX, tr, 13. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch của Nhà xuất bản Văn học, tr. 97.
 4. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 97.
 5. Thư của Doussain gửi về Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1787. trong L. Cadière.

Tài liệu đã dẫn, tr. 18.

Trận đánh hạ thành Phú Xuân đã diễn ra trong đêm 20 tháng Năm năm Bính Ngọ [1], tức ngày 15 tháng 6 năm 1786 và đã hoàn thành rất nhanh chóng.

CÁC TRẬN ĐÁNH TỪ SÔNG GIANH TRỞ VÀO

Trong khi Nguyễn Huệ đánh thành Phú Xuân thì đạo thủy quân của Nguyễn Lữ [2] cũng tiến tới cửa sông Gianh.

Thực hiện kế hoạch của Nguyễn Huệ đã định từ trước, Nguyễn Lữ chia quân làm nhiều toán. Một toán đóng án ngữ trên dải sông Gianh, đề phòng quân Trịnh từ ngoài Bắc vào cứu viện. Một toán từ sông Gianh tiến xuống đánh chiếm đồn Bồ Chính, tức Dinh Ngói (thuộc huyện Bồ Trạch, Quảng Bình ngày nay) và đóng tại đó làm nhiệm vụ đón bắt tàn binh Trịnh từ các đồn phía trong chạy trốn ra Bắc. Một toán tương đối mạnh quay xuống làm nhiệm vụ tiến công lũy Đồng Hới.

Từ sông Gianh tới Dinh Cát, quân Trịnh có rất nhiều đồn lũy, doanh trại đóng giữ, nhưng quân đội Tây Sơn đã không phải giao tranh một trận nào. Quân đội Tây Sơn, thủy quân cũng như bộ binh, đi tới đâu, quân Trịnh bỏ thành chạy trốn đến đấy.

1. Ngày hạ thành Phú Xuân, Hoàng Lê nhất thống chí nói là 14 tháng Năm âm lịch. Ở đây chúng tôi lấy ngày 20 tháng Năm âm lịch theo Bùi Dương Lịch trong Lê quý dật sử, vì thấy những ngày hành quân trong chiến dịch Thăng Long ghi trong Lê quý dật sử ăn khớp với những ngày nói trong thư của các giáo sĩ phương Tây thời ấy (xem Bùi Dương Lịch, Lê quý dật sử, Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, ký hiệu H.V. 1951). Thư của giáo sĩ Longer, khi ấy ở gần Dinh Cát, cũng nói ngày hạ Phú Xuân là ngày 15 tháng 6 năm 1786, tức ngày 20 tháng Năm Bính Ngọ của Bùi Dương Lịch.
2. Hoa Bằng, Quang Trung anh hùng dân tộc. Nhà Xuất bản Bốn phương, Hà Nội, 1951. tr. 63.

Toán thủy quân đánh chiếm dinh Bồ Chính [1] đã hoàn thành nhiệm vụ một cách dễ dàng. Toán thủy quân tiến xuống đánh lũy Đồng Hới, chưa tới nơi, quân Trịnh ở đồn Leo Heo [2], một đồn phía trước lũy Đồng Hới, trông thấy bóng thuyền chiến Tây Sơn, đã vội bỏ đồn mà chạy, định tìm đường trốn về Bắc. Nhưng cả tướng và quân chạy gần tới dinh Bồ Chính thì bị nhân dân địa phương bắt gọn đem nộp cho quân Tây Sơn đóng ở dinh Bồ Chính [3].

Lũy Đồng Hới, cũng gọi là lũy Thầy, là một hệ thống gồm có nhiều lũy kiên cố, như lũy Sa Phụ, lũy Trấn Ninh, lũy Đồng Hới, lũy Đâu Mâu và quá về phía nam, còn có lũy Trường Dục làm hậu thuẫn. Hệ thống lũy Đồng Hới này trước đây đã giúp cho quân Nguyễn chống nhau được với quân Trịnh, phá tan nhiều cuộc tiến công lớn mạnh của quân Trịnh trong hơn một trăm năm. Nhưng nay trước thanh thế lớn mạnh của quân đội Tây Sơn, tất cả hệ thống đồn lũy kiên

cố ấy trở thành vô dụng. Sợ bị quân Tây Sơn tấn công ở hai mặt, thủy quân ở trên đánh xuống, bộ binh ở dưới đánh lên, nên khi thấy bóng chiến thuyền Tây Sơn, tướng giữ lũy Đồng Hới là Vi phái hầu và viên hiệp trấn là Ninh Tôn vội đem quân chạy trốn [4]. Họ chạy theo đường

1 3. Thư của Doussain viết về Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1787. trong cadrière, đã dẫn, tr. 18.

2. Đồn Leo Heo có thể là đồn Đèo Heo ghi trong Phủ liên tạp lục của Lê Quý Đôn. Năm 1661, chúa Nguyễn Phúc Tần đắp một chiến lũy chạy dài từ Đèo Heo tới cửa An Náu để chống nhau với chúa Trịnh. Cửa An Náu là cửa sông Dinh, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đèo Heo là ở phía trên Đồng Hới. Ở đây chúng tôi viết Leo Heo vì tài liệu về Leo Heo này là theo thư của Doussain, mà Doussain là người thạo tiếng Việt và chữ Việt.

4. Ngô gia văn phái, Hoàn Lê nhất thống chí., Bản dịch của Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội. 1964. tr. 97. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập q. 30, tờ 19, lại nói Ninh Tôn là thợ tướng và không nói đến Vi phái hầu.

núi, nên trốn thoát về Bắc [1]. Ngày 21 tháng 6 năm 1786 tức 26 tháng Năm năm Bính Ngọ, thủy quân Tây Sơn tiến vào chiếm giữ lũy Đồng Hới [2].

Trong khi thủy quân của Nguyễn Lữ hoạt động ở vùng sông Gianh - Đồng Hới như vậy thì một toán bộ binh Tây Sơn đã được lệnh từ Phú Xuân tiến lên đánh chiếm đồn Dinh Cát (cách tỉnh lỵ Quảng Trị ngày nay khoảng hai ba ki-lô-mét

về phía bắc). Dinh Cát là một đồn quân tương đối quan trọng, do một viên tướng là con rể chúa Trịnh [3] đóng giữ. Ngày 22 tháng 6 năm 1786 [4], bộ binh Tây Sơn tiến tới Dinh Cát thì đồn lũy đã bỏ trống. Vốn là ngay sau khi một tàn binh ở Phú Xuân chạy về báo tin Phú Xuân thất thủ, các tướng sĩ đồn Dinh Cát đã vội vàng bỏ đồn, mạnh ai nấy chạy, tìm đường trốn ra Bắc. Bọn quân tướng đồn Dinh Cát chạy về gần tới Bồ Chính thì bị nhân dân địa phương ngăn giữ, nhưng chúng không chịu hàng. Nhân dân chạy báo quân Tây Sơn ở dinh Bồ Chính. Quân Tây Sơn ở dinh Bồ Chính cho một bộ phận đi vây bắt quân Trịnh, 200 tướng sĩ nhà Trịnh cùng ba voi chiến [5] và viên chủ tướng, con rể chúa Trịnh, đều bị bắt [6].

1. Thư của Doussain viết về Pháp ngày 6 tháng 6 năm 1787, trong Cadière, đã dẫn. tr. 18.
2. Thư của La Bartette viết về Pháp ngày 23 tháng 6 năm 1786, trong Cadière. đã dẫn. tr. 12.
3. Thư của Longer viết về Pháp ngày 22 tháng 7 năm 1786. trong L. Cadière. Tài liệu đã dẫn. tr. 16.
4. Những ngày đánh chiếm Đồng Hới 21 tháng 6 năm 1786 và đánh chiếm Dinh Cát 22 tháng 6 năm 1786 là tính theo thư của La Bartette viết ngày 23 tháng 6 năm 1786. Khi ấy La Bartette ở ngay Dinh Cát. Những tài liệu của ta không nói đến những ngày đánh chiếm hai nơi này.
5. Thư của Doussain ngày 6 tháng 6 năm 1787, đã dẫn trên.
6. Thư của Longer viết về Pháp ngày 22 tháng 7 năm 1786. trong L. Cadière, Tài liệu đã dẫn, tr. 16.

Như thế là chỉ trong thời gian chưa đầy mười ngày [1], quân đội Tây Sơn, do Nguyễn Huệ chỉ huy, đã làm chủ tất cả một khu vực rộng lớn, từ đèo Hải Vân ra tới bờ sông Gianh. Tất cả những mục tiêu chiến lược, chiến dịch quan trọng của quân Trịnh đều lọt vào tay quân đội Tây Sơn. Hơn ba vạn quân cùng toàn thể tướng lĩnh cao cấp của nhà Trịnh tại đây đều bị tiêu diệt. Cuộc tiến công Thuận Hóa đã kết thúc bằng sự thắng lợi hoàn toàn, mau lẹ và rất rực rỡ của quân đội Tây Sơn dưới sự chỉ huy tài tình của anh hùng Nguyễn Huệ.

**

Chín năm sau khi xảy ra đòn tiến công chiến lược đầu tiên vào Gia Định và hơn một năm sau thắng lợi quyết định Rạch Gầm - Xoài Mút, chiến tranh đã bước sang một cục diện mới: nghĩa quân Tây Sơn từ tiến công chiến lược đối với quân Nguyễn ở miền Nam, chuyển sang tiến công chiến lược đối với quân Trịnh trên miền Bắc. Chiến thắng Phú Xuân đánh dấu sự chuyển biến chiến lược căn bản đó.

Từ phía nam, trung tâm của chiến trường đã di chuyển lên phía bắc. Như diễn biến của các trận đánh đã được

1. La Bartette hai lần (thư ngày 23 tháng 6 năm 1786 và thư ngày 10 tháng 7

năm 1786) nhấn mạnh rằng cuộc tiến đánh Thuận Hoá, từ Hải Vân tới sông Gianh, chỉ diễn ra trong vòng 5, 6 ngày. Nếu quả thời gian 5, 6 ngày là đúng, mà theo ngày đánh Dinh Cát 22 tháng 6 năm 1786 của La Bartette thì ngày hạ Phú Xuân và Hải Vân phải lùi lại 4 ngày. Ngày hạ Phú Xuân sẽ là ngày 19 tháng 6 năm 1786 tức 21 tháng Năm âm lịch, Hoàng Lê nhất thống chí nói ngày hạ Phú Xuân là 14 tháng Năm âm lịch. Những ngày trong Hoàng Lê nhất thống chí thường sớm hơn ngày thật 10 ngày. Cho nên ngày hạ thành Phú Xuân cũng có thể là ngày 21 tháng Năm âm lịch. Nhưng chưa rõ tài liệu nào của ta nói cụ thể ngày âm lịch này. Do đây chúng tôi vẫn tạm lấy ngày của Bùi Dương Lịch và Longer.

trình bày, kể từ trận Rạch Gầm - Xoài Mút cho đến trận đại phá quân Thanh, tất cả những trận tiến công lớn tiêu diệt địch của nghĩa quân Tây Sơn, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, đều đã mang những yếu tố của một chiến dịch [1]. Trận tiến công Phú Xuân là một trong những chiến dịch lớn của nghĩa quân Tây Sơn - một chiến dịch được tiến hành trong tình huống chiến lược có lợi cho quân đội Tây Sơn. Song, xét về cục bộ, thì khó khăn cho Nguyễn Huệ không phải là ít và nhỏ. Trước hết, phải tính đến ưu thế về số lượng của đạo quân chủ lực Phạm Ngô Cầu. Căn cứ vào nhiều mặt, chúng ta có thể khẳng định rằng, ít nhất một người lính Tây Sơn phải chiến đấu với từ hai đến ba lính Trịnh.

Hơn ba vạn quân Trịnh chiếm lĩnh một tuyến địa hình chiến lược rất lợi, kể cả

trên ranh giới và trong chiều sâu. Trên địa hình chật hẹp, một bên là núi sát đến gần biển và một bên là biển, quân Trịnh đã lợi dụng tuyến chương ngại thiên nhiên để bố trí khá kín đáo trên mặt chính và ven biển. Đèo Hải Vân thật sự là một thành lũy kiên cố. Thành Phú Xuân nằm trong một vị trí tương đối kín đáo, tuy ở gần biển, nhưng cửa biển thường cạn, ngăn cản sự ra vào của các thuyền chiến lớn, và hạn chế việc sử dụng thủy quân với số lượng lớn. Bố trí chủ lực ở Phú Xuân, quân Trịnh đã biến Phú Xuân thành một khu phòng ngự mạnh, thuận tiện cho việc đối phó với một cuộc tấn công từ ngoài biển vào và từ Quảng Nam lên. Với địa hình ấy với sự bố trí lực lượng như vậy, quân Trịnh không phải là không gây khó khăn cho kế hoạch tấn công của quân đội Tây Sơn .

1. Vì vậy cũng từ trận Rạch Gầm - Xoài Mút đến trận đại phá quân Thanh, chúng tôi dùng khái niệm chiến dịch để nghiên cứu những trận đánh lớn của quân đội Tây Sơn có đủ những yếu tố của một chiến dịch.

Cho nên, với binh lực có hạn, Nguyễn Huệ phải hoàn thành những nhiệm vụ rất nặng nề ra cho chiến dịch: vừa phải tiêu diệt đạo quân chủ lực của quân Trịnh, vừa phải nhanh chóng chiếm tuyến sông Gianh, nghĩa là tiêu diệt trên ba vạn quân địch, tiến sâu trên 300 ki-lô-mét vào đất địch. Trong chiến dịch này, nổi bật lên ý nghĩa lớn lao về tranh thủ thời gian: binh lực càng có hạn, lại càng phải làm sao tránh đánh lâu dài. Nói một cách khác, phải làm sao tiêu diệt từng bộ phận địch, chiếm tuyến sông Gianh trong một thời gian ngắn nhất,

khiến cho địch không có cách nào vận động và cơ động để thay đổi bố trí, biến yếu thành mạnh, trong khu vực chiến lược Phú Xuân, cũng như tăng viện từ Bắc Hà vào. Khi đặt kế hoạch chiến dịch, có thể Nguyễn Huệ phải suy tính trước một vấn đề là, với binh lực có hạn nhưng có ưu thế về chính trị - tinh thần, phải làm sao, trong những trận quyết định nhất xảy ra khi bắt đầu chiến dịch, sử dụng được nhiều binh lực nhất để bảo đảm tiêu diệt chủ lực địch? Làm sao nhanh chóng chiếm Phú Xuân, nhanh chóng thọc sâu? Dùng những phương châm, phương pháp, thủ đoạn nào, để làm cho khả năng có trong tay phù hợp với mục đích của chiến dịch?

Để lợi dụng triệt để tình huống chiến lược đang có lợi, Nguyễn Huệ đề ra phương châm tác chiến đánh nhanh, giải quyết nhanh và áp dụng hành động bất ngờ. Trong ý định chiến dịch của Nguyễn Huệ, chúng ta thấy nổi bật lên ý chí làm cho chủ lực địch đóng tại Phú Xuân mất quyền tự do hành động ngay từ những ngày đầu của chiến dịch. Đó là ý chí không chế trước chủ lực của địch, biến trên hai vạn quân Trịnh ở Phú Xuân trở thành một lực lượng không còn khả năng cơ động nữa, phải bị động đối phó với nghĩa quân Tây Sơn ngay tại căn cứ đóng quân của nó. Cho nên, nếu tranh thủ được thời gian, đánh địch thật bất ngờ vào nơi và lúc mà chúng không hề dự liệu, không hề chuẩn bị, thì sẽ đánh một đòn rất mạnh vào tinh thần chiến đấu của địch, giam chân địch, làm rối loạn hệ thống phòng ngự của chúng, và nhất định đạt tới tiêu diệt sinh lực địch. Do đó, chọc thủng phòng ngự địch phải nhanh, phát triển phải nhanh; tiêu diệt địch cho nhanh, đánh chiếm tuyến địa hình chiến lược cho nhanh. Trong chiến dịch này, yếu tố thời gian và bất ngờ có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Nhưng tranh thủ thời gian, hành động bất ngờ chỉ đạt được hiệu quả cao nhất nếu nó phục vụ cho việc tiêu diệt chủ lực địch, tức trên hai vạn quân địch đóng tại thành Phú Xuân. Như vậy việc tranh thủ thời gian, đánh địch bất ngờ đã liên hệ rất mật thiết với việc chọn mục tiêu đột kích chủ yếu. Nguyễn Huệ tập trung mọi quan tâm vào việc tiêu diệt thật nhanh chóng và bằng hành động bất ngờ tập đoàn chủ lực của địch. ông tìm mọi cách để làm tê liệt cảnh giác của đối phương và do đó, làm tê liệt khả năng phản ứng của các tướng lĩnh Trịnh và khả năng chiến đấu của quân đội địch, trước và trong khi diễn ra những hành động quân sự quyết định.

Để thực hiện tiêu diệt địch, Nguyễn Huệ chủ trương tiến công chủ yếu trên hướng đường bộ, đồng thời dùng một bộ phận thủy quân đánh phối hợp trên mặt chính thành Phú Xuân, như thế sẽ tránh được chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, tiến công địch trên cả mặt chính, sau lưng và cạnh sườn, thực hiện được tập trung binh lực, buộc địch phải phân tán binh lực đối phó trên nhiều mặt. Đột kích vào chỗ yếu, đánh phối hợp có tính chất kiềm chế chỗ mạnh, nhất định sẽ tiêu diệt địch một cách nhanh chóng, theo ý định chiến dịch của Nguyễn Huệ. Hơn nữa, tiến công chủ yếu trên hướng đường bộ, trước hết Nguyễn Huệ thực hiện được ưu thế cần thiết tại đèo Hải Vân, tiêu diệt nhanh chóng bộ phận lực lượng ở đây, mở đường cho chủ lực tiến đến Phú Xuân. Đánh như vậy, chắc chắn thắng lợi; đồng thời đánh đèo Hải Vân là thực tế chuẩn bị cho bộ đội tiến lên đánh thành lớn. Quyết tâm của Nguyễn Huệ tiến công chủ yếu trên hướng Hải Vân - Phú Xuân, bố trí chủ lực đột kích vào cạnh sườn và sau lưng thành

Phú Xuân, đồng thời đánh phối hợp mạnh trên mặt chính, là biểu hiện cụ thể nguyên tắc chỉ đạo tác chiến của ông: tập trung binh lực tạo thành thế mạnh để tiêu diệt địch từng bộ phận.

Nhưng, nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch của Nguyễn Huệ còn cao hơn nữa. Trong khi tập trung đại bộ phận lực lượng vào cục bộ trọng điểm - tức Phú Xuân - ông không quên một cục bộ tuy không phải là trọng điểm nhưng hết sức quan trọng, là phòng tuyến sông Gianh. ông đã trao cho đội thủy quân của mình nhiệm vụ vu hồi sâu vào chiều sâu của địch, nhanh chóng tiêu diệt địch và đánh chiếm các thành lũy phía Nam sông Gianh. Bằng hoạt động bất ngờ này, diễn ra đồng thời với việc đột kích vào thành Phú Xuân, Nguyễn Huệ đã thực hiện được bao vây chiến dịch và chia cắt chiến dịch, triệt để cô lập đạo quân chủ lực của địch ở Phú Xuân. Việc đánh chiếm nhanh chóng phòng tuyến sông Gianh vừa có ý nghĩa rất quan trọng đến việc trực tiếp tiêu diệt chủ lực địch, vừa có tác dụng rất lớn đối với sự phát triển sau này của chiến dịch, khi Nguyễn Huệ tiến lên giải phóng Thăng Long.

Nguyễn Huệ còn tỏ ra rất tỉ mỉ trong kế hoạch tiến công của mình. Ở thời đại đó mà việc sử dụng các quân, binh chủng với sự hành động ăn khớp giữa các đạo quân, giữa các quân, binh chủng, theo thời gian và địa điểm, như vậy là đã đạt tới trình độ chuẩn xác cao. Kế hoạch đó quy định trước hết dùng lực quân đột phá đèo Hải Vân, sau đó lực quân đánh vào cạnh sườn và sau lưng đạo quân chủ lực địch ở Phú Xuân, hiệp đồng chặt chẽ với thủy quân kiềm chế tích cực trên mặt chính; cùng lúc đó, đội dự bị thủy quân vu hồi đánh vào phòng

tuyền sông Gianh và Đồng Hới. Trong kế hoạch tiến công này, chúng ta nhận thấy ở Nguyễn Huệ tinh thần mạnh dạn bao giờ cũng đi đôi với sự thận trọng và nghệ thuật sử dụng binh lực một cách tập trung đi đôi với nghệ thuật sử dụng các quân binh chủng một cách có hiệu quả nhất.

Sau cùng, Nguyễn Huệ đã giải quyết nhiều vấn đề chiến thuật, trong đó có vấn đề chọn lựa các thành lũy kiên cố.

Ở thời đại đó, các thành lũy kiểu lũy Thầy, lũy Đồng Hới, lũy Hải Vân, thành Phú Xuân... có thể xem là phương tiện phòng ngự kiên cố cao. Quân đội Trịnh đã nhiều lần dùng sức mạnh để đột phá các lũy của chúa Nguyễn, nhưng đều thất bại. Một trong những nguyên nhân thất bại, là quân Trịnh không thành thạo sử dụng pháo binh. Trái lại, Nguyễn Huệ vừa có ưu thế tuyệt đối về pháo binh - pháo binh thủy quân và pháo binh dã chiến do voi mang theo - , vừa thông thạo sử dụng nó một cách tập trung, mãnh liệt, phát huy được đầy đủ uy lực lớn lao của binh chủng này. Tại thành Phú Xuân, ông đã tập trung rất nhiều pháo binh: pháo binh thủy quân bắn thẳng vào mặt chính diện, kiềm chế rất đắc lực pháo binh của quân Trịnh tập trung trên hướng này; trong khi đó, pháo binh dã chiến bắn mạnh vào các mặt khác, nơi mà quân Trịnh thiếu hẳn hoặc hầu như không có pháo binh. Giai đoạn đầu trong cuộc chiến đấu này là giai đoạn mà hai bên đấu pháo với nhau. Nguyễn Huệ đã tỏ ra thông thạo khả năng chiến thuật, kỹ thuật của pháo binh để sử dụng nó một cách có hiệu quả nhất, khi ông ra lệnh pháo binh tạm ngừng bắn cho đến khi thủy triều lên. Sự xuất hiện bất

ngờ của quân đội Nguyễn Huệ trên bốn mặt thành, sự bắn phá mãnh liệt của pháo binh Tây Sơn, đã gây thiệt hại nặng nề cho quân Trịnh, làm rối loạn sự chỉ huy của các tướng lĩnh Trịnh. Chiến dịch Phú Xuân chứng minh rằng, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ, quân đội Tây Sơn không những giỏi đánh vận động, mà còn giỏi đánh công thành nữa.

Chiến dịch giải phóng Phú Xuân là một chiến dịch lớn. Nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch và tài vận dụng chiến thuật của Nguyễn Huệ đã biểu hiện một cách đầy đủ ở đây và còn được biểu hiện một cách tập trung nhất, đầy đủ nhất, trong các chiến dịch tiếp sau, khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, đánh đổ nhà Trịnh, tiêu diệt quân Thanh và kết thúc chế độ thống trị của nhà Lê.

NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN RA THĂNG LONG LẬT ĐỔ NHÀ TRỊNH

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng khu vực Thuận Hóa rộng lớn, từ đèo Hải Vân tới sông Gianh, Nguyễn Huệ một mặt cho sửa sang lại các đồn lũy ở địa giới La Hà, miền sông Gianh, đề phòng quân Trịnh từ Bắc Hà vào phản công, một mặt họp bàn với các tướng sĩ xem nên tiếp tục tiến công hay nên củng cố địa giới La Hà phân chia Nam Bắc như cũ, hay nên mở rộng chiến quả, tiến đánh Thăng Long.

Toàn thể tướng sĩ đều muốn nhân đà thắng lợi, tiến thẳng ra Bắc Hà, lật đổ nhà Trịnh, vĩnh viễn xóa bỏ ranh giới phân chia Nam Bắc, lập lại nền thống nhất của Tổ quốc. Nguyễn Hữu Chỉnh, vốn có tham vọng trở lại Bắc Hà để xưng

hùng xung bá, nên đã tình nguyện đi tiên phong, mở đường cho nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Bắc Hà.

Thấy rõ quyết tâm tiến công của toàn quân và nắm vững tình hình suy yếu của Bắc Hà, Nguyễn Huệ cho người về Qui Nhơn báo với Nguyễn Nhạc ý định của mình và hạ lệnh chuẩn bị tiến quân ra Bắc, tuyển thêm quân, sửa chữa gấp cầu đường từ Phú Xuân trở ra. Nhân dân khắp vùng Thuận Hóa nô nức tòng quân. Tất cả thanh niên từ 15 tuổi trở lên đều nhập ngũ [1]. Phụ lão, phụ nữ các địa phương nhiệt liệt tham gia các công việc sửa sang đường sá, cầu cống, xay thóc, giã gạo [2], chuẩn bị lương thực cho cuộc hành quân ra Bắc sắp tới.

Tiến công Bắc Hà, đối với nghĩa quân Tây Sơn, thật ra có nhiều khó khăn hơn tiến công Thuận Hóa và tiến công Gia Định trước đây. Bắc Hà đất rộng, người đông hơn nhiều so với Thuận Hóa và Gia Định. Tình hình chính trị và quân sự ở Bắc Hà cũng rất khác với tình hình Thuận Hóa và Gia Định. Ở Gia Định, chỉ có một tập đoàn phong kiến là bọn chúa Nguyễn, ngày càng suy yếu và hết sức mất lòng dân, cho nên nghĩa quân Tây Sơn, mỗi lần tiến công Gia Định, chỉ cần đập tan lực lượng vũ trang của chúng là chúng phải chạy dài ra khỏi Gia Định ngay. Trái lại Bắc Hà có hai tập đoàn phong kiến thống trị: vừa vua Lê vừa chúa Trịnh. Bọn vua Lê, tuy chỉ là bù nhìn, nhưng còn được nhân dân ủng hộ, vì được coi là triều đại chính thống. Bọn chúa Trịnh, tuy bị nhân dân oán ghét, nhưng chúng vẫn còn thực lực. Nói rằng chúng suy yếu là so với bản thân chúng ở từng thời kỳ tiến triển của chế độ phong kiến. Nhưng dù suy yếu,

chúng vẫn là kẻ cầm quyền thống trị, vẫn có quân đội trong tay, vẫn còn đủ sức dẹp tan mọi cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra lẻ tẻ ở các nơi.

Trong trường hợp bị tiến công, cả hai tập đoàn vua Lê chúa Trịnh có thể dựa vào nhau, kêu gọi nhân dân Bắc Hà chống lại nghĩa quân Tây Sơn, và như thế chúng sẽ gây nhiều khó khăn cho việc tiến quân ra Bắc Hà của Nguyễn Huệ. Nếu như tiến quân ra Bắc, chỉ tiêu diệt được một tập đoàn vua Lê, mà tập đoàn chúa Trịnh vẫn tồn tại, vẫn tiếp tục kháng cự thì nhiệm vụ đánh ra Bắc có thể coi như không hoàn thành. Trái lại, nếu chỉ đánh đổ được tập

1, 2. Thư của giáo sĩ Longer viết ngày 22 tháng 7 năm 1786, trong L. Cadière, Tài liệu đã dẫn, tr. 17.

đoàn chúa Trịnh, mà tập đoàn vua Lê vẫn tồn tại, vẫn đối lập với nghĩa quân Tây Sơn, dựa vào tầng lớp sĩ phu kêu gọi nhân dân cần vương cứu giá thì nghĩa quân Tây Sơn cũng chưa dễ đã chiếm đóng được Bắc Hà hoặc ổn định được tình hình Bắc Hà cũng rất khó khăn. Tình hình chính trị Bắc Hà không những không giống Gia Định mà cũng không giống Thuận Hóa. Nghĩa quân Tây Sơn đã chiến thắng và ổn định tình hình Thuận Hóa một cách nhanh chóng, một phần cũng vì Thuận Hóa chỉ mới đặt lại dưới quyền thống trị của họ Trịnh khoảng mười năm và nhân Dân Thuận Hóa đang rất căm ghét bọn quan lại tham nhũng của nhà Trịnh. Trái lại, nhân dân Bắc Hà đã là thần dân của vua Lê chúa Trịnh từ mấy trăm năm, nghĩa quân Tây Sơn từ miền trong xa xôi tiến ra mà làm lay chuyển được lòng "phò vua, luyến chúa" của người Bắc Hà, không

phải là một việc dễ dàng lắm. Về quân sự, quân Nguyễn ở Gia Định ít hơn quân Trịnh ở Thuận Hóa, thường chỉ có một vài vạn người, nhiều nhất là ba vạn người. Khi đánh ra Phú Xuân, hơn ba vạn quân Trịnh ở Thuận Hóa đã là một lực lượng địch rất đáng kể đối với nghĩa quân Tây Sơn. Nhưng quân đội Trịnh ở Bắc Hà còn đông hơn nhiều so với Thuận Hóa, và Bắc Hà là nơi tập trung đại bộ phận lực lượng vũ trang của các tập đoàn phong kiến Lê Trịnh.

Tiêu diệt một lực lượng vũ trang quan trọng như thế, tại ngay căn cứ của họ, nếu không có chiến lược chiến thuật thật đúng đắn sắc bén thì không thể thành công. Hình thế chiến trường Bắc Hà cũng khác với Thuận Hóa và Gia Định. Bắc Hà đất rộng, nhiều cứ điểm quân Trịnh ở sâu trong nội địa, quân đội Tây Sơn không thể vận động nhanh chóng tới được. Trước đây một lần tiến công Gia Định quân đội Tây Sơn có thể theo đường biển, tiến thẳng ngay vào trước thành Gia Định, vì thành này ở gần bờ biển. Thành Gia Định mất, là lực lượng quân Nguyễn bị tan rã ngay. Khác với thành Gia Định, Thăng Long ở vào trung tâm Bắc Hà, sâu trong nội địa, quân đội Tây Sơn không thể mở trận tiến công đầu tiên vào ngay Thăng Long. Với hình thế chiến trường Bắc Hà như vậy, không thể tiến công cùng một lúc nhiều cứ điểm như khi đánh Thuận Hóa, cũng không thể với trận đầu tiên đánh thẳng ngay vào Thăng Long, trung tâm chính trị, quân sự của Bắc Hà như những khi tiến công Gia Định.

Nếu nghĩa quân Tây Sơn tiến công Bắc Hà theo lối tiến dần từng bước, từ sông Gianh lần lượt đánh chiếm Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn Nam, v.v. thì cuộc tiến

công không thể tiến hành nhanh chóng. Mà cuộc tiến công không tiến hành được nhanh chóng thì mục đích của nó chưa chắc đã đạt được.

Muốn tiến công Bắc Hà trong những điều kiện chính trị, quân sự cụ thể của nó lúc bấy giờ, không thể áp dụng những chiến lược, chiến thuật đánh Thuận Hóa và Gia Định trước đây, mà phải có những chiến lược, chiến thuật thích hợp với hoàn cảnh Bắc Hà và cũng nhằm đạt tới mục đích đánh nhanh, thắng nhanh như những khi tiến công Gia Định, Thuận Hóa. Tiến ra Bắc Hà lúc này, đánh chậm thì không phải là chỉ có thắng chậm, mà có thể là không thắng.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của Bắc Hà như vậy, Nguyễn Huệ đã định ra chủ trương và phương hướng tiến công Bắc Hà như sau:

1. Về chính trị. Căn cứ vào tình hình chính trị của Bắc Hà lúc ấy, cần phải phân hóa kẻ thù, xác định kẻ thù chính trị trước mắt là tập đoàn thống trị họ Trịnh. Cần nêu khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh" để tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp nhân dân Bắc Hà và triệt để cô lập bọn chúa Trịnh. Đồng thời, tập hợp mọi lực lượng chống đối nhà Trịnh ở Bắc Hà, để tăng cường sức mạnh của nghĩa quân Tây Sơn, một khi đại quân của Nguyễn Huệ tiến ra thực hành quyết chiến với nhà Trịnh. Trong tình hình bị cô lập như vậy, nhà Trịnh không thể đương đầu được với sức tiến công của nghĩa quân Tây Sơn. Diệt được nhà

Trịnh, tức là giải phóng nông dân Bắc Hà khỏi một ách phong kiến thống trị nặng nề nhất, tàn bạo nhất ở Bắc Hà, xoá bỏ được sự phân chia Nam Bắc, thực

hiện thống nhất nước nhà. Như thế, nhiệm vụ tiến công Bắc Hà sẽ được hoàn thành tốt đẹp.

2. Về quân sự. Muốn thực hiện khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh", giải phóng nhân dân trong tình hình chính trị Bắc Hà phức tạp như vậy, thì về quân sự phải thực hiện chiến lược: đánh nhanh thắng nhanh. Trong điều kiện lúc ấy quân đội Tây Sơn không thể đánh thẳng vào Thăng Long, không thể cùng một lúc đánh nhiều cứ điểm quan trọng, cũng không thể đánh dần từng bước, từ Nghệ An đánh ra, mà muốn đánh nhanh thắng nhanh thì phải tiến công bất ngờ đánh chiếm lấy một vị trí xung yếu ở gần Thăng Long, làm bàn đạp đánh ra Thăng Long và cũng làm nơi thu hút đại bộ phận lực lượng địch để tiêu diệt.

Bấy giờ là mùa hè, muốn đánh bất ngờ và muốn hành quân nhanh chóng trong điều kiện gió nồm đang thuận lợi thì phải dùng thủy quân và vị trí tiến công đầu tiên phải vừa ở gần biển, vừa tiện đường tiến lên Thăng Long. Vị Hoàng, thủ phủ trấn Sơn Nam, đã được Nguyễn Huệ chọn làm mục tiêu tiến công đầu tiên. Vị Hoàng là một vị trí chiến lược quan trọng trên đường từ Bắc vào Nam, đồng thời là một kho dự trữ lương thực rất lớn, đủ bảo đảm lương thực cho mọi cuộc hành quân của chúa Trịnh, hoặc đánh vào Nam Hà, hoặc đánh phá các cuộc khởi nghĩa ở miền Nam và đông nam Bắc Hà. Vị Hoàng ở gần biển khiến thủy quân Tây Sơn có thể tiến ra đánh tập kích dễ dàng. Vị Hoàng lại tiện đường thủy bộ để nghĩa quân Tây Sơn có thể từ đây tiến nhanh lên đánh chiếm Thăng Long.

Trong khi một bộ phận quân đội Tây Sơn tiến đánh Vị Hoàng, thì một bộ phận khác sẽ lần lượt chiếm đóng Nghệ An, Thanh Hóa. Khi nghĩa quân Tây Sơn từ Vị Hoàng tiến đánh Thăng long, thì từ Vị Hoàng trở vào sông Gianh đã trở thành hậu phương an toàn của nghĩa quân, nối tiếp từ Vị Hoàng vào tới Phú Xuân, Qui Nhơn, Gia Định.

Trên cơ sở chủ trương và phương hướng tiến đánh Bắc Hà đã được vạch ra như trên, Nguyễn Huệ quyết định chia quân làm ba đạo: một đạo ở lại cùng Nguyễn Lữ [1] làm nhiệm vụ giữ Thuận Hóa, còn hai đạo tiến ra Bắc Hà.

Trong hai đạo quân này, một đạo làm nhiệm vụ tiên phong, do Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ gồm 400 thuyền chiến [2], theo đường biển tiến ra đánh chiếm Vị Hoàng, và đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy, có Vũ Văn Nhậm làm phó tướng, sẽ theo hai đường thủy bộ cùng tiến [3], riêng thủy quân gồm hơn 1.000 thuyền chiến [4]. Trong đạo quân chủ lực, có tượng binh đi cùng [5].

Nhiệm vụ chiến lược và kế hoạch tiến công đã được Nguyễn Huệ trao cụ thể cho từng đạo quân.

Đạo quân tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh có nhiệm vụ:

1. Đánh úp Vị Hoàng. Sau khi đã chiếm đóng Vị Hoàng, không mở rộng chiến

đầu mà ở lại Vị Hoàng làm nhiệm vụ chuẩn bị quân lương và thuyền bè chuyên chở để phục vụ toàn quân trong suốt cả thời gian tiến công Bắc Hà.

2. Khi tiến ra Bắc, đạo quân tiên phong sẽ cho những toán du binh nhỏ chừng vài trăm người đánh úp vào các

1 . Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, q. 30. tờ 20.

2. Thư của Le Roy viết ngày 6 tháng 12 năm 1786 trong Cadière, tài liệu đã dẫn, tr. 6.

3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học, t. XX, tr. 14.

4. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch, tr. 100.

5: Không rõ cụ thể tổng số lực lượng quân đội Tây Sơn tiến ra Bắc Hà là bao nhiêu. Chỉ thấy Việt sử thông giám cương mục và Hoàng Lê nhất thống chí ghi một câu nói của Nguyễn Huệ khi vào Thăng Long: "Ta đem mấy vạn quân ra đây chỉ đánh một trận mà dẹp yên thiên hạ..." thì có thể hiểu đại khái quân số Tây Sơn tiến ra Bắc Hà là khoảng vài ba vạn người.

đồn binh, các doanh trại quân Trịnh ở gần bờ biển, suốt dọc đường từ bờ bắc sông Gianh tới Vị Hoàng vừa tiêu hao sinh lực địch, vừa uy hiếp tinh thần địch làm cho quân tướng Trịnh ở Nghệ An, Thanh Hóa phải khiếp sợ, tạo điều kiện cho đại quân của Nguyễn Huệ tiến ra thu phục Nghệ An, Thanh Hóa được nhanh chóng.

3. Khi đã chiếm đóng Vị Hoàng, đạo quân tiền phong sẽ làm nhiệm vụ chính trị, nêu rõ khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh" [1], cho một toán quân nhỏ bí mật vào Thăng Long bảo vệ hoàng cung và trao cho vua Lê tờ mật tấu tôn phù của Nguyễn Huệ [2] để trấn tĩnh nhân tâm trong triều, một khi đại quân Tây Sơn tiến tới nơi, đồng thời tuyên truyền, vận động nhân dân Bắc Hà hưởng ứng cuộc tiến quân ra Bắc của nghĩa quân Tây Sơn [3] và tìm cách thu phục các toán nghĩa quân đang chống nhà Trịnh ở miền nam và đông nam Bắc Hà [4], định kế hoạch cùng họ phối hợp tác chiến.

Về đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy, nhiệm vụ cơ bản của nó là thực hiện bằng được mục đích của toàn bộ cuộc tiến công: tiêu diệt lực lượng vũ trang của các tập đoàn phong kiến Bắc Hà, đánh đổ nhà Trịnh, thống nhất lãnh thổ và ổn định tình hình chiếm đóng Bắc Hà, suốt từ bờ bắc sông Gianh trở ra.

Để làm tròn nhiệm vụ cơ bản đó, đạo quân chủ lực Tây Sơn sẽ theo kế hoạch tiến hành từng bước như sau:

1. Đạo quân chủ lực sẽ theo hai đường thủy bộ tiến ra Nghệ An, Thanh Hóa, củng cố những vị trí mới chiếm đóng.

1 Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr 99 Việt sử thông giám cương mục. Bản dịch đã dẫn, t XX tr. 14. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập. q. 30, tờ 21.

2, Việt sử thông giám cương mục Bản dịch đã dẫn, t. XX, tr 19.

3, 4. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 100.

2. Khi được tin của đạo quân tiên phong báo về, đạo quân chủ lực sẽ lên đường ra Bắc, cùng đạo quân tiên phong nhanh chóng đánh tan đại bộ phận quân lực của nhà Trịnh đã tiến về gần Vị Hoàng để án ngữ đường tiến lên Thăng Long của nghĩa quân Tây Sơn.

3. Sau khi đã tiêu diệt đại bộ phận sinh lực địch ở gần Vị Hoàng, đạo quân chủ lực Tây Sơn sẽ tiến gấp lên Thăng Long, đánh đổ nhà Trịnh, hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ của cuộc tiến công.

Với nhiệm vụ và kế hoạch đã trao cho, đạo quân tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh được lệnh xuất phát [1].

Theo kế hoạch đã định, dọc đường từ sông Gianh trở ra, đạo quân tiên phong Tây Sơn đã cho nhiều toán du binh lên bờ đánh phá các đồn trại quân Trịnh, dọn đường cho đạo quân chủ lực tiến lên chiếm đóng. Vốn sợ uy danh quân đội Tây Sơn, quân Trịnh ở các đồn trại này thấy bóng cờ Tây Sơn là bỏ chạy. Trước hết, đồn dinh Cầu [2] (ở phía nam Hà Tĩnh hiện nay) bị mất vào tay du binh Tây Sơn. Sau đó các tướng Trịnh trấn thủ Nghệ An, Thanh Hóa là Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thùy, nghe tin quân Tây Sơn tiến ra cũng đều bỏ thành chạy trốn.

Dọc đường tiến ra Bắc, đội quân tiên phong Nguyễn Hữu Chỉnh không gặp một cản trở gì, nên đi rất nhanh. Sáng sớm ngày 11 tháng 7 năm 1786 [3], đội quân Nguyễn

1. Chưa thấy tài liệu nào nói rõ ngày xuất phát của đạo tiên quân Tây Sơn.
 2. Thư của giám mục La Bartette, ngày 23 tháng 6 năm 1786 trong Cadière, tài liệu đã dẫn, tr. 13.
 3. Thư của giáo sĩ Le Roy ở Kẻ Vĩnh (Ninh Bình) viết ngày 6 tháng 12 năm 1786 và thư của giáo sĩ Sérard viết từ Bắc Hà ngày 31 tháng 7 năm 1786 - Ngày dương lịch 11 tháng 7 năm 1786 tức ngày âm lịch 16 tháng Sáu năm Bính Ngọ. Tài liệu của ta như Hoàng Lê nhất thống chí, chép là Nguyễn Hữu Chỉnh tới Vị Hoàng ngày 6 tháng Sáu năm Bính Ngọ, tức là sớm hơn 10 ngày. Chắc là tài liệu của ta ghi nhầm 16 ra mồng 6
-

Hữu Chỉnh gồm 400 thuyền chiến đã tới Vị Hoàng. Quân Trịnh đóng ở đây, hoảng sợ, không ngờ quân Tây Sơn tiến ra Bắc nhanh như thế, vội vàng bỏ chạy, Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân vào thành Vị Hoàng thu được hơn trăm vạn hộ thóc trong kho [1] và rất nhiều tiền bạc [2], khí giới, đạn dược. Chiếm xong Vị Hoàng, Nguyễn Hữu Chỉnh lập tức một mặt “đốt lửa hiệu” báo cho quân chủ lực của Nguyễn Huệ ở Thanh - Nghệ biết [3], một mặt cho một viên tỳ tướng cùng một toán quân nhỏ bí mật tiến vào kinh thành Thăng Long.

Các tầng lớp nhân dân nô nức tới Vị Hoàng hoan nghênh quân đội Tây Sơn.

Tình hình quân đội nhà Trịnh và tình hình Bắc Hà đều được nhân dân trình bày tường tận với quân đội Tây Sơn [4]. Chỉ trong vòng mấy ngày, hơn 100 vạn斛 thóc trong kho Vị hoàng đã được nhân dân địa phương đem ra xay giã và vận chuyển xuống các thuyền lương, chuẩn bị cho đại quân của Nguyễn Huệ tiến ra, đánh lên Thăng Long [5]. Một số thuyền buôn của người Trung quốc đậu ở bến Vị Hoàng cũng được trưng tập để vận chuyển

1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch..., tr. 100 và Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30. tờ 2l.
 2. 4, 5. Thư của Sérard ngày 31 tháng 7 năm 1786.
 3. Các sử cũ ghi Nguyễn Hữu Chỉnh đốt lửa làm hiệu để báo tin, nhưng không nói rõ cách đốt lửa báo hiệu. Dựa vào một vài câu ghi chép trong sách Description hisstorique de la Cochinchine của J. **ffler, một giáo sĩ ở Việt Nam thế kỷ XVII, chúng tôi thấy cách đốt lửa hiệu có thể như sau: Tại các đồi núi ven biển, cứ cách một nghìn bước lập một chòi thông tin, chạy nối nhau qua các địa phương ven biển. Khi một chòi đốt lửa báo hiệu, thì lần lượt cả hệ thống chòi thông tin sẽ theo nhau cùng đốt lửa. Do vậy, địa phương ở cuối hệ thống dù rất xa, cũng có thể trong thời gian ngắn nhận được báo hiệu của địa phương ở đầu hệ thống. Trong những điều kiện và phương tiện thông tin liên lạc thời xưa, cách đốt lửa báo hiệu này có thể là nhanh chóng hơn cả.
-

quân lương [1]. Những toán nghĩa quân Bắc Hà đang đánh nhau với tướng Trịnh Đình Tích Nhưỡng ở vùng Hải Dương, nghe tin quân Tây Sơn đã tới Vị

Hoàng, cũng bỏ trận địa, về Vị Hoàng gia nhập đoàn quân cách mạng Tây Sơn [2].

Đại quân của Nguyễn Huệ, tuy chưa ra tới nơi, nhưng thanh thế quân Tây Sơn ở Bắc Hà cũng đã lớn mạnh lắm kể từ khi đội quân tiên phong Nguyễn Hữu Chỉnh đánh chiếm được Vị Hoàng. Kế hoạch cho đội tiên phong Nguyễn Hữu Chỉnh đi trước, đánh lấy Vị Hoàng làm bàn đạp tiến công lên Thăng Long đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho nghĩa quân đánh chiếm Bắc Hà được mau chóng.

Khi được tin của đạo quân tiên phong từ Vị Hoàng báo về Nguyễn Huệ liền dẫn toàn quân, theo đường biển rầm rộ tiến ra Bắc, khí thế vô cùng mạnh mẽ. Gặp gió nam thổi mạnh [3], hơn 1.000 thuyền chiến Tây Sơn lướt sóng, đi “như bay”, quân kỳ Tây Sơn “đỏ rực cả mặt biển” [4]. Nhân dân Nghệ An nhìn theo đoàn thuyền chiến Tây Sơn hùng dũng xuất phát, cờ quạt rợp trời, đều tấm tắc: “Đây cũng là một việc không mấy đời đã có” [5].

Ngày 17 tháng 7 năm 1786 [6], tức 22 tháng Sáu năm Bính Ngọ, Nguyễn Huệ cùng đại quân tới Vị Hoàng. Nguyễn Huệ hạ lệnh ngay cho đội quân tiên phong và đại quân phải lập tức chuẩn bị ngày hôm sau tiếp đánh quân đội Trịnh đang tập trung ở miền Sơn Nam thượng để đối phó với nghĩa quân Tây Sơn. Vậy thì quân đội Trịnh đã tập trung như thế nào và có khả năng đối phó với nghĩa quân Tây Sơn hay không?

Sự thật thì tình hình Bắc Hà lúc ấy vô cùng rối ren, lực lượng quân sự của nhà Trịnh đã suy yếu đến cực độ và

1, 2. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch..., đã dẫn, tr. 100, 101.

3, 4, 5. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch đã dẫn, tr. 100.

6. Thư của Sêrard ngày 31 tháng 7 năm 1786, trong Cadière, đã dẫn, tr. 10.

tinh thần chiến bại trong quân đội nhà Trịnh đã bộc lộ rõ rệt hơn bao giờ hết. Quân tướng nhà Trịnh khiếp sợ quân đội Tây Sơn ngay từ khi mất Thuận Hóa.

Nguyễn Huệ tiến đánh Phú Xuân, không phải là triều đình Bắc Hà không biết. Biết, nhưng sợ, không dám động binh. Ngay từ ngày 24 tháng Năm năm Bính Ngọ [1] tức 19 tháng 6 năm 1786, triều đình Lê Trịnh đã được tin quân Tây Sơn tiến đánh tới sông Gianh [2]. Chúa Trịnh có họp quần thần lại bàn việc cử binh cứu viện và cho quân đi tăng cường phòng thủ các thành trấn duyên hải. Nhưng chúa Trịnh không cử được binh vì không tướng nào chịu đi [3]. Các tướng Trịnh cũng tự biết rằng đi đánh nhau với quân đội Tây Sơn, tức là đi vào chỗ chết, số phận mong manh như sợi tóc.

Ngày mùng 3 tháng Sáu năm Bính Ngọ [4] tức 28 tháng 6 năm 1786, triều đình Bắc Hà lại nhận được tin của trấn thần Nghệ An cho chạy trạm về cáo cấp Phú Xuân thất thủ [5]. Chúa tòi nhà Trịnh lại họp bàn lần nữa. Nhưng, xuất phát từ tinh thần chiến đấu bạc nhược đến cực độ, mọi người đều cho rằng: “Thuận

Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiền triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may, ắt họ phải lấy sự lấy đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hẳn là ta không phải lo gì nữa” [6].

1, 2, 3. Bùi Dương Lịch, Lê quý dật sử, tờ 23.

4, 5. Bùi Dương Lịch, Tài liệu đã dẫn, tờ 24.

6. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 100 - 101.

Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch, t. XX, tr. 14.

Thế là chúa tôi nhà Trịnh, ai nấy đều yên lòng làm theo lời bàn ấy. Trịnh Khải hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm thống tướng, đem quân lính 27 cơ vào ngay Nghệ An, giữ lấy đầu địa giới, đề phòng Tây Sơn tiến quân ra [1]. Nhưng hơn 10 ngày sau khi nhận được lệnh, Trịnh Tự Quyền vẫn không thể chuẩn bị xuất quân được, vì quân lính chần chừ không muốn đi, và không tin ở khả năng chỉ huy chiến đấu của Trịnh Tự Quyền, quân lính đòi thay người khác làm thống tướng [2]. Tới khi Trịnh Tự Quyền xuất quân được thì quân vừa ra khỏi thành Thăng Long 30 dặm [3] tức mới đi được khoảng nửa ngày đường [4], triều đình Thăng Long đã được tin quân tiền phong Tây Sơn chiếm đóng Vị Hoàng. Trịnh Khải vội hạ lệnh cấp tốc cho Trịnh Tự Quyền đưa quân xuống chống giữ ở miền Kim Động (thuộc Hải Hưng), một mặt phi sứ cho Đỗ Thế Dận, trấn thủ Sơn Nam, lập tức đem bộ binh tiến đóng ở bờ sông Phù Xa (một khúc hạ

lưu sông Hồng, thuộc địa phận thôn Phù Xá, huyện Khoái Châu. tỉnh Hải Hưng) và Đinh Tích Nhưỡng, đốc lãnh các quân thủy đạo, đang hành quân tại vùng Hải Dương, phải lập tức đưa toàn bộ thủy quân về giữ sông cửa Luộc. Ba đạo quân này phải phối hợp chiến đấu để ngăn chặn bước tiến của nghĩa quân Tây Sơn và đây cũng là toàn bộ quân chủ lực của Bắc Hà để đối phó với Tây Sơn.

Nhưng những đạo quân chủ lực ấy của chúa Trịnh không đủ sức đương đầu với sức tiến ồ ạt như vũ bão của quân đội Tây Sơn.

Ngày 17 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Huệ tới Vị Hoàng, lập tức ngày 18 tháng 7 năm 1786 [5], Nguyễn Huệ xuất quân, tiến lên phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam thượng và là nơi tập

=====

- 1, 2, 3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch, t. XX, tr. 14.
4. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 101.
5. Thư của Sérard ngày 31 tháng 7 năm 1786 và thư của Le Roy ngày 6 tháng 12 năm 1786.

=====

trong các đạo quân chủ lực của nhà Trịnh. Chiều ngày 18, thuyền chiến Tây Sơn tiến vào trung tâm trận địa của quân Trịnh. Đinh Tích Nhưỡng đem thuyền chiến chặn ngang sông, dàn thành thế trận hình chữ “nhất” để chống nhau với quân Tây Sơn. Đỗ Thế Dân dàn bộ binh ra hai bên bờ sông, để đánh vào hai

bên sườn thủy quân Tây Sơn [1].

Khoảng 6 giờ tối [2], cuộc chiến đấu bắt đầu.

Lúc ấy gió đông nam đang thổi mạnh, Nguyễn Huệ cho năm thuyền chiến lớn, giương buồm thuận gió xung phong lên trước, đại quân từ từ tiến theo sau. Đinh Tích Nhưỡng hạ lệnh cho quân lính tập trung hỏa lực bắn tan đoàn thuyền chiến xung phong của Tây Sơn. Đạn súng và tên nổ ở thuyền chiến quân Trịnh bắn ra như mưa. Một chiến thuyền xung phong của Tây Sơn bị bắn đắm. Nhưng các thuyền chiến khác vẫn theo chiều gió nối nhau ào ạt tiến lên. Tên, đạn của quân Trịnh bắn ra tới tấp nhưng không sao cản được. Quân Trịnh vô cùng hoảng sợ. Khi những thuyền chiến lớn ấy tới gần, quân Trịnh mới biết là thuyền không người, chân sào trên thuyền chỉ là những bù nhìn. Nhưng khi ấy, tên đạn của quân Đinh Tích Nhưỡng đã kiệt và đại đội thuyền chiến Tây Sơn cũng đã tiến sát thuyền chiến quân Đinh Tích Nhưỡng. Quân Tây Sơn vừa đánh trống vừa hò reo xung phong “thanh thế kinh thiên động địa” [3]. Thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng kêu la thảm thiết, tranh nhau bỏ thuyền mà chạy [4]. Từ dưới thuyền chiến, quân Tây Sơn bắn đại bác lớn lên hai bên bờ sông, tiếng súng đại bác nổ như sấm [5], cây cỏ thụ trên bờ sông bị đạn đại bác

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 102.

2. Thư của Sérard ngày 31 tháng 7 năm 1786.

3, 4. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX, tr. 15.

5. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 102.

làm đổ gãy [1]. Thấy đại bác của Tây Sơn bắn lên, quân Đỗ Thế Dận ở trên bờ khiếp sợ không dám đánh trả lại. Đánh tan thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng, nghĩa quân Tây Sơn thừa thắng kéo lên bờ, xông thẳng vào trận địa Đỗ Thế Dận, dùng hỏa hổ tung lửa đốt phá lan tràn. Bộ binh của Đỗ Thế Dận hoảng sợ, bỏ chạy hết. Chủ tướng Đỗ Thế Dận và viên đốc đồng Nguyễn Huy Bình cũng bỏ mặc quân lính, chạy thoát lấy thân. Từ phía Kim Động, 27 cơ binh của Trịnh Tự Quyền nghe thấy tiếng súng trận trên sông cửa Luộc cũng vội vàng chạy trốn, không đánh mà tan.

Như thế là các đạo quân chủ lực của chúa Trịnh đã hoàn toàn tan rã. Cuộc chiến đấu chỉ diễn ra trong một đêm [2] kết thúc vào lúc rạng sáng ngày 24 tháng Sáu năm Bính Ngọ [3] tức 19 tháng 7 năm 1786 [4]. Nguyễn Huệ cùng đoàn quân chiến thắng ngay sáng hôm ấy, rầm bộ tiến vào phố Hiến, thủ phủ của trấn Sơn Nam thượng.

Tin thua trận tới tập đưa về Thăng Long, triều đình hoảng sợ, văn võ triều thần cuống quýt lo cất giấu của cải, đưa vợ con chạy trốn, không một ai dám đứng ra nhận lấy trách nhiệm chống nhau với quân Tây Sơn.

Chúa Trịnh đang rất lúng túng lại thấy tể tướng Bùi Huy Bích không có một mưu kế, sách lược nào để đối phó với tình hình, liền bãi chức tể tướng của Bùi Huy Bích và

-
1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 102.
 2. Giáo sĩ Sérard có mặt ở Bắc Hà trong lúc này, hiểu rất rõ sự yếu hèn của quân tướng nhà Trịnh, nên trong thư viết về Pháp ngày 31 tháng 7 năm 1786 đã cho rằng: các tướng Trịnh có ý mở cuộc chiến đấu với Tây Sơn vào buổi tối để phòng khi thua trận thì trong đêm tối chạy trốn được dễ dàng.
 3. Bùi Dương Lịch, Lê quý dật sử, tờ 24.
 4. Thư của giáo sĩ Le Roy ngày 6 tháng 12 năm 1786.
-

bắt ra trận đốc chiến [1]. Thấy Bùi Huy Bích, một văn thần phải ra trận đốc chiến, lòng người càng mất tin tưởng. Cả kinh thành xao xuyến, náo động. Cựu tham tụng Nguyễn Lê từ Nghệ An về triều hiến kế:

“Nên rút ra khỏi kinh thành, đưa vua Lê lên Sơn Tây, không chế miền thượng du để tính việc đối phó về sau. ở khúc sông bên bãi Tự nhiên [2], nên giăng những bè nổi trên mặt nước để chặn thuyền chiến địch. Hai bên bờ sông đặt nhiều đồn bộ binh để đánh đột kích. Chiêu dụ bọn thủy phi, cho quan tước để họ đánh tập hậu thủy quân Tây Sơn. Giặc lấy danh nghĩa “tôn phò” mà tới, nhưng không thấy vua Lê sẽ tiến thoái đều bất lợi. Chiến trận kéo dài, lương hết, giặc sẽ không thể ở lại lâu được. Khi ấy, báo cho hào mục Thanh Nghệ đánh chặn đường về của giặc thì giặc sẽ đại bại. Nhược bằng nay cứ giao chiến với giặc thì kiên binh không thể dùng được, nhất định sẽ thất bại, việc nước sẽ hỏng” [3].

Kế hoạch của Nguyễn Lê , nếu được thực hiện, dù không thể chiến thắng quân đội Tây Sơn, cũng có thể gây khó khăn cho chiến lược tốc chiến tốc thắng của Nguyễn Huệ. Nhưng kế ấy đã bị quân tướng nhà Trịnh phản đối kịch liệt. Bọn tôi chúa nhà Trịnh tuy sợ chết trong tay quân Tây Sơn, nhưng lại sợ gian khổ khi phải chạy ra khỏi kinh thành, nên ngần ngại không muốn theo mưu kế của Nguyễn Lê. Lính tam phủ - tức kiêu binh - vốn ghét Nguyễn Lê, đã có lần làm binh biến đánh đổ ngôi tể tướng của Nguyễn Lê (năm 1784) lại càng phản đối Nguyễn Lê dữ dội. Nguyễn Lê phải chạy lên Sơn Tây.

1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 102.
 2. Bãi Tự Nhiên trên sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, Hà Đông, giáp địa phận Hưng Yên.
 3. Nguyễn Thu, Lê quý dật sử, Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, ký hiệu H.V. 108, tờ 8.
-

chúa Trịnh lại một lần nữa cùng triều thần bàn kế đối phó với nghĩa quân Tây Sơn. Trần Công Xán [1] hiến kế:

“Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dủ cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết, đó là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rồi bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên

xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi” [2].

Ý kiến của Trần Công Xán chứng tỏ y không hiểu biết binh pháp là gì, không biết mình, biết người, không biết sức mạnh của quân đội Tây Sơn như thế nào. Tuy vậy, ý kiến ấy, đã làm vừa lòng chúa Trịnh. Nhưng lấy ai là người đứng ra bảo vệ kinh thành, đứng ra “đánh một trận mà tiêu diệt hết địch” như ý kiến Trần Công Xán. Trịnh Khải đành phải tìm đến những viên tướng già còn lại và lập tức sai người lên Sơn Tây gọi lão tướng Hoàng Phùng Cơ về triều cứu chúa.

Hoàng Phùng Cơ lúc ấy chỉ có vền vẹn 500 quân. Trịnh Khải phải bỏ ra năm nghìn lạng bạc để Hoàng Phùng Cơ mộ thêm quân và trong một ngày mộ được hơn một nghìn lính cũ. Nhưng mặc dầu có thêm quân, bọn chúa tôi nhà Trịnh không một ai dám nghĩ đến việc xuất quân đón đánh quân đội Tây Sơn, mà chỉ nghĩ đến việc phòng thủ Thăng Long, ngồi chờ cho Tây Sơn đến đánh.

Trịnh Khải và các tướng lĩnh bố trí kế hoạch phòng thủ Thăng Long như sau:

- Cho đội thủy quân Tứ Thị, là đội thủy quân duy nhất còn lại ở kinh thành, tới dàn thuyền chiến ở bên sông Thúy

=====

1. Cũng có tên là Trần Công Thước.

2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch, tr. 103

Ái [1] để chặn giữ thủy quân Tây Sơn. Hai viên tiểu tướng già là Ngô

Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên được cắt cử ra quản lĩnh đội thủy quân này.

- Cho đội bộ binh do Hoàng Phùng Cơ chỉ huy tới hồ Vạn Xuân [2] để đối phó với bộ binh Tây Sơn, và khi cần thiết thì tiếp viện cho thủy quân ở bến Thuy Ái.

- Còn Trịnh Khải thì ngay từ ngày 25 tháng Sáu âm lịch [3] tức ngày 20 tháng 7 năm 1786, thân đốc xuất hết thủy bộ binh còn lại trong kinh thành và một đội tượng binh gồm hơn 100 con voi chiến [4] ra quảng trường lầu Ngũ

=====

1. Bến Thuy Ái là một bến sông Hồng, nay thuộc thôn Thuy Lĩnh, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

2. Từ xưa, các sách sử đều chú thích hồ Vạn Xuân là đầm Vạn Phúc, ở thôn Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, gần đây, có những công trình điều tra nghiên cứu tại chỗ đã xác định lại vị trí của hồ Vạn Xuân không phải là đầm Vạn Phúc ở thôn Vạn Phúc mà chính là hồ Vạn Xuân thuộc địa phận thôn Thanh Trì và thôn Vĩnhh Tuy đoàn, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội hiện nay. Hồ Vạn Xuân, sau này tiếng xuân đọc trệch thành xoan, nên cũng gọi là hồ Vạn Xoan. Xưa kia hồ rộng khoảng 10 - 50 mẫu, hiện nay còn lại một phần hồ và vẫn mang tên là hồ Vạn Xoan. Chúng tôi tán thành kết quả điều tra nghiên cứu này, xác định vị trí hồ Vạn Xuân như thế là đúng. Phát hiện mới này giúp chúng ta hiểu được chính xác hai vấn đề lịch sử:

1) Đường tiến quân của Nguyễn Huệ ra Thăng long: đánh quân Trịnh ở bên Thuy Ái rồi tiến lên đánh quân Trịnh ở hồ Vạn Xuân, như thế là hợp lý.

2) Khu vực hồ Vạn Xuân chính là nơi Lý Nam Đế ở thế kỷ thứ VI đã lập đài

Vạn Xuân, định đô Vạn Xuân và nhân đó lấy tên nước là Vạn Xuân. Đây là những điều mà từ trước các sử sách không xác định được. (Xem thêm bài nghiên cứu của Vũ Tuấn Sán: Về hai cuộc hành quân của Nguyễn Huệ ra Thăng Long, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 119, tháng 2-1969, tr. 14 - 15).

3. Bùi Dương Lịch, Lê quý dật sử, tờ 26.

4. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của viện Sử học. t. XX. tr. 17.

=====

=====

Long [1] bày thành trận thế để chống giữ kinh thành. Quân của Trịnh Khải chia làm năm đạo: đạo Tả bộ giữ mặt Đông Long, đạo Hữu bộ giữ mặt Tây Hồ, đạo Tiền bộ giữ mặt cửa thành Tiền lâu, đạo Hậu bộ giữ mặt Hậu lâu cạnh bờ hồ Thủy quân [2], đạo trung quân gồm hai hiệu lính Nhưng, Kiêu [3] và đội tượng binh đóng ngay tại quảng trường sau Ngũ Long để bảo vệ Trịnh Khải.

Kế hoạch bố trí có vẻ chu đáo như vậy, nhưng tinh thần chiến đấu của quân tướng nhà Trịnh rất uể oải, quân luật rất lỏng lẻo. Đạo quân tiền tiêu của nhà Trịnh là những đội thủy quân đóng ở bến Thủy Ái thì lại chủ quan cho rằng quân đội Tây Sơn còn lâu mới tiến tới nơi, nên thường cột thuyền vào bến, lên bờ đi chơi tản mát.

Không ngờ rằng Nguyễn Huệ hạ xong phố Hiến, trấn thành Sơn Nam, liền tiến quân ngay. Đang mùa hè, gió đông nam thổi mạnh, đại đội thuyền chiến Tây Sơn giương buồm thẳng tiến như bay lên phía kinh thành Thăng Long. Sáng

ngày 26 tháng Sáu âm lịch, tức ngày 21 tháng 7 năm

1. Ngũ Long là một lầu cao chừng 300 thước cổ, xây dựng khoảng thế kỷ XVIII, bên cạnh hồ Hoàn Kiếm. Lầu mang hình năm con rồng, dát bằng mảnh sứ và đá cẩm thạch. Chung quanh lầu là một quảng trường rộng lớn và có nhiều dinh thự to. Chúa Trịnh đã từng lấy quảng trường ấy làm chỗ thi hương cho hàng ngàn cống sĩ. Quân Tây Sơn tiến ra Bắc lần này, sau khi vào Thăng Long, lật đổ nhà Trịnh thì Nguyễn Huệ đóng quân trong phủ chúa Trịnh. Vũ Văn Nhậm đóng quân phía trước lầu Ngũ Long và Nguyễn Hữu Chỉnh đóng quân phía sau lầu Ngũ Long (Hoàng Lê nhất thống chí). Nền cũ của lầu Ngũ Long là khoảng khu vực Sở bưu điện Hà Nội và vườn hoa Chí Linh ngày nay (Lịch sử thủ đô Hà Nội, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 61, 77, 82).
 2. Hồ Thủy quân khi xưa ở phía dưới hồ Hoàn Kiếm.
 3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 105.
-

1786, thủy quân Tây Sơn tới bến Nam Dư [1]. Nguyễn Huệ cho một cánh quân đổ bộ lên bến Nam Dư [2], vòng lên đánh úp thủy quân Trịnh ở bến Thúy Ái. Khi cánh quân Tây Sơn này tới nơi, quân Trịnh ở bến Thúy Ái vẫn còn đi chơi tản mát trên bờ. Quân Tây Sơn một mặt nhảy xuống chiếm giữ hết các thuyền chiến của quân Trịnh, một mặt đánh bắt thủy binh Trịnh ở trên bờ. Bên Trịnh chỉ có hai

1. Bến Nam Dư ở xã Nam Dư, nay thuộc xã Trần Phú, huyện Thanh Trì. Bến Nam Dư ở phía dưới bến Thúy Ái.

2. Chúng tôi trình bày thủy quân Tây Sơn đổ bộ lên bến Nam Dư là theo Hoàng Lê nhất thống chí vì trong các sách sử cũ thì Hoàng Lê nhất thống chí viết về các trận đánh từ bến Nam Dư lên Thăng Long là tương đối chi tiết hơn cả, tuy nhiên cũng không cụ thể rõ ràng lắm. Trong Hoàng Lê nhất thống chí chỉ nói thủy quân Tây Sơn tới bến Nam Dư thì bỏ thuyền lên bộ. ở đây chúng tôi trình bày một cánh quân đổ bộ lên bến Nam Dư, còn đại đội thủy quân Tây Sơn tiến thẳng lên bến Tây Long vì mấy lý do sau đây:

1) Chỉ để đánh một "đám lính thủy ở cửa Thúy Ái" như Hoàng Lê nhất thống chí đã ghi, và đánh hơn một nghìn quân của Hoàng Phùng Cơ ở hồ Vạn Xuân, thì không thể cho hết thủy mấy vạn quân đổ bộ lên bờ để đánh vì không cần thiết.

2) Trình bày như thế phù hợp với cách đánh của nghĩa quân Tây Sơn. Mỗi khi mở cuộc tiến công, đại quân Tây Sơn thường tiến thẳng nhằm mục tiêu chính mà đánh, chỉ cho những toán quân nhỏ, thường gọi là "du binh" làm nhiệm vụ đánh úp các vị trí nhỏ và căn cứ không quan trọng của địch ở dọc đường mà thôi. Cách đánh này rất thích hợp với chiến trường Thăng Long, từ Thúy Ái tới bến Tây Long. Một toán thủy quân đổ bộ lên đánh Thúy Ái và Vạn Xuân, còn đại bộ phận thủy quân vẫn tiếp tục đường sông tiến lên, nên Hoàng Lê nhất thống chí mới ghi là "Thủy quân tiến thẳng lên bến Tây Long". Theo cách ghi chép của Hoàng Lê nhất thống chí thì khi cánh quân đã đổ bộ lên bờ, đánh nhau ở trên bộ, tại Thúy Ái, Vạn Xuân, sách này chỉ ghi là quân Tây Sơn hay quân địch, không ghi là thủy quân. Còn quân Tây Sơn tiến lên Tây Long, thì

sách này ghi cụ thể là thủy quân, có nghĩa là bộ phận quân này vẫn đi đường sông, vẫn ở trên thuyền chiến chứ không phải là đi trên bộ, đánh trên bộ.

3) Nếu trình bày tất cả mấy vạn quân Tây Sơn đều đổ bộ lên bến Nam Dư, để đánh Thúy Ái, đánh Vạn Xuân, rồi theo đường bộ tiến lên đánh bến Tây Long, thì việc đổ bộ mấy vạn quân để đánh mấy nghìn quân Trịnh ở Thúy ái, Vạn Xuân là không cần thiết. Mà bỏ lại nghìn rưởi thuyền chiến (đội quân chủ lực của Nguyễn Huệ gồm hơn 1.000 chiếc, đội tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh gồm trên 400 chiếc, chưa kể hàng trăm thuyền lương đem từ Vị Hoàng lên) từ bến Nam Dư trở xuống, không dùng đến, để đi bộ hàng chục ki-lô-mét lên đánh bến Tây Long lại cũng không hợp lý. Nếu để cho mấy vạn quân ấy đánh xong Thúy ái, Vạn Xuân rồi lại lục tục xuống thuyền để tiến lên bến Tây Long thì tốn công, tốn sức và mất nhiều thời gian quá. Cách tiến quân, điều quân để chiến đấu như thế, vừa không hợp lý, vừa trái với phép dùng binh sở trường và nổi tiếng của Nguyễn Huệ là đi nhanh, đánh nhanh, thắng nhanh.

viên tướng Ngô Cảnh Hoàn [1] và Nguyễn Trọng Yên là còn ở dưới thuyền. Khi thấy quân Tây Sơn áp tới. Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yên vội cầm siêu đao ra đứng ở mũi thuyền để chống cự, nhưng đều bị quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn chết ngay.

Tiêu diệt xong đạo thủy quân Trịnh ở bên Thúy ái, cánh quân Tây Sơn này tiến ngay lên phía hồ Vạn Xuân, tập kích quân Hoàng Phùng Cơ. Quân Hoàng

Phùng Cơ đang ăn cơm bị đánh bất ngờ, bỏ cả khí giới mà chạy. Quân Tây Sơn chia làm hai toán từ hai phía đánh ép lại, quân Hoàng Phùng Cơ không sao trốn thoát, thầy chết ngón ngang khắp trận địa. Quân của Hoàng Phùng Cơ nhảy cả xuống hồ Vạn Xuân, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Một thuộc tướng của Hoàng Phùng Cơ là Mai Thế Pháp cố sức chống cự bị quân Tây Sơn đánh dồn ra tới tận bờ sông Nhị. Thế cùng, Mai Thế Pháp phải nhảy xuống sông mà chết. Hơn một nghìn năm trăm quân [2] của Hoàng Phùng Cơ chỉ còn sống sót vài chục tên, cùng

1. Ngô Cảnh Hoàn khi ấy đã ngoài 70 tuổi.
2. 500 quân của Hoàng Phùng Cơ đem từ Sơn Tây về và quân mới mộ được hơn 1.000 người.

với chủ tướng Hoàng Phùng Cơ và tám người con của Hoàng Phùng Cơ cố sức chống đỡ. Nhưng 6 người con Hoàng Phùng Cơ và mấy chục tên lính đều chết trận ngay, Hoàng Phùng Cơ phải nhảy khỏi mình voi xuống đất, cùng hai người con sống sót, cố sức cướp lấy đường chạy thoát thân.

Trong khi cánh quân Tây Sơn chiến đấu thắng lợi ở bến Thuý ái và hồ Vạn Xuân thì đại đội thuyền chiến Tây Sơn vẫn tiến lên phía trước kinh thành Thăng Long, đổ bộ lên bến Tây Long (hoặc Tây Luông) [1], đánh thẳng vào trận địa của quân Trịnh Khải ở chung quanh lâu Ngũ Long.

1. Nhiều tài liệu gần đây viết về trận đánh Thăng Long của Nguyễn Huệ

thường chú thích bến Tây Long ở phía phố Nguyễn Trung Trực bây giờ, tức ở phía bắc Hà Nội. Chúng tôi thấy rằng phủ chúa Trịnh ở phía nam Hà Nội, sát hồ Hoàn Kiếm. Trịnh Khải bày trận ở lầu Ngũ Long, cạnh hồ Hoàn Kiếm, mà quân Tây Sơn lại tiến lên tận phía bắc, bên trên cầu Long Biên bây giờ rồi mới đánh xuống thì không hợp lý. Bến Tây Long phải là một bến ở gần lầu Ngũ Long nhất, thuận tiện cho việc đổ bộ đánh thẳng bản doanh của Trịnh Khải. ở thế kỷ XVIII, tại Thăng Long có cửa ô Tây Long và bến Tây Long. Cửa ô Tây Long ở gần bến sông, có thể là gần bến sông Tây Long, cho nên cả cửa ô và bến sông đều mang một tên Tây Long. Đêm 17 tháng Tám Bính Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ từ Thăng Long rút quân về Nam, sáng hôm sau, Nguyễn Hữu Chỉnh được tin ra cửa ô Tây Long xuống bến sông, xuôi thuyền chạy theo.

Bản đồ Hà Nội vẽ năm 1831, tức 45 năm sau khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc còn ghi cửa ô Tây Long ở khoảng đầu phố Tràng Tiền ngày nay, phía quảng trường nhà hát thành phố Hà Nội. Phạm Đình Hổ trong Vũ trung tùy bút ghi rằng: “... những phường Thái Cực, Đông Hà, Đông Các, nhà ở hai dãy phố xen liền mãi cho đến vịnh Hàng Mắm, vịnh Hàng è, bến Tây Long và đều thành ra phố phường đô hội cả”. Theo cái trình tự đó thì bến Tây Long phải là ở phía đông nam thành Thăng Long, dưới Hàng Mắm, Hàng Bè, không thể ở phía bắc. Như vậy bến Tây Long có thể là ở cửa ô Tây Long đi ra, khoảng phía trước Bảo tàng lịch sử và bãi Phúc Tân bây giờ (xem thêm Vũ trung tùy bút, Bản dịch của nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội. 1960, tr. 20 và Lịch sử thủ đô Hà Nội, tr. 64)

Nghĩa quân Tây Sơn từ bến Tây Long ào ạt tiến vào. Quân tiên bộ của Trịnh nổ súng bắn ra. Quân Tây Sơn khom mình vừa tránh đạn vừa xung phong, tiến sát lầu Ngũ Long, bản doanh của Trịnh Khải [1]. Trịnh Khải phải thân tự lên mình voi trực tiếp chỉ huy chiến đấu. Nhưng mặc dầu Trịnh Khải hạ lệnh phản kích, quân sĩ Trịnh chỉ “nhìn nhau không dám tiến” [2]. Trong khi ấy, quân Tây Sơn ào ạt tiến vào chém giết và dùng hỏa hổ tung lửa hừng hực vào hàng ngũ quân Trịnh. Quân Trịnh hoàn toàn tan vỡ, vứt cả khí giới mà chạy lấy thân. Một toán tiên quân Tây Sơn, chừng vài chục người tiến thẳng vào chiếm đóng phủ chúa Trịnh. Trịnh Khải thấy bên mình chỉ còn hơn 100 con voi chiến, đành phải trút bỏ nhung phục “tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi” [3] rồi co đầu voi để chạy trốn về phủ, nhưng tới gần thì đã thấy cờ đỏ Tây Sơn phấp phới bay ngoài cửa phủ, Trịnh Khải vội chạy trốn theo đường đi Sơn Tây.

Trong khi đại quân Tây Sơn tiến đánh lầu Ngũ Long thì toán quân của viên ty tướng Tây Sơn bí mật vào thành từ trước cũng chiếm giữ hoàng thành và trao mật tấu “tôn phù” của Nguyễn Huệ cho vua Lê.

Như thế là quân Tây Sơn đã làm chủ kinh thành Thăng Long và ngay ngày hôm ấy, 26 tháng Sáu năm Bính Ngọ,

1. Hoàng Lê nhất thống chí và Lê quý kỷ sự đều nói Trịnh Khải ngụ ở lầu Ngũ

Long để bày trận. Duy sách Việt sử thông giám cương mục không nói tới lầu Ngũ Long mà chỉ nói Trịnh Khải bày trận ở bến Tây Long. Những tài liệu này không mâu thuẫn nhau. Sự thật thì khu vực Ngũ Long lâu là ở gần sát bến Tây Long. Có thể là Trịnh Khải đã bày trận từ bên Tây Long vào tới lầu Ngũ Long và Trịnh Khải đóng bản doanh, tức chỉ huy sở, tại lầu Ngũ Long.

2. Việt sử thông giám cương mục, bản dịch. t. XX. tr. 17.

3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 106.

(25VVV)

=====

tức ngày 21 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Huệ và đại quân tiến vào Thăng Long, đóng tại phủ chúa Trịnh.

Cuộc tiến công Bắc Hà tới đây đã kết thúc rất vẻ vang. Chỉ trong vòng 10 ngày, kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Hữu Chỉnh đánh Vị Hoàng đến ngày 21 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Huệ tiến vào Thăng Long, nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy thiên tài của Nguyễn Huệ đã mau chóng lật đổ tập đoàn phong kiến họ Trịnh thống trị Bắc Hà từ 300 năm và chính quyền Bắc Hà từ sông Gianh trở ra đã thuộc về nghĩa quân Tây Sơn.

Sau khi vào thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lập tức cho thi hành những biện pháp an ninh, nghiêm cấm quân sĩ không được làm phiền nhiễu dân, không được máy may xâm phạm đến tài sản của dân [1], đồng thời cho lấy vàng bạc châu báu trong kho chúa Trịnh đem phát thưởng cho hết thủy tướng lĩnh, binh

lính [2] và cho phép toàn quân nghỉ ngơi lại sức.

Đối với triều đình Bắc Hà, sáng sớm ngày hôm sau 22 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Huệ vào triều yết kiến vua Lê và cho người đi mời các triều thần văn võ nhà Lê trở lại triều đình làm việc. Đối với nhân dân Bắc Hà, ngay từ lúc vào thành, Nguyễn Huệ đã hạ lệnh chiêu an [3]. Kinh thành Thăng Long trong những ngày cuối cùng của chế độ nhà Trịnh đã lâm vào tình trạng hỗn loạn trầm trọng, cho nên việc lập lại trật tự ở kinh thành cũng như ở các địa phương là vô cùng khẩn cấp. Trong công việc này, nghĩa quân Tây Sơn được nhân dân Bắc Hà hưởng ứng

=====

1. Ngô gia văn phái. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 106.
- 2, 3. Lê sử bổ, Sách chữ Hán, Bản viết tay của Viện Sử học, ký hiệu H.V. 41, tờ 221.

=====

nhật liệt. Kỷ luật của quân đội Tây Sơn lại rất nghiêm minh, nhân dân càng tin tưởng và hết sức giúp đỡ quân đội. Nhân dân đã phối hợp chặt chẽ với quân đội chiến thắng để lòng bắt trộm cướp, côn đồ. Giáo sĩ Lơ Roa (Le Roy) giảng đạo ở Bắc Hà lúc ấy đã viết trong thư ngày 6 tháng 12 năm 1786 rằng: "Vì trong nước hỗn loạn, khắp nơi đều có giết người, đốt nhà, cướp của, nên giặc Quảng [1] sai quân lính đi chỗ này chỗ khác truy nã côn đồ. Những quân Đàng trong ấy thi hành công lý rất gắt gao. Chỉ báo với họ một lời là không cần thủ

tục dài dòng họ chặt đầu ngay bọn trộm cướp hoặc những kẻ bị cáo những tội trạng tương tự. Đâu đâu người ta cũng hoan hô sự công bằng và vô tư của họ; vì họ không cướp của ai mà chỉ chặt đầu trộm cướp" [2].

Giáo sĩ Xê-ra (Sérard) trong thư ngày 4 tháng 7 năm 1789, ở đoạn tái bút, cũng viết: "Tái bút. Ngày 7 tháng 8. Thời thế đổi thay. Bọn trộm cướp có thời của chúng thì nhân dân cũng có thời của họ. Người ta săn bắt trộm cướp rất hăng hái. Hôm qua người ta đã chặt đầu mười một tên cướp tại đây; bốn hôm trước, người ta cũng đã đánh chết hoặc cắt đầu một tên khác. Những ông quan mới của chúng tôi [3] hành động rất nhanh gọn, không cần xét hỏi lời thôi gi; khi có một số chứng tá cáo giác một người nào thì dù bạc, tiền, cầu khăn, cũng không thể cản được bàn tay của họ ..." [4].

-
1. Chỉ quân đội Tây Sơn.
 2. Cadière, Documents relatifs à Pépoque de Gia Long, B.E.F.E.O., n0 7, 1912, p. 8.
 3. Chỉ các tướng sĩ Tây Sơn.
 4. Cadière, Tài liệu đã dẫn, tr. 11.

Chính nhờ những hành động tích cực và vô tư ấy của quân đội Tây Sơn, trật tự an ninh ở Bắc Hà đã được lập lại rất nhanh chóng.

Mấy ngày sau khi nghĩa quân Tây Sơn hạ thành Thăng Long, Trịnh Khải cũng bị nhân dân bắt giải đưa về nộp quân Tây Sơn. Dọc đường, Trịnh Khải tự tử

chết. Nguyễn Huệ cho làm lễ an táng rất trọng thể theo như nghi thức các vua chúa mất.

Chỉ trong vòng mười ngày sau khi nghĩa quân cầm quyền thay họ Trịnh, tình hình Bắc Hà, từ trong triều đến ngoài trấn đều ổn định. Một đời sống vui vẻ, phấn khởi tràn đầy miền Bắc. Trong không khí tung bừng ấy, ngày 7 tháng Bảy năm Bính Ngọ tức ngày 31 tháng 7 năm 1786, Nguyễn Huệ cùng các tướng sĩ Tây Sơn và các quan văn võ Bắc Hà vào triều chúc mừng vua Lê Hiển Tông.

Ngày 1 tháng 8 năm 1786, vua Lê Hiển Tông sắc phong Nguyễn Huệ làm "Nguyên soái phù chính dực vũ, Uy quốc công". Như thế là binh quyền và chính quyền Bắc Hà hoàn toàn trong tay Nguyễn Huệ, người lãnh tụ kiệt xuất của phong trào nông dân Tây Sơn.

Ngày 11 tháng Bảy âm lịch tức ngày 4 tháng 8 năm 1786, Nguyễn Huệ làm lễ cưới công chúa Ngọc Hân, con gái yêu của vua Lê Hiển Tông.

Vua Lê Hiển Tông đã già và bị bệnh lâu ngày nên đến 17 tháng Bảy năm Bính Ngọ tức ngày 10 tháng 8 năm 1786, thì mất. Quyền bính Bắc Hà vẫn trong tay Nguyễn Huệ, người lãnh tụ nông dân Tây Sơn, nhưng giữ đúng chủ trương "tôn phù nhà Lê" Nguyễn Huệ lập cháu Lê Hiển Tông là Lê Duy Kỳ lên làm vua, tức là Lê Chiêu Thống.

Tình hình Bắc Hà tới đây là hoàn toàn ổn định. Từ ngày Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long cho đến khi Lê Chiêu Thống lên ngôi, mọi việc lập lại trật tự an ninh trong dân chúng và sắp xếp lại việc triều chính đều do Nguyễn Huệ quyết định. Quyền chính ở Bắc Hà thật sự ở trong tay Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn.

Kể từ ngày đầu năm 1785, Nguyễn Huệ đánh tan liên quân Xiêm - Nguyễn, buộc bọn Nguyễn ánh phải chạy sang Xiêm ẩn náu một cách tuyệt vọng, cho đến ngày Nguyễn Huệ hạ thành Thăng Long giữa năm 1786, toàn lãnh thổ Việt Nam từ Hà Tiên, Rạch Giá ở phía cực nam đến miền biên giới Việt - Trung ở phía cực bắc đã hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn. Với những chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, chiến thắng Phú Xuân, chiến thắng Thăng Long, Nguyễn Huệ đã lật đổ mọi tập đoàn phong kiến thống trị đương thời. Nguyễn Huệ đã vĩnh viễn xóa bỏ ranh giới phân chia Nam Bắc mà các tập đoàn phong kiến Mạc, Lê, Trịnh, Nguyễn dựng nên từ 300 năm trước đó. Với những chiến thắng oanh liệt ấy, Nguyễn Huệ đã thật sự lập lại nền thống nhất cho nước nhà ở cuối thế kỷ XVIII. Một trong những công lao vĩ đại của Nguyễn Huệ đối với dân tộc, với Tổ quốc, chính là sự nghiệp thống nhất đất nước. Một điều đáng chú ý nữa là sự thống nhất nước nhà ở cuối thế kỷ XVIII có một tầm quan trọng hơn hẳn sự thống nhất nước nhà ở thời Lê Thánh Tông, Lê Lợi và các thời trước.

Từ thời Lê Thánh Tông trở về trước, sự thống nhất đất nước thể hiện trên một phạm vi lãnh thổ từ Thuận Hóa trở ra Bắc. Nhưng ở thời Nguyễn Huệ, sự

thống nhất ấy thể hiện trên một phạm vi rộng rãi hơn nhiều, suốt từ Hà Tiên, Rạch Giá trở ra Bắc. Chính vì thế mà sự nghiệp thống nhất nước nhà của Nguyễn Huệ ở thời kỳ này càng thêm huy hoàng, vĩ đại.

Kể từ trận đánh Vị Hoàng đến trận đánh Thăng Long, cuộc tiến quân giải phóng Bắc Hà đã diễn ra trong 10 ngày trên một chiều sâu chừng 90 ki-lô-met. Bằng bốn trận chiến đấu, bắt đầu là trận đánh chiếm căn cứ chiến lược Vị Hoàng, và kết thúc bằng sự tiêu diệt các đạo quân chủ lực quân đội Trịnh và giải phóng Thăng Long, quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã thể hiện tài tổ chức và thực hiện chiến đấu với những yếu tố của một chiến dịch ngày càng rõ rệt và giành thắng lợi hết sức to lớn.

Thắng lợi huy hoàng đó chứng minh Nguyễn Huệ là một nhà chiến lược vĩ đại, một vị chỉ huy kiệt xuất trong việc tổ chức và thực hành các chiến dịch tiến công.

Đặc điểm của chiến dịch lần này là:

- Quy mô rộng lớn: lực lượng tham chiến đều là các lực lượng chủ lực, tinh nhuệ nhất của cả hai bên, tác chiến xảy ra trong một khoảng không gian rộng lớn, trên đồng bằng Bắc Hà. Quân đội Tây Sơn bắt đầu tiến công trong điều kiện chiến đường xa hậu phương. Trái lại, quân đội Trịnh chiến đấu ngay trên "đất nhà" gần các căn cứ chiến lược quan trọng nhất của họ. Căn cứ vào tình hình chung lúc đó, Nguyễn Huệ đã nhanh chóng thực hành một cuộc quyết

chiến chiến lược, để hoàn toàn tiêu diệt quân đội Trịnh, không cần trải qua một số chiến dịch trung gian khác. Sự cần thiết phải đánh nhanh, và khả năng thực tế để giải quyết nhanh là cơ sở cho quyết tâm lớn lao đó của Nguyễn Huệ.

Song, căn cứ vào đặc điểm của chiến dịch sắp tiến hành, muốn biến khả năng đó thành hiện thực, Nguyễn Huệ phải giải quyết nhiều khó khăn lớn, đề ra nhiều biện pháp quan trọng thì mới có thể thực hiện được quyết tâm chiến lược đó.

Đi vào cụ thể, có những vấn đề lớn như sau:

- Trước hết là vấn đề hành quân đến chiến trường. Từ sông Gianh đến đồng bằng Bắc Hà chỉ có thể hành quân bằng hai con đường: đường bộ qua các trấn Nghệ An, Thanh Hóa, và đường biển. Nếu tiến quân theo đường bộ, thì rõ ràng không thể thực hiện được phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh. Quân đội hành quân trên một con đường dài như vậy, trước khi đến khu vực tác chiến, khiến cho quân đội Trịnh có thể kịp thời thay đổi thế trận, có thì giờ động viên lực lượng, tập trung các đội quân địa phương, kéo dài chiến tranh. Trong trường hợp đó, khó khăn cho quân đội Tây Sơn sẽ tăng lên rất nhiều. Đi đường biển thì tránh được những khó khăn nói trên, tranh thủ rút ngắn thời gian hành quân, giành được bất ngờ chiến dịch, và ngay khi bắt đầu thực hành chiến dịch, đã có thể đưa chiến trường đến trung tâm của giang sơn chúa Trịnh.

Trong trường hợp này, vấn đề lớn duy nhất phải giải quyết là chuyên chở quân

đội. Thủy quân Tây Sơn có đủ sức để làm việc đó. Kinh nghiệm của một số trận tiến công quân Nguyễn ở Gia Định đã hoàn toàn chứng minh quân đội Tây Sơn có đủ khả năng đánh địch từ rất xa căn cứ của mình với phương tiện chuyên chở của thủy quân. Nguyễn Huệ đã chọn con đường tiến quân trên đường biển.

Nhưng, một khi tập trung toàn bộ lực lượng, sử dụng toàn bộ thuyền chiến để chuyên chở và tác chiến, mà khu vực tác chiến lại bị ngăn cách với căn cứ hậu phương bằng một miền đất đai rộng lớn do quân Trịnh kiểm soát, thì hai vấn đề rất lớn đặt ra: Làm sao loại trừ được mối uy hiếp của quân Trịnh đối với hậu phương trực tiếp của quân đội tác chiến, và làm sao bảo đảm cung cấp tiếp tế cho đại quân? Nguyễn Huệ quyết định dùng những toán du binh của đạo quân tiên phong để bất ngờ đánh chiếm các thành Nghệ An, Thanh Hóa. Làm như vậy Nguyễn Huệ sẽ đạt được ba mục đích lớn: loại trừ mối uy hiếp đối với hậu phương, bảo đảm cho chủ lực tiến quân thuận lợi, và tránh những hành động quân sự quy mô lớn để đánh chiếm các trấn này. Đối với nhiệm vụ nặng nề là nhiệm vụ cung cấp cho quân đội tác chiến trên đồng bằng Bắc Hà, Nguyễn Huệ không thể trông mong ở hậu phương xa xôi. Vì muốn bảo đảm cung cấp cho một đạo quân lớn, trên một tuyến vận chuyển dài, phải có một đoàn thuyền chiến vận tải lớn chuyên môn chở lương thực, binh khí, đạn dược. Trong điều kiện lúc ấy Nguyễn Huệ không thể xây dựng ngay được một đoàn thuyền chiến vận tải như vậy. Phương pháp duy nhất là quân đội Tây Sơn phải đánh chiếm các kho lương thực, vũ khí của địch, thực hiện cung cấp, tiếp tế tại

chỗ. Nguyễn Huệ đã chọn phương pháp này.

Những vấn đề trên liên quan rất mật thiết đến việc chọn hướng tiến công chủ yếu. Trên đồng bằng Bắc Hà, có nhiều cửa sông lớn mà thủy quân Tây Sơn có thể tiến vào, đưa quân đội tiến sát Thăng Long. Nhưng xét kỹ thì sông Nam Định, ngoài cái lợi là con đường ngắn nhất để quân đội Tây Sơn có thể nhanh chóng vào tác chiến, nhanh chóng tiến đến Thăng Long, còn có một cái lợi lớn nữa: các kho lương thực, vũ khí, đạn dược quan trọng nhất của quân đội Trịnh đều tập trung ở đây. Đánh chiếm được Vị Hoàng, sẽ giải quyết về căn bản vấn đề khó khăn nhất cho quân đội Tây Sơn lúc đó.

Song, giá trị chiến lược của Vị Hoàng không phải chỉ thu gọn vào địa vị căn cứ cung cấp của nó. Vị Hoàng còn là một vị trí ngăn chặn đường tiến quân từ phía nam lên Thăng Long, một vị trí chiến lược cơ động cho thủy quân và lục quân Trịnh. Có thể nói rằng ai chiếm được Vị Hoàng, sẽ không chế cả một vùng rộng lớn phía đông nam đồng bằng Bắc Hà. Do đó, không kể xét về một mặt nào, chính trị, quân sự hay kinh tế, Vị Hoàng ở một vị trí chiến lược trọng yếu đối với cả hai bên.

Nguyễn Huệ đã chọn hướng tiến công chủ yếu trên con sông Nam Định mà mục tiêu đầu tiên phải đánh chiếm là Vị Hoàng.

Đến đây, các vấn đề khó khăn lớn đã được Nguyễn Huệ giải quyết. Sau khi hạ quyết tâm và định hướng tiến công chủ yếu trên con sông Nam Định, nhằm

thăng vào Thăng Long mà đột kích địch, Nguyễn Huệ xác định kế hoạch hành quân và kế hoạch tiến công.

Đưa quân từ rất xa đến chiến đấu ngay trên đất địch, thì trong kế hoạch tiến công, việc quan trọng đầu tiên là đánh chiếm một đầu cầu chiến lược bám chắc vào đầu cầu đó làm bàn đạp phát triển rộng ra và sâu hơn. Chỉ khi đầu cầu đó đã được củng cố và mở rộng, thì chủ lực từ phía sau mới có thể tiến vào chiến đấu được. Nhìn lại những chiến dịch trước, từ Gia Định đến Phú Xuân, đây là lần đầu tiên, căn cứ vào đặc điểm của chiến dịch này, Nguyễn Huệ đề ra nhiệm vụ đánh chiếm một đầu cầu chiến lược. Đó là bước phát triển mới trong nghệ thuật tổ chức và thực hành một chiến dịch quy mô lớn của Nguyễn Huệ. Ông đã tổ chức một đội thủy quân tiên phong, mạnh đến 400 thuyền chiến, có đầy đủ hỏa lực và bộ binh, để làm nhiệm vụ đánh chiếm đầu cầu chiến lược Vị Hoàng.

Trong kế hoạch tiến công, chúng ta còn thấy Nguyễn Huệ tính toán rất kỹ lưỡng thời gian hành quân của các đạo quân, và thời gian tác chiến của chủ lực. Sự hiệp đồng giữa các đạo quân rất chặt chẽ: các đội du binh chiếm xong các thành Nghệ An, Thanh Hóa thì chủ lực cũng vừa tới nơi, trong khi đội quân tiên phong đánh chiếm Vị Hoàng và củng cố đầu cầu chiến lược, thực hiện những nhiệm vụ đã đề ra, thì chủ lực chuẩn bị sẵn sàng đề tiến vào chiến đấu. Và chỉ sau khi đội thủy quân tiên phong đã hoàn thành mọi nhiệm vụ, tạo nên mọi điều kiện thuận lợi, thì chủ lực mới vượt biển tiến vào khu vực quyết

chiến. Trong điều kiện phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc của thời đại đó, trong điều kiện hành quân đường biển phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, gió mùa ... mà các đạo quân của Nguyễn Huệ hành động nhất trí như một bộ máy chính xác, thật đáng khâm phục và làm cho quân địch phải khiếp sợ, bó tay.

Trên đây là một số vấn đề lớn trong việc tổ chức chiến dịch mà Nguyễn Huệ đã giải quyết thành công. Về nghệ thuật chỉ huy của Nguyễn Huệ trong khi thực hành chiến dịch và chiến đấu cũng có nhiều điểm đặc sắc.

Nét nổi bật đầu tiên là việc phát hiện, nắm vững và lợi dụng thời cơ chiến đấu.

Từ khi quân tiền phong chiếm Vị Hoàng tới lúc chủ lực của Nguyễn Huệ đến đầu cầu chiến lược này, thời gian là sáu ngày. Thời gian đó đủ để chúa Trịnh tổ chức một trận phản công, đánh bật đội thủy quân tiền phong của Tây Sơn. Chúa Trịnh lúc đó nắm trong tay hai đạo quân lớn là đạo quân Trịnh Tự Quyền và thủy quân Đinh Tích Nhưỡng, so với quân Tây Sơn, hai đạo quân này có ưu thế tuyệt đối về số lượng. Quân Trịnh gần căn cứ xuất phát của mình, họ có đủ lực lượng, thời gian, để tổ chức và thực hành phản công.

Nhưng bị đánh bất ngờ ở Vị Hoàng, quân Trịnh ở khắp nơi đều hoang mang túng túng, không kịp điều động lực lượng để phản công, trước khi Nguyễn Huệ đem đại quân tới Vị Hoàng. Hoảng sợ, do dự trước sức mạnh vũ bão của quân

đội Tây Sơn, các tướng Trịnh không dám tiến công, đành đưa quân ra phòng ngự chặn đường tiến lên Thăng Long của nghĩa quân Tây Sơn.

Trái lại, vừa đến Vị Hoàng, Nguyễn Huệ đã nhanh chóng nắm vững tình hình địch, thấy rõ tư tưởng phòng ngự đơn thuần của các tướng Trịnh, phát hiện chỗ yếu trong hệ thống phòng ngự địch, ông nắm ngay thời cơ có lợi, lập tức hạ lệnh tiến quân, chọn thủy quân Đinh Tích Nhưỡng làm mục tiêu giáng đòn đầu tiên, tập trung lực lượng để tiêu diệt đạo quân này, mở đường cho thủy quân tiến vào Thăng Long.

Nguyễn Huệ không để cho các tình huống phụ lôi kéo. Ông nắm rất vững chỗ yếu nhất của quân Trịnh là tinh thần chiến đấu cực kỳ bạc nhược, nên sau trận quyết định đầu tiên ở sông cửa Luộc, Nguyễn Huệ không đuổi theo đạo quân lớn Trịnh Tự Quyền đang tan rã, mà lập tức tập trung chủ lực, như một mũi dao cực mạnh chọc thẳng vào trái tim của nhà Trịnh là Thăng Long. Những hành động mãnh liệt đó liên tục diễn ra, gây từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, khiến quân Trịnh bị đánh không kịp trở tay.

Điều đáng chú ý là, trong chiến dịch này, trù trận cửa Luộc được tiến hành trong điều kiện có chuẩn bị, các trận chiến đấu tiếp sau hầu như chỉ do các đội tiên vệ của Nguyễn Huệ đảm nhiệm. Bằng mưu trí bằng hành động dũng cảm, thần tốc, các đội tiên vệ này từ trong hành quân lập tức bước vào chiến đấu mà giành thắng lợi hoàn toàn. Cho đến trận đánh cuối cùng vào Thăng Long, chủ

lực của Nguyễn Huệ hầu như còn nguyên vẹn, vì rất ít phải sử dụng đến.

Còn chúa Trịnh thì cuồng quít sợ hãi, bo bo giữ lấy kinh thành, bó tay chịu để cho hết đạo quân này đến đạo quân khác của mình bị tiêu diệt.

Như trên đã trình bày, về mặt chỉ huy chiến dịch, Nguyễn Huệ luôn luôn nắm vững và tận dụng thời cơ có lợi, đồng thời nắm vững tình huống chính để tiến công thật dũng cảm, thần tốc từ mục tiêu này đến mục tiêu khác.

Song, qua từng trận chiến đấu, ta thấy bao giờ Nguyễn Huệ cũng phân tích một cách cụ thể tình hình cụ thể lúc đó để quyết định nên vận dụng những phương pháp thích hợp nào nhằm đạt tới mục đích tiêu diệt sinh lực địch.

Trong trận sông cửa Luộc, trước mặt quân đội Tây Sơn là mấy đạo quân chủ lực của nhà Trịnh, trong đó trên tuyến thứ nhất có thủy quân Đinh Tích Nhưỡng còn mạnh, ngăn chặn trên sông, và đạo bộ binh Đỗ Thế Dân phối hợp bố trí trên hai bờ sông. Kẻ địch còn mạnh, đã chuẩn bị sẵn sàng chờ cuộc tiến công. Với cách dàn trận chặt chẽ, có quân thủy, bộ trên cùng một đoạn sông, rõ ràng các tướng lĩnh Trịnh có ý định buộc đôi phương phải chiến đấu trên một địa thế bất lợi, rồi từ ba mặt đánh mạnh vào thủy quân Tây Sơn. Thấy địch có chuẩn bị sẵn, Nguyễn Huệ không ra lệnh đánh ngay, ông tìm cách lừa địch, lợi dụng khi trời bắt đầu tối, cho mấy thuyền chiến lớn không người chèo, tiến thẳng vào nơi bố trí của địch, khiến Đinh Tích Nhưỡng lầm tưởng là thuyền chiến xung phong của Tây Sơn. Chỉ sau khi nhận thấy quân Trịnh đã mất nhiều

tên, đạn, và tinh thần đã hoang mang cực độ vì mấy chiếc thuyền lớn cứ tiến, thì Nguyễn Huệ mới nắm thời cơ, hạ lệnh cho thủy quân xông lên, đánh thẳng vào đội hình thủy quân Đinh Tích Nhưỡng. Pháo binh của thuyền chiến cũng bắt đầu nổ súng bắn mãnh liệt vào bộ binh Trịnh trên hai bờ sông. Đó là một phương pháp tiến công độc đáo của Nguyễn Huệ: cùng trong một thời gian, dùng thủy quân tiến công thủy quân địch, thực hành đánh giáp lá cà và chiếm đoạt thuyền chiến địch, còn pháo binh tập trung hỏa lực bắn mạnh vào bộ binh địch. Kết quả, chỉ trong một thời gian ngắn, Nguyễn Huệ đã đạt được mục đích: đánh rối loạn hệ thống phòng ngự thủy bộ của địch, tiêu diệt nhanh chóng thủy quân địch, lực lượng phòng ngự chủ yếu, và chế áp mạnh bộ binh địch. Tiếp sau đó là cuộc đổ bộ lên hai bờ sông, chuyển sang tiến công vào trận địa của bộ binh Trịnh. Lần đầu tiên, bộ binh Trịnh gặp một loại vũ khí đặc biệt của quân đội Tây Sơn là hỏa hổ. Nghĩa quân Tây Sơn dùng cảm chiến đấu, được hỏa hổ yểm hộ đặc lực, xung phong mãnh liệt vào trận địa quân Trịnh và tiêu diệt toàn bộ đạo quân Đỗ Thế Dân... Chỉ trong một đêm, trận đánh đầu tiên này đã quyết định số phận của quân đội Trịnh, cả ba đạo quân chủ lực của chúa Trịnh còn lại lúc đó, đã bị tiêu diệt và hoàn toàn tan rã. Phòng tuyến thứ nhất, phòng tuyến chủ yếu của quân Trịnh đã bị chọc thủng. Cửa ngõ đưa tới Thăng Long đã mở rộng.

Khi chủ lực Tây Sơn tiến đến gần phòng tuyến thứ hai của quân Trịnh, Nguyễn Huệ thấy rõ địch ở đây suy yếu nhiều, lại tiến hành phòng ngự vội vã, tuy thủy bộ dựa vào nhau và yểm hộ lẫn nhau, nhưng hệ thống phòng ngự đó không còn

tính chất vững mạnh như trên sông cửa Luộc. Hơn nữa, quân Trịnh hoàn toàn bị bất ngờ, không tin rằng Nguyễn Huệ có thể tiến quân nhanh chóng như vậy. Nguyễn Huệ quyết định không tiến công bằng sức mạnh, mà áp dụng phương pháp tập kích bất ngờ. Ông dành chủ lực cho đòn đánh cuối cùng vào Thăng Long, chỉ phái một đội tiên vệ nhỏ làm nhiệm vụ vu hồi vào sau lưng đội thủy quân Trịnh đóng tại bến Thút ái. Toàn bộ đội thủy quân này đã nhanh chóng bị loại khỏi vòng chiến.

Với hành động dũng cảm, thần tốc, đội tiên vệ Tây Sơn lập tức chuyển sang tập kích bất ngờ đội quân Hoàng Phùng Cơ đóng tại hồ Vạn Xuân. Đội quân này mất hẳn năng lực chống cự có tổ chức, và bị hoàn toàn tiêu diệt.

Tác phong chiến đấu dũng cảm, mãnh liệt, thần tốc, liên tục của binh sĩ Tây Sơn khác xa với tác phong chiến đấu của binh sĩ trong các quân đội phản động. Với dũng khí áp đảo địch, họ còn thông thạo vận dụng các thủ đoạn chiến đấu như vu hồi, bao vây địch, khiến cho quân địch không kịp đối phó, tinh thần càng mau chóng suy sụp. Có tinh thần và tác phong chiến đấu như vậy, lại biết vận dụng những thủ đoạn chiến đấu đúng đắn, quân đội Tây Sơn tuy ít so với địch trong từng trận, nhưng vẫn chiến thắng một cách vẻ vang.

Trận đánh vào Thăng Long đã kết thúc rất nhanh chóng. Lực lượng còn lại trong tay chúa Trịnh không có bao nhiêu. Chúa Trịnh tuy đã bố trí khá chu đáo, lại giữ nguyên vẹn một đội tượng binh quan trọng, nhưng lực lượng đó không còn là địch thủ xứng đáng của chủ lực Tây Sơn. Sau khi đổ bộ lên bến Tây

Long, Nguyễn Huệ cho một đội quân nhỏ thọc thẳng vào phủ chúa Trịnh, còn chủ lực thì đánh thẳng vào trận địa quân Trịnh, hướng chủ yếu nhằm lầu Ngũ Long, bản doanh của chúa Trịnh.

Một lần nữa, sức xung phong vũ bão và hỏa hổ của quân đội Tây Sơn đã gây thiệt hại nghiêm trọng và khủng khiếp cho tàn quân Trịnh. Hỏa hổ còn gây sợ hãi cho đội tượng binh quân Trịnh.

Chiến dịch giải phóng Bắc Hà, tiêu diệt quân đội Trịnh đã kết thúc sau 10 ngày chiến đấu. Trải qua bốn trận chiến đấu lớn, Nguyễn Huệ đã hoàn toàn tiêu diệt quân đội Trịnh, gồm mấy vạn thủy binh, bộ binh, tượng binh và hàng trăm thuyền chiến.

Trong khoảng hơn một tháng (thời gian tác chiến là 20 ngày) bằng hai chiến dịch lớn, từ Phú Xuân ra Thăng Long, quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã hạ nhiều thành lũy, tiêu diệt trên mười vạn quân địch, đánh đổ tập đoàn phong kiến phản động nhà Trịnh, đưa nền nghệ thuật quân sự của dân tộc ta đi lên những bước phát triển mới.

Hai chiến dịch Phú Xuân và Thăng Long là hai chiến dịch tiến công. Trong cả hai chiến dịch tiến công này, đặc điểm nổi bật là sự kết hợp rất chặt chẽ giữa tiến công thần tốc với tổ chức tiếp tế kịp thời, giải quyết vấn đề phát triển chiến dịch liên tục. Do đó, các cuộc tiến công luôn luôn giành được thắng lợi,

làm cho địch mất khả năng tập trung lực lượng lớn để phản công.

Nhờ bảo đảm tốc độ tiến công cao, nên đã ngăn chặn sự cơ động của địch, cũng tức là buộc địch nằm trong trạng thái phân tán. Bảo đảm tốc độ tiến công cao, giữ vững lực lượng tập trung, nên thực hiện được tập trung ưu thế thực sự, phát huy cao độ tính chủ động, để sử dụng ưu thế đó lần lượt tiêu diệt từng đạo quân phân tán của địch. Kết quả của phương pháp đó là giành được thắng lợi, hoàn toàn đạt được mục tiêu chủ yếu là tiêu diệt sinh lực địch.

Trong hai chiến dịch này, tốc độ tiến công cao của quân đội Nguyễn Huệ là một trong những yếu tố quan trọng nhất để bảo đảm thực hành chiến dịch một cách thắng lợi. Song, muốn bảo đảm tiến công với tốc độ cao, điều căn bản là phải biết sử dụng thủy quân, lục quân một cách thích hợp, để chọc thủng phòng ngự địch một cách nhanh chóng mà phát triển thắng lợi cũng thật nhanh. Việc trao nhiệm vụ thích hợp cho thủy quân, lục quân (trong chiến dịch và từng trận chiến đấu), việc hành động ăn ý giữa thủy quân, lục quân nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung, đã được Nguyễn Huệ giải quyết tốt.

Một điểm quan trọng khác, là tốc độ tiến công cao không thể tách rời việc bảo đảm cung cấp kịp thời lương thực, vũ khí, đạn dược, thuốc men cho quân đội tác chiến. Nguyễn Huệ đặc biệt chú trọng giải quyết chu đáo vấn đề phức tạp này. Lực lượng càng lớn, thủy quân, lục quân càng nhiều thành phần, tác chiến xảy ra xa căn cứ hậu phương, thì vấn đề bảo đảm cung cấp càng thêm phức tạp. Trong hai chiến dịch này, nhất là trong chiến dịch giải phóng Thăng Long,

ngoài thủy đội vận tải, việc đánh chiếm các kho lương thực, vũ khí của địch, việc huy động vật lực tại chỗ, đã được Nguyễn Huệ đặt thành nhiệm vụ quan trọng, thậm chí là một trong những nhiệm vụ hàng đầu, ngang hàng với nhiệm vụ tiêu diệt địch.

Ngoài những vấn đề lớn trên đây, đã được Nguyễn Huệ giải quyết rất tài tình, chúng ta cũng cần chú ý đến một số điểm nổi bật khác trong nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch của Nguyễn Huệ. Trước hết phải nói rằng chiến dịch đánh Bắc Hà năm 1786 này của Nguyễn Huệ là cả một chuỗi bất ngờ đem đến cho địch. Từ trận mở đầu chiến dịch tới trận kết thúc chiến dịch, quân địch đều hoàn toàn bị đánh bất ngờ. Đèo Hải Vân bị đánh bất ngờ, thành Phú Xuân bị đánh bất ngờ, từ sông Gianh, Đồng Hới trở vào đều bị đánh bất ngờ. Trên đường Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, quân địch ở mọi cứ điểm đều bị đánh bất ngờ. Nghệ An, Thanh Hóa, Vị Hoàng bị đánh bất ngờ. Những nơi đã bày binh bố trận hăn hoi, quân Trịnh cũng vẫn cứ bị đánh bất ngờ, như ở cửa Luộc, ở bến Thúy ái, ở hồ Vạn Xuân. Cho cả tới chúa Trịnh tại lầu Ngũ Long trong nội thành Thăng Long cũng bị đánh bất ngờ, và phủ chúa, hoàng cung tất cả đều bị chiếm đóng bất ngờ, ngoài sự tưởng tượng của quân Trịnh, chúa Trịnh và vua Lê. Có thể nói rằng trong chiến dịch đánh Bắc Hà này, Nguyễn Huệ đã phát huy cao độ yếu tố bất ngờ để đánh nhanh, thắng nhanh và hoàn toàn thắng địch.

Cũng như trong các lần đánh Gia Định trước, trong chiến dịch đánh Bắc Hà, Nguyễn Huệ đã triệt để lợi dụng những yếu tố thiên nhiên thuận lợi, sử dụng

những lực lượng và những phương tiện chiến đấu thích hợp nhất để tiến hành đánh địch. Nguyên Huệ đã nắm đúng mùa hè, khi có gió nồm thuận lợi để tiến quân ra Bắc. Nhân mùa gió, trong giai đoạn đầu của chiến dịch, quân Tây Sơn chia làm ba đạo thì hai đạo đi đường thủy, chỉ có một đạo đi đường bộ. Trong giai đoạn hai, quân tiền phong Tây Sơn đã đi đường thủy để tiến nhanh ra đánh chiếm Vị Hoàng. Sau đó, đại quân Tây Sơn cũng theo đường thủy tiến nhanh ra Vị Hoàng để kịp đánh tan chủ lực quân Trịnh tập trung ở cửa Luộc. Sau trận cửa Luộc, nhân khi gió nồm đang thổi mạnh, toàn quân Tây Sơn đã theo đường thủy tiến nhanh lên đánh chiếm Thăng Long. Nguyên Huệ còn lợi dụng sức gió để vận dụng chiến thuật, sử dụng phương tiện chiến đấu trong các trận đánh. Tại trận cửa Luộc, Nguyên Huệ đã nhân khi gió nồm thổi mạnh để đánh phá thủy quân Đinh Tích Nhưỡng và dùng hỏa hổ đánh phá bộ binh của Đỗ Thế Dận ở trên bờ sông Luộc. Nguyên Huệ cũng lợi dụng lúc thủy triều lên, mặt nước dâng cao, để dùng hỏa lực yểm hộ cho quân thủy bộ tiến công vào thành Phú Xuân.

Trong nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch đánh Bắc Hà của Nguyễn Huệ, có một điểm nổi bật hẳn lên rất đáng chú ý. Đó là sự kết hợp giữa quân sự và chính trị. Vấn đề này, trong những lần tiến đánh Gia Định, các lãnh tụ Tây Sơn ít chú ý tới, vì một trong những lý do khi ấy là, bọn chúa Nguyễn đã suy yếu, và trên thực tế, Gia Định từ năm 1777 trở đi, đã là đất đai thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn. Nhưng tình hình Bắc Hà thì khác. Lực lượng chúa Trịnh còn mạnh, nhân dân Bắc Hà còn tin nhà Lê.

Nguyễn Huệ không thể không chú ý đến những vấn đề chính trị. Do đây trong chiến dịch này, Nguyễn Huệ đã nêu khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh", đã truyền hịch kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân Bắc Hà và tìm cách thu phục các toán nghĩa quân đang chống Trịnh ở miền duyên hải Bắc Hà.

Đó là một số bài học lớn rút ra từ hai chiến dịch quy mô lớn này. Đó cũng là những bài học lớn về chiến lược, chiến thuật cơ động linh hoạt của anh hùng Nguyễn Huệ.

Chương ba

NGUYỄN HUỆ ANH DŨNG CHỐNG NGOẠI XÂM ĐÁNH TAN 20 VẠN QUÂN THANH, GIỮ VỮNG NỀN ĐỘC LẬP CỦA TỔ QUỐC

TÌNH HÌNH VIỆT NAM TỪ SAU KHI NGUYỄN HUỆ ĐÁNH ĐỔ NHÀ TRỊNH TỚI NGÀY QUÂN THANH XÂM LƯỢC BẮC HÀ (TỪ THÁNG 8 NĂM 1786 ĐẾN CUỐI NĂM 1788)

Sau khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Phú Xuân và Thăng Long đánh đổ thế lực nhà Trịnh, toàn bộ lãnh thổ Việt Nam đều thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân Tây Sơn, chính quyền trong cả nước đều thống nhất trong tay nghĩa quân Tây Sơn.

Trên cơ sở nước nhà đã được thống nhất như thế, các tập đoàn phong kiến thống trị ở hai miền Nam Bắc đã bị hoàn toàn đánh đổ, chính quyền trong cả nước đã ở trong tay, nghĩa quân Tây Sơn có thể lập lại một nền trật tự xã hội lâu dài, bền vững cho dân tộc và đưa nước nhà lên những bước phát triển mới

của lịch sử. Người định đoạt vận mệnh của nước nhà trong những điều kiện lịch sử thuận lợi ấy chính là các lãnh tụ phong trào Tây sơn.

Nhưng lại chính vì các lãnh tụ Tây Sơn quyền hạn khác nhau, tư tưởng, chỉ hướng khác nhau mà nước nhà sau khi đã thống nhất lại gặp một số khó khăn ở cả hai miền Nam Bắc. Nếu không có người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đứng ra cứu vãn tình thế thì nền độc lập của Tổ quốc đã rơi vào tay 20 vạn quân Thanh xâm lược, dân tộc Việt Nam đã phải chịu ách đô hộ của phong kiến ngoại bang, chưa biết đến bao giờ mới thoát ra khỏi.

Người gây nên những tình hình khó khăn ấy chính là người lãnh tụ tối cao của phong trào Tây Sơn, người nắm toàn quyền định đoạt mọi hoạt động của phong trào Tây Sơn. Người lãnh tụ tối cao của phong trào Tây Sơn, từ khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu cho tới ngày Nguyễn Huệ tiến ra Thăng Long diệt nhà Trịnh, không phải là Nguyễn Huệ, mà là Nguyễn Nhạc. Mặc dầu Nguyễn Huệ đã chiến thắng khắp đó đây, uy danh của Nguyễn Huệ đã lừng lẫy khắp nước, nhưng từ trước cho đến bây giờ Nguyễn Huệ vẫn chỉ là một người tướng chịu quyền chi phối của Nguyễn Nhạc. Từ trước cho đến bây giờ, nhiệm vụ của Nguyễn Nhạc trao cho Nguyễn Huệ chỉ là nhiệm vụ đánh giặc. Đánh được giặc là nhiệm vụ hết, Nguyễn Huệ lại quay về đứng dưới trướng của Nguyễn Nhạc, không có quyền hành gì khác. Vận mệnh của phong trào Tây Sơn cũng như cách xử lý mọi công việc sau mỗi lần chiến thắng là hoàn toàn do Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc đã sớm thỏa mãn với ngôi hoàng đế ngay từ sau những chiến thắng đầu tiên của quân Tây Sơn ở Gia Định. Nguyễn Nhạc lo sợ ngôi

chí tôn của mình bị xâm phạm, không muốn uy quyền của mình bị chia sẻ, cả đối với anh em ruột thịt. Nhất là đối với Nguyễn Huệ, một người có tài đức vượt hẳn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Nhạc càng e ngại, không bao giờ muốn để Nguyễn Huệ rời khỏi cạnh mình, tách xa quyền không chế của mình. Nhưng Nguyễn Nhạc ở cái thế phải để Nguyễn Huệ đi đánh địch. Vì chỉ Nguyễn Huệ đi đánh thì mới chắc thắng. Nhưng thắng xong phải về ngay. Chưa lần nào Nguyễn Nhạc chịu để Nguyễn Huệ ở lâu Gia Định, cứ sau mỗi lần chiến thắng, Nguyễn Huệ lại phải vội vàng đem quân về Qui Nhơn với Nguyễn Nhạc, khiến bọn chúa Nguyễn luôn luôn có điều kiện tổ chức phản công, đánh chiếm lại Gia Định rất dễ dàng. Nguyễn Nhạc cũng đã từng không tán thành đề nghị đánh Phú Xuân của Nguyễn Huệ. Nguyễn Nhạc lại càng không bằng lòng với việc Nguyễn Huệ tiến quân ra

Thăng Long, tiêu diệt nhà Trịnh. Nguyễn Nhạc không nhận thức được rằng việc Nguyễn Huệ đánh đuổi Nguyễn Ánh khỏi Gia Định và đánh đổ nhà Trịnh ở Bắc Hà là những sự nghiệp cách mạng lớn lao, phù hợp với lợi ích của giai cấp, của dân tộc, tạo cơ sở cho phong trào Tây Sơn xây dựng một chính quyền vững mạnh và thống nhất trên cả nước. Thấy Nguyễn Huệ tiến ra Thăng Long, diệt được nhà Trịnh, Nguyễn Nhạc vội vàng đi mãi ngày đêm ra Thăng Long, để gọi Nguyễn Huệ về và hạ lệnh cho quân đội Tây Sơn rút hết khỏi Bắc Hà, bỏ mặc Bắc Hà cho bọn vua quan bắt lức nhà Lê muốn làm thế nào thì làm.

Những sai lầm ấy của Nguyễn Nhạc đã gây nên tình hình rối ren ở Bắc Hà, dẫn

tới việc quân Thanh sang xâm lược tạo điều kiện cho Nguyễn ánh trở lại xâm chiếm Gia Định, đồng thời cũng gây nên tình hình chia rẽ xung đột trong nội bộ phong trào Tây Sơn trong một thời gian ngắn.

Trước tình hình đó, nếu như Nguyễn Huệ không sớm thoát khỏi sự kiềm chế của Nguyễn Nhạc, thì bản thân Nguyễn Huệ cũng không thể phát triển được hết tài năng của mình trên mọi lĩnh vực, mà phong trào Tây Sơn và vận mệnh của Tổ quốc cũng sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa, từ sau năm 1786 trở đi.

Trước khi từ Phú Xuân tiến quân ra Bắc, Nguyễn Huệ đã viết thư báo cho Nguyễn Nhạc biết. Nguyễn Nhạc không đồng ý, cho người cầm thư ra ngăn lại, nhưng không kịp. Ngày 26 tháng Sáu Bính Ngọ tức 21 tháng 7 năm 1786. Nguyễn Huệ lại gửi thư báo tin thắng trận với Nguyễn Nhạc, và hẹn đến thu đông, sau khi xếp đặt xong mọi việc ở Bắc Hà, sẽ đem quân về Qui Nhơn. Ngày 14 tháng Bảy âm lịch, tức 7 tháng 8 năm 1786 [1], thư về đến Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc rất không bằng lòng và cũng rất lo ngại, tự nghĩ rằng: "... Nếu mình không thân hành ra Bắc bắt hấn phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa vậy" [2].

Hoàng Lê nhất thống chí đã thuật lại việc Nguyễn Nhạc ra Bắc như sau: "Thế rồi, luôn trong nửa đó [3] vua Tây Sơn tự đem năm trăm tên lính thị vệ ra thẳng Phú Xuân. Tới nơi, lại lấy thêm hơn hai ngàn quân Phú Xuân đi gấp ra

kinh sư. Đoàn quân tất tưởi kéo đi, dấp dấp tiêu tưởi, người ta không còn nhận ra đó là đám quan quân nào nữa" [4].

Ngày 5 tháng Tám năm Bính Ngọ, tức 26 tháng 8 năm 1786, Nguyễn Nhạc ra tới Thăng Long. Nguyễn Huệ trao lại quyền binh cho Nguyễn Nhạc, các tướng lĩnh và nghĩa quân Tây Sơn ở Bắc Hà lại thuộc quyền điều khiển trực tiếp của Nguyễn Nhạc, nhất thiết mọi việc đều phải tuân theo mệnh lệnh của Nguyễn Nhạc [5].

Ngày 17 tháng Tám Bính Ngọ, sau khi tới Thăng Long hơn 10 ngày, Nguyễn Nhạc bí mật hạ lệnh cho tất cả các quân thủy bộ Tây Sơn chuẩn bị lên đường, rút về Nam. Canh hai đêm hôm ấy, Nguyễn Nhạc cho người vào từ biệt

1, 2. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr.135. La Bartette trong thư đề ngày 1 tháng 8 năm 1786 nói rằng Nguyễn Nhạc từ Qui Nhơn ra tới Phú Xuân ngày hôm trước, tức ngày 31 tháng 7 năm 1786. Nguyễn Huệ vào Thăng Long ngày 21 tháng 7 mà ngày 31 tháng 7 Nguyễn Nhạc đã tới Phú Xuân rồi thì nhanh quá, không đủ thời gian để thư đi, người đi nữa. Ngày của Hoàng Lê nhất thống chí hợp lý hơn.

3. Ngày 14 tháng Bảy năm Bính Ngọ.

4, 5. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 135 - 136, 138.

Lê Chiêu Thống rồi lạng lẽ đem quân đi, bỏ mặc Bắc Hà cho bọn vua quan nhà Lê xoay sở [1].

Thấy nghĩa quân Tây Sơn bỏ đi, bọn vua tôi nhà Lê hoảng sợ, không biết lo liệu việc nước như thế nào. Lê Chiêu Thống đành phải: "Viết thư triệu hết những người thế gia và bày tôi cũ dắt quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã đều mượn danh nghĩa "bảo vệ". Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn" [2]. Tình hình Bắc Hà trở nên rối ren từ đây.

Thấy quân đội Tây Sơn rút khỏi Bắc Hà, bọn thân thuộc nhà Trịnh tranh nhau tiến về Thăng Long, giành lại ngôi chúa. Trịnh Lệ, con Trịnh Doanh, từ huyện Văn Giang đem quân lên đóng ở cung Tây Long, uy hiếp Lê Chiêu Thống phải trao quyền Chúa cho mình. Trong khi ấy, Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, cũng đem quân từ huyện Chương Đức tiến về Thăng Long. Quân của Trịnh Lệ và quân của Trịnh Bồng đánh nhau ở địa phận làng Nhân Mục. Quân Trịnh Lệ tan vỡ, Trịnh Lệ phải chạy lên vùng Bắc, Trịnh Bồng vào thành Thăng Long. Lê Chiêu Thống phải tái lập ngôi Chúa cho nhà Trịnh và phong Trịnh Bồng làm "Nguyên soái tổng quốc chính, Yến đô vương". Bọn tướng cũ như Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ, Dương Trọng Tế mượn cơ tôn phò nhà chúa cũng từ các nơi đem quân về Thăng Long, tranh nhau quyền hành. Triều chính rối nát.

Bọn Trịnh Bồng và Đinh Tích Nhưỡng câu kết với nhau, bức hiếp nhân dân. "Ngay giữa ban ngày, thủ hạ ra sức cướp bóc dân cư gần kinh thành, không có hiệu

1. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học, t. XX, tr. 22. Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch ..., tr. 145.
 2. Việt sử thông giám cương mục. Bản dịch đã dẫn, tr. 23.
-
-

lệnh ngăn cấm" [1], và cũng không có ai kiềm chế được.

Lê Chiêu Thống phải bí mật hạ chiếu cần vương gửi đi các nơi, đề lo đối phó với bọn nhà chúa mới ngai lên.

Về phần các lãnh tụ Tây Sơn, sau khi rút quân từ Bắc Hà về Nam, cũng sinh ra hiềm khích xung đột.

Nguyễn Huệ không theo Nguyễn Nhạc trở về Qui Nhơn mà ở lại Phú Xuân [2]. Khi ấy thanh thế của Nguyễn Huệ rất lừng lẫy. Nhân dân Thuận, Quảng suy tôn Nguyễn Huệ làm Đức Chúa [3]. Hay tin ấy, Nguyễn Nhạc hoảng sợ, hăm dọa trị tội Nguyễn Huệ [4]. Trong tình hình như vậy và đứng trước lợi ích của

phong trào, của Tổ quốc, Nguyễn Huệ thấy không thể chung theo những hành động của Nguyễn Nhạc đi ngược lại mục đích đấu tranh của nghĩa quân. Nguyễn Huệ phản đối sự hăm dọa của Nguyễn Nhạc và truyền hịch vạch rõ những sai trái của Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc quyết định đem quân đánh Nguyễn Huệ. Khi ấy Nguyễn Huệ có rất ít quân, vì đại bộ phận quân đội Tây Sơn thuộc quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ khi ra đánh Bắc Hà, đã phải theo Nguyễn Nhạc về Qui Nhơn. Để đối phó với sự uy hiếp bằng quân sự của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ hạ lệnh tuyển quân suốt từ Phú Xuân trở ra sông Gianh, thanh niên từ 16 tuổi trở lên đều ra tòng quân. Trong một thời gian ngắn, Nguyễn Huệ đã có một đạo quân gồm sáu vạn người [6].

Nguyễn Huệ tiến quân vào Qui Nhơn, vây hãm Nguyễn Nhạc ở trong thành trong vài tháng liền, đã buộc Nguyễn Nhạc phải nhượng bộ, từ bỏ ý muốn kiềm chế Nguyễn Huệ

-
1. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, tr. 25.
 2. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 229.
 - 3, 4, 6. Thư của giáo sĩ Doussain, ngày 6 tháng 6 năm 1787, trong Cadière, Tài liệu đã dẫn, tr. 19.
 5. Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 14, và Thư của Doussain đã dẫn trên.
-

mãi mãi. Nguyễn Nhạc phải báo tin gấp cho tướng Đặng Văn Trấn, trấn thủ Gia Định đem quân về cứu viện. Nguyễn Huệ cho quân chặn đánh Đặng Văn Trấn ở Tiên Châu (phủ Yên). Đặng Văn Trấn và toàn quân đều bị Nguyễn Huệ bắt sống [1]. Sau khi tiêu diệt viện binh của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cho đắp ụ đất cao ở ngoài thành Qui Nhơn và đặt đại bác bắn vào thành [2]. Nguyễn Nhạc hoảng sợ phải nhượng bộ, xin giảng hòa [3]. Cuộc xung đột chấm dứt khoảng đầu năm 1787. Hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ thỏa thuận lấy xứ Bản Tân làm địa giới, từ Thăng Hoa, Điện Bàn trở ra Bắc thuộc quyền Nguyễn Huệ, từ Quảng Nghĩa trở vào Nam thuộc quyền Nguyễn Nhạc.

Tháng 3 năm 1787, Nguyễn Nhạc phong Nguyễn Lữ làm Đông định vương và cử vào trấn thủ Gia Định, có thái bảo Phạm Văn Tham giúp việc.

Như thế là từ đây Nguyễn Huệ hoàn toàn thoát khỏi sự kiềm chế của Nguyễn Nhạc, mặc dầu Nguyễn Huệ vẫn thừa nhận Nguyễn Nhạc là hoàng đế trung ương và chịu nhận tước Bắc Bình vương của Nguyễn Nhạc phong cho.

Chính nhờ thoát khỏi sự kiềm chế của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã xếp đặt lại tốt mọi công việc từ Thuận, Quảng trở ra, diệt trừ được tình trạng rối ren ở Bắc Hà và tiến tới đại phá 20 vạn quân Thanh xâm lược sau này.

Trong khi các lãnh tụ Tây Sơn có sự hiềm khích xung đột thì tình hình Bắc Hà

cũng ngày càng rời nát thêm.

Tháng Một năm Bính Ngọ, Trịnh Bồng đem quân vây chặt hoàng thành, mưu đồ phế bỏ Lê Chiêu Thống, lập vua

1. Đại nam thực lục, Bản dịch đã dẫn, t. II, tr. 63.
 2. Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 14.
 3. La Bissachère trong Etat actuel du Tonkin, de ra Cochinchine... Galignani, Paris, 1812, tome II, p. 169, lại nói rằng: Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc, tuy bất hòa nhưng chưa cùng nhau giao chiến, vì khi sắp đánh nhau thì Nguyễn Lữ đứng ra điều đình, hai bên lại giảng hòa.
-

khác. Nhưng Lê Chiêu Thống được Hoàng Phùng Cơ đem quân tới bảo vệ. Âm mưu của Trịnh Bồng không thành. Lê Chiêu Thống viết thư triệu Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An về cứu giá.

Nguyễn Hữu Chỉnh vốn đã có ý muốn ở lại xưng hùng, xưng bá ở Bắc Hà ngay từ khi Nguyễn Huệ còn ở Thăng Long. Trong khi Nguyễn Hữu Chỉnh cùng Nguyễn Huệ đóng quân ở Thăng Long, Nguyễn Hữu Chỉnh đã có ý định chiếm giữ Nghệ An làm giang sơn riêng, nên mật tâu với Lê Chiêu Thống xin cho vào trấn thủ Nghệ An [1]. Nhưng vì Nguyễn Nhạc đem quân ra Thăng Long, Nguyễn Hữu Chỉnh chưa hiểu sự tình sẽ như thế nào, nên việc này tạm thôi.

Tuy nhiên, Nguyễn Huệ có thể đã thấy được tâm địa phản phúc ấy, nên khi rút quân về Nam, cả Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc đều không báo cho Nguyễn Hữu Chỉnh biết, để mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Bắc Hà. Khi thấy toàn quân Tây Sơn rút đi hết, Nguyễn Hữu Chỉnh hoang mang lo sợ đành phải xuôi thuyền về Nam. Thấy Nguyễn Hữu Chỉnh chạy theo, Nguyễn Huệ không nỡ từ bỏ, nhưng cũng không muốn cho con người phản phúc ấy theo về Phú Xuân, nên Nguyễn Huệ lưu Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Nghệ An.

Được cơ hội đó khi quân Tây Sơn đi khỏi, Nguyễn Hữu Chỉnh liền mộ quân mưu đồ sự nghiệp riêng [2], và cử người về Thăng Long xin với Lê Chiêu Thống cho làm trấn thủ Nghệ An. Đang bị Trịnh Bồng ức chế, mưu hại, Lê Chiêu Thống vội vàng viết thư gọi Chỉnh đem quân về cứu giá.

Lấy danh nghĩa tôn phò vua Lê, Nguyễn Hữu Chỉnh truyền hịch cần vương. Chỉ trong khoảng mười ngày, Nguyễn Hữu Chỉnh đã mộ thêm được hàng vạn quân.

=====

1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 140.
2. Thư của Le Roy ngày 6 tháng 12 năm 1786 đã dẫn ở trên. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 182 - 183. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học, t. XX, tr. 28.

=====

=====

cuối tháng Một năm Bính Ngọ (1786) Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An tiến quân về Thăng Long đánh tan các đạo quân của Trịnh Bồng, Trịnh Bồng phải rời khỏi Thăng Long, chạy lên vùng Kinh Bắc. Lê Chiêu Thống phong cho Nguyễn Hữu Chỉnh làm "Bình chương quân quốc trọng sự, đại tư đồ, tước Bằng trung công", cầm giữ tất cả quyền chính ở Bắc Hà.

Nguyễn Hữu Chỉnh đưa bè đảng chân tay vào giữ các chức ở trong triều, ngoài trấn và muốn nắm quyền làm chúa bên cạnh vua Lê như họ Trịnh thời xưa. Nguyễn Hữu Chỉnh ngày càng lộ hành, lấn lướt nhà vua, "quyền Chỉnh thật ngang với nhà vua, thế của Chỉnh có thể lật nghiêng cả nước" [1]. Lê Chiêu Thống chán nản, lo ngại. Triều thần văn võ đều thất vọng, lòng người thật là tan tác. "Bọn hào mục gian ác ở đâu thì tụ họp ở đấy, rồi đi cướp bóc lẫn nhau. Ngoài thành vài dặm đều là hang ổ của bọn trộm cướp" [2]. Khắp nơi đều có phong trào nổi dậy chống đối Nguyễn Hữu Chỉnh.

Riêng một trấn Cao Bằng chia làm hai đảng. Một đảng theo đốc trấn Lưu Tiệp ủng hộ Trịnh Bồng, một đảng theo đốc đồng Nguyễn Hàn phù Lê chống Trịnh. Hai đảng đánh phá lẫn nhau. Lưu Tiệp giết chết Nguyễn Hàn. Tình hình Cao Bằng càng rối loạn. Bọn hào mục trong trấn đều nổi lên, xưng hùng cát cứ, đem quân đánh giết lẫn nhau. Lưu Tiệp đành khoanh tay ngồi nhìn. Trong khi ấy thì Hà Quốc Kỳ ở Lạng Sơn, Triệu Văn Khương ở Thái Nguyên, Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang, Đinh Văn Hồ ở Hưng Hóa và các tù trưởng vùng Phù Sùng, Tây Lĩnh đều nổi lên chống lại mệnh lệnh của triều đình, đánh đuổi bọn quan lại ở các trấn [3]. Tình hình Bắc Hà thật rối nát. Dưới chính quyền

1, 2, 3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 195, 219 - 221.

của Nguyễn Hữu Chỉnh, khắp Bắc Hà không chỗ nào yên tĩnh.

Đường lối, chính sách của Nguyễn Hữu Chỉnh trái ngược hẳn với đường lối, chính sách của Nguyễn Huệ khi ở Bắc Hà, làm cho nhân dân Bắc Hà phải khổ sở. Đã thế, Nguyễn Hữu Chỉnh lại tỏ thái độ thù địch với phong trào Tây Sơn. Nguyễn Hữu Chỉnh dụ dỗ tướng Tây Sơn ở Nghệ An là Nguyễn Duệ theo về mình, mưu chiếm lấy Nghệ An, đắp lại lũy cũ Hoàn Sơn, lấy sông Gianh làm đường ranh giới phân chia Nam Bắc như xưa [1].

Tính chất phản động của Nguyễn Hữu Chỉnh đã bộc lộ rõ rệt, lãnh tụ Tây Sơn không thể không có biện pháp xử trí.

Đầu năm 1787, cuộc xích mích giữa các lãnh tụ Tây Sơn dần xếp xong, Nguyễn Huệ được rảnh tay để lo liệu công việc ngoài Bắc. Trước hết, Nguyễn Huệ cho Vũ Văn Nhậm đem quân ra chiếm giữ Nghệ An, lấy đó làm căn cứ tuyển mộ quân lính, thu thập lương thực, chuẩn bị tiến quân ra Thăng Long, trị tội Nguyễn Hữu Chỉnh, thu phục lại Bắc Hà.

Thấy mất Nghệ An, tháng Tư năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Hữu Chỉnh cho Trần Công Xán, nhân danh vua Lê, vào phú Xuân đòi Nguyễn Huệ trả lại đất Nghệ An. Trước những hành động chống đối của Nguyễn Hữu Chỉnh như vậy, Nguyễn Huệ quyết định cho quân tiến đánh Bắc Hà. Nguyễn Huệ cho Ngô Văn Sở đem thêm một cánh quân ra Nghệ An hợp lực với Vũ Văn Nhậm.

Tháng Một năm Đinh Mùi (1787), Vũ Văn Nhậm thống lĩnh hai vạn quân [2] tiến ra Bắc. Từ Thanh Hóa trở ra, quân của Nguyễn Hữu Chỉnh thất bại liên tiếp. Nguyễn Hữu Chỉnh thân đem hơn ba vạn quân [3] tới bờ sông Thanh Quyết để phòng thủ, chống lại Vũ Văn Nhậm, nhưng cũng

1, 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 225, 226, 241.

3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX, tr. 41.

bị đại bại. Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ còn vài trăm tàn quân chạy về Thăng Long. Tháng Chạp năm Đinh Mùi, Vũ Văn Nhậm tiến lên Thăng Long, Nguyễn Hữu Chỉnh đem Lê Chiêu Thống chạy sang vùng Kinh Bắc. Chỉ ít ngày sau Nguyễn Hữu Chỉnh bị Vũ Văn Nhậm bắt sống và giết chết.

Nhưng nạn Nguyễn Hữu Chỉnh vừa qua thì nạn Vũ Văn Nhậm lại tới. Bắc Hà

là cơ đồ đế vương sẵn có nền nếp từ hàng ngàn năm, nó rất dễ kêu gọi lòng tham của những kẻ kiêu ngạo, có binh quyền trong tay, mưu phú quý vinh hoa, xây dựng thành thọt giang sơn riêng biệt cho mình. Nguyễn Huệ khi ra Bắc diệt nhà Trịnh, vẫn giữ vững ý tôn phù, không xâm phạm của dân, không khuấy rối trong nước, không mưu đồ những quyền lợi riêng tây. Điều đó cũng là hiếm có đối với một người đã nắm cả vận mệnh Bắc Hà trong tay. Nhưng những người khác đương thời, khi có cái thế như Nguyễn Huệ, rất khó làm được như Nguyễn Huệ. Trước cái cơ đồ đế vương Bắc Hà, Nguyễn Hữu chĩnh đã đi vào con đường phản bội và Vũ Văn Nhậm cũng kế tiếp sa ngã theo.

Vũ Văn Nhậm vào Thăng Long tối hôm trước, thì ngày hôm sau cho quân lính ra phường phố cướp bóc của quý, tài sản của nhân dân. Giết được Nguyễn Hữu Chĩnh, Vũ Văn Nhậm càng kiêu ngạo, lộng hành, tự ý đúc ấn chương riêng, chuyên quyền định đoạt mọi việc.

Tuy Nguyễn Hữu chĩnh bị giết, nhưng bè đảng của Lê Chiêu Thống vẫn còn nhiều. Trần Quang Châu ở Kinh Bắc, Nguyễn Viết Tuyên ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, đều cầm quân giữ đất chống nhau với Vũ Văn Nhậm. Quyền hành của Vũ Văn Nhậm không vượt ra khỏi thành Thăng Long. Quân lính của Nhậm hễ ra khỏi thành là bị giết chết. Giặc cướp nổi lên khắp nơi, khói lửa chiến tranh diễn ra không ngớt. Vũ Văn Nhậm bắt nhân dân đắp lại thành để tự vệ. Vũ Văn Nhậm lại thẳng tay tàn sát nhân dân. Đã có lần, đề phòng những người chống

đổi lên vào thành, Vũ Văn Nhậm cho lòng bắt lắt cả những người ở trọ trong các phường phố kinh thành đem giết hết [1].

Tình hình Bắc Hà càng thêm rối loạn, nhân dân vô cùng ta oán. Nhưng Vũ Văn Nhậm rất chủ quan và đã từng lộ rõ ý đồ cát cứ của mình với các tướng lĩnh Tây Sơn ở Bắc Hà. Vũ Văn Nhậm ngang nhiên nói với Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

"Bọn Nhưộng, Tuyền chẳng qua hơi tàn thoi thóp; nắm lấy cánh tay, tự nhiên phải đến ... Nếu ta hạ một cái bảng, hẹn ngày phải tới cửa quân, không tới thì chém, chắc là chúng sẽ cởi áo mang roi đến xin chịu tội. Điều đó không phải là việc đáng lo ... Các ông khỏe sức đánh trận, ta sẽ giao cho các ông chia đường tiến đánh, rồi giữ lấy đất, làm bức tường thành cho ta, há chẳng tốt ư? Đến lúc đó, cuộc thế xoay vần, tự nhiên có nhiều việc hay, đường đường làm chủ không phải ta thì còn ai? ..." [2].

Tin Vũ Văn Nhậm làm rối loạn Bắc Hà và đương âm mưu làm phản đưa về tới Phú Xuân, Nguyễn Huệ quyết định thân đem quân ra Bắc Hà trị tội Vũ Văn Nhậm.

Tháng Tư năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ đốc lĩnh bộ binh và kỵ binh lên đường ra Bắc, đi gấp hơn 10 ngày tới Thăng Long [3]. Vũ Văn Nhậm bị giết chết ngay đêm hôm Nguyễn Huệ tới Thăng Long. Nguyễn Huệ trao quyền binh Bắc Hà cho Ngô Văn Sở, cử một số tướng lĩnh Tây Sơn đi trấn thủ các trấn ở

ngoài Bắc, trọng dụng các cựu thần nhà Lê như Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tôn, Nguyễn Bá Lan, v.v., phong quan tước cho họ và để họ ở lại ngoài Bắc giúp việc Ngô Văn Sở.

1, 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 285 - 286, 289 - 290.

3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch đã dẫn, tr. 291.

Tháng Năm năm Mậu Thân, Nguyễn Huệ lại đem quân về Phú Xuân ngay. Nguyễn Huệ không thể ở lâu ngoài Bắc, vì tình hình trong Nam đang rối ren nghiêm trọng.

Nguyễn Ánh đã đem quân về đánh phá miền Gia Định rất dữ dội. Nguyễn Lữ và Nguyễn Nhạc không đương đầu được với giặc. Quân Tây Sơn ở trong đó thất bại liên tiếp. Nguyễn Huệ cần có mặt ở Phú Xuân để chuẩn bị đối phó với tình hình.

Biết Nguyễn Huệ bận lo công việc ngoài Bắc và thế lực quân Tây Sơn ở Gia Định không mạnh, nên từ đầu tháng Bảy năm Đinh Dậu (1787), Nguyễn Ánh rời khỏi đất Xiêm, trở về quấy rối vùng Gia Định.

Nguyễn Ánh tiến quân về đến Long Xuyên, tướng Tây Sơn, Nguyễn Văn

Trương, trấn thủ Long Xuyên, không chống cự mà đem quân ra hàng giặc. Tháng Chín âm lịch (1787), Nguyễn Ánh tiến quân lên Cần Giờ. Chủ tướng Tây Sơn ở Gia Định là Nguyễn Lữ để Phạm Văn Tham ở lại giữ Sài Gòn, còn mình thì rút quân về Biên Hòa rồi chạy thẳng về Qui Nhơn. Phạm Văn Tham giữ vững Sài Gòn, quân Nguyễn Ánh tiến công nhiều lần nhưng không hạ được. Nguyễn Ánh phải rút quân về Hồ Châu. Phạm Văn Tham đem quân từ Sài Gòn ra Mỹ Tho đánh quân Nguyễn Ánh. Quân Nguyễn Ánh thua to, tướng giặc Nguyễn Đăng Vân bị Phạm Văn Tham bắt sống.

Nhưng thắng lợi này không cứu vãn nổi tình thế Gia Định. Các tướng Tây Sơn ở các địa phương liên tiếp thất bại và đầu hàng giặc, như Nguyễn Kế Nhuận ở Ba Vát, chương cơ Chân, hữu hiệu Huân ở Lương phú.

Tháng Mười Đinh Dậu, Nguyễn Nhạc cho Nguyễn Văn Hưng đem 30 thuyền vận tải từ Qui Nhơn vào tiếp viện cho Phạm Văn Tham. Phạm Văn Tham và Nguyễn Văn Hưng đem quân tiến đánh Nguyễn Ánh ở Mỹ Lung. Nguyễn Ánh ở trong thành cố thủ. Phạm Văn Tham đánh mãi không được. Mùa hè năm 1788, Nguyễn Văn Hưng rút quân về Qui Nhơn, Phạm Văn Tham cũng phải quay về Sài Gòn.

Tháng Tư năm Mậu Thân (1788), lại một tướng Tây Sơn nữa là cai cơ Viện mở cửa đồn Trấn Định ra đầu hàng Nguyễn Ánh.

Những thất bại liên tiếp của quân Tây Sơn ở Gia Định như thế đã buộc Nguyễn

Nhạc phải nhiều lần viết thư yêu cầu Nguyễn Huệ vào cứu viện [1].

Trước nguy cơ mất miền Gia Định về tay Nguyễn Ánh, và trước những lời kêu cứu của anh, Nguyễn Huệ không thể không lo tính đến việc vào đánh cứu Gia Định. Giải quyết xong vấn đề Bắc Hà, Nguyễn Huệ cần phải về ngay Phú Xuân để tổ chức một lực lượng quân đội mạnh, chuẩn bị tiến đánh Nguyễn Ánh ở Gia Định.

Khi ở Thăng Long về, Nguyễn Huệ đã đem theo nhiều quân ở Bắc Hà vào Phú Xuân [2] Và cho quân sĩ tập luyện rất ráo riết. Ngay từ giữa năm 1788, nhân dân Phú Xuân và các vùng Quảng Trị, Quảng Bình ngày nay, đã thực hiện khẩu hiệu "tận suất vi binh" [3] tức toàn dân tòng quân. Cho nên các địa phương đều có tập trung quân đông đảo, sẵn sàng lên đường chiến đấu, khi Tổ quốc cần đến. Tại kinh thành Phú Xuân, toàn dân đều học tập quân sự [4]. Trong một thời gian ngắn, Nguyễn Huệ đã có một đạo quân mạnh, sẵn sàng lên đường chiến đấu. Thủy quân của Nguyễn Huệ ở Phú Xuân khi ấy có 120 thuyền chiến, lục quân có khoảng 300 voi chiến. Nguyễn Huệ cho đúc nhiều đại bác lớn để trang bị cho đạo quân này [6] và cho đặt tám khẩu đại bác ở mặt trước Phú Xuân để bảo vệ kinh thành [7].

Một người pháp là Gờ-ra đờ Pơ-rê-vin (Gras de Préville), thuyền trưởng tàu Păng-đua (Pandour) tới khảo sát

1, 2. Thư của Doussain viết cho Bá Đa Lộc dẫn trong Alexis Faure, tài liệu đã dẫn, tr. 212.

3. Trong bức thư bằng tiếng Pháp đề ngày 16 tháng 6 năm 1788, Dousain đã tự viết hai chữ "tận suất" bằng tiếng Việt.

4, 5, 6, 7. Thư của giáo sĩ Doussain đã dẫn trên.

=====

miền Gia Định khoảng tháng 9 năm 1788, đã viết về Nguyễn Huệ và quân đội của ông lúc ấy như sau:

"Tây Sơn [1] rất mạnh; quân đội của Nguyễn Huệ, nếu không thiện chiến thì cũng rất đông, Nguyễn Huệ có voi để kéo pháo, và hơn nữa, Nguyễn Huệ có rất nhiều thuyền chiến, chiến hạm và tàu thuyền để chuyên chở quân đội. Nguyễn Huệ có nghị lực, có tài năng; đó là một vài nét về hình ảnh Nguyễn Huệ, theo dư luận quần chúng" [2].

Nguyễn Huệ đã có một quân đội mạnh và sẵn sàng chiến đấu như vậy, mà tình hình Gia Định thì ngày càng khẩn trương. Tháng Tám năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Ánh đánh chiếm được thành Gia Định, chủ tướng quân Tây Sơn ở Gia Định là Phạm Văn Tham phải chạy vào Ba Xắc. Đất Gia Định có nguy cơ mất hết vào tay Nguyễn Ánh. Nhưng Nguyễn Huệ vẫn không thể quyết định tiến quân vào Nam đánh cứu Gia Định, vì ngoài Bắc lúc ấy lại đang bị nạn ngoại xâm đe dọa.

Khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc giết chết Vũ Văn Nhậm, bọn phản động Lê

Chiêu Thống vẫn tiếp tục chống đối phong trào Tây Sơn. Chúng chia ra làm nhiều toán để mưu đồ đánh lại quân Tây Sơn của Ngô Văn Sở. Lê Chiêu Thống và một số tướng chân tay đóng quân ở Lạng Giang, Kinh Bắc. Mẹ Lê Chiêu Thống cùng một số chân tay đóng quân ở Cao Bằng. Em Lê Chiêu Thống là Lê Duy Chi cùng một số tù trưởng chiếm giữ Định Châu (Thái Nguyên).

Tháng Năm âm lịch (1788) [3] quân Tây Sơn cùng phiên mục Cao Bằng là Bế Nguyễn Trù và người thổ dân Lạng Sơn là Quyền Trâm tiến lên đánh úp trấn doanh Cao Bằng. Mẹ

1. Chỉ Nguyễn Huệ.
 2. Alexis Faure, tài liệu đã dẫn, tr. 199.
 3. Hoàng Lê nhất thống chí nói là tháng 5, Việt sử thông giám cương mục nói là tháng 7.
-

Lê Chiêu Thống và bọn chân tay theo đường Thủy Khẩu chạy sang Long Châu cầu cứu nhà Thanh. Tháng Bảy âm lịch năm ấy [1] Lê Chiêu Thống từ Kinh Bắc cũng cho chân tay sang Quảng Tây van xin quân Thanh cứu viện.

Bọn vua tôi nhà Thanh, nhân cơ hội đó, gấp rút chuẩn bị lực lượng để tiến sang xâm lược Việt Nam.

Tin bọn phản động Lê Chiêu Thống cầu viện quân Thanh và quân Thanh mưu đồ xâm lược Việt Nam đã đưa về Phú Xuân từ tháng Bảy năm Mậu Thân (1788) [2]. Trước nạn ngoại xâm đe dọa Bắc Hà như vậy, Nguyễn Huệ không thể tiến quân vào Gia Định để đánh Nguyễn ánh. Nguyễn Huệ phải chờ tình hình thật chín muồi mới quyết định phương hướng tiến quân: vào Nam hay ra Bắc. Nếu quân Thanh sang xâm lược thì trước nguy cơ mất nước, Nguyễn Huệ phải đem quân ra Bắc Hà đánh tan quân Thanh rồi sau sẽ tính việc đánh bọn phản động Nguyễn ánh ở Gia Định. Đó là tất cả phương hướng chiến lược của Nguyễn Huệ ở cuối năm 1788. Phương hướng ấy rất đúng.

Tháng Một âm lịch (1788), 20 vạn quân Thanh sang xâm lược, Nguyễn Huệ đã chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng tiến quân ra Bắc chiến đấu một sông một còn với quân cướp nước. Và Nguyễn Huệ đã chiến thắng, giữ vững nền độc lập của Tổ quốc.

-
1. Hoàng Lê nhất thống chí nói là tháng 9, Việt sử thông giám cương mục nói là tháng 7.
 2. Lê sử bỏ, tờ 263.
-

QUÂN THANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Được bọn vua tôi nhà Lê sang cầu viện, bọn vua tôi nhà Thanh vội vàng nắm lấy cơ hội để mưu đồ xâm lược Việt Nam. Chúng chuẩn bị hết sức khẩn trương kế hoạch đưa quân sang chiếm đóng nước ta. Sau khi nhận lời và mượn tiếng "cứu giúp" bọn vua tôi bán nước Lê Chiêu Thống, Càn Long đã lập tức cùng Tôn Sĩ Nghị tiến hành một số biện pháp chuẩn bị như sau:

1. Tăng cường quân số canh giữ các đồn dọc biên giới Việt Trung để phòng quân Tây Sơn tràn sang lùng bắt bọn vong thân nhà Lê. Việc này trao cho viên đề đốc Tam Đức đảm nhiệm [1].
2. Làm hịch trao cho bọn quan lại nhà Lê đem về truyền bá ở trong nước, xúi giục nhân dân nổi lên chống lại Tây Sơn và động viên bọn quan lại cũ của Lê Chiêu Thống mộ quân cần vương, hưởng ứng và hiệp lực với quân Thanh xâm lược.
3. Hạ lệnh cho viên tù trưởng Sầm Nghi Đống, tri phủ phủ Điện Châu là một vùng thiểu số ở gần Long Châu đứng ra cùng với bọn chúa tôi nhà Lê là Lê Duy Chi, Nguyễn Đình Mai, chiêu mộ những quân tình nguyện [2] mà

-
1. Ngô gia văn phái, Hoàn Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 326.
 2. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, Sách Trung Quốc, xuất bản năm 1812, gồm 14 quyển, Bản in của Trung Hoa thư cục, Thượng Hải, q. 6, mục "Càn Long chinh phủ An-nam ký", tờ 34.
-

chúng gọi là quân "nghĩa dũng" ở Điện Châu và vùng biên giới Cao Bằng,

Long Châu để làm đội quân dẫn đường cho các đạo quân chính quy của nhà Thanh tiến vào chiếm đóng Việt Nam.

4. Điều động một lực lượng quân đội chính quy rất lớn để sang xâm lược Việt nam, gồm có lực lượng của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu và thủy quân của hai tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến.

Những công việc chuẩn bị này đã đạt một số kết quả theo ý muốn của chúng. Hịch của bọn xâm lược đưa sang Việt Nam đã khuyến khích bọn phản động nhà Lê ở trong nước tích cực chiêu mộ "quân cần vương" để đón quân xâm lược vào giày xéo Tổ quốc. Những tờ hịch huênh hoang ấy còn lôi kéo được bọn chủ thầu khai mỏ ở Thái Nguyên là họ Trương và họ Cát, người Triều Châu (Quảng Tây), hưởng ứng bọn xâm lược, đứng ra tụ tập được hơn một vạn người Triều Châu trú ngụ ở miền núi phía bắc nước ta, lập thành một đạo quân tình nguyện chia làm mười đoàn, mỗi đoàn một nghìn người, xin gia nhập đạo quân "nghĩa dũng" Điện Châu của Sầm Nghi Đống và tình nguyện làm những đội quân dẫn đường cho các đạo quân xâm lược tiến vào Việt Nam [1]. Bọn Càn Long, Tôn Sĩ Nghị cũng đã nhanh chóng tập trung được một đạo quân lớn mà Tôn Sĩ Nghị trong tờ hịch của hắn đã khoa đại quân số tới 50 vạn người [2]. Đạo quân Thanh xâm lược này, tuy không lớn đến như thế, nhưng, trong thực tế, riêng lực lượng, chúng cũng đã tập trung được tới 20 vạn người, không kể thủy quân và các đạo quân tình nguyện "nghĩa dũng" [1] ở Điện Châu, Thái Nguyên cùng các đạo quân "cần vương" của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống ở Bắc Hà.

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 328 - 329.
 2. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 336.
-

Công tác chuẩn bị hoàn thành, Càn Long lại chiếu cho Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc lưỡng Quảng làm Chinh Man đại tướng quân [1] thống lĩnh 20 vạn lục quân của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, chờ ngày lên đường tiến đánh Việt Nam. Càn Long lại đặc cử tổng đốc Vân Nam, Quý Châu là Phúc Khang An chuyên trách việc trù tính quân lương [2] cho đoàn quân xâm lược. Trong cuộc xâm lược này, Càn Long đã đặt vấn đề quân lương lên một tầm quan trọng đặc biệt, ngang hàng với việc chiến đấu ngoài mặt trận. Thực hiện nhiệm vụ đó, khi đoàn quân xâm lược tiến sang Việt Nam thì từ hai địa điểm xuất quân ở Quảng Tây và Vân Nam tới kinh thành Thăng Long, Phúc Khang An đã lập được trên bảy mươi đồn quân lương [3] to lớn và kiên cố. Riêng trên một chặng trường từ ải Nam Quan tới Thăng Long, trong khi Tôn Sĩ Nghị hành quân thì Phúc Khang An cũng đã lập được mười tám kho quân lương [4].

Những sự chuẩn bị như trên cho thấy rất rõ dã tâm của bọn Càn Long, Tôn Sĩ Nghị muốn đánh chiếm nước Việt Nam cho bằng được, để làm quận huyện của chúng.

Sau khi cử Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh lục quân, Càn Long gửi cho Tôn Sĩ Nghị

một bản chỉ dụ, vạch ra những phương hướng chiến lược, đại ý như sau:

"... Cứ từ từ, không gấp vội. Trước hãy truyền hịch để gây thanh thế, sau cho bọn cựu thần nhà Lê về nước tìm tự quân nhà Lê đưa ra đương đầu đối địch với Nguyễn Huệ. Nếu Huệ bỏ chạy thì cho Lê tự quân đuổi theo, mà đại quân của ta thì đi tiếp sau.

1 Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 336.

2, 3. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 35.

4. Trần Nguyên Nhiếp, Quân doanh kỷ lược, dẫn trong cách mạng Tây Sơn của Văn Tân, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội. 1958, tr. 135.

Như thế, không khó nhọc mà thành công, đó là thượng sách.

Nếu như người trong nước, một nửa theo về Huệ mà Huệ không chịu rút quân, thì phải chờ thủy quân Mân Quảng [1] vượt biển, đánh vào Thuận, Quảng [2] trước, sau đó lục quân [3] mới tiến công cả hai mặt, đằng trước, đằng sau, Nguyễn Huệ đều bị đánh, tất phải quy phục. Ta nhân đó giữ cả hai. Từ Thuận, Quảng vào Nam thì cắt chia cho Nguyễn Huệ. Từ Hoan ái [4] trở ra Bắc thì phong cho họ Lê. Mà ta thì đóng đại quân ở nước ấy để kiểm chế. Về sau sẽ có cách xử trí khác" [5].

Chiến lược của Càn Long thật quỷ quyệt. Hấn muốn dùng một chiến lược mà tất cả những kẻ đi cướp nước vẫn thường dùng là "lấy người Việt Nam đánh người Việt Nam". Hấn muốn dùng binh không vất vả mà chiếm đóng

được toàn bộ nước ta.

Chiến lược xâm lăng của Càn Long chia làm hai bước rất rõ rệt.

- Bước thứ nhất: lấy quân "cần vương" của Lê Chiêu Thống làm lực lượng chủ yếu để đánh quân Tây Sơn, quân Thanh xâm lược chỉ đóng vai trò trợ lực. Nếu quân Lê Chiêu Thống chiến thắng quân đội Tây Sơn thì bước thứ nhất của kế hoạch hoàn thành. Quân Thanh sẽ không chế bọn vua tôi nhà Lê, biến Lê Chiêu Thống thành tên vua bù nhìn. Như thế là chiến lược xâm chiếm Việt Nam hoàn thành. không cần phải thực hiện bước thứ hai. Và ngay từ trong bước thứ nhất, quân đội nhà Thanh cũng chỉ đóng ở

-
1. Mân Quảng, tức Phúc Kiến, Quảng Đông (Trung Quốc).
 2. Thuận, Quảng, tức Thuận Hóa, Quảng Nam (Việt Nam).
 3. Lực lượng do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy.
 4. Hoan ái, tức Nghệ An, Thanh Hóa.
 5. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 3.
-

biên giới để phô trương thanh thế, còn mặc cho quân Lê Chiêu Thống chiến đấu. Khi quân Lê Chiêu Thống đã chiến thắng thì quân đội nhà Thanh sẽ ung dung kéo sang chiếm đóng.

- Bước thứ hai của chiến lược mà quân Thanh phải thực hiện là khi nào quân

"cần vương" của lên vua bán nước Lê Chiêu Thống không thể chiến thắng được quân đội Tây Sơn, thì quân Thanh sẽ là lực lượng chủ yếu để chiến đấu với quân đội Tây Sơn. Nhưng khi phải thực hiện bước thứ hai thì đạo bộ binh 20 vạn người do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh cũng không được phép tiến sang Việt Nam ngay, mà phải đợi khi nào thủy quân ở Mân Quảng đã tiến xuống đánh Thuận, Quảng thì lực quân của Tôn Sĩ Nghị mới được tiến vào Bắc Hà.

Với chiến lược ấy, rõ ràng là Càn Long vẫn tỏ ra chủ quan và chưa đánh giá đúng lực lượng hùng mạnh của quân đội Tây Sơn dưới sự lãnh đạo thiên tài của Nguyễn Huệ.

Nếu chiến lược của Càn Long được thực hiện nghiêm túc thì nó sẽ dẫn tới hai trường hợp. Một là thực hiện bước thứ nhất không thành công, quân Lê Chiêu Thống không thể chiến thắng được quân Tây Sơn hoặc bị quân Tây Sơn tiêu diệt, bọn vua tôi nhà Thanh đành lìa bỏ cái mộng xâm chiếm Việt Nam và rút quân đội xâm lược về. Như thế thì chúng không tổn thất gì. Hai là nếu như chúng cứ liều lĩnh thực hiện bước thứ hai của chiến lược, cho quân thủy bộ tiến đánh Việt Nam, thì dù chúng không chiến thắng được quân đội Tây Sơn, dù phải tổn thất nhiều chẳng nữa, nhưng có lẽ cũng không đến nỗi bị tiêu diệt hoàn toàn và nhanh chóng. Đó là điểm đáng kể trong chiến lược của Càn Long.

Tôn Sĩ Nghị còn chủ quan hơn Càn Long. Chính vì thế mà đã thất bại, có lẽ là một sự thất bại thảm hại nhục nhã nhất trong lịch sử xâm lược của phong kiến phương Bắc vào Việt Nam, một sự thất bại đã vĩnh viễn chấm dứt lịch sử xâm

lược của chúng vào Việt Nam.

Tôn Sĩ Nghị biết quân đội Nguyễn Huệ là một quân đội lợi hại, tuy hấn chưa biết được đầy đủ. Cho nên hấn không tin quân đội cần vương ô hợp của Lê Chiêu Thông có thể thắng được quân đội Nguyễn Huệ. Về điểm này, Tôn Sĩ Nghị hơn Càn Long. Nhưng Tôn Sĩ Nghị lại chủ quan cho rằng hấn sẽ chiến thắng quân đội Nguyễn Huệ một cách dễ dàng.

Đã có 20 vạn lục quân trong tay, Tôn Sĩ Nghị nóng lòng muốn lập tức chiếm đóng Việt Nam. Tôn Sĩ Nghị không muốn ngồi chờ ở biên giới để thực hiện từng bước chỉ dụ của Càn Long. Tôn Sĩ Nghị dâng sớ về triều nói rõ cái lẽ cần phải đưa quân sang Việt Nam, không thể trông cậy ở khả năng chiến đấu của bọn vua tôi nhà Lê:

"Thần nghe họ Lê ở nước An Nam hèn yếu, sau này không chắc đã giữ được nước. Nay họ sang cầu cứu, bản triều theo nghĩa phải cứu giúp. Vả chẳng An Nam vốn là đất cũ của Trung Quốc [1], nếu sau khi khôi phục họ Lê rồi, nhân đó lại cho quân đóng giữ thì như thế là bảo tồn họ Lê mà đồng thời lại chiếm được nước An Nam, một công mà hai việc vậy" [2].

Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh, người được cử cùng Tôn Sĩ Nghị mưu tính việc xâm lược Việt Nam, cũng thấy rõ bọn vua tôi nhà Lê nhất định sẽ bị quân đội Tây Sơn tiêu diệt, như nhận định của Tôn Sĩ Nghị. Nhưng Tôn Vĩnh Thanh vẫn tán thành chiến lược của Càn Long và dâng sớ phản đối Tôn Sĩ

Nghị:

=====

1. Có nghĩa là thuộc địa cũ, đất đô hộ cũ của giai cấp phong kiến Trung Quốc.
2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 332.

"Hiện nay họ Lê họ Nguyễn [1] đang đánh nhau, họ Lê thế nào cũng bị họ Nguyễn thôn tính. Chi bằng cứ đóng quân yên lặng rồi sau đó nhân lúc cả hai bên đều kiệt quệ, bấy giờ ta sẽ đánh lấy cũng chưa muộn gì" [2].

Kiên quyết thực hiện mưu đồ của mình, Tôn Sĩ Nghị lại dâng sớ tâu đối Càn Long, nêu lên những điều kiện thuận lợi và cần thiết phải tiến quân ngay vào Thăng Long:

"Vâng lời thượng dụ: chỉ nên làm thanh viện cho họ, để họ tự lo lấy không cần phải dấy quân làm to chuyện. Kính tuân theo thánh chỉ ấy thần đã tra xét kỹ càng các nơi đường sá qua lại, từ đài Chiêu đức đến đô thành nước họ, quân đi chẳng qua chỉ mất sáu ngày. ở Lạng Sơn hơi có lam chướng. Qua khỏi đó thủy thổ đều tốt lành. Đại quân tiến lên đóng ở La Thành [3] vừa không nóng nực lại không có lam chướng. Vả lại cũng cần diễu võ gương oai, phô trương thanh thế quân ta ở đây để cho giặc biết là không thể địch nổi. Rồi sau đó mới sai phái các quân ứng nghĩa của nước họ tự đi đánh dẹp lấy. Quân ta sẽ không đến nỗi phải vấy máu mũi gươm, mà quân giặc đều bị bắt giết. Như vậy công trạng hăn chóng thành ..." [4].

Cũng nóng lòng muốn sớm chiếm đóng Việt Nam như Tôn Sĩ Nghị, Càn Long

tự hủy bỏ chiến lược của mình đã đề ra, tán thành đề nghị của Tôn Sĩ Nghị và hạ lệnh cho Sĩ Nghị xuất quân.

=====

1. Họ Nguyễn đây là chỉ Nguyễn Huệ.
 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 332.
 3. La Thành tức kinh thành Thăng Long.
 - 4 . Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch, tr. 330 - 331.
- =====

Như thế là sang xâm lược Việt Nam lần này, quân Thanh chỉ có lục quân, không có thủy quân. Lục quân Thanh gồm có các đạo bộ binh của bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu và đạo quân "nghĩa dũng" ở Diên Châu, tất cả là 20 vạn người, đặt dưới quyền tiết chế của Tôn Sĩ Nghị.

Quân Thanh theo ba đường tiến sang Việt Nam:

- Các đạo quân Vân Nam, Quý Châu, do đề đốc Vân Quý Ô Đại Kinh, từ Vân Nam qua cửa ải Mã bạch quan [1], theo đường Tuyên Hóa, Tuyên Quang, xuống Sơn Tây, vào Thăng Long.
- Đạo quân tình nguyện Diên Châu, do Sầm Nghi Đống quản lĩnh, theo đường Long Châu sang Cao Bằng [3] xuống Thái Nguyên tiếp nhận các đoàn quân tình nguyện Triều Châu của hai họ Trương, họ Cát, rồi cùng tiến vào Thăng Long.
- Các đạo lục quân Quảng Đông, Quảng Tây, do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy,

có đề đốc Hứa Thế Hanh làm phó tướng, tiến xuống cửa ải Nam Quan đánh vào Lạng Sơn.

- Đạo quân này là đạo quân chủ lực. Tổng binh Thượng Duy Thăng, phó tướng Khánh Thành quản lĩnh lực quân Quảng Tây. Các tổng binh Trương Triều Long và Lý Hóa Long quản lĩnh lực quân Quảng Đông [4].

Ngày âm lịch 28 tháng Mười năm Mậu Thân tức 25 tháng 11 năm 1788, tất cả các đạo quân đều cùng xuất phát.

=====

1 . Ngụy Nguyên, Tài liệu đã dẫn. tờ 35.

2. Tuyên Hóa tức huyện Đình Hóa thuộc Thái Nguyên.

3. Nguyễn Thu, Lê quý kỷ sử, Bản chép tay của Viện Sử học, ký hiệu H.V. 498. tờ 41. Gần đây, một vài tài liệu thường viết Sầm Nghi Đống đem quân từ Khâm Châu sang Cao Bằng, là không đúng, lẫn lộn Long Châu với Khâm Châu. Nếu quả thật Sầm Nghi Đống ở Khâm Châu, miền biển tỉnh Quảng Đông thì không có lý gì lại đem quân đi vòng qua Quảng Tây để xuống Cao Bằng, trong khi quân Quảng Tây chỉ việc đi thẳng xuống Nam quan vào Lạng Sơn.

4. Ngụy Nguyên, Tài liệu đã dẫn, tờ 35.

=====

Trước khi quân Thanh lên đường, Tôn Sĩ Nghị ban bố cho toàn quân của hắn tám điều quân luật như sau:

"Điều thứ 1. Đại binh ra ải, vốn để dẹp giặc an dân. Hễ qua các nơi đều phải nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, không được quấy nhiễu nhân dân, cướp bóc chợ

búa.

Điều thứ 2. Ngoài ải, non cao rừng hiểm, miền ấy rất dễ mai phục, trước hết phải san bằng đá tảng, phát hết bụi rậm, để cho trước mắt quang đãng có thể vững lòng mà tiến lên. Nếu gặp chỗ nào đất mới xộp bở, càng nên để ý xem xét, để đề phòng mưu gian của giặc.

Điều thứ 3. Hễ nơi nào đại binh định đóng thì trước hết phải xem xét địa phương, chọn lấy hình thế, tìm nơi dễ lấy nước, lấy cỏ, chớ có đóng gần rừng rậm, bốn mặt phải đào hào đắp lũy và đốc xuất binh lính đêm ngày tuần phòng, ngày đêm phải cho quân đi dò xét ở ngoài mười dặm, không được ồn ào, để gây ra kinh sợ rối loạn.

Điều thứ 4. Người Nam đánh trận, hay dùng sức voi. Voi không phải là vật nội địa từng tập quen, nên hễ gặp phải, trước tiên quân ta thế nào cũng tránh chạy. Không biết rằng sức voi tuy khỏe, chung qui cũng là thân máu thịt, không thể đương được với súng ống của ta. Nếu thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và đao, làm cho nó bị đau mà chạy trở lại, giày xéo lẫn nhau, quân ta nhân cơ hội ấy mà tiến lên chém giết, thế nào cũng thắng trận, không còn nghi ngờ gì nữa. Cần phải chỉ bảo cho nhau cùng được biết.

Điều thứ 5. Quân Nam không có sở trường gì khác, toàn dùng thứ ống phun lửa làm lợi khí, gọi là "hỏa hồ". Khi hai quân giáp nhau, trước hết họ dùng thứ

đó đốt chạy quần áo người ta, buộc người ta phải lui. Nhưng tài nghệ của họ cũng chỉ có thế mà thôi, so với súng ống của ta thì còn kém rất xa. Hiện ta đã chế sẵn vài trăm lá chắn bằng da trâu sống. Nếu gặp "hỏa hổ" của người Nam phun lửa, thì quân ta một tay cầm lá chắn đỡ lửa, một tay cầm dao chém. bừa, chắc rằng chúng sẽ phải bỏ chạy tan tác.

Điều thứ 6. Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối, dòng sông, chỗ nào nước sâu thì phải lấy tre, gỗ bắc làm cầu phao, để binh mã vượt qua cho tiện, chỗ nào sông hẹp nước nông, thì viên quan coi quân phải dò thử đích xác, rồi cho quân lính nối tiếp nhau như xâu cá mà kéo đi. Lúc xuống nước không được đem bụi nhùi, thuốc súng bịt đầu vớt đầu để bị ẩm ướt.

Điều thứ 7. Rau củ của đại binh dùng hàng ngày, đã có tiền công cấp phát, chỉ được đổi chác với người Nam bằng cách thuận tình, không được tự tiện chặt cây cối ở các làng xóm, để sinh ra tranh giành. Nếu ở chỗ nào cách rừng núi độ một hai dặm, cần sai quân lính bảo vệ cho kẻ đi kiếm củi, không được tự ý đi xa để xảy ra biến cố khác. Đến như việc lấy nước nấu cơm, cũng phải do viên quan coi quân xét nghiệm rõ ràng, quả thật trong sạch không có độc mới cho mức uống.

Điều thứ 8. Những quân lính bị thương hoặc bị ốm, viên quan coi quân phải tra xét tường tận, làm giấy bẩm rõ rồi cho đưa về doanh điều trị, để tỏ sự giúp đỡ thương xót. Nếu có bọn quân lính không tốt, giả làm bị thương hay đau ốm, hòng được về nhà, một khi tra ra sẽ trị tội ngay tức khắc. Và lại, lần này hành

quân xa xôi qua biên ải, triều đình thương đến binh lính, đã chu cấp rộng ra ngoài thể lệ, mỗi người lính được cấp một tên phu. Các viên coi quân cần hiểu dụ trước cho mọi người biết. Lính và phu cũng cần phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không được tùy tiện sai khiến một cách tàn ngược. Đến như lúc hành quân, lính đề phải mang lấy khí giới, không được tự mình buông tay đi không, việc gì cũng giao cho phu dịch mang đội, để đến nỗi họ không thể chịu nổi, phải giữa đờn bỏ trốn. Ngoài ra, số phu quá nhiều, tra cứu rất khó, thậm chí có người ở doanh trước lẫn vào doanh sau, người này, người kia không quen biết nhau, dễ sinh ra lộn xộn. Do đó phải cấp cho mỗi tên phu một mảnh thẻ bài đeo ở lưng, kê rõ tên họ, doanh hiệu, để tiện nhận xét phân biệt.

Các điều quân luật trên đây, quân lính đều phải tuân theo một cách nghiêm túc. Kẻ nào làm trái, nhất thiết xử theo quân pháp, không tha" [1].

Những điều quân luật trên đây chứng tỏ Tôn Sĩ Nghị là một viên tướng xâm lược xảo quyệt. Trong những điều quân luật hán cố ý nêu lên danh nghĩa "đẹp giặc, an dân", đề ra những kỷ luật "cấm những nhiễu, cướp bóc" để lừa dối nhân dân ta. Nhưng Tôn Sĩ Nghị vẫn lo sợ sự phản ứng mạnh mẽ của nhân dân ta, nên bên cạnh những điều quân luật lừa phỉnh ấy, hán phải đề ra những biện pháp đề phòng: hành quân, đi đứng, qua rừng qua núi, trèo đèo lội suối như thế nào để không sa hãm mắc bẫy, không bị nhân dân ta phục kích; đóng quân, bố phòng như thế nào để khỏi bị nhân dân ta tập kích bất ngờ, v.v.

Tuy nhiên, những điều quân luật của Tôn Sĩ Nghị không thể có giá trị, bởi vì bản chất quân đội của hắn là quân đội xâm lược; làm nhiệm vụ cướp nước, giết người lấy của thì một khi đặt chân lên đất nước Việt Nam, làm sao chúng lại có thể giữ kỷ luật nghiêm minh để không giết người cướp của, nhất là khi chúng thấy xâm lược dễ dàng,

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch tr. 333 - 335.

không đánh cũng thắng, không gặp một sức kháng cự đáng kể nào suốt từ biên giới đến Thăng Long. Cho nên, một khi tới Thăng Long, quân Thanh, từ chủ tướng Tôn Sĩ Nghị cho tới sĩ tốt, đều tự ý hủy bỏ mọi quân lệnh, mọi kỷ luật mà chúng đã đề ra khi mới xuất phát, và chúng đã trở thành chủ quan khinh địch đến cao độ, chênh mảng với nhiệm vụ tiến công liên tục để hoàn thành mưu đồ của chúng là xâm lược toàn bộ nước Việt Nam.

Trong 8 điều quân luật nói trên, Tôn Sĩ Nghị đã tính toán cả đến những phương pháp đối phó với những phương tiện chiến đấu rất quen thuộc của quân đội Tây Sơn là các đoàn quân voi và hỏa hổ, và cũng là hai thứ phương tiện chiến đấu mà quân Thanh không có. Nhưng mặc dầu tính toán, Tôn Sĩ Nghị vẫn chưa thấy hết được sức mạnh của quân đội Tây Sơn, chưa lường được tính lợi hại của những phương tiện chiến đấu của quân đội Tây Sơn.

Trong quân đội Tây Sơn, pháo binh là voi mang pháo trên lưng hoặc kéo theo

sau. Trong tay các chiến sĩ dũng cảm và mưu trí của quân đội Tây Sơn sự kết hợp đó đã phát huy tác dụng vô cùng to lớn mà Tôn Sĩ Nghị đã không lường thấy được.

Tôn Sĩ Nghị có tính toán đến cách đối phó với hỏa hổ, một phương tiện chiến đấu sở trường của quân đội Tây Sơn. Nhưng hỏa lực của quân đội Tây Sơn không phải là chỉ có hỏa hổ mà hỏa lực chủ yếu lúc ấy là súng trường, đại bác. Tôn Sĩ Nghị đã không biết những điều đó, cho nên những tính toán trước của Tôn Sĩ Nghị đều không có giá trị.

Về phía nghĩa quân Tây Sơn, ngay từ tháng Bảy năm Mậu Thân (1788), tức là hai tháng sau khi Nguyễn Huệ rời khỏi Thăng Long về Phú Xuân, Ngô Văn Sở đã cho người vào Phú Xuân báo cáo với Nguyễn Huệ tình hình chuẩn bị của quân Thanh xâm lược [1]. Nhưng Nguyễn Huệ vẫn bình tĩnh trước tình hình, vững tin ở sức mạnh của mình. Một mặt Nguyễn Huệ trao cho các tướng lĩnh ở Bắc Hà trách nhiệm tự liệu đối phó với địch lúc ban đầu, một mặt Nguyễn Huệ tích cực chuẩn bị lực lượng sẵn sàng tiêu diệt địch, một khi chúng dám tiến sâu vào đất nước Việt Nam. Cho nên việc quân Thanh tiến sang xâm lược Việt Nam không phải là một điều bất ngờ và các tướng lĩnh Tây Sơn ở Bắc Hà đã chủ động đối phó trước mọi tình hình xảy ra.

Với một lực lượng hết sức hạn chế, khoảng một vạn quân chủ lực, các tướng lĩnh Tây Sơn ở Bắc Hà vẫn bố trí phòng thủ, trong phạm vi có thể được của

mình để tùy tình hình sau này sẽ xử trí. Riêng Lạng Sơn là nơi giáp biên ải với Trung Quốc, hai tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diễm và Phan Khải Đức [2] đều tới cầm quân phòng giữ.

Nhưng dù bố trí phòng thủ như vậy, các tướng lĩnh Tây Sơn ở Bắc Hà cũng tự biết rằng trên dưới một vạn quân chủ lực của mình không phải là lực lượng có đủ sức ngăn chặn được bước tiến của 20 vạn quân xâm lược. Cho nên khi được tin cấp báo quân Thanh đã xuất phát và tiến gần đến biên ải, các tướng lĩnh Tây Sơn một mặt cử một phái đoàn gồm một số quan lại cũ của nhà Lê là Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Võ Huy Tấn, Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chử, Nguyễn Đăng Đàn đem một bức thư ký tên giám quốc Lê Duy Cận và một tờ bẩm văn ký tên các hào mục Bắc Hà tới biên ải trao cho quân Thanh, nghị hòa làm kẻ hoãn binh, một mặt các tướng lĩnh Tây Sơn họp bàn kế hoạch đối phó với địch. Trong cuộc họp bàn, cũng có những tướng lĩnh khẳng khái muốn đánh địch ngay, không kể lực lượng địch lớn mạnh như thế nào. Muốn noi gương Lê Lợi, vận dụng yếu tố bất ngờ đánh địch, như đã giết chết Liễu

=====

1 . Lê sử sở, tờ 263.

2. Phan Khải Đức, người Nghệ An, học trò La sơn phu tử Nguyễn Thiếp.

=====

Thăng ở núi Mã Yên, Chương phủ Nguyễn Văn Duyệt chủ trương:

"Nay người Thanh ở xa đến đây, phải trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi

mà đón đánh quân nhọc mệt, nhằm trước các nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ, cứ làm theo kế ấy, lo gì mà không thắng" [1].

Cùng một lòng kiên quyết đánh địch như Nguyễn Văn Dúng, nhưng nhận định tình hình sâu sắc hơn, Ngô Thời Nhiệm đưa ra một chủ trương khác. Ông đã phân tích rõ tình hình trước mắt giữa ta và địch và đề nghị một kế hoạch cụ thể như sau với các tướng lĩnh:

"Phép dụng binh chỉ có một đánh, một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước làm nội ứng cho chúng phần nhiều lại phao tin đồn nhảm, làm cho thanh thế của chúng to thêm, để cho lòng người sợ hãi lay động. Quân ta có ai được sai phái đi đâu, vừa ra khỏi thành là đã bị bắt giết. Số người Bắc Hà thuộc vào số quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Dem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bày dê đi chơi cộp dừ, không thua sao được? Đến như việc đóng cửa thành mà có thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Dầu cho Tôn, Ngô [2] sống lại, cũng phải bó tay, không thể làm gì được. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ kỹ mà xem! Đánh đã chẳng được, giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai chức đánh và giữ đều không phải là kế hay.

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 319.
2. Tôn là Tôn Vũ thời Xuân Thu, Ngô là Ngô Khởi thời Chiến Quốc, cả hai đều là nhà quân sự có tài của Trung Quốc, thời kỳ trước công nguyên.

Nghĩ cho cùng thì chỉ còn một kế này: sớm truyền cho thủy quân chở đầy các thuyền lương, thuận gió gương buồm, ra thẳng cửa biển đến vùng Biện Sơn [1] mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, goiing trống lên đường, lui về giữ núi Tam Điệp [2]. Hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử xem quân Thanh đến thành, khu sử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu Thống sau khi phục quốc, xếp đặt việc quân việc nước như thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen, cũng chưa muộn gì" [3].

Và Ngô Thời Nhiệm khẳng định:

"Tướng giỏi đời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tùy theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước; đừng có đem nước sau làm nước trước, đó mới là tay cao cờ. Nay ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên. Cho chúng ngủ trọ một đêm, rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích của nước Tấn đời xưa vẫn nguyên lành chứ có mất gì ..." [5].

1. Biện Sơn là một vùng bờ biển ở giữa Thanh Hóa và Nghệ An, tại đây có một cửa biển, thường gọi là cửa Bạng.

2. Núi Tam Điệp, thường gọi đèo Ba Dội, là một dãy núi chạy dài ra biển theo

đường ranh giới giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa.

3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch đã dẫn, tr. 340 - 341.

4. Thời Xuân Thu (Trung Quốc), nước Tấn đem ngựa tốt và ngọc bích dụ nước Ngou cho mượn đường để đánh nước Quắc. Khi Tấn đã mượn được đường, diệt được nước Quắc, liền quay lại diệt nước Ngou, lấy lại cả ngựa và ngọc bích.

5. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch..., tr. 341 - 342.

Trong tình hình địch mạnh gấp mười lần quân ta, chủ trương của Ngô Thời Nhiệm tạm thời rút lui để tạo thế có lợi thật là thích đáng, toàn thể tướng lĩnh đều tán thành và chuẩn bị kế hoạch rút quân. Trong khi đó sứ bộ nghị hòa của các tướng lĩnh Tây Sơn tới cửa ải Nam Quan nhưng bị quân Thanh chặn lại không cho sang gặp Tôn Sĩ Nghị, phải quay trở lại.

Khi quân Thanh tiến tới ải Nam Quan, thanh thế lừng lẫy, một tướng giữ thành Lạng Sơn là Phan Khải Đức hoảng sợ, lén trốn tới cửa ải đầu hàng giặc. Còn một mình tướng Nguyễn Văn Diễm, phải lui quân về phía Kinh Bắc.

Tin đó đưa về tới Thăng Long, kế hoạch rút quân của Ngô Thời Nhiệm được thi hành cấp tốc. Người thay mặt Nguyễn Huệ, cầm quyền ở Bắc Hà lúc ấy là đại tư mã Ngô Văn Sở, liền hạ lệnh cho các tướng trấn thủ ở Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, lấy cớ đem quân đi đắp lũy chống địch ở sông Như Nguyệt, để bí mật rút quân về Thăng Long. Mỗi nơi chỉ để lại một toán quân

nhỏ để nghi binh, làm công tác phá hoại cầu đường, phục kích, gây khó khăn cho việc hành quân của địch, bám sát tiêu hao địch, khiến chúng không thể tiến mau được xuống Thăng Long, bảo đảm cho toàn quân Tây Sơn rút an toàn về phía núi Tam Điệp.

Ngô Văn Sở cũng thông tư cho các tướng trấn thủ Hải Dương và Sơn Tây đem toàn quân về Thăng Long hội quân. Riêng quân Tây Sơn ở trấn Sơn Nam thì không phải trở lên Thăng Long, mà được lệnh ở lại đây, chuẩn bị thuyền bè, chờ thủy quân tới sẽ cùng xuất phát về phía Biện Sơn. Chỉ trong vòng năm ngày, các đạo quân ở các nơi đều kéo về tới Thăng Long cùng dự một cuộc duyệt binh lớn ở bãi sông. Sau đó, Ngô Văn Sở cho tướng Đặng Văn Chân đốc xuất toàn bộ thủy quân đi xuống phía đông cùng quân Sơn Nam rút về Biện Sơn đóng đồn phòng thủ.

Còn lực quân và các tướng lĩnh khác đều tạm lưu lại Thăng Long, chuẩn bị lương thực, chờ đợi tìm hiểu thêm tình hình địch rồi sẽ rút sau. Vừa khi đó, sứ bộ Nguyễn Quý Nha, Nguyễn Đình Khoan cũng từ Nam Quan về tới nơi báo tin quân Thanh đã qua ải Nam Quan vào Lạng Sơn, bộ binh và kỵ binh tiên phong của giặc đã tiến tới vùng Phụng Nhãn [1], cách Thăng Long khoảng trên dưới 50 ki-lô-mét.

Được tin đó, Phan Văn Lân, một tướng Tây Sơn cầm quân ở Thăng Long quyết xin đem một nghìn tinh binh đi giao chiến với giặc. Một nghìn quân nhất định không thể chống chọi được với mấy chục vạn quân xâm lược. Nhưng Ngô Văn

Sở đồng ý để Phan Văn Lân xuất trận, nhằm mục đích vừa nắm lấy tình hình quân lực cụ thể của địch, vừa làm chậm bước tiến của địch, khiến lực quân Tây Sơn ở Thăng Long có đủ thì giờ rút lui về Tam Điệp.

Trong khi quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà đang gấp rút chuẩn bị đối phó với quân xâm lược như vậy, thì bọn vua tôi Lê Chiêu Thống, vẫn lén lút ở vùng Lạng Sơn, Kinh Bắc, cũng vội vàng tập hợp các lực lượng phản động ở xung quanh, chuẩn bị đi đón và dẫn đường cho quân xâm lược vào đánh chiếm Bắc Hà. Lê Chiêu Thống sai Lê Duy Đản lên tận cửa ải Nam Quan để báo cáo với tướng Thanh Tôn Sĩ Nghị về tình hình trong nước.

Khi được tin các tướng Tây Sơn đã rút quân khỏi các trấn Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây và Sơn Nam, Lê Chiêu Thống vội sai các tướng của mình đem quân tới đóng ở các trấn ấy. Nguyễn Đạo lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Phùng Tứ lĩnh trấn Sơn Tây, Hoàng Tổ Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam và Trần Quang Châu lĩnh trấn Kinh Bắc [2]. Lê Chiêu Thống

-
1. Phượng Nhãn là một huyện của tỉnh Hà Bắc ngày nay, ở phía bắc sông Thương.
 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, bản dịch đã dẫn, tr. 341.
-

giữ riêng một nghìn quân làm túc vệ, cùng đi với Trần Quang Châu về trấn Kinh Bắc.

Sau khi phân phối người đi đóng giữ bốn trấn, Lê Chiêu Thống lại cho bọn Phạm Đình Dữ, Vũ Trinh lên Hòa Lạc [1], báo cáo tình hình với Tôn Sĩ Nghị và mang theo mười con trâu, một trăm vò rượu để làm lễ khao quân xâm lược. Đồng thời Lê Chiêu Thống sức cho dân các xã mấy huyện ở Kinh Bắc, ven đường quân Thanh sắp đi tới, phải sửa soạn nghi lễ đón rước quân xâm lược [2].

Nhưng không phải vì quân Tây Sơn đã rút khỏi miền Lạng Sơn, Kinh Bắc, mà quân Thanh có thể hành quân được dễ dàng nhanh chóng, tuyệt nhiên không gặp một trở ngại nào.

Lên đường ở Quảng Tây từ ngày 28 tháng Mười năm Mậu Thân mà tới sáng sớm ngày 13 tháng Một năm ấy tức ngày 10 tháng 12 năm 1788, quân Thanh mới tới bờ bắc sông Thương [3]. Khi ấy toán quân Tây Sơn còn lại đã rút sang bờ nam sông Thương, phá hết cầu và đưa hết thuyền bè đi nơi khác. Một đạo quân Thanh do tổng binh Thượng Duy Thăng và phó tướng Khánh Thành chỉ huy, đã phải tổn thất nặng nề mới bắc được cầu phao qua sông [4] dưới làn mưa đạn của quân Tây Sơn, trước khi rút đi hẳn.

Vượt qua sông Thương, Tôn Sĩ Nghị tới đóng đại bản doanh ở núi Tam Tầng [5] và ngày 15 tháng Một Mậu Thân tức ngày 12 tháng 12 năm 1788, một đội tiên phong của quân Thanh do tổng binh Trương Triều Long chỉ huy kéo

1. Hòa Lạc, thuộc huyện Hữu Lũng, phía nam tỉnh Lạng Sơn ngày nay, phía dưới Chi Lăng.
 2. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 344.
 3. 4. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 35.
 5. Núi Tam Tầng ở huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc, phía bờ bắc sông Cầu.
-

đến bờ bắc sông Thị Cầu [1]. Trước đấy Phan Văn Lân cũng đã từ Thăng Long tới Thị Cầu. ở đây, quân Tây Sơn đã chặt hết cầu và đưa hết thuyền bè đi khỏi dòng sông. Đồn Thị Cầu ở bờ nam sông Thị Cầu và bờ nam cao hơn bờ bắc, thuận tiện cho việc dùng hỏa lực không chế địch sang sông. Phan Văn Lân cho đặt đại bác ở bờ sông, hàng ngày bắn sang phía quân địch. Trong suốt ba ngày 15, 16, 17 âm lịch, quân Thanh không thể nào bắc được cầu phao qua sông, vì đại bác của quân Tây Sơn bắn phá dữ dội [2]. Nắm chắc tình hình địch không thể sang sông đánh vào đồn Thị Cầu, Phan Văn Lân đem một cánh quân đi ngược lên khúc sông Như Nguyệt [3] là nơi sông hẹp nước nông, nửa đêm vượt sông tập kích đại bản doanh Tôn Sĩ Nghị ở núi Tam Tầng. Quân Tây Sơn đã mở nhiều đợt xung phong, nhưng bị hỏa lực rất mạnh của địch từ trong bắn ra chặn lại, không tiến lên được [4].

Trong khi đó, ở mặt trận Thị Cầu, tình hình vẫn không thuận lợi cho quân Thanh. Ngày 17 âm lịch, Trương Triều Long cũng phải bí mật đem một cánh quân đi ngược dòng sông, bên phía bờ bắc, để tìm một lối sang sông đánh vào

đồn Thị Cầu [5]. Tại bờ bắc sông Thị Cầu, Trương Triều Long chỉ để lại một cánh quân để đối phó với quân Tây Sơn. Khi tới gần khúc sông Như Nguyệt, đêm đã khuya [6] quân Trương Triều Long gặp quân Phan Văn Lân đang tiến công vào đại bản doanh Tôn Sĩ Nghị. Trương Triều Long liền cho quân chia làm hai cánh bao vây quân Phan Văn Lân và cho một cánh quân thứ ba vượt sông Như Nguyệt tiến

1, 2. Ngụy Nguyên. Thánh vũ ký, q. 6. tờ 35.

3. Sông Như Nguyệt là một khúc sông Cầu, thuộc địa phận huyện Yên Phong, phía tây Thị Cầu.

4. Nguyễn Thu, Tài liệu đã dẫn, tờ 42. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX, tr. 56.

5. Ngụy Nguyên, Tài liệu đã dẫn, tờ 35.

6. Nguyễn Thu, Tài liệu đã dẫn, tờ 42.

về đánh úp quân Tây Sơn ở đồn Thị Cầu. Như thế là cả hai cánh quân Tây Sơn, ở bờ bắc sông Như Nguyệt cũng như ở bờ nam sông Thị Cầu đều lâm vào thế bị động, đều bị đánh bất ngờ. Quân Trương Triều Long tuy chia ra làm hai cánh đánh vào cạnh sườn quân Phan Văn Lân, nhưng cũng không bao vây được Phan Văn Lân, không dám cùng quân Phan Văn Lân giáp chiến, phải từ đứng xa tập trung cung tên bắn vào quân Tây Sơn [1] ở phía Thị Cầu, quân Tây Sơn bị quân Thanh tập kích đã rút ra khỏi đồn. Bị hỏa lực quân Thanh bắn phá, đồn Thị Cầu bốc cháy. Phan Văn Lân trông thấy doanh trại Thị Cầu bốc lửa, biết

không thể giao chiến lâu được nữa, liền thu quân, vượt sông Như Nguyệt, rút về xuôi [2].

Trong khi Phan Văn Lân đánh nhau với quân Thanh ở núi Tam Tầng, thì ở Thăng Long, Ngô Văn Sở cho toàn thể bộ binh, là những đơn vị rút lui sau cùng, lên đường về Tam Điệp. Toàn quân xuất phát vào lúc nửa đêm. Giữa trưa hôm sau [3] (có thể là ngày 18 tháng Một Mậu Thân - tác giả chú thích) quân Ngô Văn Sở đi tới Phú Xuyên [4], mọi người mới biết quân Tây Sơn đã rút khỏi Thăng Long [5]. Ngày hôm sau nữa [6] (có thể là ngày 19 âm lịch - tác giả chú thích), quân Ngô Văn Sở tới huyện Yên Mô [7]. Ngày 20 tháng Một Mậu Thân [8] tức ngày 17 tháng 12 năm 1788 Ngô Văn Sở đã cho quân đóng thành một chiến tuyến chạy dài suốt từ ven núi Tam Điệp thẳng trên bờ biển Biện Sơn.

1, 2. Nguyễn Thu. Tài liệu đã dẫn, tờ 42. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX, tr. 56.

3, 5, 6, 8. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch ..., tr. 343, 358.

4. Phú Xuyên, một huyện phía nam tỉnh Hà Tây ngày nay.

7. Yên Mô, một huyện phía nam tỉnh Ninh Bình, giáp giới địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Cả hai đạo quân thủy bộ cùng phối hợp đóng đồn phòng thủ. Cũng ngày

hôm ấy, Ngô Văn Sở cho đô đốc Nguyễn Văn Tuyết cấp tốc lên đường vào Phú Xuân báo cáo tình hình [1].

Quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà rút lui về Tam Điệp và Biện Sơn không những bảo toàn được lực lượng của mình mà còn có tác dụng khá sâu sắc đến tinh thần chiến đấu, và chiến lược chiến thuật của địch, góp phần quyết định không nhỏ vào chiến thắng sau này.

Khi Ngô Văn Sở rút quân khỏi Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị vẫn còn đóng quân ở núi Tam Tầng. Được tin ấy, Tôn Sĩ Nghị hống hách quở trách bọn quan nhà Lê dẫn đường:

"... Sao cứ một mực nhu nhược, để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các người vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế còn gọi là nước có người được chăng?" [2].

Mấy lời xỉ vả bọn quan lại nhà Lê đã cho thấy rất rõ là từ sau mấy thắng lợi nhỏ ở sông Thương, ở Thị Cầu, ở sông Như Nguyệt và sau khi thấy quân đội Tây Sơn rút khỏi Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị đã bắt đầu chủ quan khinh địch.

Khác với Tôn Sĩ Nghị, bọn quan lại nhà Lê biết rõ sức mạnh của quân đội Tây Sơn là như thế nào. Vũ Trinh, một người trong bọn quan lại nhà Lê, đã phải nói thẳng với Tôn Sĩ Nghị rằng:

"Nước nhỏ này [3] tự mình không thể làm được việc mới đến nỗi phải gõ cửa
ài cầu cứu. Nếu sức của chúng tôi có thể chế ngự được chúng thì đâu dám

1. Ngô gia văn Phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch ..., tr. 343, 358.
 2. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 345.
 3. Chỉ bọn vua tôi Lê Chiêu Thống.
-

phiên đến đại binh? Nay cụ lớn lấy điều đó quở trách, tôi còn biết nói làm
sao? Xin thưa về tình hình của giặc. Nguyễn Nhạc sinh trưởng ở vùng Tây
Sơn, có sào huyệt hiểm yếu để nương tựa, Nguyễn Huệ là tay lão luyện về trận
mạc, lại nắm giữ đội quân hùng mạnh... Nhạc ở Tây Sơn, Huệ chiếm Thuận
Hóa, ai nấy tự xưng hùng, kẻ đế người vương. Còn ở quốc thành của nước tôi,
chỉ có đồ đảng của chúng là bọn Ngô Văn Sở. Phan Văn Lân mà thôi. Được tin
thiên binh đến, bọn chúng chưa biết hư thực thế nào, nên hãy thu quân tạm
lánh. Nhưng nghe đâu bọn chúng đóng quân chặn ở núi Tam Điệp, ngăn hãm từ
đất Trường Yên [1] về Nam, mua đồ lại tiến ra đất Bắc lần nữa. Một tên tỳ
tướng còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng? Nếu không
dùng đạo binh thật lớn mà đánh, làm sao có thể bắt sống được chúng? Nước
tôi [2] sau khi loạn lạc tan tác, tướng ít quân hèn, sợ rằng khó lòng làm xong
việc ..." [3].

Nhưng những lời nói thẳng nói thật ấy của Vũ Trinh đã không có giá trị gì đối với Tôn Sĩ Nghị. Việc tạm thời rút lui của quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà đã tác động mạnh đến tinh thần Tôn Sĩ Nghị, đã đưa tính chủ quan khinh địch của hắn lên cao độ. Hắn dám quả quyết rằng:

"... Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu, dê, sai một người đem thùng buộc lấy cổ mà lôi về, hắn cũng không khó gì. Đợi khi quân ta đến La Thành nhô bãi nước bọt xoa tay là làm xong việc. Người hãy chờ mà xem" [4].

Lời nói thật là kiêu ngạo, thật là chủ quan, khinh địch đến cùng độ. Làm tướng mà chủ quan khinh địch đến như

-
1. Trường Yên tức là đất Ninh Bình ngày nay.
 2. Chỉ chính quyền Lê Chiêu Thống.
 - 3, 4. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 345-346.
-

vậy thì tất nhiên không thể tránh khỏi những thất bại thảm hại, không thể tránh khỏi rơi đầu, bỏ mạng. Đó chính là số phận của Tôn Sĩ Nghị, số phận của cả hai mươi vạn quân Thanh xâm lược sau này.

Thấy quân đội Tây Sơn đã rút khỏi Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị ung dung, kiêu hãnh đem quân thẳng tiến từ Tam Tầng xuống Thăng Long. Khi qua trấn Kinh

Bắc, Lê Chiêu Thống đem quần thần ra chào đón và mời vào dinh trấn tạm nghỉ. Tôn Sĩ Nghị không dừng lại, cho quân thẳng tiến. Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống bám gót theo sau.

Chập tối ngày 19 tháng Một Mậu Thân [2] , tiền quân của quân Thanh tới bờ bắc sông Phú Lương [3]. Nhưng cầu qua sông và thuyền bè trên sông đều không còn gì nữa. Ngay cả những tre mương, cây cối ở bên bờ bắc cũng đã bị quân Tây Sơn phá trụi, tiền quân Thanh không còn tìm đâu ra vật liệu để làm cầu phao, bè mảng sang sông. Đề đốc Hứa Thế Hanh, người chỉ huy những đội tiền quân này, phải thân đốc quân đi dọc sông, tìm cướp lấy hơn 30 chiếc thuyền con trên sông và đưa được hai nghìn quân Thanh vào thành Thăng Long bỏ trống [4]. Từ sáng sớm ngày hôm sau, 20 tháng Một Mậu Thân, các đạo quân Thanh mới lục tục sang sông tiến vào Thăng Long [5].

-
1. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 3 7.
 - 2, 4. Ngụy Nguyên, Tài liệu đã dẫn, từ 35 - 36.
 3. Sông Phú Lương (theo Thánh vũ ký) hoặc sông Nhị Hà (theo Hoàng Lê nhất thống chí) đều là tên cũ của sông Hồng.
 5. Về ngày quân Thanh tới Thăng Long, các tài liệu phần nhiều nói khác nhau. Hoàng Lê nhất thống chí viết là ngày 11 tháng Một Mậu Thân. Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập là ngày 20 tháng Một. Thánh vũ ký nói rõ ngày 19 tới bờ bắc sông Hồng, sáng ngày 20, các đạo quân mới bắt đầu sang sông, vào Thăng Long. Bắc thnh lược ký của Lê Quýnh nói là ngày 22, Quân doanh kỷ

lược của Trần Nguyên Nhiếp là ngày 25. Ngày 11 của Hoàng Lê nhất thống chí có thể là không đúng, vì những ngày trong Hoàng Lê nhất thống chí thường sớm hơn những ngày thật khoảng 10 ngày. Còn những ngày từ 20 đến 25 nói trên đều có thể đúng được cả, tùy theo những đơn vị đến trước đến sau, bởi vì hơn 20 vạn quân Thanh, trong điều kiện hành quân và vận chuyển của thời xưa, không thể đến Thăng Long cùng một ngày một lúc được. Ở đây chúng tôi lấy ngày 20 tháng Một Mậu Thân làm ngày quân Thanh tới Thăng Long vì ngày ấy được hai tài liệu là Thánhvũ ký và Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập nói tới và ngày ấy cũng có phần hợp lý đối với việc Tôn Sĩ Nghị làm lễ tuyên phong cho Lê Chiêu Thống tại Thăng Long ngày 22 tháng Một Mậu Thân mà nhiều sách nói tới.

Quân số của tôn Sĩ Nghị quá đông, trên 20 vạn người, mà phủ chúa cũng như doanh trại cũ của quân Lê, Trịnh đều không còn nữa [1], nội thành Thăng Long không có điều kiện cho quân Thanh đồn trú. Tôn Sĩ Nghị quyết định: đại quân Lưỡng Quảng đóng tại những khu bãi rộng ở hai bên bờ sông Hồng [2], tức phía đông nam kinh thành Thăng Long và bắc cầu phao qua sông để quân lính hai bên bờ đi lại thuận tiện. Tôn Sĩ Nghị lập đại bản doanh ngay tại Tây Long cung [3]. Mấy vạn quân nghĩa dũng Điền Châu, Triều Châu của Sầm Nghi Đống được lệnh tới đóng tại Khương Thượng, phía tây nam kinh thành Thăng Long. Còn nội thành Thăng Long thì trao cho bù nhìn Lê Chiêu Thống cùng vài nghìn quân tướng cần vương của y canh giữ.

Tôn Sĩ Nghị tới Thăng Long được vài ngày thì phiên thần nhà Lê ở Tuyên Quang là Hoàng Văn Đồng báo tin rằng quân Vân Nam - Quý Châu của Ô Đại Kinh đã tiến tới Tuyên Quang. Tôn Sĩ Nghị liền sai viên đại thần nhà

1. Tất cả phủ đệ, lâu đài, doanh trại của chúa Trịnh, đều bị Lê Chiêu Thống, vì oán ghét nhà Trịnh, phóng hỏa đốt hết ngày 8 tháng Chạp năm Bính Ngọ, 1786. "Lửa cháy ngút trời, hơn mười ngày chưa tắt" Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 191.

2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 347.

3. Bến Tây Long, như ở chương trên đã chứng minh, là một bến sông lớn ở đông nam kinh thành Thăng Long, phía cửa ô Tây Long đi ra. Dưới bến, các thuyền chiến có thể đồn trú. Trên bến ... có bãi rộng, có các doanh trại thủy quân và có Tây Long cung là một tòa cung điện, để các vua Lê chúa Trịnh ra đó xem diễn tập thủy quân. Cuối năm 1786, Đinh Tích Nhưỡng cùng một số cựu thần nhà Lê đã hội họp và làm yến tiệc lớn ở cung Tây Long để bàn bạc việc tái lập ngôi chúa cho họ Trịnh. Cũng cuối năm 1786, Lê Chiêu Thống đã ra cung Tây Long để duyệt thủy quân của Hoàng Việt Tuyên. Chính vì có sẵn lâu đài, dinh thự và các doanh trại như vậy, Tôn Sĩ Nghị mới đóng đại quân ở bến Tây Long và đặt bản doanh ở cung Tây Long. Gần đây có người cho rằng cung Tây Long tức là cái miếu thờ quan công của Hoa kiều ở quảng phố Hồng Phúc phía trên cầu Long Biên ngày nay, vì căn cứ vào mấy chữ "Tây Long cổ miếu" của ngôi miếu này và đặt bến Tây Long ở phía đông bắc kinh thành

Thăng Long. Nhận định như thế là không đúng vị trí thật của nó trong lịch sử cũng như trong những đồ bản đương thời và hạ thấp giá trị của cung Tây Long, coi nó chỉ là một cái miếu thờ Quan công, cũng như hạ thấp tầm quan trọng của bến Tây Long về mặt quân sự. Trên thực tế, nếu quả bến Tây Long là ở quãng bến Nửa ngày nay thì Tôn Sĩ Nghị không dám đóng quân tại đây, vì quãng sông này, lòng sông rộng, nước nông, hai bên bờ cách nhau xa vì có bãi lớn nổi giữa sông. Đóng quân ở hai bên bờ sông ấy thì phải đặt cầu phao nhiều lần mới qua lại được, như vậy rất bất tiện và khi có chiến sự, quân Thanh đóng ở đây có nguy cơ bị cắt làm nhiều mảnh: một mảnh bên bờ bắc, một mảnh bên bờ nam và một mảnh trên bãi sông. Trong tình hình ấy, quân Thanh không tránh khỏi bị tiêu diệt dễ dàng. Cho nên chúng tôi cho rằng Tôn Sĩ Nghị không đóng quân ở hai bên bờ phía bắc Thăng Long, mà ở phía nam thành Thăng Long, nơi có bến Tây Long và cung Tây Long, có đường qua cửa Ô Tây Long vào thành.

Lê là Lê Quýnh lên tận Tuyên Quang đón quân Ô Đại Kinh và đưa về đồn trú tại Sơn Tây [1].

Như thế là toàn bộ quân đội xâm lược của nhà Thanh đã đặt chân lên đất nước Việt Nam, đã kiểm soát được kinh thành Thăng Long và một bộ phận đất đai Bắc Hà.

1. Nguyễn Thu, Lê quý kỷ sử, tờ 44. Thánh vũ ký, q. 6, tờ 37 viết là Hoàng Văn Thông. Trấn thành Sơn Tây thời bắt giờ ở xã Cam Giá, huyện Phúc Lộc, tức cũng khoảng gần thị xã Sơn Tây ngày nay (xem Phan Huy Chú, Lịch triều hiến

chương loại chí, Bản dịch của Viện Sử học, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960. t. I, tr. 99).

Sự nghiệp nhục nhã của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống dẫn đường quân cướp nước về giày xéo Tổ quốc, tới đây cũng đã căn bản hoàn thành.

Kể từ ngày Tôn Sĩ Nghị xuất quân, ngày 28 tháng Mười Mậu Thân tức ngày 25 tháng 11 năm 1788, cho đến ngày quân Thanh đặt chân lên bến Tây Long phía nam kinh thành Thăng long, ngày 25 tháng Một Mậu Thân tức ngày 7 tháng 12 năm 1788, cuộc hành quân của quân Thanh xâm lược đã phải tiến hành trong 22 ngày, không phải chỉ trong 6 ngày, như tôn Sĩ Nghị đã tâu trình với Càn Long một cách huênh hoang trước ngày xuất quân. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc hành quân của quân Thanh không phải là tuyệt đối không gặp một cản trở, một kháng cự nào. Nó cũng chứng tỏ rằng việc quân Tây Sơn của Ngô Văn Sở rút khỏi Thăng Long không phải là một sự hoảng sợ trước quân địch, không phải là một cuộc chạy dài về Phú Xuân, Thuận Hóa, để ẩn náu mà là sự thực hiện một chiến lược đúng đắn, có thực hành những kế hoạch kháng cự nhỏ, làm chậm bước tiến của quân xâm lược, khiến quân Tây Sơn có thể rút lui an toàn về Tam Điệp, đồng thời làm cho địch không dám khinh suất, ồ ạt tiến đánh ngay Tam Điệp. Chính vì thế mà quân Thanh xâm lược đã không thể tiến nhanh trên đất nước Việt Nam và Tôn Sĩ Nghị đã phải hành quân thận trọng. Khi tới Thăng Long, sự bố trí các doanh trại, nơi trú quân của quân Thanh cũng tỏ ra

rằng, mặc dầu đã chủ quan, kiêu căng lắm, Tôn Sĩ Nghị vẫn phải ít nhiều thận trọng.

Tôn Sĩ Nghị đã không đóng quân trong thành Thăng Long, không phải là không có suy tính, mà là do cả hai lẽ khách quan và chủ quan. Khách quan là nội thành Thăng Long lúc ấy quá chật không có khả năng để cho hơn 20 vạn quân Thanh vào đồn trú. Mà chủ quan là hơn 20 vạn quân của Tôn Sĩ Nghị không phải là một khối đồng nhất, nó là ba đạo quân khác nhau, chưa hề tiếp xúc với nhau bao giờ, tướng tá khác nhau, tổ chức khác nhau, kỷ luật khác nhau, tập quán sinh hoạt khác nhau, trình độ chiến đấu khác nhau, nếu dồn vào sống chung trong cùng một doanh trại thì thật là khó khăn, sẽ xảy ra nhiều vấn đề nan giải trong nội bộ của chúng. Chính vì những lẽ khách quan chủ quan ấy mà Tôn Sĩ Nghị đã không cho hơn 20 vạn quân của hắn vào đóng trong thành Thăng Long.

Khi đóng quân ở ngoài thành Thăng Long, sự bố trí các doanh trại cũng không phải là tùy tiện. Tôn Sĩ Nghị đã cho đóng quân từ phía đông qua phía nam tới phía tây thành Thăng Long. Đạo quân Lưỡng Quảng ở hai bờ sông Hồng, đạo quân Điền Châu, Triều Châu ở Khương Thượng và đạo quân Vân Quý ở Sơn Tây. Sự bố trí ấy vừa thuận tiện cho việc liên hệ giữa các đạo quân với nhau, vừa thuận tiện cho việc liên hệ với Vân Nam và Quảng Tây, vừa thuận tiện cho việc tiếp nhận quân lương của chúng từ Trung Quốc đưa sang theo hai đường Quảng Tây - Thăng Long, Vân Nam - Thăng Long, vì trên hai đường ấy quân Thanh đã lập được bảy mươi đồn quân lương nối tiếp nhau từ bên kia

biên giới tới Thăng long. Khi cần tiến công Tam Điệp và tiến quân xuống Thuận Hóa, Quảng Nam, thì sự bố trí ấy cũng có nhiều thuận tiện, cả ba đạo quân sẽ có thể cùng tiến một lúc được. Đạo quân Lương Quảng sẽ theo triền sông Hồng tiến xuống Vị Hoàng. Đạo quân Điền Châu, Triều Châu sẽ từ Khuông Thượng theo đường chính, qua Văn Điển, tiến xuống Gián Thủy. Đạo quân Vân Quý sẽ từ Sơn Tây theo đường Chương Đức tiến xuống. Cả ba đạo quân ấy sẽ gặp nhau ở Tam Điệp và cùng tiến công quân Tây Sơn ở Tam Điệp - Biện Sơn.

Cách bố trí đóng quân như trên chứng tỏ rằng Tôn Sĩ Nghị đã có tính toán, nhưng dù sao đây vẫn là cách bố trí của một quân đội nghỉ ngơi. Hơn nữa, với cách bố trí đó, Tôn Sĩ Nghị tỏ ra chủ quan, khinh địch, mất cảnh giác, chỉ nghĩ đến đánh người, tùy tiện muốn đánh người lúc nào thì đánh,

mà không nghĩ đến trường hợp bị người đánh thì đối phó như thế nào. Những sơ hở ấy của quân Thanh sẽ bộc lộ rõ trước chiến lược thiên tài đại phá 20 vạn quân Thanh của anh hùng Nguyễn Huệ sau này.

Đi đôi với những sơ hở ấy là tinh thần chủ quan khinh địch ngày càng tăng của quân tướng nhà Thanh. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho quân Thanh sẽ phải thất bại thảm hại một khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc.

Tin quân Thanh xâm lược chiếm đóng kinh thành Thăng Long đưa về tới triều

đình Yên Kinh [1] đã làm cho bọn phong kiến nhà Thanh vô cùng phẫn khởi. Càn Long lập tức tuyên phong Tôn Sĩ Nghị tước Mưu dũng công và thăng quan tước cho tất cả các tướng sĩ tham gia cuộc xâm lược này [2].

Những thắng lợi tương đối dễ dàng ở Bắc Hà cộng với những ân huệ của triều đình phong kiến Yên Kinh càng làm cho Tôn Sĩ Nghị tăng thêm kiêu ngạo, chủ quan khinh địch, lãng quên ý chí tiếp tục đến công, hoàn thành âm mưu xâm lược của chúng.

Tôn Sĩ Nghị quyết định dừng lại ở Thăng Long để nghỉ ngơi. Toàn thể quan Thanh từ tướng lĩnh đến binh lính đều chỉ nghĩ đến nghỉ ngơi, ăn chơi và tác quái trên mảnh đất nước đã bị chúng xâm lược. Và như thế, con đường thất bại của chúng trong những ngày sắp tới đã hiện ra thật rõ rệt.

-
- 1 . Yên Kinh nay là Bắc Kinh.
 2. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 3
-

NGUYỄN HUỆ TIẾN QUÂN RA BẮC, ĐẠI PHÁ HAI MƯƠI VẠN QUÂN THANH

Ngày 20 tháng Một năm Mậu Thân, Ngô Văn Sở đưa quân về tới Tam Điệp thì cũng ngay ngày hôm ấy Ngô Văn Sở cử đô đốc Nguyễn Văn Tuyết phi ngựa vào Phú Xuân cấp báo Nguyễn Huệ. Chỉ bốn ngày sau, tức 24 tháng Một năm

Mậu Thân (21 tháng 12 năm 1788), Nguyễn Văn Tuyết tới Phú Xuân. Nghe báo cáo đầy đủ tình hình, Nguyễn Huệ quyết định ngay ngày hôm sau 25 tháng Một năm Mậu Thân tức ngày 22 tháng 12 năm 1788 xuất quân tiến ra Bắc.

Mới nghe thì tưởng như lệnh xuất quân ấy có vẻ nóng vội. Nhưng thật ra, lệnh xuất quân ấy đã dựa trên những cơ sở thực tế của nó. Từ nhiều tháng trước, những đạo quân ở Phú Xuân của Nguyễn Huệ đã được huấn luyện và chuẩn bị đầy đủ, chu đáo, lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đợi lệnh lên đường xuất trận để đối phó với mọi tình hình bất trắc xảy ra, dù là ở phía nam hay ở phía bắc. Nếu không có một sự chuẩn bị chu đáo, một tư thế sẵn sàng chiến đấu như thế, thì không có một đạo quân nào gồm trên dưới chục vạn người có thể ngày hôm trước được tin giặc đến mà lập tức ngày hôm sau đã xuất phát lên đường đi hàng ngàn dặm để đánh giặc.

Tình thế nước nhà lúc ấy, phía bắc có giặc ngoài xâm lược, phía nam có bọn phản động Nguyễn ánh quấy rối, việc đại quân của Nguyễn Huệ ở Phú Xuân tiến vào Nam hay tiến ra Bắc là một vấn đề quan trọng, quyết định vận mệnh của Tổ quốc, đòi hỏi người lãnh đạo chiến tranh, người tướng chỉ huy quân đội phải có một sự tính toán vững chắc, một nhận định tình hình thật sáng suốt và có chủ trương phương hướng thật đúng đắn.

Trong những tháng cuối năm 1788, Nguyễn ánh đánh phá dữ dội ở miền Gia

Định, Nguyễn Nhạc nhiều lần viết thư yêu cầu Nguyễn Huệ đưa quân vào Gia Định. Nguyễn Nhạc chỉ xin giữ một vùng Qui Nhơn, tự xưng là Tây vương, nhường mọi quyền bính trong cả nước và trong nghĩa quân Tây Sơn cho Nguyễn Huệ. Nhưng Nguyễn Huệ đã không đem quân vào Nam ngay, mặc dầu Nguyễn Huệ có đầy đủ điều kiện về quân sự để đánh tan bọn phản động Nguyễn Ánh. Bởi vì ở ngoài Bắc, 20 vạn quân Thanh đang chuẩn bị tiến sang xâm lược. Mà đó là vấn đề quan trọng bậc nhất lúc ấy. Nếu Nguyễn Huệ đem đại quân vào Nam đánh Nguyễn ánh thì khi quân Thanh sang xâm lược, Nguyễn Huệ sẽ không đối phó kịp thời. Nguyễn Huệ từ Gia Định quay trở ra để chống đánh quân Thanh sẽ gặp nhiều khó khăn. Trái lại, Nguyễn Huệ cũng không thể đem quân ra Bắc từ trước để chờ đánh quân Thanh. Bởi vì trách nhiệm của Nguyễn Huệ lúc này là trách nhiệm đối với cả nước. Nếu Nguyễn Huệ đem đại quân ra Bắc lâu ngày thì miền Nam có thể sơ hở, bọn phản động có thể đem quân ra quấy rối Qui Nhơn, Phú Xuân. Nếu Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc để đón đánh 20 vạn quân Thanh tại biên giới, thì thắng lợi chưa chắc đã nhanh chóng. Mà thắng lợi ở Bắc Hà không nhanh chóng thì lại càng là cơ hội tốt để bọn phản động Nguyễn ánh đánh ra Qui Nhơn, Phú Xuân.

Để xảy ra tình trạng cùng một lúc phải đương đầu với thù trong giặc ngoài ở cả hai mặt trận, phía bắc và phía nam thì thật là nguy hiểm. Cho nên quân đội của Nguyễn Huệ ở Phú Xuân, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu từ lâu, mà đến

bây giờ Nguyễn Huệ mới hạ lệnh xuất quân là hợp thời, đúng lúc.

Nhưng ra Bắc mới chỉ là để giải quyết những vấn đề cấp bách ở miền Bắc, còn những vấn đề ở Gia Định thì giải quyết như thế nào; làm thế nào để giữ được an toàn cho Phú Xuân, Qui Nhơn, để quân dân từ Phú Xuân trở vào Gia Định được yên lòng trong khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc. Tất cả những việc đó đều được Nguyễn Huệ lưu tâm chu đáo. Trước khi tiến quân ra Bắc, Nguyễn Huệ cho một tướng tin cẩn là Diệm cầm thư của ông vào Gia Định trao cho tướng chỉ huy quân Tây Sơn trong đó là Phạm Văn Tham. Trong thư, Nguyễn Huệ dặn dò phương hướng chiến lược và động viên quân dân miền Nam cố gắng chiến đấu, chờ ông giải quyết xong công việc Bắc Hà sẽ tiến đại quân vào Nam tiêu diệt bọn phản động Nguyễn Ánh.

Trước khi ra Bắc, để làm sáng tỏ danh nghĩa đối với cả nước, sáng tỏ trách nhiệm của mình đối với toàn dân ở cả hai miền Nam Bắc, ông quyết định lên ngôi hoàng đế. Ngày 25 tháng Một năm Mậu Thân, Nguyễn Huệ làm lễ

1. Nguyễn Huệ cho người tin cậy là Diệm vào Gia Định đưa mật thư cho Phạm Văn Tham. Nhưng đầu năm 1789, trong khi Nguyễn Huệ chiến thắng rực rỡ ở Bắc Hà, thì ở Gia Định, Phạm Văn Tham thất bại liên tiếp. Khi Diệm vào tới Gia Định, Phạm Văn Tham đã phải đầu hàng Nguyễn Ánh. Diệm bí mật tìm đến gặp Phạm Văn Tham và đưa bức thư của Nguyễn Huệ cho Phạm Văn Tham. Phạm Văn Tham ân hận: "Nay việc đã như thế này thì làm thế nào được?". Diệm nói: "Nay dầu bị thua, nhưng không bao lâu chúa ta hẳn trở lại. Gia Định lại tất về tay chúng ta. Tướng quân nên liệu tính đi". Tham giữ Diệm

ở lại với mình. Việc tiết lộ, Phạm Văn Tham bị Nguyễn Ánh giết chết và bêu đầu ba ngày tại Gia Định. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 101; thư của giáo sĩ Tây Ban Nha Castuera viết ngày 11 tháng 6 năm 1789 trong B.S.E.I. Nouv. sér. tome XV. n0 3 - 4. 1940, p. 100.

đăng quang [1], lấy niên hiệu Quang Trung, xóa bỏ niên hiệu Thái Đức mà trước đây Nguyễn Huệ vẫn cố giữ, mặc dù Nguyễn Nhạc đã xưng là Tây vương, đồng thời cũng xóa bỏ cả niên hiệu Chiêu Thống của nhà Lê ở Bắc Hà.

Trong bài chiếu lên ngôi của Nguyễn Huệ, ban bố cho toàn dân Nam Bắc, có những đoạn như sau:

"trẫm là người áo vải ở Tây Sơn, không có một thước đất, vốn không có chí làm vua, chỉ vì lòng người chán ngán đời loạn, mong mỗi được vua hiền để cứu đời yên dân, vì vậy trẫm tập hợp nghĩa binh, mặc áo tơi đi xe cỏ để mớ mang núi rừng, giúp đỡ hoàng huynh [2] rong ruổi việc nhung mã, gây dựng nước ở Tây Thổ vỗ yên các nước Xiêm La, Cao Miên, đánh lấy Phú Xuân, tiên ra Thăng Long, cốt ý quét sạch loạn lạc, cứu vớt dân trong vòng nước lửa, rồi sau trả lại nước cho họ Lê, trả đất về đại huynh, trẫm sẽ dùng xiêm theo hia đỏ ngao du hai nơi mà thôi. Nhưng việc đời dun dùi, trẫm không theo được cái chí xưa đã định. Trẫm hai lần gây dựng họ Lê, thế mà tự quân họ Lê không biết giữ xã tắc bỏ nước đi bên vong, sĩ dân Bắc Hà không hướng về họ Lê chỉ trông mong vào trẫm. Về phần đại huynh có ý mỗi một, tình nguyện giữ một phủ Quy Nhơn, tự nhún xưng là Tây Vương, mấy nghìn dặm đất về phương

nam thuộc hết về trẫm [3]. Trẫm tự nghĩ tài đức không bằng người xưa, mà đất đai thì rộng, nhân dân thì

1. Lễ lên ngôi lập tại núi Bàn thuộc địa phận xã An Cựu huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, gần kinh thành Phú Xuân.

2. Chỉ Nguyễn Nhạc.

3. Chúng tôi nhấn mạnh để chúng ta chú ý rằng Nguyễn Huệ trước sau vẫn nhận mình có trách nhiệm đối với miền Gia Định, ông không hề có ý bỏ mặc cho bọn Nguyễn Ánh đánh cướp.

hiều năm nghĩ cách thống trị, lo ngay ngáy như dây cương mục chỉ huy sáu ngựa..." [1].

Những lời giản dị trong bài chiếu đã nói khá rõ những lý do lên ngôi vua của Nguyễn Huệ.

Sau khi làm lễ đăng quang, Nguyễn Huệ tự thống lĩnh tất cả quân thủy bộ tiến ra Bắc. Ngày 29 tháng Một năm Mậu Thân tức ngày 26 tháng 12 năm 1788, đại quân tới Nghệ An. Nguyễn Huệ cho quân đóng lại ở Nghệ An hơn mười ngày. Một mặt Nguyễn Huệ cho người đem thư trá hàng [2] ra Thăng Long đưa cho Tôn Sĩ Nghị khiến giặc tăng thêm kiêu ngạo, chủ quan, mất cảnh giác, không chú ý đề phòng. Một mặt Nguyễn Huệ hạ lệnh tuyển quân ở Thanh - Nghệ, trao

cho đại tướng Hám hổ hầu đảm nhiệm. Cứ ba suất đình lấy một người ra lính, trong mấy ngày được tới hàng vạn tân binh, tổng cộng toàn quân có được

1. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, thế kỷ XVIII giữa thế kỷ XIX, Nhà xuất bản văn hóa Hà Nội, 1963, tr. 222.

2. Nguyễn Thu. Lê quý kỷ sự, tờ 46. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện Sử học, t. XX, tr. 61. Nhiều sách gần đây, dựa vào bức thư của Nguyễn Huệ gửi Càn Long sau khi chiến tranh kết thúc, để nói rằng cùng với việc đưa thư trả hàng này, Nguyễn Huệ còn cho đem trả Tôn Sĩ Nghị 10 tên quân Thanh là bọn Hắc Thiệu Tông, do tướng Tây Sơn Ngô Hồng Chấn (đoán là Ngô Văn Sở) ở Thăng Long, đã bắt từ trước chiến tranh. Sự việc này chưa chắc là có thật. Những thư từ giao thiệp với nhà Thanh sau cuộc chiến tranh, Nguyễn Huệ trao toàn quyền cho Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy ích và các tướng lĩnh Tây Sơn ở Bắc Hà đảm nhiệm. Trong những bức thư gửi cho Càn Long, nhân danh vua Quang Trung, các tướng lĩnh Tây Sơn đôi khi tìm cách buộc tội thêm cho Tôn Sĩ Nghị để lấy lý lẽ phải về mình. Cho nên trong đó, có thể có những sự việc không có thật. Trường hợp bị bắt của những người này không rõ ràng. Và lại với mục đích trả hàng chỉ để làm kiêu lòng địch, Nguyễn Huệ không cần phải trả người cho Tôn Sĩ Nghị.

mười vạn người [1] và một đội tượng binh lớn gồm vài trăm voi chiến [2].

Nguyễn Huệ chia quân làm năm doanh: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân

và trung quân; binh lính mới tuyển ở Nghệ An được đưa vào trung quân đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Nguyễn Huệ. Việc phiên chế quân đội này không có gì đặc biệt, tuy nhiên nó cũng cho thấy Nguyễn Huệ rất khéo dùng người, có tài tổ chức quân đội. Những người lính mới tuyển là những người lính chưa được thao luyện, chưa quen chiến trận, nhưng họ được đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của người anh hùng bách chiến bách thắng thì họ sẽ vững vàng tin tưởng, phấn khởi và phát huy được khả năng chiến đấu của họ.

Sau khi phiên chế xong đội ngũ, Nguyễn Huệ tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại trấn doanh Nghệ An. Trước toàn Quân, Nguyễn Huệ tuyên bố:

"Quân Thanh sang xâm lược nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia nhau mà cai trị. Người phương bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm

1. Số lính mới tuyển, Hoàng Lê nhất thống chí nói là một vạn, Cương mục nói là tám vạn. Một vạn thì ít quá, mà tám thì lại nhiều quá, ở đây chúng tôi lấy con số toàn quân gồm cả lính cũ và lính mới là mười vạn của Đại Nam chính

biên liệt truyện, vì thấy con số toàn quân mười vạn gần với sự thật hơn.

2. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 32.

điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. ở các thời ấy, Bắc Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vuat truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đang tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!" [1].

Sau hôm duyệt binh, Nguyễn Huệ hạ lệnh tiến quân. Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân tức ngày 15 tháng năm 1789 đại quân của Nguyễn Huệ tiến tới núi Tam Điệp [2]. Tại đây, Nguyễn Huệ khẳng định chủ trương tạm lui quân của các tướng lĩnh Bắc Hà là đúng, ông nói:

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch, tr. 359, 360.

2. Có tài liệu như Lê triều dã sử nói rằng trong cuộc tiến quân từ Phú Xuân ra Bắc lần này, để hành binh nhanh chóng, Nguyễn Huệ đã cho quân dùng cáng 3

người một tốp thay phiên cáng nhau, khiến mọi người đều đi nhanh mà không ai bị mỏi. Sự việc này không chắc có thật. Bởi vì cáng nhau mà đi thì không thể đi nhanh được bằng đi bộ rảo cẳng, cẳng không thể đi nhanh đều đặn trong thời gian nhiều ngày liền. Cho nên chúng tôi cho rằng việc cáng nhau mà đi chỉ là câu chuyện người sau viết sách tưởng tượng ra để giải thích tốc độ hành quân mau lẹ của quân đội Tây Sơn. Hoặc giả có những bộ phận quân đội dùng cẳng chuyên chở quân trang, quân dụng, quân lương ... để đem đi được nhiều nên nhân dân trông thấy, tưởng đoàn quân cáng nhau để hành quân nhanh.

"... Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành hãy chinh đốn đội ngũ, rút về giữ chỗ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho lòng giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay... " [1].

Rồi Nguyễn Huệ hạ lệnh đóng quân lại ở Tam Điệp một thời gian để tìm hiểu tình hình cụ thể của địch ở Bắc Hà, đồng thời truyền hịch kẻ tội quân Thanh xâm lược, gọi Tôn Sĩ Nghi là "tên ngông cuồng họ Tôn " [2] và động viên nhân dân Bắc Hà đoàn kết, quyết tâm diệt giặc.

Trong khi Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn tích cực chuẩn bị phản công như vậy thì bọn quân Thanh cướp nước ở Thăng Long lại chỉ nghĩ đến nghỉ ngơi, cướp bóc, rất ngại chiến đấu, mà đám quân "cần vương " của Lê Chiêu Thống thì đói khát, hoang mang tan rã đến cao độ. Từ biên ải tới Thăng Long, không

gặp một sức kháng cự mạnh mẽ nào, Tôn Sĩ Nghị cho là quân Tây Sơn sợ hãi bỏ chạy, sinh chủ quan, kiêu căng, phá bỏ cả mọi điều quân luật đã đề ra, thả lỏng cho quân lính tự do, bừa bãi "mặc cho quân lính các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, đi lại lang thang không có kỷ luật gì cả. Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm để kiếm củi đun, có kẻ đi tới các chợ búa dân gian để buôn bán, hàng ngày sớm đi tối về, xem như việc bình thường. Bọn tướng tá cũng ngày ngày chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân" [3]. Quân Thanh thường hoành hành cướp bóc, nạn cướp chợ, hãm hiếp không ngày nào không

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch của Ngô Tất Tố, Nhà xuất bản Mai Lĩnh, Hà Nội, 1945, tr. 531.
2. Nguyễn Thu, Lê quý kỷ sự, tờ 17.
3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch, Nhà xuất bản Văn hoá, Hà Nội, 1964, tr. 354.

có [1]. Tôn Sĩ Nghị lại cho quân đi lùng bắt những người trước đây đã làm việc với Tây Sơn. Hàng ngày, số người này bị bắt và bị giết có tới ba bốn mươi người. Trong khoảng hơn một tháng trời, con số bị giết lên tới hàng ngàn người [2]. Tôn Sĩ Nghị lại dung túng cho những người Hoa kiều trú ngụ ở Thăng Long, Kinh Bắc, phố Hiến, dựa vào quân Thanh, ý thế làm càn, ngang nhiên cướp đường, cướp chợ, hãm hiếp, vu hại người lương thiện [3]. Nhân dân Bắc Hà thật là khổ sở và vô cùng oán ghét quân Thanh [4].

Còn Lê Chiêu Thống thì thật là ươn hèn đồn mạt. Hàng ngày Chiêu Thống phải

tới châu hầu ở dinh Tôn Sĩ Nghị để đón chờ Tôn Sĩ Nghị truyền lệnh về việc quân việc nước. Tuy làm vua và đã được Càn Long phong vương cho, nhưng Chiêu Thống vẫn không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống của mình: mọi giấy tờ vẫn phải dùng niên hiệu Càn Long. Trông thấy Lê Chiêu Thống, người Bắc Hà khi ấy đã phải than rằng:

“Nước Nam ta từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luôn cúi đầu hèn như thế” [5].

Đối với quân xâm lược thì quy lụy khôn nạn như vậy, nhưng đối với người trong nước thì Lê Chiêu Thống lại đối xử rất tàn nhẫn, dã man. Hắn dựa vào quân Thanh để trả thù riêng cho thỏa thích. Hắn trị tội những quan lại cũ đã làm việc hoặc có giao thiệp với Tây Sơn. Hắn mổ bụng phụ nữ có mang, chặt chân ba người chú của hắn rồi quăng

1, 2. Theo một bức thư nhân danh vua Quang Trung gửi cho Càn Long trong "Tây Sơn bang giao tập".

3, 5. Ngô gia văn phái, tài liệu đã dẫn, tr. 348.

xác xuống giếng v.v., chỉ vì những người này đã có liên hệ với Tây Sơn [1]. Bọn chân tay của Lê Chiêu Thống là bọn Lê Quýnh, bất tài, vô hạnh, suốt ngày say mê rượu chè, công nhiên ăn của đút lót, vu hãm các bạn đồng liêu cũ.

Triều đình bù nhìn của Lê Chiêu Thống như vậy chỉ làm hại nước và nhục nước, khiến cho quân xâm lược càng thêm khinh nhờn, hống hách, kiêu căng, tàn bạo.

Bắc Hà lúc ấy, mấy năm liền mất mùa đói kém, nhất là năm 1788 lại càng đói kém dữ dội. Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống phải thu lương thực của nhân dân để nuôi quân Thanh. Nhưng các châu huyện đều không có thóc lúa để cung ứng. Chiêu Thống phải cho quần thần chia nhau đi các nơi đốc thúc lấy lương. Dân chúng kêu khóc, nhìn đói mà dưng nộp. "Đường tiếp tế lương thực cho quân Thanh thì xa, nên bao nhiêu lương và tiền mà triều đình thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch. Còn vài vạn người vừa nghĩa binh các đạo, vừa cựu binh Thanh -Nghệ [2] thì đều lòng không dạ trống đi theo việc binh nhưng. Lòng người do đẩy lại càng chia rẽ tan tác" [3].

Trong khi ở Bắc Hà quân Thanh cướp nước tàn bạo như vậy, quần chúng nhân dân khổ sở như vậy, bọn phản động Lê Chiêu Thống có những hành động đê hèn nhục nhã như vậy, thì bọn phản động Nguyễn Ánh ở Gia Định cũng có những hành động đê hèn nhục nhã không kém. Chúng cũng cầu mong quân xâm lược nước ngoài vào cướp nước, vào giày xéo lên Tổ quốc, chém giết đồng bào của

1, 3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX tr. 60.

2. Quân đội cũ của Lê Chiêu Thống, người Thanh Hóa, Nghệ An.

chúng. Được tin quân Thanh tiến sang cướp nước ở phía bắc, Nguyễn ánh mừng rỡ, vội vàng cho lũ chân tay là bọn Phan Văn Trọng, Lâm Đề mang thư sang triều đình nhà Thanh tỏ lòng hoan nghênh, thần phục và đem 50 vạn cân gạo để giúp lương cho quân Thanh đánh chiếm Bắc Hà. Nhưng không may cho bọn phản động Nguyễn ánh, hành động nhục nhã của chúng đã không đi đến kết quả nào. Các thuyền gạo của chúng ra tới biển, gặp bão, bị đắm, cả gạo và người đều làm mồi cho cá biển [1].

Trong tình hình Bắc Hà hỗn loạn, do quân Thanh xâm lược và bọn phản động Chiêu Thống gây nên, một vài cựu thần nhà Lê đã trông thấy nguy cơ có thể bị tiêu diệt, lấy làm lo lắng và muốn có những hành động quân sự kịp thời. Ngô Tử Long dâng sớ yêu cầu kịp thời tiến đánh quân Ngô Văn Sở ở Tam Điệp. Tôn Sĩ Nghị khoát lác, từ chối:

"Việc gì mà phải vội vã như vậy? ... Giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt ..." [2].

Tuy nói ngông nghênh như vậy, nhưng thấy mọi người thúc giục, Tôn Sĩ Nghị cũng không dám để việc quân trễ tràng lắm. Hắn liền quyết định sang xuân, mùng 6 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), sẽ xuất quân và bắt đầu bố trí canh gác đề phòng [3]. Ngoài các đạo quân lớn vẫn đóng tại các vị trí cũ, Tôn Sĩ Nghị bắt đầu đặt thêm đồn canh phòng.

Từ Thăng Long về phía nam chừng 60 dặm, Tôn Sĩ Nghị chia quân đóng giữ một số nơi, đắp lũy đất lập đồn để canh gác. Những đồn mới lập ấy gồm có: một đồn ở làng Ngọc Hồi huyện Thanh Trì, một đồn ở làng Hà Hồi huyện

1. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện sử học, t. II, tr. 121.
 2. Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 350.
 3. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch, t. XX, tr. 61, nói vì có thủ chiếu của Càn Long, Tôn Sĩ Nghị mới phải tính đến mưu kế tiến quân. Sự việc này nếu có thật. thì chỉ là thêm một nguyên nhân, chứ không phải là nguyên nhân duy nhất.
-

Thường Tín, một đồn ở làng Nhật Tảo huyện Duy Tiên và một đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết huyện Thanh Liêm. Nhưng kế hoạch bố trí mới của Tôn Sĩ Nghị lại chỉ là kế hoạch phòng thủ thụ động, ngồi chờ người đến đánh để đỡ vì vậy bọn thần tử nhà Lê vẫn lo sợ.

Một người cung nhân cũ trong cung vua Lê, quê ở Trường Yên, vùng núi Tam Điệp, đã phải cố đi từ Trường Yên ra Thăng Long để nói về tình hình và than thở với Thái hậu mẹ Lê Chiêu Thống:

"Xe vua trở về kinh thành, đã gần một tháng. Hiệu lệnh ban ra, chẳng qua mới

đến các vùng Ứng Hòa, Thường Tín, Từ Sơn, Thuận Thành, Quảng Oai, năm lộ mà thôi. Còn như từ Trường Yên về nam, Thanh Hoa là đất căn bản, lũng tâm tiền triều ở đó. Nghệ An cũng là quận chân tay, quân cấm và quân túc trực đều lấy người ở đây, thì nay vẫn bị mất về tay giặc, tin tức không thông, đó thật là điều đáng lo rất lớn. Hiện nay, việc nước hư thực thế nào, thế giặc mạnh yếu ra sao, những người đứng ngoài mà xem, không ai không biết. Trước đây hoàng thượng gặp nạn phải chạy, các quan trèo đèo vượt suối khó nhọc vất vả đã hơn một năm, bao nhiêu nhân tình chắc đã từng trải hết rồi, sao vẫn điềm nhiên không lo nghĩ gì cả? Tổng đốc họ Tôn từ thượng quốc tới đây, thế nước và tình hình của giặc chỉ biết đại khái. Đến như các miền, cũng có nơi xung yếu, nơi bình thường, chia đồn và mai phục, cần phải trù tính kỹ càng. Việc binh có lúc nên đánh, lúc nên giữ, phải tùy cơ ứng biến trong chớp lát. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác? Vả chăng, khi trước Lê Quýnh khai báo ở bên ấy, nói rằng: "Nhiều nơi trong nước ta không chịu theo giặc, người chuộng nghĩa còn nhiều, lòng người cũng có thể trông cậy, nếu được đại binh sang làm thanh viện thì công việc khôi phục có thể thành ...". Đó chỉ là một cách nói, để tổng đốc họ Tôn không cho việc ấy là khó. Quýnh vì muốn chóng được quân sang cứu, cho nên mới bịa ra lời nói hão để lừa dối họ. Họ cũng tưởng là thật, hăng hái tiến lên, không còn lo nghĩ gì về sau. Cứ xem lời lẽ trong bài hịch, thì những điều họ bắt buộc mình phải đương lấy, rất là nặng nề; còn họ thì chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lảy thanh thế sông để dọa dẫm mà thôi. Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hán ra Bắc vào Nam, ẩn hiện

như quỷ thần, không ai có thể lường biết. Hãn bắt Hữu Chính như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hãn. Thấy hãn trở tay, đưa mắt, là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sợ sấm sét. E rằng chẳng mấy lâu nữa, hãn lại trở ra, tông đốc họ Tôn đem thứ quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thể khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chửng?" [1].

Cung nhân già ấy chỉ là một người phụ nữ bình thường, nhưng họ đã thấy được phần nào sự thật của tình hình. Bởi vì họ đã sống ở Trường Yên, tiếp cận với nơi quân đội Tây Sơn đóng giữ. Họ thấy rõ khí thế sôi chiến đấu của quân dân từ Trường Yên trở vào và thấy rõ khả năng chiến thắng của quân đội Tây Sơn. Quay nhìn ra Bắc, nhất là đặt chân tới Thăng Long, họ đã thấy tất cả cái yếu hèn của vua tôi Lê Chiêu Thống, và mầm mống thất bại của

=====

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch đã dẫn, tr. 355 - 356.

=====

quân Thanh. Nhìn thấy sự thật, nhưng sợ việc đã muộn. Bọn vua tôi nhà Lê cũng thấy nhận định tình hình như thế là đúng, nhưng không có cách nào khác hơn là đến cầu khẩn với Tôn Sĩ Nghị để Tôn Sĩ Nghị xuất quân mà thôi.

Thấy có người vạch rõ tình hình và đặt vấn đề một cách cấp thiết như vậy, Tôn

Sĩ Nghị cũng giật mình và cũng tự cảm thấy mình đã sai lầm. Nhưng thời cơ đã lỡ, quân luật đã trễ tràng, binh lính đã uể oải, bản thân Tôn Sĩ Nghị cũng thấy khó khăn lúng túng, không biết xoay sở như thế nào, chỉ còn biết mắng nhiếc bọn bù nhìn và đùn cho bọn bù nhìn xuất quân trước:

"Trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bây giờ, nhân khi ta thắng, dè bẹp ngay chúng đang lúc khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy, để chúng có thì giờ thông thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại đã định đến sang xuân, vào ngày mồng 6 thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được" [1].

Trước sự tình như thế, bọn vua tôi Lê Chiêu Thống không còn biết nói gì nữa. Nhưng khổ cho chúng là cất cử ai đem quân đi trước bây giờ, và đi trước thì đánh chác ra làm sao ? Bọn triều thần ở Thăng Long sợ chết, không tên nào dám đi, đành phải dùng lệnh vua điều động viên trấn thủ Sơn Tây [2], không phải là đi đánh quân Tây Sơn ở Tam Điệp mà là đem quân bản bộ ở Sơn Tây xuống đóng

=====

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 356 - 357.
2. Tức Hoàng Phùng Tứ như đã nói ở trên. Nhiều sách khác gọi là Hoàng Phùng Nghĩa.

ở Gián Khẩu, lập thành một đồn tiền tiêu án ngữ đường tiến ra Thăng Long của quân đội Tây Sơn [1].

Sự điều động quân Lê từ Sơn Tây xuống Gián Khẩu như thế không phải để chủ động tiến công quân đội Tây Sơn mà chỉ có nghĩa là đi làm bia đỡ đạn, chịu chết trước để cho quân Thanh yên tĩnh, nghỉ ngơi cho đến ngày 6 tháng Giêng. Nhưng tình hình khẩn trương đã không cho phép Tôn Sĩ Nghị và quân Thanh được yên tĩnh nghỉ ngơi. Ngày 23 tháng Chạp năm Mậu Thân tức ngày 18 tháng 1 năm 1789 thám tử của quân Thanh từ các nơi chạy ngựa về Thăng Long báo với Tôn Sĩ Nghị là quân Tây Sơn đang tuyển thêm lính ở Thanh Hóa, Nghệ An và chuẩn bị tiến đánh Bắc Hà [2]. Tôn Sĩ Nghị vội vàng "cho quân đi đóng giữ ở tất cả các nơi hiểm yếu trên khắp bốn ngả đường, còn đại quân thì sáng chiều tập dượt để chuẩn bị tác chiến" [3].

Tôn Sĩ Nghị lại cử đề đốc Hứa Thế Hanh trực tiếp chỉ huy mặt trận phía nam kinh thành Thăng Long và tăng cường quân lực cho các đồn quân đã có ở mặt trận này, từ Ngọc Hồi đến bờ bắc sông Nguyệt Quyết [4].

Tôn Sĩ Nghị và quân Thanh có chuẩn bị đề phòng thì cũng đã muộn quá rồi. Nguyễn Huệ và đại quân Tây Sơn đã tới Tam Điệp từ ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân và Nguyễn Huệ đang nghiên cứu kỹ tình hình địch, để đánh cho địch một trận thật bất ngờ, quyết thắng. Biết địch đã định ngày 6 tháng Giêng sẽ từ

Thăng Long xuất quân, Nguyễn Huệ quyết định quân đội Tây Sơn sẽ đánh tan quân Thanh và tiến vào Thăng Long, trước ngày mùng 6 tháng

- 1 . Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí. Bản dịch đã dẫn, tr. 357.
- 2, 3. Theo Quân doanh kỷ lược, của Trần Nguyên Nhiếp, do Trần Văn Giáp sưu tầm và Văn Tân dẫn trong Cách mạng Tây Sơn, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr. 115.
4. Nguyễn Thu, Tài liệu đã dẫn, tờ 46. Cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX. tr. 61.

Giềng ấy. Biết quân Thanh chỉ lập một mặt trận chính là mặt trận phía nam thành Thăng Long và tập trung quân chủ lực ở đây đặc biệt là ở hai đồn quân kiên cố nhất là Hà Hồi và Ngọc Hồi, còn đại quân của Tôn Sĩ Nghị đóng ở hai bờ sông Hồng và mấy vạn quân Điện Châu, Triều Châu của Sầm Nghi Đống, đóng ở Khương Thượng, phía tây nam thành Thăng Long, đều chỉ ở tư thế đợi chờ, đợi chờ tin tức của mặt trận phía nam và đợi chờ ngày xuất quân. ở phía bắc thành Thăng Long, có một nhóm quân cần vương của Lê Chiêu Thống, do Lê Duy Chi chỉ huy là một lực lượng không đáng kể, một khi quân Thanh đã thất bại.

Nắm được kế hoạch và cách bố trí lực lượng của địch, Nguyễn Huệ chia quân làm năm đạo để tiến đánh quân Thanh với những nhiệm vụ cụ thể cho từng đạo quân như sau:

Đạo quân thứ nhất là đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tiên phong và Hám hỏ hầu đi hậu quân đốc chiến. Đạo quân này gồm có cả bộ binh, tượng binh, kỵ binh, làm nhiệm vụ đánh vào mặt trận chính của quân Thanh trên đường phía nam kinh thành Thăng Long.

Đạo quân thứ hai đi đường thủy, do đô đốc Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy, tiến vào sông Lục Đầu, tiêu diệt quân cản vường của Lê Chiêu Thống ở Hải Dương, rồi tiến lên uy hiếp cạnh sườn phía đông của Tôn Sĩ Nghị đóng ở bờ sông Hồng, làm tiếp ứng cho đạo quân chủ lực và các đạo quân khác đánh vào Thăng Long.

Đạo quân thứ ba do đại đô đốc Lộc chỉ huy, cũng đi đường thủy cùng với đạo quân thứ hai. Khi vào đến sông Lục Đầu thì đạo quân thứ ba này sẽ đi gấp lên các hạt Phượng Nhãn, Lạng Giang, Yên Thế, để chặn đường chạy về của quân Thanh.

Đạo quân thứ tư do đại đô đốc Bảo chỉ huy, gồm tượng binh và kỵ binh, có nhiệm vụ đi theo đường Sơn Minh (huyện Ứng Hòa, Hà Tây ngày nay) ra làng Đại Áng, ở phía tây nam đồn Ngọc Hồi, để phối hợp với đạo quân chủ lực tiến công đồn này, vừa là vị trí quan trọng nhất của mặt trận phía nam kinh thành Thăng Long, vừa là bản doanh của viên tướng chỉ huy mặt trận là đề đốc

Hứa Thế Hanh.

Đạo quân thứ năm cũng gồm tượng binh và kỵ binh do đô đốc Long chỉ huy. Đạo quân này có nhiệm vụ đánh bất ngờ vào Thăng Long, tiến vào Thăng Long trước tất cả các đạo quân khác, làm cho toàn bộ quân địch ở tất cả các mặt trận xung quanh Thăng Long đều hoang mang tan rã mau chóng. Đạo quân thứ năm sẽ đi theo đường huyện Chương Đức (tức huyện Chương Mỹ, Hà Tây ngày nay) tiến theo hướng Sơn Tây nhưng rẽ quặt sang làng Nhân Mục, rồi tạt ngang sang tập kích đồn quân Điền Châu, Triều Châu của Sầm Nghi Đống ở Khương Thượng, liên sát kinh thành Thăng Long về phía tây nam. Tiêu diệt xong đồn Khương Thượng, đạo quân thứ năm của đô đốc Long sẽ theo cửa tây, tiến ngay vào Thăng Long, một mặt chiếm đóng kinh thành, một mặt tiếp tục tiến công vào đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở Tây Long phía đông kinh thành Thăng Long và chặn bắt tàn quân Thanh từ phía Ngọc Hồi và các đồn khác ở mặt trận phía nam chạy về Thăng Long.

Sau khi phân phối đội ngũ và trao nhiệm vụ cho các đạo quân, Nguyễn Huệ hạ lệnh ngày 30 tháng Chạp năm Mậu Thân tức ngày 25 tháng 1 năm 1789 sẽ xuất quân đến đánh các đồn tiền tiêu của giặc. Ngày hôm ấy, trước khi lên đường, Nguyễn Huệ cho làm tiệc khao quân và nói với tướng sĩ rằng:

"Nay hãy làm lễ ăn Tết Nguyên đán trước, đợi đến mùng 7 tháng Giêng vào thành Thăng Long, sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi lấy lời ta nói xem có đúng thế không" [1].

Sau bữa tiệc lên đường, đạo quân chủ lực của Nguyễn Huệ rầm rộ xuất phát, "quân xếp thành hàng lại có voi đi kèm giúp sức" [2]. Ngay đêm hôm ấy, 30 tháng Chạp năm Mậu Thân đạo quân chủ lực của Nguyễn Huệ vượt sông Gian Thủy, tiến công vào đồn Gian Khẩu, một đồn tiền tiêu của giặc do quân Lê Chiêu Thống đóng giữ. Quân Lê hoàn toàn tan vỡ, tướng Lê là Hoàng Phùng Tứ [3] bỏ chạy. Nguyễn Huệ cho quân theo phía sông Thanh Quyết tiến lên [4], dọc đường gặp một toán quân Thanh do thám. Toán quân này trông thấy bóng quân Tây Sơn vội vàng bỏ chạy. Nguyễn Huệ một mặt cho quân đuổi bắt toán quân Thanh do thám, một mặt, trên đường hành quân, lần lượt tiêu diệt các đồn quân Thanh đóng ở xa Thăng Long [5], như các đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết (thuộc huyện Thanh Liêm) và đồn Nhật Tảo (thuộc huyện Duy Tiên). Đạo quân chủ lực của Nguyễn Huệ tiến tới huyện Phú Xuyên [6] (thuộc Hà Tây ngày nay) thì bắt sống được toàn bộ toán quân Thanh do thám. Vì các đồn quân ở xa và toán quân do thám đều bị tiêu diệt

1. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 33.
2. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr. 115.
3. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 33 viết là Hoàng Phùng Nghĩa.
4. Gian Khẩu thuộc trấn Sơn Nam. Có nhiều sách viết gần đây thường cho rằng sau khi đánh xong Gian Khẩu, Nguyễn Huệ cho quân vào đánh Nam Định, trấn ly Sơn Nam. Việc này không chắc có thật, một là quân Tây Sơn không cần thiết

phải rẽ vào đánh Nam Định rồi mới quay trở ra theo sông Thanh Quyết tiến lên, hai là trấn ly Sơn Nam lúc ấy gọi là Vị Hoàng, không gọi là Nam Định, mà trong các sử cũ đều không nói đến việc Nguyễn Huệ đánh quân Thanh hay quân Lê Chiêu Thống ở Vị Hoàng.

5. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 33.

6. Cách Thăng Long khoảng trên 30 ki-lô-mét.

gọn hoặc bị bắt gọn, nên các đồn quân Thanh từ Hà Hồi trở về Thăng Long không biết tin tức gì về việc tiến quân của quân Tây Sơn.

Nửa đêm mùng 3 tháng Giêng năm Kỷ Dậu tức ngày 28 tháng 1 năm 1789, quân Tây Sơn tiến tới trước đồn Hà Hồi, một trong những đồn quân quan trọng của quân Thanh ở cách Thăng Long chừng 20 ki-lô-mét. Nhưng quân Thanh trong đồn không biết gì hết. Nguyễn Huệ cho vây chặt lấy đồn, rồi bắc loa truyền hịch, tiếng quân lính thưa vang, tưởng như có mấy vạn người đang chuẩn bị xung phong vào đồn. Quân Thanh trong đồn giật mình hoảng sợ, mất hết tinh thần chiến đấu, lũ lượt ra hàng. Quân Tây Sơn thu hết lương thực, khí giới. Như thế là chỉ trong khoảnh khắc Nguyễn Huệ đã hoàn toàn tiêu diệt đồn Hà Hồi của quân Thanh mà không mất một mũi tên, hòn đạn.

Ngày mùng 4 tháng Giêng năm Kỷ Dậu tức ngày 29 tháng 1 năm 1789, Nguyễn Huệ tiến quân lên Ngọc Hồi [1], một đồn quân kiên cố nhất, tập trung tất cả các tướng lĩnh cao cấp của quân Thanh, để chỉ huy mặt trận phía nam thành Thăng Long. Cũng ngày hôm ấy, đồn Ngọc Hồi phải cho quân về cấp báo với

Tôn Sĩ Nghị:

"Quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới" [2].

Tất cả bọn quân ấy đều hoảng sợ trước sự tiến quân thần tốc của Tây Sơn và đều nói:

"Thật là tướng ở trên trời xuống, quân ở dưới đất chui lên" [3].

=====

1. Đồn Ngọc Hồi ở phía dưới Thăng Long chừng 13 - 14 ki-lô-mét.

2, 3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 465.

=====

Tôn Sĩ Nghị được cấp báo rất hoảng sợ, vội cho lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp cùng viên hàng tướng Phan Khải Đức đem quân cần vương của Lê Chiêu Thống tới tiếp viện cho đồn Ngọc Hồi. Tôn Sĩ Nghị lại sai hai mươi kỵ binh hầu cận mình đi cùng Thang Hùng Nghiệp, với mệnh lệnh là cứ trong chốc lát phải phi ngựa về báo tin và báo tin liên tiếp cho Tôn Sĩ Nghị.

Nhưng tới Ngọc Hồi, Nguyễn Huệ không đánh địch ngay, ông chờ cho đạo quân của đô đốc Long đánh vào Khương Thượng rồi ông mới đánh. Cả ngày

mùng 4, ông chỉ chuẩn bị cho chiến đấu sắp tới và phô trương thanh thế uy hiếp tinh thần địch, đồng thời thu hút tất cả sự chú ý và đề phòng của địch vào mặt trận Ngọc Hồi mà không lo phòng thủ nơi khác, ông nắm chắc địch đang rất hoang mang lo sợ. Địch hoang mang trước cuộc tiến quân thần tốc của quân đội Tây Sơn, và càng hoang mang lo sợ không hiểu quân đội Tây Sơn lớn mạnh như thế nào mà đã tiêu diệt nhanh gọn tất cả những lực lượng và căn cứ phòng thủ của chúng trên chặng đường từ Gián Khẩu lên Hà Hồi. Cũng không hiểu tại sao quân đội Tây Sơn đã tới Ngọc Hồi mà chưa đánh và sẽ đánh vào lúc nào, địch càng sợ.

Với những hoang mang lo sợ như thế và không hiểu nổi hành động của quân đội Tây Sơn, địch ở Ngọc Hồi không dám chủ động tiến công, đành chờ đối phương đánh rồi sẽ tùy liệu đối phó lại.

Đúng như những tính toán của nghĩa quân, cả ngày mùng 4, địch ở Ngọc Hồi, không dám tiến ra khỏi đồn để đánh nghĩa quân. Và cả ngày mùng 4, Tôn Sĩ Nghị tại Thăng Long lúc nào cũng nơm nớp lo, nhưng chỉ lo một mặt trận phía nam, mà không ngờ rằng lại có một mặt trận khác diễn ra ngay bên cạnh sườn Tôn Sĩ Nghị. Và chính cái mặt trận bất ngờ ấy đã là một yếu tố góp phần làm cho quân Thanh tan rã mau chóng.

Cũng trong ngày mùng 4 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, khi Nguyễn Huệ tiến lên Ngọc Hồi, thì đạo quân của đô đốc Long cũng tiến tới làng Nhân Mục [1]. Và ngay quá nửa đêm hôm ấy, đạo quân của đô đốc Long, hàng ngũ chỉnh tề, các

đội voi chiến đều mang đại bác trên lưng [2], tiến sang đánh đồn Khương Thượng [3] của quân Thanh. Quả nhiên, quân Thanh ở đây đều là quân ô hợp, và tướng chỉ huy cũng không phải là tướng cao cấp, đã quen chiến đấu, nên bị đánh bất ngờ, đồn Khương Thượng đã tan vỡ nhanh chóng. Trong đêm tối dày đặc [4], quân Thanh chạy tán loạn, vừa bị tên đạn, vừa giày xéo lên nhau mà chết, nhiều vô kể. Đô đốc Long cho quân xung phong vào đồn, chém giết như vào chỗ không người. Sầm Nghi Đống đã phải tự tử chết ngay tại đài chỉ huy của hãn ở Loa Sơn [5]. Diệt xong đồn quân lớn gồm mấy vạn người của Sầm Nghi Đống [6], đô đốc Long

1. Nhân Mục tức là khu vực hai xã Nhân Chính, Khương Đình bây giờ, trên con đường Hà Nội vào Hà Đông.
2. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 36, 37.
3. Đồn Khương Thượng và Loa Sơn đều thuộc khu vực chùa Bộc hiện nay (khu phố Đống Đa, thành phố Hà Nội).
4. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký ... q. 6. tờ 36, 37.
5. Đồn Loa Sơn thuộc khu vực chùa Bộc hiện nay (khu phố Đống Đa, thành phố Hà Nội).
6. Xác mấy vạn quân địch chết đầy khắp trận địa. Khi chiến tranh kết thúc, nghĩa quân và nhân dân đã thu nhặt xác địch xếp thành 12 đống lớn đắp đất chôn cất. Lối chôn nổi, xếp xác giặc đắp đất lên trên làm thành những gò đồng lớn là một lối cổ truyền ở các nước phương Đông. Những đống xác giặc đó, chữ Hán gọi là Kinh nghê kinh quán tức là gò đồng chôn xác những tên giặc

hung dữ như loại cá kình, cá nhê ngoài biển. Một nhà thơ đương thời là Ngô Ngọc Du đã làm bài thơ Loa Sơn điệu cổ để ca ngợi chiến thắng oanh liệt của quân dân ta ở mặt trận Khương Thượng, trong có câu:

Thánh nam thập nhị kinh nghệ quán
Chiến diệu anh hùng đại võ công
(Thánh nam xác giặc mười hai đồng,
Ngời sáng anh hùng đại võ công).

Tại 12 gò này, về sau đa mọc um tùm, nên gọi là Khu Đồng Đa. Khoảng giữa thế kỷ XIX, có việc đào đất làm đường, mở chợ ở gần khu vực này, nhặt được rất nhiều xác giặc nữa, lại tập trung đắp thành một đồng thứ 13, tức là đồng đa có đền Trung Liệt hiện nay. Từ cuối thế kỷ XIX trở về sau, 13 đồng đa ấy đã bị phá hủy gần hết. Bây giờ chỉ còn lại hai đồng. Một là Đồng Đa có đền Trung Liệt, hai là Đồng thiêu ở trong khu lăng mộ Hoàng Cao Khải.

đưa quân ập đến đồn Nam Đồng [1] của địch, diệt đồn Nam Đồng và tiến nhanh về phía cửa tây thành Thăng Long, bắn phá rất dữ dội. Phối hợp chiến đấu với nghĩa quân, nhân dân chín xã ngoại thành đem ròng cỏ tằm dầu tới đánh hỏa công, thiêu đốt khắp đó đây. Trận đánh càng thêm ác liệt. Lúc ấy mới là canh tư đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 (âm lịch).

Tôn Sĩ Nghị tại đại bản doanh ở bờ sông Hồng, nghe tiếng súng nổ âm âm không ngớt, vội sai thám tử chạy ngựa đi tìm hiểu tình hình. Thám tử về báo đồn quân Điện Châu ở Khương Thượng đã bị tiêu diệt, quân Tây Sơn đã vào cửa tây thành Thăng Long, đang bắn phá thiêu đốt rất kịch liệt, khói lửa rực

trời. Nhưng tin ấy tới được Tôn Sĩ Nghị thì quân Tây Sơn đã vào thành Thăng Long và đô đốc Long đang tiến quân về phía đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị.

Tôn Sĩ Nghị vội lên ngựa không kịp đóng yên, mình không kịp mặc áo giáp, đem toán kỵ binh hầu cận lên qua cầu phao, nhằm hướng bắc mà chạy [2]. Về việc Tôn Sĩ Nghị

1. Đồn Nam Đồng ở trên đường Khương Thượng vào cửa tây thành Thăng Long. Chỉ có Việt sử thông giám cương mục nói đến việc quân Tây Sơn đánh đồn này, nhưng Cương mục trình bày rất lộn xộn, khiến người đọc tưởng như Nguyễn Huệ sau khi diệt xong đồn Ngọc Hồi mới tiến đánh đồn Nam Đồng. Như thế thì không hợp lý.

2. Trong việc quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long, có một câu chuyện về viên đề lĩnh họ Đinh, bày tôi của Lê Chiêu Thống đã làm nội ứng cho Tây Sơn đốt phá các kho lương thực khí giới của quân Thanh. Câu chuyện này được thuật lại, theo sách Đào Khê nhàn thoại, trong số báo Trung bắc số xuân Kỷ Mậu 1939. Ông Hoa Bằng trong quyển Quang Trung anh hùng dân tộc, xuất bản năm 1944, đã nhấn mạnh nhiều lần về câu chuyện này coi đó như một việc quan trọng giúp cho Tây Sơn vào Thăng Long được dễ dàng và góp phần quyết định rất lớn sự tan rã của đại quân Tôn Sĩ Nghị. Đến lần tái bản năm 1951, ông Hoa Bằng chỉ đưa câu chuyện này xuống chú thích mà thôi. Chúng tôi không được đọc Đào Khê nhàn thoại và cũng chưa có dịp xem lại số báo Xuân Trung bắc năm 1939. Nhưng, theo cuốn Quang Trung, anh hùng dân tộc của Hoa

Bàng kể lại thì câu chuyện đại khái như sau:

Viên đề lĩnh họ Đinh và một toán quân già yếu của Lê Chiêu Thống đã được Tôn Sĩ Nghị trao cho trách nhiệm canh giữ các kho khí giới, lương thực của quân Thanh ở trong thành Thăng Long. Khi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc đánh Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống thì La sơn phu tử Nguyễn Thiếp đã giúp Nguyễn Huệ, đi từ Nghệ An ra Thăng Long để vận động viên đề lĩnh họ Đinh làm nội ứng cho Tây Sơn, vì khi xưa Nguyễn Thiếp đã ngồi dạy học ở nhà đề lĩnh họ Đinh. Ngày 3 Tết Kỷ Dậu, Nguyễn Thiếp tới Thăng Long, đem biếu đề lĩnh họ Đinh một chiếc bánh chưng, trong nhân bánh có đề từ mật dụ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Đề lĩnh họ Đinh đã theo lời mật dụ, nhận làm nội ứng cho Tây Sơn và ngay đêm 4 rạng ngày 5, đề lĩnh họ Đinh đã ngấm đốt các kho khí giới, lương thực và sù y phủ, tức đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị ở Thăng Long, do đây quân Thanh ở Thăng Long tan rã, Tôn Sĩ Nghị phải bỏ chạy. Theo chúng tôi, câu chuyện này không chắc đã có thật, vì nhiều lẽ. Một là Tôn Sĩ Nghị không đóng quân trong thành Thăng Long, không làm gì có các kho khí giới, lương thực và sù y phủ của quân Thanh ở trong thành Thăng Long. Hai là khí giới và lương thực là vận mệnh của cả 20 vạn quân Thanh, không khi nào chúng lại giao cho một toán quân già và một viên tướng già của bù nhìn Lê Chiêu Thống canh giữ. Ba là thái độ hết sức tiêu cực của La sơn phu tử Nguyễn Thiếp không thể nào cho phép ông ta có được một hành động tích cực giúp Nguyễn Huệ chống lại vua Lê mà trước sau ông ta vẫn giữ một dạ trung trinh.

Nguyễn Thiếp sống ở Nghệ An, trong phạm vi thế lực của Nguyễn Huệ, mà bao lần Nguyễn Huệ mời ra giúp việc, ông ta vẫn khăng khăng từ chối. Chỉ đến

khi Chiêu Thống trốn đi, ở chết bên nước ngoài, nhà Lê không còn nữa, Nguyễn Thiếp mới chịu ra làm một vài việc với nhà Tây Sơn mà thôi. Với thái độ "trung thần" với bọn bù nhìn Lê Chiêu Thống như vậy, Nguyễn Thiếp làm sao lại có thể hết lòng giúp Nguyễn Huệ, lặn lội từ Nghệ An ra Thăng Long để khuyên đề lĩnh họ Đinh làm nội ứng cho Nguyễn Huệ, đánh lại quân Thanh, đánh lại vua Lê Chiêu Thống của ông ta?

Cho nên theo chúng tôi, câu chuyện này không thể có thật. Theo Minh đô sử của Lê Trọng Hàm mà H. K. sao lục một đoạn đăng trên tạp chí nghiên cứu lịch sử số 46, trang 21 thì không phải đề lĩnh họ Đinh đốt kho thuốc súng mà là một viên tổng tư (?) nhà Thanh có trách nhiệm giữ hòm thuốc súng ở đầu cầu phao, đương hút thuốc, thấy Tôn Sĩ Nghị chạy qua, hoảng hốt để rơi tàn lửa vào hòm thuốc súng. Thuốc nổ, lửa cháy, tiếng nổ rầm trời. Câu chuyện này còn có thể nghe được, nhưng cũng không phải là một sự kiện quan trọng khiến quân Thanh đại bại và Tôn Sĩ Nghị phải chạy trốn.

bỏ chạy và quân Thanh ở bờ sông Hồng bị tan vỡ, các sử sách cũ đều có nhiều tình tiết khác nhau. Hoàng Lê nhất thống chí nói rằng khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn, "Quân sĩ các doanh nghe tin, đều hoảng hồn tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều bị rơi xuống nước, đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa " [1]. Đại Nam chính biên liệt truyện viết: "Tôn Sĩ Nghị đóng trên bãi cát, được tin bại trận vội vàng cưỡi ngựa một

mình chạy về Bắc. Tướng sĩ thấy vậy tranh nhau qua cầu mà chạy, cầu đứt, lăn ngã cả xuống sông, chết đến vài vạn người, làm cho nước sông không chảy được" [2].

Sách Trung Quốc như quyển Thánh vũ ký của Ngụy Nguyên thì lại đưa thêm một vài chi tiết: "...Tôn Sĩ Nghị chạy trốn khi sang được bờ bắc sông Phú Lương

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 365.

2. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34.

(tức sông Hồng - Tác giả chú thích) liền cái đứt các cầu phao bắc qua sông, khiến các đạo quân của các tướng Hứa Thế Thanh và Trương Triều Long bị bỏ rơi lại ở bên bờ nam. Do đẩy hơn một vạn người, vừa tướng vừa quân, xô đẩy nhau nhảy xuống sông để bơi sang bờ bắc và đều bị chết đuối tất cả" [1].

Những chi tiết này nếu quả đúng sự thật thì nó càng cho thấy rõ cái đề hèn của Tôn Sĩ Nghị, một viên tướng chỉ huy đã cam tâm làm chết hàng vạn quân tướng của mình để tìm lấy cái sống sót cho riêng một bản thân.

Những chi tiết trong các sách nói trên, tuy có những điểm khác nhau, nhưng đều nhất trí với nhau ở một điểm là quân Thanh đã thất bại thảm hại và tướng chỉ huy Tôn Sĩ Nghị đã phải chạy trốn một cách nhục nhã.

Chiến thắng rực rỡ của đạo quân đô đốc Long tiến vào Thăng Long và sự thất bại thảm hại của giặc đã được nhà thơ đương thời Ngô Ngọc Du thuật lại bằng hai câu thơ:

Hỏa long nhất trận tặc phi mị
Khí thành sang độ tranh đào sinh [2].
(Lửa rồng một trận giặc tan tành,
Bỏ thành cướp đồ trốn thật nhanh).

Sự thật mà nhân dân ta ghi lại là như thế đó.

Trong khi Tôn Sĩ Nghị vượt cầu phao chạy trốn, thì bù nhìn Lê Chiêu Thống từ trong nội điện thấy cửa tây thành Thăng Long bị đánh phá dữ dội, cũng vội vàng, bỏ cả vợ con,

=====

1. Nguyễn Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 37.
2. Hai câu này trích trong bài thơ "Long thành quang phục kỷ thực" (ghi lại sự thật về việc thu phục vinh quang thành Thăng Long) của Ngô Ngọc Du. Hỏa long là rồng lửa, tức là một thứ đánh hỏa công làm thành hình con rồng bên bằng rơm cỏ khô tẩm dầu để đốt. Kèm theo bài thơ, tác giả chú thích một câu chữ Hán, dịch nghĩa như sau: "Quân Tây Sơn tiến công thành Thăng Long, nhân dân chín xã ngoại thành sôi nổi bên rơm cỏ thành hình rồng, tẩm dầu đốt

lửa, đánh trận rồng lửa".

cùng mấy tên quan hầu cận đưa mẹ chạy ra Tây Long với Tôn Sĩ Nghị. Nhưng ra tới bờ sông thì Tôn Sĩ Nghị đã bỏ chạy, quân Thanh đương tan tác, cầu phao đã gãy, thuyền bè qua sông không có, bọn Lê Chiêu Thống, hoảng sợ, vội men theo bờ sông, chạy miết lên phía Nghi Tàm, cướp được một chiếc thuyền đánh cá, chèo sang bờ bắc, tìm đường chạy theo Tôn Sĩ Nghị lên ải Nam Quan [1].

Em ruột Lê Chiêu Thống là Lê Duy Chi làm nhiệm vụ chỉ huy quân Lê đóng giữ ở cửa ô Yên Hoa [2] tức cửa bắc thành Thăng Long, khi thấy chiến tranh đã diễn ra ở cửa tây cũng hoảng sợ, vội đem quân vào nội điện, tính cùng Lê Chiêu Thống tìm đường chạy trốn. Nhưng vào tới nội điện thì Lê Chiêu Thống đã bỏ trốn rồi, chỉ còn lại lũ vợ con của y. Lê Duy Chi không dám nghĩ đến việc đi tìm bọn Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị, vội cùng lũ vợ con Lê Chiêu Thống tìm lối thoát ra ngoài thành Thăng Long, rồi chạy thẳng lên phía Tuyên Quang [3].

Cũng sáng sớm ngày mùng 5 tháng Giêng Kỷ Dậu tức ngày 30 tháng 1 năm 1789 trong khi đô đốc Long phá tan đồn Khương Thượng, tiến vào Thăng Long và hàng vạn quân Thanh ở bờ sông Hồng bị tiêu diệt, Tôn Sĩ Nghị phải chạy trốn, thì Nguyễn Huệ cũng đưa đạo quân chủ lực tiến đánh đồn Ngọc Hồi của Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long. Ngọc Hồi là một đồn kiên cố nhất ở mặt trận phía nam Thăng Long, quân đông, tướng giỏi, hỏa lực mạnh, xung

quanh đồn đều đặt địa lôi [4] và cắm chông sắt [5]. Cho nên đánh đồn này, Nguyễn Huệ đã chuẩn bị tương đối kỹ.

- 1 . Ngô gia văn phái, Tài liệu đã dẫn, tr. 366.
 2. Sau đôi là cửa ô Yên Phụ.
 3. Nguyễn Thu, Tài liệu đã dẫn, tờ 47. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 378.
 4. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34.
 5. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch của Viện sử học, t. XX, tr. 62.
-

Để phá hỏa lực của địch, Nguyễn Huệ cho làm sẵn hai mươi cái mộc đỡ đạn khá lớn, cứ ba tấm ván ghép thành một cái mộc, bên ngoài lấy rơm đắp nước phủ kín.

Mờ sáng ngày mùng 5 tháng Giêng, Nguyễn Huệ hạ lệnh xung phong đánh đồn, tự mình buộc khăn vàng vào cổ tỏ ý quyết chiến [1] và cưỡi voi ra trận đốc chiến [2]. Đội tượng binh của Nguyễn Huệ, gồm hơn một trăm voi chiến rầm rộ xông lên [3]. Quân Thanh trong đồn Ngọc Hồi cho toán kỳ binh tinh nhuệ vun vút xông ra chặn bước tiến của đoàn voi chiến [4]. Quân hai bên gần nhau, ngựa quân Thanh trông thấy voi Tây Sơn hoảng sợ, lòng lên chạy về, chà đạp lẫn nhau. Quân Tây Sơn thúc voi tiến lên bắn giết.

Kỳ binh Thanh cấm cổ chạy về đồn [5]. Quân Thanh không dám ra ngoài nghênh chiến, phải ở trong đồn cố thủ [6] và bắn đại bác ra rất dữ dội để cản xung phong của đội voi chiến Tây Sơn [7]. Nguyễn Huệ hạ lệnh cho đội voi chiến chia ra làm hai cánh tả hữu, đánh vào hai bên sườn địch [8], và bộ binh cũng chia ra làm hai: một cánh đi vòng qua phía sau đồn Ngọc Hồi, đóng ở phía đông đê Yên Duyên để chặn đường rút chạy về Tây Long của quân Thanh ở

-
1. Lê Ký (dã sử) dẫn trong Quang Trung, anh hùng dân tộc của Hoa Bằng. Nhà xuất bản Bốn phương, Hà Nội, 1951, tr .191.
 2. Có tài liệu đưa ra việc Nguyễn Huệ đốt hết quân lương trước khi đánh Ngọc Hồi, để tỏ ý quyết chiến. Chúng tôi cho rằng việc ấy không thể có thật. Đốt quân lương vừa là một việc không cần thiết, vừa là một hành động phi quân sự và cũng rất vô chính trị. Trong chiến tranh, quân lương là vấn đề rất hệ trọng. Đốt quân lương của mình để tỏ ý quyết chiến đánh địch là một việc hết sức liều lĩnh không thể có được trong khi nghệ thuật quân sự của Tây Sơn đã ở trình độ phát triển. Nguyễn Huệ cũng không thể đem đốt lương ăn của quân trong khi người dân Bắc Hà đương bị nạn đói nghiêm trọng.
 - 3, 4, 5, 6. Nguyễn Thu, Lê quý kỷ sự, tờ 47. Việt sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX., tr. 62.
 - 7, 8. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr. 134.

Ngọc hồi [1], mở cánh xung phong đánh thẳng vào phía trước đồn Ngọc Hồi. Cánh quân xung phong này gồm những binh sĩ khỏe mạnh, thiện chiến,

chia thành nhiều toán. Mỗi toán có mười người, mình giắt đoản đao, khiêng một mộc gổ làm bằng ba tấm ván ghép lại, ngoài có phủ rơm ướt, và hai mươi người cầm vũ khí tiến theo sau bức mộc gổ.

Toàn bộ cánh quân xung phong có sáu trăm người, chia làm hai mươi toán, dàn thành trận thế chữ nhất [2], ngang nhiên tiến vào trận địa. Đại bác trong đồn Ngọc Hồi bắn ra mất hiệu lực. Quân Thanh vội vàng bắn hỏa mù khiến trận địa tối tăm, hòng làm rối loạn hàng ngũ quân Tây Sơn [3]. Nhưng hỏa hổ của quân Tây Sơn tung lửa cháy sáng rực trời. Quân Tây Sơn vẫn ào ạt tiến lên, bất chấp cả đại bác, cung tên [4] và hỏa mù của giặc. Đoàn quân xung phong Tây Sơn tiến sát mặt đồn Ngọc Hồi, quăng mộc gổ xuống đất, phá tan cửa lũy [5] xông thẳng vào đại doanh của địch ở trong đồn. Quân Thanh liều mạng chống lại [6]. Quân xung kích Tây Sơn rút đoản đao ra hỗn chiến [7]. Quân chủ lực Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy, tiến vào đồn chi viện cho đoàn quân xung kích. "Quân đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt như nước thủy triều đang lên" [8]. Quân Thanh địch không nổi chạy trốn ra khắp bốn phía, nhưng lại chạm phải địa lôi của chúng đã đặt từ trước nên bị chết rất nhiều [9]. Trong khi đó các đội voi chiến đã từ hai bên sườn đồn tiến vào đốt phá đồn lũy. Đại doanh của địch cũng bị đốt cháy. Đồn Ngọc Hồi nằm trong một cơn bão lửa, vì trên lưng một con

1, 2, 3. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 363.

4. Viết sử thông giám cương mục, Bản dịch đã dẫn, t. XX,

5. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34.

6, 8. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr. 134.

7, 9. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34.

voi chiến của Tây Sơn đều có ba, bốn chiến sĩ Tây Sơn quấn khăn đỏ, ngòi ném "hỏa cầu lưu hoàng"(tức hỏa hổ) ra khắp nơi, đốt cháy mọi vật, đốt cháy cả người [1].

Đồn Ngọc Hồi bị hoàn toàn tiêu diệt [2]. Tàn quân Thanh tìm đường theo hướng đông trốn chạy về Tây Long. Nhưng chạy tới gần đê Yên Duyên [3] thì đã thấy quân Tây Sơn đóng kín, quân kỳ phấp phới, quân nhạc vang lừng, chặn mất lối về, tàn quân Thanh hoảng sợ, vội chạy tạt ngang về phía tây, định theo đường Vĩnh Kiều [4] trốn về Thăng Long. Nhưng chúng chưa chạy được bao lâu thì đạo tượng binh do đô đốc Bảo chỉ huy đã từ phía làng Đại Áng xông tới. Tàn quân Thanh không còn hồn vía, vội chạy lên làng Quỳnh Đô [5] địch trốn vào đầm Mực ở làng này đã ẩn náu.

1. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr.134.

2. Nay ở gần thôn Ngọc Hồi, về phía đông, còn có vết tích

3. Yên Duyên, có tài liệu chú thích là Yên Kiện. Chú thích này có thể chưa đúng lắm, vì Yên Kiện ở phía tây Ngọc Hồi, không phải phía đông. Yên Kiện và Ngọc Hồi đều giáp sông Tô Lịch, mà sông Tô Lịch thì không có đê. Cho nên có ý kiến cho rằng: đê Yên Duyên có thể là khúc đê sông Hồng ở phía đông Ngọc Hồi, chạy thẳng lên phía Tây Long, đi qua địa phận mấy làng Yên

Duyên sở thượng, sở hạ mà ngày nay vẫn còn tên cũ. Chúng tôi thấy ý kiến này có phần hợp lý.

4. Vịnh Kiều: nay là thôn ích Vịnh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. ích Vịnh tục gọi là làng Viềng. Tại đây, có một cầu bắc qua sông Tô Lịch nên gọi là Vịnh Kiều, tức cầu Vịnh hoặc cầu Viềng.

5. Đầm Mực là một đầm lớn rộng khoảng 70 - 80 mẫu, thuộc thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh. Tương truyền khi xưa tại giữa đầm có một cái gò rộng, gọi là gò Đầm, là nơi chôn xác quân Thanh chết trong trận Đầm Mực. Gò này đã bị lở sau nạn lụt năm Quý Tỵ (1893). (Về chú thích 4, 5, xem thêm: Vũ Tuấn Sán, tài liệu đã dẫn, tr. 19 - 20).

Đây là bước đường cùng và cũng là bước đường chịu chết của tàn quân Thanh. Đạo quân voi của đô đốc Bảo ào ạt tiến vào đầm Mực, giầy đạp lên quân cướp nước. Tàn quân Thanh chết hàng vạn [1]. Không một tên nào chạy thoát. Có tên nào tìm đường trốn vào các làng xóm chung quanh thì đều bị nhân dân đón bắt, giết chết [2]. Như thế là toàn bộ quân Thanh ở mặt trận phía nam kinh thành Thăng Long đều bị tiêu diệt, toàn bộ hệ thống đồn lũy kiên cố của chúng ở mặt trận này đều bị phá tan, các tướng Thanh chỉ huy mặt trận phía nam, như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng [3] đều tử trận. Quân Tây Sơn đã chiến thắng rực rỡ ở mặt trận phía nam kinh thành Thăng Long. Nhân dân địa phương vô cùng phấn khởi, sung sướng, đem cơm nước, rượu thịt ra tận mặt trận để khao thưởng các chiến sĩ cứu nước anh hùng, đã chiến

thắng oanh liệt, giành lại tự do, độc lập cho dân tộc [4]. Quân dân tay bắt mặt mừng, ân tình thăm thiết.

Còn đạo quân Thanh đóng ở Sơn Tây thì không cần đánh cũng đã phải sớm bỏ chạy. Sáng mùng 5 Tết, được tin toàn

-
1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 364.
 2. Theo truyền tụng của nhân dân địa phương.
 3. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 37. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34. Việt sử thông giám cương mục, chính biên, q. 47, tờ 41.
 4. Theo truyền tụng của nhân dân địa phương. Theo Đào Khê nhàn thoại, Hoa Bằng dẫn trong Quang Trung, anh hùng dân tộc, thì khi ở Ngọc Hồi, quân đội Nguyễn Huệ được nhân dân địa phương nhiệt liệt hoan nghênh, đem cỗ bàn bánh trái ra khao quân và viết 4 chữ lớn để chào mừng nghĩa quân "Hậu lai kỳ tô", có nghĩa là "vua đến thì dân sống lại". Nguyễn Huệ cảm ơn nhân dân, không dám làm phiền dân, chỉ xin nhận một ít bánh chưng, thứ quà tiêu biểu của ngày Tết. Câu chuyện này nói lên tình cảm của nhân dân Bắc Hà đối với Nguyễn Huệ và thái độ liêm chính của Nguyễn Huệ, nhất là sự quan tâm của Nguyễn Huệ đối với tình hình đói kém của nhân dân Bắc Hà lúc đó.
-

bộ quân Thanh đóng chung quanh thành Thăng Long đều bị tiêu diệt, các tướng Thanh đều tử trận, một mình Tôn Sĩ Nghị đã chạy trốn theo đường lên ải Nam Quan, Ô Đại Kinh hoảng sợ, không dám nghĩ đến chiến đấu và cũng không dám

ở lại lâu trên đất Việt Nam, sợ quân Tây Sơn đánh tới, vội vàng nhờ Hoàng Văn Đồng dẫn đường, đem đạo quân Vân Quý chạy miết về nước [1].

Sau khi chiến thắng quân Thanh ở mặt trận phía nam, Nguyễn Huệ và đô đốc Bảo tiến quân vào Thăng Long [2].

Đô đốc Long đem quân từ trong thành ra đón. Chiều ngày mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, tức ngày 30 tháng 1 năm 1789, Nguyễn Huệ vào Thăng Long, chiếc chiến bào màu đỏ đã đen sạm màu thuốc súng [3].

-
1. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 37 viết là Hoàng Văn Thông.
 2. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34 viết rằng sau khi tiêu diệt đồn Ngọc Hồi, Nguyễn Huệ tiến quân đánh phá các đồn Văn Điển và Yên Quyết, chúng tôi cho rằng đồn Văn Điển nếu có thì cũng chỉ là một đồn nhỏ, ở cách Ngọc Hồi khoảng 3 ki-lô-mét. Trong khi các đồn Khương Thượng, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Tây Long đều bị tiêu diệt thì quân Thanh ở đồn Văn Điển tất nhiên đã chạy trốn lâu rồi. Chúng không thể, trong tình hình ấy, có tinh thần và can đảm ở lại đồn Văn Điển, chờ Nguyễn Huệ tiêu diệt xong đồn Ngọc Hồi tiến lên thì ra kháng cự và ngăn chặn lại. Về đồn Yên Quyết, nếu quả có thì nó cũng chỉ là một đồn nhỏ của quân Thanh, vì nhiều sử sách không nói tới. Và nếu cần đánh thì đó là nhiệm vụ của đạo quân đô đốc Long, không phải là nhiệm vụ của đạo quân chủ lực của Nguyễn Huệ, bởi vì Yên Quyết ở phía tây bắc đồn Khương Thượng. Không có lý gì Nguyễn Huệ cùng đạo quân chủ lực

và đạo quân của đô đốc Bảo, sau khi hạ xong đồn Ngọc Hồi tiến theo đường Văn Diễn, không vào thẳng cửa nam thành Thăng Long mà lại từ Văn Diễn đi quặt sang phía tây bắc ngoại thành Thăng Long, xuyên qua trận địa Khương Thượng để đánh lên đồn Yên Quyết. Hành quân và phân công tác chiến như thế là không hợp lý. Cho nên việc Nguyễn Huệ và đạo quân chủ lực tiến đánh hai đồn Văn Diễn và Yên Quyết có thể là không đúng sự thật.

3. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 34.

nhân dân Thăng Long nô nức chào đón nghĩa quân tiến vào thành. Ngô Ngọc Du đã tả lại cảnh tượng tưng bừng đó trong mấy câu thơ:
(tạm dịch)

Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến,
Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh.
Mây tạnh mù tan, trời lại sáng,
Đầy thành già trẻ mặt như hoa,
Chung vai sát cánh cùng nhau nói:
Cố đô trở lại nước non ta.
(Long thành quang phục kỷ thực)

Vào tới Thăng Long, Nguyễn Huệ cho ban bố ngay một số điều lệnh cần thiết. Đối với nhân dân, Nguyễn Huệ hạ lệnh chiêu an, lập lại trật tự và bảo đảm sinh hoạt bình thường cho nhân dân kinh thành và nhân dân Bắc Hà. Đối với quân địch, Nguyễn Huệ không cho quân đuổi theo đạo quân Thanh

Vân Quý của Ô Đại Kinh, vì không cần thiết và chúng cũng đã chạy xa, nhưng vẫn cho tiếp tục truy kích và chặn bắt bọn Tôn Sĩ Nghị, chủ tướng của quân Thanh, làm cho chúng khiếp đảm, phải từ bỏ âm mưu xâm lược Việt Nam lần nữa, Nhiệm vụ này đã được trao từ trước cho đạo quân của đô đốc Lộc tiến lên đóng án ngữ ở vùng Phụng Nhãn, Lạng Giang, Yên Thế.

Đối với tàn quân Thanh không chạy kịp, còn lẩn trốn ở các nơi, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho ra đầu thú, sẽ không giết và đối xử tử tế, cung cấp cho lương ăn, áo mặc. Chỉ trong khoảng 10 ngày, số tàn quân Thanh ra thú, có tới vài vạn người [1].

1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 371. Theo bài biểu của Nguyễn Huệ gửi cho Càn Long (trong Tây Sơn bang giao tập và Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 36) thì số tàn quân ấy là hơn 800 người. Con số vài vạn người, chưa rõ đúng sai như thế nào, nhưng con số hơn 800 người thì có thể là ít hơn sự thật, vì đó chỉ là số tù binh sẽ đem trả cho nhà Thanh, không phải là tất cả những người ra đầu thú.

Đối với quân Tây Sơn thuộc các đạo quân đã tiến vào Thăng Long, trừ những đơn vị đang làm nhiệm vụ truy kích địch trên đường Thăng Long - ải Nam Quan, Nguyễn Huệ cho phép nghỉ ngơi và chuẩn bị ăn Tết khai hạ, mùng 7 tháng Giêng, đúng như lời đã hứa trước, khi quân sĩ còn ở Tam Điệp.

Nhiệm vụ chiến đấu cuối cùng trong chiến dịch đánh phá quân Thanh là nhiệm vụ của đạo quân của đô đốc Lộc. Trong khi các đạo quân của Nguyễn Huệ, đô đốc Long, đô đốc Bảo tiến đánh Thăng Long và đạo quân của đô đốc Tuyết tiến đánh Hải Dương, thì đạo quân của đô đốc Lộc tiến lên Kinh Bắc, đóng giữ tất cả các ngã đường đi lên ải Nam Quan, để chặn đường về của tàn quân Tôn Sĩ Nghị.

Từ sáng sớm ngày mùng 5 tháng Giêng, Tôn sĩ Nghị rời bỏ Thăng Long, chạy miết về phía Kinh Bắc, không dám chạy theo đường chính, phải leo núi, lượn rừng mà chạy, thật là khổ sở. Chạy tới Phụng Nhãn, được tin đô đốc Lộc đang dẫn quân tới ở phía trước mặt, Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ, vội vút ra đường tắt cả những vật cần thiết mang bên mình, như sắc thư, kỳ bài, quân ấn, để chạy thoát lấy thân [1]. Trần Nguyên Nhiếp, bí thư của Tôn Sĩ Nghị và cũng là người cùng chạy với Tôn Sĩ Nghị đã tả lại cảnh chạy trốn thảm hại của chúng như sau:

"Từ kinh thành nhà Lê sang đò Phú Lương rồi các miền đi qua phần nhiều là những nơi núi non hẻo lánh, đường đi quanh co, rẽ ngang rẽ dọc, chúng tôi luôn luôn lạc lối, không tìm được nẻo đi. Bất cứ gặp ai, người cày, người cuốc, đàn ông đàn

=====

1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 369.

NguyenHue248

bà ... chúng tôi đều phải hỏi thăm đường. Nhờ có họ chỉ bảo cho mới tìm về được tới trấn Nam Quan. "Tôi với Chế hiển (tên chức quan của Tôn Sĩ Nghị) đói cơm khát nước, không kiếm đâu ra được ăn uống, cứ phải đi suốt bảy ngày, bảy đêm mới đến trấn Nam Quan ..." [1].

Nhưng mặc dầu quân Thanh đã thất bại nhục nhã, chủ tướng quân Thanh đã phải chạy trốn thảm hại như vậy, khi thuật lại những sự việc ấy, người Thanh vẫn muốn đưa ra một vài sự việc nào đó để gỡ thể diện cho bọn bại tướng, bại quân của mình. Trong Quân doanh kỷ lược, trước khi tả cảnh chạy trốn thảm hại như trên, Trần Nguyên Nhiếp lại viết rằng:

"Kinh thành nhà Lê [2] cách trấn Nam Quan hơn 2.000 dặm. Trên dọc đường ta vốn đã đặt sẵn sàng mười tám kho lương thực. Nay vì thấy thế giặc dữ tợn quá, sợ làm cỗ sẵn cho giặc ăn, cho nên đến đâu Cung Bảo [3] đều hạ lệnh đốt cháy. Thành ra quân ta không có gì ăn, bắt buộc phải vừa đánh vừa chạy" [4].

Đó thật là những điều hết sức hoang đường và mâu thuẫn với những điều đã mô tả. Mười tám kho quân lương ấy tất nhiên phải đặt tại những đoạn đường chính trên chặng đường từ Nam Quan đến Thăng Long, không thể nào lại đặt ở những nơi núi rừng hẻo lánh, đường lối quanh co được. Như vậy thì bọn Tôn Sĩ Nghị có chạy theo đường chính đâu, để có thể đốt được mười tám kho quân lương ấy. Sự thật thì mười tám kho quân lương ấy có thể đã nằm trong tay quân Tây Sơn của đô đốc Lộc từ lâu rồi. Nếu quả thật Tôn Sĩ Nghị chạy qua mười

tám kho quân lương

-
1. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr. 135.
 2. Kinh thành Thăng Long.
 3. Cung Bảo là tên hiệu của Tôn Sĩ Nghị.
 4. Trần Nguyên Nhiếp, Tài liệu đã dẫn, tr. 135.
-

ấy thì không có lý gì Tôn Sĩ Nghị và bọn quân sĩ tùy tùng lại chịu nhin đói để đốt tất cả mười tám kho quân lương đi.

Bọn Tôn Sĩ Nghị đã phải chạy suốt bảy ngày bảy đêm không dám nghỉ, bản thân Tôn Sĩ Nghị phải vứt bỏ cả những vật tùy thân, mang đi không vắt vả, khó khăn gì, là sắc thư, quân ấn, kỳ bài, để chạy thoát lấy thân, thì chúng làm gì còn có thì giờ và can đảm để dừng lại đốt phá mười tám kho quân lương trên chặng đường lao đầu chạy trốn của chúng. Cho nên việc Tôn Sĩ Nghị hạ lệnh đốt mười tám kho quân lương chỉ là một điều hoàn toàn bịa đặt của Trần Nguyên Nhiếp. Mấy chục năm sau trận thất bại của quân Thanh ở Việt Nam, Ngụy Nguyên, tác giả sách Thánh vũ ký cũng nhắc lại những điều bịa đặt trên và còn nói rằng Tôn Sĩ Nghị không những đốt quân lương, mà còn đốt rất nhiều khí giới đạn dược trên dọc đường chạy trốn.

Đi xa hơn những điều bịa đặt của Trần Nguyên Nhiếp, Ngụy Nguyên lại viết rằng khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn, mấy chục vạn binh mã chỉ còn chưa đầy một

nửa chạy theo [1].

Chưa đầy một nửa của mấy chục vạn binh mã, tức là khoảng mười vạn binh mã. Khi chạy mà còn có tới mười vạn binh mã, tức là còn một lực lượng quân sự khá lớn trong tay, thì sao lại chạy trốn một cách thảm hại đến thế, nhin đói nhin khát, chạy suốt bảy ngày bảy đêm không dám nghỉ.

Có mười vạn quân trong tay, tại sao thấy đạo quân của đô đốc Lộc chỉ có khoảng trên dưới một vạn quân, mà khiếp sợ đến thế, phải rút cả sắc thư, ấn tín, để chạy lấy thân. Giáo sĩ Đơ-la Bi-xa-se-rơ (De la Bissachère) ở Việt Nam thời kỳ này, viết rằng số tàn quân chạy theo Tôn Sĩ Nghị chỉ khoảng bốn, năm mươi người [2]. Con số này có thể là gần đúng với sự thật.

1 . Ngụy Nguyên. Tài liệu đã dẫn, tờ 37.

2. De la Bissachère, Etat actuel du Tonkin ... Galignani, Paris, 1812, tome II, p. 170.

Trong khi bọn cướp nước Tôn Sĩ Nghị đang trên đường chạy trốn để thoát lấy thân như vậy, thì bọn bán nước Lê Chiêu Thống cũng lao đầu chạy theo bọn cướp nước. Ngay từ sáng sớm ngày mùng 5 tháng Giêng, bọn Lê Chiêu Thống đã định bám gót bọn Tôn Sĩ Nghị, nhưng không kịp, Tôn Sĩ Nghị đã chạy trốn từ trước. Bọn Lê Chiêu Thống lật đật tìm đường chạy theo. Trưa ngày 6 tháng

Giêng, bọn Lê Chiêu Thống chạy tới núi Tam Tầng, tưởng theo kịp bọn Tôn Sĩ Nghị, nhưng tới nơi thì bọn Tôn Sĩ Nghị cũng lại đã chạy đi mất rồi [1]. Bọn Lê Chiêu Thống đành dắt díu nhau chạy lên phía Hòa Lạc. Tới Hòa Lạc chưa kịp nghỉ ngơi thì đã được tin quân Tây Sơn sắp đuổi kịp, bọn Lê Chiêu Thống lại phải lên đường chạy trốn [2]. Cuối cùng, bọn bán nước thất thế và bọn cướp nước đại bại cũng đã gặp được nhau ở cửa ải Nam Quan. Lúc ấy cũng là lúc quân Tây Sơn đuổi tới nơi. Bọn Lê Chiêu Thống vội vàng theo bọn Tôn Sĩ Nghị chạy sang bên kia biên giới, sống nhục nhã trên đất nước người, và sau này, cả bọn bán nước Lê Chiêu Thống đều phải chết nhục nhã trên đất nước người.

Đó cũng là con đường kết thúc cuộc đời không thể tránh khỏi của tất cả những kẻ bán nước, làm tay sai cho quân cướp nước.

Quân Tây Sơn dừng lại ở biên giới, không đuổi theo nữa, nhưng nói phao lên rằng: sẽ vượt biên giới, đuổi bắt cho bằng được Lê Chiêu Thống mới thôi. Nghe tin ấy và thấy bọn Tôn Sĩ Nghị thất thế chạy về, người Thanh ở vùng biên giới xôn xao sợ hãi. Từ cửa ải Nam Quan trở về bắc, già trẻ lớn bé, dắt díu bồng bế nhau chạy trốn, cả một quãng dài vài trăm dặm, lạng ngắt không còn bóng người, không còn thấy khói lửa thối nẫu nữa [3].

1, 2. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 366.

3. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 370. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 30, tờ 35.

Tới đây, trên đất nước Việt Nam, cũng không còn bóng một tên quân xâm lược hung hãn nào nữa, trừ một số tù binh thảm hại đầu hàng. Hơn hai mươi vạn quân Thanh đã bị hoàn toàn tiêu diệt. Trận đại phá quân Thanh đã căn bản kết thúc thắng lợi, từ chiều ngày 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, khi Nguyễn Huệ vào Thăng Long, sau 5 ngày tốc chiến tốc thắng vô cùng vẻ vang của quân đội Tây Sơn.

Trận đại phá quân Thanh của Nguyễn Huệ đã thành công rực rỡ và hết sức nhanh gọn. Nước Việt Nam kể từ khi lập quốc cho tới cuối thế kỷ XVIII đã trải qua rất nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và đã chiến thắng tất cả những kẻ thù xâm lược hung hãn nhất của các thời đại, nhưng chưa có một trận nào tiêu diệt được một cách gọn ghẽ toàn bộ quân xâm lược, gồm một lực lượng rất lớn, trên 20 vạn người, trong một thời gian rất ngắn, chỉ có năm ngày, như trận đại phá quân Thanh của Nguyễn Huệ. Chiến thắng lớn lao này đã nói lên rất đầy đủ và rõ ràng về thiên tài quân sự của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Chiến thắng ấy đã giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, đồng thời cũng vĩnh viễn chấm dứt nạn xâm lăng của các tập đoàn phong kiến phương Bắc luôn luôn đe dọa dân tộc Việt Nam từ mấy nghìn năm trước. Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ đã góp phần quyết định rất lớn vào sự nghiệp cứu nước vẻ vang này của quân đội Tây Sơn và của toàn thể dân tộc Việt Nam thời bấy giờ

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CHIẾN DỊCH ĐẠI PHÁ 20 VẠN QUÂN THANH

Chiến dịch phản công giải phóng Thăng Long của quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy là một trận quyết chiến chiến lược vĩ đại, có tính chất quyết định kết cục của chiến tranh, là một chiến dịch mà chủ lực tinh nhuệ của quân đội hai bên giao chiến để thực hiện mục đích và nhiệm vụ chiến lược của mình.

Trong lịch sử nước ta từ thế kỷ thứ XVIII trở về trước, chưa bao giờ diễn ra một chiến dịch quy mô rộng lớn như chiến dịch này.

Trước hết, qui mô đó thể hiện ở số lượng quân đội, binh khí, khí tài của hai bên: cùng trong một thời gian, 10 vạn quân chủ lực của Nguyễn Huệ đã giao chiến với 20 vạn quân Thanh.

Qui mô đó còn thể hiện ở không gian rộng lớn mà chiến dịch xảy ra: quân đội Nguyễn Huệ xuất phát từ Phú Xuân, từ trung tâm địa lý của đất nước, làm một cuộc hành quân đến tận đồng bằng Bắc Hà, tác chiến với địch trên một mặt trận rộng và một bề sâu lớn đến 80 ki-lô-mét. Nếu kể cả việc truy kích địch thì bề sâu đó còn sâu hơn nhiều, khoảng trên 200 ki-lô-mét.

Qui mô và kết cục của chiến dịch thật là to lớn. Nó càng có ý nghĩa to lớn ở đặc điểm nổi bật trong sự so sánh lực lượng vũ trang của hai bên. Nguyễn Huệ

đã nắm được những qui luật nào, đã dựa vào những nguyên tắc nào, để dùng một binh lực ít hơn địch (10 vạn để tiêu diệt 20 vạn quân địch, tỉ lệ là 1 chống 2, có lợi cho quân Thanh), thực hiện một chiến dịch đánh nhanh, giải quyết nhanh, loại ra ngoài vòng chiến đấu toàn bộ quân địch? Đó là những vấn đề nghiên cứu dưới đây của chiến dịch này.

1. CHIẾN LƯỢC

Như lịch sử đã ghi rõ, ngay hôm được tin quân Thanh vào xâm lược nước ta, Nguyễn Huệ đã hạ lệnh xuất quân, đem chủ lực của mình ra Bắc để thực hành quyết chiến chiến lược vĩ đại: tiêu diệt toàn bộ 20 vạn quân chủ lực nhà Thanh, giải phóng Thăng Long và toàn bộ đất đai miền Bắc nước ta, phá tan ngay từ đầu kế hoạch chiến lược của địch, kết thúc chiến tranh, chấm dứt nạn xâm lược hàng ngàn năm của phong kiến phương Bắc, chấm dứt luôn cả một triều đại thống trị (nhà Lê) đã có từ trên 300 năm ở nước ta.

Khi cuộc chiến tranh mới bắt đầu, Nguyễn Huệ phân tích đúng đắn tình hình và đề ra chủ trương chính trị rất sáng suốt làm cơ sở thắng lợi cho cuộc chiến tranh. Đối với bọn phong kiến nhà Thanh, Nguyễn Huệ hoàn toàn hiểu rằng, để che đậy bộ mặt xâm lược, chúng phải núp dưới chiêu bài "phù Lê diệt Tây Sơn" nhằm thực hiện mục đích chính trị: "Mưu đồ lấy nước ta làm quận huyện", [1] cướp đoạt nền độc lập của dân tộc ta, thủ tiêu phong trào cách mạng của nông dân ta". Do đó, Nguyễn Huệ khẳng định: chiến tranh do chúng

gây nên là chiến tranh xâm lược, chiến tranh phi nghĩa, chiến tranh do nhân dân ta tiến hành để tự vệ là chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh chính nghĩa.

Nếu như trước đây, khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt nhà Trịnh, với tình hình chính trị lúc ấy, Nguyễn Huệ vẫn giữ

1. Lời tuyên bố của Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở trấn doanh Nghệ An, trước khi xuất quân tiêu diệt quân Thanh.

khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh" thì bây giờ, đứng trước cuộc xâm lược của nhà Thanh và sự phản bội nhục nhã của nhà Lê, Nguyễn Huệ đã thẳng tay vứt bỏ khẩu hiệu "phù Lê" để giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đánh bại quân xâm lược, tiêu diệt bọn bán nước Lê Chiêu Thống. Nguyễn Huệ tin tưởng chiến lược chính trị đó phản ánh trung thành nguyện vọng và lý tưởng chống ngoại xâm, giành độc lập của toàn thể dân tộc ta.

Qua giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh, về mặt chính trị, quân Thanh và bọn Lê Chiêu Thống đã hoàn toàn lộ mặt nạ lạ quân xâm lược cướp nước và kẻ bù nhìn bán nước. Trong nhân dân ta, mọi người đều căm thù sôi sục bọn cướp nước, trừ một số ít trước đây hoang mang, lầm đường, do dự tưởng làm quân Thanh sang để phục hưng nhà Lê thì nay họ đã thấy rõ ai là thù, ai là bạn, cho nên từ vị trí chống đối hoặc trung lập, họ đã chuyển sang vị trí mới, ủng hộ chính nghĩa, ủng hộ Nguyễn Huệ, tình nguyện tham gia cuộc chiến đấu chống

ngoại xâm. Nguyễn Huệ đã đi đúng nguyện vọng, tình cảm của tuyệt đại đa số nhân dân. Nhân tố cơ bản nhất của thắng lợi, nhân tố nhân hòa, đã thuộc về quân đội Nguyễn Huệ. Toàn dân đã "đồng tâm hiệp lực" ủng hộ quân đội Nguyễn Huệ chống ngoại xâm. Quân Thanh không phải chỉ đo sức với quân đội Tây Sơn mà còn đứng trước cả một dân tộc đang vùng dậy chống lại chúng.

Trước khi mở cuộc tiến công quân sự quyết định, Nguyễn Huệ phát động cuộc tiến công chính trị qui mô lớn. Bài chiếu tức vị phát ra lúc đó, là ngọn cờ chỉ đạo, là khẩu hiệu động viên mọi tầng lớp nhân dân và toàn quân đứng lên chiến đấu, tiêu diệt quân Thanh xâm lược, đánh đổ toàn bộ thế lực phản động nhà Lê. Lời kêu gọi đó đã thật sự động viên lực lượng của nhân dân, bất kỳ ở vùng tự do hay trong vùng tạm chiếm. Trái lại, trong hàng ngũ kẻ thù bắt đầu có những lục đục, giữa bọn bù nhìn với quân Thanh có những mâu thuẫn, tuy đó chỉ là mâu thuẫn giữa tớ và chủ Về mặt chính trị, rõ ràng quân Thanh và bọn bù nhìn đang dần dần bị cô lập, hàng ngũ đang có những nứt rạn, lỏng lẻo, dấu hiệu của sự tan vỡ hoàn toàn.

Nguyễn Huệ lập tức biến sức mạnh chính trị thành sức mạnh quân sự. ông ra lời kêu gọi nhập ngũ. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng vạn thanh niên Nghệ An - nơi mà bọn vua quan nhà Lê đặt ảo tưởng sẽ có một cuộc nổi dậy của nhân dân cần vương chống lại Tây Sơn - đã tình nguyện tham gia quân đội cứu nước. Đây cũng là một sự kiện hiếm có: chỉ ở một trấn, trong thời gian rất

ngăn mà có thể động viên được một lực lượng quân sự lớn như vậy. Đó là chưa nói đến công tác phục vụ khác của đông đảo nhân dân Nghệ An.

Đồng thời, Nguyễn Huệ nhanh chóng phát hiện ý định và sai lầm của quân Thanh, tận dụng sai lầm đó để đánh bại chúng. Sau khi chiếm Thăng Long và Sơn Nam, tình hướng chiến lược vẫn đang còn có lợi cho quân Thanh. Khẩu hiệu bịp bợm "phù Lê diệt Tây Sơn" lúc đó chưa phải đã hoàn toàn hết ảnh hưởng trong một bộ phận nhân dân. Quân đội xâm lược hầu như còn nguyên vẹn, lại được tăng cường thêm bằng những đơn vị cần vương của Lê Chiêu Thống. Tôn Sĩ Nghị không biết tận dụng kết quả của thời kỳ đầu chiến tranh, không biết duy trì tác dụng của ưu thế và chủ động để nhanh chóng mở rộng chiến quả. Đang trên đà tiến công thuận lợi ấy, quân Thanh đã dừng lại, không phải dừng lại trên chặng đường hành quân dài, mà là dừng hẳn lại, trong một thời gian dài. Ngày 20 tháng Một (tháng Mười một - dienthai) âm lịch đến Thăng Long, dự định ngày 6 tháng Giêng mới tiếp tục đến công. Như vậy thời gian dừng lại tới trên 40 ngày? Chiếm được Thăng Long và đồng bằng mà không tốn sức lắm, Tôn Sĩ Nghị và các tướng lĩnh Thanh, vốn đã cho rằng quân đội Tây Sơn là yếu, càng tin chắc Nguyễn Huệ không thể đem chủ lực ra Thăng Long quyết chiến. Do nhận định sai lầm đó. Tôn Sĩ Nghị đã từ

thế tiến công chiến lược trong điều kiện thuận lợi, chuyển sang phòng ngự tạm thời. Đó là một sai lầm chiến lược rất lớn.

Nguyễn Huệ đã thấy rõ tinh thần chủ quan khinh địch của quân Thanh, tinh thần

kiêu ngạo, tự mãn của Tôn Sĩ Nghị. Đã tận dụng sai lầm của địch, tạo thêm điều kiện cho hành động bất ngờ của mình, Nguyễn Huệ viết thư gửi Tôn Sĩ Nghị, nhằm mục đích đánh lạc hướng, giấu ý định chiến lược và tăng thêm tinh thần chủ quan khinh địch, kiêu ngạo, tự mãn của hắn. Tướng Thanh mắc mưu, tự đắc yên tâm đi sâu vào con đường phòng ngự, đi sâu vào con đường bị động chiến lược. Những sai lầm và thất bại đó của quân Thanh đã dẫn đến một hậu quả: Tôn Sĩ Nghị, tuy vẫn giữ ưu thế, nhưng đang mất dần chủ động.

Trong chỉ đạo chiến lược, một trong những thành công của Nguyễn Huệ là đã phát huy sai lầm của địch, khoét sâu sai lầm đó và nhanh chóng nắm thời cơ chiến lược có lợi cho mình. Hơn nữa, ông đã tạo nên những điều kiện chính trị, quân sự cần thiết để đảm bảo ưu thế cho quân đội Tây Sơn, đủ sức giáng một đòn sấm sét lên đầu quân xâm lược và bè lũ bán nước. Đối với quân Thanh, mất thời cơ chiến lược, mất chủ động chiến lược, sự thất bại của họ đã rõ rệt ngay ở thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh.

Khi chuẩn bị chiến tranh xâm lược, Càn Long và Tôn Sĩ Nghị đã trao cho quân đội của mình nhiệm vụ chiến lược là tiến công giải quyết nhanh theo kế hoạch hai bước chiến lược, đánh tan quân đội Nguyễn Huệ, chiếm đóng và biến nước ta thành quận, huyện trong bản đồ của chúng.

Mặc dù có đề ra hai tình huống khác nhau, và hai cách xử trí khác nhau, nhà

Thanh đã xuất phát từ một phán đoán là, nhân dân ta ủng hộ nhà Lê chống Tây Sơn, trong khi thế lực nhà Lê đã quá suy yếu, không còn lực lượng gì đáng kể. Chúng cũng nhận định rằng quân đội Tây Sơn không mạnh, không phải là đối thủ lợi hại. Từ phán

đoán đó mà chúng đi đến kết luận dùng lực lượng ưu thế để nhanh chóng tiêu diệt quân đội Tây Sơn, đặt ách thống trị lên đầu nhân dân ta. Càn Long và Tôn Sĩ Nghị đánh giá quá cao lực lượng xâm lược và đánh giá quá thấp lực lượng dân tộc ta. Chúng rất sai lầm, dùng số học để so sánh lực lượng quân đội hai bên, không tính đến lực lượng tinh thần của quân dân ta là vô tận, không thể nào lấy con số mà đo được. Với tầm mắt sắc bén của mình, Nguyễn Huệ đã nhanh chóng phát hiện chỗ yếu căn bản trong ý đồ chiến lược của địch.

Đồng thời Nguyễn Huệ biết thừa nhận một cách khách quan những ưu thế và thành công tạm thời của quân Thanh. ông biết rằng để thực hiện mục đích của chúng, Càn Long, Tôn Sĩ Nghị không phải không chú ý đến những vấn đề nhằm giành thắng lợi trong chiến tranh. Đặc biệt trong vấn đề số lượng quân đội, ngoài 20 vạn quân chủ lực, Tôn Sĩ Nghị còn chú ý đến việc xây dựng quân dự để không ngừng đảm bảo tăng cường ưu thế đó. Trong khi ấy, quân đội Nguyễn Huệ, kể cả đạo quân Ngô Văn Sở, chỉ có khoảng 6, 7 vạn quân. Lực lượng so sánh ban đầu quá chênh lệch, đó là điều mà Nguyễn Huệ không thể không tính toán đến trong việc chỉ đạo chiến tranh.

Với 6, 7 vạn người, quân đội Tây Sơn phải bảo toàn lực lượng, giành thế đứng

có lợi, phát triển số lượng cần thiết, chuẩn bị điều kiện để phản công chiến lược. Chính Tôn Sĩ Nghị cho rằng Nguyễn Huệ không những không thể điều động quân đội ra tận Bắc Hà mà cũng không đủ thời gian để động viên, bổ sung, mở rộng quân đội một cách kịp thời. Với tính toán đó, Tôn Sĩ Nghị cho rằng ưu thế thuộc về quân Thanh - ưu thế về số lượng - đó là một trong những cơ sở tin tưởng thắng lợi của Tôn Sĩ Nghị.

Nguyễn Huệ đã nhìn được âm mưu và kế hoạch chiến lược của địch, đã đánh giá đúng đắn ưu thế và thành công tạm thời của quân Thanh, đó là điều rất quan trọng. Nhưng điều quan trọng hơn là Nguyễn Huệ đã nhận định rất chính ...

xác những thành công quan trọng bước đầu có ý nghĩa chiến lược của quân đội Tây Sơn. Ngay khi nghe báo cáo về kế hoạch tạm lui quân để giành thế có lợi của Ngô Thời Nhiệm và Ngô Văn Sở, Nguyễn Huệ đã tán thành kế hoạch đó. Ông đánh giá cao hành động chiến lược của đạo quân Bắc Hà, thể hiện đúng tư tưởng chiến lược của ông: thực hành lui quân tạm thời, giành chỗ đứng vững chắc, chuẩn bị một cuộc phản công chiến lược quyết định, đập tan quân xâm lược, giải phóng đất nước.

Xét về mục đích chiến lược, Tôn Sĩ Nghị cần phải thắng trận đầu tiên có "tiếng vang" đến mức độ nhất định, để gây tin tưởng và để tiêu diệt hoặc tiêu hao một bộ phận quân đội Tây Sơn. Tôn Sĩ Nghị có đủ khả năng để làm việc

đó. So với đạo quân tiên phong của hần đã tiến vào nước ta, đạo quân Ngô Văn Sở ở thế kém về số lượng. Nhưng quân Thanh chỉ chiếm một phần đất đai, không thực hiện được tiêu diệt một phần sinh lực của đối phương. Đó là thất bại đầu tiên của chúng.

Đưa chủ lực vào chiếm tuyến địa hình chiến lược trọng yếu để tổ chức chỗ đứng vững chắc, ý định của các tướng lĩnh Tây Sơn là nhanh chóng chiếm dãy núi Tam Điệp. Với thời gian tranh thủ được, quân đội Tây Sơn có đủ điều kiện để tạo nên một thế đứng vững vàng, có thể chặn đứng cuộc tiến công của Tôn Sĩ Nghị, một khi chúng dám tiến sâu xuống phía nam, đồng thời làm căn cứ xuất phát cho chủ lực từ Phú Xuân vận động đến để chuyển sang phản công.

Dãy núi Tam Điệp là một tuyến địa hình rất quan trọng, phía đông là biển, phía tây là dãy núi cao trùng điệp, Tam Điệp nằm ở giữa. Nó là ranh giới của Ninh Bình và Thanh Hóa, địa thế hiểm trở, lại có đường thiên lý chạy từ Thăng Long vào Phú Xuân, leo qua mấy cái đèo, mà ở đó chỉ cần sử dụng một bộ phận binh lực, xây dựng một số công sự kiên cố, thì có thể ngăn chặn được cả một đạo quân lớn.

trong tình hình lúc đó, ai chiếm được dãy núi này thì rõ ràng là người đó có một tuyến chướng ngại thiên nhiên vững chắc để tổ chức phòng thủ kiên cố, đồng thời có một tuyến bảo đảm cho quân đội chủ lực từ xa vận động tới, một căn cứ để xuất phát tiến công rất tốt, bất kể là tiến công xuống phía nam hay lên phía bắc. Trước đây, muốn ngăn chặn cuộc tiến quân ra Bắc của Vũ Văn

Nhậm đề tiêu diệt bọn phản bội Nguyên Hữu Chính - Lê Chiêu Thống, một tướng của Chiêu Thống là Ninh Tồn, nhìn thấy tác dụng to lớn của dãy núi Tam Diện đối với việc phòng thủ đồng bằng Bắc Hà, nên đã bảo Nguyễn Như Thái, tướng của Nguyễn Hữu Chính: Binh pháp dạy rằng:

"Tranh được núi thì thắng, giữ chỗ hiểm thì vững. Giữa Thanh Hoa nội và Thanh Hoa ngoại có núi Tam Diệp ngăn cách, ấy là chỗ trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu. Ta nên tiến quân gấp để giữ lấy, chớ để quân giặc chiếm trước. Được như vậy thì từ Trường Yên về bắc còn là của mình. Nếu núi Tam Diệp mà mất, thì lộ Sơn Nam thênh thang với những cánh đồng bằng phẳng, rộng rãi, e khó tranh nhau với giặc, việc nước sẽ không thể làm thế nào được nữa" [1].

Nhưng lúc đó Vũ Văn Nhậm, tướng Tây Sơn, đã nhanh tay chiếm mất dãy núi này.

Cho nên, đối với quân đội Nguyễn Huệ, muốn kiên quyết ngăn chặn địch, rồi chuyển sang phản công, thì đi đôi với việc bảo toàn chủ lực, nhất định phải chiếm trước dãy núi Tam Diệp. Ngược lại, đối với quân Thanh, sau khi chiếm được đồng bằng, muốn tiếp tục tiến công vào Thanh Hóa, Nghệ An, hoặc muốn tạm thời chuyển sang phòng ngự để sau đó sẽ tiếp tục tiến công, thì cũng cần phải đánh chiếm và giữ lấy dãy núi đó. Điều mà Tôn Sĩ Nghị - Hứa Thế

1 Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch, tr. 267, 268.

Hanh không thấy, các tướng lĩnh Tây Sơn Ngô Thời Nhiệm, Ngô văn Sở lại thấy một cách rất rõ ràng. Tầm mắt chiến lược của tướng lĩnh Tây Sơn quả là nhìn xa thấy rộng hơn tầm mắt chiến lược của các tướng lĩnh quân Thanh.

Do tranh thủ thời gian, các tướng lĩnh Tây Sơn đã giành trước một tuyến địa hình chiến lược có lợi, tổ chức một nơi dừng chân vững chắc. Đó cũng là một thắng lợi quan trọng của quân đội Tây Sơn. Ngược lại, do không đánh chiếm được hoặc không chú ý đánh chiếm Tam Diệp, Tôn Sĩ Nghị đã thua thêm một trận, đã phạm sai lầm trong hành binh.

Thế là trong cuộc tranh đua để giành thắng lợi ở giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh, đã có hai kết quả trái ngược. Quân Thanh, mặc dầu đánh chiếm được đất đai, chiếm được Thăng Long, giữ được quân đội hầu như nguyên vẹn, chúng đã không hoàn thành được bước đầu kế hoạch chiến lược, tức là không tiêu diệt được một bộ phận quân Tây Sơn và không chiếm được tuyến địa hình có lợi cho sự phát triển của chiến tranh. Còn quân đội Nguyễn Huệ, tuy tạm rời bỏ kinh thành, bỏ đất đai, các tướng lĩnh Tây Sơn đã bảo toàn được lực lượng, đã chiếm được tuyến địa hình chiến lược quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc phản công chiến lược sau này.

Tuy nhiên, muốn thực hành quyết chiến chiến lược, Nguyễn Huệ còn phải xét

đến một nhân tố quan trọng có tính chất quyết định đối với việc nắm vững và tận dụng thời cơ cũng như trong việc thực hiện mục đích chiến lược, tức là tình trạng sẵn sàng chiến đấu của quân đội Tây Sơn.

Nội dung sẵn sàng chiến đấu bao gồm rất nhiều mặt khác nhau. Nhưng trước hết phải xét đến tình hình tư tưởng, tinh thần chiến đấu, tinh thần kỷ luật của tướng lĩnh và binh sĩ. Quân đội dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ, chiến đấu cho mục đích chính trị rõ ràng, cho nên luôn luôn có tinh thần chiến đấu kiên quyết, dũng cảm, có kỷ luật nghiêm minh, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ nặng nề khó khăn, phức tạp trong mọi nơi và mọi lúc. Những trận chiến đấu và chiến dịch trước đây đã nói rõ điều đó.

Tinh thần sẵn sàng chiến đấu của quân đội Nguyễn Huệ, việc đảm bảo sẵn sàng chiến đấu cho quân đội là một bài học rất lớn, rất quý báu. Có thời cơ mà không sẵn sàng chiến đấu thì rõ ràng là không thể lợi dụng được thời cơ, sẽ mất thời cơ, tất nhiên sẽ không thực hiện được mục đích chiến lược "chiến dịch và chiến đấu". Thời cơ càng có lợi: nhất là trong phạm vi chiến lược, thì sẵn sàng chiến đấu lại càng phải bảo đảm cao.

Trong chiến dịch này, vừa nắm vững thời cơ chiến lược có lợi nhất, vừa nắm vững quân đội trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, Nguyễn Huệ đã có thêm một nhân tố quan trọng để hạ quyết tâm chiến lược, giành toàn thắng.

Cuối cùng, một vấn đề không kém phần quan trọng mà Nguyễn Huệ phải xét đến là việc bảo đảm giao thông vận tải, bảo đảm hậu phương chiến lược.

Lần này, lại là một cuộc cơ động chiến lược lớn vào bậc nhất trong các cuộc cơ động của Nguyễn Huệ. Trong cuộc hành quân dài từ hậu phương chiến lược đến khu vực chiến trường, với cả một quân đội có số lượng tương đối lớn, vận động trên một trục dài, thì việc bảo đảm đầy đủ về cung cấp và vận tải là một vấn đề vô cùng lớn lao. Trong lĩnh vực này, quân đội cách mạng có một ưu thế đặc biệt: sự ủng hộ tận tình của nhân dân. Nhân dân là lực lượng chủ yếu trong vấn đề cung cấp lương thực, bảo đảm đường sá, bảo đảm vận tải. Khi chưa tác chiến, việc bố trí tuyến cung cấp chiến lược đã nhằm bảo đảm cho quân đội trong thời chiến. Trên tuyến đường thủy, Nguyễn Huệ còn có một đoàn thuyền vận tải lớn để chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược, voi, ngựa và các khí tài khác đảm bảo cung cấp cho quân đội khi tác chiến. Đó cũng là một yếu tố quan trọng góp phần vào việc giành toàn thắng cho chiến dịch.

Với những tình hình cơ bản nói trên, tổng hợp lại, chúng ta thấy:

Về phía quân Thanh, từ tiến công chiến lược, tạm thời chuyển sang phòng ngự, họ vẫn giữ ưu thế về số lượng, nhưng đang có nguy cơ mất quyền chủ động chiến lược.

Về phía quân Tây Sơn, cuộc tạm lui quân chiến lược đã hoàn thành nhiệm vụ một cách thắng lợi; tuy lực lượng còn ở thế yếu, nhưng tình hình chung đã bắt đầu có lợi.

Hành động thắng lợi của đạo quân Ngô Văn Sở và những biện pháp tích cực trong chỉ đạo chiến tranh của Nguyễn Huệ, những thất bại và sai lầm bước đầu của Tôn Sĩ Nghị, đã tạo thành những điều kiện có lợi cho quân đội Tây sơn và không lợi cho quân Thanh. Những điều kiện đó bắt đầu làm cho sự so sánh lực lượng giữa hai bên có những thay đổi quan trọng:

- Nhân dân ta đang kiên quyết đứng lên kháng chiến, ủng hộ Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn. Quân Thanh và bọn Lê Chiêu Thống đã bị cô lập.
- Nguyễn Huệ phát hiện được những chỗ yếu của địch, mà chỗ yếu nhất là tinh thần chủ quan, khinh địch, tinh thần ỷ lại vào số lượng ưu thế, ỷ lại vào vũ khí (pháo binh), tinh thần tiêu cực bị động trong tiến công.
- Nguyễn Huệ tập trung được toàn bộ chủ lực và lực lượng quân sự đang được tăng cường.
- Trận địa tác chiến có lợi cho quân Tây Sơn, không lợi cho địch.

Những điều kiện chính trị, quân sự ấy đã trở thành tiền đề cho phản công. Trong tình hình đó, nếu thực hành phản công, Nguyễn Huệ sẽ giành lại chủ động chiến lược trong tay địch. Nếu thực hành phản công ngay, sẽ tránh được nguy cơ bị tiến công nhiều mặt, tránh kéo dài chiến tranh. Nguyễn Huệ đã nắm

thời cơ chiến lược, hết sức tranh thủ thời gian, giành lại chủ động, thực hành phản công. Thời cơ có một không hai đó là thời gian mà quân Thanh

bắt đầu chuyển sang phòng ngự cho đến ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch, ngày mà theo kế hoạch của Tôn Sĩ Nghị, quân Thanh sẽ tiếp tục tiến công.

Trong chiến tranh, quyền chủ động là vận mạng của quân đội. Một quân đội mất quyền chủ động sẽ bị đẩy vào thế bị đánh bại hoặc bị tiêu diệt. Lần này, quân đội nhà Thanh, từ tiến công chiến lược chuyển sang tạm thời phòng ngự, cho nên, tuy có ưu thế nhất định, họ đã bị nguy cơ mất quyền chủ động.

Trái lại, quân đội Tây Sơn, do thực hành rút lui chiến lược thắng lợi, đang dần dần thoát khỏi bị động. Để hoàn toàn thoát ly thế bị động, giành lại quyền chủ động chiến lược, Nguyễn Huệ đã quyết tâm kiên quyết thực hành phản công. Muốn đạt tới mục đích đó, Nguyễn Huệ phải tạo được một điều kiện: thực hiện sự chuyển biến của thế kém thành thế mạnh. Trong các chiến dịch trước, phương pháp mà Nguyễn Huệ thường áp dụng là thực hành phản công cục bộ, giành ưu thế và chủ động cục bộ, rồi tiến lên giành hoàn toàn ưu thế chiến lược và quyền chủ động chiến lược. Vậy thì lần này, Nguyễn Huệ đã vận dụng những phương pháp nào?

Trước hết Nguyễn Huệ tăng cường quân số. Muốn phản công mà lực lượng so sánh quá chênh lệch, không lợi cho quân mình, thì chưa có thể phản công. Nhưng Nguyễn Huệ rất tin tưởng vào tinh thần chiến đấu của quân đội mình,

ông đã giải quyết vấn đề số lượng quân đội một cách đúng mức và hợp lý, nghĩa là để bảo đảm chiến thắng, số lượng không nên quá ít, nhưng không cần thiết phải bằng địch, càng không nhất thiết phải hơn địch. Với thời gian và khả năng cho phép, ông đã nhanh chóng mở rộng quân đội lên mức độ một người lính Tây Sơn đánh lại hai tên lính Thanh. Sự chênh lệch về số lượng tuy tồn tại, nhưng quân đội Nguyễn Huệ có ưu thế về chính trị, có tinh thần sẵn sàng tiêu diệt địch và kỹ năng chiến đấu lại vượt quân Thanh. Cho nên, bằng phương pháp tăng đường quân số lên mức độ cần thiết ấy, Nguyễn Huệ đã tạo được ưu thế thực tế cho quân đội của mình.

Sự tập trung những đội tượng binh, pháo binh, kỵ binh càng làm tăng cường sức mạnh tiến công tạo thành ưu thế thật sự cho quân đội Tây Sơn.

Nguyễn Huệ không những tìm hiểu và có kết luận chính xác về những vấn đề lớn, có tính chất chiến lược, mà còn đi sâu vào những việc như thành phần lực lượng của địch, tác dụng của pháo binh quân Thanh, v.v. Một chi tiết sau đây nói lên tính nghiêm túc của Nguyễn Huệ trong việc tìm hiểu địch: Nguyễn Huệ biết rõ tính năng của đại bác và phương pháp dùng địa lôi trong phòng ngự của quân Thanh nên đã tập trung một đội pháo binh dã chiến để đối phó. Nhưng trái lại Tôn Sĩ Nghị vẫn dựa vào điều quân luật ban bố trước khi xuất quân, chỉ thừa nhận quân Tây Sơn có hỏa hồ mà không có pháo binh.

Bằng những phương pháp giấu mình và đánh lạc hướng địch, Nguyễn Huệ còn nhằm đạt được tính bất ngờ chiến lược. Trong chỉ đạo chiến lược, việc tranh

thủ bất ngờ chiến lược - chiến dịch là rất quan trọng. Đặc biệt là khi cuộc phản công sẽ thực hành trong điều kiện thế yếu về số lượng và thời gian chuẩn bị rất có hạn, thì sự bất ngờ của hành động chiến lược là một cơ sở quan trọng của thắng lợi để đạt tới những mục đích đã định. Bất ngờ chiến lược mà Nguyễn Huệ nhằm giành được là ở chỗ chủ động đánh địch trong thời gian và khu vực mà mình lựa chọn.

Nguyễn Huệ đã đánh vào lúc mà Tôn Sĩ Nghị hoàn toàn không tin rằng Nguyễn Huệ có đầy đủ khả năng và điều kiện để mở một trận quyết chiến, tức là vào lúc cuối năm. Nguyễn Huệ đã đưa chiến trường đến trung tâm phòng ngự của Tôn Sĩ Nghị, khi y cho rằng quân đội Nguyễn Huệ chỉ có thể tăng cường phòng thủ trên tuyến núi Tam Điệp hoặc chờ tác chiến ở Nghệ An.

Bị bất ngờ, tức là không có chuẩn bị, Tôn Sĩ Nghị hoàn toàn không có kế hoạch chuẩn bị đối phó với một cuộc phản công chiến lược của Nguyễn Huệ. Mà không chuẩn bị, bất kỳ trong phạm vi nào, chiến lược, chiến dịch hay chiến thuật, đều dễ dàng dẫn đến thất bại.

Bị bất ngờ càng lớn, thất bại càng nặng. Tôn Sĩ Nghị có ưu thế về số lượng, nhưng không có chuẩn bị, cho nên hẳn không có ưu thế thật sự, càng không thể có chủ động.

Làm cho địch nhận định sai tình hình, và biết tranh thủ bất ngờ chiến lược, Nguyễn Huệ đã giành được ưu thế thật sự vào tay mình.

Để giành ưu thế, Nguyễn Huệ còn thực hiện nguyên tắc đánh có chuẩn bị, đánh chắc thắng. Đương nhiên, không phải đến lúc đó mới tiến hành công tác chuẩn bị. Bảo đảm cho một quân đội mười vạn người đi tác chiến, công tác chuẩn bị không thể làm nổi trong vài tuần lễ. Nó phải dựa trên sự chuẩn bị thường xuyên. Để bảo đảm đánh chắc thắng, Nguyễn Huệ đã dành đại bộ phận thời gian, huy động mọi lực lượng, để tiến hành chuẩn bị. Chúng ta thấy rằng, chỉ một ngày sau khi nhận cấp báo, quân đội chủ lực đã lên đường, và Nguyễn Huệ quyết định thời gian tác chiến bắt đầu từ đêm 30 Tết và kết thúc trước ngày mùng 6 Tết. Trong khoảng bốn mươi ngày để tổ chức và thực hành phân công, ông đã dành ba mươi lăm ngày cho công tác chuẩn bị. Đó là tư tưởng "dành nhiều thời gian chuẩn bị chu đáo để rút ngắn thời gian tác chiến". Chỉ có trên cơ sở chuẩn bị thật chu đáo mới bảo đảm đánh nhanh giải quyết nhanh, bảo đảm giành thắng lợi. Cho nên tuy số lượng quân đội ở vào thế yếu, nhưng do chuẩn bị đầy đủ, Nguyễn Huệ đã đánh bại một quân đội có ưu thế về số lượng nhưng không chuẩn bị.

Do vậy, riêng về mặt quân sự, Nguyễn Huệ, với nghệ thuật điều luyện, với tinh thần tích cực đặc biệt, bằng những phương pháp và biện pháp có hiệu quả nhất, đã thật sự bảo đảm giành ưu thế cho quân đội mình. Tăng cường quân số lên mức độ thích đáng, điều động các binh chủng đặc biệt, động viên cao độ tinh thần chiến đấu của toàn quân, chuẩn bị chu đáo mọi mặt, làm cho địch nhận định sai tình hình, hành động bất ngờ, tất cả những điều đó đã bổ sung

cho thế yếu về số lượng, và giành được ưu thế thật sự, cơ sở khách quan của quyền chủ động. Trái lại, quân Thanh thì tinh thần chiến đấu lỏng lẻo, thiếu chuẩn bị, chủ quan khinh địch, bị bất ngờ. Tôn Sĩ Nghị chỉ có một ưu thế: ưu thế về số lượng. Nếu ưu thế ấy rất quan trọng khi quân Thanh bắt đầu xâm lược nước ta thì lúc này, ưu thế về số lượng đã giảm sút rất nhiều tác dụng của nó. Cho nên, khi Nguyễn Huệ bắt đầu phản công, Tôn Sĩ Nghị lâm vào thế yếu thật sự và quân Thanh rơi vào địa vị bị động chiến lược.

Trong chỉ đạo chiến lược, Nguyễn Huệ đã thành công lớn trong việc thúc đẩy sự chuyển biến tương quan lực lượng ban đầu giữa quân đội hai bên, để từ thế yếu về chiến lược tiến lên giành ưu thế chiến lược trong một thời gian cực ngắn, và do đó, hoàn toàn nắm trong tay quyền chủ động chiến lược. Nghệ thuật giành ưu thế và chủ động là một biểu hiện đặc sắc của thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ.

Thắng bại của chiến tranh thường giải quyết bằng những cuộc quyết chiến chiến lược. Trong lịch sử nước ta, ở các thời đại nhà Trần, nhà Lê, đã từng có nhiều trận quyết chiến vĩ đại. Vấn đề quyết chiến chiến lược, đối với Nguyễn Huệ, không phải là mới lạ. Trong sự nghiệp đập tan nhà Nguyễn và quân xâm lược Xiêm ở phương nam, và nhất là trong sự nghiệp tiêu diệt nhà Trịnh, dưới quyền chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ, quân đội Tây Sơn đã từng thực

hành nhiều trận quyết chiến có quy mô khác nhau, và giành được những thắng lợi rực rỡ trong chiến tranh. Về cục bộ, về cụ thể, trong các thời đại lịch sử khác nhau, những trận quyết chiến đó có nhiều chỗ khác nhau.

Nhưng đứng về toàn cục, về hình thái chung và qua thực tiễn đã diễn ra thì chiến tranh thường bắt đầu trong điều kiện các quân đội xâm lược, phản động hơn ta về số lượng quân đội và trang bị. Do đó, về phía ta phải thực hiện phương châm dùng chủ lực đánh tiêu diệt một bộ phận quan trọng của địch, trải qua nhiều trận như vậy, tạo nên những điều kiện có lợi nhất, để cuối cùng, tập trung toàn bộ chủ lực tiêu diệt chủ lực của địch trong một trận tổng quyết chiến chiến lược. Trong chiến tranh Việt - Thanh lần này, quân đội Nguyễn Huệ cũng theo quy luật đó.

Tư tưởng không sợ địch, dám quyết chiến, dám giành thắng lợi, là tư tưởng chiến lược vĩ đại của Nguyễn Huệ.

Chiến lược của Nguyễn Huệ là lấy sức mạnh vô tận của quân dân làm cơ sở, chứ không lấy vũ khí làm cơ sở. Chính vì vậy mà trong nghệ thuật tác chiến, ông thận trọng đánh giá đúng đắn lực lượng cụ thể của quân ta và quân địch, đánh giá đúng đắn chỗ mạnh chỗ yếu của cả hai bên, rồi đề ra những biện pháp tích cực, để bảo đảm giành những ưu thế cần thiết cho quân đội mình. Một khi những điều kiện chính trị, quân sự có lợi đã được tập hợp, ông chỉ huy quân đội một cách kiên quyết, dũng cảm đánh cho địch không kịp trở tay, tiến mạnh đến toàn thắng.

Sự chỉ đạo chiến lược của Nguyễn Huệ - là một điển hình thành công về giải

quyết mối quan hệ giữa rút lui chiến lược và phản công chiến lược, giữa bảo tồn mình và tiêu diệt địch, giữa tạm bỏ đất đai và giành lại đất đai, giữa đánh tiêu hao và đánh tiêu diệt, giữa tránh quyết chiến và dám quyết chiến. Nó cũng thể hiện rõ ràng sự liên quan mật thiết giữa các mặt đối lập của các mối quan hệ đó.

Diễn hình thành công ấy xác minh rằng, cơ sở quyết định của toàn bộ chiến lược trong chiến tranh này là Nguyễn Huệ đã nắm rất vững mục đích và tính chất của cuộc chiến tranh do hai bên tiến hành, nắm được ý nguyện và sự ủng hộ của nhân dân đối với cuộc chiến tranh chống quân Thanh xâm lược do ông lãnh đạo.

Diễn hình thành công ấy còn chứng minh thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ trong việc tổ chức và tạo nên sức mạnh của toàn bộ cuộc chiến tranh và trong việc thực hiện thắng lợi giai đoạn phản công chiến lược mà đỉnh cao của nó là cuộc quyết chiến chiến lược, đánh bại hoàn toàn cuộc xâm lược của nhà Thanh.

Đó cũng là những bài học chủ yếu về chiến lược của Nguyễn Huệ.

2. CHIẾN DỊCH – CHIẾN THUẬT

Nhằm hoàn thành nhiệm vụ và đạt mục đích của phản công chiến lược, Nguyễn

Huệ đã áp dụng phương pháp tiến công giải quyết nhanh ở tuyến ngoài, đưa chiến trường tác chiến vào trung tâm phòng thủ của địch. Cuộc tổng quyết chiến thắng hay bại, cố nhiên quyết định ở sự chỉ đạo chiến lược có đúng đắn hay không. Nhưng mục đích chiến lược đạt hay không đạt còn tùy thuộc vào sự chỉ đạo tác chiến trên chiến trường. Vì rằng thành công trong chỉ đạo chiến lược quyết định thắng lợi của chiến dịch và chiến thuật, đồng thời chiến dịch, chiến thuật có thắng lợi thì chiến lược cũng mới đạt được mục đích.

Từ lúc chiến dịch bắt đầu đến khi kết thúc, là giai đoạn mà tính năng động chủ quan của tướng lĩnh và binh sĩ của hai quân đội tham chiến sẽ phát huy cao độ. Một trong những biểu hiện của tính năng động ấy là hai bên tranh giành một cách quyết liệt ưu thế và chủ động.

Trước khi mở chiến dịch, Nguyễn Huệ đã nắm được ưu thế chung về chiến lược - chiến dịch. Tuy nhiên, về mặt số lượng, ưu thế tạm thời vẫn thuộc về quân Thanh. Vấn đề then chốt đối với Nguyễn Huệ là phải không ngừng tiến lên hoàn toàn giành lấy ưu thế tuyệt đối. Muốn vậy quân đội Tây Sơn phải không ngừng thực hiện đánh tiêu diệt, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, trong khi mà mục đích trực tiếp của quân Thanh là ra sức bảo toàn lực lượng, đánh tan cuộc phản công của đối phương.

Trong những ngày ở Nghệ An và Tam Điệp, Nguyễn Huệ đi sâu vào công tác tìm hiểu địch tình và địa hình. Ông chú trọng phát hiện và đánh giá đúng đắn

những chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, ông so sánh khá chu đáo chất lượng giữa các đạo quân của quân Thanh, đồng thời chú ý đến năng lực tổ chức và chỉ huy của từng tướng lĩnh đối phương.

Lúc ấy về căn bản, quân Thanh đã khống chế toàn bộ vùng đồng bằng rộng lớn ở Bắc Hà. Bị chi phối bởi ý định tạm thời chuyển sang phòng thủ nhưng mang nặng tính chất trú quân nghỉ ngơi để chờ đợi tiếp tục tiến công, Tôn Sĩ Nghị căn bản vẫn duy trì đội hình tiến công, theo hướng chung nam - bắc. Trong khu vực ấy, quân Thanh nằm gọn trong những giới hạn của sông Gián Thủy, sông Nhuệ, sông Thanh Quyết và sông Hồng, lợi dụng những con sông ấy làm các tuyến chướng ngại thiên nhiên. Trục vận động đường bộ, chủ yếu là con đường thiên lý, đi từ kinh thành đến Gián Khẩu, qua Trường Yên vào Thanh Hóa. Trục vận động đường thủy có sông Hồng rộng lớn, cũng chảy ngang Thăng Long qua địa phận Sơn Nam ra Biển Đông. Trong khu vực này, địa hình tuy trũng trải nhưng nhiều ruộng nước, ao đầm. Nếu khéo lợi dụng nó, thì có thể tăng cường thế vững vàng trong khi dừng lại. Đồng thời, một địa hình như vậy hạn chế sự cơ động rộng rãi. Vận động của quân đội chỉ có thể dựa vào con đường thiên lý và sông Hồng. Ở phía nam, là dãy núi Tam Điệp do quân đội Nguyễn Huệ chiếm giữ. Dọc theo cạnh sườn phía Tây, tiếp giáp với dãy núi Tam Điệp là một rặng núi từ Nho Quan, qua Chi Nê, kéo dài đến Ba Vì. Bên cạnh sườn phía đông, vượt qua sông Hồng, cả một vùng đồng bằng rộng lớn có nhiều sông lớn chia cắt.

Căn cứ vào hình thể của khu vực đó, tính chất của địa hình và các trục vận

động, Tôn Sĩ Nghị có thể phán đoán rằng nếu Nguyễn Huệ tiến công, tất phải lấy con đường thiên lý làm trục vận động, nếu là lục quân hoặc con sông Hồng, nếu là thủy quân. Trong trường hợp có lục quân và thủy quân cùng thực hành tiến công, cũng không thể thoát khỏi hai đường vận động đó.

Vì vậy, Tôn Sĩ Nghị quyết định hướng khống chế chủ yếu trên trục đường từ Gián Khẩu đến Thăng Long. Đồn Gián Khẩu tiếp giáp với đường thiên lý, với sông Thanh Quyết, với sông hồng, và ở ngay cửa ngõ Tam Điệp, trở thành một vị trí tiền tiêu quan trọng, để khống chế cả trên đường bộ và đường sông. Về bố trí lực lượng, Tôn Sĩ Nghị sử dụng các đội quân Lê mới khôi phục làm lực lượng bảo vệ: các tướng Lê, Hoàng Phùng Tứ đóng quân ở Gián Khẩu, Hoàng Tổ Nghĩa đóng quân ở Sơn Nam. Trên cạnh sườn phía đông, một đạo quân Lê chiếm đóng Hải Dương. Trên cạnh sườn phía tây, đạo quân Ô Đại Kinh đóng ở Sơn Tây sẽ buộc đối phương phải suy nghĩ nếu có ý định tiến công trên mặt này. Để bảo vệ trực tiếp cho thành Thăng Long trên hướng tây và tây nam, Tôn Sĩ Nghị đã bố trí đạo quân Sầm Nghi Đống đóng tại Khương Thượng.

Các đạo quân tinh nhuệ bố trí một cách tập trung từ Phú Xuyên đến Thăng Long. Đạo quân Hứa Thế Hanh có nhiệm vụ chặn đánh đối phương trên hướng chủ yếu, bố trí từ Phú Xuyên đến vùng phụ cận Ngọc Hồi, lấy Ngọc Hồi làm điểm then chốt. Gần mười vạn chủ lực quân Thanh, do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy vẫn đóng tại hai bên bờ sông Hồng.

Nguyễn Huệ đã rút ra những kết luận gì, khi phán đoán về bố trí lực lượng của quân Thanh? Đối thủ của ông biết lợi dụng địa thế và địa hình, biết lợi dụng các tuyến đường ngai thiên nhiên để tiến hành lâm thời phòng thủ.

Các tập đoàn quân Thanh hình thành ba khu vực dựa vào nhau, nằm gọn trong sự che chở của núi, sông, lại được các đội quân Lê bảo vệ ở phía trước và cạnh sườn đông. Tôn Sĩ Nghị không phân tán các đạo quân tinh nhuệ, còn chú trọng đặc biệt tập trung chủ lực mạnh để sử dụng vào những thời cơ quyết định. ý định tác chiến của Tôn Sĩ Nghị khá rõ rệt, buộc quân Tây Sơn phải giao chiến ở rất xa Thăng Long, phải liên tục đánh trên một hướng, trên một địa hình mà sức cơ động rộng rãi bị hạn chế, do đó tốc độ tiến công sẽ bị chậm. tạo cho quân Thanh điều kiện thuận lợi để sử dụng chủ lực một cách linh hoạt. Theo bố trí của Tôn Sĩ Nghị, đạo quân chủ lực có thể cơ động trên ba hướng khác nhau: từ Tây Long đến hướng tây, nếu Sầm Nghi Đống bị uy hiếp, từ Tây Long theo đường thiên lý đến hướng nam; từ Tây Long theo đường sông Hồng đến hướng nam hoặc đông nam, nếu Hứa Thế Hanh bị uy hiếp. Hẳn cho rằng, với lực lượng chiếm đóng khá mạnh, lại được chủ lực từ Thăng Long cơ động ra, sẽ tạo nên ưu thế lớn, đủ sức ngăn chặn và đánh bại cuộc tiến công của đối phương.

Những điều trên nêu lên ưu điểm trong bố trí chiến dịch của Tôn Sĩ Nghị. Nhưng bên cạnh đó, bố trí này cũng lộ ra nhiều nhược điểm. Những nhược điểm này, nằm trong sai lầm về chỉ đạo chiến lược, sẽ trở nên rất nghiêm trọng, khiến cho những ưu điểm lớn nói trên, về căn bản, sẽ mất tác dụng.

Trước hết, bố trí thế trận của quân Thanh chính là để tiếp tục tiến công chứ không phải là phòng ngự. Tôn Sĩ Nghị lại quá ỷ vào các chướng ngại thiên nhiên. Nếu quân đội Tây Sơn khắc phục được những khó khăn do chướng ngại thiên nhiên, Nguyễn Huệ nhất định sẽ giành được bất ngờ lớn về chiến dịch - chiến thuật. Trên khu vực bảo vệ, địa hình rộng rãi nhưng lực lượng bảo vệ quá yếu, quá phân tán, cho nên trên thực tế không có tác dụng tích cực của khu vực bảo vệ. Lực lượng trên khu vực bảo vệ rất dễ bị tiêu diệt.

Nguyễn Huệ chú ý đặc biệt đến đạo quân Sâm Nghi Đống bảo đảm che chở Thăng Long ở phía tây nam. Một đạo quân tuy khá lớn về số lượng, nhưng kém về chất lượng, do một viên tướng tầm thường chỉ huy.

Điều mà Nguyễn Huệ quan tâm hơn hết trong toàn bộ hệ thống bố trí của Tôn Sĩ Nghị là các đạo quân chủ lực ở bờ sông Hồng. Tôn Sĩ Nghị có thực hiện được sự cơ động kịp thời các đạo quân chủ lực này hay không, có sử dụng nó một cách tập trung để chống lại chủ lực của ông hay không, điều đó sẽ có ảnh hưởng lớn đối với cuộc tiến công của quân đội Nguyễn Huệ. Điểm không chế then chốt của Hứa Thế Hanh có vị trí quá gần Thăng Long, tức là gần chủ lực. Điều đó có hai mặt: nếu như trên khu then chốt, chiến đấu thực hiện được nhiệm vụ ngăn chặn đối phương trong một lười gian dài, thì sẽ bảo đảm cho chủ lực đủ thời gian để triển khai, đánh trả đối phương tích cực. Nhưng, nếu như nhiệm vụ đó không được thực hiện, nếu bên tiến công thực hành đánh

nhANH GIẢI QUYẾT NHANH, THÌ CHỦ LỰC KHÔNG ĐỦ THỜI GIAN TRIỂN KHAI, DO ĐÓ CHỦ LỰC KHÔNG THỂ PHÁT HUY ĐƯỢC TÁC DỤNG CỦA NÓ. BÊN CẠNH NHƯỢC ĐIỂM ĐÓ, TÔN SĨ NGHỊ CÒN PHẠM MỘT SAI LẦM NGHIÊM TRỌNG KHÁC: HẮN ĐÃ ĐỂ CHỦ LỰC BỐ TRÍ THÀNH HAI BỘ PHẬN, CHIA CẮT BỞI MỘT CON SÔNG LỚN VÀ TÁCH RỜI KHỎI HỆ THỐNG LỰC LƯỢNG TRONG THỂ TRẬN CHUNG. PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM CƠ ĐỘNG MỎNG MẠNH - MỘT CÁI CẦU PHẠO - HOÀN TOÀN KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG ĐỂ HÀNG VẠN QUÂN ĐÓNG TRÊN CÁC BÃI HAI BÊN BỜ SÔNG HỒNG CÓ THỂ NHANH CHÓNG, KỊP THỜI BƯỚC VÀO CHIẾN ĐÀU MỘT CÁCH CÓ HIỆU QUẢ. BỊ CON SÔNG HỒNG RỘNG LỚN CHIA CẮT, CÁC BỘ PHẬN CHỦ LỰC ĐÃ MẤT ĐIỀU KIỆN CƠ ĐỘNG, TỪ MỘT ĐẠO QUÂN LỚN, TẬP TRUNG TRỞ THÀNH CÁC LỰC LƯỢNG PHÂN TÁN, TÁCH RỜI NHAU, VÀ TÁCH RỜI KHỎI LỰC LƯỢNG ĐÁNH CHẶN TRONG CÁC KHU THEN CHÓT. TÔN SĨ NGHỊ ĐÃ TỰ BÓ TAY, MẤT KHẢ NĂNG SỬ DỤNG MỘT CÁCH TẬP TRUNG ĐẠO QUÂN CHỦ LỰC LỚN MẠNH.

Tất nhiên, không phải Tôn Sĩ Nghị không có khả năng làm cho tình hình thay đổi, chuyển sang chiều hướng có lợi cho quân Thanh. Điều kiện cần thiết là Tôn Sĩ Nghị phải sớm phát hiện ý định tiến công của Nguyễn Huệ. Chỉ nắm chắc và nắm thật sớm ý định tiến công đó, để nhanh chóng thay đổi thể trận, ít nhất cũng đưa được đại bộ phận của chủ lực sang hữu ngạn sông Hồng, quân đội nhà Thanh mới đủ khả năng ngăn chặn cuộc tiến công của quân đội Tây Sơn.

Về chiến thuật, ưu điểm của quân Thanh là biết tổ chức điểm không chế có trọng điểm trên hướng chủ yếu. Trên hướng đường thiên lý, cách bố trí về chiến thuật trong khu then chốt có những ưu điểm nhất định. ở đây, địch không

dàn đều binh lực, mà biết tập trung lực lượng trên một điểm - Ngọc Hồi - làm điểm then chốt, có các vị trí với binh lực khác nhau bảo vệ trên những cự ly nhất định. Từ Phú Xuyên đến Ngọc Hồi, Hứa Thế Hanh bố trí binh lực theo cách tăng lên dần, do đó giá trị của các vị trí đó thật rõ rệt: Ngọc Hồi là điểm then chốt, Hà Hồi là vị trí quan trọng, v.v. Cách bố trí đó trên hướng không chế chủ yếu buộc đối phương phải liên tục đánh phá, càng tiến vào sâu càng phải đánh phá những vị trí lớn hơn, buộc đối phương phải không ngừng tăng cường lực lượng đánh phá. Trong điều kiện một quân đội ở vào thế yếu về số lượng, thì việc liên tục đánh phá đó sẽ làm cho quân tiến công bị tiêu hao, bị mệt mỏi. Việc không ngừng tăng cường lực lượng đánh phá sẽ khiến cho quân tiến công khi tiến đến Ngọc Hồi sẽ không đủ sức để tiếp tục tiến công nữa, do đó mà cuộc tiến công bị phá tan. ở Ngọc Hồi, Hứa Thế Hanh có một binh lực lớn trong tay, có khả năng tăng viện cho các vị trí bị uy

hiếp, do đó mà tăng cường tính vững chắc cho các vị trí ngoại vi, khiến cho đánh phá của đối phương khó thành công. Như vậy có nghĩa là những vị trí chiến thuật đủ sức để ngăn chặn cuộc tiến công, vì cả trong hai trường hợp nói trên, Ngọc Hồi vẫn phát huy được vai trò và tác dụng làm điểm then chốt chiến thuật của nó.

Về mặt công sự và chướng ngại, các vị trí ngoại vi hầu như không có gì. ở những nơi này, quân Thanh dựa vào làng mạc mà trú quân, lấy các lũy tre và ao hồ làm chướng ngại. Riêng Ngọc Hồi được chú trọng đặc biệt, xứng đáng

là một vị trí then chốt. ở đây, địch có đắp lũy, tuy là lũy bình thường, nhưng kết hợp với hệ thống hỏa lực và trận địa địa lôi, vị trí đó trở nên khá kiên cố.

Vị trí then chốt này có giá trị chiến thuật vì ở đây Hứa Thế Hanh đã biết kết hợp bốn yếu tố: công sự, hỏa lực, chướng ngại và lực lượng dự bị để tiến hành phòng thủ. Rõ ràng là trong toàn bộ hệ thống phòng thủ của quân Thanh, Tôn Sĩ Nghị đã dành cho Ngọc Hồi vai trò quyết định.

Nhưng, hình thái chung về bố trí chiến dịch, chiến thuật trong lúc dừng lại trú quân của quân Thanh nổi bật một nhược điểm căn bản là mục đích không rõ ràng, đứt khoát. Nó biểu hiện mâu thuẫn không được giải quyết thỏa đáng giữa tiếp tục tiến công và tạm thời phòng thủ; nó bộc lộ tư tưởng chủ quan khinh địch. Cũng vì vậy mà hệ thống bố trí đó phản ánh tư tưởng phòng thủ tiêu cực của quân Thanh. Toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch, dựa vào hệ thống đồn lũy, mặc dù Tôn Sĩ Nghị có trong tay một lực lượng chủ lực lớn có thể cơ động để làm biến chuyển tình thế khi cần thiết.

Nguyễn Huệ nhìn rõ những chỗ mạnh và chỗ yếu đó của địch. Sử dụng đúng đắn mười vạn quân, ông có thể biến những chỗ mạnh của địch thành yếu, và khoét sâu thêm những chỗ yếu của địch.

Vấn đề đầu tiên đặt ra là phải làm sao hết sức ngăn cản sự cơ động của đạo quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị, làm tê liệt hành động có tổ chức của nó. Đạo quân Sầm Nghi Đống là một đạo quân yếu nhất, nhưng chiếm một vị trí

hiếm yếu, liên quan mật thiết đến các đạo quân chủ lực trong khu vực Thăng Long. Còn đạo quân Hứa Thế Hanh, tuy mạnh về nhiều mặt, nhưng dễ bị chia cắt, cô lập. Trong ba đạo quân Thanh, mục tiêu mà Nguyễn Huệ đánh đòn chủ yếu là đạo quân Hứa Thế Hanh. Chủ lực của ông có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ này với điều kiện là cô lập được đạo quân đó, bằng cách ngăn cản một cách tích cực nhất sự cơ động của các đạo quân chủ lực tại Thăng Long. Muốn thực hiện những điều đó và để bù vào thế yếu về số lượng, yếu tố thời gian là rất quan trọng: vận động nhanh chóng, nâng cao sức tiến công sẽ bảo đảm thắng lợi.

Ý định tiến công của Nguyễn Huệ là: mục tiêu đánh đòn chủ yếu của quân đội Tây Sơn sẽ là đạo quân Hứa Thế Hanh. Trong khi đó, ông sẽ dùng một bộ phận lực lượng tập kích bất ngờ vào đạo quân Sầm Nghi Đống, nhanh chóng tiêu diệt đạo quân này và đánh chiếm Thăng Long, thực hiện chia cắt chiến trường. Khi những mục tiêu nói trên đã đạt được, mà thể hiện cụ thể là các đạo quân chủ lực Tôn Sĩ Nghị bị rối loạn, đã nằm trong vòng vây của các đạo quân Tây Sơn, Nguyễn Huệ sẽ tiêu diệt nó trong vận động.

Phương châm tác chiến được thể hiện là đánh nhanh, giải quyết nhanh. Các trận chiến đấu quyết định diễn ra trong một thời gian ngắn. Để bảo đảm đánh nhanh giải quyết nhanh, mọi hành động chiến dịch - chiến thuật của quân đội đều đã phát huy cao độ yếu tố bất ngờ.

Xác định ý định tiến công tuy là một việc quan trọng nhưng Nguyễn Huệ còn cụ thể hóa ý định đó thành một kế hoạch tác chiến và tiến hành nhiều công tác trọng yếu khác. Những vấn đề phức tạp đó đều được Nguyễn Huệ, vị

tướng dày kinh nghiệm, giải quyết một cách rất thành công.

Có thể khẳng định rằng trong cuộc đời chiến đấu của ông, chưa bao giờ Nguyễn Huệ đứng trước những vấn đề lớn như thế. Điều đó càng nói lên ý nghĩa cực kỳ lớn lao trong thành công của ông về mặt tổ chức và chỉ đạo tác chiến.

Những kinh nghiệm về tổ chức và thực hành chiến dịch rất phong phú. Chúng tôi chỉ sơ bộ nghiên cứu những bài học chủ yếu sau đây:

- Động viên chính trị;
- Tổ chức hành quân, và công tác bảo đảm;
- Kế hoạch tác chiến;
- Sử dụng đội dự bị;
- Chỉ đạo chiến thuật.

ĐỘNG VIÊN CHÍNH TRỊ

Nguyễn Huệ rất chú trọng đến công tác động viên chính trị. ông nêu rõ kẻ thù của dân tộc là quân xâm lược nhà Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống, khơi sâu lòng yêu nước nồng nàn của quân dân ta, khơi sâu chí căm thù giặc

của họ, vừa đề cao truyền thống vẻ vang chống ngoại xâm của dân tộc, vừa đốt thêm ngọn lửa bùng cháy của nông dân khởi nghĩa. Về mục đích và phương pháp, về nội dung và hình thức, công tác động viên chính trị của Nguyễn Huệ đã kết hợp được trong một chừng mực nhất định ý thức dân tộc với ý thức giai cấp, đo đó đảm bảo được thắng lợi chắc chắn cho chiến dịch. Việc lên ngôi vua trong điều kiện lịch sử lúc đó càng biểu lộ rõ ràng quyết tâm của Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn tiến hành kháng chiến đến cùng chống quân xâm lược, và tiêu diệt tận gốc các thế lực phong kiến phản động, để thực hiện thống nhất nước nhà với sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trong cuộc hành quân cấp tốc, Nguyễn Huệ đã dùng những câu hò, những bài hát để làm cho quân đội thêm phần khởi, quên mệt nhọc, giữ vững tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, giữ vững tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

Trong các cuộc duyệt binh, nói chuyện với tướng lĩnh, quân đội và nhân dân, Nguyễn Huệ cũng luôn luôn tiến hành động viên chính trị như vậy.

Công tác động viên chính trị được tiến hành suốt trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hành chiến dịch. Trước một nhiệm vụ quan trọng, trước một trận đánh quan trọng, Nguyễn Huệ đều tự mình đứng ra động viên quân đội. Cho quân đội ăn Tết trước khi chiến dịch mở. Lại cho ăn Tết khai hạ đúng ngày mùng 7 Tết, như đã hứa. Khi đánh Ngọc Hồi, trận quyết chiến, Nguyễn

Huệ đã lấy khăn vàng quàng vào cổ để tỏ rõ tinh thần quyết thắng của mình và động viên tinh thần quân đội.

Công tác địch vận cũng được chú ý. Việc hạ đồn Hà Hồi là sự kết hợp bao vây chặt chẽ và tiến công binh vận, kêu gọi giặc ra hàng. Khi vào Thăng Long giải phóng, Nguyễn Huệ ra lệnh lùng bắt tàn binh đồng thời quy định chính sách đối với tù binh, hàng binh.

Những điều trên tỏ rõ Nguyễn Huệ đã quan tâm nhiều đến công tác chính trị trong hoạt động quân sự của quân đội Tây Sơn.

Tổ Chức Hành Quân, và CÔNG Tác Bảo Đảm

Để bảo đảm phát huy nhân tố bất ngờ, bảo đảm hành động đúng thời cơ, một trong những vấn đề khó khăn cần giải quyết là vấn đề hành quân, tập trung và tập kết của quân đội. Với điều kiện chân đất, đường xấu, một quân đội đông tới chục vạn người hành quân trên một quãng đường dài trên dưới 600 ki-lô-mét đã đặt ra cho Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh, binh sĩ biết bao nhiêu vấn đề phải giải

quyết, bao nhiêu khó khăn phải khắc phục, bao nhiêu biện pháp phải áp dụng.

Trên chặng đường hành quân dài 600 ki-lô-mét, quân đội Tây Sơn xuất phát từ Phú Xuân ngày 25 tháng Một âm lịch, nghỉ lại Nghệ An mười ngày và đến Tam

Điệp ngày 20 tháng Chạp. Như vậy, không kể mười ngày nghỉ. Thời gian hành quân chỉ chiếm hết mười lăm ngày, tức là tốc độ hành quân trung bình một ngày 40 ki-lô-mét. Đó là một tốc độ rất cao, trong điều kiện kỹ thuật, điều kiện đường sá, sông ngòi, cầu cống của thời bấy giờ.

Được sự yểm hộ chắc chắn của đạo quân Ngô Văn Sở chiếm giữ núi Tam Điệp và căn cứ thủy quân Biện Sơn, Nguyễn Huệ đã tùy theo khối lượng quân đội trong từng chặng, tùy theo phương tiện vận tải, khí tài công trình, tùy theo tính chất của binh chủng mà tổ chức cuộc hành quân một cách khéo léo.

Nghệ An nằm vào trung độ giữa Phú Xuân và núi Tam Điệp, cách xa địch trên 300 ki-lô-mét, là một khu đông dân cư, nhiều cửa cái, được chọn làm khu tập trung quân đội có thể coi như là khu căn cứ hậu phương chủ yếu của chiến dịch, được bảo đảm về mặt an toàn và bí mật. Tại đây, trong thời gian nghỉ lại, những công tác chuẩn bị và tổ chức quan trọng nhất được tiến hành: tuyển mộ, bổ sung quân đội, chấn chỉnh biên chế, tổ chức các đạo quân, huấn luyện binh sĩ, tiếp tục động viên chính tị, hoàn thành công tác bảo đảm hậu cần, hoàn thành công tác bảo đảm vận động, sơ bộ định ra phương án quyết tâm, sơ bộ trao nhiệm vụ cho các tướng lĩnh chỉ huy các hướng chiến dịch.

Từ Nghệ An ra khu tập kết Tam Điệp - Biện Sơn, tổ chức hành quân có những thay đổi, vì số lượng quân đội đã đông thêm, các phương tiện, khí tài chiến tranh loại nặng cũng tăng, các đạo quân phải tự mình khuân vác thêm lương

thực, đạn dược; trên đường hành quân, quân đội phải vượt nhiều sông rộng. Điều này cắt nghĩa tại sao trên chặng đường hành quân ngắn hơn, quân đội được nghỉ ngơi lại phải dùng thời gian hành quân nhiều hơn, tốc độ hành quân giảm xuống.

Vùng núi Tam Điệp rất thuận tiện cho việc tập kết. Nó cách xa các đồn tiền tiêu, các đội trinh sát của địch chừng 20 ki-lô-mét, vừa thuận tiện cho quân Tây Sơn tiến hành trinh sát địch, giữ bí mật hành động của mình, vừa thuận tiện cho việc xuất phát, triển khai thành thế trận chiến dịch, để tiếp cận địch. Dựa vào tuyến địa hình hiểm trở, Nguyễn Huệ đã thực hiện một cách tốt đẹp, việc giấu mình, nhìn địch, và nhanh chóng triển khai tiếp cận địch. Chính vì thế mà Tôn Sĩ Nghị tuy có biết quân Tây Sơn tập trung ở dãy núi Tam Điệp nhưng không thể phán đoán đúng số lượng của quân đội Tây Sơn và ý định hành động của Nguyễn Huệ.

Tại khu tập kết, Nguyễn Huệ đã cho hoàn thành các công tác chuẩn bị cuối cùng, xác định quyết tâm và kế hoạch tác chiến, hạ mệnh lệnh cho các tướng lĩnh, quy định trật tự tiến quân. Các đạo quân vu hồi (thủy quân) và thọc sâu (đạo quân của đô đốc Long) xuất phát trước, cuối cùng mới đến đạo quân chủ lực tiến quân.

Công tác bảo đảm vận động cho một quân đội lớn như vậy chủ yếu là bảo đảm vận động cho lực quân, đòi hỏi phải huy động nhiều khí tài, áp dụng nhiều biện pháp.

Riêng việc vượt nhiều sông lớn nhỏ cho hàng vạn quân đủ các binh chủng đã là một vấn đề rất lớn, rất phức tạp.

Công tác bảo đảm hậu cần, chủ yếu là lương thực, thực phẩm và vận tải, cũng là một vấn đề rất lớn. ở thời đại Nguyễn Huệ, trong thời bình đã tổ chức một hệ thống kho tàng lương thực theo từng tỉnh và từng huyện. Chắc chắn rằng với sự ủng hộ nhiệt liệt của nhân dân Nghệ An, Thanh Hóa và các địa phương khác, việc động viên lương thực, thực phẩm, việc tổ chức các đội khuân vác, đã được tiến hành một cách thuận lợi.

Kế HOẠCH Tác CHIẾN

Nghiên cứu sâu sắc kế hoạch tác chiến của Nguyễn Huệ, chúng ta càng khâm phục ý chí tiêu diệt địch và tinh thần khoa học của ông.

Như đã trình bày, ý định của Tôn Sĩ Nghị là buộc Nguyễn Huệ phải bộc lộ và triển khai quá sớm lực lượng của mình, phải liên tục đánh theo chiều sâu lớn, phải tiêu hao nhiều lực lượng trong khu vực không chế chủ yếu, do đó Nguyễn Huệ sẽ mất khả năng tiến công, và Tôn Sĩ Nghị có thể chắc chắn đánh tan cuộc tiến công.

Ngược lại, Nguyễn Huệ vận dụng phương châm chỉ đạo chung là tranh thủ bí

mật, bất ngờ, tiến công trên nhiều hướng, thực hiện bao vây tiêu diệt địch bằng hình thức cơ động táo bạo là kết hợp tiến công chính diện với thọc sâu, vu hồi vào cạnh sườn và sau lưng địch, chia cắt địch, bảo đảm sức tiến công nhanh, mạnh nhất để tiêu diệt từng bộ phận địch. Một vấn đề lớn đặt ra là: làm thế nào để buộc địch phải phân tán, mà ta thì tập trung? Nên tiến công địch trên một hướng, hay trên nhiều hướng? Chọn hướng nào là hướng tiến công và hướng đột kích chủ yếu?

Vấn đề trên đây rất quan trọng. Giải quyết nó có được thỏa đáng hay không, sẽ có ảnh hưởng quyết định đến sự tiến triển và kết cục của chiến dịch. Nó sẽ là sự thể hiện cụ thể của nghệ thuật giành ưu thế và chủ động. Trong điều kiện quân đội Tây Sơn ở vào thế yếu về số lượng, nếu tiến công trên nhiều hướng sẽ dễ dàng dẫn tới phân tán lực lượng kết quả là không bảo đảm thắng lợi của chiến dịch. Ngược lại, nếu chỉ tiến công trên một hướng, thì trên hướng đó bảo đảm tập trung lực lượng ưu thế so với địch, nhưng địch rảnh tay ở các nơi khác, có thể điều động nhanh chóng lực lượng từ những nơi ấy đến hướng bị uy hiếp để tạo nên ưu thế. Kết quả sẽ là khó mà tiêu diệt được địch. Cho nên, để thực hiện bước chuyển biến từ thế yếu sang thế mạnh, mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung binh lực đòi hỏi phải được giải quyết một cách thật chính xác và linh hoạt.

Nguyễn Huệ đã quyết tâm tiến công trên hai hướng nhằm tiêu diệt toàn bộ quân Thanh, lấy hướng Tam Điệp - Thăng Long làm hướng trung tâm chủ yếu, lấy hướng Hải Dương - Thăng Long làm hướng tiến công bổ trợ. Đồng thời áp

dụng nguyên tắc ra sức tiết kiệm binh lực trên hướng hỗ trợ, để tập trung đại bộ phận binh lực trên hướng chủ yếu. Như vậy tức là hai hướng đều nhằm vào một mục tiêu chiến lược, buộc địch phải phân tán (về toàn cục) mà quân đội Nguyễn Huệ lại thực hiện được tập trung (toàn cục và cục bộ).

Trên hướng tiến công chủ yếu, có những lực lượng của địch như sau: đạo quân Hứa Thế Hanh, đạo quân Sầm Nghi Đống và quân Lê Chiêu Thống trong thành Thăng Long. Mục đích của Nguyễn Huệ là tiêu diệt toàn bộ các lực lượng đó, giải phóng Thăng Long, chiếm tuyến sông Hồng, tiến tới đánh vào chủ lực địch. Để đạt mục đích đó, Nguyễn Huệ quyết định đánh trên nhiều hướng.

Nhưng chọn hướng nào làm hướng chủ yếu? Vì sao Nguyễn Huệ lại chọn đạo quân Hứa Thế Hanh là mục tiêu chủ yếu trên hướng này? Lúc đó, căn cứ vào hình thái bố trí của địch, vào địa hình và điều kiện tiếp cận, Nguyễn Huệ có thể chọn một trong ba hướng:

- Hướng trên đường thiên lý, từ Gián Khẩu đến Thăng Long;
- Hướng từ Vân Đình đến Đại Áng qua Ngọc Hồi vào Thăng Long;
- Hướng theo đường Chương Đức qua Nhân Mục, Khương Thượng vào Thăng Long.

Tiến đánh chủ yếu trên hướng thứ nhất, có nghĩa là đánh vào hướng phòng thủ chủ yếu của địch. Tập trung lực lượng trên hướng này có thể tạo nên ưu thế so với đạo quân của Hứa Thế Hanh hoặc ít nhất cũng ngang với đạo

quân này, điều đó tăng khả năng tiêu diệt sinh lực địch.

Nhưng trên hướng này, địch đóng nhiều cứ điểm dọc theo chiều sâu, lại có vị trí mạnh Ngọc Hồi. Tiến đánh chủ yếu trên hướng đó, sẽ phải đánh liên tục, điều đó hạn chế khả năng tiêu diệt sinh lực địch. Song, xét về mặt địa hình và điều kiện tiếp cận, hướng này là hướng thuận tiện nhất cho hành động của một lực lượng lớn sử dụng tập trung, thuận tiện nhất cho cơ động và vận động, thuận tiện nhất cho việc tiếp tế cung cấp từ hậu phương ra.

Tiến đánh chủ yếu trên hướng thứ hai, có nghĩa là đánh vào cạnh sườn của địch trong khu phòng thủ chủ yếu. Tập trung lực lượng trên hướng đó, có thể giảm bớt đột phá, nhưng vẫn đánh vào chỗ mạnh của địch. So sánh với hướng thứ nhất, các điều kiện tăng thêm hoặc giảm mất khả năng tiêu diệt địch, không khác nhau là bao nhiêu. Song, trên hướng này thiếu đường vận động, địa hình ruộng nước lầy lội ao hồ nhiều, hạn chế rất nhiều sức cơ động của quân ta, việc tiếp tế cho những đạo quân lớn gặp rất nhiều khó khăn. Trên hướng này, không thể tập trung nhiều đạo quân lớn được.

Tiến đánh chủ yếu trên hướng thứ ba, có nghĩa là thọc sâu vào nơi sơ hở nhất của địch, sát nách Thăng Long, sát nách đạo quân chủ lực của địch. Tập trung lực lượng trên hướng đó, có thể tạo nên ưu thế lớn so với đạo quân của Sầm Nghi Đống, có thể nhanh chóng giải phóng Thăng Long, song không thể không tính đến một khả năng là đạo quân chủ lực của địch có thể cơ động ra hướng

đó. Nhưng khó khăn nhất là điều kiện vận động, bảo đảm hậu cần cho những đạo quân lớn không thể thực hiện được trong một thời gian ngắn.

Cho nên, Nguyễn Huệ đã chọn hướng thứ nhất là hướng tiến đánh chủ yếu, đồng thời chọn hướng thứ ba là hướng đánh thứ yếu, nhưng rất quan trọng. Chọn như vậy tức là bảo đảm tiêu diệt quân Hứa Thế Hanh, lại bảo đảm tiêu diệt đạo quân Sầm Nghi Đống, tạo điều kiện tiến đánh thắng lợi vào chủ lực của Tôn Sĩ Nghị. Việc chọn hướng tiến đánh chủ yếu và hướng tiến đánh thứ yếu đó là rất chính xác và tài tình.

Với phương pháp sử dụng binh lực đúng đắn, và do tiêu diệt nhanh chóng đạo quân Sầm Nghi Đống, quân đội Nguyễn Huệ đã thực hiện sự chia cắt chiến trường, cô lập quân Hứa Thế Hanh và bao vây chủ lực của Tôn Sĩ Nghị, khiến cho cả Hứa Thế Hanh và Tôn Sĩ Nghị đều trở nên yếu. Đòn bất ngờ đánh vào Sầm Nghi Đống và sự tiêu diệt quân Hứa Thế Hanh một cách nhanh chóng đã trói tay Tôn Sĩ Nghị. Viên đại tướng này không còn con đường nào khác ngoài con đường rút chạy tán loạn, vượt ngoài dự kiến của Nguyễn Huệ. Cho nên, hai hướng đó là một thể thống nhất không thể tách rời, song tác dụng quyết định là ở trên hướng chủ yếu, ở chỗ tiêu diệt quân Hứa Thế Hanh. Với cách nhìn toàn cục, nắm trọng điểm, sử dụng đúng đắn binh lực, chọn thủ đoạn và hình thức chiến thuật thích hợp, Nguyễn Huệ đã tỏ ra rất già dặn trong nghệ thuật tạo ưu thế và giành chủ động, để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề của chiến dịch.

Thành công của Nguyễn Huệ trong việc chọn hướng tiến đánh chủ yếu còn thể hiện ở năng lực chế ngự toàn bộ sự phát triển của ta và của địch. Do đó, khi ông đã đánh là đánh thắng, đã đánh là đánh tiêu diệt.

Kế hoạch tác chiến của Nguyễn Huệ phân chia ra ba bước rõ rệt:

- Trong bước thứ nhất, ông dùng một bộ phận lực lượng đánh vu hồi vào cạnh sườn phía đông của địch. Cánh vu hồi địch này trước hết dùng một bộ phận tập kích địch đóng tại Hải Dương tiêu diệt nguy quân Lê và chiếm giữ vị trí trọng yếu này, nhằm đánh lạc hướng địch và thu hút chủ lực của Tôn Sĩ Nghị. Một bộ phận khác bí mật tiến vào sau lưng địch, không chế tuyến cung cấp chiến lược

của Tôn Sĩ Nghị và chặn đường rút lui của quân Thanh. Hành động vu hồi cánh quân đó vừa thực hiện được bao vây chiến dịch.

Trong bước thứ hai, Nguyễn Huệ dùng một bộ phận lực lượng vận động bí mật, tập kích bất ngờ vào đạo quân Sầm Nghi Đống, tức là tập kích vào nơi hiểm yếu và yếu nhất của địch, tiêu diệt đạo quân này, phát triển nhanh vào tung thâm, làm đảo lộn mau chóng hệ thống chiến đấu trong tung thâm địch, làm rối loạn hệ thống bố trí của chủ lực địch, đóng trên hai bờ sông Hồng và hướng thẳng về hai mặt trận phía đông và phía nam, chủ yếu là phía nam, nơi có đạo quân Hứa Thế Hanh đang chuẩn bị chiến đấu.

Phối hợp với mũi đánh Sầm Nghi Đống, chủ lực của Nguyễn Huệ thực hành

đánh hết sức mãnh liệt vào quân Hứa Thê Hanh, tiêu diệt đạo quân này, tiến lên giải phóng Thăng Long và đánh vào chủ lực của Tôn Sĩ Nghị.

Về mặt thời gian, Nguyễn Huệ đã quyết định bước thứ hai diễn ra sau một thời gian ngắn, vừa đủ cho các đô đốc Lộc và Tuyết làm được nhiệm vụ kiểm chế, thu hút địch.

Sau khi đã hoàn thành hai bước trên, toàn quân sẽ tiến công trên nhiều mặt vào chủ lực của Tôn Sĩ Nghị. Đô đốc Lộc ngăn chặn địch trên tuyến Phụng Nhãn - Lạng Giang và truy kích địch tới biên giới.

Các bước kế hoạch đó đã được các đạo quân Tây Sơn thực hiện đầy đủ và thắng lợi.

Điều đáng chú ý là Nguyễn Huệ không sử dụng một binh lực nào để ngăn chặn đạo quân Ô Đại Kinh. Ông nắm chắc tinh thần tiêu cực của tướng lĩnh Thanh, cho nên ông không cần đưa quân đi chặn, tránh lãng phí lực lượng vốn đã có hạn.

Để bảo đảm thực hiện quyết tâm và các bước của chiến dịch, Nguyễn Huệ còn phải giải quyết một vấn đề nữa: bố trí lực lượng như thế nào cho phù hợp với ý định chiến dịch và phân chia nhiệm vụ thích ứng cho các lực lượng đó.

Bố trí lực lượng một cách chính xác khéo léo cũng là thực hiện một cách cụ thể nguyên tắc tập trung lực lượng ở hướng tiến công chủ yếu, tiết kiệm lực lượng ở hướng thứ yếu, và bao vây địch một cách có hiệu quả.

Trên hướng tiến công chủ yếu, Nguyễn Huệ đã tập trung một số lớn quân đội tham chiến, nhiều voi và đại bộ phận pháo binh đã chiến, tổ chức thành lực lượng tiến công chủ yếu. Trong thành phần của lực lượng tiến công chủ yếu của Nguyễn Huệ, chất lượng thể hiện ở sức mạnh cân đối của ba nhân tố: đột kích, hỏa lực, cơ động. Bộ binh và tượng binh là một lực lượng đột kích có sức mạnh lớn lao. Quân Thanh có đầy đủ lý do để khiếp sợ trước đội tượng binh hùng mạnh của quân Tây Sơn, chính Tôn Sĩ Nghị cũng đã phải dành riêng một điều quân luật để chỉ rõ cách đối phó với tượng binh Tây Sơn. Thực tế của các trận chiến đấu ở Ngọc Hồi, Khương Thượng và đầm Mực đã chứng minh sức mạnh đột kích của binh chủng này.

Pháo binh đã chiến được sử dụng tập trung trên hướng này, yểm hộ đặc lực cho bộ binh đã tạo nên một sức mạnh khiến cho đồn Ngọc Hồi kiên cố bị phá hoại nhanh chóng. Kỵ binh có sức cơ động cao, có thể hoàn thành được nhiều nhiệm vụ khác nhau, bằng những hình thức cơ động linh hoạt. Trên hướng tiến công chủ yếu, do việc sử dụng tập trung khéo léo và cân đối những lực lượng chiến đấu của chiến dịch, cho nên, so với quân của Hứa Thế Hanh đóng phân tán, chủ yếu dựa vào lực lượng của bộ binh để phòng ngự, được hỗ trợ bằng hỏa lực không quan trọng lắm, thì quân đội Tây Sơn nói chung đã đạt được ưu

thế.

Trên hướng thứ yếu, đạo quân của đô đốc Long là lực lượng thọc sâu cơ động, so với đạo quân Sầm Nghi Đống thì yếu hơn hẳn, nhưng khi tập trung sử dụng đánh vào khâu yếu của địch ở Khương Thượng thì tăng ưu thế gấp bội. Nhiệm vụ trao cho đạo quân này là: trước hết tập trung lực lượng nhanh chóng tiêu diệt quân địch ở Khương

Thượng rồi tiến vào chiếm đóng nội thành Thăng Long, và sau đó hiệp đồng với đạo quân chủ lực tiến công đạo quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị.

Đạo quân của đô đốc Bảo - đội dự bị của chiến dịch - là một lực lượng mạnh, cơ động, không tiến sau đạo quân chủ lực, mà vận động trên một hướng riêng, giữa hai cánh quân chủ yếu và thứ yếu, có nhiệm vụ tăng cường sức tiến công hiệp đồng với các đạo quân trên đánh địch phản công.

Đường tiến và hướng chiến đấu của đội dự bị chiến dịch dựa sát cánh quân chủ yếu; điều này chứng tỏ dự kiến của Nguyễn Huệ là sử dụng nó trên hướng chủ yếu.

Trên hướng bao vây chiến lược (Lạng Giang), lực lượng chủ yếu là thủy quân, có kỵ binh hỗ trợ, được hỏa lực của thuyền chiến yểm hộ. Lực lượng này chia thành hai đạo quân có sức cơ động cao, có lực lượng đột kích và hỏa lực đến mức độ cần thiết, đủ sức để hoàn thành nhiệm vụ độc lập sau lưng địch: thu

hút chủ lực địch, chặn đường rút lui của chúng. Đạo quân của đô đốc Lộc còn có nhiệm vụ khi cần thiết, sẽ tiến công sau lưng địch. Đạo quân của đô đốc Tuyết sẵn sàng cơ động đến hai hướng: Thăng Long và Phượng Nhãn.

Bố trí lực lượng đó hình thành thế trận chiến dịch hoàn chỉnh: các đạo quân tiến công, đạo quân vu hồi, và các đội dự bị chiến dịch. Bố trí lực lượng và phân chia nhiệm vụ như vậy đã đáp ứng yêu cầu là phù hợp với ý định chiến dịch, có sức tiến công mạnh và liên tục, có tính cơ động cao. Tóm lại là bố trí chiến dịch có trọng điểm, có bao vây, tiến công, thọc sâu chia cắt địch, có đội dự bị mạnh.

Nguyễn Huệ, trong thực hành chiến dịch, chú trọng các nguyên tắc phát huy nhân tố bất ngờ chiến dịch - chiến thuật, nhanh chóng tiếp cận chủ lực địch và tác chiến liên tục ngày và đêm.

Trong bất cứ trường hợp nào, việc triệt để phát huy nhân tố bất ngờ chiến dịch, chiến thuật vẫn là một trong những điều kiện tất yếu để giành thắng lợi. Điều đó đã trở thành một nguyên tắc của quân đội Tây Sơn.

Trong thời gian chuẩn bị chiến dịch, dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, và biết lợi dụng địa hình để che giấu quân đội, Nguyễn Huệ đã khiến cho Tôn Sĩ Nghị không thể phán đoán chính xác ý định của quân đội Tây Sơn.

Việc hành quân nhanh chóng, việc chuẩn bị khẩn trương và đầy đủ mọi mặt, đều đã phát huy tác dụng của bất ngờ.

Ngay từ đầu, thời cơ tiến công mở màn chiến dịch đã gây nên bất ngờ chiến dịch có tác dụng lớn. Nguyễn Huệ đã chọn đêm 30 Tết mở đầu chiến dịch và nhằm vào những ngày Tết để phát triển chiến dịch. Không thể phủ nhận một điều là, mặc dù quân Thanh nói chung có chuẩn bị đề phòng, nhưng những ngày Tết tinh thần ham mê thưởng xuân làm giảm nhiều sự phòng bị đó. Bất ngờ ở đây rõ ràng đã thể hiện về mặt thời cơ tiến công tức là về mặt thời gian.

Nguyễn Huệ biết rõ địch chú trọng nhiều đến mặt Gian Khẩu và chiếm được đồn Gian Khẩu là chủ lực Tây Sơn có thể nhanh chóng tiếp cận Phú Xuyên. Thực tế đã diễn ra như vậy.

Khi cần tiến công tiêu diệt các vị trí nhỏ của địch, bao giờ Nguyễn Huệ cũng dùng một bộ phận không quan trọng của mình để uy hiếp và tiêu diệt gọn ghẽ, triệt để. Ngoài mục đích hết sức tiết kiệm lực lượng để dành cho những trận quyết định, Nguyễn Huệ còn nhằm triệt để phong tỏa tin tức, khiến cho địch không thể xử trí chính xác. Giấu kín lực lượng mình, làm cho địch không có chuẩn bị, đó là phương pháp để đạt đến bất ngờ. Chính vì thế, quân Tây Sơn đã bất ngờ bao vây đồn Hà Hồi, đồn đầu tiên trong hệ thống phòng thủ Hà Hồi - Ngọc Hồi của địch. Nghe tiếng trống, tiếng loa của quân Tây Sơn phía ngoài, mấy vạn quân Thanh trong đồn Hà Hồi đều choáng váng, bỏ tay xin hàng. Đồn Ngọc Hồi là đồn kiên cố nhất của quân

Thanh không bị đánh bất ngờ nhưng chúng đã bất ngờ về phương pháp tác chiến của quân đội Tây Sơn. Chúng không thể ngờ rằng quân đội Tây Sơn có thể phá vỡ hỏa mù, hỏa lực rất mạnh của chúng ở đồn Ngọc Hồi, để có thể xung phong vào đồn. Chúng không thể ngờ rằng những voi chiến của quân đội Tây Sơn có thể phá tan các chiến hào, chiến lũy kiên cố của đồn Ngọc Hồi, để tiến vào trong đánh phá các doanh trại của chúng. Khi mấy vạn quân Thanh ở đồn Ngọc Hồi phải rút chạy thì chúng lại không ngờ rằng đã có một đạo quân Tây Sơn đóng ở phía sau Ngọc Hồi, án ngữ trên các đường rút chạy về Thăng Long của chúng, chúng đành phải chạy rẽ sang phía tây. Chúng lại không ngờ rằng đã có đạo quân voi của đô đốc Bảo đương đón chờ chúng ở phía tây, và cả mấy vạn quân Thanh cùng các tướng lĩnh cao cấp của chúng đã phải bỏ mạng trước đạo quân voi của Tây Sơn, tại đầm Mực, làng Quỳnh Đô.

Nhưng đồn bất ngờ nguy hiểm nhất đối với quân Thanh trong chiến dịch này, chính là mũi dùi đã tiêu diệt gọn hơn hai vạn quân Điền Châu, Triều Châu ở Khương Thượng, chọc thẳng vào Thăng Long, khiến Tôn Sĩ Nghị phải rụng rời chân tay, một người một ngựa cắm cổ chạy về nước, để mặc hàng chục vạn quân Thanh phải bỏ xác trên bãi Tây Long và trên sông Hồng tràn ngập máu quân thù xâm lược.

Bằng những đồn bất ngờ "trời giáng" này, quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo, đã tiêu diệt thật nhanh, thật gọn 20 vạn quân Thanh xâm lược trong

vòng chưa đầy năm ngày. Chiến thuật thật là mâu nhiệm và chiến thắng cũng thật là to lớn.

Để đạt mục đích đưa chủ lực nhanh chóng đến gần chủ lực địch, Nguyễn Huệ đã tỏ ra rất kiên quyết trong việc chọc thủng nhanh chóng khu phòng thủ chủ yếu. Tiến công đã tiến hành liên tục cả ngày và đêm, chủ yếu là ban đêm và bằng nhiều kiểu cách khác nhau.

Để phát huy hiệu quả của bất ngờ, lợi dụng sơ hở của địch, khoét sâu chỗ yếu của chúng, khắc phục chỗ yếu của quân đội mình (hành quân dài, tác chiến liên tục nên mệt mỏi nhiều ...) Nguyễn Huệ thông thường thực hành tiến công về ban đêm. Các trận chiến đấu chủ yếu thường tiến hành vào nửa đêm và kết thúc trước sáng. Dành thời gian ban ngày cho việc trú quân kín đáo và việc chuẩn bị đánh liên tục. Nếu như trước khi chiến dịch mở, thời gian dành cho chuẩn bị và tổ chức chiến dịch rất dài, thì trái lại, trong quá trình diễn biến của chiến dịch, thời gian chuẩn bị lại hết sức rút ngắn. Điều đó chỉ có thể thực hiện trên cơ sở chuẩn bị chu đáo từ trước.

Để tiến công nhanh mà mình ít bị tiêu hao, Nguyễn Huệ đã áp dụng nhiều kiểu cách khác nhau. Đối với các vị trí nhỏ, chủ yếu dùng tiền quân uy hiếp địch và tiêu diệt chúng trong vận động. Hoặc là chủ lực vượt qua, để lại một bộ phận nhỏ để tiêu diệt sau. Đối với những vị trí lớn, như Hà Hồi, dùng lực lượng quân sự mạnh bao vây rồi dùng tiến công binh vận để đánh chiếm. Đối với các vị trí có lực lượng ngoan cố, thì nhanh chóng tập trung ưu thế để tiêu diệt. Còn

đối với điểm then chốt của địch, thì việc chuẩn bị được tiến hành rất chu đáo, kiên quyết tập trung chủ lực để đánh phá mãnh liệt, giải quyết thật nhanh.

Chiến dịch thắng lợi còn do Nguyễn Huệ giỏi tổ chức, hành động chiến dịch chặt chẽ, ăn khớp. Trong chiến dịch này, Nguyễn Huệ sử dụng tất cả các quân, binh chủng đã được tổ chức trong quân đội Tây Sơn thời đó, đồng thời căn cứ vào tính năng của từng quân chủng, binh chủng, căn cứ vào ý định chiến dịch, để trao cho từng quân chủng, binh chủng những nhiệm vụ thích hợp. Lực quân giữ vai trò tiến công trên mặt chính, thủy quân được trao nhiệm vụ vu hồi chiến dịch để đánh sau lưng và chặn đường rút lui của địch. Trên hướng vu hồi, ngoài thủy quân là chủ yếu, Nguyễn Huệ còn tăng cường thêm một lực

lượng kỵ binh. ở các hướng trên mặt chính, tùy theo nhiệm vụ và điều kiện vận động, trong các đạo quân, không phải đạo quân nào cũng có tất cả các binh chủng như nhau, giữ vai trò như nhau, có số lượng hoặc tỷ lệ như nhau.

Vấn đề đặt ra là, trong điều kiện chiến dịch có nhiều quân chủng, binh chủng tham gia, tiến công trên nhiều hướng riêng biệt, trên một chiều sâu lớn, làm thế nào để phối hợp chặt chẽ hành động của tất cả các quân, binh chủng, hướng sự nỗ lực chung vào việc giành thắng lợi. Việc hành động chiến dịch ăn khớp, chặt chẽ đặt ra nhiều vấn đề mới để giải quyết, và Nguyễn Huệ đã giải quyết nó một cách thành công.

Nguyễn Huệ đã trao cho từng quân chủng, từng binh chủng những nhiệm vụ dứt khoát, rõ ràng, lại trao cho các hướng tiến công những nhiệm vụ cũng dứt khoát, rõ ràng như vậy, đồng thời kết hợp mọi hoạt động của các quân, binh chủng, của các hướng trong tình huống chiến dịch quyết định, theo mục tiêu, địa điểm và thời gian. Những cái "chuẩn" đó hướng tất cả sự nỗ lực của các tướng lĩnh, của quân đội, trên tất cả các hướng tiến công, nhằm giành thắng lợi chung.

Không phải ngẫu nhiên mà cùng một ngày mùng 5 Tết, ở hướng tiến công chủ yếu, Nguyễn Huệ hoàn thành đánh phá đồn phòng thủ then chốt, đô đốc Bảo tiến đến Đại án cạnh sườn Ngọc Hồi, đô đốc Long thọc sâu vào Khương Thượng, đô đốc Lộc đã chiếm tuyến sông Cầu và các địa điểm xung yếu khác. Đây là một loạt hành động của tất cả các đạo quân, theo kế hoạch hiệp đồng thống nhất, xảy ra trong tình huống cơ bản có tính chất quyết định. Kế hoạch hiệp đồng đó càng chứng tỏ tính kế hoạch, tính thống nhất của chiến dịch. Hiệp đồng đồng tác chiến dịch đã đạt đến mức khá chuẩn xác. Qua sự hiệp đồng này, chúng ta có thể suy ra việc tính toán đường hành quân, tốc độ hành quân, tốc độ tiến công cho từng quân, binh chủng.

cho từng hướng thật là tỉ mỉ, chu đáo, đồng thời tinh thần hiệp đồng nhất trí của các tướng lĩnh, binh sĩ, tinh thần nỗ lực cao độ để giành thắng lợi chung, là những điều kiện quyết định khiến cho tổ chức hiệp đồng chiến dịch thành công rực rỡ.

Một yếu tố quan trọng nữa đã góp phần quyết định thắng lợi của chiến dịch là tốc độ tiến công cao của quân đội Tây Sơn. Chỉ có tiến công với tốc độ cao và bảo đảm tốc độ cao đó trong suốt quá trình chiến dịch mới có thể giành thời cơ trước địch, phát huy nhân tố bất ngờ, đánh cho địch những đòn mãnh liệt, khiến cho địch không kịp tổ chức chống lại, không kịp điều động và sử dụng các đội dự bị đến những nơi bị đánh phá, đến những nơi bị uy hiếp mạnh.

Tinh thần chiến đấu rất cao, tác phong chiến đấu dũng cảm, mãnh liệt và chiến thuật vận động của quân đội Tây Sơn là những điều kiện bảo đảm cho việc tiến công với tốc độ cao nhất. Nhưng tốc độ tiến công còn bị phụ thuộc vào những yếu tố khác nữa:

Trước tiên phải kể đến phương tiện kỹ thuật các khí tài chiến đấu và bảo đảm khác. Người lính bộ binh thời đó chỉ có thể dùng hai chân để vận động, nên khi bộ binh là chủ yếu thì rõ ràng tốc độ tiến công trước hết phụ thuộc vào sức khỏe và đôi chân của người lính bộ binh. Voi có sức đột kích mạnh, nhưng hành quân chậm. Pháo binh dã chiến của quân đội Tây Sơn được đặt trên voi do đó tốc độ có thể nâng cao. Cao nhất là kỵ binh, có thể xem như là bộ đội có tốc độ nhanh nhất của thời đó. Nhưng kỵ binh tách xa bộ binh, nhất là pháo binh thì sức tiến công bị hạn chế. Cho nên, sự khác nhau về tính năng của các phương tiện kỹ thuật, về tính năng của các quân, binh chủng dẫn đến sự chênh lệch về tốc độ tiến công, cộng với khả năng khắc phục địa hình để bảo đảm vận động, đã hạn chế tác độ tiến công. Muốn khắc phục điều đó, để nâng cao

tốc độ tiến công, nghệ thuật chỉ huy phải biết hiệp đồng chặt chẽ các quân, binh chủng, đồng thời biết sử dụng binh chủng nào là chủ yếu trong tình huống nào, giai đoạn nào của chiến dịch. Tính linh hoạt của người chỉ huy và của quân đội nói chung có ảnh hưởng quyết định đến việc nâng cao tốc độ tiến công. Khi cần khắc phục khu vực bảo đảm, Nguyễn Huệ đã trao nhiệm vụ đó cho kỳ binh. Khi đánh phá các đồn kiên cố, thì nhiệm vụ được trao cho bộ binh, pháo binh, tượng binh. Vu hồi chiến dịch thì dùng thủy quân. Khi mở rộng chiến quả, vu hồi chiến thuật vào sườn hoặc sau lưng quân địch trong chiến đấu, thì thường dùng kỵ binh. Khi truy kích thì dùng kỵ binh. Tính linh hoạt cao trong việc chỉ huy của Nguyễn Huệ đã nâng cao tốc độ tiến công của quân đội.

Điểm thứ hai là năng lực áp đảo nhanh chóng sức chống cự của quân địch. Địch sẽ tiến hành phản kích để ngăn chặn tiến công, do đó làm giảm tốc độ tiến công. Quân Thanh bố trí trên một chiều sâu lớn, với hệ thống đồn lũy khá dày trong toàn bộ chiều sâu đó, lại có những đội dự bị, và cả một đạo quân chủ lực lớn tại bến Tây Long. Làm thế nào để đánh phá nhanh chóng, làm mất thời cơ phản kích của địch, làm thế nào để nâng cao tốc độ tiến công theo với trình độ phát triển chiều sâu của thế trận chiến dịch của địch? Nguyễn Huệ đã áp dụng hàng loạt biện pháp có hiệu quả: kiên quyết và kín đáo tập trung binh lực, binh khí trong các trận tiến công, chỗ nào cần đánh phá thì kiên quyết đánh phá, chỗ nào không cần thì lướt nhanh qua, không ngừng phát huy yếu tố bất ngờ để đánh địch.

Tiến công mặt chính bao giờ cũng kết hợp với bao vây vu hồi: Tính cơ động linh hoạt của quân đội Tây Sơn đã tạo điều kiện nhanh chóng khắc phục sự chống cự của địch. Cho nên, suốt trong năm ngày chiến đấu, Tôn Sĩ Nghị không thể tiến hành tăng viện có hiệu quả cho nơi bị uy hiếp, không tổ chức được một cuộc phản kích nào.

Đêm 30 Tết, quân đội Tây Sơn vượt sông Gian Thủy và vượt qua gần 80 ki-lô-mét, chiều mùng 5 Tết đã vào đến Thăng Long. Với điều kiện chân đất, phải san phẳng nhiều vị trí của giặc, trong thời đại đó, tốc độ tiến quân như thế là cao. Từ Gian Khâu đến Phú Xuyên, quân Tây Sơn nặng về truy kích địch, nên tốc độ cao hơn, trung bình 15 ki-lô-mét một ngày. Từ Hà Hồi đến Thăng Long mới thực sự tác chiến quy mô lớn, mà tốc độ vẫn giữ được trung bình 12 ki-lô-mét một ngày.

Tốc độ tiến công cao của quân đội Tây Sơn là một trong những nguyên nhân quyết định thắng lợi của chiến dịch. Quân đội của Nguyễn Huệ về số lượng ít so với quân Thanh, nhưng tiến công nhanh, nên đã thắng lợi. Rõ ràng là trong chiến dịch này, tính vận động nhanh chóng đã bổ sung cho thế kém về số lượng.

Sử Dụng Đội Dự Bị

Đạo quân của đô đốc Bảo là đội dự bị chiến dịch của Nguyễn Huệ. Tuy quân

số có hạn, nhưng sức mạnh của đạo quân này được tăng cường khá lớn, vì Nguyễn Huệ đã dành cho đội dự bị của mình một đoàn tượng binh – pháo binh có sức đột kích lớn và có hỏa lực mạnh. Các binh chủng đó làm cho chất lượng của đội dự bị chiến dịch tăng lên rất nhiều, trở thành lực lượng cốt cán. Voi chiến, pháo dã chiến, cộng với hộ binh, kỵ binh hợp thành đội dự bị, là những phương tiện quan trọng để Nguyễn Huệ giành và giữ quyền chủ động trong quá trình tiến triển của chiến dịch. Nó bảo đảm cho Nguyễn Huệ có thể tạo thành thế mạnh so với địch trong những trận quyết định, và bảo đảm cho quân đội Tây Sơn có thể đối phó một cách thuận lợi với mọi tình huống bất trắc xảy ra do những nỗ lực của Tôn Sĩ Nghị gây nên. Đạo quân của đô đốc Bảo được thành lập với số lượng có hạn nhưng có nhiều binh chủng, chất lượng cao là một sự thể hiện rõ ràng tư tưởng của Nguyễn Huệ nắm đội dự bị mạnh để giành và giữ quyền chủ động chiến dịch.

Muốn sử dụng đội dự bị một cách kịp thời trên hướng chủ yếu, vào những thời cơ cần thiết, phải biết bố trí đúng đắn đội dự bị đó, quy định đúng đắn trực vận động, thời gian vận động và có ý định sử dụng nó rõ rệt, Nguyễn Huệ đã bố trí đạo quân của đô đốc Bảo vào giữa đạo quân chủ lực và đạo quân của đô đốc Long. Trục hành quân của đô đốc Bảo dựa gần vào trục vận động của đạo quân chủ lực.

Cách bố trí và trục hành quân đó có nhiều ưu điểm. Nó bảo đảm an toàn và bí mật, bảo đảm tốc độ vận động và khả năng cơ động rộng rãi, bảo đảm đội dự bị tiến vào chiến đấu một cách kịp thời. Nguyễn Huệ một mặt tìm mọi biện

pháp để làm tê liệt hành động của chủ lực quân Thanh.

Nhưng mặt khác, ông tìm mọi biện pháp để bảo đảm an toàn, bảo đảm cơ động cho đội dự bị của mình. Nguyễn Huệ có ý định sử dụng đạo quân đó vào cả hai hướng: hướng tiến công chủ yếu và hướng Khương Thượng.

Nhưng xét trục vận động và thời gian vận động của đô đốc Bảo, thì rõ ràng Nguyễn Huệ định ưu tiên sử dụng đội dự bị đó trên hướng chủ yếu. Hành động tập kích bất ngờ vào Sầm Nghi Đống tuy có thể gặp khó khăn, đòi hỏi đô đốc Long cần tăng viện, nhưng khả năng tiêu diệt nhanh chóng đạo quân đó lại có nhiều. Trái lại, năm, sáu vạn quân chủ lực của Hứa Thế Hanh đóng ở Ngọc Hồi, là một lực lượng lớn, không thể không tính toán đến một cách nghiêm túc.

Nếu việc tiến công bằng sức mạnh vào Ngọc Hồi gặp khó khăn, cần tăng cường sức đột kích, hoặc Hứa Thế Hanh thực hành phản kích lớn, hoặc Hứa Thế Hanh tổ chức cho quân rút lui có kế hoạch về Thăng Long, thì sự có mặt của một đội dự bị mạnh vào chiến đấu một cách kịp thời, là hết sức cần thiết. Còn phải tính đến khả năng tăng

cường lực lượng từ Thăng Long đến Ngọc Hồi của Tôn Sĩ Nghị. Vì vậy, cách bố trí, trục vận động, ý định sử dụng đội dự bị của Nguyễn Huệ đều chứng tỏ Nguyễn Huệ nắm vững trọng điểm, với tinh thần vừa kiên quyết vừa thận

trọng.

Thành công của Nguyễn Huệ trong những biện pháp nói trên là quan trọng. Nhưng điều quan trọng hơn là biết sử dụng đội dự bị lớn mạnh đó vào thời cơ có ý nghĩa quyết định nhất.

Trong chỉ huy chiến dịch, nghệ thuật sử dụng đội dự bị của Nguyễn Huệ đã đóng một vai trò nhất định. ông đã theo dõi hành động của tất cả các đạo quân, đồng thời tập trung mọi quan tâm vào hướng chủ yếu, nơi có ý nghĩa quyết định nhất trong toàn bộ chiến dịch. Việc tiêu diệt hoàn toàn mấy vạn quân địch ở đầm Mực nhằm chuẩn bị điều kiện cho thắng lợi chiến lược, chính là ý nghĩa quyết định toàn cục của các biện pháp sử dụng đúng đắn đội dự bị mạnh.

Trận Ngọc Hồi là một trong những trận lớn nhất của chiến dịch, và là trận có tính chất quyết định trong việc hoàn thành nhiệm vụ của toàn cuộc quyết chiến chiến lược.

Tạo mọi điều kiện có lợi để sử dụng đội dự bị, tung ra đúng thời cơ, sử dụng binh chủng quyết định, đánh vào mục tiêu trọng yếu, đã là những bài học quan trọng. Bài học càng quan trọng hơn ở chỗ sử dụng đội dự bị vào nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến toàn cục. Bản thân việc tiêu diệt mấy vạn quân Thanh ở Ngọc Hồi trong một trận đã là một thắng lợi chiến dịch lớn lao. Nhưng thắng lợi đó có ý nghĩa quyết định, vì nó quyết định sự rút chạy tán loạn của Tôn Sĩ Nghị và gần mười vạn quân chủ lực của hắn: thắng lợi chiến dịch đã phát triển

thành thắng lợi chiến lược. Điều đó mới thật sự nói lên một cách sâu sắc nghệ thuật vững vàng và cao cường của Nguyễn Huệ trong việc sử dụng đội dự bị mạnh của mình.

CHỈ ĐẠO CHIẾN THUẬT

Chiến dịch tiêu diệt 20 vạn quân Thanh đã đề ra cho chiến thuật những nhiệm vụ rất nặng nề ít thấy trong các chiến dịch khác. Tất nhiên, khi đề ra cho chiến thuật những nhiệm vụ đó, Nguyễn Huệ không thể không tính toán đến khả năng của chiến thuật, trước hết là tinh thần chiến đấu và kỹ năng chiến đấu của binh sĩ, và các phương tiện, binh khí có trong quân đội. Kết cục của chiến dịch đã chứng tỏ rằng chiến thuật của quân đội Tây Sơn hoàn toàn có những khả năng rất lớn, do đó mà đã hoàn thành được nhiệm vụ của chiến dịch: thắng lợi của chiến dịch có cơ sở từ thắng lợi của chiến thuật. Theo đà phát triển của chiến dịch này, chiến thuật của quân đội Tây Sơn đã phát triển thêm nhiều bước mới.

Kiểu đánh của chiến dịch này là đánh vận động, bao gồm nhiều hình thức chiến thuật: tiến công vận động, tiến công đồn phòng thủ và các hình thức đánh chặn để hỗ trợ cho tiến công, cùng với sự chuyển hóa nhanh chóng từ hình thức này sang hình thức khác.

Các trận đánh trong khu bảo vệ có tính chất những trận truy kích. Trận Ngọc

Hồi là một trận đánh có tính chất tiến công đồn phòng thủ. Trận tiêu diệt đạo quân Sầm Nghi Đống là trận tập kích bất ngờ lớn vào Khương Thượng, sau đó là tiếp tục truy kích địch đến Thăng Long. Trận đầm Mực, là trận đánh mạnh vào cạnh sườn của địch đang vận động. ở Lạng Giang, Phụng Nhãn, quân Tây Sơn từ phục kích chuyển sang truy kích trên một chặng đường dài.

Các hình thức khác nhau đó đã được quân đội Nguyễn Huệ vận dụng rất linh hoạt, rất thành công. Nó chứng tỏ trình độ chiến thuật khá cao của quân đội Tây Sơn. Nhưng, để đạt mục đích tiêu diệt sinh lực địch trong những trận đó, Nguyễn Huệ đã vận dụng chiến thuật chủ yếu nào?

Chúng ta thấy rằng, vô luận trong tiến công vận động hay tiến công đồn phòng thủ, Nguyễn Huệ đều áp dụng một cách phổ biến và thành thạo chiến thuật bao vây và vu hồi, từ ba, bốn mặt để đánh địch, khiến cho địch không thể lọt lưới, không thể chạy thoát. Có khi ông thực hành bao vây trước rồi tiến công sau, như trận Ngọc Hồi, có khi bao vây hình thành trong quá trình đánh phá. Cũng có khi, do hành động bí mật, bất ngờ, quân đội Tây Sơn nhanh chóng thọc một mũi dao cực mạnh vào trung tâm của địch, rồi tỏa ra các hướng, chia cắt địch rồi tiêu diệt, như trận Khương Thượng. Trong các trận truy kích địch, thì đuổi phía sau, vượt lên đánh vào sườn, chặn đầu, chia cắt địch thành nhiều mảnh, nhiều nhóm, nhiều tốp. Tùy theo tình hình cụ thể về địch, ta và địa hình, Nguyễn Huệ vận dụng linh hoạt phương pháp tập trung binh lực và hiệp đồng khéo léo các binh chủng.

Diễn hình của tiến công đồn phòng thủ là trận chiến đấu Ngọc Hồi. Từ trước tới nay, khó khăn nhất trong tiến công đồn phòng thủ là vấn đề chọc thủng trận địa có công sự kiên cố. Trong chiến dịch giải phóng Phú Xuân, Nguyễn Huệ đã từng giải quyết thành công vấn đề chọc thủng một thành phòng thủ có hệ thống công sự kiên cố ở đèo Hải Vân, về mặt thành lũy có kiên cố hơn Ngọc Hồi, nhưng tính vững chắc nói chung của phòng thủ lại kém Ngọc Hồi. Ở Ngọc Hồi, quân Thanh biết kết hợp chặt chẽ giữa công sự kiên cố và dã chiến, giữa công sự, các tuyến chướng ngại (gồm chông sắt, trận địa địa lôi) và hỏa lực tương đối mạnh. Dịch giữ một lực lượng cơ động mạnh trong vị trí, khi cần còn được lực lượng cơ động ở phía sau tăng viện đến. Lực lượng phòng thủ của địch lại rất mạnh. Tiến công vào đồn phòng thủ theo hình thức cứ điểm như Ngọc Hồi, cần phải dựa vào sức mạnh ưu thế của đột kích và hỏa lực, phải giải quyết những vấn đề như khắc phục

chướng ngại vật, mở cửa, xung phong vào cửa đột phá, phát triển vào trong, đánh quân phản xung phong ... Nhưng vấn đề lớn nhất vẫn là dùng phương pháp nào để đạt được mục đích tiêu diệt thật nhanh chóng toàn bộ quân địch.

Ở Ngọc Hồi, Nguyễn Huệ đã tập trung gần toàn bộ lực lượng của đạo quân chủ lực, tạo nên một ưu thế vượt hẳn quân Thanh. Đó là nói về xung lực. Tượng binh tập trung toàn bộ tạo nên ưu thế tuyệt đối, làm lực lượng đột kích. Hỏa lực pháo binh dã chiến cũng hơn địch, đủ khả năng phá hoại công sự địch, mở ra một số cửa đột phá. Trong trận Ngọc Hồi, việc đánh phá đã thành công tốt đẹp chủ yếu do việc tập trung ưu thế lực lượng, và việc sử dụng một cách cân

đôi, đầy đủ 3 yếu tố đột kích, hỏa lực và cơ động.

Trong tiến công vào vị trí Khương Thượng thì sự vận dụng chiến thuật của quân đội Tây Sơn có khác. Khương Thượng không phải là một vị trí có công sự kiên cố, nên tiến công có tính chất tập kích lớn. Sự hiệp đồng binh chủng ở đây là hiệp đồng giữa sức đột kích của tượng binh và xung lực, có sự hỗ trợ của hỏa hổ.

Trận đánh tiêu diệt ở đầm Mực có đặc điểm là phát huy ưu thế tuyệt đối về tinh thần, dồn địch vào một địa hình bất lợi, bao vây ba mặt, hiệp đồng giữa tượng binh, pháo binh và bộ binh để tiêu diệt mấy vạn quân Thanh.

Nghiên cứu một số vấn đề chủ yếu về chiến thuật trên đây chúng ta thấy quân đội Tây Sơn giỏi đánh tiến công vận động, mà cũng thạo đánh tiến công đồn phòng thủ. Trong tiến công vận động, quân đội Tây Sơn biết vận dụng rộng rãi vu hồi bao vây, biết sử dụng thành thạo đột kích và cơ động, biết hiệp đồng động tác chặt chẽ giữa bộ binh, kỵ binh, tượng binh, do đó, binh lực ít hơn, nhưng đủ khả năng tiêu diệt hàng hai, ba vạn quân địch trong từng trận đánh. Trong tiến công đồn phòng thủ, quân đội Tây Sơn biết tập trung ưu thế lực lượng, kết hợp tiến công mặt chính

vào cạnh sườn, bao vây ba, bốn mặt, sử dụng thành thạo đột kích, hỏa lực và cơ động, hiệp đồng động tác chặt chẽ giữa pháo binh, tượng binh, bộ binh và kỵ binh, chọc thủng và phát triển nhanh chóng, có khả năng tiêu diệt hàng vạn

quân trong từng trận đánh.

Trong chiến dịch này, đặc điểm của chiến thuật là:

- Vận dụng thành thạo và linh hoạt binh lực, binh khí và mọi phương tiện chiến đấu.
- Vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến thuật thích hợp với nhiều tình huống khác nhau, nổi nhất là thủ đoạn bao vây vu hồi.
- Hành động tiến công với tốc độ cao.
- Động tác mãnh liệt, có tính chất quyết định.

Thắng lợi rực rỡ của chiến dịch đại phá quân Thanh là một chiến công hiển hách vào bậc nhất trong lịch sử nước ta. Nó đưa nghệ thuật quân sự của dân tộc ta đến một bước phát triển cao. Nó chứng minh một sự thật: một quân đội chiến đấu vì chính nghĩa, tuy ở địa vị yếu về số lượng, hoàn toàn có khả năng chiến thắng những quân đội có ưu thế về số lượng.

Bất luận về mặt chiến lược, chiến dịch hay chiến thuật, thiên tài của Nguyễn Huệ đều nổi bật lên ở dũng khí áp đảo địch và năng lực chế ngự toàn bộ sự phát triển biến hóa của chiến tranh, chiến dịch và chiến đấu. Quân đội Tây Sơn do ông chỉ huy đã từ những trận đánh và chiến dịch nhỏ, tiến lên đánh những trận và chiến dịch lớn, từ tiêu diệt vài ngàn tiến lên tiêu diệt vài vạn địch trong chiến đấu, từ tiêu diệt vài vạn tiến lên tiêu diệt đến 20 vạn địch trong chiến dịch. Rõ ràng là, không có tinh thần tích cực tiến công, dũng cảm

tiêu diệt địch, thì không thể làm nổi những kỳ công đó.

Trong chiến dịch đánh quân Thanh, tính vận động và cơ động nhanh chóng của quân đội Tây Sơn đã bổ sung, thay thế cho thế yếu về quân số. Chính viên bại tướng Tôn Sĩ Nghị cũng đã thấy rõ ưu điểm nổi bật đó của quân đội Tây Sơn, khi hầu chỉ kịp thốt lên "sao mà thần thế" sau lúc được tin đạo quân Hứa Thế Hanh và đồn Ngọc Hồi bị tiêu diệt.

Cố nhiên, không phải là ưu điểm của quân đội Tây Sơn chỉ thu gọn vào tính vận động nhanh chóng; cũng không phải chỉ đến chiến dịch này quân đội Tây Sơn mới có hai đặc điểm đó của quân đội cận đại. Truyền thống đánh lớn, đánh vận động đã được Nguyễn Huệ xây dựng từ các cuộc tiến công quân Nguyễn ở phía Nam, phát triển hơn nữa trong các chiến dịch tiêu diệt quân Trịnh. Nhưng đến chiến dịch này thì hai đặc điểm đó càng nổi bật hơn bao giờ hết và cũng ở trong chiến dịch này mới nổi lên rõ nét nhất sự bổ sung của tính vận động nhanh chóng để bù vào chỗ yếu về mặt quân số. Chỗ yếu nói ở đây tất nhiên là so sánh với quân Thanh. Thực ra, mười vạn quân đã là một đội quân rất lớn rồi.

Cũng như chiến thắng Chương Dương - Bạch Đằng thời Trần Quốc Tuấn, chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang thời Lê Lợi - Nguyễn Trãi và nhiều chiến thắng khác, chiến thắng Thăng Long của quân đội Tây Sơn sẽ mãi mãi tiêu biểu cho tinh thần quật cường bất khuất của dân tộc ta, mang sức mạnh vô địch của đoàn kết chiến đấu, của tinh thần anh dũng tuyệt vời của một dân tộc nhỏ, một

quân đội nhỏ nhưng anh hùng, để chiến thắng những quân đội xâm lược và phản động tay sai lớn mạnh.

Chương bốn

NGUYỄN HUỆ PHÁ TAN MỌI ÂM MƯU CÂU KẾT CỦA CÁC THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG TRONG NƯỚC, NGOÀI NƯỚC VÀ CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH TIỀN ĐÁNH NGUYỄN ÁNH Ở GIA ĐỊNH

Chiến thắng 20 vạn quân Thanh xâm lược ở những ngày đầu năm 1789 của Nguyễn Huệ là một chiến thắng lừng lẫy bậc nhất trong lịch sử Việt Nam: nó đã giữ vững nền độc lập của Tổ quốc ở cuối thế kỷ XVIII và vĩnh viễn chấm dứt nạn xâm lược của phong kiến phương Bắc luôn luôn đe dọa dân tộc Việt Nam. Nhưng không phải vì thế mà sau chiến thắng oanh liệt này, dân tộc Việt Nam, trong những năm cuối cùng của thế kỷ XVIII đã có thể bắt tay ngay vào xây dựng một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, nghĩa quân Tây Sơn đã có thể coi biên cương của Tổ quốc là bất khả xâm phạm và lãnh tụ Nguyễn Huệ đã có thể ung dung ngồi trên ngai vàng như bọn đế vương phong kiến ở các thời. Nước Việt Nam, sau chiến thắng quân Thanh, ở vào một tình thế vô cùng phức

tạp, khó khăn, đòi hỏi Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn phải có nhiều cố gắng để khắc phục, phải phát huy mọi khả năng của mình, không phải chỉ về quân sự, mà về cả các mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế và văn hóa để đưa nước nhà vượt qua những khó khăn nghiêm trọng lúc ấy.

Liên sau chiến thắng quân Thanh, trong toàn quốc, từ Nam chí Bắc, đều có nhiều vấn đề lớn phải giải quyết, nhiều vấn đề mà người lãnh đạo không thật sáng suốt và kiên trì thì không thể giải quyết nổi.

Trong khi Nguyễn Huệ đang lo đối phó với nạn xâm lược của quân Thanh ở miền Bắc thì ở miền Nam, bọn phản động Nguyễn ánh cũng đang đánh phá dữ dội vào Gia Định. Đầu năm 1789, trong khi Nguyễn Huệ chiến

thắng quân Thanh một cách vô cùng oanh liệt thì tướng của Nguyễn Nhạc là Phạm Văn Tham chỉ huy quân Tây Sơn chống giữ với Nguyễn Ánh ở Gia Định đang thất bại liên tiếp và cuối cùng đã phải đầu hàng địch. Trong tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Ánh đã đánh chiếm được cả miền Gia Định. Lợi dụng cơ hội Nguyễn Huệ và đại bộ phận quân đội của ông còn ở Thăng Long, Nguyễn Ánh có thể mưu đồ tiến công ra các căn cứ trung tâm của nghĩa quân Tây Sơn là Qui Nhơn, Phú Xuân. Đó là một khó khăn lớn, một vấn đề cấp bách ở phía Nam mà Nguyễn Huệ không thể không lo tính đến.

Ở phía Bắc, nghĩa quân Tây Sơn đã chiến thắng oanh liệt, bảo vệ được nền độc lập của Tổ quốc, nhưng nạn ngoại xâm vẫn đe dọa nghiêm trọng. Hai

mười vạn quân Thanh bị hoàn toàn tiêu diệt trên đất nước Việt Nam là một thất bại nhục nhã cho bọn xâm lược. Chúng không thể không tính đến việc trả thù. Tin Tôn Sĩ Nghị thất bại thảm hại đưa về tới Yên Kinh, vua tôi nhà Thanh vội vàng cho Phúc Khang An thay Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc lưỡng Quảng, kiêm đề đốc chín tỉnh với trọng trách điều động quân dân chín tỉnh, lấy 50 vạn quân tiến sang Việt Nam đánh trả thù cho trận thất bại thảm hại vừa qua.

Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn đã chiến thắng 20 vạn quân Thanh một cách thật nhanh chóng, thật vẻ vang, nhưng nếu tiếp theo đó lại phải đương đầu với 50 vạn quân xâm lược mới tiến sang nữa, thì trước tình hình ấy, quân đội Tây Sơn muốn giành phần thắng lợi về mình không phải là việc dễ dàng, chắc chắn lắm. Như vậy là trong những tháng đầu năm 1789, nghĩa quân Tây Sơn ở vào một tình thế thật nguy hiểm, có khả năng bị tiến đánh ở cả hai phía: ở phía Nam, bọn phản động Nguyễn Ánh đánh lên, ở phía Bắc, 50 vạn quân Thanh xâm lược đánh xuống.

Trong khi đó, nội tình Bắc Hà không phải là đã hoàn toàn ổn định. Bọn chân tay của Lê Chiêu Thống, không chạy kịp sang Trung Quốc, vẫn còn lén lút, mưu đồ khởi loạn ở một số nơi. Dương Đình Tuấn, sau khi tiễn Lê Chiêu Thống ra khỏi biên giới, đã đem một số tàn quân "cần vương" về chiếm giữ vùng Yên Thế. Tại Lạng Giang, Phạm Đình Đạt cùng hai em là Phạm Đình Phan, Phạm Đình Dữ và các con là Phạm Duật, Phạm Đình Cù, Phạm Đình Ninh cũng mưu loạn. Một người em thứ tư của Phạm Đình Đạt là

Phạm Đình Chấn cũng mộ hơn 500 hương binh hoạt động ở vùng Võ Giàng. Một số tướng lĩnh cao cấp của Lê Chiêu Thống còn ở lại trong nước cũng đem bọn tàn quân, bại tướng của mình hoạt động chống Tây Sơn ở nhiều nơi. Lê Ban hoạt động ở Nghệ An. Trần Quang Châu đánh phá các miền Kinh Bắc, Hải Dương. Lê Duy Chi, em thứ ba của Lê Chiêu Thống cùng với bọn thổ tù Hoàng Văn Đồng, Nông Phúc Tấn hoạt động mạnh ở vùng Tuyên Quang, Bảo Lạc. Tất cả những bọn này, nếu không sớm trừ diệt được, chúng sẽ phá rối trị an, làm cho dân tình khổ sở, và khi có chiến tranh xâm lược, chúng sẽ là những kẻ nội ứng đắc lực cho giặc, hoạt động phá hoại ngay trong lòng nghĩa quân Tây Sơn. Để trấn áp bọn phản động nhà Lê hoạt động trên đất Bắc Hà ở nhiều nơi như thế, quân đội Tây Sơn cần phải có ngay những hành động tích cực và mạnh mẽ thì mới đi tới thành công.

Trong tình hình suốt cả nước, từ biên giới phía Bắc tới Hà Tiên, chỗ nào cũng có kẻ thù đang lăm le tàn phá đất nước, tiêu diệt nghĩa quân, Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh Tây Sơn cần phải có một kế hoạch, một sách lược mẫu nhiệm như thế nào để đối phó với tình thế cực kỳ nguy hiểm ấy. Làm thế nào để không lâm vào thế bị động, không bị mọi kẻ thù trong nước, ngoài nước cùng tiến công một lúc ở khắp nơi, trên khắp các chiến trường. Làm thế

nào để đánh kẻ địch này mà không bị những kẻ địch khác đánh vào sau lưng, vào cạnh sườn. Xác định như thế nào cho đúng những mục tiêu chiến đấu ở từng thời kỳ để nắm chắc phần thắng lợi: kẻ địch nào đánh trước, kẻ địch nào đánh sau, kẻ địch nào không cần đánh, chỉ dùng những biện pháp không quân

sự cũng có thể chế ngự được.

Nhưng dù muốn tiến hành chiến tranh với bất cứ kẻ địch nào, việc trước tiên vẫn là phải nhìn vào dân, trông vào sức dân, xét xem quảng đại quần chúng có đủ sức tham gia chiến tranh, có đủ khả năng đưa chiến tranh đến thắng lợi hay không. Đồng thời cũng phải tranh thủ được sự đồng tình của các tầng lớp nhân dân. Trước đó nhân dân Bắc Hà đã bị nhiều năm đói kém. Khi quân Thanh sang xâm lược, nhân dân Bắc Hà càng đói trầm trọng hơn nữa, vừa mất mùa, vừa phải cung đốn lương thực cho quân xâm lược và bè lũ bán nước, vừa bị chúng cướp bóc. Người dân Bắc Hà thật là kiệt quệ. Khắp nơi, ruộng đất bỏ hoang, không người cày cấy. Công thương nghiệp đều đình đốn. Nền kinh tế Bắc Hà lúc ấy thật tiêu điều. Đời sống của nhân dân Bắc Hà thật là khổ sở cùng cực. Tình hình đó đòi hỏi một thời gian để phục hồi và củng cố mới có thể tiến hành một cuộc chiến tranh quy mô. Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh Tây Sơn không thể không thấy vấn đề cấp thiết đó.

Đối với những cựu thần nhà Lê còn lừng chừng và những sĩ phu còn hoang mang nằm chờ ở các địa phương, nghĩa quân Tây Sơn cũng cần phải có những biện pháp thiết thực để tập hợp thu dùng họ, vừa giữ chân để họ không chạy theo bọn phản động, vừa phát huy khả năng của họ phục vụ cho sự nghiệp của quần chúng.

Trước tình hình cực kỳ nghiêm trọng của nước nhà lúc ấy, Nguyễn Huệ và

nghĩa quân Tây Sơn phải lo đối phó như thế nào để vượt qua mọi hiểm nghèo. Nếu sai lầm trong đường lối, sách lược đối phó là có thể đưa phong trào Tây Sơn đến chỗ bị diệt vong nhanh chóng và đưa dân tộc Việt Nam vào bước lâm than khổ cực, nước mất nhà tan. Một cảnh tượng bi thảm sẽ hiện lên trên toàn đất nước, nếu Nguyễn Huệ không phải là người thật sáng suốt trong việc định ra đường lối giải quyết những khó khăn bậc nhất của thời đại ấy.

Để xảy ra chiến tranh ở phía Bắc thì bọn phản động Nguyễn Ánh ở Gia Định sẽ lợi dụng cơ hội nhảy ra đánh phá Qui Nhơn, Phú Xuân. Để xảy ra chiến tranh ở phía Nam, thì Bắc Hà sơ hở sẽ là điều kiện cho 50 vạn quân Thanh tiến vào xâm lược Việt Nam. Để xảy ra chiến tranh ở bất cứ phía nào cũng đều tạo cơ hội cho các nhóm phản động ở Bắc Hà tăng cường hoạt động phá hoại chính quyền Tây Sơn. Trong tình hình ấy, chiến tranh đã nổ ra được ở một nơi, thì chiến tranh nhất định sẽ nổ ra ở nhiều nơi, nghĩa quân Tây Sơn sẽ bị đánh ở tứ phía, đối phó không kịp, mà nhân dân Bắc Hà thì kiệt quệ lại chưa kịp chuẩn bị tổ chức để sẵn sàng tham gia chiến tranh, phục vụ chiến tranh. Cho nên biện pháp tốt nhất để đối phó với tình hình lúc đó là phải làm thế nào ngăn ngừa không cho chiến tranh xảy ra hoặc chưa xảy ra ngay, ở phía Nam cũng như ở phía Bắc, để nghĩa quân Tây Sơn có thời gian xây dựng đất nước, phục hồi kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, tiêu trừ dần dần từng nhóm phản động ở trong nước, tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, củng cố chính quyền, củng cố hậu phương, bảo đảm độc lập của Tổ quốc và tiến tới tiêu diệt bọn phản động Nguyễn Ánh, giải phóng Gia Định, thực hiện thống nhất nước nhà.

Đó là những biện pháp hiệu nghiệm nhất, những chủ trương đúng đắn nhất để đối phó với tình hình nghiêm trọng lúc ấy và chính Nguyễn Huệ đã có những chủ trương như vậy. Sau chiến thắng 20 vạn quân Thanh, Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn đã để mấy năm liền và dốc toàn lực ra thực hiện mọi biện pháp quân sự, chính trị, ngoại giao,

kinh tế, văn hóa, nhằm khắc phục mọi khó khăn đã xảy ra. Nhiều biện pháp rất đúng đắn, rất linh hoạt đã được Nguyễn Huệ đề ra để thực hiện.

Đối với triều đình nhà Thanh, Nguyễn Huệ dùng biện pháp ngoại giao tích cực, đặt quan hệ hữu hảo để ngăn chặn âm mưu xâm lược của họ. Đối với bọn phản động Nguyễn ánh ở Gia Định, Nguyễn Huệ sẽ dùng thanh thế sẵn có của nghĩa quân Tây Sơn và lấy sự có mặt của chính bản thân ông ở Phú Xuân để ngăn chặn âm mưu tiến lên của chúng. Đồng thời với những biện pháp ngăn ngừa chiến tranh ấy, Nguyễn Huệ lập tức cho thi hành một số biện pháp kinh tế, văn hóa và bắt đầu tiêu trừ những nhóm phản động lẻ tẻ ở Bắc Hà. Trong hơn ba năm trời từ sau chiến thắng 20 vạn quân Thanh tới khi Nguyễn Huệ chết, ông đã thực hiện thành công những kế hoạch nói trên.

Trước hết là việc đối phó với nhà Thanh, ngăn chặn 50 vạn quân xâm lược không tiến vào Việt Nam. Đây là một việc hết sức khó khăn. Dùng quân sự thì không được. Dùng biện pháp ngoại giao thì ngoại giao như thế nào để nắm

chắc phần thắng lợi, ngoại giao như thế nào để xóa bỏ được chính sách phục thù của bọn vua tôi nhà Thanh, giữ được quốc thể không thiệt thòi cho dân tộc Việt Nam. Nguyễn Huệ, với sự nỗ lực của các tướng sĩ và của toàn dân, đã vượt qua được những khó khăn ấy.

Đối với quân Thanh xâm lược, mặc dầu chúng hùng hổ, hăm he, mưu toan phục thù, nhưng chiến thắng rực rỡ của quân đội Tây Sơn và sự thất bại nhục nhã của chúng đã buộc chúng, nhất là những kẻ vừa chiến bại ở Việt Nam về phải suy nghĩ và phải chủ động đặt vấn đề giảng hòa. Tin quân đội Tây Sơn sẽ vượt biên giới đi sâu vào nội địa nhà Thanh để truy nã bọn bán nước Lê Chiêu Thống đã làm náo động cả miền Hoa Nam. Quan quân của nhà Thanh ở miền biên giới không thể không lo đối phó. Người chịu trách nhiệm về việc quân ở miền biên giới Quảng Tây lại chính là "Tả giang binh bị đạo" Thang Hùng Nghiệp, vừa chết hụt ở Việt Nam, mới chạy trốn được về tới Quảng Tây. Thang Hùng Nghiệp tự lượng thấy không thể đương đầu được với quân đội Tây Sơn, một khi Nguyễn Huệ cho quân vượt biên giới tiến sang. Cho nên y tìm cách hòa hoãn với quân đội Tây Sơn. Sáng sớm ngày mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), Thang Hùng Nghiệp từ bến Tây Long, theo Tôn Sĩ Nghị, lật đật chạy trốn lên phía ải Nam Quan, qua biên giới về nước. Vừa tới Quảng Tây, ngày 18 tháng Giêng y vội vàng viết thư cho đại tướng Việt Nam, Hám hồ hầu [1] đề nghị hoãn binh và yêu cầu Hám hồ hầu trình bày với Nguyễn Huệ những lẽ hơn thiệt về việc nên giảng hòa với triều đình nhà Thanh, Thang Hùng Nghiệp xin tình nguyện đứng ra làm trung gian điều đình.

Cũng tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Phúc Khang An, người thay quyền Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc lương Quảng, tới Quảng Tây thi hành nhiệm vụ điều động 50 vạn quân để tiến đánh Việt Nam, phục thù cho trận thất bại của Tôn Sĩ Nghị. Nhưng Phúc Khang An là người phụ trách quân lương trong đoàn quân xâm lược của Tôn Sĩ Nghị trước đây, đã chứng kiến sự thất bại nhục nhã của Tôn Sĩ Nghị, cho nên cũng thấy cái thế khó thắng của mình. Vì vậy cũng như Thang Hùng Nghiệp, Phúc Khang An cũng muốn hòa hoãn với quân đội Tây Sơn, dập tắt mưu đồ phục thù của triều đình nhà Thanh. Tới Quảng Tây, Phúc Khang An vội vàng cho viên phân phủ Thái Bình viết thư sang Việt Nam cho Ngô Thời Nhiệm nói rõ lẽ nên cùng nhau giảng hòa và Phúc Khang An cũng tình nguyện

1. Trong chiến dịch đại phá 20 vạn quân Thanh của Tôn Sĩ Nghị, đại tướng Hám hồ hầu đốc xuất hậu quân, làm đốc chiến. Có lẽ sau khi quân đội Tây Sơn vào Thăng Long, Hám hồ hầu được chỉ định đem quân truy kích bọn Tôn Sĩ Nghị lên tận biên giới, do đấy mà Thang Hùng Nghiệp viết thư cho Hám hồ hầu.

xin làm trung gian đứng ra điều đình giữa triều đình Việt Nam và triều đình nhà Thanh.

Nắm lấy thời cơ ngoại giao thuận lợi, tháng Giêng Kỷ Dậu, Nguyễn Huệ cho

Nguyễn Hữu Trù, Vũ Huy Phác sang gặp Thang Hùng Nghiệp, tháng Hai năm Kỷ Dậu lại cho Ngô Thời Nhiệm sang Quảng Tây gặp Phúc Khang An. Biết rõ bọn tướng lĩnh nhà Thanh ở Quảng Đông, Quảng Tây còn đang trong cơn hoảng sợ sau trận thất bại thảm hại ở Việt Nam, việc điều động 50 vạn quân sang đánh Việt Nam chưa thể thực hiện ngay được, quan hệ với nhà Thanh có thể tạm thời hòa hoãn, Nguyễn Huệ được rảnh tay ở phía Bắc để lo đối phó với tình hình ở phía Nam.

Cuối tháng Hai năm kỷ Dậu (1789), Nguyễn Huệ quyết định trở về Phú Xuân, trao binh quyền ở Bắc Hà cho Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Vũ Văn Dũng và trao toàn quyền giao thiệp với nhà Thanh cho Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy ích. Thượng tuần tháng Ba âm lịch, Nguyễn Huệ vào tới Nghệ An. Nguyễn Huệ cho Trần Quang Diệu làm tổng trấn Nghệ An và để lại đây một bộ phận lực lượng quân sự quan trọng, để khi cần thiết, có thể tiếp viện cho Bắc Hà, và đề phòng những bất trắc ở biên giới phía tây.

Khoảng cuối tháng Ba đầu tháng Tư âm lịch, Nguyễn Huệ về tới Phú Xuân. Sự có mặt của Nguyễn Huệ ở Phú Xuân quả thật là cần thiết và rất kịp thời. Lợi dụng cơ hội Nguyễn Huệ mắc bận ở Bắc Hà, trong những tháng đầu năm 1789, Nguyễn Ánh ở Gia Định đã tích cực chuẩn bị lực lượng để đánh ra Qui Nhơn, Phú Xuân. Nhưng tới tháng Năm nhuận âm lịch năm đó, Nguyễn ánh được tin Nguyễn Huệ đã trở về Phú Xuân và đang đóng thêm thuyền chiến, chuẩn bị đánh vào Gia Định. Nguyễn Ánh đành phải bãi bỏ ý đồ tiến đánh quân Tây Sơn. Như thế là chiến sự đã bị đẩy lùi ở cả hai miền Nam Bắc, Nguyễn Huệ

có thời gian và điều kiện lo tính những công việc nội bộ, tiêu trừ các toán tàn quân nhà Lê và ổn định đời sống nhân dân Bắc Hà.

Nguyễn Huệ hạ chiếu khuyến nông, nhằm mục đích "phục hồi dân phuêu tán. khai khẩn ruộng đất bỏ hoang" và quy định đến tháng Chín Kỷ Dậu (1789), các xã trưởng phải lập sổ đình điền khai rõ số nhân đình phuêu tán đã trở về làm ăn, số ruộng đã được khai khẩn và số ruộng đất còn bỏ hoang. Để phục hồi tình hình công thương nghiệp trong nước, Nguyễn Huệ cho viết thư cho Phúc Khang An ở Quảng Tây yêu cầu "mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hóa không ngừng đọng để làm lợi cho dân dùng". Phúc Khang An phải cho mở các cửa ải Bình Nhi, Thủy Khẩu, Du Thôn để nhân dân hai nước Việt - Trung qua lại buôn bán. Tới năm 1790, Phúc Khang An lại nhận lời để lập một nha hàng (tức thương điếm) của nhà nước Việt Nam tại phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây.

Cũng trong năm 1789, nhiều toán tàn quân của bọn phản động Lê Chiêu Thống đã bị tiêu trừ. Lê Ban quấy rối ở vùng Nghệ An bị quân đội Tây Sơn bắt sống và được tha về cho sống tự do. Mấy anh em, cha con nhà họ Phạm hoạt động ở vùng Võ Giàng, Lạng Giang đều bị quân đội Tây Sơn đánh tan tác: Phạm Đình Cù, Phạm Đình Ninh bị bắt, Phạm Đình Phan tự tử. Bọn Dương Đình Tuấn quấy rối ở vùng Yên Thế cũng bị quân đội Tây Sơn truy nã ráo riết, phải lần trốn trong rừng. Không bao lâu, Dương Đình Tuấn chết, dư đảng của chúng tan. Trong các toán phản động còn lại ở Bắc Hà, có lực lượng hơn cả là bọn

Lê Duy Chi, em ruột Lê Chiêu Thống. Chúng dựa vào một số tù trưởng thiểu số, hoạt động mạnh ở vùng Bảo Lạc, Mộc Mã, Thái Nguyên. Tướng Tây Sơn Phan Văn Chuẩn đem quân từ Thăng Long lên đánh, đồng thời thông báo cho tri phủ Thái Bình (Trung Quốc) đem

quân chặn giữ biên giới không để cho Lê Duy Chi trốn được sang đất Thanh. Bọn Lê Duy Chi bị thất bại phải lần trốn vào rừng.

Đối với nhà Thanh, từ sau khi Ngô Thời Nhiệm gặp Phúc Khang An, việc giao thiệp giữa hai nước được tiến hành khẩn trương. Tháng Ba năm Kỷ Dậu (1789), một sứ bộ Việt Nam gồm có Nguyễn Quang Hiến, Võ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cử, lên đường sang Yên Kinh gặp Càn Long. Việt Nam trao trả cho nhà Thanh tám trăm tù binh. Nhà Thanh phải đem một số cựu thần nhà Lê là bọn Nguyễn Đình Bài cùng với gia đình họ, gồm khoảng ngót một trăm người trao trả cho quân đội Tây Sơn. Càn Long yêu cầu Nguyễn Huệ, lãnh tụ Tây Sơn, (năm 1790), sang thăm Càn Long, nhân dịp lễ mừng thọ Càn Long 80 tuổi. Sứ bộ Việt Nam nhận lời. Cuối tháng Bảy năm Kỷ Dậu (1789), Càn Long làm chỉ dụ phong Nguyễn Huệ làm An-nam quốc vương. Tháng Một âm lịch, Càn Long cho sứ bộ mang chiếu phong vương sang Thăng Long. Ngô Thời Nhiệm cho người giả làm Nguyễn Huệ đứng ra nhận chiếu phong vương.

Như vậy là trong năm 1789, tình hình Bắc Hà mới bước đầu ổn định, chưa phải là một hậu phương vững mạnh để có thể tiến hành được một cuộc chiến tranh mới. Đối với nhà Thanh, mối quan hệ bang giao tuy có được cải thiện

nhieu, nhưng bọn phản động Lê Chiêu Thống vẫn được bọn phong kiến nhà Thanh nuôi dưỡng trên đất Thanh. Nạn xâm lăng vẫn còn đe dọa nhân dân Việt Nam và có thể xảy ra, nếu chính quyền Tây Sơn không giải quyết được những khó khăn ở trong nước.

Ở phía Nam, trong khi Nguyễn Huệ chưa có điều kiện đem quân vào đánh Gia Định thì Nguyễn Ánh ở Gia Định cũng tích cực tăng cường lực lượng của hã. Từ đầu năm 1789, Nguyễn ánh đã có 6 sĩ quan Pháp, hầu hết là từ Ma Cao tới, để giúp việc huấn luyện binh sĩ [1]. Tháng 7 năm 1789, giám mục Bá Đa Lộc và con Nguyễn Ánh là Cảnh, sau hơn 4 năm sang Pháp cầu viện đã về tới Gia Định. Tại Pháp, Bá Đa Lộc và triều đình Pháp đã mưu đồ ký một hiệp ước, ngày 28 tháng 11 năm 1787 tại Véc-xai-ơ (Versailles), trong đó vua Pháp nhận giúp Nguyễn Ánh bốn tàu chiến, 1.650 quân cùng súng ống đạn dược cần thiết và Bá Đa Lộc thay mặt Nguyễn Ánh xin cam kết mấy điều:

Cao tới, để giúp việc huấn luyện binh sĩ [1]. Tháng 7 năm 1789, giám mục Bá Đa Lộc và con Nguyễn Ánh là Cảnh, sau hơn 4 năm sang Pháp cầu viện đã về tới Gia Định. Tại Pháp, Bá Đa Lộc và triều đình Pháp đã mưu đồ ký một hiệp ước, ngày 28 tháng 11 năm 1787 tại Véc-xai-ơ (Versailles), trong đó vua Pháp nhận giúp Nguyễn Ánh bốn tàu chiến, 1.650 quân cùng súng ống đạn dược cần thiết và Bá Đa Lộc thay mặt Nguyễn Ánh xin cam kết mấy điều:

1. Nguyễn Ánh xin nhường hã cho Pháp đảo Côn Lôn và cửa biển Hội An.

2. Sau khi đã khôi phục được chính quyền, Nguyễn Ánh phải trả lại cho Pháp bốn chiếc tàu chiến mới như Pháp đã giúp mỗi, năm một chiếc.

3. Nguyễn Ánh phải để cho người Pháp có đặc quyền vào buôn bán ở Việt Nam và không được để một người Âu châu nào khác tới giao thương ở Việt Nam.

4. Khi nào Pháp có chiến tranh ở phương Đông, Nguyễn Ánh phải cung cấp đủ thứ: lính bộ, lính thủy, tàu bè, lương thực cho Pháp.

Với bản hiệp ước nhục nhã trên đây, tư bản Pháp bắt đầu đi sâu vào âm mưu xâm lược Việt Nam. Giám mục Bá Đa Lộc là kẻ tích cực đưa đường cho chủ nghĩa thực dân Pháp vào Việt Nam và tên phản bội Nguyễn Ánh, tham chiến ngay vàng, đã cam tâm dâng đất, xin làm tôi tớ cho người nước ngoài.

Nhưng bản thân nước Pháp lúc ấy cũng đang ở trong tình trạng rối ren. Cuộc cách mạng tư sản Pháp sắp sửa bùng nổ, triều đình Pháp còn phải lo tự vệ, không có quân đâu gửi sang Gia Định. Việc giúp Nguyễn Ánh, triều đình

=====

1. Thư của giáo sĩ Tây Ban Nha Castuera viết từ Chợ Quán (Gia Định) ngày 11 tháng 6 năm 1789 - B.E.S.E.I, nouv. sér. tome XV, n0s 3-4. 1940. p. 101.

=====

Pháp trao cho toàn quyền Pháp ở Pông-đi-sê-ry là Đờ Công-vay lo liệu. Nhưng toàn quyền Pháp ở Pông-đi-sê-ry cũng đang lo những bất trắc có thể

xảy ra, nên hắn không chịu để một phần lực lượng vũ trang của hắn cho Bá Đa Lộc đem đi nơi khác. Tuy vậy, Đờ Công-vay vẫn tạo điều kiện cho Bá Đa Lộc có tàu bè, khí giới và một số quân tình nguyện đem đi giúp Nguyễn Ánh. Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh đã đưa được hai mươi võ quan cùng năm trăm lính Pháp [1] và một số tàu bè, khí giới về Gia Định.

Với sự khuyến khích của Bá Đa Lộc, những võ quan Pháp này, sau khi đặt chân tới Gia Định, đã nỗ lực giúp đỡ Nguyễn Ánh xây dựng thêm pháo binh và củng cố thủy quân. Tháng 9 năm 1789 Nguyễn Ánh đóng thêm hơn bốn mươi thuyền chiến hạng lớn và hơn một trăm thuyền đi biển. Nguyễn Ánh lại mộ thêm các sĩ quan Bồ Đào Nha từ Ma Cao tới. Khí thế quân Nguyễn ngày càng được nâng lên. Cùng đi với Bá Đa Lộc tới Gia Định, còn có bảy giáo sĩ Pháp. Phần lớn những giáo sĩ này đều có tham gia vào những chiến dịch chống Tây Sơn sau này. Trong số những giáo sĩ ấy, có một người là Boa-xơ-răng (Boisserant) thông thạo vật lý học. Boa-xơ-răng thường làm những thí nghiệm về điện và thả những khinh khí cầu lên trời để gây hoang mang trong nhân dân, lừa bịp nhân dân là trong quân đội nhà Nguyễn có những người Pháp có pháp thuật cao cường giúp đỡ. Trước tình hình quân địch ở Gia Định như vậy, Nguyễn Huệ nhất thiết phải có thời gian để chuẩn bị một lực lượng mạnh có thể đánh địch một cách chắc thắng.

Đối với nhà Thanh, việc ngoại giao thân thiện vẫn cần phải tiếp tục. Đầu năm 1790, Ngô Thời Nhiệm lấy một võ tướng là Nguyễn Quang Thực, người làng

Mạc Điền, huyện

1. M. ??spert, Histoire des Missions dominicaines au Tonkin, Avila, 1928, p. 513

Nam Đường, trấn Nghệ An [1], giả làm quốc vương Nguyễn Huệ, cầm đầu phái đoàn gồm 150 người sang giao hiếu với nhà Thanh, nhằm mục đích thăm dò thái độ của nhà Thanh đối với chính quyền Tây Sơn và cách xử sự của nhà Thanh đối với bọn phản động Lê Chiêu Thống. Ngày 29 tháng Giêng năm Canh Tuất (1790) [2], phái bộ lên đường sang Yên Kinh. Phúc Khang An cùng các tướng lĩnh và quan lại nhà Thanh ai cũng biết quốc vương Việt Nam cầm đầu phái bộ này không phải là Nguyễn Huệ, nhưng không ai dám nói ra [3]. Phái bộ Việt Nam được nhà Thanh tiếp đón vô cùng long trọng. Ngày 29 tháng Một âm lịch (Mười một âm lịch) năm đó phái bộ mới trở về tới Thăng Long. Phái bộ này đã có ảnh hưởng lớn tới thái độ của nhà Thanh. Tháng Tư năm Tân Hợi (1791), triều đình nhà Thanh cho đem đầy bọn cừu thần nhà Lê đi các nơi. Còn Lê Chiêu Thống và gia đình hẳn đều bị giam lỏng tại "Tây an-nam dinh" trong kinh thành Yên Kinh. Như thế là với thực lực của quân đội Tây Sơn và với tài ngoại giao của các tướng lĩnh Tây Sơn, mưu đồ phục thù của bọn xâm lược nhà Thanh bị dẹp tan.

Yên tâm về việc bang giao với phía Bắc, Nguyễn Huệ quyết định đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức lực lượng vũ trang để trước hết thanh toán mọi thế lực

phản động ở Bắc Hà và tiến tới giải phóng miền Gia Định khỏi ách thống trị của Nguyễn Ánh. Trong khi đó, bọn phản động

1. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 374. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập là sách viết sau Hoàng Lê nhất thống chí lại nói người giả làm Nguyễn Huệ là Phạm Công Trĩ, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu, nhưng không có những chi tiết cụ thể đáng tin hơn.

2. Phan Huy ích, Dụ am thi văn tập, Sách chữ Hán, bản chép tay của Viện Sử học, ký hiệu H. V. 167, q. I.

3. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 374.

Lê Duy Chi cũng hoạt động mạnh. Được sự giúp sức của bọn tù trưởng Nông Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng ở vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, Lê Duy Chi và bọn cự thần nhà Lê là Nguyễn Đình Lượng lại tìm cách câu kết với những thế lực phong kiến nước ngoài, có bất mãn với chính quyền nông dân Tây Sơn ở Việt Nam. Bọn phong kiến Xiêm, từ sau trận thua cay ở Rạch Gầm - Xoài Mút, vẫn có ý muốn phục thù, tiến đánh nghĩa quân Tây Sơn. Lúc ấy, nước Xiêm đang nắm quyền khống chế nước Vạn Tượng. Xiêm đang tìm cách dụ dỗ tù trưởng các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quý Hợp (thuộc Việt Nam) theo về mình để chống lại Tây Sơn. Bọn phản động Lê Duy Chi ở Bắc Hà và các thế lực phản động ở Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quý Hợp, Vạn Tượng, Xiêm La đã liên hệ được với nhau.

Bọn phong kiến Xiêm lại bắt liên lạc với Nguyễn Ánh ở Gia Định. Mưu đồ câu kết của các thế lực phản động trong nước ngoài nước lần này là muốn mở một cuộc tổng công kích vào quân đội nông dân Tây Sơn ở khắp các mặt. Bọn phản động Lê Duy Chi sẽ từ trên đánh xuống. Bọn phản động Nguyễn Ánh sẽ từ phía dưới đánh lên và phía biển đánh vào. Những quân đội phản động Xiêm, Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quý Hợp sẽ từ phía tây đánh vào Nghệ An, Thanh Hóa. Chúng có thể phát động thêm những lực lượng phản động ở Nghệ An, Bắc Hà nổi lên để phối hợp hành động với chúng. Mưu đồ tổng công kích này khá lớn, khá quy mô, có thể gây nguy hiểm cho quân đội Tây Sơn và chính quyền Tây Sơn. Trong khối câu kết phản động này, người ta thấy vắng bóng quân Thanh xâm lược cũng là do chính sách ngoại giao khéo léo của chính quyền Tây Sơn đã trung lập hóa được bọn vua tôi nhà Thanh.

Đứng trước mối đe dọa nghiêm trọng đối với nền an ninh của Tổ quốc, Nguyễn Huệ quyết định đập tan sự câu kết của các thế lực phản động trong nước và ngoài nước.

Tháng Sáu năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Huệ cho lập sổ đình để tuyển lính và cứ ba suất đình lấy một người ra tòng quân. Nguyễn Huệ lại cho đóng nhiều thuyền chiến và nhiều tàu lớn có thể chở voi đi đường biển được [1]. Đầu năm 1791, Nguyễn Huệ cho người đi sang các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quý Hợp và nước Vạn Tượng để thông hiếu và thăm dò tình hình. Đoàn sứ giả Tây Sơn tới Vạn Tượng thì bị vua Vạn Tượng bắt giữ và giải sang Xiêm.

Tháng Năm âm lịch năm 1791 vua Xiêm cho sứ thần là Sa-lật-văn-trì Khôn-sĩ-thi-na đem sản vật và cờ trống của Tây Sơn sang Gia Định biểu Nguyễn Ánh đề khuyến khích Nguyễn Ánh tiến đánh Tây Sơn.

Cũng trong lúc này, một nhóm cự thần nhà Lê mưu loạn ở huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An [2] do Trần Phương Bính cầm đầu. Đã đến lúc cần phải hành động kiên quyết, Nguyễn Huệ mở cuộc tiến công lớn vào các tập đoàn phản động trong nước và ngoài nước. Con trai Nguyễn Huệ là Nguyễn Quang Thùy cùng các tướng lĩnh Tây Sơn ở Thăng Long được trao trách nhiệm tiến đánh bọn Lê Duy Chi.

Đốc trấn Nghệ An là Trần Quang Diệu và đô đốc Lê Văn Trung [3] được trao trách nhiệm dẹp loạn ở Nghệ An và tiến đánh các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quì hợp, Vạn Tượng. Tại Thăng Long, Nguyễn Quang Thùy cùng điều bát [4] Lợi đem quân lên Bảo Lạc, được một tướng người thiểu số là quận Diễn ở Tụ Long dẫn đường, đã đánh bắt

-
1. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 373.
 2. Huyện Thiên Lộc nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
 3. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 388. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 33, chép phó tướng là đô đốc Nguyễn Văn Uyên.

4. Điều bát là một chức quan, chưa rõ thứ bậc và nhiệm vụ như thế nào

được toàn bộ bọn phản động Lê Duy Chi, Nông Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng. Bọn này bị đưa về Phú Xuân chịu tội.

Tại Nghệ An, sau khi tiêu diệt bọn phiến loạn Trần Phương Bính tại xã Bình Lãng, ven núi Hồng Lĩnh, Trần Quang Diệu đem ba vạn quân [1] sang đánh các tập đoàn phản động ở phía tây. Tháng Sáu năm Tân Hợi (1791).

Trần Quang Diệu tiến đánh Trấn Ninh bắt được các tù trưởng xứ đó là thiệu Kiểu, thiệu Đế [2]. Tháng Tám, Trần Quang Diệu đánh thắng hai xứ Trịnh Cao, Qui Hợp. Tháng Mười âm lịch, quân Tây Sơn tiến vào Vạn Tượng. Vua Vạn Tượng là Chao Nan [3] không thể đương đầu nổi phải bỏ trốn. Trần Quang Diệu vào thành Viêng Chăn và cho quân truy kích Chao Nan. Quân Tây Sơn đánh đuổi quân Vạn Tượng tới biên giới nước Xiêm. Quân Vạn Tượng bị đánh tan. Các tướng Vạn Tượng là tả phan Dung, hữu phan Siêu đều bị chết tại trận. Vua Vạn Tượng Chao Nan chạy trốn sang Xiêm.

Việc quân đội Tây Sơn tiêu diệt toàn bộ bọn phản động Lê Duy Chi, đánh thắng Trấn Ninh, Trịnh Cao, Qui Hợp, Vạn Tượng, tiến tới sát biên giới Xiêm làm khiếp sợ các thế lực phản động ở phía Nam Việt Nam. Bọn phong kiến Xiêm và bọn phản động Nguyễn Ánh ở Gia Định không dám đem quân ứng cứu Vạn Tượng.

Chân Lạp vẫn là đồng minh cũ của Tây Sơn, nhiệt liệt hoan nghênh những chiến thắng mới của quân đội Tây Sơn,

1. Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, q. 33 chép là hơn 1 vạn quân, quyển 30 chép là 5 nghìn quân. Thư của Le Labousse ngày 16 tháng 6 năm 1792 viết là 3 vạn quân.
2. Thiệu là phiên âm chữ Hán, cũng có nghĩa như chiêu, chiếu, chao, châu đề chỉ các vua chúa, tù trưởng ở các miền người Thái.
3. Các tài liệu của ta thường viết là Chiêu Ân. Nhưng theo lịch sử Lào thì lúc ấy vua Vạn Tượng là Chao Nan tức Nanthasène làm vua từ 1781 đến 1794. Còn Chiêu Ân tức Intharavon, hoặc Sai Setthathirat III làm vua từ 1795 đến 1804.

chuẩn bị lực lượng sẵn sàng phối hợp chiến đấu [1] nếu quân đội Tây Sơn từ biên giới Vạn Tượng tiến sang đánh Xiêm hay đánh Gia Định.

Bọn giáo sĩ Pháp ở Gia Định lo sợ cuồng cuồng, chuẩn bị tìm đường chạy trốn [2]. Nhưng, nhiệm vụ của đạo quân Tây Sơn do Trần Quang Diệu chỉ huy, tới đây hoàn thành. Đầu năm 1792, Trần Quang Diệu đưa quân từ Vạn Tượng rút về Nghệ An. Như thế là khôi phục lại mối kết giữa các thế lực phản động trong nước và ngoài nước nhằm tổng công kích quân đội Tây Sơn hùng mạnh bị phá tan nhanh chóng. Đầu năm 1792, quân đội Tây Sơn tiêu diệt nốt một toán phản động nhà

Lê cuối cùng ở Bắc Hà là bọn Trần Quang Châu ở vùng Kinh Bắc. Trần Quang Châu bị bắt sống. Tình hình Bắc Hà hoàn toàn ổn định.

Năm 1792 là năm Nguyễn Huệ có đầy đủ điều kiện thuận lợi để thực hiện kế hoạch tiến đánh tập đoàn phản động Nguyễn ánh ở Gia Định. Nhưng trước khi tiến quân vào Nam, vẫn có một vấn đề cần được quan tâm đặc biệt là việc đối phó với nhà Thanh, làm thế nào để quân Thanh không mưu đồ xâm lược Bắc Hà, trong khi Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn mắc bận ở Gia Định. Để chặn giữ những bất trắc ấy không thể xảy ra, Nguyễn Huệ đã cho thi hành một số biện pháp như sau.

- Về ngoại giao, đầu năm 1792, sau những chiến thắng ở phía tây, Nguyễn Huệ cho người đem tặng phẩm sang biểu nhà Thanh. Tặng phẩm gồm có: những chiến lợi phẩm lấy được ở Vạn Tượng, những sách binh thư Việt Nam và một quyển sử viết về triều đại thối nát Lê Chiêu Thống [3]. Những tặng phẩm ấy vừa có ý nghĩa biểu dương sức mạnh của quân đội Tây Sơn, vừa nói lên lòng tự hào về nghệ

1, 2. Thư của Le Labousse ngày 16 tháng 6 năm 1792, Arch, M - E, 746, p. 359.

3. Ngụy Nguyên, Thánh vũ ký, q. 6, tờ 41.

thuật quân sự của dân tộc mình, vừa vạch rõ cho bọn phong kiến nhà Thanh biết rằng những hành động theo gót bọn phản động nhà Lê, xâm lược Việt Nam

là trái với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, không thể được nhân dân Việt Nam ủng hộ và nhất định phải thất bại.

Tiếp theo đó, Nguyễn Huệ cho người sang giao thiệp với nhà Thanh nêu vấn đề đòi lại một số đất cũ ở vùng biên giới mà các triều đại phong kiến phương Bắc trước đây đã chiếm đoạt mất [1]. Thời ấy cũng có tin đồn Nguyễn Huệ muốn đòi đất hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Nhưng sử cũ cũng đã ghi rõ "đó không phải là bản tâm của của Quang Trung" [2]. Lúc này, Nguyễn Huệ tập trung mọi chú ý vào việc thực hiện kế hoạch tiến đánh Gia Định, vấn đề đòi đất nhà Thanh được nêu lên chỉ nhằm mục đích làm cho bọn phong kiến nhà Thanh phải bận tâm về những vấn đề ngoại giao [3], không tính toán được tới những hành động võ sang xâm lược, trong khi Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn tiến hành cuộc chiến tranh chống nội phản ở Gia Định.

Về quân sự, Nguyễn Huệ chủ trương liên kết và giúp đỡ những tổ chức nghĩa quân Trung Quốc đang chống nhau với nhà Thanh, khiến triều đình nhà Thanh phải lo đối phó

-
1. Xem những bài biểu về vấn đề đòi đất trong Tây sơn bang giao tập và Quang Trung, anh hùng dân tộc Của Hoa Bằng.
 2. Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 385.
 3. Hoàng Lê nhất thống chí và một vài tài liệu khác có nói đến việc Nguyễn Huệ cho "Vũ văn Dũng sang nhà Thanh dâng biểu cầu hôn". Sự việc này không

rõ có thật không, vì lúc này Nguyễn Huệ đã 40 tuổi mà đã vẫn đề cầu hôn thì có vẻ ngang trái quá. Nhưng có điều chắc chắn rằng khoảng đầu năm 1792, bà hoàng hậu vợ cả Nguyễn Huệ ốm nặng và chết (Thư của Le Labousse ngày 16 tháng 6 năm 1792). Có thể là Nguyễn Huệ đã cho người sang Thanh báo tang hoàng hậu Việt Nam. Nhân đây, cũng có thể là sứ giả Việt Nam đã có ý định đặt vấn đề ướm hỏi cầu hôn để làm khó xử thêm cho nhà Thanh về mặt ngoại giao.

với họ, không rảnh tay để nhòm ngó Bắc Hà. Tại nội địa Trung Quốc, Nguyễn Huệ liên kết với các tổ chức Thiên địa hội ở Tứ Xuyên [1]. Tại vùng duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến, Nguyễn Huệ liên kết với các toán nghĩa quân mà bọn phong kiến đương thời gọi là "giặc tàu ô" (tàu ô nghĩa là thuyền sơn đen) và sử sách nhà Nguyễn sau này gọi họ là giặc biển Tề ngòi. Những nghĩa quân Trung Quốc ở miền duyên hải là một lực lượng tương đối quan trọng. Họ có hơn một trăm thuyền chiến. Nguyễn Huệ đã phong cho mười hai người thủ lĩnh của họ làm tổng binh và ban bằng sắc, ấn tín Việt Nam cho họ [2]. Những toán nghĩa quân này sẽ một mặt đánh phá các miền duyên hải Trung Quốc giữ chân quân đội nhà Thanh không cho chúng xâm lấn Bắc Hà, một mặt theo lệnh của Nguyễn Huệ tiến xuống vùng ven biển Bình Khang, Bình Thuận, hợp tác với quân đội của Nguyễn Nhạc cùng đánh phá vùng duyên hải Gia Định.

Sau khi thi hành mọi biện pháp đối phó với nhà Thanh, Nguyễn Huệ ấn định kế hoạch tiến đánh Gia Định như sau:

1. Quân thủy bộ của Nguyễn Nhạc và quân "tàu ô" sẽ từ Qui Nhơn, Bình Khang, Bình Thuận đánh thẳng vào Biên Hòa, Gia Định [3].

2. Bộ binh của Nguyễn Huệ sẽ từ Phú Xuân, theo đường núi xuống Nam Vang, phối hợp với quân Chân Lạp, đánh vào sau lưng Sài Gòn và chặn giữa đường biên giới Chân Lạp [4].

3. Thủy quân của Nguyễn Huệ sẽ tiến thẳng vào tận Côn Lôn, Hà Tiên, theo đường Long Xuyên, Kiến Giang, đánh ngược lên Sài Gòn [5] và chặn mọi ngã đường không cho

=====

1, 2. Hoàng Lê nhất thống chí, Bản dịch đã dẫn, tr. 383. Đại Thanh thực lục, q. 13, tờ 6b.

3. Đại Nam thực lục, Bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 157 - 158.

4, 5. Đại Nam thực lục, Bản dịch đã dẫn, t. II, tr. 155.

=====

NguyenHue1792

bọn Nguyễn Ánh chạy trốn ra các hải đảo và chạy trốn sang Xiêm.

Từ những tháng đầu năm 1792, Nguyễn Ánh đã được tin rằng Nguyễn Huệ đang chuẩn bị một lực lượng lớn gồm "hơn hai ba mươi vạn người" [1] để đánh vào Gia Định. Các giáo sĩ Pháp ở Gia Định cũng phải thừa nhận rằng

Nguyễn Huệ lúc này hùng mạnh hơn bao giờ hết và chắc chắn sẽ đàn áp được Nguyễn Ánh, nếu Nguyễn Ánh không có những biện pháp phi thường nào đó để đối phó lại [2].

Với một lực lượng hùng hậu, với một kế hoạch chặt chẽ như trên, Nguyễn Huệ quyết tâm tiêu diệt toàn bộ tập đoàn phản động Nguyễn Ánh ở Gia Định, tiến công chúng trên mọi mặt, mọi hướng, bít mọi ngã đường, không cho chúng trốn thoát khỏi Gia Định như các lần trước. Kế hoạch định xong, nhưng lúc ấy đã là mùa hè, mùa gió nồm thổi mạnh, không thuận lợi cho việc tiến quân vào Nam, quân đội Tây Sơn phải chờ tới vụ đông xuân mới xuất phát.

Trong thời gian chờ đợi đó, Nguyễn Huệ đã cho 40 thuyền chiến của quân "Tề ngò" (Trung Quốc) đi trước vào vùng Bình Khang, Bình Thuận cùng với quân đội Nguyễn Nhạc đánh phá vùng ven biển Gia Định [3]. Tháng Năm năm Nhâm Tý (1792), Nguyễn Ánh phải cho tả quân phó tướng Nguyễn Long đem binh thuyền đi phòng giữ các cửa biển. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Nhạc đã tích cực chuẩn bị lực lượng, đóng thêm nhiều thuyền chiến để ở cửa biển Thị Nại [4], nhằm phối hợp với quân đội của Nguyễn Huệ trong kế hoạch tiến công sắp tới.

Trong khi quân đội Tây Sơn từ Bình Thuận, Qui Nhơn tới Phú Xuân, Bắc Hà đều tích cực chuẩn bị tiến công Gia

=====

2. Thư của giáo sĩ Liot viết từ Tân triều (Gia Định) ngày 18 tháng 7 năm 1792, Arch, M - E, 744, p. 392.

Định như thế thì tình hình Gia Định như thế nào. Tại đây, Nguyễn Ánh cũng nỗ lực xây dựng lực lượng để đối phó với nghĩa quân Tây Sơn. Việc xây dựng lực lượng, đã được tiến hành trong năm 1789 và từ năm 1790 lại càng được đẩy mạnh hơn nữa. Trong công việc xây dựng lực lượng cho bọn phản động Nguyễn Ánh ở thời kỳ này, các quân nhân Pháp, các giáo sĩ Pháp và Bá Đa Lộc đã giữ một vai trò khá quan trọng. Về quân số và vũ khí mà tư bản Pháp đưa vào Gia Định để giúp Nguyễn Ánh, lúc ấy quả là chưa có gì đáng kể. Nhưng về mặt xây dựng các quân binh chủng, huấn luyện binh sĩ theo phương pháp châu Âu, xây dựng các thành lũy theo kiểu châu Âu, chỉ huy các cuộc chiến đấu và đặc biệt là trong việc khuyến khích, động viên, thúc giục Nguyễn Ánh và quân đội của hắn tiến công nghĩa quân Tây Sơn thì Bá Đa Lộc, các giáo sĩ Pháp và các quân nhân Pháp ở Gia Định thời đó đã đóng một vai trò rất tích cực.

Trước kia, Nguyễn Ánh còn dựa vào người Xiêm, hoặc có những lần có ý định dựa vào người Thanh, người Bồ Đào Nha hoặc các nước tư bản phương Tây khác để đánh lại nghĩa quân Tây Sơn. Nhưng từ năm 1789 trở đi, Nguyễn Ánh hoàn toàn dựa vào Pháp, một lòng trông cậy vào sự giúp đỡ của những người đại diện cho chủ nghĩa thực dân Pháp ở Gia Định thời bấy giờ. Và sự hoạt động cùng những mưu đồ thực dân đen tối của bọn này không phải là

không ảnh hưởng tới tư tưởng phản dân, phản nước của Nguyễn Ánh.

Sang năm 1790, lực lượng vũ trang của Nguyễn Ánh đã lên tới ba vạn người. Tháng Ba năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Ánh nhờ Ô-li-vi-ê đờ Puy-ma-nen (Olivier de Puymanel) và Lơ Bờ-roong (Le Brun) đứng ra xây lại thành Gia Định theo kiểu thành châu Âu. Nguyễn Ánh đã đốt nhà, chiếm đất của dân và huy động tới ba vạn dân phục dịch vào việc xây thành. Nhân dân Gia Định vô cùng cực khổ, đã nổi lên phản đối, định tìm giết bọn pháp chỉ

huy việc xây thành này [1]. Cuối năm 1790, Nguyễn Ánh đóng thêm mười lăm thuyền đi biển và một thuyền chiến lớn và cho người đi Giang Lưu Ba (tức Gia-các-ta, thuộc In-đô-nê-xi-a) để tìm mua thêm binh khí của người châu Âu. Đầu năm 1791, Nguyễn Ánh lập xưởng thủy sư lớn (tức xưởng đóng tàu) ở Gia Định và xưởng đóng thuyền chiến ở gần Mỹ Tho. Tháng Hai năm Tân Hợi (1791), Nguyễn Ánh lại nhờ một người lái buôn Bồ Đào Nha là Chu-di-nô-nhi mua giúp một vạn cây súng chim, hai nghìn cỗ đại bác bằng gang, mỗi cỗ nặng một trăm cân, hai nghìn viên đạn nổ đường kính mười tấc. Tháng Tư âm lịch, Nguyễn Ánh đóng thêm hơn một trăm thuyền chiến nữa. Tất cả những việc làm nói trên của Nguyễn Ánh đều có sự giúp sức của bọn Pháp tại Gia Định.

Nhưng mặc dầu lực lượng được tăng cường như vậy, Nguyễn Ánh vẫn không dám có ý tiến công quân đội Tây Sơn, đặc biệt là không dám nghĩ đến việc đánh lên những khu vực của Nguyễn Huệ. Điều đó chưa làm thỏa mãn tham vọng của bọn Bá Đa Lộc. Chúng muốn nhanh chóng giết người, cướp

của, chiếm đất, nhanh chóng đặt cơ sở cho chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam. Bọn Bá Đa Lộc muốn nhân lúc chúng mới mang tàu bè súng ống tới giúp Nguyễn Ánh, quân đội Tây Sơn chưa biết rõ lực lượng viện trợ ấy như thế nào, nhân dân còn hoang mang nghe ngóng mà đánh ngay thì có thể thắng. Chúng lại cho rằng những "pháp thuật cao cường" mà lên giáo sĩ Boa-xơ-răng đã đem biểu diễn tại Gia Định có thể gây ảnh hưởng lớn cho chúng trong nhân dân, có thể làm cho nhân dân Gia Định hoan nghênh, ủng hộ việc chúng và Nguyễn Ánh tiến công quân đội Tây Sơn. Nhưng Nguyễn Ánh đã không dám làm theo ý muốn của bọn Bá Đa Lộc. Nguyễn Ánh là người đã

1. Điện gửi cho lãnh sự pháp ở Quảng Châu ngày 29 tháng 12 năm 1791.
B.S.E.I., Tome XV, 1940, p. 21, note 1.

thật sự nếm mùi thất bại rất nhiều lần trước quân đội Tây Sơn, nhất là trước tài bách chiến bách thắng của Nguyễn Huệ. Nguyễn Ánh biết rõ lực lượng của quân đội Tây Sơn và biết rõ thực lực của hấn. Nguyễn Ánh thấy cần phải xây dựng lực lượng trong một thời gian dài thì họa chăng mới đương đầu được với quân đội Tây Sơn. Mặt khác, Nguyễn Ánh cũng đang rất nản lòng và khó xử đối với sự có mặt của những người Pháp và người Bồ Đào Nha ở Gia Định. Những người này đã làm cho Nguyễn Ánh mất ảnh hưởng một cách nghiêm trọng trong nhân dân Gia Định. Những quân nhân Pháp cũng như quân nhân Bồ Đào Nha lúc ấy, tuy chúng có những hiểu biết về quân sự có thể giúp

ích cho Nguyễn Ánh được, nhưng mặt khác, chúng lại là những kẻ côn đồ bất trị. Chúng vừa mang nặng đầu óc thực dân, tham tiền, tham của, tham phú quý giàu sang; vừa mang nặng tính chất "hiếu sát", "hiếu sắc" của những tên lưu manh, thô phỉ. Những tên giúp việc đắc lực nhất cho Nguyễn Ánh như Day-ô, Ô-li-vi-ê đờ Puy-ma-nen (Dayot, Olivier de Puyinanel) lại là những tên sống dân ô, buông tuồng, côn đồ nhất. Lơ La-bu-xơ (Le Labousse), một giáo sĩ giúp việc Bá Đa Lộc, trong thư gửi về Pháp ngày 28 tháng 5 năm 1790, đã phải viết rằng: "Chúng tôi rất buồn hàng ngày phải trông thấy và nghe thấy hàng nghìn chuyện sỉ nhục do những hành động mất phẩm cách của người Pháp và người Bồ Đào Nha gây ra ..." [1].

Chính những hành động tàn bạo, dân ô, truy lạc của bọn quân nhân Pháp và Bồ Đào Nha đã làm cho nhân dân Gia Định tăng thêm lòng oán ghét Nguyễn Ánh, và cũng làm cho Nguyễn Ánh phải nản lòng, mất tin tưởng ở bọn người nước ngoài này. Ở trong một hoàn cảnh mất

=====

1. G. Taboulet; La vie tourmentée de l'Evêque d'Adran, B.S.E I., nouv sér. tome XV, n0s 3 - 4, 1940, pp. 31, 22.

ảnh hưởng trong nhân dân như vậy, Nguyễn Ánh càng không dám nghĩ đến việc tiến công nghĩa quân Tây Sơn, mặc dầu bọn Bá Đa Lộc luôn luôn thúc ép. Nguyễn Ánh lúng túng, nửa muốn dùng người ngoại quốc, nửa không muốn dùng. Vì bị nhân dân Việt Nam căm ghét và không kiếm lợi được gì, đầu năm 1790, nhiều tên Pháp và Bồ Đào Nha đã cuốn gói rời khỏi Gia Định. Nguyễn Ánh cũng buộc lòng phải để cho chúng ra đi. Trong thư viết tháng 6 năm 1790,

Bá Đa Lộc phản nài rằng: "Trong năm nay, nhà vua (chỉ Nguyễn Ánh - tác giả chú thích) không đánh chác gì, những người Bồ Đào Nha đến để giúp nhà vua, đã quay trở về Ma Cao" [1]. Sự thật thì những người Bồ Đào Nha cũng như nhiều người Pháp đã ra đi khỏi Gia Định lúc ấy chính là vì họ thấy không bóc được của, hốt được vàng như họ đã tưởng [2]. Nhưng thái độ của Nguyễn Ánh đối với bọn này không dứt khoát. Nguyễn Ánh vẫn muốn dựa vào khả năng quân sự của chúng. Tuy để một số ít người Bồ Đào Nha ra đi, nhưng Nguyễn Ánh không dám để bọn Pháp ra đi hết, vẫn phải cố giữ một số để chúng giúp đỡ trong việc quân. Chính vì thế mà Nguyễn Ánh phải tìm cách làm hài lòng bọn Bá Đa Lộc. Dưới sự thúc ép của Bá Đa Lộc, tháng Năm năm Canh Tuất (1790). Nguyễn ánh cho một cánh quân gồm sáu nghìn người tiến ra đánh Bình Thuận. Nhưng tới cuối năm 1790, quân Nguyễn Ánh bị quân đội của Nguyễn Nhạc đánh bật khỏi Bình Thuận. Quân Nguyễn Ánh rút lui hẳn về Gia Định và từ đây y bỏ hẳn ý nghĩ tiến đánh quân Tây Sơn, mặc dầu bọn Pháp luôn luôn thúc giục. Nguyễn Ánh càng chậm tiến công quân đội Tây Sơn thì bọn Bá Đa Lộc càng lo và càng thúc ép Nguyễn Ánh nhiều hơn. Bọn Bá Đa Lộc muốn tiến công trước quân đội Tây Sơn không phải vì chúng tin chắc ở thắng lợi,

1, 2. G. Taboulet, *La vie tourmentée de l'Eveque d'Adran*, B.S.E.I., nouv. sér. tome XV, n^os 3 - 4, 1940, pp. 31, 22

mà chúng chỉ nghĩ rằng may ra thì thắng, nếu không, ít nhất, quân đội Tây Sơn cũng không vào tới Gia Định, làm nguy hiểm cho sự hoạt động của chúng

ở Gia Định. Trong hai năm 1791, 1792, Bá Đa Lộc đã mấy lần muốn bỏ Gia Định mà đi để khỏi nguy hiểm đến thân. Trong một thư gửi về Pháp ngày 26 tháng 5 năm 1791, Bá Đa Lộc đã phải than thở rằng: "Mặc dầu người ta đã nói hết lời, nhà vua vẫn không chịu tiến công quân địch ... Nguy hiểm sẽ tới với tôi, nhất là đối với các giáo sĩ và con chiên, nếu nhà vua một lần nữa phải thất thế, mỗi nguy hiểm đó buộc tôi phải rời khỏi nơi đây ..." [1]. Trong một thư khác viết ngày 14 tháng 9 năm 1791, Bá Đa Lộc đã nói rõ hơn lý do phải ra đi của bọn chúng: "Nhà vua đã không biết lợi dụng những phương tiện có trong tay để đánh địch ... Nhà vua đã để cho địch có thời gian hết lo ngại và nắm chắc được rằng những điều người ta đồn đại về viện trợ của châu Âu chỉ là hão huyền ... Quân đội Tây Sơn sẽ báo thù ác liệt như thế nào, nên tôi cứ cố tình ở lại đây cho đến lúc cuối cùng? Trái lại, nếu tôi rời khỏi nơi đây trước khi sự biến xảy ra và tất cả những người Pháp đều đi theo tôi thì tôi có được cách để xoa dịu quân đội Tây Sơn ... Tôi đã xin trở về Pháp ..." [2].

Những sự việc trên đây cho thấy cả Nguyễn Ánh và bọn Pháp giúp việc Nguyễn Ánh đều sợ sức mạnh của quân đội Tây Sơn, cụ thể là quân đội Nguyễn Huệ. Giữa năm 1792, bọn Bá Đa Lộc lại thúc giục Nguyễn ánh hành động, và cũng dọa sẽ bỏ đi nếu không được như ý [3].

Lần này, Nguyễn Ánh nhận lời bọn Pháp, mưu đồ xuất quân. Nguyễn Ánh biết rằng Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc

=====

1, 2, 3. Talboulet, Tài liệu đã dẫn, tr. 22 - 23.

đang chuẩn bị tích cực để tiến đánh Gia Định. Nguyễn Ánh cũng muốn nhân lúc điều kiện khí hậu chưa cho phép Tây Sơn xuất quân được, đem quân tập kích thủy quân Nguyễn Nhạc, làm hạn chế bớt tốc độ chuẩn bị của Nguyễn Nhạc.

Thấy Nguyễn Ánh nhận lời xuất quân, Bá Đa Lộc và bọn giáo sĩ Pháp vô cùng mừng rỡ, chúng liền tiếp viết thư báo tin về Pháp [1].

Tháng Sáu năm Nhâm Tý (1792), Nguyễn Ánh xuất quân từ cửa biển Cần Giò, đạo bộ binh của Nguyễn Ánh có bốn mươi tên Pháp tham gia, trong thủy quân có hai chiếc tàu chiến châu Âu do các võ quan Pháp chỉ huy [2]. Đay-ô, Van-ni-ê (Vanier), Ô-li-vi-ê đờ Puy-ma-nen đều có mặt trong trận này. Thủy quân của Nguyễn Ánh tiến tới Vũng Diên, bắt được du thuyền của Tây Sơn, biết ở Thị Nại không có phòng bị liền bí mật tiến quân lên [3]. Tới Thị Nại chiếc tàu chiến của Đay-ô tiến vào trước. Quân Tây Sơn gác ở cửa biển, tưởng là tàu buôn ngoại quốc cập bến, không đề phòng. Tàu của Đay-ô tiến vào gần, bắn dữ dội lên bờ [4]. Các thuyền chiến khác của Nguyễn Ánh cũng tiếp theo vào. Quân Tây Sơn phải rút lui. Quân Nguyễn Ánh đổ bộ lên bờ. Nguyễn Ánh cho đốt phá một số thuyền chiến Tây Sơn đậu ở bến [5]. Nguyễn Ánh chỉ dám đóng quân ở bến Thị Nại hai ngày rồi phải rút về Gia Định ngay [6].

=====

1 . Thư của Bá Đa Lộc ngày 20 tháng 6 năm 1 792, ngày 9 tháng 7 năm

1792, ngày 18 tháng 7 năm 1792. Thư của Liot ngày 18 tháng 7 năm 1792, - Cadière, Documents relatifs à l'époque de Gia Long. BEFEO, n^o 7, 1912, p. 27. Taboulet, Tài liệu đã dẫn, tr. 23.

2. Thư của Bá Đa Lộc ngày 18 tháng 7 năm 1792.

3. Đại Nam thực lục, bản dịch của Viện Sử học, t. II, tr. 158 - 159.

4, 6. Thư của giáo sĩ Tây Ban Nha Ginestar viết ngày 20 tháng 10 năm 1799 - BSEI, nouv. sér. tome XV, n^{os} 3 - 4, p. 102.

5. Đại Nam thực lục, Bản dịch, t. II, tr. 159, nói rằng Nguyễn ánh bắt được của Tây Sơn 5 thuyền chiến lớn, 30 thuyền đi biển, 40 thuyền sai và 3 thuyền của quân Tề ngòi.

Nguyễn Ánh đã thắng lợi trong trận tập kích này chủ yếu là vì quân của Nguyễn Nhạc ở Thị Nại kém cảnh giác, không đề phòng nghiêm mật.

Được tin Nguyễn Ánh đánh tập kích Thị Nại, Nguyễn Huệ quyết tâm đem quân thủy bộ vào đánh Nguyễn Ánh và bọn Pháp để trả thù cho trận thất bại của Nguyễn Nhạc ở Thị Nại [1]. Nhưng Nguyễn Huệ vẫn phải chờ thời tiết thuận lợi mới có thể xuất quân. Để yên lòng quân dân ở Qui Nhơn, Quảng Ngãi thuộc quyền kiểm soát của Nguyễn Nhạc, ngày 10 tháng 7 âm lịch tức ngày 27 tháng 8 năm 1792, Nguyễn Huệ đã gửi hịch cho quân dân miền Quảng Ngãi, Qui Nhơn. Trong bài hịch, Nguyễn Huệ vạch rõ cho quân dân Quảng Ngãi, Qui Nhơn thấy rằng quân đội của ông là quân đội bách chiến bách thắng, đi tới đâu là thắng định tới đó, đánh quân Nguyễn trăm trận thì cả trăm trận đều thắng lợi. Quân Xiêm, quân Thanh hung bạo cũng đều phải khuất phục. Ông khuyên

nhân dân Quảng Ngãi, Qui Nhơn không sợ bọn giặc Pháp, không sợ những khinh khí cầu với những tàu chiến bằng đồng của chúng. Ông nhắc nhở nhân dân nên hết lòng ủng hộ "hoàng đại huynh" Nguyễn Nhạc và ông hứa sẽ tiến quân vào giải phóng Gia Định, đánh tan bọn phản động Nguyễn Ánh và quân Pháp, "dễ dàng như bẻ chiếc củi khô mà thôi" [2].

Bài hịch này gửi đi ngày 27 tháng 8 năm 1792, thì, ngày 16 tháng 9 năm 1792, một sự kiện rất đau đớn xảy ra: Nguyễn Huệ từ trần. Năm đó ông mới 40 tuổi. Nếu như ông chưa chết và với kế hoạch tiến công của ông, bọn Nguyễn Ánh và Bá Đa Lộc khó lòng đứng vững được ở Gia Định. Và như thế, tình hình phong trào Tây Sơn và tình hình Việt Nam rất có thể đổi khác, không giống như sau khi ông đã mất. Việc Nguyễn Huệ mất năm 1792 thật là một tổn thất rất lớn cho phong trào nông dân Tây Sơn, và cho toàn thể dân tộc chúng ta ở cuối thế kỷ XVIII.

1. Thư của Le Labousse ngày 26 tháng 6 năm 1793 - Arch, M - E, 746, p. 421.

2. Bản dịch Pháp văn của bài hịch này in trong La Bissachère: Etat actuel du Tonkin ... Paris, 1812, t. II, tr. 306 - 309. Xem bản dịch lại sang tiếng Việt ở phần phụ lục sách này, tr. 434 - 437.

Chương năm

MÁY NÉT TỔNG HỢP VỀ THIÊN TÀI QUÂN SỰ CỦA NGUYỄN HUỆ

Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ đã thể hiện khá rõ nét qua những chiến công rực rỡ của ông, như đã trình bày ở các chương trên. Trong chương này, chúng tôi chỉ muốn nêu lại một cách tổng hợp những nét cơ bản nhất của thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, về hai mặt xây dựng quân đội và chỉ huy chiến đấu, và, trên cơ sở đó, thử tìm hiểu đặc điểm chủ yếu của thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ là gì.

Mấy nét tổng hợp này chỉ là mấy nét sơ bộ ghi lại, cũng như một số nhận định của chúng tôi ở đây cũng chỉ là những điểm gợi ý, những điểm mà bản thân tác giả cố gắng tìm hiểu, học tập. Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ rực rỡ lắm và phong phú lắm, đòi hỏi chúng ta nhiều công trình nghiên cứu công phu hơn nữa. Những ý kiến của chúng tôi ở đây có tính chất đề xuất một số vấn đề, để cùng các bạn tiếp tục nghiên cứu thêm sau này.

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI

ĐÀO LUYỆN BINH SĨ

Con người và kỹ thuật là những nhân tố chủ yếu quyết định sự phát triển các

phương pháp tiến hành chiến tranh và chiến đấu trong đó con người là nhân tố quyết định nhất.

Người nông dân và những người yêu nước thuộc các tầng lớp khác, một khi tham gia hàng ngũ nghĩa quân, với lòng căm thù chế độ chuyên chế hà khắc của vua quan, căm thù chế độ áp bức bóc lột của địa chủ phong kiến, với lòng yêu nước chống xâm lược, đều mang một phẩm chất mới vào trong quân đội Tây Sơn, điều mà các quân đội phong kiến phản động đương thời, kể cả trong nước và ngoài nước, không thể có được. Chính vì vậy mà họ đoàn kết được với nhân dân, được quảng đại quần chúng ủng hộ. Đó cũng là nguồn gốc của tinh thần chiến đấu cao của binh sĩ quân đội Tây Sơn. Những người phương Tây đương thời có mặt ở Việt Nam đã hết sức ca ngợi người lính Tây Sơn, gọi người lính Tây Sơn là "những người tiên khu của chủ nghĩa xã hội cận đại", vì họ đã thấy tận mắt quân đội Tây Sơn "lấy của cải của bọn quan lại và phú hào để phân phát cho dân nghèo" và thấy "những làng mạc đau khổ dưới gánh nặng thuế má hà khắc đã nhiệt liệt tuyên thệ hưởng ứng khởi nghĩa". Cho nên bất kỳ ở đâu, quân đội Tây Sơn dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ cũng được nhân dân hoan nghênh, ủng hộ.

Trong những ngày đầu gian khổ của cuộc khởi nghĩa, đứng trước những kẻ thù lớn mạnh, chỉ có mục đích chiến đấu được xác định và tinh thần quật khởi của tướng lĩnh và binh sĩ mới có thể khiến họ chiến thắng được mọi kẻ địch. Mục đích chính nghĩa của chiến tranh nông dân và chiến tranh giải phóng dân tộc đã

động viên binh sĩ, tướng lĩnh và nhân dân phát huy tinh thần chiến đấu và tính sáng tạo, tinh thần chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hy sinh quên mình. Chúng ta biết rằng các cuộc nội chiến, giữa giai cấp bị áp bức bóc lột, và giai cấp áp bức bóc lột, đều nổi bật tính chất khốc liệt, kiên quyết và không nhân nhượng trong hành động của hai bên giao chiến. Lê-nin đã nói: "Nội chiến nghiêm trọng và khốc liệt hơn bất cứ một cuộc chiến tranh nào. Từ những cuộc nội chiến của La mã cổ đại trong lịch sử các cuộc nội chiến đều như vậy, vì các cuộc chiến tranh thế giới bao giờ cũng kết thúc bằng những cuộc giao ước giữa các giai cấp giàu có và chỉ trong nội chiến giai cấp bị áp bức mới hướng mọi nỗ lực để tiêu diệt giai cấp đi áp bức đến cùng, tiêu diệt những điều kiện kinh tế đang tồn tại của giai cấp đó" [1]. Đây cũng là điều khác nhau căn bản giữa cuộc nội chiến vì tiến bộ mà quân đội Tây Sơn tiến hành với cuộc nội chiến phản tiến bộ kéo dài trong hai thế kỷ giữa quân Trịnh và quân Nguyễn. Cũng là điều khác nhau căn bản giữa binh sĩ Tây Sơn và binh sĩ Trịnh, Nguyễn. Nó cũng là nguyên nhân vì sao ngày thường thì quân lính Trịnh, Nguyễn kiêu ngạo, hung ác, thẳng tay đàn áp nhân dân, nhưng khi giao chiến thì không có gì là dững cãm, hy sinh, khi được điều động đi đánh quân Tây Sơn, hoặc khi bị quân Tây Sơn tiến công, thì từ tướng đến quân đều đùn nhau ra trận, chưa giao chiến tướng đã trốn, quân đã chạy, khi bắt buộc phải

1. Lê-nin, Toàn tập, t. 29, tr. 341, Nga văn.

giao chiến, thì rất "khôn ngoan" bằng cách "đánh vào lúc mặt trời lặn để khi có việc gì thì nhờ đêm tối mà rút lui" [1]. Còn quân Xiêm, đứng trước

quân Tây Sơn, đã luôn rùng rợn vượt núi chạy cho mau, "sợ quân Tây Sơn như sợ cọp". Ngay quân Thanh kiêu ngạo đến cao độ chỉ chờ cho "quân gậy đến nộp mình" thì trước sức tiến công mãnh liệt của quân đội Tây Sơn, đã phải rút chạy tan tành, về tới Trung Quốc vẫn chưa hoàn hồn.

Tinh thần chiến đấu cao, chiến đấu vì lý tưởng chống áp bức giai cấp, chống nô dịch dân tộc, đó là đặc điểm thứ nhất của người lính trong quân đội của Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ lấy nguyên tắc "Quân lính cốt hòa thuận, không cốt đông" [2] để xây dựng quân đội và giáo dục tướng lĩnh và binh sĩ. Đoàn kết là sức mạnh. Không phải là các vua chúa, các tướng lĩnh của các quân đội phong kiến không nói đến sức mạnh của đoàn kết trong quân đội, nhất là khi có chiến tranh. Nhưng, trong thực tế, một mặt vì không tin quảng đại binh sĩ, một mặt cần duy trì chính sách chia để trị, cho nên trong các quân đội phong kiến thời đó và các thời trước đó, đều có tổ chức những loại quân đặc biệt làm nòng cốt, có quyền hành đặc biệt, được ưu đãi hơn các quân khác. Các đội cấm quân, quân ngự tiền, ưu binh, cấm vệ, v.v. đều thuộc loại quân đặc biệt này. Ưu binh nhà Trịnh chỉ tuyển trong các trấn Thanh Hóa, Nghệ An. Thân binh nhà Nguyễn chỉ chọn trong huyện Tống Sơn. Dùng địa vị, vật chất để mua chuộc, bọn phong kiến mưu toan xây dựng một nòng cốt vũ trang trung thành với họ. Chính đó lại là nguyên nhân khiến cho nội bộ quân đội không thể đoàn kết, thường xảy ra xung đột. Cho nên,

1. Thư của Sérard đã dẫn ở trên.
2. Thư của Nguyễn Huệ gửi cho Thang Hùng Nghiệp, trong Tây Sơn bang giao tập.

không thể có đoàn kết thực sự trong các quân đội phong kiến, cũng như trong các quân đội phản động.

Khác với các quân đội Trịnh, Nguyễn, trong quân đội Nguyễn Huệ không có tổ chức loại quân đặc biệt này. Trái lại trong quân đội của Nguyễn Huệ, mỗi khi có tuyển mộ lính mới, thì những người lính mới ấy được đặt ngay dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Huệ, được phiên chế trong những đạo trung quân sống ngay bên mình người anh hùng lỗi lạc ấy. Việc tuyển mộ lính mới và cách thức phiên chế lính mới ở Nghệ An trong khi Nguyễn Huệ tiến ra Bắc đánh quân Thanh đầu năm 1789 đã chứng minh rất rõ điều đó. Thái độ đối xử và cách thức phiên chế lính mới của Nguyễn Huệ như thế đã làm nức lòng họ, làm tăng cường tinh thần chiến đấu của họ, và dưới sự chỉ huy trực tiếp của Nguyễn Huệ, kỹ thuật chiến đấu của những người lính mới ấy, cũng được bảo đảm. Thái độ đối xử và cách thức phiên chế ấy làm cho người lính mới cũng như người lính cũ không có gì cách biệt nhau lắm, về đãi ngộ cũng như về chuyên môn. Do vậy, họ đoàn kết, hòa hợp được với nhau dễ dàng.

Đoàn kết hòa thuận, là đặc điểm thứ hai của quân đội Nguyễn Huệ.

Quân đội của Nguyễn Huệ có kỷ luật nghiêm minh. Nhiều bằng chứng do các

giáo sĩ phương Tây, do các thương nhân ngoại quốc ghi lại, đã nêu bật sự hà hiếp, áp bức, cướp bóc của các quân đội Trịnh, Nguyễn đối với nhân dân, nêu bật tình trạng kém kỷ luật trong chiến đấu của binh sĩ trong các quân đội này, đồng thời nêu bật tinh thần kỷ luật của binh sĩ Tây Sơn, trong chiến đấu và đối với nhân dân. Quân đội Tây Sơn tiến đến đâu, giải phóng đến đâu thì trật tự, an ninh được lập lại ở đấy. Một hành động có thể xem là gương mẫu cho tinh thần kỷ luật của quân đội Tây Sơn là việc Nguyễn Huệ trả lại các tặng phẩm cho nhân dân chỉ ấy một ít bánh chưng làm tượng trưng cho

lòng tốt của nhân dân mà thôi. Bằng hành động dũng cảm trong chiến đấu, luôn luôn tiến lên trước trong những trường hợp nguy hiểm, gay go nhất, bằng hành động giữ kỷ luật, nhất là lúc đang chiến thắng mạnh mẽ, Nguyễn Huệ đã nêu tấm gương sáng để giáo dục tinh thần dũng cảm và tinh thần kỷ luật cho quân đội.

Có tinh thần kỷ luật cao, đó là đặc điểm thứ ba của quân đội Nguyễn Huệ. Những đặc điểm trên nêu lên cái khác nhau căn bản về nhân tố tinh thần của binh sĩ Tây Sơn và binh sĩ các quân đội phong kiến đương thời. Phẩm chất quý báu đó của tướng lĩnh và binh sĩ Tây Sơn, được phong trào khởi nghĩa và Nguyễn Huệ bồi dưỡng, phát huy, khiến họ có thể hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào, với tinh thần dũng cảm phi thường, tinh thần chịu đựng gian khổ cao độ, tinh thần kỷ luật trong mọi trường hợp.

Song, quân đội của Nguyễn Huệ không phải chỉ có tinh thần chiến đấu. Họ còn

được huấn luyện chu đáo, nắm vững được vũ khí có trong tay, biết phát huy uy lực của vũ khí. Nguyên tắc xây dựng và huấn luyện quân sự của Nguyễn Huệ là: "Quân lính cốt tinh nhuệ không cốt nhiều" [1]. Cũng như các tướng lĩnh thời đó, Nguyễn Huệ đã tiếp thu tư tưởng quân sự của Tôn Tử và nhất là của các nhà quân sự Việt Nam như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, v.v. Song, tính sáng tạo của Nguyễn Huệ là ở chỗ biết vận dụng những nguyên tắc xây dựng, huấn luyện quân đội trong những điều kiện mới. Nội dung của "tinh nhuệ" đã phong phú hơn xưa. Vũ khí của thời Nguyễn Huệ đã khác so với thời đại Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, và Lê Lợi. Người lính bộ binh không những có giáo,

1. Thư của Nguyễn Huệ gửi Thang Hùng Nghiệp, trong Tây Sơn bang giao tập.

kiếm, mà đã có súng trường. Tác chiến không phải chỉ là đánh giáp lá cà, mà đã bao gồm các giai đoạn dùng hỏa lực từ xa và xung phong giáp chiến. Sự hợp đồng giữa nhiều binh chủng trở nên phức tạp. Nhiều hình thức chiến đấu mới xuất hiện. Chiến trường cũng trở thành phức tạp, có nhiều loại địa hình khác nhau. Tác chiến xảy ra lúc thì ở địa hình hẹp, ít đồng bằng nhiều núi như ở Thuận, Quảng, lúc thì ở khu vực đồng bằng rộng rãi có nhiều sông ngòi, kênh đào, đất xốp như ở Gia Định, hoặc ở khu vực đồng bằng rộng rãi có nhiều ruộng nước xen kẽ đồng khô như ở Bắc Hà. Tất cả những điều đó đòi hỏi muốn giành được thắng lợi, binh sĩ phải được huấn luyện chu đáo, công phu. Từ ngày bắt đầu khởi nghĩa đến khi đánh tan cuộc xâm lược của nhà Thanh,

trải gần 20 năm, quân đội của Nguyễn Huệ lúc nào cũng ở trong điều kiện tác chiến liên tục. Nhân dân ta vốn có truyền thống thượng võ. Quần chúng thanh niên ta ở các thời đại trước lại có tập quán thường xuyên luyện tập võ nghệ, cho nên một khi ra tòng quân là họ có khả năng chiến đấu khả năng xuất trận được ngay. Với truyền thống ấy và khả năng ấy, người lính trong quân đội Nguyễn Huệ lại được giác ngộ tinh thần chiến đấu vì dân tộc vì giai cấp, được tôi luyện không ngừng trong điều kiện chiến đấu liên tục, nên họ có khả năng chiến đấu cao, đánh đâu thắng đấy.

Chỉ cần nêu lên những trận tiền công Gia Định, Ba Vát. Đồng Tuyên, trận đổ bộ Phú Xuân, trận đánh thủy quân Trịnh ở cửa Luộc, các trận tiêu diệt quân Trịnh ở Thúy ái, Vạn Xuân, Thăng Long, và nhất là các trận Ngọc Hồi, Khương Thượng, khi đánh quân Thanh, cũng đủ để chứng minh rằng trình độ chiến thuật, kỹ thuật của tướng lĩnh và binh sĩ của Nguyễn Huệ rất cao, đánh giặc có mưu mẹo, biết cơ trí, linh hoạt, động tác chiến đấu rất mãnh liệt. Khác với binh sĩ của các quân đội thời đó, quân đội Nguyễn Huệ rất cơ động, linh hoạt trong tác chiến. Thọc rất sâu, đánh rất

bất ngờ, cơ động rất táo bạo, xung phong mạnh, khuếch trương chiến quả mạnh, truy kích mạnh, đó là đặc điểm về kỹ năng chiến đấu của quân đội Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ trong khi giáo dục lòng quả cảm và kỹ thuật chiến đấu cho tướng lĩnh, binh sĩ Tây Sơn, ông không quên nói đến mưu trí. Trong thư gửi Thang Hùng Nghiệp, Nguyễn Huệ cũng nói: "Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải tay mạnh đè yếu, lấy nhiều hiếp ít" [1]. Mềm dẻo

nói đây tức là cơ trí, linh hoạt. Đánh thắng không phải chỉ vì số lượng, mà vì mưu trí. ở đây, Nguyễn Huệ đã "gặp" một trong những người nổi tiếng của nước Nga ở thời đại đó, là Ru-mi-an-xép, người đã giáo dục cho tướng lĩnh và binh sĩ Nga theo tinh thần: "Phải cố gắng đánh địch nhiều bằng mưu to hơn là thực lực và dùng biện pháp tiến công để bù vào sự thiếu sót về lực lượng" [2].

Có trình độ chiến thuật và kỹ thuật cao đó là đặc điểm thứ tư của quân đội Nguyễn Huệ. Cho nên, quân đội Nguyễn Huệ vừa có tinh thần chiến đấu cao, có kỷ luật chặt chẽ lại vừa có tài nghệ. Điều đó khiến họ trở nên gan dạ anh dũng, một người địch nổi mười người, đánh đâu được đấy như chúng ta đã biết.

Chúng ta biết rằng nhân tố tinh thần tác động rất mạnh đến tính chất các kế hoạch chiến lược và kế hoạch chiến dịch. Khi làm kế hoạch chiến lược, song song với việc tính toán các nhân tố khác, phải tính toán đến tình trạng tinh thần của nhân dân và quân đội của cả hai bên. Điều đó, tất nhiên bọn vua chúa, tướng lĩnh phong kiến, bọn Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh, bọn chiêu Tăng, chiêu Sương ...

-
1. Thư của Nguyễn Huệ gửi Thang Hùng Nghiệp, trong Tây Sơn bang giao tập.
 2. L.N. Pu-nhin, Cu-tu-dốp, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1963, t. I, tr. 20.

không thể tính toán chính xác được. Kế hoạch chiến lược của họ biểu hiện sự mất cân đối giữa mục đích chiến lược quá cao và khả năng chiến lược quá thấp, vì họ đánh giá quá cao lực lượng bản thân, đánh giá quá thấp lực lượng của đối phương. Còn Nguyễn Huệ, vốn xuất thân từ nhân dân lao động, có một tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, lý tưởng, ý chí chiến đấu như quảng đại quần chúng lao động, nên đã "tính toán" được những khả năng vô tận của nhân tố tinh thần, đã biến được sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất.

Chiến thuật trực tiếp gắn liền với sự hoạt động của đông đảo quần chúng binh sĩ và chỉ huy. Vì vậy chiến thuật là nơi phản ánh rõ ràng chất lượng tinh thần và kỹ năng chiến đấu của quân đội. Với cùng một loại vũ khí, làm sao quân đội Nguyễn Huệ có thể giải quyết thành công vấn đề chọc thủng các thành lũy kiên cố, điều mà quân Trịnh, quân Nguyễn tỏ ra bất lực? Cùng có những phương tiện bảo đảm vận động tương tự, cùng hành động trên một địa hình, vì sao quân đội Nguyễn Huệ lại tỏ ra có tính cơ động rất cao, cao hơn với bất cứ quân đội nào hồi đó? Vì sao Nguyễn Huệ có thể vượt hẳn từng khu vực đất đai rộng lớn, đưa quân đội nhảy sâu vào trong lòng địch, sâu vào sau lưng địch? Vì sao Nguyễn Huệ có thể đề ra những yêu cầu rất cao đối với quân đội, đề ra những nhiệm vụ rất nặng đối với binh sĩ và chỉ huy thuộc quyền? Không có tinh thần chiến đấu cao và trình độ chiến thuật kỹ thuật cao của toàn quân thì không thể làm nổi những việc đó.

Tính cơ động cao, khả năng giải quyết những nhiệm vụ nặng nề phức tạp của quân đội Nguyễn Huệ bắt nguồn từ tinh thần dũng cảm và thành thạo về kỹ năng chiến đấu của quân đội. Công lao của Nguyễn Huệ là đã biết sử dụng nhân tố tinh thần đó làm cơ sở cho những phương pháp chiến đấu mới, những hình thức đấu tranh mới. Do đó những kế hoạch chiến lược, chiến dịch, những nhiệm vụ

chiến thuật mà Nguyễn Huệ đề ra là phù hợp với khả năng chiến lược, chiến dịch và chiến thuật.

Quân đội Tây Sơn dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ là một quân đội bách chiến bách thắng. ở nước ta thời bấy giờ nơi nào và lúc nào có quân đội đó, có Nguyễn Huệ, thì có thắng lợi.

Những điều trên đã nói lên vai trò quyết định của con người binh sĩ của Nguyễn Huệ trong việc phát triển nghệ thuật giữa quân sự của nước ta trong thời đại đó.

SỬ DỤNG VŨ KHÍ

Như các phần trên đã đề cập, ở nước ta, trong việc trang bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật cho các quân đội phong kiến ở thế kỷ XVII và XVIII, đã có nhiều thay đổi quan trọng so với các thế kỷ trước. Những thay đổi này biểu hiện chủ yếu trên các mặt sau đây: trong bộ binh, bên cạnh các thứ vũ khí bạch binh như gươm, trùy, giáo, nỏ cung các loại, máy ném đá, v.v. đã xuất hiện vũ khí thuốc

cháy như các loại súng trường. Các phương tiện hỏa công trên biển và hỏa hồ trên đất, dùng các loại nhựa để đốt cháy, đã được dần dần thay thế bằng các loại súng đại bác với số lượng nhiều hơn (ở thế kỷ XV, XVI đã có đại bác, song tác dụng của nó còn kém, trọng lượng nặng, số lượng ít, căn bản chưa thành một binh chủng độc lập). Trong thủy quân có hai biến đổi quan trọng: bên cạnh những thuyền chèo đã có những thuyền buồm với trọng tải ngày càng lớn, và trên các thuyền chiến có đặt nhiều đại bác. ở thời đại đó nước ta chưa có các loại khí tài kỹ thuật có máy móc, động cơ, nhưng so với trước, các vũ khí kiểu mới đó đã là một trong những nhân tố quyết định sự thay đổi phương pháp và hình thức chiến đấu, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển nghệ thuật quân sự lên một bước mới, cao hơn.

Song, so với các quân đội cùng thời ở châu Âu thì vũ khí mới đó của ta còn có những nhược điểm như: súng trường là loại súng nòng trơn, tầm bắn xa chừng 100 mét, lại là

loại súng hỏa mai, chưa có lưỡi lê. Do đó, nó có thể sát thương địch ở tầm xa, những bắn không chuẩn xác lắm, và bên cạnh người lính cầm súng, vẫn cần có người lính cầm bạch binh đi kèm để xung phong. Tách rời người lính cầm bạch binh, tác dụng của người lính cầm súng giảm đi, và ngược lại. Do đó, chiến đấu vẫn là đánh gần, kết hợp cả hai yếu tố hỏa lực và xung lực để sát thương địch. Vì tốc độ bắn chậm, súng trường chưa được trang bị cho kỵ binh. Kỵ binh vẫn dùng bạch binh để phóng, chém. Đại bác có những nhược điểm như nạp đạn từ đầu nòng, nặng nề, cồng kềnh, thường chỉ đặt cố định trên thành

lũy. Việc sử dụng đại bác trong chiến thuật còn nằm trong phạm vi phòng ngự, chưa thành một vũ khí lợi hại của tiến công, trừ khi tiến công có tính chất trận địa đánh thành và các đồn lũy phòng thủ. Trong thủy quân, thuyền buồm của ta không khác thuyền buồm của phần lớn các nước Âu châu, trừ thủy quân của Anh - Pháp lúc đó đã có thuyền chiến chạy bằng máy. Các loại khí tài khác, chưa có thay đổi nào đáng kể. Vận động chủ yếu vẫn phải dựa vào hai chân của người lính bộ binh. Voi được dùng làm sức mạnh để đột kích.

Về trang bị, trong những năm đầu, vũ khí thủ yếu của nghĩa quân Tây Sơn là gậy gộc, giáo mác, súng ống, đạn dược có rất ít. Tới những chiến dịch đánh Gia Định, theo báo cáo của Bá Đa Lộc tại triều đình Pháp [1], thì nghĩa quân Tây Sơn khi ấy, năm người mới có một người có súng và thủy quân Tây Sơn đã có đại bác đặt trên thuyền chiến, còn lục quân chưa có đại bác. Nhưng từ năm 1786 trở đi, với những chiến dịch đánh ra Bắc của Nguyễn Huệ, quân đội Tây Sơn đã có hỏa lực rất mạnh, có nhiều súng, nhiều đại bác và một loại hỏa lực đặc biệt gọi là "hỏa hổ".

1. Báo cáo của Bá Đa Lộc với vua Pháp tại Paris ngày 5 hoặc ngày 6 tháng 5 năm 1787, dẫn trong Al. Faure: Les Francais en Cochinchine au XVIII^e siècle. Mgr Pigneau de Béhaine, évêque d' Adran. Challamel, Paris, 1891, p. 81.

Như vậy, về mặt trang bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật, quân đội Tây Sơn về căn bản không khác gì các quân đội Trịnh, Nguyễn, Xiêm, Thanh thời đó.

Vậy thì vũ khí và binh khí kỹ thuật đã đóng vai trò và gây tác dụng như thế nào trong việc phát triển nghệ thuật quân sự của quân đội Nguyễn Huệ?

Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng, ngay trong điều kiện trang bị còn kém xa so với các quân đội phong kiến, quân đội Tây Sơn vẫn chiến thắng oanh liệt. Tinh thần chiến đấu cao của nghĩa quân đã biến thành sức mạnh vật chất áp đảo các quân đội phong kiến có vũ khí nhiều hơn, tốt hơn nhưng tinh thần chiến đấu kém. Thắng lợi càng nhiều, càng lớn, trang bị vũ khí càng được tăng cường, cải tiến, sử dụng vũ khí càng thành thạo, thực luyện, thì tất cả những cái đó đã tác động trở lại tinh thần chiến đấu của nghĩa quân, khiến sức chiến đấu của nghĩa quân càng được nâng cao, nghệ thuật quân sự càng phát triển nhanh chóng và vững chắc. Điều đó nói lên rằng, bên cạnh tác dụng quyết định của tinh thần chiến đấu, vũ khí đã đóng một vai trò quan trọng. Nó biểu hiện trên các mặt: tăng cường vũ khí về số lượng, cải tiến vũ khí về chất lượng, tăng thêm tính năng chiến thuật và sử dụng nó một cách đúng đắn.

Trong quân đội Tây Sơn, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ, tỷ lệ trang bị súng trường đã ngày càng cao. Việc tăng cường số lượng súng trường đã thực tế tăng sức mạnh của bộ binh, vì rằng súng trường là "hỏa lực" của người lính bộ binh. Từ các trận đánh ở Gia Định và trên miền Bắc, số lượng bạch binh tuy còn khá lớn, nhưng súng trường đã chiếm một tỷ lệ quan trọng. Chiến đấu là sự tiến triển từ xa đến gần, là sự phát huy tương đối nhịp nhàng tác dụng của bạch binh và súng trường. Từ đó dẫn đến một sự thay đổi quan trọng trong

chiến thuật: từ chiến đấu của bộ binh chủ yếu dựa vào xung lực để đột kích, đã chuyển hóa thành đột kích bằng xung lực - hỏa lực. Tuy rằng về mặt

chất lượng, súng trường chưa có những cải biến đáng kể, nhưng chiến thuật đã phát triển lên một bước mới. Cho lên sức chiến đấu của bộ binh Tây Sơn tăng lên rất nhiều: trong điều kiện quân số ít hơn, nhưng có ưu thế tinh thần và ưu thế hỏa lực, bộ binh Tây Sơn vẫn mạnh ngang hoặc mạnh hơn bộ binh của Trịnh, Nguyễn. Cũng từ đó mà có quan điểm "Quan lính cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều" của Nguyễn Huệ.

Từ thế kỷ thứ XVII, pháo binh đã giữ một vai trò quan trọng trong phòng ngự thành lũy và trong thủy chiến. Quân đội Tây Sơn là một quân đội tiến công, cho nên vấn đề đặt ra là làm sao phát huy được uy lực sẵn có của pháo binh, biến các khẩu đại bác thành phương tiện vừa dùng để phòng ngự, vừa dùng để tiến công, vừa đặt cố định ở thành lũy vừa di chuyển được khi chiến đấu dã ngoại. Quân đội Tây Sơn lại là một quân đội có tính cơ động cao, việc di chuyển pháo theo bộ binh là một vấn đề khó giải quyết. Để khắc phục khó khăn đó, quân đội Nguyễn Huệ phát triển việc dùng voi di chuyển đại bác. Do đó pháo binh đã chiến phát triển, mặc dù trình độ kỹ thuật còn nhiều hạn chế, chưa dùng được trên nhiều loại địa hình. Từ một phương tiện chuyên dùng để phòng ngự trong tay quân đội Trịnh, Nguyễn có tác dụng làm cho đối phương hoảng sợ vì tiếng nổ nhiều hơn là tác dụng phá hoại, sát thương, pháo trong tay quân đội Nguyễn Huệ trở thành một phương tiện tiến công có tác dụng phá hoại, sát thương thực sự, cộng với những tác dụng tâm lý và che mắt, làm ngạt

thở (đạn nổ, có nhiều khói). Pháo binh bắt đầu trở nên đắc lực, tăng thành phần hỏa lực trong chiến đấu lên rất nhiều.

Pháo binh đã chiến xuất hiện đã thực sự tăng thêm thành phần chiến thuật (hỏa lực) cho lực quân. Khi tác chiến, pháo binh chuẩn bị và yểm hộ cho bộ binh, tượng binh xung phong vào trận địa.

Quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy được trang bị đại bác với số lượng khá lớn so với các quân đội đương thời, và có đủ các loại đại bác nhẹ, nặng. Đó cũng là một ưu thế của quân đội Tây Sơn.

Chúng ta biết rằng các chúa Nguyễn, chúa Trịnh thường mua súng trường, đại bác của người phương Tây. Chắc chắn rằng những khẩu đại bác đó đã chuyển về tay quân đội Nguyễn Huệ. Những chiến lợi phẩm này, và những đại bác tự sản xuất, đã tăng số lượng lên mức độ khá lớn trong quân đội Tây Sơn. Những con số đại bác mà quân Nguyễn thu được trong những trận phản công thắng lợi (sau khi Nguyễn Huệ chết) chứng minh sức mạnh của pháo binh Tây Sơn. Như trong trận Khố Sơn năm 1793, với 4 nghìn quân phòng ngự, quân đội Tây Sơn có trên 35 đại bác gang và đồng [1]; năm 1801, tại cửa ải La Qua, quân Tây Sơn đã đặt trên 80 đại bác để phòng thủ [2] ; đến trận rút lui trên sông Gianh năm 1802, sau khi đột phá lũy Trấn Ninh không thành công, quân Tây Sơn đã để lại một số lượng đại bác rất lớn: 7 trăm khẩu [3]. Cũng cần thêm rằng, về mặt tính năng kỹ thuật chiến thuật và uy lực sát thương phá hoại, đại bác Tây

Sơn hoàn toàn không kém đại bác của các nước phương Tây mà quân đội nhà Nguyễn có, là loại đại bác gang, nặng một trăm cân mỗi khẩu, với đạn có đường kính mười tấc [4]. Sử Sách nhà Nguyễn và các sĩ quan thực dân Pháp giúp Nguyễn ánh khi mô tả các trận chiến đầu, đã nêu lên sức mạnh đáng sợ của pháo binh Tây Sơn.

Trong quân đội Nguyễn Huệ, ngoài việc sử dụng pháo binh, còn trang bị một cách rộng rãi hỏa hổ, là một loại súng dùng để tung lửa, có thể xem hỏa hổ là một loại pháo

=====

1. Đại Nam thực lục, Bản dịch, t. II, tr. 173.
- 2, 4. Đại Nam thực lục, t. II. tr. 387, 137.
3. Đại Nam thực lục, t. III, tr. 6.

hạng nhẹ, tuy tác dụng của nó chỉ là đốt phá. Loại phương tiện đặc biệt này được trang bị cho tất cả các binh chủng thuộc lục quân: bộ binh, kỵ binh, tượng binh. Đây cũng là một ưu thế của quân đội Tây Sơn. Khi chiến đấu xa sự chỉ viện của pháo binh, hoặc sự chi viện đó không cần thiết nữa, thì bộ binh, kỵ binh, tượng binh dùng hỏa hổ để đốt cháy doanh trại, công sự, sinh lực của địch. Trước những đám lửa nhựt tung ra, bám vào thân thể, cả người lẫn voi, ngựa của địch đều hoảng sợ.

Trong tay Nguyễn Huệ, voi trở thành một phương tiện chiến đấu có nhiều tác dụng lợi hại. Các quân đội phong kiến đương thời đều sử dụng voi thành một

phương tiện đột kích. Đội tượng binh quân Trịnh là một đội tượng binh nổi tiếng. Quân đội Tây Sơn cũng có một đội tượng binh lợi hại dùng để đột kích. Bản thân con voi có sức vận động dẻo dai. Nó dùng vòi và sức nặng của toàn thân để đánh phá. Để tăng thêm tính năng chiến đấu của voi, Nguyễn Huệ đã cho voi mang đại bác trên mình hoặc kéo theo sau. Do đó, voi vừa là phương tiện cơ động, vừa là phương tiện đột kích, vừa là phương tiện của hỏa lực. Đoàn tượng binh của Nguyễn Huệ tự nhiên trở thành một binh chủng hợp thành, có đầy đủ ba thành phần chiến thuật: cơ động, đột kích, hỏa lực. Đó là một chất lượng mới mà các đội tượng binh của các quân đội Nguyễn, Trịnh, Thanh không có, và nó chính là một ưu thế của quân đội Nguyễn Huệ. Đoàn tượng binh Tây Sơn đã là mối khiếp sợ cho các quân đội phản động phong kiến đương thời, kể cả trong nước và ngoài nước.

Trong thủy quân, công lao của Nguyễn Huệ cũng rất lớn. Nguyễn Huệ có nhiều kinh nghiệm chiến thắng trong các trận thủy chiến với quân Nguyễn, quân Xiêm, là hai quân đội có nhiều sở trường về thủy chiến. Thấy rõ tính chất địa hình và địa thế của nước ta, thấy rõ vai trò của thủy quân, Nguyễn Huệ dồn nhiều nỗ lực để xây dựng một

thủy quân hùng mạnh. Cuối đời Nguyễn Huệ, thuyền chiến Tây sơn có những thay đổi quan trọng: sức trọng tải và hỏa lực của thuyền chiến được tăng lên khá cao. Theo Ba-ri-di (Barisy), một người Pháp đã từng "giúp" chúa Nguyễn chống lại Tây Sơn thì thủy quân mà Nguyễn Huệ để lại cho Nguyễn Quang

Toàn là một thủy quân mạnh, gồm đủ các loại hạm thuyền lớn nhỏ. Ba-ri-di kể rằng: trong trận Thi Nại năm 1801, thủy quân có 9 thuyền chiến loại lớn, mỗi thuyền chiến được trang bị 60 đại bác và có 7 trăm lính, 5 thuyền chiến loại vừa, mỗi cái mang 50 đại bác và có 5 trăm lính, 40 thuyền chiến loại nhỏ, mỗi cái mang 16 đại bác và có 2 trăm lính, cùng 5 trăm thuyền chiến khác, trang bị 1 đại bác loại lớn hoặc loại nhỏ, chở từ 50, 70 đến 150 lính mỗi thuyền [1]. Vẫn theo Ba-ri-di, trong trận đó, Nguyễn ánh có 26 thuyền chiến, mỗi cái mang 1 đại bác và chở 2 trăm lính.

Những tài liệu trên đây có thể cho chúng ta thấy rằng, về các mặt kỹ thuật đóng tàu trang bị, sức trọng tải, thuyền chiến Tây Sơn mạnh hơn hẳn so với quân Nguyễn và quân Trịnh thời đó. Do được trang bị nhiều pháo binh và chở nhiều lính chiến đấu, mỗi thuyền chiến của thủy quân Tây Sơn đã trở thành một đơn vị chiến thuật có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ tương đối phức tạp, một lực lượng đột kích đường biển đáng sợ cho các quân đội phong kiến phân động. Se-nhô (J.B. Chaigneau), một sĩ quan Pháp đã từng tác chiến với thủy quân Tây Sơn cũng viết: "Trước khi nhìn thấy thủy quân của địch (chỉ thủy quân Tây Sơn – Tác giả chú thích), tôi rất khinh thường, nhưng tôi bảo đảm với các anh rằng đó là sai lầm. Họ có những thuyền chiến mang 50 và 60 đại bác lớn ..." [2]. Với

-
1. Thư của Barisy ngày 11 tháng 4 năm 1801, Arch, M-E 801, p. 867.
 2. Cadière, Document relatif à l'époque de Gia Long ... p. 40

thủy quân đó, Nguyễn Huệ đã từng đánh tan thủy quân Nguyễn, Trịnh, Xiêm, trong nhiều trận thủy chiến ác liệt nhưng rất oanh liệt, phát huy cao độ truyền thống Bạch Đằng quang vinh của thời đại trước.

Từ những nghiên cứu trên, chúng ta thấy rõ ràng: về chất lượng, vũ khí và phương tiện kỹ thuật của quân đội Tây Sơn chưa có những cải tiến lớn lao, nhưng vì số lượng được tăng cường, vũ khí thuốc cháy các loại được sử dụng với một tỷ lệ khá lớn và ngày càng tăng, cho nên thành phần và sức mạnh hỏa lực trong quân đội Tây Sơn trở thành mạnh hơn lên. Pháo binh của lục quân và pháo binh thủy quân trở thành một binh chủng quan trọng. Điều đó không thể không dẫn đến những thay đổi về phương pháp sử dụng pháo binh, và những thay đổi về hình thức, phương pháp tác chiến nói chung.

Tổ Chức Các QUÂN BINH CHỦNG

Trong hai phần trên đã nghiên cứu con người và vũ khí trong quân đội Tây Sơn. Những lực lượng lớn lao đó về người và vật chất cần được tổ chức thật khéo léo, vì nghệ thuật quân sự ảnh hưởng đến tổ chức quân đội, đồng thời nghệ thuật quân sự trong quá trình phát triển lại phụ thuộc vào tổ chức của các lực lượng vũ trang.

Những yếu tố mới xuất hiện trong người lính (tinh thần chiến đấu, tinh thần kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tinh thần chịu đựng gian khổ, v.v.), những yếu tố mới

xuất hiện trong vũ khí và trang bị kỹ thuật (cải tiến chất lượng, tăng cường số lượng, v.v.) đã đặt cơ sở vững chắc cho việc nâng cao chất lượng của quân đội, đặt cơ sở cho việc phát triển một cách khá cân đối các thành phần đột kích, hỏa lực và cơ động trong quân đội, mở rộng phạm vi tác chiến trên đất liền và trên biển, do đó tạo khả năng rất lớn cho chiến

lược chiến dịch và chiến thuật. Nếu biến được khả năng đó thành hiện thực thì nghệ thuật quân sự sẽ có những phương tiện rất mạnh bảo đảm tiến hành chiến tranh thắng lợi. Vấn đề tổ chức quân đội một cách khoa học nổi lên hàng đầu trong những điều kiện bảo đảm sự chuyển biến đó. Tổ chức ấy là cả một quá trình tiến triển theo quá trình của chiến tranh. Kinh nghiệm của nhiều cuộc chiến đấu, chiến dịch khác nhau, trên những địa hình, chiến trường khác nhau, với những kẻ thù khác nhau đã tạo điều kiện cho Nguyễn Huệ không ngừng cải tiến, hoàn chỉnh tổ chức quân đội Tây Sơn. Cho đến trước khi mở chiến dịch tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, về tổ chức quân đội Tây Sơn đã có những thay đổi căn bản lớn, có tính chất toàn diện.

Công lao đầu tiên của Nguyễn Huệ trong lĩnh vực này, là biết phát triển một cách tương đối nhịp nhàng các binh chủng và đưa thủy quân lên hàng quân chủng. Đó là một việc làm có ý nghĩa cách mạng trong việc tổ chức quân đội của nước ta, từ thời xưa cho đến thế kỷ XVIII.

Trong tất cả các quân đội phong kiến thời đó, binh chủng chủ yếu đã thành hình rõ rệt nhất hàng mấy thế kỷ trước là bộ binh. Bộ binh là lực lượng đột kích cơ

bắn, dùng phương tiện bạch binh kết hợp với sức xung phong của người lính mà đột kích đối phương. Được xếp vào lực lượng đột kích ở nước ta còn có tượng binh, dùng sức nặng của voi để đè bẹp đối phương, kết hợp với cung, tên, súng phun lửa bắn phóng vào địch. Bộ binh là cơ bản vì có thể sử dụng được trong tiến công và phòng ngự; còn tượng binh thông thường chỉ dùng trong tiến công. Bộ binh được sử dụng trên mọi địa hình, còn tượng binh do sức cơ động bị hạn chế, nên tuy có sức mạnh, vẫn chỉ đóng vai trò hỗ trợ cho bộ binh.

Đã có từng thời kỳ, kỵ binh trở thành binh chủng chủ yếu trong quân đội. So với bộ binh, kỵ binh không khác gì về sức đột kích (vẫn là người và bạch binh) nhưng có ưu điểm là cơ động nhanh chóng, thích hợp với chiến đấu ở dã ngoại.

Song, bộ binh, tượng binh, kỵ binh của các quân đội thời đó đều thiếu hỏa lực. Đứng trước thành lũy kiên cố, bên tiến công chỉ có thể dùng bộ binh lấy sức mạnh của số đông, đặt thang trèo thành, rồi dùng bạch binh diệt địch. Pháo binh được sử dụng để chuẩn bị cho việc xung phong của bộ binh, với mức độ rất hạn chế. Bên phòng ngự cũng chỉ có một cách là dùng bộ binh giữ thành, chống lại xung phong trèo thang của đối phương, dùng pháo binh để bắn khi địch tiếp cận. Tuy vậy, trong phòng ngự, pháo binh còn phát huy được tác dụng nhiều hơn bên tiến công.

Nguyễn Huệ tỏ ra quan tâm đến sự phát triển nhịp nhàng của các binh chủng trong lực quân. Quan tâm đó trước hết tập trung vào việc tăng hỏa lực và xung lực cho bộ binh, khiến bộ binh có sức đột kích mạnh, nhất là khi chiến đấu dã ngoại. Việc trang bị cho các đơn vị bộ binh những khẩu pháo dã chiến, làm cho thành phần hỏa lực của bộ binh tăng lên rất nhiều.

Sự quan tâm đó còn thể hiện ở chỗ tổ chức những đơn vị pháo binh độc lập: binh chủng hỏa lực thành hình, phát huy được tính ưu việt của nó trong phạm vi sử dụng rộng rãi.

Cũng như pháo binh, kỵ binh và tượng binh một mặt được biên chế vào trong các đơn vị bộ binh, như những thành phần của sức đột kích, một mặt khác được tổ chức thành các đơn vị độc lập.

Vì vậy bộ binh của quân đội Tây Sơn thực sự là binh chủng chủ yếu của lực quân. Nó là chủ yếu, không phải về mặt hình thức, về mặt chiếm tỷ lệ lớn nhất trong quân đội như trong các quân đội Trịnh, Nguyễn mà là vì nó có thể hoàn thành mọi nhiệm vụ, trong các hình thức chiến đấu khác nhau. Tính hơn hẳn của bộ binh Tây Sơn, so với quân Trịnh, quân Nguyễn là ở chỗ nó có hỏa lực mạnh; có sức cơ động khá và có sức đột kích lớn. Bộ binh quân Thanh

không có tượng binh, vì thế sức đột kích kém bộ binh Tây Sơn trên một mức độ nhất định. Tổ chức bộ binh của quân đội Tây Sơn dẫn đến một phương pháp mới trong thực hành chiến đấu: tác chiến của bộ binh đã vượt phạm vi

đơn thuần bộ binh mà tiến vào phạm vi tác chiến hợp đồng các binh chủng. ý nghĩa cách mạng trong tổ chức quân đội Tây Sơn thể hiện trước hết ở điều đó.

Do nhu cầu của chiến thuật, quân đội phong kiến thời đó thường bên chế theo nguyên tắc: ngũ ngũ chế: ở mỗi một cấp thường chia làm trung, tiền, hậu, tả, hữu. Tổ chức đó phản ánh cách bảo vệ thành lũy phong kiến. Quân đội Tây Sơn cũng chưa thoát ra ngoài nguyên tắc biên chế đó.

Trong quân đội Tây Sơn, hệ thống tổ chức đội, cơ là đơn vị cơ sở, lên đến cơ, rồi đến đạo. Quân số mỗi đội, cơ, đạo không thống nhất; nó thay đổi tùy theo tính chất của binh chủng, tùy theo địa điểm chiến thuật mà các đơn vị đó chiếm đóng. Thông thường mỗi đội có từ sáu mươi đến một trăm lính, mỗi cơ từ ba đến năm trăm, mỗi đạo từ một nghìn rưỡi đến hai nghìn rưỡi. So với quân số ở cấp tương đương của quân đội Lê, Trịnh hoặc Nguyễn, không có sự chênh lệch quan trọng. Cao hơn nữa, là cấp doanh, mỗi doanh gồm năm đạo, với quân số chừng một vạn đến một vạn rưỡi. Trong các doanh, có các đạo bộ binh, pháo binh, kỵ binh và tượng binh. Doanh có thể so sánh như một tổ chức chiến thuật cao cấp, có thể đảm nhiệm một hướng của chiến dịch. Khi cần thiết, hai hoặc ba doanh sẽ được tổ chức lại thành một khối đảm nhiệm một hướng chiến dịch quan trọng.

Xem như trên, tổ chức lực lượng quân Tây Sơn đã có sự phân công khá cao và sự hợp đồng khá chặt, khiến cho sức chiến đấu tăng lên rất nhiều. Sự phát triển

tương đối nhịp nhàng của các binh chủng trong lực quân Tây Sơn mà nội dung là sự phát triển khá cân đối các thành phần đột kích, hỏa lực, cơ động, sự hình thành các đơn vị binh chủng tổng

hợp và binh chủng chuyên môn, sự xác định rõ ràng tính chất chiến thuật, chiến dịch, chiến lược của các đơn vị, đã đưa tổ chức lực quân đó đến trình độ cận đại, không kém các quân đội Âu châu thời đó. Nó vượt xa tổ chức của lực quân Trịnh, Nguyễn, và vượt cả lực quân Thanh.

Đồng thời Nguyễn Huệ còn quan tâm đến việc xây dựng một thủy quân mạnh, đưa thủy quân từ một binh chủng có tính chất chiến thuật lên thành một quân chủng chiến lược. Ở thời đại đó, thủy quân của nhà Trịnh và nhà Nguyễn chưa phát triển đến trình độ của quân chủng. Thủy quân chỉ có thể hoàn thành những nhiệm vụ chiến thuật như chuyên chở bộ binh trên sông hoặc trên biển, trợ lực cho bộ binh bằng hỏa lực của thuyền chiến, hoặc làm một cánh vu hồi chiến thuật. Cho nên, về số lượng thuyền chiến, thủy quân Trịnh và Nguyễn lúc đầu có ưu thế so với thủy quân Tây Sơn, nhưng chỉ với số lượng nhiều, mà chất lượng kém, cũng không thể trở thành một quân chủng được.

Trái lại, Nguyễn Huệ đã phát hiện vai trò và khả năng to lớn của thủy quân ở nước ta, một nước ở liền mặt biển và có nhiều hệ thống sông ngòi. Những trận chiến đấu có thủy quân tham gia đã nói lên vai trò và khả năng đó.

Việc dùng thủy quân để làm các cánh vu hồi chiến dịch sâu vào hậu phương

địch; việc dùng thủy quân làm đơn vị tiên phong của một chiến dịch có tính chất chiến lược; việc dùng thủy quân là chủ yếu để thực hành một chiến dịch có tính chất chiến lược, chứng tỏ Nguyễn Huệ đã nhìn thấy thật rõ vai trò và tác dụng của thủy quân. Sau ngày giải phóng Phú Xuân đến khi chết, Nguyễn Huệ đã đưa rất nhiều tâm sức, công phu, ý chí để xây dựng thủy quân thực sự trở thành một quân chủng chiến lược.

Trong thủy quân của Nguyễn Huệ, hình thành nhiều binh chủng: đội thuyền chiến tác chiến trên sông, đội thuyền chiến vừa tác chiến trên sông vừa tác chiến trên biển (biển gần); đội thuyền chiến tác chiến trên biển, đội

thuyền vận tải và đội thủy binh chuyên dùng để tác chiến trên bộ. Chủ lực của thủy quân là đội thuyền chiến đi biển, gồm những tàu lớn, có hỏa lực mạnh, chở theo một cơ hoặc một đội thủy binh tác chiến trên bộ.

Mỗi thuyền chiến Tây Sơn, với sức trọng tải lớn, với hỏa lực mạnh, với đội thủy binh tác chiến, đã trở thành một đơn vị chiến thuật, còn các đội thuyền chiến trên biển đã trở thành những đơn vị chiến dịch. Cho nên, thủy quân Tây Sơn, cũng như lục quân, là mối khiếp sợ cho thủy quân Trịnh, Nguyễn, Xiêm.

Nguyễn Huệ đã thành công trong việc xây dựng một lực lượng mạnh có nhiều binh chủng phát triển một cách khá nhịp nhàng, và cũng thành công trong việc xây dựng một thủy quân mạnh có nhiều binh chủng. Đưa thủy quân lên địa vị

một quân chủng, đưa quân đội từ một quân chủng lên thành hai quân chủng, Nguyễn Huệ là nhà quân sự đầu tiên ở nước ta thời đó, đã thực hiện được bước nhảy dài ấy trong tổ chức quân đội.

Tổ chức bảo đảm hậu cần được Nguyễn Huệ đặc biệt chú trọng. Quân đội Tây Sơn rất cơ động, đánh xa căn cứ hành quân dài, tác chiến trên một khu vực rộng lớn, trong những thời gian dài, nếu không chú ý tổ chức bộ máy hậu cần hoàn chỉnh thì không thể bảo đảm cho tác chiến cơ động của một quân đội lớn. Ngoài tuyển và trực cung cấp (hệ thống kho tàng lương thực, đạn dược ...) nằm trong toàn phạm vi chiến lược, Nguyễn Huệ còn tổ chức một đoàn thuyền vận tải. Theo Ba-ri-di, thì trong trận Thi Nại năm 1801, thủy quân Tây Sơn có đến một nghìn sáu trăm thuyền buồm vận tải. Nhiệm vụ đánh chiếm các kho tàng lương thực của địch được nâng lên rất cao, bảo đảm việc tiếp tế tại chỗ. Tổ chức đó đã đáp ứng được nhu cầu bảo đảm cho các cuộc hành binh chiến dịch, chiến lược.

Tổ chức của quân đội Tây Sơn dưới quyền chỉ huy của nhà quân sự thiên tài Nguyễn Huệ rất thích hợp với các

điều kiện tiến hành chiến tranh chống nhiều kẻ địch khác nhau có nhiều chỗ mạnh chỗ yếu khác nhau, và đáp ứng với mọi yêu cầu của nghệ thuật quân sự cận đại.

Nguyễn Huệ không những đã xây dựng nên các quân binh chủng, không ngừng

tăng thêm sức mạnh và hoàn thiện các quân binh chủng đó, mà điều đặc biệt quan trọng hơn, là đã biết phối hợp đúng đắn nhất việc sử dụng những quân, binh chủng đó.

CHỈ HUY Tác Chiến

NGHỆ Thuật Chiến Lược.

Trong toàn bộ thời gian nội chiến và chống bọn xâm lược nước ngoài, Nguyễn Huệ giữ vai trò quyết định trong quân đội Tây Sơn, và trở nên một vĩ nhân quân sự có uy danh vào bậc nhất. Ông là người tổ chức và thực hành một cách hoàn toàn thắng lợi những cuộc chiến đấu gay go, ác liệt và những chiến dịch quy mô lớn, đưa nghệ thuật quân sự nước ta lên một địa vị cao, có ưu thế so với nghệ thuật quân sự của nhiều tập đoàn phong kiến trong nước và ngoài nước thời bấy giờ.

Thành công trong chỉ đạo chiến lược của Nguyễn Huệ thể hiện ở chỗ ông đã đánh giá đúng đắn lực lượng quân sự hai bên, vận dụng thật linh hoạt các hình thức cơ động chiến lược, luôn luôn gây bất ngờ cho địch bằng cách sử dụng linh hoạt các quân chủng và chọn hướng tiến công chủ yếu khác nhau, tiến công vào các mục tiêu chiến lược khác nhau. Trong trận tiến công giải phóng Gia Định lần thứ nhất, Nguyễn Huệ đã dùng thủy quân tiến công chủ yếu vào Gia Định, nhằm mục tiêu chính là đạo quân chủ lực Lý Tài, đồng thời dùng bộ binh tiến công trên hướng Bình Thuận - Trấn Biên. Lần giải phóng thứ hai, Nguyễn

Huệ dùng đội thuyền chiến mạnh đánh vào Gia Định, nhằm mục tiêu tiến quân là thủy quân nhà Nguyễn. Trong trận tiến công này, đội dự bị chiến lược thủy quân của Nguyễn Huệ

đã đóng vai trò quyết định tiêu diệt chủ lực của thủy quân Nguyễn.

Trong thời kỳ quân Xiêm xâm lược, tính chất của chiến tranh đã thay đổi, sự chỉ đạo chiến lược của Nguyễn Huệ càng thêm sắc bén. Mục đích chiến lược đề ra rất kiên quyết, kế hoạch chiến lược căn cứ trên khả năng thực tế được đánh giá chính xác hơn, biểu lộ một quyết tâm rất lớn của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Khi Nguyễn Ánh rước quân Xiêm về thì bộ mặt bán nước của hắn lộ rõ, một bộ phận lực lượng chính trị - xã hội trước đây vẫn ủng hộ hắn, bây giờ dần dần chuyển sang vị trí mới, ủng hộ nghĩa quân Tây Sơn. Nguyễn Huệ đã tranh thủ được sự ủng hộ đó, nên sự so sánh lực lượng nghiêng hơn về phía nghĩa quân. Đó là nguyên nhân chủ yếu tạo nên khả năng thắng lợi mau chóng, triệt để hơn cho nghĩa quân Tây Sơn. Và đó cũng là sự chỉ đạo đúng đắn và tài tình của Nguyễn Huệ. Đối thủ của quân đội Tây Sơn sử dụng thủy quân làm lực lượng tiến công chủ yếu, tập trung tiêu diệt nhanh chóng các bộ phận nhỏ, phân tán của quân đội Tây Sơn, đánh đến đâu, củng cố đến đó, sau cùng, tiến tới tổng công kích Gia Định. Để đối phó lại, trong chỉ đạo chiến lược, Nguyễn Huệ càng trở nên linh hoạt, tài tình hơn và đã đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Thành công đó, trước hết là do Nguyễn Huệ đã kết hợp chặt chẽ giữa chiến

lược kìm chân tích cực và chuyển sang chiến lược phản công mãnh liệt, mà mấu chốt là nắm đúng thời cơ để chuyển sang phản công. Tác chiến kìm chân lần này của quân đội Tây Sơn ở miền Gia Định tích cực ở chỗ biết tập trung lực lượng để đánh trả. Tuy lực lượng có hạn, nhưng cuộc đánh trả của Trương Văn Đa cũng đã có tác dụng tiêu hao địch, buộc địch không thể tiến nhanh, khiến chủ lực từ Qui Nhơn có thể tiến vào chiến đấu trong những điều kiện có lợi trên một mức độ nhất định. Cũng trong trận quyết chiến chiến lược này, sự phối hợp giữa đánh chặn của bộ binh và tiến công của thủy quân đã có sự nhất trí, khiến cho có thể tập trung toàn bộ thủy quân để chiến đấu. Thủy quân Tây Sơn tuy về số lượng kém thủy quân Xiêm, nhưng nhờ sử dụng một cách tài tình nên đã chiến thắng thật gọn gàng. Chiến thắng oanh liệt quân xâm lược Xiêm đã nâng rất cao uy tín của quân đội Tây Sơn đồng thời cũng chứng minh thêm nghệ thuật chỉ huy điều luyện của anh hùng Nguyễn Huệ.

Sang thời kỳ chuyển hướng chiến lược lên phía Bắc, quân đội Tây Sơn có trước mặt họ một quân đội lớn mạnh về số lượng, một quân đội có một lịch sử xây dựng và chiến đấu lâu dài, lại lập trung bố trí trên một hình thái chiến lược có lợi hơn quân Nguyễn trước đây, tức là chỉ đối phó trên một mặt. Nhưng quân đội Tây Sơn lúc đó cũng đã lớn mạnh, bao gồm nhiều binh chủng, số lượng được tăng cường, trang bị được cải tiến, và vẫn giữ ưu thế tuyệt đối về mặt tinh thần.

Để tác chiến trên các chiến trường Phú Xuân, Bắc Hà, Nguyễn Huệ đã dùng

phương pháp tập trung lực lượng, mở những chiến dịch quy mô lớn, có sự hiệp đồng chặt chẽ của nhiều quân chủng, tiến hành trên một không gian lớn và trong một thời gian đã quy định, để giáng những đòn quyết định tiêu diệt địch, giải phóng đất đai. Đó là một bước phát triển mới trong nghệ thuật chiến lược của Nguyễn Huệ. Kế hoạch chiến lược của Nguyễn Huệ được thực hiện bằng hai chiến dịch tiến công lớn để tiêu diệt quân đội Trịnh. Khi quân đội Thanh sang xâm lược, thì kế hoạch chiến lược lại được thực hiện bằng một cuộc quyết chiến chiến lược vĩ đại.

Nguyễn Huệ rất chú trọng việc chọn thời cơ chiến lược thích đáng và phát huy tác dụng của bất ngờ. Chiến dịch giải phóng Phú Xuân tiến hành vào lúc quân Trịnh chưa chuẩn bị đối phó với quân Tây Sơn. Chiến dịch giải phóng Thăng Long diệt -nhà Trịnh đã được tiến hành bằng sự

tranh thủ thời gian, vượt bỏ mọi khu vực đất đai rộng lớn, đưa chiến tranh đến cửa ngõ và trái tim của chế độ nhà Trịnh, vượt quá sức tưởng tượng của vua, chúa, tướng, quân đối phương. Chiến dịch đại phá quân Thanh bắt đầu bằng một cuộc hành quân thần tốc trên một chặng đường dài, tranh thủ tiến công tiêu diệt địch trước khi địch tiếp tục tiến công, đánh vào lúc và nơi mà địch không ngờ tới, khiến Tôn Sĩ Nghị không kịp trở tay.

Các chiến dịch này đều là những chiến dịch có lục quân và thủy quân tham gia, và sự chỉ đạo của Nguyễn Huệ linh hoạt ở chỗ trao nhiệm vụ cho các quân chủng. Nguyễn Huệ rất chú trọng đến tác dụng của thủy quân, nhưng vẫn căn cứ

vào đối tượng chiến lược cụ thể của địch, và tình hình địa hình mà sử dụng quân chủng chiến lược một cách thích hợp nhất. Trong các trận giải phóng Gia Định, thông thường thủy quân được trao nhiệm vụ chủ yếu, giữ vai trò quyết định. Nhưng trên các mặt trận phía Bắc, Nguyễn Huệ lại thông thường trao cho lục quân nhiệm vụ chủ yếu và vai trò quyết định, đồng thời vẫn chú trọng thủy quân, do đó đạt đến sự phối hợp chặt chẽ giữa hai quân chủng chiến lược.

Vấn đề thành lập đội dự bị có tính chất chiến lược và sử dụng trong những trận quyết chiến chiến lược được Nguyễn Huệ rất chú ý. Khi tập trung lực lượng để sử dụng vào những chiến dịch lớn, Nguyễn Huệ vẫn giữ lại một bộ phận lực lượng làm đội dự bị chiến lược và tùy tình hình cụ thể mà để ở xa hoặc gần. Trong chiến dịch đại phá quân Thanh, việc sử dụng các đơn vị tượng binh, pháo binh và kỵ binh trong thành phần của đội dự bị chiến lược do Nguyễn Huệ nắm, trên hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch, đã bảo đảm việc đột phá chiến dịch và phát triển thắng lợi chiến dịch thành thắng lợi của chiến lược.

Tóm tắt những đặc điểm của chiến tranh mà quân đội Tây Sơn tiến hành, chúng ta thấy rằng tính chất quyết liệt và gian khổ của nội chiến và chiến tranh giải phóng dân tộc, vị trí đất đai của các bên tham chiến với sự bố cục chiến lược phức tạp trên một không gian dài, hẹp, có nhiều kẻ địch khác nhau, tính chất kiên quyết của mục đích chiến tranh, và sự chênh lệch về lực lượng quân sự đã có ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật chiến lược của Nguyễn Huệ và quân

đội Tây Sơn. Nét nổi bật trong chiến lược quân sự của Nguyễn Huệ là xuất phát từ những mục đích chính trị của giai cấp, của dân tộc, chiến lược đó đã hình thành trên cơ sở những tính toán chính xác về khả năng của quân đội Tây Sơn và của các quân đội thù địch. Do đó, chiến lược mang tính chất rất tích cực, rất kiên quyết, xác định đúng đắn các giai đoạn đấu tranh khác nhau và kẻ thù chính của từng giai đoạn, xác định đúng chiến trường chủ yếu và hướng tiến công chủ yếu, tập trung mạnh dạn lực lượng chủ yếu trên chiến trường đó và trên hướng đó, phát triển nhịp nhàng các quân chủng, vận dụng một cách sáng tạo các phương pháp đấu tranh vũ trang thích hợp nhất, các hình thức tích cực nhất nhằm mục đích tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

Nhìn về toàn cục, bao giờ quân đội Tây Sơn cũng yếu về số lượng quân đội và trang bị so với quân đội của các kẻ thù. Nhưng quân đội Tây Sơn thông thường giữ quyền chủ động chiến lược, luôn luôn tiến công, luôn luôn giành ưu thế cục bộ để lần lượt tiêu diệt từng tập đoàn chiến địch, chiến lược của địch.

NGHỆ THUẬT CHIẾN DỊCH

Chiến dịch là một hiện tượng đấu tranh vũ trang hết sức phức tạp, là tổng hợp của các hành động chiến đấu, theo chủ trương thống nhất, đạt tới mục đích thống nhất, cụ

thể là đập tan hoặc tiêu diệt các đơn vị và các lực lượng chiến dịch hoặc chiến lược của đối phương. Chiến dịch được tiến hành theo một kế hoạch

thống nhất, trên một mặt trận rộng lớn, trong một thời gian xác định với những binh lực và khí tài nhất định. Việc chuẩn bị và thực hành chiến dịch tuân theo những quy luật nhất định.

Xét những yếu tố hình thành của chiến dịch, chúng ta có thể thấy rằng trong quá trình chiến tranh, những trận quyết chiến tiêu diệt quân Xiêm, quân Trịnh và quân Thanh đều mang đầy đủ những yếu tố của chiến dịch. Từ những chiến dịch trên, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm phong phú.

Nghiên cứu thành phần các quân chủng tham gia chiến dịch, chúng ta thấy các chiến dịch đó đều có sự tham gia của cả hai quân chủng lục quân và thủy quân. Do vậy, xuất hiện các chiến dịch có nhiều quân chủng cùng tiến hành. Đơn vị chiến dịch của các quân chủng khác nhau thực hiện những nhiệm vụ khác nhau, trong hiệp đồng chiến dịch, đều nhằm đạt đến mục đích chung của chiến dịch.

Nghiên cứu mục đích và tính chất của những hoạt động chiến đấu, các chiến dịch Rạch Gầm - Xoài Mút, Phú Xuân, Bắc Hà và đánh quân Thanh đều là những chiến dịch tiến công. Đó cũng là đặc điểm trong hành động quân sự của quân đội Tây Sơn, nêu bật tính chất kiên quyết, mục đích tiêu diệt sinh lực địch của nó. Chỉ có tiến công kiên quyết và liên tục nhằm bao vây và tiêu diệt từng bộ phận địch mới có thể hoàn toàn đập tan, có thể tiêu diệt quân địch.

Nhưng xét về mặt hình thức, chiến dịch tiêu diệt thủy quân Xiêm và chiến dịch

tiêu diệt quân Thanh, mang hình thức phản công chiến lược. Hai chiến dịch này đều nhằm phá vỡ cuộc tiến công của địch, trong khi, về thực chất quân địch vẫn đang ở thế tiến công chiến lược, đội hình của chúng là đội hình tiến công. Tuy nhiên, xét mục đích và nội dung thì các chiến dịch đó thực chất vẫn là chiến dịch tiến công. Những đặc điểm đó của hai chiến dịch càng nêu rõ nghệ thuật quân sự tài tình của Nguyễn Huệ. Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, đặc biệt là việc tranh thủ thời gian và hành động chiến lược bất ngờ, việc tổ chức chu đáo và sự thực hành kiên quyết đã giành thắng lợi rực rỡ cho chiến dịch.

Nghiên cứu quy mô của binh lực được huy động, các chiến dịch có nhiều chỗ khác nhau. Trong chiến dịch tiêu diệt quân Xiêm, các thuyền chiến được huy động có hạn. Đó là một chiến dịch do một lực lượng chiến dịch liên hợp tiến hành. Trong hai chiến dịch tiêu diệt quân Trịnh, lực lượng huy động lớn hơn. Ngoài ra, một điều đáng chú ý nữa là: trong chiến dịch tiêu diệt quân Xiêm, số lượng thuyền chiến Tây Sơn ít hơn quân Xiêm, nhưng hỏa lực mạnh hơn. Xét cả hai mặt số lượng và chất lượng, chiến dịch được tiến hành trong điều kiện lực lượng hai bên không chênh lệch nhau lớn lắm, tuy quân Xiêm vẫn có lợi thế. Trong chiến dịch Phú Xuân, quân đội Nguyễn Huệ kém quân Trịnh về số lượng bộ binh, nhưng mạnh hơn địch về thủy quân và pháo binh. Trong chiến dịch tiếp sau, lực lượng hai bên cũng gần ngang nhau, lực quân Trịnh chiếm ưu thế, nhưng thủy quân yếu hơn thủy quân Tây Sơn. Xét một cách tổng hợp, quân Trịnh vẫn có lợi hơn. Đến chiến dịch tiêu diệt quân Thanh thì so sánh lực lượng có chênh lệch lớn, có lợi cho quân Thanh. Nghiên cứu quy mô đó,

chúng ta sẽ thấy được quân đội Tây Sơn đã chiến thắng thật huy hoàng, trong thế thua kém hơn địch về số lượng.

Mỗi chiến dịch có đặc điểm của nó. Chiến dịch tiêu diệt thủy quân Xiêm là một chiến dịch mà đơn vị chiến dịch xuất phát từ căn cứ ở xa địch, nhanh chóng vận động đến chiếm lĩnh các đoạn sông đã lựa chọn, rồi kéo thủy quân địch ra khỏi căn cứ để tiêu diệt. Chiến dịch Phú Xuân là một chiến dịch bắt đầu trong điều kiện hai quân đội đã

tiếp xúc với nhau từ lâu; đơn vị chiến dịch chủ yếu thực hành chọc thủng phòng ngự có chuẩn bị của địch, trong khi lực lượng ở hướng thứ yếu vu hồi bằng đường biển vào trung tâm bố trí của địch. Chiến dịch Thăng Long diệt Trịnh bắt đầu trong điều kiện ở rất xa địch, thời gian chuẩn bị có hạn, có đội thuyền chiến phái đi trước đánh chiếm đầu cầu chiến lược để chủ lực vào chiến đấu. Cuối cùng, chiến dịch tiêu diệt quân Thanh được chuẩn bị trong thời gian có hạn, có quân đội che chở phía trước để chủ lực từ trong hậu phương chiến lược vận động đến, triển khai thành thế trận chiến dịch, rồi trong hành quân tiến đánh quân địch đương tạm thời dừng cuộc tiến công.

Mỗi chiến dịch của Nguyễn Huệ đều căn cứ vào khả năng chiến lược và nhằm đạt những nhiệm vụ chiến lược nhất định. Trong chiến dịch đánh quân Xiêm, tinh thần chống ngoại xâm và ủng hộ Tây Sơn của nhân dân miền Gia Định và việc tăng cường hỏa lực cho các thuyền chiến, đã tạo cho chiến dịch những

khả năng lớn. Mặt khác, khi tổ chức chiến dịch, Nguyễn Huệ lại biết căn cứ vào khả năng của chiến thuật thủy quân, như kinh nghiệm chiến đấu trên sông lớn, tốc độ cơ động, sức mạnh của hỏa lực, mà đề ra nhiệm vụ cho chiến thuật: đánh vào giữa đội hình của địch, chia cắt để tiêu diệt từng bộ phận địch. Trong chiến dịch thứ hai (hạ Phú Xuân), tinh thần căm ghét cao độ của nhân dân và quân đội Tây Sơn đối với nhà Trịnh, việc tăng cường và cải tổ lực quân thành những đơn vị lớn, vừa có sức đột kích mạnh, có hỏa lực mạnh, vừa có phương tiện cơ động của thủy quân, đã xác định rằng đơn vị chiến dịch đó hoàn toàn có thể dùng ưu thế của mình để đánh một tập đoàn lớn của quân Trịnh, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch và giải phóng một bộ phận đất đai. Với khả năng hỏa lực của pháo binh dã chiến, với khả năng đổ bộ của thủy binh, chiến dịch đã xác định cho chiến thuật nhiệm vụ chọc thủng thành lũy kiên cố của địch và đổ bộ lên bờ để tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch. Trong chiến dịch thứ ba (hạ Thăng Long diệt nhà Trịnh), do được tăng cường thêm binh lực, tăng cường thuyền chiến và thuyền vận tải, do nắm được tinh thần căm ghét chúa Trịnh ngày càng cao của quân và dân, chiến dịch đã có phương tiện cơ động đầy đủ, có khả năng tiến sâu vào lòng địch, đánh địch khi chúng chưa kịp triển khai, hoàn thành nhiệm vụ chiến lược tiêu diệt đại quân của nhà Trịnh, chiếm toàn bộ Bắc Hà, đạt đến mục đích đánh đổ thế lực nhà Trịnh. Chiến dịch có hoàn thành được nhiệm vụ hay không còn tùy thuộc vào chiến thuật có đủ khả năng dùng tác chiến đổ bộ của thủy quân đánh chiếm và giữ vững một đầu cầu, khả năng chiến đấu dã ngoại của bộ binh, khả năng bao vây, vu hồi, truy kích của kỵ binh hay không. Vì vậy mà các nhiệm vụ chiến thuật đã được xác định rõ ràng, trong đó nhiệm vụ

chiến thuật rất quan trọng là đánh chiếm đầu cầu, tiêu diệt thủy quân nhà Trịnh.

Trong chiến dịch lần thứ tư (diệt quân Thanh), khả năng chiến lược càng lớn hơn nhiều, sức đột kích, hỏa lực, sức cơ động đều được nâng cao. Việc tổ chức các đạo quân có sức tiến công mạnh, việc động viên tinh thần chống ngoại xâm của quân và dân đã giúp cho Nguyễn Huệ có thể hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ quân Thanh, giải phóng Thăng Long và toàn bộ đất đai Bắc Hà, đạt mục đích đập tan cuộc xâm lược của nhà Thanh, giữ vững độc lập của Tổ quốc. Nhiệm vụ của chiến thuật rất phức tạp nhưng khả năng chọc thủng thành lũy kiên cố, đánh chặn, truy kích, có nhiều. Cho nên chiến dịch này đã trao cho chiến thuật (chiến thuật hợp đồng binh chủng của lục quân, chiến thuật của thủy quân, của pháo binh, của tượng binh và kỵ binh), những nhiệm vụ nặng nề. Thực tế chứng minh chiến dịch đã tận dụng khả năng của chiến lược và tận dụng khả năng của chiến thuật để hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ chiến dịch, và do đó, hoàn thành nhiệm vụ của chiến lược. Mục đích chiến lược đề ra đã đạt được đầy đủ.

Từ những vấn đề trên, chúng ta có thể rút ra mối quan hệ khăng khít giữa chiến dịch và chiến lược, giữa chiến dịch và chiến thuật. Đó là: chiến dịch phụ thuộc vào chiến lược chiến dịch là phương tiện để đạt tới mục đích chiến lược của chiến tranh. Cho nên chiến dịch phải được xây dựng thật phù hợp với

nhệm vụ và khả năng của chiến lược. Chiến lược trực tiếp chỉ đạo nghệ thuật chiến dịch.

Đi đôi với chiến thuật, nghệ thuật chiến dịch đóng vai trò chỉ đạo, chiến dịch là một trong những nhân tố chủ yếu nhất làm cho chiến thuật phát triển. Ngược lại, chiến thuật phụ thuộc vào nghệ thuật chiến dịch, là công cụ để hoàn thành nhiệm vụ của chiến dịch. Đồng thời chiến lược phải chú ý đến khả năng của chiến dịch, và chiến dịch lúc đó cũng phải chú ý đến khả năng của chiến thuật. Một điều rất rõ là do khả năng chiến thuật kém, quân đội Trịnh đã không bao giờ đạt đến mục đích tiêu diệt quân Nguyễn. Trái lại quân Nguyễn cũng không đạt tới mục đích phản công tiêu diệt một bộ phận quân Trịnh để đánh tan tiến công của quân Trịnh. Chiến tranh liên tiếp nổ ra trong hàng thế kỷ, nhưng quân đội hai bên vẫn chỉ quanh quẩn trên hai bờ sông Gianh, dưới chân các thành lũy.

Các chiến dịch của Nguyễn Huệ bao giờ cũng nhằm vào việc tiêu diệt một lực lượng chiến dịch, chiến lược của địch, đồng thời chiếm và giữ những mục tiêu hoặc tuyến quan trọng của địa hình có ý nghĩa về chiến lược, chiến dịch, hoặc để kết thúc một giai đoạn nào đó của chiến tranh, hoặc để tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch sau. Giữa hai nhiệm vụ của chiến dịch bao giờ Nguyễn Huệ cũng đặt nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch lên hàng chủ yếu. Đồng thời Nguyễn Huệ cũng đặt việc đánh chiếm mục tiêu hoặc tuyến địa hình thành một nhiệm vụ quan trọng để phục vụ cho việc tiêu diệt sinh lực địch, đảm bảo cho việc bảo tồn mình, cho nên giữa hai nhiệm vụ, có mối quan hệ mật thiết, không thể

tách rời nhau được. Chiếm Đồng Hới và tuyến sông Gianh vừa là bảo đảm tiêu diệt toàn bộ lực lượng của Phạm Ngô Cầu, vừa là nhằm chuẩn bị cho chiến dịch tiếp sau. Chiếm Vị Hoàng là để tạo điều kiện tiêu diệt chủ lực quân Trịnh. Giữ tuyến núi Tam Điệp, chiếm tuyến Phụng Nhãn, Yên Thế, Lạng Giang và Hải Dương là để tiêu diệt toàn bộ quân Thanh. Cho nên, trong chiến dịch, việc chiếm và giữ các mục tiêu hoặc tuyến nào đó của địa hình là rất quan trọng, nhưng nó chỉ có ý nghĩa khi nó đảm bảo cho việc tiêu diệt sinh lực địch. Tất nhiên việc tiêu diệt sinh lực địch, việc chiếm mục tiêu và tuyến địa hình đòi hỏi phải sử dụng tập trung binh lực, cơ động, dũng cảm, mạnh bạo, đòi hỏi phải thực hiện được bao vây chặt, phải đập tan các cuộc phản kích của địch (như trong chiến dịch Thăng Long tiêu diệt quân Trịnh).

Mục đích của chiến dịch, biện pháp để đạt tới mục đích đó đã nêu lên một đặc điểm chung thứ nhất cho các chiến dịch của Nguyễn Huệ: các chiến dịch đều có mục đích rất kiên quyết và cách tiến hành rất kiên quyết. Nó khác rất xa nghệ thuật tác chiến của các quân đội Trịnh, Nguyễn, Lê, Xiêm, Thanh.

Trong các chiến dịch, Nguyễn Huệ bố trí thế trận chiến dịch trên nhiều mục tiêu, nhiều đoạn, nhiều hướng, cách xa nhau. ở trên một mục tiêu, một đoạn, một hướng nào đó, mặt chính để tiến công chỉ hẹp, nhưng do có nhiều mục tiêu, đoạn, hướng, nên lại hình thành mặt chính rộng có nhiều khoảng cách, đồng thời giữ một chiều sâu nhất định cho thế trận của mình. Mặt chính trên một mục tiêu, một đoạn, một hướng cụ thể hẹp và có chiều sâu của thế trận là

để tạo nên mũi nhọn tiến công liên tục và mạnh mẽ. Mặt chính rộng của các hướng hợp lại là dựa trên khả năng cơ động của quân đội Tây Sơn, đồng thời chỉ có hành động trên mặt chính rộng như vậy thì mới phát huy đầy đủ khả năng cơ động của những lực lượng lớn. Các hướng chiến dịch đều đánh vào chiều sâu lớn của địch. Chiều sâu lớn của các chiến dịch chứng tỏ Nguyễn Huệ luôn luôn nhằm vào các lực lượng chủ yếu bố trí trong sâu của đối phương, và nắm được sức cơ động của quân đội mình, nhất là biết sử dụng thành thạo tượng binh, kỵ binh và thủy quân. Cho nên, có trường hợp đột phá xong mới phát triển vào chiều sâu (như chiến dịch giải phóng Thăng Long diệt Trịnh và chiến dịch đại phá quân Thanh), có trường hợp đồng thời đột phá mặt chính và tiến công vào sâu (như chiến dịch Phú Xuân). Trong chiến dịch Rạch Gầm - Xoài Mút, đoạn sông được lựa chọn để quyết chiến có một chiều dài chừng 7 ki-lô-mét, chủ lực của thủy quân Tây Sơn bố trí sâu trên một đoạn sông chừng 6 ki-lô-mét. Trong chiến dịch Phú Xuân bề sâu của chiến dịch đến 300 ki-lô-mét, thời gian của chiến dịch là trong phạm vi 10 ngày, tốc độ tiến công là trên 30 ki-lô-mét một ngày. Không có thủy quân và kỵ binh thì không thể có tốc độ tiến công đó. Trong chiến dịch Thăng Long, bề sâu của chiến dịch là 90 ki-lô-mét, tác chiến trong thời gian 10 ngày, tốc độ tấn công chừng 9 ki-lô-mét một ngày. Nhưng nếu tính chủ lực vào chiến đấu, thì từ Vị Hoàng đến Thăng Long, tốc độ tiến công là trên 22 ki-lô-mét một ngày. Trong chiến dịch phá quân Thanh tính mặt chính của các hướng đến 40 ki-lô-mét, bề sâu của chiến dịch là 80 ki-lô-mét, thời gian tác chiến 5 ngày, tốc độ tiến công là 5 ki-lô-mét một ngày. Đây không tính đến chiều sâu và tốc độ trong truy kích quân địch đến biên giới.

Các chiến dịch có quy mô lớn, nhưng thời gian chuẩn bị đều rút ngắn. Sở dĩ như vậy là vì phải tranh thủ thời gian, tác chiến trong thời cơ có lợi, phải tranh thủ bất ngờ, đồng thời còn do trình độ sẵn sàng chiến đấu và khả năng cơ động cao của quân đội Tây Sơn quyết định. Cho nên, tổng hợp các mặt có liên quan mật thiết với nhau trong những vấn đề trên, có thể rút ra một đặc điểm chung thứ hai của các chiến dịch do Nguyễn Huệ chỉ huy: chiến dịch có mặt

chính khá rộng, có chiều sâu lớn, tốc độ tiến công cao, tiến hành trong điều kiện thời gian chuẩn bị hạn chế.

Mặc dù về lực lượng, quân đội Nguyễn Huệ thường kém hoặc xấp xỉ bằng địch, nhưng lại tiến công địch cho nên bao giờ cũng ở vào địa vị chủ động, và giữ thế chủ động đó trong toàn bộ quá trình chiến dịch, tuy rằng có khi phải đánh với lực lượng phản kích của địch. Các công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành bí mật, nhanh chóng, có biện pháp phao tin đánh lừa địch, có biện pháp vận động từ xa đến một cách rất bí mật, quân giấu bí mật, che chở chu đáo cho nên dù chiến dịch bắt đầu vào những thời gian, thời tiết khác nhau, bao giờ Nguyễn Huệ cũng tranh thủ được bất ngờ, làm cho địch không kịp chuẩn bị. Có khi địch đang ở thế chủ động lại thành bị động, đã bị động càng đi sâu vào bị động hoàn toàn, trở tay không kịp. Do đó dù địch có ưu thế về lực lượng mà không sử dụng được ưu thế đó tức là không có ưu thế thực sự. Những điểm trên nêu lên một đặc điểm chung thứ ba của các chiến dịch của Nguyễn Huệ là ý nghĩa của sự giành giữ chủ động, của việc tranh thủ và phát huy yếu tố bất ngờ là rất lớn.

Trong các chiến dịch của Nguyễn Huệ, do đội hình chiến dịch có nhiều đạo quân, đội quân, nhiều bộ phận, nhưng việc phân chia nhiệm vụ và sử dụng các đạo, đội hoặc các bộ phận đã đạt trình độ nghệ thuật cao. Do đó sức tiến công được tăng cường không ngừng. Đạo quân đi trước (hoặc đội) và đạo, đội tiếp sau (hoặc đội dự bị) hành động rất nhất trí. Trong chiến dịch Thăng Long, sau khi thủy quân Tây Sơn đã tiêu diệt thủy quân Trịnh, Nguyễn Huệ cho đổ bộ một bộ phận bộ binh để tập kích bất ngờ địch và chia cắt đội hình của địch, còn chủ lực thì tung vào Thăng Long. Do đó, quân Trịnh bị chia cắt thành nhiều bộ phận không thể hiệp đồng nhất trí. Khi quân đội Tây Sơn vây đồn, tăng cường sức tiến công, quân Trịnh không thể thoát khỏi bị tiêu diệt. Những điểm trên nêu lên một đặc điểm

chung thứ tư của các chiến dịch do Nguyễn Huệ chỉ huy: trong quá trình chiến dịch, không ngừng nâng cao sức tiến công, cơ động lực lượng nhanh chóng sử dụng các đạo, đội quân hoặc đội dự bị đưa vào chiến đấu trong thời cơ và phương hướng có lợi.

Trong các chiến dịch của Nguyễn Huệ, vấn đề bảo đảm vật chất được đặc biệt chú ý. Các chiến trường thường ở xa khu căn cứ hậu phương, chiến dịch có chiều sâu rất lớn, lực lượng tham gia rất đông, cơ động rộng rãi, thời gian vận động tiến đến gần địch và tác chiến khá dài, khiến cho công tác bảo đảm lương thực, thực phẩm, đạn dược rất phức tạp nhưng phải được tiến hành chu đáo. Nguyễn Huệ bao giờ cũng thực hiện hai biện pháp để bảo đảm cho chiến dịch: tổ chức cung cấp từ sau lên, và tranh thủ cung cấp tại chỗ. Đó là đặc điểm chung thứ năm của các chiến dịch: việc bảo đảm vật chất chu đáo được xem là một trong những nguyên nhân bảo đảm thắng lợi cho chiến dịch.

Chiến THUẬT

Chúng ta biết rằng chiến thuật là một bộ phận khăng khít của nghệ thuật quân sự. Chiến thuật nghiên cứu và đề ra những biện pháp tổ chức chiến đấu và các nguyên tắc và quy tắc tiến hành chiến đấu. Nếu chiến lược và chiến dịch là lĩnh vực của khâu chỉ huy cao cấp thì chiến thuật lại trực tiếp gắn liền với sự hoạt động của đông đảo quần chúng binh sĩ và chỉ huy. Các binh sĩ và chỉ huy hoàn thành nhiệm vụ chiến lược và chiến dịch qua nhiệm vụ chiến thuật. Vì vậy, chiến thuật là nơi phản ánh rõ ràng nhất chất lượng tinh thần và chiến đấu của quân đội.

Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, chiến thuật của quân đội Tây Sơn, cũng như nghệ thuật quân sự nói chung, đã phát triển không ngừng. Cơ sở của sự phát triển đó là tinh thần chiến đấu cao của người lính trong quân đội cách mạng của nông dân, của nhân dân nói chung, và sự thay đổi về chất lượng và số lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh trong quân đội của Nguyễn Huệ. Tinh thần chiến đấu cao, tinh thần chịu đựng gian khổ, tinh thần chỉ thắng không bại của những người lính trong quân đội Nguyễn Huệ đã khiến cho họ biết vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm chiến đấu, lấy đó làm cơ sở nâng cao trình độ chiến thuật. Người lính trong quân đội Nguyễn Huệ có tinh thần chiến đấu cao, đồng thời có nhiều vũ khí cải tiến, nắm vững và biết phát huy tác dụng của vũ khí. Cho nên chiến thuật của quân đội Tây Sơn phát triển rất nhanh, tuy nó là một quân đội trẻ, xây dựng trong quá trình khởi nghĩa và chiến tranh.

Giữa quân đội Nguyễn Huệ và quân đội phản động, về mặt chất lượng của vũ khí, sự khác nhau không nhiều. Song, về mặt số lượng vũ khí và thành phần trong biên chế, thì có sự khác nhau. Sự khác nhau đó, cộng với sự khác nhau giữa hai loại binh sĩ, đã để ra sự khác nhau trong chiến thuật, trong sự phát triển chiến thuật của hai loại quân đội.

Từ thế kỷ XVI trở về trước, vũ khí chủ yếu là bạch binh, cho nên chiến đấu chỉ có một giai đoạn: những khối lượng người tiến công vào đối phương bằng cách phóng lao, bắn cung nỏ từ một cự ly nhất định, rồi xung phong đánh giáp lá cà, dùng dao, gươm chém giết lẫn nhau. Nhưng đến thế kỷ thứ XVII, XVIII, súng trường, pháo binh, tức một yếu tố mới là hỏa lực, xuất hiện, chiến đấu chia thành hai giai đoạn: đánh bằng hỏa lực, rồi dùng sức mạnh đánh giáp lá cà để đập tan đối phương. Từ bao gồm hai yếu tố: đột kích và cơ động, chiến đấu đã phát triển thêm một yếu tố hỏa lực. Do đó, nghệ thuật chiến thuật thời đại bấy giờ đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ ba yếu tố đó của chiến đấu.

Trong các quân đội Trịnh và Nguyễn, số lượng của hỏa khí bộ binh ít, vì chưa có pháo binh dã chiến, hoặc có những với số lượng còn ít, nên chiến đấu chủ yếu dựa vào sức tiến công bằng sức lực của các khối bộ đội với bạch binh. Dù chiến đấu trên thành lũy hay chiến đấu ở dã ngoại, dù tiến công hay phòng ngự, trong hai quân đội đó, vai trò của đột kích vẫn là chủ yếu, vai trò của hỏa lực và cơ động còn rất thấp.

Khác thế, Nguyễn Huệ đã biết kết hợp khá chặt chẽ ba yếu tố hỏa lực, đột kích và cơ động. Chiến thuật đã có bước phát triển rất lớn về hai mặt:

1. Nâng cao vai trò của hỏa lực và cơ động tuy rằng đột kích vẫn giữ vai trò

quyết định. Dùng hỏa khí để tiêu hao địch, dùng sức đột kích và cơ động để phá vỡ hệ thống đề kháng đánh chặn có tổ chức của địch, tạo nên những điều kiện mới để thực hiện những đòn đột kích mới. Trong khi dùng hỏa khí, đã có sự kết hợp giữa bắn và vận động của người lính, giữa đi đến cự ly tầm bắn của đối phương và chạy lên xung phong.

2. Chiến đấu không còn là do bộ binh đơn thuần, hoặc bộ binh làm nhiệm vụ chủ yếu nhất mà các binh chủng khác chỉ là phụ thuộc. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, các binh chủng pháo binh, bộ binh, tượng binh, và kỵ binh, trong chiến đấu, đã có sự phân công rành rõ và hợp tác chặt chẽ hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ chung để đạt tới mục đích chung. Cho nên, chiến thuật của quân đội Tây Sơn đã mang rõ nét tính chất của chiến thuật hợp đồng các binh chủng. Thắng lợi của chiến đấu là do các binh chủng hiệp đồng đồng tác chặt chẽ, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ chung, tuy rằng hỏa lực có nhiệm vụ chủ yếu là phá hoại và tiêu hao, sức đột kích của bộ binh và tượng binh làm nhiệm vụ tiêu diệt đại bộ phận địch (trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về bộ binh), và cơ động là để thực hành đột kích thắng lợi.

Do đó, chúng ta có thể rút ra một đặc điểm đầu tiên trong chiến đấu và chiến thuật của quân đội Tây Sơn như sau: Thông thường pháo binh mở đầu, bộ binh (có tượng binh hoặc không có) đánh đòn đột kích quyết định (tiêu diệt đại bộ phận địch, chiếm giữ thành lũy, mục tiêu), kỵ binh kết thúc chiến đấu (phát triển thắng lợi, truy kích, tiêu diệt nốt bộ phận còn lại của địch). Đương nhiên, không phải trong bất kỳ trận chiến đấu nào, quân đội Tây Sơn đều đánh như vậy. Nhưng về đại thể, các trận chiến đấu đều diễn ra như trên.

Trong lục quân, chiến thuật là chiến thuật hợp đồng binh chủng.

Vấn đề thứ hai, gắn liền với vấn đề trên, là đội hình chiến đấu. Trong thời đại phong kiến, trước khi súng trường và đại bác xuất hiện, tác chiến thường xảy ra xung quanh các thành quách kiểu vuông. Đội hình chiến đấu thường áp dụng là: đối với quân phòng ngự, mỗi cơ hoặc đội (tùy theo thành lớn, nhỏ) dàn thành đội hình hàng ngang hoặc dọc theo một tường thành. Trên bốn tường thành có bốn cơ hoặc đội chiếm giữ. Cơ hoặc đội thứ năm đóng ở giữa, làm đội dự bị, thường dùng để tăng viện cho nơi bị uy hiếp. Người chỉ huy thành quách trực tiếp nắm đội dự bị. Do đó mà có tiền, hậu, tả, hữu, trung. Đối với quân tiến công, các cơ, đội hoặc đạo cũng dàn thành hàng ngang: bốn cơ hoặc đội, đạo tiến công trên bốn mặt của thành lũy. Cơ (đội đạo) thứ năm làm đội dự bị, do chỉ huy trực tiếp nắm, được bố trí ở một nơi, chủ yếu dùng để tăng viện cho hướng nào hoặc bị thiệt hại nhiều hoặc có khả năng leo trèo lên thành để tăng thêm sức đột kích. Khi chiến đấu ở dã ngoại, đội hình căn bản không có gì khác, đội hình bốn mặt tỏa ra thành bốn khối trên hàng ngang, ở phía sau là đội dự bị. Chiến thuật, theo đội hình này, là dàn đều binh lực trên chính diện, dựa vào sức mạnh của khối bộ binh dày đặc đó mà đột kích. Khi xuất hiện thành lũy kiểu chạy dài theo bề ngang, như các lũy của quân Nguyễn, thì đội hình chiến đấu, và chiến thuật nói trên cũng không thay đổi gì. Từ khi súng trường và đại bác xuất hiện, sức mạnh phòng ngự của quân đội Nguyễn, Trịnh dựa trên sự kết hợp giữa hỏa lực của pháo binh với phương tiện chướng ngại (như thành lũy, sông ngòi, chiến hào ...). Bên tiến công vẫn lấy sức đột kích của các khối bộ binh dày đặc để tiến công.

Quân đội Nguyễn Huệ đã áp dụng một đội hình chiến đấu kiểu mới. Tuy quân

đội vẫn tổ chức theo ngũ ngũ chế, nhưng trong một đạo, ngoài bộ binh, đã có pháo binh, kỵ binh và tượng binh. Dựa trên cơ sở tinh thần chiến đấu cao của quân đội và trước sự phát triển của pháo binh, súng trường, Nguyễn Huệ đã bỏ lối tiến gần địch theo đội hình hàng ngang dày đặc.

Chiến thuật dàn đều binh lực trên mặt chính đã được thay thế bằng chiến thuật tập trung lực lượng đột kích mãnh liệt trên đoạn quyết định của đội hình chiến đấu. Cơ sở của chiến thuật này là dũng cảm, cơ động và thọc sâu kết hợp với hỏa lực và đột kích. Thế là thành lũy và đội hình nặng nề, kém cơ động của quân đội phong kiến phản động đã bị đội hình rất linh hoạt, rất co giãn, rất cơ động của quân đội Nguyễn Huệ đánh tan, chiến thuật phân tán binh lực trên mặt chính đã bị chiến thuật tập trung binh lực có bề sâu phá vỡ. Chiến thuật phát triển lên một bước mới, đó là chiến thuật hợp đồng binh chủng, với sự tập trung lực lượng tiến công trên một điểm quyết định, bằng hình thức đánh vào mặt chính kết hợp với thọc sâu, vu hồi, bao vây địch. Chiến thuật của từng binh chủng cũng thành hình rõ hơn: pháo binh tập trung bắn, mở đường cho tượng binh và bộ binh xung phong. Tượng binh lợi dụng sức mạnh để xông lên trước, rồi tỏa sang hai bên tả, hữu cho bộ binh tiếp tục xông lên thành nhiều đợt, dùng bạch binh xung phong. Hoặc tượng binh mang pháo hạng nặng, từ xa bắn vào thành lũy địch, bắn yểm hộ cho bộ binh phát triển. Cuối cùng là kỵ binh nhanh chóng thọc vào sâu, tùy theo tình huống mà tiến thẳng hoặc vu hồi hoặc đột kích sau lưng, và truy kích.

Đó là một đội hình chiến đấu rất co giãn, rất linh hoạt và một chiến thuật kết hợp được đầy đủ ba yếu tố, đột kích, cơ động và hỏa lực. Việc sử dụng pháo

binh đã chiến một cách tập trung là rất quan trọng, nó giúp cho việc giải quyết tốt vấn đề đột phá thành lũy của thời đó. Nguyễn Huệ không những tài giỏi trong việc chỉ huy bộ binh, kỵ binh, thủy binh mà còn giỏi về pháo binh nữa. Trong quá trình chiến tranh, các hình thức chiến đấu trở nên phong phú. Tại chiến trường Gia Định, để ngăn chặn những lực lượng yếu của địch, hình thức phòng ngự của quân đội Tây Sơn tiến hành dựa trên các tuyến công sự mang tính chất phòng ngự cứ điểm. Nhưng, chiến đấu tiến công (kể cả tiến công thành lũy kiên cố, tiến công trận địa đã chiến và tiến công vận động) vẫn là hình thức chiến đấu chủ yếu. Tiến công vận động nổi lên hàng đầu. Các trận chiến đấu tiến công do Nguyễn Huệ chỉ huy ở miền Gia Định, hoặc ở miền đồng bằng Bắc Hà trở nên rất cơ động, kết hợp chặt chẽ giữa vận động với kỹ năng bắn và khả năng hiệp đồng khá giỏi của các binh chủng, các đơn vị tham gia chiến đấu. Quân đội Nguyễn Huệ đã áp dụng đầy đủ các loại chiến thuật: tập kích bất ngờ, công kích bằng sức mạnh (trận địa đã chiến hoặc công thành), chờ sẵn để phục kích, kéo địch tới để phục kích, tạo ngộ truy kích, v.v.

Các thủ đoạn chiến đấu cũng phát triển. Từ tiến công chính diện kết hợp với thọc sâu (như trong các trận đầu do Nguyễn Huệ chỉ huy tiến công chính diện kết hợp với vu hồi vào một sườn, vu hồi hai sườn (nhất là khi có thủy quân), sau lại có thêm tiến công chính diện kết hợp với vu hồi cạnh sườn và sau lưng, hình thành bao vây (như trong các trận tiêu diệt quân Trịnh và quân Thanh). Các thủ đoạn chiến đấu đó rất thích hợp, nhằm nhanh chóng tiêu diệt lực lượng phân tán của địch, không cho đội dự bị của địch ra chiến đấu, không cho địch có thể tập trung lực lượng và phương tiện tại địa điểm và

trong thời gian cần thiết. Biết chia cắt địch và tập trung lực lượng để tiêu diệt từng bộ phận địch là một trong những biểu hiện căn bản của nghệ thuật chỉ huy cao của Nguyễn Huệ. Cơ động nhanh và giỏi đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm ưu thế về lực lượng và phương tiện trên hướng tiến đánh chủ yếu. Nó còn là một thủ đoạn để giành bất ngờ chiến thuật. Cơ động đã trở nên một trong những phương pháp chủ yếu nhất để đột kích thắng lợi. Cũng do cơ động nhanh chóng mà tốc độ tiến công được nâng cao không ngừng.

Những điều trình bày ở trên cho ta thấy đặc điểm của chiến thuật Nguyễn Huệ là: tính chủ động rộng rãi, tính cơ động nhanh chóng, tính kiên quyết mãnh liệt, tính nhiều hình nhiều vẻ trong phương pháp và hình thức tiến hành chiến đấu. Đứng trước một quân đội như vậy, các đối thủ Trịnh, Lê, Nguyễn, Xiêm, Thanh, chỉ biết đưa ra một chiến thuật cứng nhắc, chậm chạp, cho nên họ đã thất bại nhanh chóng.

Đặc Điểm CHỦ YẾU CỦA THIÊN TÀI QUÂN SỰ CỦA NGUYỄN HUỆ

Nhận định tổng quát nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ, đồng chí Trường Chinh đã viết: (Ưu điểm trội nhất của cuộc kháng chiến đời Nguyễn Quang Trung là tiến công nhanh chóng và mãnh liệt" [1]. Câu nói súc tích đó đã nêu bật lên một cách khái quát và đầy đủ những đặc điểm cơ bản nhất trong tư tưởng chỉ đạo tác chiến, trong nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ.

Mục đích chính trị của chiến tranh mà Nguyễn Huệ và quân đội Tây Sơn tiến hành là đánh đổ bọn phong kiến phản động trong nước và bọn phong kiến

nước ngoài đến xâm lược, thực hiện thống nhất, giữ vững độc lập. Mục đích chính trị đó là nguyên tắc chính trị cơ bản của chiến tranh. Mục đích đó được thực hiện về mặt quân sự bằng cách dùng lực lượng vũ trang để thực hiện thống nhất, bảo vệ Tổ quốc, đánh tan các quân đội phong kiến Trịnh, Lê, Nguyễn, Xiêm, và Thanh. Để đạt mục đích đó, trong mọi hành động của quân đội Tây Sơn, Nguyễn Huệ luôn luôn nắm vững nguyên tắc cơ bản là ra sức tiêu diệt địch và hết sức bảo tồn mình. Nguyên tắc cơ bản đó là căn cứ của tất cả các nguyên tắc khác chỉ đạo toàn bộ hành động quân sự, từ nguyên tắc chiến lược đến nguyên tắc chiến

1. Trường Chinh, Kháng chiến nhất định thắng lợi. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1955. Lời nói đầu, tr. VI.

thuật. Trong hai mặt của nguyên tắc cơ bản đó, thì tiêu diệt địch là chủ yếu, bảo tồn mình chiếm địa vị thứ hai vì rằng chỉ có tiêu diệt địch mới có thể bảo tồn mình một cách có hiệu quả nhất.

Tiến công là thủ đoạn để tiêu diệt địch. Tiến công để trực tiếp tiêu diệt địch nhưng đồng thời cũng để bảo tồn mình. Khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng từ khi nổ ra đến lúc phát triển, từ không có căn cứ đến thành lập căn cứ, từ bộ phận đến toàn quốc, từ không có chính quyền đến xây dựng chính quyền, từ không có quân đội đến phát triển quân đội, từ đánh những toán lẻ tẻ của địch đến tiêu diệt lực lượng chiến lược lớn mạnh ... bao giờ cũng do tiến công mà đạt được.

Trong toàn bộ cuộc chiến tranh do Nguyễn Huệ tiến hành, tiến công là chủ

yếu, là quyết định. Từ trận hạ thành Qui Nhơn năm 1773, hạ thành Phú Yên năm 1775, đến cuộc truy kích quân Thanh tới biên giới năm 1789, là cả một loạt cuộc chiến đấu và chiến dịch tiến công liên tục để tiêu diệt địch, bảo tồn mình. Dĩ nhiên, nói như vậy, không phải là quân đội Tây Sơn không có phòng ngự. Nhưng phòng ngự là thứ yếu mà tấn công là chủ yếu.

Tiến công, đó là ưu điểm trội nhất của nghệ thuật quân sự Nguyễn Huệ.

Nhưng tiến công cũng có nhiều cách tiến công. Có cách tiến công chậm chạp, cầm chừng như tiến công của quân Thanh, cũng có cách tiến công luồn quẩn của quân Trịnh ở dưới chân các thành lũy đã không tiêu diệt được địch mà ngược lại, chính mình lại bị tiêu hao. Đó là những cách tiến công vừa không tiêu diệt được địch vừa không bảo tồn được mình. Cách tiến công của Nguyễn Huệ khác hẳn: nhanh chóng, mãnh liệt. Nhanh chóng bao hàm nhiều ý nghĩa: vận động và cơ động nhanh chóng giải quyết chiến đấu, chiến dịch một cách nhanh chóng. Bất luận khi có ưu thế hay khi không có ưu thế so với địch về chiến lược và chiến dịch bao giờ Nguyễn Huệ cũng thực hành tiến công nhanh chóng. Nhất là khi không có ưu thế so với địch, thì tiến công lại càng nhanh chóng, bằng cách vận động nhanh chóng từ xa đến, cơ động nhanh chóng và táo bạo thọc sâu vào lòng địch, vu hồi vào sườn hoặc sau lưng địch, nhanh chóng bao vây, chia cắt địch, đánh nhanh, giải quyết nhanh. Trong những trường hợp đó, nhanh chóng đã bổ sung hoặc thay thế cho thế yếu về số lượng. Những cuộc hành quân thần tốc và bí mật, những cuộc đột kích chớp nhoáng, những cuộc cơ động của nhiều đạo quân lớn nhanh chóng thọc vào sau lưng địch, mà Nguyễn Huệ thực hành trong các trận chiến đấu và chiến dịch tấn

công, đã thể hiện nghệ thuật cao của vị tướng thiên tài, là nhanh chóng tiêu diệt lực lượng phân tán của địch, khiến cho địch bị bất ngờ, chưa kịp tổ chức đối phó đã bị tiêu diệt.

Nhanh chóng trong vận động và cơ động, nhanh chóng trong tác chiến để nhanh chóng tiêu diệt địch, đó cũng là một ưu điểm trội nhất của nghệ thuật quân sự Nguyễn Huệ.

Song, nhanh chóng không thể tách rời với mãnh liệt. Muốn nhanh chóng mà không mãnh liệt thì rốt cuộc không đạt được nhanh chóng.

Mãnh liệt là tập trung lực lượng tạo thành thế mạnh để giáng những đòn sấm sét, mãnh liệt tức là nói động tác chiến đấu phải mãnh liệt, hành động chiến đấu phải tích cực, kiên quyết. Mãnh liệt là nghệ thuật sử dụng hỏa lực tập trung trên điểm đột phá, là nghệ thuật sử dụng tập trung binh lực để tiến công mãnh liệt, xung phong mãnh liệt, phát triển mãnh liệt, truy kích mãnh liệt. Có thế mạnh mà không tập trung sử dụng thì không đạt được mãnh liệt; muốn mãnh liệt mà không tập trung và không tạo được thế mạnh thì rốt cuộc không thể mãnh liệt được. Do đó cũng không thể đạt tới nhanh chóng. Kết quả là chỉ tiêu hao địch, đánh tan địch, mà không thực hiện nổi việc tiêu diệt địch. Các trận chiến đấu, chiến dịch tiến công của Nguyễn Huệ vừa nhanh chóng, vừa mãnh liệt là những kiểu mẫu về sự kết hợp một cách khéo léo và cân đối giữa thế mạnh của tiến công hỏa lực và thế mạnh của cơ động.

Mãnh liệt trong chiến đấu, chiến dịch, đó cũng là một ưu điểm trội nhất trong nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ. Tiến công nhanh chóng và mãnh liệt là một thể thống nhất, là một trong những nguyên tắc chủ yếu nhất của nghệ thuật

quân sự, cũng là một ưu điểm trội nhất trong nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ, khiến cho quân đội của Nguyễn Huệ không ngừng phát triển, đã bảo tồn được mình và tiêu diệt được mấy chục vạn quân Trịnh, Lê, Nguyễn, 2 vạn quân Xiêm và 20 vạn quân Thanh.

Ưu điểm trội nhất của nghệ thuật quân sự đó nói lên những tư tưởng chỉ đạo tác chiến cơ bản của Nguyễn Huệ. Do tiến công nhanh chóng và mãnh liệt, các trận chiến đấu, chiến dịch của quân đội Tây Sơn bao giờ cũng đạt được mục tiêu chủ yếu là tiêu diệt sinh lực địch. Mỗi một trận chiến đấu, mỗi một chiến dịch do Nguyễn Huệ chỉ huy, đều giết, bắt hàng ngàn, hàng vạn, hàng chục vạn quân tinh nhuệ và tướng tài giỏi của địch, thu hàng ngàn, hàng vạn, hàng chục vạn vũ khí các loại, khiến cho địch không thể bổ sung, thay thế kịp thời, tinh thần quân địch phải tan rã, ý chí đề kháng, ý chí xâm lược bị đè bẹp. Cơ sở vật chất và tinh thần của địch cứ như vậy mà bị tiêu hao dần, bị tiêu diệt từng bộ phận đến bị tiêu diệt toàn bộ. Kết quả của tiêu diệt sinh lực địch là vừa giải phóng đất đai, vừa bổ sung lực lượng, vừa nâng cao thêm tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân. Cho nên từ đó ta có thể rút ra kết luận: tư tưởng đánh tiêu diệt là tư tưởng chủ đạo tác chiến cơ bản của Nguyễn Huệ trong toàn bộ cuộc chiến tranh. Quân đội Tây Sơn đã thừa kế và phát huy cao độ truyền thống anh dũng và vẻ vang của các quân đội chống ngoại xâm của nước ta, từ thời Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, đến Lê Lợi, Nguyễn Trãi, truyền thống của những trận đánh tiêu diệt vĩ đại. Các quân đội mạnh của phong kiến xâm lược đã chịu số phận vút xác lại trên các chiến trường ở nước ta, còn các tên tướng lĩnh tài giỏi thì số phận của chúng cũng

không vinh quang gì. Các tướng thủy quân chiêu Tăng, chiêu Sương đã nhanh chóng chui rừng lách bụi theo đường bộ chạy về Xiêm. Thoát Hoan chui vào ống đồng để lọt qua biên giới. Vương Thông nhục nhã đầu hàng, lui thủ rút về nước. Tôn Sĩ Nghị thì vớt cả quân ăn, sắc thư, phi ngựa không yên mà chạy. Đó là chưa kể những tên tướng đã bị tiêu diệt trong chiến đấu như Toa Đô, Ô Mã Nhi, Liễu Thăng, Hứa Thế Hanh, Sầm Nghi Đống, v.v.

Tư tưởng đánh tiêu diệt của Nguyễn Huệ, như trên đã trình bày, biểu hiện ở việc lấy bảo tồn mình tiêu diệt địch làm nguyên tắc chỉ đạo mọi hành động quân sự của quân đội. Nó lấy tiêu diệt địch làm mục tiêu chủ yếu của chiến tranh. Tư tưởng đánh tiêu diệt đó còn biểu hiện ở việc xác định những hình thức tác chiến chủ yếu trong các trận đánh. Khi mới nổi dậy, nghĩa quân Tây Sơn chỉ là một đội du kích. Hình thức tác chiến chủ yếu lúc đó là đánh du kích. Những trận chiến đấu và chiến dịch sau này, do Nguyễn Huệ chỉ huy từ trận Phú Yên trở đi, tiến lên chiến tranh chính quy, với hai hình thức đánh vận động và đánh thành. Trong hai hình thức này, Nguyễn Huệ đã chọn hình thức nào làm chủ yếu? Tuy quân đội Nguyễn Huệ thông thạo đánh vận động, cũng giỏi đánh thành, nhưng xuất phát từ tư tưởng tiêu diệt địch, và dựa vào tinh thần chiến đấu cao của binh sĩ, Nguyễn Huệ đã chọn đánh vận động làm hình thức tác chiến chủ yếu, trong toàn cuộc chiến tranh. Cho nên, tuy về chiến đấu, có trận đánh thành, có trận đánh địch đang vận động, nhưng trong toàn bộ chiến dịch, thông thường đánh vận động là chủ yếu. Địch vận động, đương nhiên, là cơ hội tốt để đánh vận động. Nhưng ngay cả trong các trường hợp khác, Nguyễn Huệ cũng có những hành động tích cực buộc địch vận động, để tiêu diệt địch. Do đó, chiến đấu, chiến dịch thông thường mang tính chất đánh

tiêu diệt.

Tư tưởng đánh tiêu diệt của Nguyễn Huệ còn biểu hiện ở việc biết mình biết địch, tranh thủ chủ động. Ngay từ buổi đầu khởi nghĩa, Nguyễn Huệ đã tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, ông có một dũng khí chiến đấu vĩ đại để áp đảo mọi kẻ thù trong, giặc ngoài. Nhưng trong mỗi chiến dịch, trong mỗi trận chiến đấu, không những ông nắm rất vững khả năng của quân đội mình, mà còn hiểu và nắm vững tình hình của từng kẻ địch cụ thể. Trên cơ sở biết mình biết địch một cách sâu sắc, ông chú ý đến nghệ thuật đấu tranh, đề ra những phương pháp, thủ đoạn, biện pháp thích hợp nhất để đạt tới mục đích tiêu diệt địch. Do đó, Nguyễn Huệ luôn luôn đứng ở địa vị chủ động, đẩy địch vào trạng thái bị động. Trong những trường hợp có nguy cơ mất quyền chủ động, Nguyễn Huệ rất sắc bén trong việc phát hiện chỗ mạnh chỗ yếu của địch trong từng tình huống cụ thể để giành lại quyền chủ động về tay mình.

Tư tưởng đánh tiêu diệt đó còn biểu hiện trong các phương pháp tác chiến của Nguyễn Huệ, chủ yếu và nổi nhất là phương pháp tập trung gần toàn bộ lực lượng đánh vào mặt chính và một cạnh sườn hoặc hai cạnh sườn của địch, nhằm đạt tới mục đích trước hết là tiêu diệt một bộ phận địch và đánh tan một bộ phận khác, do đó tạo điều kiện thuận lợi để quân đội nhanh chóng di chuyển binh lực, tập trung lực lượng tiêu diệt một bộ phận khác cho đến lúc tiêu diệt toàn bộ địch. Trong chiến dịch, chiến đấu, Nguyễn Huệ chú ý đặc biệt đến vấn đề xác định thật đúng đắn hướng chủ yếu để tập trung lực lượng vào hướng ấy. Đó là nghệ thuật tạo nên ưu thế cục bộ. Cho nên, thông thường,

về toàn cục, quân đội Nguyễn Huệ ở vào thế kém về số lượng, nhưng trước cục bộ trọng điểm, cục bộ có ý nghĩa quyết định đến toàn cục, bao giờ Nguyễn Huệ cũng đạt tới thế mạnh cao độ. Phương pháp nói trên, về thực chất, là phương pháp tập trung lực lượng, tạo thành thế mạnh vu hồi bao vây địch trên nhiều mặt, lần lượt tiêu diệt từng bộ phận địch. Ưu điểm của phương pháp này là tiêu diệt địch, chứ không đánh tan, đẩy lùi địch, giải quyết nhanh, chứ không chậm chạp, kéo dài chiến đấu hoặc chiến dịch. Đối với Nguyễn Huệ, tập trung lực lượng tạo thành thế mạnh, bao vây vu hồi và tiêu diệt địch có quan hệ chặt chẽ với nhau, không tập trung và tạo thành thế mạnh, không bao vây vu hồi, thì không thể đạt tới tiêu diệt toàn bộ địch.

Tư tưởng đánh tiêu diệt còn thể hiện trong bố trí thế trận chiến đấu và chiến dịch của Nguyễn Huệ. Đó là cách bố trí có điểm chính, có điểm phụ và luôn luôn nắm vững một đội dự bị quan trọng. Cách bố trí đó thể hiện tư tưởng tập trung tiến công trên một điểm, đồng thời tiến công trên nhiều mặt. Do đó, điểm chính và phụ hiệp đồng rất chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Các lực lượng bố trí trên điểm chính và điểm phụ đều nỗ lực tiến công vào một mục tiêu để giành thắng lợi chung, đồng thời mọi hành động trên các mặt đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thắng lợi có ý nghĩa quyết định, tại một điểm. Nguyễn Huệ nắm vững đội dự bị để giữ vững quyền chủ động, và có tài đặc biệt để sử dụng nó một cách linh hoạt. Mỗi lần ông tung đội dự bị vào chiến đấu thường là quyết định kết cục của chiến dịch và chiến đấu.

Tư tưởng đánh tiêu diệt còn biểu hiện ở sự vận dụng chiến thuật một cách cơ động, linh hoạt và đánh địch thật bất ngờ. Nguyễn Huệ nắm rất chắc thời cơ chiến đấu, hiểu rõ đặc tính chiến thuật của địa hình và biết sử dụng bộ đội

mình một cách chính xác nhất. Quân đội do ông chỉ huy có tính cơ động rất cao, thông thạo sử dụng các hình thức chiến thuật, nhất là biết thay đổi chiến thuật một cách kịp thời.

Bất kỳ chiến đấu trong điều kiện nào, Nguyễn Huệ luôn luôn gây bất ngờ cho địch, do đó ông nắm vững thế mạnh và giữ được quyền chủ động. Địch có chuẩn bị, thì ông đánh lừa địch. Địch chuẩn bị nơi này, ông đánh nơi khác. Địch chuẩn bị chu đáo vào thời gian này, ông đánh vào thời gian khác.

Tư tưởng đánh tiêu diệt của Nguyễn Huệ còn biểu hiện ở việc khéo léo sử dụng các quân, binh chủng và giới tổ chức hiệp đồng chặt chẽ động tác của các quân, binh chủng tham gia chiến dịch và chiến đấu. Đồng thời Nguyễn Huệ biết tính toán một cách chính xác sự hiệp đồng theo thời gian và địa điểm của các quân, binh chủng đó.

Tư tưởng đánh tiêu diệt còn biểu hiện ở sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt trước khi mở chiến dịch. Thông thường, thời gian chuẩn bị của Nguyễn Huệ dài hơn thời gian tác chiến: chuẩn bị thật kỹ lưỡng để đánh nhanh, giải quyết nhanh. Ông luôn luôn duy trì quân đội mình trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu cao độ, để khi cần thiết, ông chỉ hạ lệnh là quân đội sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ. Đó cũng là tư tưởng đánh có chuẩn bị, đánh chắc thắng.

Cuối cùng, tư tưởng đánh tiêu diệt còn biểu hiện ở sự rèn luyện tác phong chiến đấu dũng cảm, mãnh liệt, thần tốc, độc lập xử trí, liên tục chiến đấu, mưu trí, linh hoạt. Binh sĩ trong quân đội Nguyễn Huệ có tinh thần chiến đấu cao, lại có trình độ chiến thuật, kỹ thuật khá, có trình độ kỷ luật tốt. Những điều đó thể hiện trong tác phong chiến đấu. Có thể nói rằng, không có tư

tướng tích cực tiêu diệt địch, thì không thể có tác phong đó. Ngược lại, không rèn luyện tác phong chiến đấu, thì cũng không thể thực hiện được đánh tiêu diệt.

Với tư tưởng ấy, với sự chỉ huy thiên tài của Nguyễn Huệ, quân đội Tây Sơn đã đánh là thắng lợi, đã đánh là đánh tiêu diệt nhanh chóng và gọn gàng.

KẾT LUẬN

Tất cả những chiến công rực rỡ, những chiến lược, chiến thuật tài tình của Nguyễn Huệ như đã trình bày trong toàn bộ tập sách này, tự nó đã nói rất rõ về thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, tự nó đã khẳng định một cách không ai chối cãi được rằng Nguyễn Huệ quả thật là một trong những tướng lĩnh tài giỏi bậc nhất của dân tộc Việt Nam chúng ta: Trong phần kết luận này, chúng tôi không nhắc lại những điều đã trình bày ở trên để đánh giá Nguyễn Huệ, mà chỉ muốn cùng bạn đọc tìm hiểu thêm một số vấn đề có liên quan đến thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ.

Một là Nguyễn Huệ là một tướng lĩnh của nông dân, xuất thân từ nông dân và hoạt động trong thời đại phong kiến, vậy thì ông đã có những gì là hạn chế của giai cấp, hạn chế của thời đại và do những hạn chế ấy, ông đã có những khuyết điểm, nhược điểm gì về mặt quân sự, hoặc về các mặt hoạt động khác. Hai là những nguyên nhân gì, những yếu tố gì đã tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ.

Giải quyết được hai vấn đề trên, chúng ta càng hiểu thấu sâu sắc thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, đồng thời đánh giá được thật đúng thiên tài quân sự của ông.

Về vấn đề thứ nhất, những hạn chế của giai cấp, hạn chế của thời đại đối với con người Nguyễn Huệ, trước hết chúng ta phải thừa nhận rằng Nguyễn Huệ là con đẻ của phong trào nông dân Tây Sơn. Không có nông dân vùng Tây Sơn, Qui Nhơn và nông dân cả nước nổi dậy ở cuối thế kỷ XVIII thì không thể có Nguyễn Huệ xuất hiện trên lịch sử như một lãnh tụ kiệt xuất của nông dân, một anh hùng cứu nước vĩ đại của dân tộc. Không có phong trào nông dân Tây Sơn lớn mạnh, được sự tham gia nhiệt liệt của đông đảo quần chúng, thì thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ cũng không có điều kiện để nảy nở. Cho nên đánh giá Nguyễn Huệ không thể tách ông khỏi phong trào nông dân Tây Sơn. Sự nghiệp hiển hách của Nguyễn Huệ là sự nghiệp vĩ đại của phong trào Tây Sơn, hoặc nói cho rõ hơn, là sự nghiệp vĩ đại của nông dân Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII. Những hạn chế về giai cấp, về thời đại của phong trào nông dân Tây Sơn cũng đồng thời là những hạn chế đối với tài năng, với đường lối chỉ đạo phong trào của Nguyễn Huệ. Những khuyết điểm, nhược điểm của phong trào nông dân Tây Sơn cũng là những khuyết điểm, nhược điểm của bản thân Nguyễn Huệ, người lãnh tụ tối cao của phong trào. Điều đó là tất nhiên.

Nhận xét về mặt cách mạng xã hội và những kết quả cuối cùng của phong trào, cuộc khởi nghĩa Tây Sơn rõ ràng đã có những hạn chế nhất định của nó. Phong trào nông dân Tây Sơn đã không xóa bỏ được chế độ phong kiến, không đưa được xã hội Việt Nam lên một bước phát triển mới của lịch sử, và cuối cùng bản thân phong trào cũng đi vào con đường tan rã như một tập đoàn phong kiến đến bước suy vong. Đó không phải là những sai lầm chủ quan của

phong trào nông dân Tây Sơn mà là do những hạn chế của giai cấp, của lịch sử, của thời đại quyết định và Nguyễn Huệ, người lãnh đạo phong trào, cũng không thể tránh khỏi những hạn chế ấy. Trong công cuộc xây dựng đất nước, mặc dầu ông đã cố gắng đề ra nhiều biện pháp tích cực về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhưng nó vẫn không thoát được ra ngoài khuôn khổ của chế độ phong kiến. Chính quyền do nghĩa quân Tây Sơn lập nên, tuy gọi là chính quyền của nông dân, nhưng tham gia chính quyền chủ yếu vẫn là giai cấp phong kiến: bộ máy hành chính trong cả nước, từ triều đình tới các địa phương vẫn chưa thể trao cho ai khác ngoài giai cấp phong kiến. Chính vì thế mà sau khi người lãnh tụ tối cao của phong trào là Nguyễn Huệ chết đi, phong trào lập tức thoái hóa, chính quyền Tây Sơn mau chóng đi tới sụp đổ.

Nhược điểm trên đây là nhược điểm cơ bản nhất, không những nó là nhược điểm của phong trào Tây Sơn, của lãnh tụ Nguyễn Huệ, mà còn là nhược điểm chung của tất cả các phong trào nông dân khởi nghĩa đã xuất hiện trong thời phong kiến.

Bên cạnh nhược điểm cơ bản ấy do hoàn cảnh khách quan tạo nên, Nguyễn Huệ có thể có những thiếu sót chủ quan gì không? Là một lãnh tụ của phong trào nông dân, đấu tranh theo yêu cầu của giai cấp nông dân, trong điều kiện chưa có một lý luận cách mạng tiên tiến soi đường, Nguyễn Huệ nhất định không tránh khỏi thiếu sót. Những hạn chế của giai cấp đã làm cho nhãn quan chính trị của ông bị hạn chế. Có những khi ông đã nhìn phong trào Tây Sơn không trên toàn cục của nó, do đây đường lối lãnh đạo phong trào của ông nhiều khi không toàn diện. Nhiều khi ông đã không phát huy hết tính tích cực và khả năng phong phú của ông để đẩy phong trào Tây Sơn tiến lên hơn nữa

và giúp cho phong trào phát triển được đồng đều ở mọi nơi, mọi lúc.

Trong mấy chục năm trời hoạt động, thành tích của phong trào Tây Sơn, chủ yếu là thành tích quân sự và những thành tích ấy đều liên quan chặt chẽ với thiên tài quân sự, với uy danh, đức độ của cá nhân Nguyễn Huệ, do đấy phong trào Tây Sơn đã phát triển không đều. Chỗ nào có Nguyễn Huệ thì phong trào mạnh, chỗ nào vắng ông thì phong trào yếu. Chỗ nào có ông thì đánh thắng địch thật oanh liệt, chỗ nào không có ông thì chiến đấu rất khó khăn, chật vật, hoặc thất bại hoàn toàn, hoặc bị địch uy hiếp nghiêm trọng.

Điều đó nói lên rằng tài năng cá nhân của Nguyễn Huệ đã đóng vai trò có tính chất quyết định vận mệnh của phong trào Tây Sơn. Đường lối lãnh đạo chung của toàn bộ phong trào Tây Sơn tuy có phản ánh được ý nguyện của nông dân, của dân tộc Việt Nam, phản ánh được thực tế của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, nhưng phần lớn cũng phụ thuộc vào tài của Nguyễn Huệ. Vận mệnh của cả một phong trào mà phần lớn lệ thuộc vào tài năng của một người thì phong trào không thể tránh khỏi sụp đổ một khi phong trào vắng bóng người đó.

Anh hùng Nguyễn Huệ, ngoài thiên tài quân sự, còn có nhiều khả năng lãnh đạo trên nhiều mặt khác: chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, v.v. Hơn ba năm xây dựng Bắc Hà thắng lợi, sau chiến thắng quân Thanh, đã chứng minh rất rõ những khả năng đó của Nguyễn Huệ. Nhưng trong suốt mười lăm năm hoạt động ở phía nam, kể từ khi phong trào Tây Sơn mới quật khởi năm 1771, cho tới khi Nguyễn Huệ ra đánh Bắc Hà, thống nhất đất nước năm 1786, Nguyễn Huệ chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ của một người tướng hoàn toàn đặt dưới quyền chi phối của Nguyễn Nhạc, ông đã không phát huy tác dụng của

mình là một trong ba lãnh tụ của phong trào. Chính vì thế mà trong cả thời gian dài đó, bao gồm ba phần tư đời hoạt động chiến đấu của Nguyễn Huệ, lịch sử đã không ghi được những thành tích gì khác của ông và của phong trào, ngoài những thành tích về quân sự. Đáng rằng trong thời gian này, những hoạt động của Nguyễn Huệ còn bị uy quyền của Nguyễn Nhạc không chế, nhưng với cương vị của ông, vừa là người có công lao nhất, có uy tín nhất đối với phong trào, vừa là em ruột Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ vẫn có khả năng thuyết phục Nguyễn Nhạc trong một chừng mực nhất định, để làm theo một phần nào những chủ trương, đường lối chiến đấu của ông. Nguyễn Huệ đã không phát huy tính tích cực của ông về các mặt đó. Thật là điều đáng tiếc. Trong mười lăm năm hoạt động ở phía nam, Nguyễn Huệ đã nhiều lần đem quân vào Gia Định, lập được những chiến công rực rỡ, giải phóng được Gia Định, đánh tan được quân Nguyễn. Nhưng thường thường, đánh thắng giặc tháng trước, thì tháng sau, Nguyễn Huệ rút quân về Qui Nhơn ngay. Ông coi nhiệm vụ làm tướng của ông như thế là hoàn thành, ông không quan tâm lắm đến việc xây dựng phong trào ở Gia Định, củng cố Gia Định thành một căn cứ vững chắc cho phong trào. Do vậy, lần nào cũng vậy, Nguyễn Huệ rút quân khỏi Gia Định thì lập tức bọn phản động nhà Nguyễn lại tập hợp lực lượng, giành lại được ngay miền Gia Định về tay chúng. Để Gia Định luôn luôn mất về tay bọn phản động, trách nhiệm chính là ở Nguyễn Nhạc, Nguyễn Nhạc đã có những đường lối, chủ trương sai, có những thái độ và hành động không đúng, do những hạn chế về tài năng và đạo đức của Nguyễn Nhạc gây nên. Nhưng Nguyễn Huệ không phải là không có phần thiếu sót của mình. Đứng về phía người làm tướng, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, tuân theo lệnh trên,

chấp hành kỷ luật của người làm tướng, như thế là rất đúng. Nhưng đứng về phía là một người lãnh đạo phong trào, thì những hành động quân sự đơn thuần của Nguyễn Huệ ở miền Gia Định như vậy, chưa đủ để giúp cho phong trào Tây Sơn hoàn thành nhiệm vụ của mình ở nơi đó. Thiếu sót này của Nguyễn Huệ, cũng tức là thiếu sót chung của phong trào Tây Sơn đối với miền Gia Định. Do đó bọn phản động Nguyễn Ánh đã có điều kiện trở lại khôi phục quyền thống trị của chúng sau này.

Từ năm 1787 trở đi, tức là sau khi Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ cùng nhau chia sẻ quyền lãnh đạo thì phong trào Tây Sơn hình thành hai bộ phận rõ rệt. Không phải là hai bộ phận chống đối nhau, nhưng là hai bộ phận phát triển không đều nhau: một bộ phận của phong trào Tây Sơn ở phía bắc, từ Thuận Hóa trở ra, đặt dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Huệ, thì phát triển mạnh mẽ, làm nên những sự nghiệp vô cùng hiển hách, mà bộ phận ở phía nam, từ Quảng Nam, Qui Nhơn vào Gia Định, đặt dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ, thì suy yếu một cách nghiêm trọng và ngày càng nguy khốn trước những tiến công liên tiếp của bọn phản động Nguyễn ánh.

Tình trạng phong trào Tây Sơn phát triển một cách không đồng đều như vậy báo hiệu một sự sụp đổ nhất định của phong trào, một khi Nguyễn Huệ chết đi. Trong những năm 1787, 1788, Gia Định bị bọn phản động Nguyễn Ánh tiến công dữ dội, Nguyễn Nhạc đã nhiều lần cầu cứu Nguyễn Huệ, tự hạ mình xuống làm Tây tương, trông coi một phủ Qui Nhơn và trao quyền lãnh đạo toàn bộ phong trào Tây Sơn cho Nguyễn Huệ. Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ đã quyết định chuẩn bị đưa quân vào Gia Định, đánh Nguyễn ánh, giải

phóng Gia Định, trả thù cho anh. Thái độ và hành động ấy của Nguyễn Huệ là rất đúng. Nhưng nếu như, trong khi Nguyễn Huệ chưa có điều kiện đưa quân vào Gia Định, mà Nguyễn Huệ quan tâm hơn nữa đến việc củng cố phong trào Tây Sơn từ Quảng Nam vào Bình Thuận, đẩy mạnh phong trào ở đây lên hơn nữa, đưa vào thực hiện ở đó những chính sách chính trị, kinh tế, văn hóa đã được tiến hành ở miền Bắc, trực tiếp giúp đỡ Nguyễn Nhạc xây dựng lại lực lượng quân sự đủ sức đối phó với những âm mưu tiến công của Nguyễn ánh lên khu vực Bình Thuận, Qui Nhơn, thì dù Nguyễn Huệ có chết sớm, kế hoạch tiến đánh Gia Định của Nguyễn Huệ chưa thực hiện được, cục diện chiến tranh diễn ra sau khi Nguyễn Huệ đã chết, chưa chắc đã có lợi hẳn cho bọn phản động, sự tan rã của phong trào Tây Sơn, dù không thể tránh được, nhưng cũng có thể kéo dài thêm một thời gian nữa. Đó cũng là một điều đáng tiếc. Những thiếu sót trên đây của Nguyễn Huệ là những hạn chế về khả năng lãnh đạo của ông. Và những hạn chế ấy cũng là con đẻ của những hạn chế giai cấp của ông mà ông không thể tự mình vượt khỏi.

Nhìn chung lại, hơn hai mươi năm tung hoành ngang dọc khắp đất nước, phong trào Tây Sơn đã làm nên những sự nghiệp vẻ vang, nhưng phong trào Tây Sơn cũng như người lãnh đạo xuất sắc của phong trào là Nguyễn Huệ đã không thể làm đổi mới được xã hội Việt Nam ở cuối thế kỷ XVIII, không thật sự giải phóng được nông dân thoát khỏi ách phong kiến, và dù muốn hay không, tự mình cũng không tránh được con đường phong kiến hóa. Khuyết điểm, nhược điểm chủ yếu của phong trào nông dân Tây Sơn là như vậy và những hạn chế của giai cấp, của lịch sử của thời đại đối với sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Nguyễn Huệ cũng chính là như vậy.

Nhưng dù phong trào có những hạn chế như thế nào chăng nữa, đứng về mặt đấu tranh vũ trang chống phong kiến mà nhận xét, chúng ta nhất thiết phải khẳng định rằng: phong trào nông dân Tây Sơn là một phong trào nông dân vũ trang chống phong kiến lớn mạnh nhất, vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam. Vĩ đại ở chỗ, trong thời gian chưa đầy hai mươi năm, phong trào Tây Sơn liên tiếp đánh bại cả ba tập đoàn phong kiến đã nắm quyền thống trị đất nước từ lâu đời, hai họ Trịnh, Nguyễn từ trên hai trăm năm, họ Lê từ gần bốn trăm năm, đánh những đòn quyết định vận mệnh của chế độ phong kiến mà gốc rễ đã ăn sâu vào xã hội Việt Nam từ trên một ngàn năm lịch sử, làm cho chế độ phong kiến Việt Nam phải lung lay tận gốc và chờ ngày sụp đổ hẳn. Phong trào Tây Sơn còn vĩ đại ở chỗ nó đã giành được chủ quyền trong cả nước về tay nông dân trong mấy chục năm liền, một việc mà các phong trào nông dân khác trong thời phong kiến đã không làm được.

Đứng về mặt hoàn thành những nhiệm vụ lớn lao của thời đại lịch sử lúc ấy là chống ngoại xâm và thống nhất đất nước mà nhận xét, chúng ta cũng phải khẳng định rằng phong trào Tây Sơn đã có những công lao vô cùng to lớn đối với dân tộc, với Tổ quốc. Với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút đầu năm 1771, phong trào Tây Sơn đã làm tiêu tan mưu đồ của phong kiến Xiêm muốn chiếm đoạt lãnh thổ miền Nam nước ta và, với chiến thắng hai mươi vạn quân Thanh đầu năm 1789, phong trào Tây Sơn đã vĩnh viễn chấm dứt nạn xâm lăng của các tập đoàn phong kiến phương Bắc không ngừng đe dọa nền độc lập của dân tộc Việt Nam trong suốt mấy nghìn năm trước.

Nước nhà, từ những cuộc Lê - Mạc phân tranh đến Trịnh - Nguyễn phân tranh,

đã phải trải qua gần ba trăm năm bị chia cắt. Chỉ với những chiến thắng lẫy lừng của phong trào Tây Sơn suốt từ Nam ra Bắc, đất nước ta mới được thống nhất, ranh giới chia cắt mới được xóa bỏ. Công lao của phong trào nông dân Tây Sơn đối với nền thống nhất nước nhà, ở cuối thế kỷ XVIII thật là to lớn. Với những sự nghiệp vĩ đại ấy phong trào nông dân Tây Sơn đã giữ một vị trí vô cùng vẻ vang trong lịch sử cách mạng của người nông dân Việt Nam. Cũng có thể nói rằng, trên thế giới rất ít phong trào nông dân có thể đồng thời làm được cả ba nhiệm vụ giải phóng nông dân, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, như phong trào nông dân Tây Sơn ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII.

Nguyễn Huệ, người lãnh tụ phong trào Tây Sơn vĩ đại ấy đã, vừa là một lãnh tụ kiệt xuất của nông dân, vừa là một anh hùng vĩ đại của dân tộc, vừa là một tướng lĩnh tài giỏi bậc nhất của thời đại. Ông đã đưa phong trào tiến tới hoàn thành mọi nhiệm vụ vĩ đại mà lịch sử đã trao cho. Ông đã lãnh đạo nông dân lần lượt đánh đổ mọi tập đoàn phong kiến ở trong nước, lập lại nền thống nhất của nước nhà. Ông đã đánh tan mọi cuộc xâm lăng và can thiệp vũ trang của nước ngoài, giữ vững nền độc lập của Tổ quốc. Trong hai mươi năm chiến đấu liên tục, Nguyễn Huệ chỉ có thắng mà không có bại. Mặc dù kẻ địch đông mạnh, hung hãn đến đâu, Nguyễn Huệ cũng chỉ bằng một chiến dịch chớp nhoáng là hoàn toàn tiêu diệt địch. Với quyết tâm chiến đấu vì lợi ích của quần chúng, vì lợi ích của Tổ quốc, Nguyễn Huệ lúc nào cũng được đông đảo quần chúng ủng hộ, lúc nào cũng được nhân dân cả nước đồng tình. Cho nên trong mọi trận chiến đấu, đứng trước mọi quân thù của giai cấp, của dân tộc, Nguyễn Huệ đã đánh là thắng, quân thù nào cũng phải ngã gục trước ý chí quyết chiến quyết thắng vô cùng mãnh liệt của ông. Những chiến công rực rỡ

của ông đã vang dội khắp non sông, lẫy lừng khắp trong nước, ngoài nước. Trong chiến đấu, quần chúng ủng hộ ông, dân tộc ủng hộ ông, thời đại ủng hộ ông, Nguyễn Huệ đã trở thành một danh tướng bách chiến bách thắng, một danh tướng bậc nhất của quần chúng, của thời đại. Ông xứng đáng đứng hiên ngang bên cạnh những tướng lĩnh nổi tiếng trên thế giới, ở mọi thời đại. Thiên tài quân sự của ông phục vụ những sự nghiệp lịch sử cao cả, đã phát triển vô cùng mạnh mẽ, đem lại cho phong trào Tây Sơn và dân tộc ta những chiến thắng oanh liệt bậc nhất trong thời đại phong kiến. Những hoạt động chiến đấu và những đạo đức người làm tướng của Nguyễn Huệ đều là những bài học lớn cho chúng ta ngày nay và những đời sau học tập. Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ là thiên tài nảy nở trong phong trào quần chúng, trong chiến đấu, trung thành với lợi ích của quần chúng, với sự nghiệp chiến đấu ngoan cường bất khuất của dân tộc. Thiên tài đó là kế thừa những truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc và góp phần phát huy rực rỡ hơn nữa những truyền thống ưu tú ấy.

Vấn đề thứ hai là thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ vĩ đại như vậy, nhưng tự đâu mà có.

Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ thật là kỳ diệu, nhưng không vượt ra ngoài khả năng của con người. Bản thân Nguyễn Huệ chỉ là con đẻ của phong trào nông dân Tây Sơn thì thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ cũng là từ thực tế chiến đấu mà nảy sinh ra. Không có phong trào nông dân Tây Sơn, không trung thành với những nhiệm vụ của phong trào, không có quyết tâm hy sinh

chiến đấu liên tục trong mấy chục năm trời, vì lợi ích của phong trào, lợi ích của quần chúng, lợi ích của dân tộc, thì thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ không thể hình thành và phát triển, không thể đưa Nguyễn Huệ tới những chiến công vô cùng rực rỡ như chúng ta đã thấy. Cho nên thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ không phải là một cái gì thần bí, khó hiểu, mà nó có những nguồn gốc xã hội của nó. Thiên tài ấy đã phát triển trong điều kiện nó phục vụ quần chúng, phục vụ dân tộc thì nó cũng nảy sinh trong chính những điều kiện ấy. Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ gắn liền với sự nghiệp của ông, với thực tế chiến đấu của ông.

Nghiên cứu toàn bộ sự nghiệp của Nguyễn Huệ, chúng ta thấy thiên tài quân sự của ông đã được tạo thành bởi mấy yếu tố sau đây:

- Một là tinh thần đấu tranh liên tục và kiên trì chống áp bức bóc lột của quảng đại nhân dân Việt Nam ở thế kỷ XVIII, tinh thần quật cường bất khuất của cả dân tộc và tinh thần chiến đấu ngoan cường, anh dũng của nghĩa quân Tây Sơn. Yếu tố tinh thần đó là cơ sở tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Không có quảng đại quần chúng nhân dân làm khởi nghĩa, không có phong trào nông dân Tây Sơn, không có sự đồng tình ủng hộ của quân dân cả nước thì Nguyễn Huệ dù tài giỏi đến đâu cũng không thể làm nên những sự nghiệp hiển hách như đã có, không thể trở thành lãnh tụ kiệt xuất của nông dân, không thể trở thành anh hùng cứu nước vĩ đại của dân tộc, cũng không thể trở thành người danh tướng bậc nhất của thời đại, bởi vì ông không có hoàn cảnh, không có điều kiện để phát triển tài năng của mình. Cho nên, đối với thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, yếu tố tinh thần của quần chúng đấu tranh, của nghĩa quân Tây Sơn, và của nhân dân cả nước đương thời, là yếu tố cơ

bản nhất. Không có yếu tố tinh thần đó, không thể có thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ.

- Hai là lòng trung thành tuyệt đối với phong trào và quyết tâm chiến đấu trước mọi kẻ thù của giai cấp, của dân tộc. Đó là điểm nổi bật nhất trong con người Nguyễn Huệ, khiến ông đã trở thành linh hồn của phong trào nông dân Tây Sơn. Trong phong trào Tây Sơn, ngoài Nguyễn Huệ còn có nhiều lãnh tụ, nhiều tướng lĩnh khác. Những người này có thể nói tài giỏi không kém Nguyễn Huệ, trong buổi đầu chiến đấu có khi còn từng trải hơn Nguyễn Huệ, có nhiều kinh nghiệm hơn Nguyễn Huệ, nhưng không có ai một lòng một dạ với phong trào, có quyết tâm chiến đấu trước mọi kẻ thù như Nguyễn Huệ. Trong công cuộc chiến đấu chống kẻ thù của giai cấp, của phong trào, Nguyễn Nhạc, vốn là lãnh tụ tối cao của phong trào, đã nhiều lần trù trừ, thoái chí, biểu hiện tư tưởng muốn tự thủ một vùng Qui Nhơn nhỏ bé, từ bỏ mọi nhiệm vụ chiến đấu của phong trào, mặc cho kẻ địch tự do hoạt động ở ngoài phạm vi căn cứ địa Qui Nhơn của mình. Nguyễn Lữ, người lãnh tụ thứ hai của phong trào Tây Sơn, cũng đã từng lần trốn trước nhiệm vụ chiến đấu của mình. Nguyễn Lữ, với danh hiệu Đông định vương, đã cầm quyền trấn thủ ở Gia Định. Năm 1787, khi Nguyễn ánh đem quân về mưu đánh chiếm lại Gia Định thì Nguyễn Lữ chưa giao chiến trận nào, đã vội bỏ thành Gia Định, chạy về Biên Hòa, rồi chạy dài về Qui Nhơn cho đến khi chết, để mặc cho giặc hoành hành ở Gia Định. Những tướng lĩnh tài giỏi khác của phong trào Tây Sơn như Lý Tài, Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm đều nửa đường tráo trở, phản lại phong trào và kết liễu đời mình một cách nhục nhã. Riêng Nguyễn Huệ, tham gia

phong trào từ năm mới 19 tuổi, nhưng từ đây cho đến khi ông chết, trải hơn 20 năm, lúc nào ông cũng trung thành với sự nghiệp chiến đấu, trung thành với lợi ích của giai cấp, của dân tộc, lúc nào cũng quyết tâm chiến đấu với mọi quân thù. Không lúc nào ông chùn bước. Không lúc nào ông ngần ngại chiến đấu. Không lúc nào ông buông lỏng khí giới. Không lúc nào ông không theo đuổi một mục tiêu cụ thể của phong trào để tiến tới. Nguyễn Huệ là người thật sự toàn tâm toàn ý với phong trào Tây Sơn, suốt đời mình không lúc nào ngừng đấu tranh vì giai cấp, vì dân tộc. Với lòng trung thành tuyệt đối với quần chúng, với dân tộc, với Tổ quốc và với quyết tâm chiến đấu trước mọi quân thù, Nguyễn Huệ tất nhiên phải tận dụng mọi khả năng, sử dụng mọi biện pháp để đánh thắng địch. Nghệ thuật quân sự của một người tướng trẻ như Nguyễn Huệ mà đạt tới trình độ cao chính là vì thế.

Trong chiến đấu, Nguyễn Huệ lúc nào cũng được quân dân cả nước đồng tình ủng hộ, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ lại càng phát huy mạnh mẽ. Càng đánh càng thắng. Địch càng đông, thắng càng lớn. Địch càng mạnh, thắng càng rực rỡ. Lịch sử 20 năm chiến đấu của Nguyễn Huệ đã chứng minh rất rõ điều đó.

- Ba là Nguyễn Huệ rất tôn trọng, tiếp thu những truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc, đồng thời tích cực phát huy tính sáng tạo trong điều kiện chiến đấu cụ thể của mình. Lịch sử dân tộc Việt Nam, nội dung chủ yếu là lịch sử đấu tranh chống xâm lược. Trải mấy nghìn năm, nhân dân Việt Nam đã không ngừng đấu tranh chống ngoại xâm, chống áp bức, đã chiến thắng mọi quân thù cướp nước ở các thời đại. Trong lịch sử Việt Nam đã xuất hiện rất nhiều anh hùng, danh tướng, nhiều nhà quân sự lỗi lạc. Kinh nghiệm chiến đấu, phương

pháp tác chiến của dân tộc Việt Nam, tích lũy qua các thời đại, ngày càng phong phú. Truyền thống quân sự của dân tộc Việt Nam thật là rực rỡ. Nguyễn Huệ đã kế thừa những truyền thống đó, ông rất trân trọng và tự hào với những binh thư, binh pháp của dân tộc. Năm 1792, Nguyễn Huệ cho đưa sang nhà Thanh một số tặng phẩm, gồm những chiến lợi phẩm tại mặt trận Vạn Tượng và mấy bộ binh thư Việt Nam. Tặng binh thư cho kẻ địch là một việc làm chưa hề có trong lịch sử Việt Nam, trước Nguyễn Huệ cũng như sau Nguyễn Huệ. Điều đó chứng tỏ rằng Nguyễn Huệ rất tự hào với binh thư, binh pháp, với những truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc Việt Nam.

Ông đã kế thừa và phát huy lên cao những truyền thống đó. Không những ông tiếp thụ những kinh nghiệm chiến đấu của các danh tướng thuộc các triều đại phong kiến, mà ông còn kế thừa những truyền thống đấu tranh ưu tú của các anh hùng, danh tướng xuất thân từ quần chúng, của những lãnh tụ các phong trào đấu tranh vũ trang của nông dân. Cho nên trong việc học tập kinh nghiệm của người xưa, ông không cố chấp tuân theo tất thảy những lễ lối tập tục cũ, ông mạnh bạo vứt bỏ những cái xấu, cái dở trong nghệ thuật quân sự phong kiến. Hôm trước được tin địch đến thì hôm sau xuất quân đánh địch, không cần xem ngày chọn giờ, không cần tế cờ, cầu thánh. Khi cần đánh địch, đêm cũng đánh, ngày Tết cũng đánh. Những hành động vượt ra ngoài lễ thói, tập quán phong kiến ấy đã đưa ông đến nhiều thắng lợi to lớn.

Bên cạnh việc học tập kinh nghiệm chiến đấu ưu tú của dân tộc, Nguyễn Huệ chủ tâm phát huy tính sáng tạo trong những điều kiện chiến đấu cụ thể của mình. Hoàn cảnh và điều kiện chiến đấu của phong trào Tây Sơn không giống

những thời đại trước, cũng không giống những phong trào khác, không phát huy tính sáng tạo mà chỉ rập khuôn những kinh nghiệm cũ thì không thể chiến thắng. Những trận đánh Gia Định, đánh Phú Xuân, đánh Bắc Hà, đánh quân Thanh, v.v. đều thể hiện rất rõ tính sáng tạo vô cùng phong phú của nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ. Chú tâm học tập truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc và mạnh dạn phát huy tính sáng tạo của mình trong chiến đấu đã là điều kiện để cho thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ phát triển.

- Yếu tố thứ tư tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ là sự nỗ lực bản thân của ông trong việc rèn luyện mình để trở thành người lãnh tụ xuất sắc của phong trào Tây Sơn, thành người tướng có nghệ thuật chỉ huy và bản lĩnh chiến đấu cao cường để tiến hành một cuộc chiến tranh nông dân rộng lớn, vừa làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc vừa làm nhiệm vụ thống nhất đất nước. Về nghệ thuật chỉ huy và bản lĩnh chiến đấu của Nguyễn Huệ, toàn bộ tập sách này đã nói đến rất nhiều, chúng tôi không nhắc lại ở đây mà chỉ nhấn mạnh thêm rằng trong quá trình chiến đấu Nguyễn Huệ đã có những đường lối đấu tranh, những tư tưởng và nghệ thuật quân sự, cũng như tinh thần và tác phong chiến đấu vô cùng tốt đẹp. Đường lối đấu tranh của Nguyễn Huệ vững vàng, kiên quyết và linh hoạt thể hiện trên nhiều mặt: vừa nêu cao chính nghĩa, triệt để cô lập kẻ thù, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, vừa kiên quyết tiến công địch bằng quân sự, đồng thời không coi nhẹ đấu tranh chính trị. Về xây dựng lực lượng vũ trang của phong trào, Nguyễn Huệ chủ trương "quân cốt tinh nhuệ, không cốt đông" trên cơ sở chiến lược "lấy ít đánh nhiều" đã trở thành một truyền thống quân sự của dân tộc. Quân của ông ít, nhưng đánh đâu được

đẩy, áp đảo quân thù không bằng số lượng mà bằng chất lượng của quân đội. Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ biểu hiện ở chỗ trước mỗi lần đánh địch, Nguyễn Huệ đều thận trọng nghiên cứu và nắm vững tình hình ta, tình hình địch, triệt để khai thác những mâu thuẫn những sơ hở trong nội bộ địch, triệt để lợi dụng những điều kiện thuận lợi của địa hình, của thời tiết, khí hậu, tận dụng những khả năng và phương tiện chiến đấu của mình, triệt để phát huy yếu tố bất ngờ và đặc biệt chú trọng phân tích yếu tố tinh thần quân đội hai bên để ấn định chiến lược, chiến thuật và tổ chức chiến dịch đánh địch. Tư tưởng quân sự chủ yếu của Nguyễn Huệ là tư tưởng đánh tiêu diệt, lấy ít đánh nhiều, chủ động đánh địch, tiến công chớp nhoáng, mãnh liệt, mỗi trận đánh là tiêu diệt hàng vạn địch, ít nhất cũng là vài vạn, nhiều nhất là vài chục vạn. Tinh thần chiến đấu của Nguyễn Huệ là tinh thần quyết chiến, quyết thắng, ngoan cường đánh địch. Không một trường hợp một khoảnh khắc nào Nguyễn Huệ chùn bước trước quân thù. Dũng cảm, mãnh liệt, mưu trí, táo bạo, linh hoạt, đó là tác phong chiến đấu của Nguyễn Huệ. Tất cả những tinh thần, tư tưởng, đường lối, nghệ thuật quân sự, tác phong chiến đấu nói trên, chính là nội dung thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Đứng trước thiên tài quân sự sáng ngời ấy của Nguyễn Huệ, các tướng lĩnh nổi tiếng của đối phương đều trở thành những tên tướng ngu và tội trong chiến đấu. Sự thất bại của các tướng lĩnh đối phương như Tống Phúc Hiệp, Đỗ Thanh Nhân, Chu Văn Tiếp của quân Nguyễn, Phạm Ngô Cầu, Hoàng Đình Thê, Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng của quân Trịnh, chiêu Tăng, chiêu Sương của quân Xiêm, Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long,

Thượng Duy Thăng của quân Thanh, v.v. đã là những bằng chứng cụ thể. Đó là chưa kể hàng loạt những tên tướng khác như Ma-nuy-en, võ quan Pháp, thiều Kiều, thiều Đế của Trấn Ninh, tả phan Siêu, hữu phan Dung của Vạn Tượng, v.v. đã phải bỏ mạng trước thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ và trước sức chiến đấu mãnh liệt của quân đội Tây Sơn. Không có sự nỗ lực rèn luyện của bản thân Nguyễn Huệ, nội dung thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ không thể phong phú như thế được. Và sự nỗ lực rèn luyện của Nguyễn Huệ không phải là điều chúng ta không thể học tập được.

- Yếu tố thứ năm tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ là sự cố gắng tu dưỡng nhân cách, đạo đức của người làm tướng của Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ là một bậc thiên tài. Nhưng tài phải đi liền với đức. Chỉ có tài mà không có đức, Nguyễn Huệ không thể trở thành lãnh tụ kiệt xuất của phong trào. Tài và đức kết hợp tạo thành những con người ưu tú của xã hội, của lịch sử. Điều đó đã là một nguyên lý đời đời không thay đổi. Cái cao quý ở con người Nguyễn Huệ chính là đạo đức của ông. Toàn bộ tập sách này, chỉ nghiên cứu về tài năng quân sự của Nguyễn Huệ, chưa có dịp nói tới đạo đức của ông. Vậy ở đây xin đề cập qua, để việc nhận định tài đức của một người làm tướng như ông khỏi bị thiếu sót. Nói đến đạo đức của Nguyễn Huệ là phải nói trước hết đến lòng trung thành tuyệt đối của Nguyễn Huệ với sự nghiệp chiến đấu của quần chúng, của dân tộc. Lòng trung thành ấy, như ở trên đã nhấn mạnh, là một điểm nổi bật nhất trong con người Nguyễn Huệ và là một yếu tố quan trọng hàng đầu tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Trung thành vô hạn với sự nghiệp chiến đấu, với phong trào, với dân tộc, với Tổ quốc, Nguyễn Huệ cũng là người dũng cảm tuyệt vời trước mọi kẻ địch.

Chính lòng dũng cảm tuyệt vời của ông đã giúp cho thiên tài quân sự của ông phát triển một cách rực rỡ. Trong suốt 20 năm trời, khi đánh quân Nguyễn, khi đánh quân Trịnh, khi đánh quân Xiêm, khi đánh quân Thanh, lúc nào Nguyễn Huệ cũng phải chiến đấu với những kẻ địch đông hơn mình, có nhiều vũ khí và phương tiện chiến đấu hơn mình. Nhưng ông không hề nao núng, bao giờ ông cũng kiên quyết đánh địch. Lần nào ông cũng dũng cảm tiến sâu vào lòng địch, đánh thẳng vào mặt địch và lần nào ông cũng chiến thắng rất nhanh chóng và huy hoàng. Đành rằng những chiến thắng ấy còn do đường lối quân sự, do chiến lược chiến thuật tài tình của ông tạo nên, nhưng trước những kẻ địch đông mạnh như vậy, nếu Nguyễn Huệ và quân đội của ông không có dũng khí cao độ, không dám đánh địch, không dám xông thẳng vào quân địch mà tiến thì chiến lược chiến thuật tài tình đến đâu cũng đành bỏ đấy, không thực hiện được.

Nguyễn Huệ không những là người dũng cảm tuyệt vời mà còn là người mưu trí rất cao. Trong chiến tranh ở thời nào cũng vậy, đánh địch không phải chỉ bằng sức mà còn phải đánh địch bằng trí nữa. Mạnh mà không có trí thì mạnh cũng thành yếu, yếu mà có trí thì yếu sẽ trở thành mạnh. Trong suốt đời chiến đấu của Nguyễn Huệ, ông luôn luôn phải đương đầu với những kẻ địch đông mạnh hơn mình gấp bội phần, nếu ông không dùng trí, không nhận định kẻ địch cho đúng, không dùng mưu làm kiêu lòng địch, không phát huy những yếu tố bất ngờ để đánh địch, thì không thể nào chiến thắng chắc chắn và nhanh chóng được. Trước mọi kẻ thù và trong mọi trận đánh, "dũng" và "trí" của ông đều đi đôi với nhau. Dũng và trí của Nguyễn Huệ và quân đội của ông quả thật đã

góp phần quyết định rất lớn vào việc đánh thắng nhanh chóng và hoàn toàn mọi kẻ thù đông mạnh hơn mình.

Trung, trí, dũng, những phẩm cách cao quý đó ở con người Nguyễn Huệ tự nó đã đem lại cho ông một lòng tin tưởng mãnh liệt của tướng sĩ và quần chúng. Lòng tin ấy là rất cần thiết cho người làm tướng. Lòng tin ấy bảo đảm quyết tâm đánh giặc của cả quân và dân. Trong chiến đấu, toàn quân và toàn dân đều tin tưởng tuyệt đối ở lãnh đạo, ở chỉ huy, ở chiến thắng, thì đánh trận nào cũng thắng, kẻ địch nào cũng phải thua. Không những phẩm cách cao quý của Nguyễn Huệ đã khiến mọi người tin tưởng ở ông, mà tự ông, trong lời nói và hành động, ông đều làm tăng thêm lòng tin tưởng của mọi người. Ông nói thế nào là ông làm thế ấy. Ông đã hứa là giữ vững lời hứa, làm đúng lời hứa.

Những lời hứa với quân sĩ ở Nghệ An rằng chỉ trong vòng mười ngày là sẽ đánh tan quân Thanh và lời hứa ở Tam Điệp với toàn quân rằng ngày mùng 7 tháng Giêng, tức ngày khai hạ, sẽ cho toàn quân vào ăn Tết tại kinh thành Thăng Long, đã là những lời hứa có tính chất quả quyết, làm nức lòng quân sĩ, làm cho quân sĩ tin tưởng mãnh liệt ở thắng lợi, nâng cao quyết tâm đánh giặc của toàn quân.

Nguyễn Huệ rất tự tin ở sức mình, làm cho quần chúng, quân cũng như dân, tin tưởng ở ông mà tự ông cũng rất tin tưởng ở quần chúng. Ông rất mạnh bạo dùng người. Cũng chính vì thế mà người ta theo về ông rất đông. Đối với những quan lại cũ của các triều Lê, Trịnh, Nguyễn, một khi đã hướng theo chính nghĩa, đi với phong trào Tây Sơn, Nguyễn Huệ đều thật tâm thu dùng. Đối với những phần tử trí thức - những nhà nho - có khả năng nhưng lừng chừng, như La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp chẳng hạn, ông kiên trì thuyết phục.

Ông tin ở chính nghĩa nhất định thu phục được lòng người. Sự thật tâm tin người, sự mạnh bạo dùng người đã tạo cho Nguyễn Huệ một khả năng thu phục lòng người, một khả năng triệt để khai thác tài năng của quảng đại nhân dân, của mọi tầng lớp xã hội để phục vụ lợi ích của phong trào nông dân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ lại là người có độ lượng, có lòng khoan nhân rất rộng rãi. Điều đó càng nâng cao thêm những khả năng nói trên của ông, càng làm cho mọi người mến phục ông, tin tưởng ông, nhiệt tình đi với phong trào do ông lãnh đạo. Trong các trận đánh, đối với những tướng địch bị bắt sống, Nguyễn Huệ đều tha tội chết. Thái độ khoan hồng ấy của Nguyễn Huệ đã có một sức lôi cuốn mạnh mẽ những kẻ lầm đường trở về với chính nghĩa.

Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng Nguyễn Huệ là người rất mực khoan nhân, rộng lượng đối với cả kẻ địch, nhưng ông lại rất nghiêm khắc đối với những kẻ nội phản, những kẻ đã đứng trong hàng ngũ phong trào nông dân mà lại phản bội lại phong trào nông dân, trong những trường hợp ấy ông không hề dung thứ. Và đó cũng là trường hợp của Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm, những tướng lĩnh Tây Sơn sau này đã phản bội lại Tây Sơn.

Ông rất thương yêu quân sĩ, nhưng ông cũng giữ kỷ luật rất nghiêm minh đối với quân sĩ. Không được tư hào của dân, không được lùi bước trước quân thù, đó là hai điều kỷ luật chủ yếu mà quân đội dưới quyền ông bao giờ cũng phải nghiêm chỉnh thi hành. Quân đội của ông đi tới đâu đều lấy việc trừ trộm cướp cho dân làm nhiệm vụ hàng đầu. Mỗi khi ra trận, trước tên đạn của quân thù, bao giờ ông cũng tiến lên phía trước toàn quân, cùng toàn quân nỗ lực

chiến đấu, đồng cam cộng khổ với toàn quân, nhưng ông không hề quên căn dặn quân sĩ không được lùi bước trước quân thù.

Ông lại là người liêm chính, không tham của cải, không tham danh vọng. Đó cũng là điều hiếm có, không chỉ hiếm có trong các tướng lĩnh phong kiến, mà hiếm có cả trong các tướng lĩnh Tây Sơn thời bấy giờ. Vũ Văn Nhậm, khi đem quân ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh, vào thành Thăng Long tối hôm trước thì sáng sớm hôm sau đã cho quân đi cướp bóc nhân dân. Nguyễn Huệ thì khác hẳn. Khi ông đem quân ra Bắc Hà đánh nhà Trịnh, vào tới Thăng Long, một mặt ông nghiêm cấm quân sĩ không được tơ hào của dân, một mặt ông đem của cải trong kho chứa Trịnh phân phát cho quân sĩ. Về danh vọng, những lãnh tụ và tướng lĩnh Tây Sơn như Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm, một khi có điều kiện thuận lợi, có quyền thế trong tay, đều mưu bá đồ vương, giành cho mình những cái gì là phú quý nhất, vinh hoa nhất, danh vọng nhất. Nhưng Nguyễn Huệ thì khác hẳn. Ông là một tướng bách thắng, đánh đâu được đấy, lúc nào cũng có quân đội trong tay, công lao lớn nhất trong các lãnh tụ và tướng lĩnh Tây Sơn, vậy mà lúc nào ông cũng chỉ nhận mình là một người tướng, nhường ngôi danh vọng cao nhất cho Nguyễn Nhạc. Ngay cả sau cuộc xung đột giữa hai anh em, Nguyễn Huệ cũng vẫn nhận mình là một người tướng của Nguyễn Nhạc, vẫn thừa nhận ngai vàng Thái đức hoàng đế của Nguyễn

Nhạc. Khi đem quân ra Bắc Hà đánh đổ nhà Trịnh, ông cũng không màng tới ngôi vua ngôi chúa của đất Bắc. Khi Lê Chiêu Thống rời bỏ Thăng Long, dắt quân chống lại Tây Sơn, Nguyễn Huệ cũng vẫn không giành lấy ngôi vua. Nguyễn Huệ đưa người tôn thất nhà Lê là Lê Duy Cẩn lên làm giám quốc. Có

nhiên là thái độ và hành động của ông đối với nhà Lê còn tùy thuộc ở đường lối chính trị của ông. Nhưng nếu ông là người tham danh vọng, ham quyền quý thì đường lối chính trị của ông có đúng đến đâu cũng không thực hiện được. Những dẫn chứng trên đây cho thấy đạo đức, tư cách của một người làm tướng như Nguyễn Huệ thật là hiếm có ở các thời đại trước. Chính những đạo đức, tư cách ấy đã giúp Nguyễn Huệ tập hợp được quần chúng, đoàn kết được tướng sĩ, đoàn kết được quân dân, động viên, lôi cuốn được mọi người quyết tâm chiến đấu, dũng cảm đánh địch. Và chính những đạo đức ấy đã giúp cho thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ thêm điều kiện để phát triển mạnh mẽ. Đạo đức của Nguyễn Huệ không phải chỉ là đạo đức cao quý của người làm tướng mà là đạo đức mẫu mực của một quân nhân. Những đạo đức cao quý mẫu mực của Nguyễn Huệ chúng ta ai cũng có thể học tập và phát huy được.

Trên đây chúng tôi đã phân tích tìm hiểu nguồn gốc xã hội và những yếu tố cơ bản tạo thành thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ. Càng phân tích càng tìm hiểu, chúng ta càng thấy thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ thật là vĩ đại, con người Nguyễn Huệ thật là cao quý. Với thiên tài quân sự ấy, với lòng trung thành với quần chúng, với dân tộc, với Tổ quốc, Nguyễn Huệ đã là một lãnh tụ kiệt xuất của nông dân, một anh hùng cứu nước vĩ đại của dân tộc, một danh tướng bách chiến bách thắng của thời đại. Nguyễn Huệ là người tiêu biểu đầy đủ cho ý chí đấu tranh dũng cảm của nông dân Việt Nam, cho tinh thần quật cường bất khuất và truyền thống quân sự ưu tú của dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Huệ đời đời sống mãi trong lòng mọi người dân Việt Nam.

Nghiên cứu sự nghiệp chiến đấu và thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ trong lúc này chính là để kế thừa sự nghiệp cứu nước vẻ vang của ông và học tập, phát huy những bài học kinh nghiệm chiến đấu vô cùng quý giá của ông vào thực tiễn chiến đấu cứu nước của chúng ta ngày nay.

Lòng trung thành với sự nghiệp của quần chúng, tinh thần quật cường bất khuất, quyết chiến quyết thắng, cùng những đường lối, tư tưởng, nghệ thuật quân sự và tác phong, dũng khí chiến đấu của Nguyễn Huệ đã được nhân dân ta tiếp tục một cách vẻ vang trong Cách mạng tháng Tám, trong kháng chiến trường kỳ chống Pháp và đang được phát huy rực rỡ trong cuộc chiến đấu quyết liệt của đồng bào cả nước hiện nay chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai của chúng.

Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn đã từng oanh liệt chiến thắng các tập đoàn phản động trong nước và các quân đội xâm lược của nước ngoài. Ngày nay, kế thừa sự nghiệp của Nguyễn Huệ, phát huy những kinh nghiệm đánh địch tài tình, phong phú của Nguyễn Huệ, chiến đấu dưới sự chỉ đạo của đường lối chính trị, đường lối quân sự vô cùng tài giỏi, đúng đắn của Đảng, chúng ta nhất định chiến thắng bọn đế quốc Mỹ xâm lược và mọi tập đoàn phản động tay sai của chúng.

Tổ tiên chúng ta đã chiến thắng, tổ tiên chúng ta đã đánh thắng mọi cuộc xâm lược ở các thời đại. Kế thừa truyền thống đó, ngày nay nhất định chúng ta cũng chiến thắng, nhất định chúng ta đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược, nhất định nước nhà độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

